

TĂNG NHẤT A-HÀM

②

TIÊU TẠNG THANH VĂN



TĂNG NHẤT A-HÀM

增壹阿含經

* *

Hán dịch:

Tam tạng Cù-đàm Tăng-già-đề-bà

三藏瞿曇僧伽提婆

Việt dịch:

Thích Đức Thắng

Hiệu chỉnh & chú thích:

Thích Tuệ Sỹ

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

MỤC LỤC

THIÊN BỐN PHÁP	11
25. Phẩm tứ đế	11
kinh số 1	11
kinh số 2	13
kinh số 3	13
kinh số 4	15
kinh số 5	17
kinh số 6	18
kinh số 7	27
kinh số 8	29
kinh số 9	30
kinh số 10	32
26. Phẩm bốn ý đoạn	35
kinh số 1	35
kinh số 2	36
kinh số 3	37
kinh số 4	37
kinh số 5	38
kinh số 6	44
kinh số 7	48
kinh số 8	54
kinh số 9	55
kinh số 10	73
27. Phẩm đẳng thú bốn đế	77
kinh số 1	77
kinh số 2	79
kinh số 3	84
kinh số 4	87
kinh số 5	88
kinh số 6	90
kinh số 7	92
kinh số 8	93

Tăng nhất A-hàm

kinh số 9	95
kinh số 10	96
28. Phẩm thanh văn	99
kinh số 1	99
kinh số 2	115
kinh số 3	116
kinh số 4	120
kinh số 5	131
kinh số 6	134
kinh số 7	137
29. Phẩm khổ lạc	140
kinh số 1	140
kinh số 2	144
kinh số 3	146
kinh số 4	148
kinh số 5	150
kinh số 6	152
kinh số 7	156
kinh số 8	158
kinh số 9	160
kinh số 10	161
30. Phẩm tu-đà	163
kinh số 1	163
kinh số 2	166
kinh số 3	169
31. Phẩm tăng thượng	198
kinh số 1	198
kinh số 2	205
kinh số 3	211
kinh số 4	212
kinh số 5	214
kinh số 6	219
kinh số 7	221
kinh số 8	223
kinh số 9	231
kinh số 10	233

kinh số 11	235
THIÊN NĂM PHÁP	239
32. Phẩm thiện tu	239
kinh số 1	239
kinh số 2	240
kinh số 3	241
kinh số 4	242
kinh số 5	253
kinh số 6	258
kinh số 7	266
kinh số 8	274
kinh số 9	275
kinh số 10	276
kinh số 11	279
kinh số 12	280
33. Phẩm năm vua	283
kinh số 1	283
kinh số 2	289
kinh số 3	307
kinh số 4	310
kinh số 5	314
kinh số 6	315
kinh số 7	316
kinh số 8	317
kinh số 9	317
kinh số 10	318
34. Phẩm đẳng kiến	322
kinh số 1	322
kinh số 2	324
kinh số 3	344
kinh số 4	346
kinh số 5	346
kinh số 6	362
kinh số 7	363
kinh số 8	364
kinh số 9	365

Tăng nhất A-hàm

kinh số 10	366
35. Phẩm tà tu	370
kinh số 1	370
kinh số 2	371
kinh số 3	372
kinh số 4	373
kinh số 5	375
kinh số 6	376
kinh số 7	377
kinh số 8	381
kinh số 9	383
kinh số 10	388
36. Phẩm thính pháp	394
kinh số 1	394
kinh số 2	394
kinh số 3	395
kinh số 4	395
kinh số 5	397
THIÊN SÁU PHÁP	427
37. Phẩm sáu trọng pháp	427
kinh số 1	427
kinh số 2	428
kinh số 3	439
kinh số 4	446
kinh số 5	447
kinh số 6	451
kinh số 7	456
kinh số 8	460
kinh số 9	463
kinh số 10	466
38. Phẩm lực	479
kinh số 1	479
kinh số 2	480
kinh số 3	481
kinh số 4	483

Mục lục

kinh số 5	486
kinh số 6	490
kinh số 7	509
kinh số 8	513
kinh số 9	514
kinh số 10	517
kinh số 11	522
kinh số 12	537

THIÊN BỐN PHÁP

[631A07] 25. PHẨM TỨ ĐẾ

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

“Nên tu tập pháp bốn đế. Những gì là bốn? Thứ nhất là khổ đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận. Thứ hai là khổ tập đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận. Thứ ba là khổ tận đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận. Thứ tư là khổ xuất yếu đế, mà nghĩa không thể tận, nghĩa không thể cùng, thuyết pháp vô tận.

“Thế nào là khổ đế? Khổ đế, là khổ bởi sanh, khổ bởi già, khổ bởi bệnh, khổ bởi chết, khổ bởi buồn lo phiền não, khổ bởi oán ghét gặp nhau, khổ bởi ân ái bị chia lìa, khổ bởi những gì cầu mà không được, nói tóm lại là khổ bởi năm thủ uẩn². Đó gọi là sự thật về khổ.

“Thế nào là khổ tập đế? Tập đế, là ái tương ưng với dục, tâm thường nhiễm đắm. Đó gọi là khổ tập đế.

“Thế nào là khổ tận đế? Tận đế, là dục ái bị diệt tận không còn tàn dư, không tái sanh khởi. Đó gọi là khổ tận đế.

¹ Tham chiếu Pāli, S. 56. 21 Vijjā (R. v. 431).

² Ngũ thanh âm 五盛陰, tức năm thủ uẩn (Pāli: *pañca-upādānakkhandha*).

“Thế nào là khổ xuất yếu đế? Khổ xuất yếu, là tám phẩm đạo Hiền Thánh. Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh hành, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh tam-muội. Đó gọi là Khổ xuất yếu đế.

“Đó gọi là, này Tỳ-kheo, có bốn đế này; là thật hữu, không hư dối, là điều mà Thế Tôn nói, cho nên gọi là đế. Trong các loài chúng sanh hai chân, bốn chân ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, hữu tướng, vô tướng, Như Lai là tối thượng, đã thành tựu bốn đế này, nên gọi là bốn đế.

“Đó gọi là, này các Tỳ-kheo, có bốn đế mà do không giác tri nên sống chết xoay vần mãi trong năm nẻo. Nay Ta do đạt được bốn đế này, từ bờ này đến bờ kia, thành tựu [631b01] nghĩa này, đoạn trừ cội gốc sinh tử, như thực biết rằng không còn tái sinh nữa.”

Bây giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Nay có pháp bốn đế,
Nếu không như thật biết,
Luân hồi trong sinh tử,
Quyết không được giải thoát.*

*Như nay có tứ đế,
Đã giác, đã hiểu rõ,
Nên đoạn gốc sinh tử,
Cũng không còn tái sinh.*

“Nếu có chúng bốn bộ nào không đạt được đế này, không giác, không tri, sẽ đọa vào năm nẻo. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn đế này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn pháp này, lợi ích nhiều cho mọi người. Những gì là bốn? Pháp thứ nhất là nên gần gũi thiện tri thức. Thứ hai là nên nghe pháp. Thứ ba là nên biết pháp. Thứ tư là nên phân minh pháp và pháp tướng.³ Đó gọi là, này Tỳ-kheo có bốn pháp này, lợi ích nhiều cho mọi người.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn pháp này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

“Nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, khi ấy có bốn pháp vị tăng hữu⁵ xuất hiện ở đời. Những gì là bốn? Các loài

³ Cf. *Tập dị* 6 (T26n1536, tr. 393a11), *Pháp uẩn* 2 (T26n1537, tr. 458b26), bốn Dự lưu chi 預流支: Thân cận thiện sỹ 親近善士, Thính văn chánh pháp 聽聞正法, Như lý tác ý 如理作意, Pháp tùy pháp hành 法隨法行. Pāli, D 33 Saṅgīti (R.iii. 227): *cattāri sotāpattiyaṅgāni—sappurisasamsevo, saddhammassa-vanam, yonisomanasikāro, dhammānudhammappaṭipatti*.

⁴ Tham chiếu Pāli, A IV 127 Adbhūtaadhammā (R.ii. 131).

⁵ Vị tăng hữu pháp. Pāli 未曾有法: *adbhūtaadhamma*.

chúng sanh này bị nhiều đắm nhiễm. Nếu khi nói pháp không đắm nhiễm, chúng cũng vâng lãnh, niệm tưởng tu hành, tâm không xa lìa. Đó là pháp vị tăng hữu thứ nhất xuất hiện ở đời, nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, có (một trong)⁶ bốn pháp vị tăng hữu này xuất hiện ở đời.

“Lại nữa, A-nan, chúng sanh này luôn luân chuyển không dừng trong năm nẻo. Giả sử Ta muốn nói pháp, chúng cũng vâng lãnh, tâm không xa lìa. Nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, có pháp vị tăng hữu thứ hai này xuất hiện ở đời.

“Lại nữa, A-nan, chúng sanh này thường ôm lòng kiêu mạn, không bỏ sự dẫn đầu bởi tâm⁷. Giả sử Ta nói pháp, chúng cũng vâng lãnh, tâm không xa [631c01] lìa. Nay A-nan, chúng sanh này thường ôm lòng kiêu mạn, không bỏ chốc lát nào. Giả sử khi Ta nói pháp, chúng cũng vâng lãnh. Đó gọi là pháp chưa từng có thứ ba xuất hiện ở đời.

“Lại nữa, A-nan, chúng sanh này bị vô minh che kín. Giả sử khi Ta nói pháp minh, chúng cũng vâng lãnh mà không quên mất. Lại nữa, nay A-nan, nếu khi Ta nói pháp minh, vô minh này, mà tâm ý chúng nhu hòa luôn thích tu hành; đó gọi là, nay A-nan, khi Như Lai xuất ở đời, có pháp vị tăng hữu thứ tư này xuất hiện ở đời.

“Nếu lúc có Như Lai đang hiện tại, khi ấy có bốn pháp vị tăng hữu này xuất hiện ở đời. Cho nên, nay A-nan, hãy phát tâm hoan hỷ hướng về Như Lai. A-nan, hãy học điều

⁶ Trong ngoặc, không có trong Hán dịch, nhưng được thêm vào cho rõ nghĩa.

⁷ 不去心首, đoạn dưới, cùng ngữ cảnh, Hán dịch 不去須臾 không rời bỏ chốc lát. Tham chiếu Pāli, dẫn trên: *mānārāmā pājā mānaratā mānasammuditā*, chúng sinh vui thú với mạn, say đắm với mạn, hoan hỷ với mạn.

này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về gánh nặng, cũng sẽ nói về người mang gánh nặng, cũng sẽ nói về nhân duyên của gánh nặng, và cũng sẽ nói về sự buông gánh nặng.⁹ Các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ. Nay Ta sẽ nói.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy như vậy. Thế Tôn bảo:

“Thế nào là gánh nặng? Đó là năm thủ uẩn. Những gì là năm? Sắc, thọ*, tưởng, hành, thức ẩm. Đó gọi là gánh nặng.

“Thế nào là người mang gánh? Người mang gánh, đó là thân người, tự gì, tên gì, sinh như vậy, thức ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy, tuổi thọ ngắn dài như vậy. Đó gọi là người mang gánh.

“Thế nào là nhân duyên của gánh nặng¹⁰? Nhân duyên của gánh nặng, đó là nhân duyên bởi ái trước câu hữu với

⁸ Tham chiếu Pāli, S.22. 22 Bhāra (R. iii. 25).

⁹ Dẫn bởi *Câu-xá* 30 (T29n1558, tr. 155a27): Trọng đảm 重擔 (Pāli: *bhāra*), hà trọng đảm 荷重擔 (Pāli: *bhārahāra*), xả trọng đảm 捨重擔 (Pāli: *bhāranikkhepana*).

¹⁰ Pāli: *bhāranidāna*.

dục, tâm không xa lìa.¹¹ Đó gọi là nhân duyên gánh.

“Thế nào là buông gánh nặng? Ái kia đã khiến bị diệt tận không còn tàn dư, đã trừ, đã nhỏ ra. Đó gọi là buông gánh nặng.

“Nhu vậy, Tỳ-kheo, nay Ta đã nói về gánh nặng, đã nói về nhân duyên của gánh nặng, đã nói về người mang gánh nặng, đã nói về buông gánh nặng. Những gì Như Lai cần làm, nay Ta đã làm xong. Hãy ở dưới gốc cây, chỗ nhàn tĩnh, ngồi ngoài trời, hằng niệm tọa thiền, chớ có buông lung.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Hãy niệm bỏ gánh nặng,
Chớ tạo gánh mới nữa.
[631c29] Gánh là bệnh thế gian,
Buông gánh, lạc đệ nhất.
Ái kết cũng đã trừ,
Phi pháp hành cũng xả;
Vĩnh viễn xả ly đây,
Không còn tái sinh nữa.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện buông xả gánh nặng. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹¹ Pāli, định cú: *yāyaṃ taṇhā ponobhavikā nandīrāgasahagatā tatratatrābhinandinī seyyathidaṃ—kāmatanhā, bhavatanhā, vibhavatanhā*, ái đương lai hữu, câu hữu với hỉ tham, mong ước ta sẽ ở đây, ta sẽ ở kia, tức là, dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại sinh. Những gì là bốn? Sinh từ trứng, sinh từ thai, sinh từ âm, sinh từ hóa.¹²

“Thế nào là sinh từ trứng? Sinh ra từ trứng, các loại như gà, chim, quạ, bồ câu, không tước, rắn, cá, kiến; thủy đều là sinh từ trứng. Đó gọi là sinh từ trứng.

“Thế nào là sinh từ thai? Người cùng súc sinh, đến loài vật hai chân. Đó gọi là sinh từ thai.

“Thế nào là sinh từ nhân duyên?¹³ Những con trùng được sinh từ trong thịt rữa, trùng trong nhà xí, trùng trong thây chết; thây đều được gọi là sinh từ nhân duyên.

“Thế nào là sinh từ hóa? Đó là các loại trời, địa ngục, ngạ quỷ, hoặc người, hoặc súc sanh. Đó gọi là sinh từ hóa.

“Đó gọi là, này Tỳ-kheo, có bốn loại sinh này. Các Tỳ-kheo lìa bỏ bốn loại sinh này, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu pháp bốn đế. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ

¹² Cf. M 12 Mahā-Sīhanādasuttaṃ (R.i. 73): *catasso yoniyo: aṇḍajā yoni, jalābujā yoni, saṃsedajā yoni, opapātikā yoni*.

¹³ Nhân duyên sinh 因緣生, tức thấp sinh kể trên. Skt. *saṃsveda* (Pāli: *saṃseda*), nghĩa đen: sự đổ mồ hôi. Loài người thấp sinh (Câu-xá 28 tr. 44a), truyền thuyết nói, thời kiếp sơ vua Māndhātara (Mạn-đà-đà) sinh ra từ một cục u (*piṭaka*) trên đầu vua Upoṣadha.

phụng hành.

KINH SỐ 6¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-kiền-liên ở Ca-lan-đa, trong vườn Trúc, thành La-duyệt.

Bây giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

“Thế gian có bốn hạng người này. Những gì là bốn? Thứ nhất, người có kết tiềm phục; bên trong có kết mà không biết như thật có.¹⁵ Hoặc người có kết tiềm phục; bên trong có kết mà biết như thật có. Hay người không có kết sử tiềm phục; bên trong không có kết mà không biết như thật là không có. Hoặc người không có kết sử tiềm phục; bên trong không kết mà biết như thật là không có.

“Các Hiền giả nên biết, hạng người thứ nhất có kết tiềm phục; bên trong có kết mà không biết; trong hai người có kết này, người này rất thấp hèn. Người thứ hai có kết tiềm phục; bên trong có kết mà biết như thật [632b01] có, người này thật là tối ưu. Người thứ ba không có kết tiềm phục; bên trong không có kết mà không biết như thật; trong hai người không có kết, người này rất là thấp hèn. Người thứ tư không có kết sử tiềm phục; bên trong không kết mà biết như thật; trong người không có kết, thì người này thật là đệ nhất.

“Các Hiền giả nên biết, thế gian có bốn hạng người này.”

¹⁴ Tham chiếu Pāli, M. 5 Anaṅgaṇasuttaṃ (R. i. 24); Hán, *Trung* 22 kinh 87 (T1n26, tr. 566a13).

¹⁵ Pāli, *ibid.*, *sāṅgaṇova* (...) *ajjhataṃ aṅgaṇan'ti yathābhūtaṃ nappajānāti*, có ô uế, nhưng không như thực biết rằng ta bên trong có ô uế.

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên hỏi Xá-lợi-phất:

“Vì lý do gì người cùng có kết tiêm phục, mà một người thì thấp hèn, một người thì tối ưu? Lại vì lý do gì, hai người không kết tiêm phục này, một người thì thấp hèn, một người thì tối ưu?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Người có kết tiêm phục, không biết như thật bên trong có kết, người kia nghĩ thầm: ‘ta đang có tướng tịnh.’ Người ấy tư duy có tướng tịnh. Lúc đang có tướng tịnh, tâm dục khởi. Khi tâm dục khởi, người ấy mạng chung với tâm tham dục, sân nhuế, ngu si. Người ấy đã không tìm cầu phương tiện diệt tâm dục này, mà mạng chung với tâm sân nhuế, ngu si.

“Mục-liên nên biết, giống như có người đến chợ mua được đồ đồng, bụi bám bám bẩn, rất là bất tịnh. Người kia không tùy thời chịu lau chùi, không tùy thời rửa sạch, đồ đồng kia càng ngày càng thêm ô bẩn, rất là bất tịnh. Người thứ nhất này cũng như vậy, cấu bẩn bám theo, bên trong có kết mà không biết như thật. Người kia nghĩ thầm: ‘Ta sẽ tư duy tướng tịnh.’¹⁶ Khi tư duy tướng tịnh, tâm dục sinh. Khi tâm dục sinh, không tìm cầu phương tiện diệt tâm dục này, người ấy mạng chung với tâm tham dục, sân nhuế, ngu si.

“Người thứ hai kia có kết tiêm phục, mà biết như thật bên trong có kết. Người ấy nghĩ: ‘Nay ta sẽ xả bỏ tướng tịnh, tư duy tướng bất tịnh.’ Người kia xả bỏ tướng tịnh, tư duy tướng bất tịnh. Khi tư duy tướng bất tịnh, tâm dục không sinh, tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì

¹⁶ Pāli: *subhanimittam manasi karissati*, nó sẽ tác ý đến dấu hiệu tịnh sạch.

Tăng nhất A-hàm

chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, thành tựu những gì chưa thành tựu, bèn không còn tham dục, sân nhuế, ngu si. Người ấy mạng chung mà không có kết.

“Giống như có người từ trong chợ mua được đồ đồng dính bám bụi bẩn. Người kia tùy thời lau chùi, tẩy rửa sạch sẽ. Người này cũng như vậy, có kết tiềm phục, mà biết như thật bên trong có kết. Người này liền bỏ tướng tịnh, tư duy tướng bất tịnh. Khi tư duy tướng bất tịnh, người ấy tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, [632b29] tác chứng những gì chưa tác chứng. Người này mạng chung với tâm không dục, không sân nhuế, không ngu si. Đây Mục-liên, đó gọi là có hai hạng người có kết tiềm phục này, một người hèn hạ, một người tối ưu.”

Mục-liên nói:

“Lại vì lý do gì khiến hai hạng người không có kết tiềm phục này, một người hèn hạ, một người lại tối ưu?”

Xá-lợi-phất nói:

“Hạng người thứ ba không có kết tiềm phục kia, mà không biết như thật bên trong không có kết. Người ấy không tự tư duy rằng: ‘Ta tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, tác chứng những gì chưa tác chứng.’ Người kia mạng chung với tâm bị trói buộc bởi dục, sân nhuế, ngu si.

“Giống như có người đến chợ mua đồ đồng không¹⁷ bị dính bụi bẩn, nhưng không tùy thời lau chùi, cũng không tùy thời tẩy rửa. Người thứ ba này cũng như vậy, không có kết tiềm phục, mà không biết như thật bên trong

¹⁷ Để bản nhảy sót. Tham chiếu Pāli, *ibid.*; *Trung* 22, dẫn trên.

không kết, cũng không học điều này: ‘Ta nên tìm cầu phương tiện diệt trừ các kết này.’ Người ấy mạng chung với tâm tham dục, sân nhuế, ngu si.

“Hạng người thứ tư không cầu hữu với kết, mà biết như thật bên trong không kết. Người kia tự tư duy tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, tác chứng những gì chưa tác chứng. Người kia mạng chung mà không có kết này.

“Giống như có người đến chợ mua được đồ đồng tốt, rất là tinh sạch, lại thêm tùy thời chăm sóc lau rửa đồ này. Bây giờ, đồ kia lại càng sạch đẹp. Người thứ tư này lại cũng như vậy, không có kết tiềm phục, biết như thật bên trong không kết. Người kia tự tư duy tìm cầu phương tiện chứng đắc những gì chưa chứng đắc, đạt được những gì chưa đạt được, tác chứng những gì chưa tác chứng. Người kia thân hoại mạng chung không có kết sử tham dục, sân nhuế, ngu si. Nay Mục-liên, đó gọi là có hai hạng người này, không có kết tiềm phục, (mà biết nó như thật bên trong không kết,)¹⁸ nhưng một người thì cao quý, một người thì hèn hạ.”

Bây giờ, Tôn giả Mục-liên hỏi Xá-lợi-phất:

“Vì sao gọi là kết¹⁹?”

Xá-lợi-phất nói:

“Mục-liên, nên biết, pháp ác bất thiện, khởi các tà kiến, đó gọi là kết.²⁰

¹⁸ Câu này nghi để bản chép dư, nên cho vào ngoặc.

¹⁹ Kết 結; đây hiểu là “bản”; *Trung* 22 nói là uế 穢. Pāli nói là *aṅgaṇa* (vết bẩn).

²⁰ Cf. *Trung* 22: “Vô lượng pháp ác bất thiện phát sinh từ dục, đó

“Hoặc lại có người nghĩ như vậy: ‘Mong Như Lai hỏi nghĩa ta trước, sau đó mới nói pháp cho các Tỳ-kheo. Chứ Như Lai không hỏi nghĩa Tỳ-kheo khác, mà nói pháp cho các Tỳ-kheo.’ Nhưng lại có lúc Thế Tôn nói với Tỳ-kheo khác mà thuyết pháp, chứ không nói với Tỳ-kheo kia. (Người ấy bèn nghĩ)²¹ [633a01] ‘Như Lai thuyết pháp. Nhưng Như Lai không nói với ta mà lại thuyết pháp cho các Tỳ-kheo.’ Do vậy, hoặc có bất thiện, hoặc có tham dục. Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.²²

“Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Mong khi vào thôn khát thực ta thường đi phía trước các Tỳ-kheo. Chớ để Tỳ-kheo khác đi phía trước các Tỳ-kheo khi vào thôn khát thực.’ Nhưng có lúc Tỳ-kheo khác đi phía trước khi vào thôn khát thực, không để Tỳ-kheo kia đi phía trước các Tỳ-kheo khi vào thôn khát thực. (Tỳ-kheo ấy bèn nghĩ:)* ‘Ta không đi phía trước Tỳ-kheo khi vào thôn khát thực.’ Đã có bất thiện, lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

“Mục-liên, nên biết, hoặc có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Mong ta ngồi phía trước Tỳ-kheo, nhận nước trước, được thức ăn trước; chớ để Tỳ-kheo khác ngồi trước Tỳ-kheo, nhận nước trước, được thức ăn trước.’ Nhưng lại

gọi là uế.” Pāli: *pāpakānaṃ akusalānaṃ icchāvacarānaṃ adhvāvacanaṃ yadidaṃ aṅgaṇaṃ* ‘ti, ác, bất thiện, cảnh giới của dục, là những từ đồng nghĩa của cấu bẩn.

²¹ Trong ngoặc, không có trong Hán dịch, nhưng được thêm vào cho rõ nghĩa.

²² Cf. *Trung 22*, ibid.: “Vị ấy liền sinh ác tâm. Khi tâm sinh ác và tâm sinh dục, thấy đều bất thiện.” Cf. Pali, ibid., *so kupito hoti appatīto. kopo yo ca appaccayo— ubhayametam aṅgaṇaṃ*, vị ấy phân nộ và bất mãn. Phân nộ và bất mãn, cả hai đều ô uế.

có Tỳ-kheo khác ngồi phía trước Tỳ-kheo, nhận nước trước, được thức ăn trước, không để Tỳ-kheo kia ngồi trước các Tỳ-kheo, nhận nước trước, được thức ăn trước. (Tỳ-kheo ấy bèn nghĩ:)* ‘Ta không ngồi phía trước Tỳ-kheo; không nhận nước trước, không được thức ăn trước.’ Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

“Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Mong khi ăn xong, ta nói pháp cho đàn việt. Chớ để Tỳ-kheo khác nói pháp cho đàn việt sau khi ăn xong.’ Nhưng có lúc Tỳ-kheo khác nói pháp cho đàn việt sau khi ăn xong, chứ không để cho Tỳ-kheo kia nói pháp cho đàn việt sau khi ăn xong. (Tỳ-kheo ấy bèn nghĩ:)* ‘Ta không được thuyết pháp cho đàn việt sau khi ăn xong.’ Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

“Hoặc lại có lúc, Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Mong ta đến nói pháp cho gia chủ, bà-la-môn ở trong vườn.’²³ Chớ để cho Tỳ-kheo khác đến nói pháp cho gia chủ, bà-la-môn ở trong vườn.’ Nhưng có lúc Tỳ-kheo khác đến trong vườn nói pháp cho gia chủ, bà-la-môn, không để Tỳ-kheo ấy đến trong vườn nói pháp cho gia chủ, bà-la-môn. (Tỳ-kheo ấy bèn nghĩ:)* ‘Ta không đến trong vườn nói pháp cho gia chủ, bà-la-môn.’ Đã có bất thiện, lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

“Hoặc có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Nay ta phạm giới. Cầu mong các Tỳ-kheo không biết ta phạm giới.’ Nhưng lại có lúc Tỳ-kheo kia phạm giới, mà các Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo này phạm giới. Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều [633b01] bất thiện.

“Hoặc có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Nay ta phạm giới.

²³ Viên 園, tức trong Tăng già lam, hay Tăng viện. Pāli: *ārāma*.

Chớ để Tỳ-kheo khác nói rằng ta phạm giới.’ Nhưng lại có lúc, Tỳ-kheo ấy phạm giới, Tỳ-kheo khác nói Tỳ-kheo ấy phạm giới. (Tỳ-kheo ấy nghĩ rằng:)* ‘Các Tỳ-kheo khác nói ta phạm giới.’ Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

“Hoặc lại có lúc Tỳ-kheo kia nghĩ như vậy: ‘Nay ta phạm giới. Mong Tỳ-kheo thanh tịnh nói với ta; không để Tỳ-kheo không thanh tịnh nói với ta.’²⁴ Nhưng lại có lúc Tỳ-kheo không thanh tịnh nói Tỳ-kheo kia rằng Tỳ-kheo kia phạm giới. Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

“Hoặc có lúc Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Nay ta phạm giới, nếu có Tỳ-kheo nào nói với ta, nên ở nơi khuất kín, không ở giữa đại chúng.’ Nhưng lại có lúc, Tỳ-kheo kia phạm giới, bị nói tội ở giữa đại chúng, không ở nơi khuất kín. Đã có bất thiện lại có tham dục, cả hai đều bất thiện.

“Mục-liên, nên biết, gốc của các pháp này khởi dậy các hành vi này, gọi là kết sử.

“Mục-liên, lại nên biết, những ai trong chúng bốn bộ mà phạm các hành vi, mọi người đều nghe, đều biết phạm, tuy người đó có nói rằng tôi hành a-lan-nhã, sống ở nơi nhàn tĩnh, và ngay dù có khoác y năm mảnh, thường hành khát thực không lựa giàu nghèo, đi không thô tháo, qua lại, đi đứng, nằm ngồi, động tịnh, nói năng, im lặng. Nhưng Tỳ-kheo ấy lại nghĩ như vậy: ‘Mong Tỳ-kheo,

²⁴ Hán dịch có sự nhầm lẫn. Tỳ-kheo không thanh tịnh không được nói tội Tỳ-kheo khác. Cf. Vin.i. 170. Tham chiếu, *Trung* 22: “Ta phạm giới, mong người hơn ta chỉ tội, chứ không phải người không bằng ta chỉ tội.” Pāli: *sappatipuggalo maṃ codeyya, no appatipuggalo ’ti*.

Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các vị phạm hạnh luôn đến cung kính cúng dường ta.’ Tỳ-kheo ấy tuy có nghĩ vậy, song cũng không được chúng bốn bộ tùy thời cung kính cúng dường. Vì sao? Vì Tỳ-kheo kia có ác, bất thiện hành chưa được trừ, mà mọi người đều thấy, đều nghe, đều niệm, đều biết. Giống như người có đồ đồng thật sạch sẽ; lại đựng đầy đồ bất tịnh trong bình đồng, rồi dùng đồ khác phủ lên rồi mang đi vào quốc giới. Mọi người thấy hỏi người kia rằng: ‘Anh mang vật gì vậy? Chúng tôi muốn được thấy qua.’ Khi ấy mọi người vốn đã đói kém, kêu lên rằng: ‘Ồ! Đây là đồ ăn thức uống ngon.’ Rồi họ mở nắp đầy ra, mọi người đều trông thấy đồ bất tịnh. Ở đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Tuy có hành a-lan-nhã, tùy thời khát thực, mặc y năm mảnh, chánh thân chánh ý, buộc niệm ở trước. Người ấy tuy có ý nghĩ này: ‘Mong sao các vị phạm hạnh tùy thời đến cung kính cúng dường.’ Nhưng [633c01] các vị phạm hạnh lại không tùy thời cung kính cúng dường. Vì sao? Vì Tỳ-kheo kia có pháp ác, bất thiện, kết sử, mà chưa diệt tận.

“Mục-liên, nên biết, những Tỳ-kheo nào không có pháp ác, bất thiện; kết sử đã diệt tận, mà mọi người đều thấy, đều nghe, đều niệm, đều biết; vị ấy dù sống bên thành ấp cũng vẫn là người trì pháp. Hoặc được người thỉnh mời, hoặc nhận được sự cúng dường của các gia chủ. Nhưng Tỳ-kheo ấy không có tướng tham dục này. Khi ấy chúng bốn bộ và các đồng phạm hạnh đều đến cúng dường. Vì sao? Vì hành vi của Tỳ-kheo kia thanh tịnh, mà mọi người đều thấy, đều nghe, đều niệm, đều biết.

“Giống như người có bình đồng tốt, đựng đầy đồ ăn thức uống, mùi vị rất thơm, lại lấy nắp đầy lên, rồi mang đi vào quốc giới. Mọi người thấy, hỏi người kia rằng: ‘Đây

là vật gì? Chúng tôi muốn được xem qua.’ Rồi sau đó mở ra xem, thấy đồ ăn thức uống, cùng lấy ăn. Ở đây cũng như vậy, Tỳ-kheo được thấy, được nghe, được niệm, được biết, tuy đi ở bên thành ấp nhận sự cúng dường của gia chủ, nhưng không nghĩ: ‘Mong sao các đồng phạm hạnh đến cúng dường.’ Tuy vậy, các đồng phạm hạnh đều đến cung kính cúng dường. Vì sao? Vì Tỳ-kheo kia có ác bất thiện hành đã được tận trừ. Cho nên, Mục-liên do các hành này, nên gọi là kết sử.”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên khen:

“Lành thay, lành thay, Xá-lợi-phất! Sự việc như vậy. Xưa kia tôi trú tại Ca-lan-đà, trong Trúc lâm, thành La-duyet này; đến giờ, tôi khoác y ôm bát vào thành La-duyet khát thực, đến nhà thợ làm xe kia, đứng im lặng ở ngoài cửa. Lúc ấy, người thợ kia tay cầm búa đẽo gỗ. Bấy giờ lại có người thợ già, có chút việc đến nhà người thợ này. Khi người thợ kia đang sửa bản gỗ thì người thợ già này nảy sinh ý nghĩ: ‘Người thợ trẻ đẽo gỗ này như ý ta chăng?’ Nay ta phải xem qua. Lúc ấy, những chỗ không vừa ý người thợ kia đã được người thợ này đẽo hết. Người thợ già kia rất lấy làm hoan hỷ, nghĩ rằng: ‘Hay thay, hay thay! Bạn đẽo gỗ thật là vừa ý ta.’ Ở đây cũng như vậy, các Tỳ-kheo mà tâm không nhu hòa, bỏ hạnh sa-môn, ôm lòng gian ngụy, không theo pháp sa-môn, tánh hạnh thô tháo, không biết tầm quý, mặt trời chịu nhục mà làm hành vi thấp hèn, không có dũng mãnh, hoặc hay quên lãng nhiều, không nhớ những gì đã làm, tâm ý không định, hành động [634a01] nhầm lẫn, các căn không định; nhưng vị ấy nay được Tôn giả Xá-lợi-phất quán sát tánh hạnh mà sửa chữa.

“Có nhiều vị thiện gia nam tử, do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, rất cung kính giới, không bỏ pháp sa-môn

Hiền Thánh, không có huyễn ngụy, không hành thô tháo, tâm ý nhu hòa, nói luôn nở nụ cười, không tổn thương ý người, tâm thường nhất định, không có thị phi, các căn không loạn; những vị ấy nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong, liền tự vâng lãnh, cũng không để quên sót.

“Giống như, hoặc có người nam hay người nữ nào xinh đẹp vô song, tự tắm gội, mặc y phục mới, dùng hương thoa người. Lại có người đem hoa ưu-bát đến tặng cho. Người kia được hoa, liền đội lên đầu, vui mừng hơn hờ không tự chế được. Ở đây cũng lại như vậy, nếu có vị thiện gia nam tử nào, do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, đối với giới cung kính, không để mất pháp sa-môn, không có huyễn ngụy, không hành thô tháo, tâm ý nhu hòa, nói luôn nở nụ cười, không tổn thương ý người, tâm thường nhất định, không có thị phi, các căn không loạn. Người ấy nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói những lời này rồi, lòng thật vui mừng không tự chế được, mà vâng lãnh lời dạy này. Như vậy, Ngài nói giáo pháp này cho các vị thiện gia nam tử.”

Các Hiền giả mỗi người sau khi nghe những gì đã được nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại trái này.²⁵ Những gì là bốn? Hoặc có trái

²⁵ Cf. A IV 105 Ambasuttam (R.ii. 106): Có bốn loại xoài (*amba*:

sống mà tựa chín, hoặc có trái chín mà tựa sống, hoặc có trái chín mà tựa chín, hoặc có trái sống mà tựa sống. Đó là, này Tỳ-kheo, thế gian có bốn loại trái này. Cũng lại như vậy, thế gian có bốn hạng người này. Thế nào là bốn? Hoặc có người sống mà giống chín, hoặc có người chín mà giống sống, hoặc có người chín mà giống chín, hoặc có người sống mà giống sống.

“Thế nào là người sống mà giống chín? Hoặc có người qua lại, đi bước không hành thô tháo. Mắt nhìn ngó phải thuận theo pháp giáo. Khoác y, mang bát cũng lại theo pháp. Bước đi, nhìn xuống đất, không liếc nhìn hai bên. Nhưng lại phạm giới, không theo chánh hạnh; thật chẳng phải sa-môn mà giống sa-môn; không hành phạm hạnh mà tự nói hành phạm hạnh; bại hoại Chánh pháp; là loại mà rễ đã mục. Người này [634b01] gọi là sống mà giống chín.²⁶

“Thế nào là người chín mà giống sống? Hoặc có Tỳ-kheo tánh hạnh có vẻ què mùa, nhìn ngó không ngay, cũng không đi đúng theo pháp, hay liếc ngó hai bên. Nhưng lại tinh tấn nghe nhiều, tu hành pháp thiện, thường giữ giới luật, không mất oai nghi, thấy điều phi pháp tí ti liền ôm lòng sợ hãi. Người này gọi là chín mà giống sống.

“Thế nào là người sống mà giống sống? Hoặc có Tỳ-kheo không giữ giới cấm, không biết lễ tiết bước đi, cũng lại không biết ra vào đi lại, cũng lại không biết khoác y, mang bát, các căn thác loạn, tâm đắm trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Người ấy phạm giới cấm, không

am-ma-lặc).

²⁶ Pāli, ibid. “Hạng người tới lui, cúi ngược, co duỗi, v.v., thấy đều đoạn chánh, nhưng không như thực biết đây là khổ, đây là tập, v.v. : Trái sống mà có màu sắc như trái chín.”

hành Chánh pháp, không là Sa-môn mà giống Sa-môn, không hành phạm hạnh mà giống phạm hạnh; là người mà rễ đã mục không thể cứu chữa. Người này gọi là sống mà giống sống.

“Thế nào là người chín mà giống chín? Hoặc có Tỳ-kheo giữ gìn giới cấm, ra vào, đi bước, không mất thời tiết, nhìn ngó không mất oai nghi, lại rất tinh tấn tu hành pháp thiện, mọi oai nghi lễ tiết đều thành tựu, thấy điều phi pháp tí ti liền ôm lòng sợ hãi huống chi là to lớn. Người này gọi là chín mà giống chín.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian có (bốn) hạng người như bốn loại trái này. Hãy học người quả chín. Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hôm nay, không trung có gió lốc xoáy. Nếu như có con chim nào lại bay đến đó, như ô thước, hồng hộc, gập gió này thì đầu, nảo, lông cánh, mỗi thứ mỗi nơi. Ở đây, một Tỳ-kheo cũng lại như vậy, bỏ giới cấm rồi sống đời bạch y. Khi ấy, sáu vật tùy thân như ba y, bình bát, ống đựng kim, v.v., thuộc mỗi thứ ở mỗi nơi, giống như gió lốc xoáy thổi chết chim kia. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành phạm hạnh. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo nên biết, có bốn loại chim này. Những gì là bốn? Hoặc có chim tiếng hót hay mà hình thì xấu. Hoặc có chim hình [634c01] đẹp, mà tiếng hót thì dở. Hoặc có chim tiếng hót dở mà hình cũng xấu. Hoặc có chim hình đẹp, tiếng hót cũng hay.

“Thế nào là chim có tiếng hót hay mà hình thì xấu? Đó là chim câu-sí-la.²⁷ Chim này tiếng hay mà hình thì xấu.

“Thế nào là chim hình đẹp mà tiếng hót dở? Đó là chim chí.²⁸ Chim này có hình đẹp mà tiếng hót dở.

“Thế nào là chim có tiếng hót dở mà hình thì xấu? Đó là chim cú. Chim này có tiếng hót dở hình cũng xấu.

“Lại có chim gì tiếng hót hay hình cũng đẹp? Đó là chim công. Chim này có tiếng hót hay hình cũng đẹp.

“Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn loại chim này, mà mọi người đều biết. Ở đây cũng vậy, thế gian cũng có bốn hạng người như chim, mà mọi người đều biết.

²⁷ Câu-sí-la 拘翅羅. Chưa rõ chim gì. Skt. (Pāli): kokila, chim cuốc.

²⁸ Chí diều 鷺鳥; một loại diều hâu, chim dữ.

“Những gì là bốn? Ở đây, hoặc có Tỳ-kheo nhan sắc đoan chánh, ra vào đi lại, khoác y mang bát, cạo đuôi, cúi ngược, oai nghi thành tựu, nhưng lại không thể đọc tụng được những pháp mà khoảng đầu thiện, giữa thiện, cuối thiện; không thể vâng lãnh giáo pháp, cũng lại không thể khéo đọc tụng. Đó là người này có hình đẹp mà tiếng không hay.

“Lại có những người nào mà tiếng hay nhưng hình xấu? Hoặc có Tỳ-kheo, ra vào, đi lại, cạo đuôi, cúi ngược, khoác y mang bát, mà không thành tựu oai nghi; nhưng hằng thích nói rộng. Người ấy lại siêng năng trì giới, nghe pháp, có khả năng biết những điều học, nghe nhiều những pháp mà khoảng đầu thiện, giữa thiện, cuối thiện, nghĩa lý sâu xa, tu phạm hạnh đầy đủ. Hơn nữa, đối pháp kia, khéo thọ trì, khéo đọc tụng. Người này gọi là có tiếng hay mà hình xấu.

“Lại có những người nào có tiếng dở mà hình cũng xấu? Hoặc có người phạm giới, không siêng năng, không nghe nhiều, những gì đã nghe liền quên. Cần phải đầy đủ phạm hạnh ở trong pháp này, nhưng người không vâng lãnh. Người này gọi là tiếng dở mà hình cũng xấu.

“Lại có những người nào có tiếng hay, hình cũng đẹp? Hoặc có Tỳ-kheo tướng mạo đoan chánh, ra vào, đi lại, khoác y, mang bát, không nhìn ngó hai bên; rồi lại siêng năng tu hành thiện pháp, giới luật đầy đủ, thấy điều phi pháp nhỏ còn luôn ôm lòng sợ hãi huống nữa là lớn, cũng lại nghe nhiều, ghi nhận không quên; lại tu hành tốt đẹp những pháp mà khoảng đầu thiện, giữa thiện, cuối thiện. Người ấy khéo thọ trì, đọc tụng pháp như vậy. Pháp như vậy khéo đọc tụng. Người này gọi là tiếng hay thân cũng đẹp.

“Đó gọi là thế gian có bốn hạng người này ở đời, mà mọi người đều biết. Cho nên, [635a01] này các Tỳ-kheo, hãy học tiếng hay, hình cũng đẹp. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại mây.²⁹ Những gì là bốn? Hoặc có mây, sấm mà không mưa. Hoặc có mây, mưa mà không sấm. Hoặc có mây, vừa mưa vừa sấm. Hoặc có mây cũng không mưa cũng không sấm. Đó gọi là bốn loại mây.

“Thế gian có bốn hạng người giống như mây. Những gì là bốn hạng người? Hoặc có Tỳ-kheo sấm mà không mưa. Hoặc có Tỳ-kheo mưa mà không sấm. Hoặc có Tỳ-kheo cũng không mưa cũng không sấm. Hoặc có Tỳ-kheo cũng mưa cũng sấm.

“Thế nào là Tỳ-kheo sấm mà không mưa? Hoặc có Tỳ-kheo lớn tiếng tập tụng Khế kinh, Kỳ dā, Thọ quyết, Kê, Bốn mặt, Nhân duyên, Dĩ thuyết, Sanh kinh, Tụng, Phương đẳng, Vị tăng hữu pháp, Thí dụ; những pháp như vậy khéo đọc tụng, không mất nghĩa nó, nhưng không rộng nói pháp cho người khác. Người này gọi là sấm mà

²⁹ Cf. A IV 102 Dutiyavalāhakasuttaṃ (R.ii. 103).

không mưa.³⁰

“Thế nào là Tỳ-kheo mưa mà không sấm? Hoặc có Tỳ-kheo có tướng mạo đoan chánh, oai nghi ra vào, đi lại, tới dừng đều biết tất cả, tu tất cả pháp thiện không mấy may để mất; song không nghe nhiều, cũng không lớn tiếng đọc tụng, lại không tu hành Khế kinh, Kỳ dạ, Thọ quyết, Kệ, Bốn mặt, Nhân duyên, Thí dụ, Sanh kinh, Phương đẳng, Vị tăng hữu pháp, song theo người khác vâng lãnh cũng không quên mất, thích cùng theo với thiện tri thức. Nhưng cũng thích nói pháp cho người khác. Người này gọi là mưa mà không sấm.³¹

“Thế nào là Tỳ-kheo cũng không mưa cũng lại không sấm? Hoặc có người tướng mạo không đoan chánh, oai nghi ra vào, đi lại, tiến dừng tất cả đều thiếu sót, không tu các pháp thiện, mà lại không nghe nhiều, cũng không lớn tiếng đọc tụng, lại không tu hành Khế kinh cho đến Phương đẳng, cũng lại không vì người khác nói pháp. Người này gọi là cũng không mưa cũng không sấm.

“Thế nào là Tỳ-kheo cũng mưa cũng sấm? Hoặc có người tướng mạo đoan chánh, oai nghi ra vào, đi lại, tiến dừng biết rõ tất cả, ưa thích học vấn, những gì đã nhận không quên, cũng thích nói pháp cho người khác. Khuyến khích người khác khiến họ vâng lãnh. Người này gọi là cũng sấm cũng mưa.

“Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian có bốn hạng người này. Cho

³⁰ Pāli, *ibid.* “Thông suốt Khế kinh (*sutta*), Ứng tụng (*geyya*), v.v., nhưng không như thực biết đây là khổ, đây là tập, v.v.: Sấm mà không mưa.”

³¹ Pāli, *ibid.*, “Không thông suốt Khế kinh, Ứng tụng, v.v., nhưng như thực biết đây là khổ, đây là tập, v.v.: Mưa mà không sấm.”

Tăng nhất A-hàm

[635b01] nên, Tỳ-kheo hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Đế, nhiều ích, A-nan,
Gánh nặng, bốn sanh, kết;
Bốn quả, gió lốc xoáy,
Bốn chìm, sấm sau cùng.³²*

³² Bản Hán, hết quyển 17.

[635b11] 26. PHẨM BỐN Ý ĐOẠN

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Giống như núi sông, vách đá, trăm cỏ, ngũ cốc, đều nương trên đất mà được tăng trưởng lớn mạnh. Vì vậy, đất này là tối tôn tối thượng. Ở đây cũng vậy, các pháp đạo phẩm thiện, trụ trên đất không phóng dật, khiến các pháp thiện được tăng trưởng lớn mạnh. Tỳ-kheo không phóng dật tu bốn chánh đoạn,¹ tu tập nhiều bốn chánh đoạn. Những gì là bốn? Ở đây, Tỳ-kheo, pháp tỳ ác chưa sanh, tìm cầu phương tiện khiến không cho sanh, tâm không rời xa, hằng muốn khiến nó không sanh². Pháp tỳ ác đã sanh, tìm cầu phương tiện khiến diệt³, tâm không xa lìa, hằng muốn khiến diệt. Pháp thiện chưa sanh, tìm cầu phương tiện khiến sanh. Pháp thiện đã sanh, tìm cầu phương tiện khiến tăng nhiều, không để thoái thất, tu hành đầy đủ, tâm ý không quên.

“Tỳ-kheo, tu bốn chánh đoạn như vậy. Cho nên, này các

¹ Tứ ý đoạn 四意斷. Cf. *Tập dị* 6 (T26n1536, tr. 391c06): tứ chánh đoạn giả 四正斷者. *Pháp uẩn* 3 (T26n1537, tr. 467c24): tứ chánh thắng 四正勝. *Đại trí độ* 19 (T25n1509, tr. 197b20): tứ chánh cần 四正勤. Pāli, D. 33 Saṅgīti (R. iii. 221): *cattāro sammappadhānā*. Skt. *samyak-prahāṇa/samyak-pradhāṇa*.

² Nguyên Hán: Linh diệt. Có sự nhầm lẫn. Nên sửa lại, vì đây đối với pháp chưa sanh.

³ Nguyên Hán: Linh bất sanh. Có sự chép nhầm. Nên sửa lại.

Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu bốn chánh đoạn. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy: .

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo nên biết, có nhiều Túc tán quốc vương⁴ và các đại vương cùng đến phụ cận Chuyển luân Thánh vương. Đối với họ, Chuyển luân Thánh vương là tối tôn tối thượng. Ở đây cũng vậy, trong các thiện của ba mươi bảy pháp đạo phẩm, pháp không phóng dật là tối đệ nhất. Không phóng dật, Tỳ-kheo tu bốn chánh đoạn, tu nhiều bốn chánh đoạn? Ở đây, Tỳ-kheo, pháp tỳ ác chưa sanh, tìm cầu [635c01] phương tiện khiến không cho sanh, tâm không rời xa, hằng muốn khiến nó không sanh*. Pháp tỳ ác đã sanh, tìm cầu phương tiện khiến diệt*, tâm không xa lìa, hằng muốn khiến diệt. Pháp thiện chưa sanh, tìm cầu phương tiện khiến sanh. Pháp thiện đã sanh, tìm cầu phương tiện khiến tăng nhiều, không để thoái thất, tu hành đầy đủ, tâm ý không quên. Như vậy, các Tỳ-kheo tu bốn chánh đoạn như vậy. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁴ Túc tán quốc vương 粟散國王. Chỉ các Tiểu vương, chư hầu.

Skt. *koṭa-rāja*, lãnh chúa tại một địa phương (Skt. *pradeśa-rāja*), không thấy từ Pāli tương đương.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong những ánh sáng tinh tú, ánh sáng mặt trăng là tối thượng đệ nhất. Ở đây cũng như vậy, trong những công đức thiện của ba mươi bảy pháp đạo phẩm, hành không phóng dật là đệ nhất tối tôn tối quý. Không phóng dật, Tỳ-kheo tu bốn chánh đoạn, tu nhiều bốn chánh đoạn. Ở đây, Tỳ-kheo, pháp tỳ ác chưa sanh, tìm cầu phương tiện khiến không cho sanh, tâm không rời xa, hằng muốn khiến nó không sanh*. Pháp tỳ ác đã sanh, tìm cầu phương tiện khiến diệt*, tâm không xa lìa, hằng muốn khiến diệt. Pháp thiện chưa sanh, tìm cầu phương tiện khiến sanh. Pháp thiện đã sanh, tìm cầu phương tiện khiến tăng nhiều, không để thoái thất, tu hành đầy đủ, tâm ý không quên. Như vậy, các Tỳ-kheo tu bốn chánh đoạn như vậy. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong các loại hoa như hoa chiêm bặc,⁵ hoa tu-ma-na⁶

⁵ Chiêm-bặc 瞻蔔. Skt (Pāli). *campaka*, một loại hoa vàng, hoàng

trên chư thiên giữa loài người, hoa bà-su⁷ là tối đệ nhất. Ở đây cũng lại như vậy, trong những công đức thiện của ba mươi bảy pháp đạo phẩm, hành không phóng dật là đệ nhất tối tôn tối quý. Không phóng dật, Tỳ-kheo tu bốn chánh đoạn, tu nhiều bốn chánh đoạn? Ở đây, Tỳ-kheo, pháp tỳ ác chưa sanh, tìm cầu phương tiện khiến không cho sanh, tâm không rời xa, hằng muốn khiến nó không sanh*. Pháp tỳ ác đã sanh, tìm cầu phương tiện khiến diệt*, tâm không xa lìa, hằng muốn khiến diệt. Pháp [636a01] thiện chưa sanh, tìm cầu phương tiện khiến sanh. Pháp thiện đã sanh, tìm cầu phương tiện khiến tăng nhiều, không để thoái thất, tu hành đầy đủ, tâm ý không quên. Như vậy, các Tỳ-kheo tu bốn chánh đoạn như vậy. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc thắng xe lông chim báu ra khỏi thành Xá-vệ đến tinh xá Kỳ-hoàn muốn hầu Thế Tôn. Theo pháp thường, các vua có năm thứ nghi trượng. Vua bỏ hết sang một bên, đến trước Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế

hoa, kim sắc hoa.

⁶ Tu-ma-na 須摩那. Skt. (Pāli) *sumanas* (*sumanā*): Tổ hương, hảo ý hương.

⁷ Bà-su 婆師. Skt. *vārṣika* (Pāli: *vassika*), hạ gian hoa, hạ sinh hoa, một hoa nở mùa hè.

⁸ Pāli, S 3. 21 *Puggalasutta* (R.i. 93). Hán, No 127 Tứ nhân kinh.

Tôn bảo vua:

“Đại vương nên biết, thế gian có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Những gì là bốn? Hoặc có người trước tối sau sáng. Hoặc có người trước sáng sau tối. Hoặc có người trước tối sau tối. Hoặc có người trước sáng sau sáng.”⁹

“Thế nào là người trước tối sau sáng? Ở đây, hoặc có người sinh vào nhà ti tiện, như dòng Chiên-đà-la, dòng hàng thịt,¹⁰ dòng thợ thuyền, hoặc sinh nhà dân dật, hoặc không mắt, hoặc không chân tay, hoặc thường gót chân trần,¹¹ hoặc các căn thác loạn. Nhưng thân, miệng hành pháp thiện, ý nghĩ pháp thiện. Người này gặp sa-môn, bà-la-môn, các bậc gia chủ, thường niệm lễ bái, không mất thời tiết, đứng dậy nghinh đón, đứng dậy tiễn đưa, trước cười sau nói, tùy thời cung cấp. Hoặc có lúc, gặp người ăn xin, hay sa-môn, bà-la-môn, người đi đường, người nghèo thiếu, nếu có tiền của thì đem giúp cho họ. Nếu không có của cải, người đó đến nhà gia chủ cầu xin giúp đỡ cho. Hoặc gặp người khác giúp đỡ liền sinh lòng hoan hỷ hơn hờ khôn xiết. Người thân hành pháp thiện, miệng tu pháp thiện, ý nghĩ pháp thiện, thân hoại mạng chung sẽ sinh cõi thiện, trên trời. Giống như có người từ đất lên giường, từ giường lên ngựa, từ ngựa cỡi voi, từ voi vào giảng đường. Do vậy, nay Ta nói, người này trước tối sau

⁹ Pāli, *ibid.*, *tamotamaparāyano*, *tamojotiparāyano*, *jotitamaparāyano*, *jotijotiparāyano*, từ bóng tối đi đến bóng tối, từ bóng tối đi đến ánh sáng, từ ánh sáng đi đến bóng tối, từ sáng đi đến sáng.

¹⁰ Đạm nhân 噉人, nghĩa đen, “ăn thịt người (?)” Có lẽ chỉ người bán thịt. No 127: Khôi khoái gia 魁膾家.

¹¹ Hán: *Lõa tiên* 裸跣, chỉ mình trần không y phục. *Đại bát-niết-bàn* 28 T12 tr. 535a12: “Thấy người gót trần thì cho y phục.”

sáng. Đại vương, như vậy, người này gọi là trước tối sau sáng.

“Thế nào là người trước sáng sau tối? Ở đây, hoặc có người sinh vào gia tộc lớn, hoặc dòng sát-lợi, dòng gia chủ,¹² dòng bà-la-môn, [636b01] nhiều cửa, nhiều báu vật vàng bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, thủy tinh, lưu ly, tôi tở, nô tì không thể kể hết; voi, ngựa, heo, dê, tất cả đầy đủ. Tướng mạo người này xinh đẹp như màu hoa đào, nhưng người này lại thường ôm lòng tà kiến, tương ưng với biên kiến, có kiến chấp như vậy: ‘Không có bố thí, không có thọ nhận, không có vật cúng thí cho tiền nhân,¹³ cũng không có quả báo thiện ác, cũng không có đời này đời sau, cũng không có người đắc đạo, đời không A-la-hán đáng thờ kính, đời này đời sau có thể tác chứng.’¹⁴ Nếu gặp sa-môn, bà-la-môn, họ liền nổi sân hận, không lòng cung kính. Nếu thấy người khác bố thí, lòng họ không vui vẻ; những tạo tác của thân, miệng, ý không quân bình.¹⁵ Do tạo các hành vi phi pháp, người này thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Giống như có người từ giảng đường xuống voi, từ voi xuống ngựa, từ ngựa xuống giường, từ giường xuống đất. Vì thế, nên Ta nói người này, như vậy Đại vương, người này gọi là trước sáng sau tối.

¹² Trưởng giả chủng 長者種, đây chỉ đẳng cấp thứ ba, phê-xá hay cư sĩ.

¹³ Hán diễn ý thay vì dịch từ tương đương Pāli: *huta*: Phẩm vật hiến tế; xem D. i. 55, thuyết đoạn diệt (*uccheda*) của Ajitakesakambala.

¹⁴ Thuyết của Ajitakesakambala, D. 2 Samaññaphala (R.i. 55), cũng chỉ chung tà kiến.

¹⁵ Hán: Bất bình quân 不平均; đoạn dưới: Bất bình đẳng 不平等. Nên hiểu không chân chánh.

“Thế nào là người từ tối đến tối? Có người sinh nhà tiện, hoặc nhà Chiên-đà-la, hoặc nhà hàng thịt, hoặc nhà cùng cực thấp hèn. Người này đã sinh vào đây, có khi các căn ấy không đủ, tướng mạo xấu xí, mà người này lại thường ô nhiễm kiến, có kiến chấp như vậy: ‘Không có đời này, đời sau, không sa-môn, bà-la-môn, cũng không người đấng đạo, cũng không A-la-hán đáng thờ kính, cũng không đời này đời sau có tác chứng.’ Nếu gặp sa-môn, bà-la-môn, họ liền nổi sân hận, không lòng cung kính. Nếu thấy người đến bố thí, lòng không vui vẻ, những tác hành của thân, miệng, ý không bình đẳng, phỉ báng thánh nhân, hủy nhục Tam tôn¹⁶. Người đó đã không giúp tự mình bố thí, thấy người khác bố thí, lòng rất sân hận. Vì đã tạo hành sân nhuế, nên thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Giống như người từ tối đến tối, từ lửa bùng đến lửa bùng, bỏ trí tối ngu. Do vậy mà nói, người này có thể gọi là trước tối sau tối. Đại vương nên biết, cho nên gọi người này là từ tối đến tối.

“Thế nào là người từ sáng đến sáng? Hoặc có người sinh vào nhà vọng tộc, hoặc dòng sát-lợi, hoặc nhà quốc vương, hoặc nhà đại thần, nhiều của, lắm vật báu không thể kể hết, mà người kia tướng mạo lại xinh đẹp như màu hoa đào, người này [636c01] thường có chánh kiến, tâm không thác loạn. Người ấy có những chánh kiến này: ‘Có thí, có phước, có người nhận, có báo quả thiện ác, có đời này đời sau, có sa-môn, bà-la-môn.’ Và lại, người này, nếu gặp sa-môn, bà-la-môn khởi lòng cung kính, vui hiện nhan sắc. Tự thân thường thích bố thí, lại cũng khuyên người khiến thực hành bố thí. Nếu ngày nào bố thí thì lòng thường hớn hở không kiềm chế được. Họ thân hành

¹⁶ Tam tôn 三尊, tức Tam bảo.

Tăng nhất A-hàm

thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện, nên thân hoại mạng chung sinh về cõi thiện. Giống như có người từ giảng đường đến giảng đường, từ cung đến cung. Do vậy mà nói, nay Ta nói người này từ sáng đến sáng. Đại vương, đó là thế gian có bốn hạng người này.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Vua nên biết, người nghèo
Có tín, thích bố thí;
Gặp sa-môn, bà-la-môn,
Cùng những người đáng thí;
Thường đứng dậy đón, tiếp;
Lại khuyên bảo chánh kiến;
Lúc thí, thật vui mừng;
Không trái điều người xin.
Người kia là bạn tốt,
Quyết không làm hạnh ác,
Thường thích hành chánh kiến,
Hay nghĩ cầu pháp thiện.
Đại vương như người kia,
Lúc chết, nơi sinh về,
Quyết sinh trời Đâu-suất.
Trước tối mà sau sáng.*

*Như người hết sức giàu,
Không tín, hay sân hận,
Lòng tham lam, khiếp nhược,
Tà kiến mà không đổi;
Gặp sa-môn, bà-la-môn,
Cùng những người ăn xin,
Thường chửi mắng, nhiếc móc;
Tà kiến, nói không có;
Thấy thí, nổi sân giận;
Không muốn có người thí;*

Người kia hành rất tệ,
Tạo mọi nguồn gốc ác.
Những người kia như vậy,
Đến khi mạng sắp chết,
Sẽ sinh vào địa ngục:
Trước sáng mà sau tối.

Như có người bần tiện,
Không tín, hay sân hận;
Tạo mọi hành bất thiện;
Tà kiến không chánh tín;
Nếu gặp vị sa-môn,
Cùng người đáng thừa sự,
[637a01] Mà luôn khinh hủy họ;
Xan tham không tín tâm;
Lúc cho mà không vui;
Thấy người cho cũng vậy.
Hành vi người kia làm,
Không dẫn đến an vui.
Những hạng người như vậy,
Cho đến khi mạng chung
Sinh vào trong địa ngục:
Trước tối sau cũng tối.

Như người rất có của;
Có tín, thích bố thí,
Chánh kiến, không niệm quấy,
Thường thích cầu pháp thiện.
Nếu thấy các đạo sĩ,
Những người đáng bố thí,
Đứng dậy cung kính đón,
Học tập theo chánh kiến,
Khi cho thật hòa vui,
Thường niệm tưởng bình đẳng;

Tăng nhất A-hàm

*Bố thí không tiếc lán,
Không trái với lòng người.
Người ấy sống¹⁷ lương thiện,
Không tạo mọi phi pháp.
Nên biết người như vậy,
Đến khi mạng sắp chết
Quyết sinh vào thiện xứ:
Trước sáng mà sau sáng.*

“Cho nên Đại vương, hãy học trước sáng mà sau sáng, chứ nên học trước sáng mà sau tối. Đại vương, nên học điều này như vậy.”

Vua Ba-tư-nặc, sau khi đã nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Sau đó không lâu lại lấy hai tay sờ chân Như Lai, rồi dùng miệng hôn lên chân Như Lai, mà nói như vậy:

“Thân thể của đáng Thiên Tôn vì sao thế này? Thân nhăn quạ vậy! Thân Như Lai không như xưa.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, A-nan, như những gì ông nói. Nay thân Như Lai, da thịt đã nhăn, thân thể hiện tại không như xưa. Sở dĩ như vậy là vì, phàm có thân thể là bị bệnh thúc ép.

¹⁷ Hán: Thọ mạng 受命; được hiểu là “chánh mạng”, sống bằng nghề nghiệp lương thiện.

Đáng bệnh, chúng sanh bị bệnh vây khốn; đáng chết, chúng sanh bị chết bức bách. Nay Như Lai tuổi đã suy vi, đã hơn tám mươi.”

A-nan nghe những lời này, buồn khóc nghẹn ngào không tự nén được lời liền nói lời này:

“Than ôi! Sự già đã đến đây rồi!”

Bấy giờ, đã đến giờ, Thế Tôn khoác y mang bát vào thành Xá-vệ khát [637b01] thực. Thế Tôn đi khát thực, lần hồi đến cung vua Ba-tư-nặc. Trong lúc đó, trước cửa của vua Ba-tư-nặc có vài mươi chiếc xe hư cũ bị bỏ một bên. Tôn giả A-nan thấy những cỗ xe bị vất ở một bên như vậy, liền bạch Thế Tôn:

“Đây là những chiếc xe của vua Ba-tư-nặc. Ngày xưa, lúc mới làm thật là tinh xảo, nhưng ngày nay trông chúng cũng như màu gạch đá.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, A-nan, như những gì người đã nói. Những chiếc xe như đang được thấy đây, xưa kia thật là tinh xảo, làm bằng vàng bạc. Ngày nay đã hư hỏng, không thể dùng được nữa. Vật bên ngoài còn hư hoại như vậy, huống chi là bên trong.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Ôi! Già, bệnh, chết này,
Hoại người sắc cực thịnh.
Lúc đầu tâm hoan lạc,
Nay bị chết bức bách.*

*Dù tuổi thọ trăm năm
Đều qui về cái chết.
Không ai thoát khổ này;*

Hết thấy về đường này.

Những gì có trong thân,

Bị chết rượt đuổi đi.

Bốn đại ở bên ngoài

Đều quay về gốc không.

Cho nên cầu không chết,

Chỉ có về Niết-bàn;

Nơi không chết không sinh

Đều không các hành này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền tới chỗ vua Ba-tư-nặc. Vua Ba-tư-nặc bày biện đồ ăn thức uống cúng dường Thế Tôn. Thấy Thế Tôn đã ăn xong, vua liền dọn chỗ ngồi nhỏ ngồi trước Như Lai, bạch Thế Tôn:

“Sao vậy, Thế Tôn, hình thể của chư Phật đều là kim cương, mà cũng phải chịu già, bệnh, chết sao?”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Đại vương, như lời Đại vương. Như Lai cũng phải có sinh, già, bệnh, chết. Nay Ta cũng là người, cha tên Chân Tịnh, mẹ tên Ma-da, thuộc dòng Chuyển luân Thánh vương.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Phật hiện giữa loài người,

Cha tên là Chân Tịnh,

Mẹ tên Cự Thanh Diệu,

Dòng sát-lợi quyền quý.

Đường chết thật là khôn

Đều không xét tôn ti.

Chư Phật còn không khỏi,

Huống chi lại phạm phu.

[637c01]Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này cho vua Ba-tư-nặc:

*Tể tự: tể lửa nhất;
Các sách¹⁸: tụng tối tôn;
Nhân gian: vua là quý;
Các sông: biển là đầu;
Các sao: trăng trên hết;
Ánh sáng: mặt trời nhất.
Tám phương, trên, dưới, giữa
Nơi thế giới vận hành,
Trời cùng người thế gian:
Như Lai là tối tôn
Muốn cầu phước lộc kia
Hãy cúng dường Tam-phật.¹⁹*

Sau khi Thế Tôn nói kệ này rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi, trở về tinh xá Kỳ-hoàn, đến chỗ ngồi mà ngồi.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn pháp được người thế gian ái kính. Thế nào là bốn? Tuổi trẻ tráng niên được người thế gian ái kính; không có bệnh đau được người ái kính; tuổi thọ được người ái kính; ân ái tụ hợp được người ái kính. Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn pháp được mọi người thế gian ái kính.

“Lại nữa Tỳ-kheo, lại có bốn pháp không được người thế gian ái kính. Thế nào là bốn? Tỳ-kheo nên biết, tuổi trẻ tráng niên đến lúc già bệnh, người đời không thích; người không bệnh sau lại mắc bệnh, người đời không thích; được tuổi thọ mà sau lại mạng chung, người đời không thích; ân ái hội hợp sau lại chia lìa. Đó là những điều

¹⁸ Nguyên: 詩書 *thi thư*; đoạn trên: 眾書 *chúng thư*; xem kinh 4 phẩm 18.

¹⁹ Tam-Phật 三佛, phiên âm, Pāli = Skt. Sambuddha.

người đời không thích. Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn pháp cùng đời xoay chuyển. Chư thiên, người đời cho đến Chuyển luân Thánh vương, chư Phật, Thế Tôn cùng có pháp này. Tỳ-kheo, đó là thế gian có bốn pháp này cùng đời xoay chuyển. Nếu không biết bốn pháp này, phải chịu lưu chuyển trong sinh tử, xoay tròn trong năm đường. Thế nào là bốn? Giới Thánh Hiền, tam-muội Thánh Hiền, trí tuệ Thánh Hiền, giải thoát Thánh Hiền. Tỳ-kheo, đó là có bốn pháp này mà ai không giác tri, thì phải thụ nhận bốn pháp trên. Nay Ta cùng các người nhờ giác tri bốn pháp Thánh Hiền này mà đoạn gốc sinh tử không còn tái sinh đời sau. Như nay thân thể Như Lai suy già, phải chịu bao suy hao này. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu Niết-bàn vĩnh tịch này, không sinh, không già, không bệnh, không chết; ân ái biệt ly, thường niệm tướng biến dịch vô thường. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, [638a01] hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc ra lệnh quan phụ tá sửa soạn xe lông chim báu. Vua muốn ra xem đất giảng đường, ngoài thành Xá-vệ. Trong lúc đó, mẹ vua²⁰ Ba-tư-nặc vừa qua đời. Bà sống đến một trăm tuổi, rất là suy yếu, vua rất tôn kính nhớ thương chưa từng rời mắt. Lúc đó, bên cạnh vua Ba-tư-nặc có đại thần tên Bất-xà-mật, tài cao cái thế, được mọi người tôn trọng. Đại thần

²⁰ Cf. *Tạp* (Việt) 1031: Tô mẫu (bà nội). Pāli, S. 3 22: *ayyakā*.

suy nghĩ: “Mẹ của vua Ba-tư-nặc này vừa đúng tuổi trăm, hôm nay mạng chung. Nếu nghe được vua rất lo sầu, quên ăn bỏ uống mà bị bệnh nặng. Nay ta phải tìm cách nào khiến vua không lo sầu cũng không bị bệnh.”

Bấy giờ, đại thần chuẩn bị năm trăm voi trắng, năm trăm ngựa tốt; lại cách đặt năm trăm lính bộ, năm trăm kỹ nữ, năm trăm lão mẫu, năm trăm bà-la-môn, và có năm trăm sa-môn; lại chuẩn bị năm trăm bộ y phục, năm trăm thứ trân bảo làm cỗ quan tài lớn đẹp cho người chết, vẽ vôi thật là tinh xảo; treo phướn lọng, trỗi kỹ nhạc, không thể kể hết được, rồi đưa ra khỏi thành Xá-vệ. Lúc đó, vì có chút việc, vua Ba-tư-nặc trở vào lại trong thành. Từ xa, vua nhìn thấy có người chết, hỏi tả hữu:

“Đây là ai mà cúng dường đến thế?”

Bất-xà-mật tâu:

“Trong thành Xá-vệ này có mẹ gia chủ vô thường. Đó là vật dụng của họ.”

Vua lại hỏi:

“Những voi, ngựa, xe cộ này lại dùng để làm gì?”

Đại thần tâu:

“Năm trăm lão mẫu này, dùng để dâng lên vua Diêm-la để chuộc mạng.”

Vua liền cười và nói:

“Đây là cách của người ngu. Mạng cũng khó mà giữ, làm sao có thể đổi được? Như có người rơi vào miệng cá ma-kiệt, muốn mong thoát ra lại thật khó được. Ở đây cũng vậy, đã rơi vào chỗ vua Diêm-la, muốn cầu ra khỏi thì thật khó có thể được.”

“Năm trăm kỹ nữ này cũng dùng để chuộc mạng.”

Vua bảo:

“Điều này cũng khó được.”

Đại thần tâu:

“Nếu những kỹ nữ này không thể được, thì sẽ dùng cách khác để chuộc.”

Vua bảo:

“Điều này cũng khó được.”

Đại thần tâu:

“Nếu điều này không thể được, thì phải dùng năm trăm trâu bảo để chuộc.”

Vua bảo:

“Điều này cũng khó [638b01] được.”

Đại thần tâu:

“Nếu điều này không thể được, thì dùng năm trăm y phục để chuộc.”

Vua bảo:

“Điều này cũng khó được.”

Đại thần tâu:

“Nếu y phục này không thể được, thì phải dùng chú thuật của năm trăm bà-la-môn này làm chú thuật để lấy lại.”

Vua bảo:

“Điều này cũng khó được.”

Đại thần tâu:

“Nếu năm trăm bà-la-môn này không thể được, thì lại phải đem những vị sa-môn tài cao thuyết pháp này để chuộc.”

Vua bảo:

“Điều này cũng không thể được.”

Đại thần tâu:

“Nếu thuyết pháp không thể được, thì sẽ tập hợp binh chúng gây trận đánh lớn để chiếm lại.”

Lúc này, vua Ba-tư-nặc cười lớn mà nói:

“Đây là cách của người ngu, vì đã rơi vào miệng cá ma-kiệt, thì quyết không thoát được.”

Vua nói tiếp:

“Người nên biết, có gì sinh mà không chết ư?”

Đại thần tâu:

“Điều này thật không thể được.”

Vua bảo:

“Thật không thể được, chư Phật cũng dạy: ‘Phàm có sinh thì có chết, mạng cũng khó được.’”

Lúc đó, Bất-xà-mật quỳ tâu vua:

“Cho nên, Đại vương chớ quá sầu lo. Tất cả chúng sanh đều qui về cái chết.”

Vua bảo:

“Sao ta phải sầu lo?”

Đại thần tâu vua:

“Vua nên biết, hôm nay, mẹ Đại vương đã mất.”

Cho nên, vua Ba-tư-nặc nghe những lời này xong, thở dài tám chín lần, rồi bảo đại thần:

“Lành thay, như những gì ông nói, là hay biết dùng phương tiện khéo léo.”

Sau đó, vua Ba-tư-nặc trở vào thành, sắm sửa các thứ hương hoa cúng dường vong mẫu. Cúng dường vong mẫu xong, liền trở lại xe, đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Bây giờ, Thế Tôn hỏi:

“Đại vương, vì sao người dính đầy bụi bặm?”

Vua bạch Thế Tôn:

“Mẹ con qua đời, vừa đưa ra ngoài thành. Nay con đến chỗ Thế Tôn để hỏi lý do ấy. Lúc còn sống, mẹ con trì giới tinh tấn, thường tu pháp thiện, tuổi vừa một trăm, nay đã qua đời, nên đến chỗ Thế Tôn. Nếu con phải đem voi để mua mạng được, con cũng sẽ dùng voi để mua. Nếu phải dùng ngựa để chuộc mạng được, con cũng sẽ dùng ngựa để chuộc. Nếu phải dùng xe cộ để chuộc mạng được, con sẽ dùng xe cộ để chuộc. Nếu phải dùng vàng bạc trân bảo để chuộc được, con cũng sẽ dùng vàng bạc trân bảo để chuộc. Nếu phải dùng nô bộc, tôi tớ, thành quách, đất nước để chuộc mạng được, thì con cũng sẽ dùng nô bộc, tôi tớ, thành quách, đất nước để chuộc. Nếu phải dùng nhân dân đất nước Ca-thi²¹ để [638c01] chuộc mạng được, con cũng sẽ dùng nhân dân đất nước Ca-thi để chuộc, không để cho mạng mẹ con mất”

Thế Tôn bảo:

²¹ Ca-thi 加尸. Pāli: Kāsi, thời Phật, thuộc quyền cai trị của vua Ba-tư-nặc.

“Đại vương, chớ quá lo sầu, vì tất cả chúng sanh đều qui về cái chết. Tất cả mọi pháp đều biến dịch. Cho nên, nếu muốn không biến dịch, quyết không có việc này. Đại vương nên biết, pháp của thân người giống như nắm tuyết, tất sẽ tan chảy. Cũng như nắm đất, rồi cũng vỡ vụn, không thể giữ lâu; Cũng như quáng nắng,²² huyễn hóa, hư ngụy không thật; cũng như nắm tay không, dùng để gạt con nít. Cho nên, Đại vương, chớ mang sầu lo, trông cậy vào thân này. Đại vương nên biết, có bốn điều rất sợ hãi này, sẽ mang đến thân này không thể ngăn che được, cũng không thể dùng ngôn ngữ, chú thuật, thuốc men, phù thư để có thể trừ khử. Những gì là bốn? Một là già làm bại hoại tráng niên khiến không nhan sắc. Hai là bệnh làm bại hoại hết người không bệnh. Ba là chết làm bại hoại hết mạng căn. Bốn là vật hữu thường trở về vô thường.

“Đại vương, có bốn pháp này không thể ngăn che được, không dùng sức để hàng phục. Đại vương nên biết, giống như bốn hướng có bốn núi lớn, từ bốn hướng dồn ép đến chúng sanh, chẳng phải sức để loại bỏ. Cho nên, này Đại vương, chẳng phải vật kiên cố, không thể nương tựa. Do đó, Đại vương nên dùng pháp để cai trị, chớ nên dùng phi pháp. Vua cũng không còn bao lâu sẽ đến biển sinh tử. Vua cũng nên biết những người dùng pháp để cai trị, thân hoại mạng chung sẽ sinh về nơi thiện, trên trời. Nếu người nào dùng phi pháp để cai trị, thân hoại mạng chung sẽ sinh vào địa ngục. Cho nên, này Đại vương, nên dùng pháp để cai trị, chớ nên dùng phi pháp. Đại vương, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, bạch Thế Tôn:

²² Hán: dã mã 野馬.

Tăng nhất A-hàm

“Pháp này có tên là gì? Nên phụng hành thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Pháp này tên là trừ sâu ưu.”

Vua bạch Phật:

“Thật vậy, Thế Tôn, sở dĩ như vậy, vì con nghe pháp này rồi, mọi sầu lo có được hôm nay đã trừ. Thế Tôn, việc đất nước bề bộn, con muốn trở về cung.”

Thế Tôn bảo:

“Nên biết đúng thời.”

Vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, rồi lui đi.

Vua Ba-tư-nặc, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

[639a01] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta không những chỉ tối tôn trong hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, thanh tín sĩ, thanh tín nữ²³, mà còn tối tôn đến cả trong loài người. Nay có bốn pháp mà Ta, ở giữa chúng bốn bộ, chư thiên và loài người, tự mình giác tri, tự thân tác chứng. Những gì là bốn? Một là, tất cả các hành đều vô thường, mà Ta, ở giữa chúng bốn bộ, chư thiên và loài người, tự mình giác tri, tự thân tác chứng. Hai là, tất cả các hành khổ. Ba là tất cả các hành vô ngã.

²³ 清信士清信女 = ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

Bốn là Niết-bàn tịch tĩnh, mà Ta, ở giữa chúng bốn bộ, chư thiên và loài người, tự mình giác tri, tự thân tác chứng. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là bốn pháp mà Ta, ở giữa chúng bốn bộ, chư thiên và loài người, tự mình giác tri, tự thân tác chứng.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm theo.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ, cùng với chúng năm trăm đại Tỳ-kheo. Lúc ấy, Thế Tôn muốn đến thành La-duyet hạ an cư. Xá-lợi-phất cũng muốn đến thành La-duyet hạ an cư, và một nghìn hai trăm năm mươi đệ tử đều muốn đến thành La-duyet hạ an cư. Nhưng Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên hạ an cư xong sẽ nhập Niết-bàn.

Sau khi Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... đến Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyet, hạ an cư xong. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

“Nay một nghìn hai trăm năm mươi đệ tử vì các ông mà hạ an cư nơi này. Nhưng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên sắp diệt độ. Thế nào, Xá-lợi-phất, thầy có thể vì các Tỳ-kheo nói diệu pháp không? Ta nay đau lưng, muốn nghỉ một chút”

Xá-lợi-phất thưa:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Bấy giờ, Thế Tôn tự mình gấp tăng-già-lê²⁴, nằm nghiêng hông phải, hai bàn chân chồng lên nhau, để tâm nơi ánh sáng. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

“Lúc tôi mới thọ giới, trải qua nửa tháng, chứng đắc bốn biện tài, tự thân tác chứng, đầy đủ nghĩa lý.²⁵ Nay tôi sẽ phân biệt nói rõ ý nghĩa cho các thầy biết, phân biệt rõ ràng. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ!”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Thưa vâng!”

Các Tỳ-kheo vâng theo lời của Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất hỏi:

“Những gì là bốn biện tài tôi đã chứng được? Đó là nghĩa biện, [639b01] tôi do đây mà chứng được;²⁶ là pháp biện,²⁷ tôi do đây mà chứng được; là ứng biện,²⁸ tôi do đây mà chứng được; là tự biện,²⁹ (tôi do đây mà chứng được).³⁰

“Nay tôi sẽ phân biệt rộng nghĩa của chúng. Nếu chúng

²⁴ Tăng-ca-lợi 僧迦利, tức y tăng-già-lê.

²⁵ Bốn biện tài 四辯才, cũng nói là bốn vô ngại biện hay bốn vô ngại giải. Pāli: Cf. A IV 172 Vibhattisuttam (R. ii. 160).

²⁶ Nghĩa biện 義辯, hay nghĩa vô ngại giải. Pāli, ibid.

atthapaṭisambhidā sacchikatā odhiso byañjanaso, do từng trường hợp, y theo văn, tôi tác chứng nghĩa vô ngại giải.

²⁷ Pháp biện 法辯. Pāli: *dhammapaṭisambhidā*.

²⁸ Ứng biện 應辯, tức từ vô ngại giải. Pāli: *iruttipaṭisambhidā*, giải thích từ nguyên thông suốt.

²⁹ Tự biện 自辯, hay biện (tài) vô ngại giải. Pāli:

paṭibhānapaṭisambhidā.

³⁰ Trong ngoặc, nhảy sót trong đề bản, nên thêm vào cho đủ văn.

bốn bộ có ai hồ nghi, bây giờ có thể hỏi tôi nghĩa của chúng. Nếu các Hiền giả đối với bốn thiền mà có ai hồ nghi, hoặc các Hiền giả đối với bốn vô lượng tâm* mà có ai hồ nghi có thể hỏi, nay tôi sẽ nói. Nếu các Hiền giả đối với bốn chánh đoạn mà có ai hồ nghi có thể hỏi tôi về nghĩa, nay tôi sẽ nói; hoặc đối với bốn thần túc, bốn niệm xứ*, bốn đế mà có ai hồ nghi, nên đến hỏi tôi về nghĩa, nay tôi sẽ nói. Nay nếu không ai hỏi, sau có hỏi cũng vô ích. Nay cũng nên hỏi tôi về những pháp sâu xa, cùng những sở hành của Thế Tôn Vô sở trước, Đẳng chánh giác, tôi sẽ nói cho. Nếu không hỏi, sau chớ có hối.”

Bấy giờ, Tôn giả đại Mục-kiền-liên, đã đến giờ, khoác y, cầm bát vào thành La-duyet khát thực. Các phạm-chí chấp trượng³¹ từ xa trông thấy Mục-liên đến, bảo nhau rằng: “Đây là một trong những đệ tử Sa-môn Cù-đàm, không ai hơn người này. Chúng ta cùng nhau bao vây đánh chết đi.” Các phạm-chí kia liền bao vây, dùng gạch đá đánh chết rồi bỏ đi. Thịt xương thân thể không nơi nào không nát hết, đau đớn khổ não quá không thể kể được. Khi Đại Mục-kiền-liên nghĩ thầm: “Các phạm-chí này vây ta, đánh xương thịt nát như rồi bỏ ta mà đi. Nay thân thể ta không nơi nào không bị đánh, vô cùng đau nhức, lại không còn khí lực sao trở về Trúc viên được. Nay ta có thể dùng thần túc trở về tinh xá.” Rồi Mục-liên liền dùng thần túc trở về tinh xá, đến chỗ Xá-lợi-phất, ngồi xuống một bên. Tôn giả đại Mục-kiền-liên nói với Xá-

³¹ Chấp trượng Phạm chí 執杖梵志, nhóm ngoại đạo cầm gậy.

Tỳ-nại-da tạp sự 18 (T24n1451, tr. 287a26): Nhóm ngoại đạo tà mạng, cầm gậy và bện tóc, đón đường đánh chết Mục-kiền-liên.

Tỳ-nại-da 2 (T24n1464, tr. 857c27): Nhóm phạm chí chấp trượng, cầm gậy có hình như đầu người. Truyền thuyết Pāli, Ngài bị giết bởi nhóm Nigantha.

lợi-phát:

“Các phạm-chí chấp trượng này vây tôi đánh xương thịt nát hết, thân thể đau nhức thật không thể chịu được. Nay tôi muốn vào Niết-bàn nên đến từ giả thầy.”

Xá-lợi-phất nói:

“Trong đệ tử Thế Tôn, thầy thân túc đệ nhất, có đại oai lực. Sao không dùng thân túc mà tránh?”

Mục-liên đáp:

“Hành vi mà tôi đã làm trước kia thật là sâu nặng, khi đòi hỏi phải thọ báo thì quyết không thể tránh. Không phải ẩn trong hư không mà có thể tránh được báo ứng này. Hôm nay, thân thể tôi thật là đau nhức, nên đến từ giả thầy để nhập Niết-bàn.”

[639c01] Xá-lợi-phất nói:

“Những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào mà tu bốn thân túc, phần nhiều diễn rộng nghĩa của nó, theo ý người đó muốn, trụ lại một kiếp hay hơn một kiếp, cho đến không diệt độ. Vì sao thầy không trụ, mà diệt độ?”

Mục-kiền-liên nói:

“Thật vậy, Xá-lợi-phất, Như Lai dạy, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào tu bốn thân túc, muốn sống thọ trải qua nhiều kiếp, cũng có thể được. Nếu Như Lai chỉ trụ một kiếp, tôi cũng trụ vậy. Nhưng hiện tại Thế Tôn không còn bao lâu sẽ nhập Bát-niết-bàn. Thọ mạng các loài chúng sanh rất ngắn. Lại nữa, tôi không nở khi nhìn Thế Tôn vào Bát-niết-bàn. Bây giờ thân thể tôi thật là đau đớn, nên tôi muốn nhập Bát-niết-bàn.”

Bây giờ, Xá-lợi-phất nói với Mục-liên:

“Nay thầy chờ một chút, tôi sẽ diệt độ trước.”

Mục-liên im lặng không đáp. Lúc đó Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn:

“Nay con muốn diệt độ. Cúi xin cho phép.”

Lúc đó, Thế Tôn im lặng không đáp. Xá-lợi-phất ba lần bạch Thế Tôn:

“Nay là lúc thích hợp, con muốn nhập Bát-niết-bàn.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

“Tại sao, nay thầy không trụ một kiếp hay hơn một kiếp?”

Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn:

“Tự thân con nghe, tự thân vâng lãnh lời của Thế Tôn, rằng thọ mạng các loài chúng sanh rất ngắn, thọ nhất bất quá trăm năm. Vì thọ mạng chúng sanh ngắn nên tuổi thọ Như Lai cũng ngắn. Nếu tuổi thọ Như Lai sẽ một kiếp, tuổi thọ của con cũng sẽ một kiếp.”

Thế Tôn bảo:

“Như lời Xá-lợi-phất, vì mạng chúng sanh ngắn, nên thọ mạng của Như Lai cũng ngắn. Nhưng điều này cũng lại không thể luận bàn. Sở dĩ như vậy là vì, a-tăng-kỳ kiếp lâu xa về trước, có Phật tên Thiện Niệm Thệ Nguyên Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời. Tuổi thọ con người vào lúc bấy giờ là tám vạn năm, không có ai chết yếu giữa chừng. Đức Như Lai Thiện Niệm Thệ Nguyên kia ngay lúc thành Phật, liền hôm đó hóa làm vô lượng Phật, an lập vô lượng chúng sanh hành theo ba thừa, có người trụ vào địa vị bất thối chuyển; lại an lập vô lượng chúng sanh nơi bốn chủng tánh; lại an lập vô lượng chúng sanh vào cung Tứ thiên vương, Diêm

thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên, Phạm-ca-di thiên, Dục thiên, Sắc thiên, Vô sắc thiên, và cũng ngày hôm đó ở trong Vô dư Niết-bàn giới mà nhập Bát-niết-bàn. [640a01]. Nhưng nay, Xá-lợi-phất nói vì tuổi chúng sanh ngắn nên thọ mạng Như Lai cũng ngắn.

“Thế nào, Xá-lợi-phất, thầy nói rằng ‘Như Lai trụ một kiếp hay hơn một kiếp, con cũng trụ một kiếp hay hơn một kiếp.’ Nhưng chúng sanh lại không thể biết thọ mạng Như Lai ngắn hay dài. Xá-lợi-phất nên biết, Như Lai có bốn sự không thể nghĩ bàn, chẳng phải điều mà Tiểu thừa có thể biết. Thế nào là bốn? Thế giới không thể nghĩ bàn; chúng sanh không thể nghĩ bàn; long cung không thể nghĩ bàn; cảnh giới Phật độ không thể nghĩ bàn. Nay Xá-lợi-phất, đó gọi là có bốn việc không thể nghĩ bàn.”

Xá-lợi-phất thưa:

“Thật vậy, Thế Tôn! Có bốn sự không thể nghĩ bàn: thế giới, chúng sanh, long cung, Phật độ, thật không thể nghĩ bàn. Nhưng trong một thời gian dài con nghĩ rằng Phật Thích-ca Văn cuối cùng không trụ một kiếp. Lại nữa, chư thiên đến chỗ con, bảo con rằng: ‘Phật Thích-ca Văn không ở đời lâu dài, khi tuổi vào tám mươi.’ Vậy nay, Thế Tôn không còn bao lâu sẽ nhập Niết-bàn. Nay con không cam nhìn Thế Tôn nhập Bát-niết-bàn. Và lại, chính con nghe từ Như Lai dạy rằng: ‘Các đệ tử thượng túc của chư Phật quá khứ, tương lai, hiện tại đều nhập Bát-niết-bàn trước, sau đó Phật mới nhập Bát-niết-bàn, và đệ tử cuối cùng cũng nhập Bát-niết-bàn trước, sau đó không lâu Thế Tôn sẽ diệt độ.’ Nguyên xin Thế Tôn cho phép con diệt độ.”

Thế Tôn bảo:

“Nếu thời gian thích hợp.”

Xá-lợi-phất liền ngồi trước Như Lai, chánh thân, chánh ý, buộc niệm ở trước mà vào sơ thiền. Từ sơ thiền khởi, lại vào nhị thiền. Từ nhị thiền khởi, lại vào tam thiền. Từ tam thiền khởi, lại vào tứ thiền. Từ tứ thiền khởi, lại vào không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ. Từ hữu tướng vô tướng khởi, vào diệt tận định. Từ diệt tận định khởi, vào phi tướng phi phi tướng xứ. Từ phi tướng phi phi tướng xứ khởi, vào vô sở hữu xứ, thức xứ, không xứ. Từ không xứ khởi, vào đệ tứ thiền. Từ đệ tứ thiền khởi, vào đệ tam thiền. Từ đệ tam thiền khởi, vào đệ nhị thiền. Từ đệ nhị thiền khởi, vào sơ thiền. Từ sơ thiền khởi, vào đệ nhị thiền. Từ đệ nhị thiền khởi, vào đệ tam thiền. Từ đệ tam thiền khởi, vào đệ tứ thiền. Khi Tôn giả Xá-lợi-phất từ tứ thiền khởi, báo các Tỳ-kheo:

“Đây gọi là định sư tử phần tán.”

Lúc này, các Tỳ-kheo khen ngợi rằng:

“Chưa từng có, thật là kỳ [640b01] diệu. Tôn giả Xá-lợi-phất nhập định nhanh chóng như vậy!”

Bấy giờ, Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn, rồi lui đi. Khi ấy, có số đông Tỳ-kheo đi theo sau Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất quay lại bảo:

“Chư Hiền, các vị muốn đi đâu?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Chúng tôi muốn được cúng dường xá-lợi Tôn giả.”

Xá-lợi-phất bảo:

“Thôi, thôi, các Hiền giả! Vậy gọi là cúng dường rồi. Tôi đã có sa-di đủ để cúng dường rồi. Các vị hãy về lại chỗ mình, tư duy hóa đạo, khéo tu phạm hạnh, hết sạch khổ

nạn. Như Lai ra đời rất khó gặp được. Thật lâu mới hiện, giống như hoa ưu-đàm-bát thật lâu mới nở. Như Lai cũng lại như vậy, ức kiếp mới hiện ra. Thân người cũng lại khó được. Có tín thành tựu lại cũng khó được. Muốn mong xuất gia học pháp Như Lai cũng lại khó được. Muốn cho tất cả các hành không diệt tận, điều này cũng khó được. Hãy diệt tận ái dục, không còn dư tàn, Niết-bàn diệt tận.

“Nay có bốn pháp mà Như Lai đã nói. Những gì là bốn? Tất cả các hành vô thường, đó gọi là pháp thứ nhất mà Như Lai đã nói. Tất cả các hành là khổ, đó gọi là pháp thứ hai mà Như Lai đã nói. Tất cả các hành vô ngã, đó gọi là pháp thứ ba mà Như Lai đã nói. Niết-bàn là vĩnh tịch, đó gọi là pháp thứ tư mà Như Lai đã nói.

“Này các Hiền giả, đó gọi là bốn pháp mà Như Lai đã nói.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đều cùng rơi lệ:

“Xá-lợi-phất, nay sao diệt độ nhanh như vậy!”

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

“Thôi, thôi, các Hiền giả chớ lo sầu. Pháp biến dịch mà muốn khiến không biến dịch, thì việc này không thể. Núi Tu-di còn có biến đổi vô thường, huống là cái thân hạt cải. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất mà thoát khỏi tai hoạn này sao? Thân kim cương của Như Lai không bao lâu cũng sẽ nhập Bát-niết-bàn, huống chi là thân tôi. Vậy các thầy hãy tu hành pháp này thì sẽ được hết khổ.”

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất về đến tinh xá, đến rồi thu cất y bát, ra khỏi Trúc viên trở về nơi sinh quán. Tôn giả Xá-lợi-phất khát thực lần hồi đến nước Ma-sầu.³² Lúc

³² Ma-sầu 摩瘦. Cf. *Tây vực ký* 4 (T51n2087, tr. 890a28): Mạt-

này, Tôn giả Xá-lợi-phất về sống tại Ma-sầu nơi Ngài đã sinh ra, thân mang bệnh tật thật là đau nhức. Khi ấy, chỉ có sa-di Quân-đầu³³ hầu hạ, trông nom dọn dẹp các thứ bất tịnh, đem lại sạch sẽ. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân biết tâm niệm Xá-lợi-phất, khoảnh khắc giống như co duỗi cánh tay của lực sĩ, biến mất khỏi trời Tam thập tam, xuất hiện trong tinh xá Xá-lợi-phất. Đến nơi, đánh lễ sát chân, rồi dùng hai tay sờ chân Xá-lợi-phất, tự xưng tên họ mà nói rằng:

“Tôi là Đế Thích, vua của Trời.”

Xá-lợi-phất nói:

“Vui sướng thay, cầu mong Thiên đế thọ mạng vô cùng!”

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

“Nay tôi muốn cúng dường xá-lợi Tôn giả.”³⁴

Xá-lợi-phất nói:

“Thôi, thôi, Thiên đế! Vậy là cúng dường rồi. Cầu mong chư thiên thanh tịnh, a-tu-la, rồng, quỷ cùng chúng chư thiên cũng vậy.”³⁵ Nay tôi đã có sa-di, đủ để sai khiến.”

Thích Đề-hoàn Nhân lần thứ ba bạch Xá-lợi-phất:

“Nay tôi muốn tạo phước nghiệp, chớ làm trái nguyện.

thổ-la 秣菟羅, tại đó có tháp thờ di thân của Xá-lợi-phất. Phiên âm của Mathurā hay Madhurā (Skt., Pāli đồng).

³³ Quân-đầu sa-di 均頭沙彌. Pāli: Cunda samaṇuddesa. Cf. S. 47. 13 Cundasuttam (R.v. 161)

³⁴ Đề bản: Cúng dường Tôn giả xá-lợi 供養尊者舍利. Hoặc nói đủ là “Cúng dường Tôn giả Xá-lợi-phất.” Ý Đế Thích muốn phục vụ nuôi bệnh ngài Xá-lợi-phất.

³⁵ Không thể phục vụ người bệnh, vì dơ bẩn.

Nay muốn cúng dường xá-lợi Tôn giả.”

Xá-lợi-phất im lặng không trả lời. Thích Đề-hoàn Nhân đích thân đồ phần, không từ hiềm khổ. Ngay đêm hôm đó Tôn giả Xá-lợi-phất nhập Bát-niết-bàn. Bảy giờ, mặt đất này chấn động sáu cách, có âm vang lớn. Chư thiên mưa hoa, trời lên kỳ nhạc. Chư thiên đầy khắp hư không. Chư thiên thân diệu cũng rải hoa câu-mâu-đầu, hoặc dùng hương bột chiên-đàn rải lên trên. Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-phất đã diệt độ, chư thiên ở giữa hư không đều bi thương, khóc lóc không kiềm chế được. Cũng lại như vậy, bảy giờ, Dục thiên, Sắc thiên, Vô sắc thiên ở giữa hư không, tất cả đều rơi lệ giống như mưa phùn, hòa xướng mùa xuân: “Nay Tôn giả Xá-lợi-phất nhập Bát-niết-bàn sao mà chóng thế!”

Bảy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân gom góp tất cả các loại hương mà thiêu thân Tôn giả Xá-lợi-phất; cúng dường các thứ xong, thân nhất xá-lợi, cùng y bát trao lại sa-di Quân-đầu và bảo:

“Đây là xá-lợi cùng y bát của Thầy Ông. Hãy đem dâng Thế Tôn. Đến nơi, đem nhân duyên này bạch đầy đủ Thế Tôn. Nếu Ngài có dạy điều gì thì cứ theo đó mà làm theo.”

Quân-đầu đáp:

“Thật vậy, Câu-dục.”

Sa-di Quân-đầu mang y bát cùng xá-lợi đến chỗ A-nan, bạch A-nan:

“Thầy con đã diệt độ. Nay mang y bát cùng xá-lợi đến dâng lên Thế Tôn.” Sau khi thấy, A-nan liền rơi lệ và nói:

“Ông với ta [641a01] cùng đến chỗ Thế Tôn, đem nhân duyên này cùng bạch lên Thế Tôn. Nếu Thế Tôn dạy điều gì thì chúng ta sẽ làm theo vậy.”

Quân-đầu đáp:

“Thưa vâng, Tôn giả.”

Rồi A-nan dẫn Sa-di Quân-đầu đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

“Sa-di Quân-đầu này đến chỗ con, thưa con rằng: ‘Thầy con đã diệt độ. Nay đem y bát dâng lên Như Lai.’ Hôm nay tâm ý con phiền não, tánh chí hoang mang, không còn biết gì. Nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nhập Bát-niết-bàn, con thương tâm buồn bã.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, A-nan, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất nhập Bát-niết-bàn với thân giới ư?”

A-nan thưa:

“Chẳng phải vậy, Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, A-nan, diệt độ với thân định, thân tuệ, thân giải thoát, thân giải thoát sở kiến sao?”³⁶

A-nan bạch Phật:

“Tỳ-kheo Xá-lợi-phất không diệt độ với giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát sở kiến thân. Nhưng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thường hay giáo hóa, thuyết pháp không biết chán, và giáo giới cho các Tỳ-kheo cũng

³⁶ Cf. S 47 ibid. : Xá-lợi-phất y trên giới uẩn (*sīlakkhandham vā ādāya*), hay y trên định uẩn (*samādhikkhandham vā ādāya*), tuệ uẩn (*paññākkhandham*), giải thoát uẩn (*vimuttikkhandham*), giải thoát tri kiến uẩn (*vimuttiñāṇadassanakkhandham*) mà nhập Niết-bàn (*parinibbuto*)?

Tăng nhất A-hàm

không biết chán. Nay con nhớ ân sâu quá nhiều này của Xá-lợi-phất, cho nên ưu sầu vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Thôi, thôi, A-nan! Chớ ôm lòng sầu ưu. Vật không thường, muốn còn mãi, việc này không thể. Phàm có sinh thì có chết. Thế nào, A-nan, chư Phật quá khứ đều chẳng phải diệt độ sao? Giống như cây đèn, dầu hết thì tắt. Như từ Bảo Tạng Đỉnh Quang đến nay, bảy Phật cùng các đệ tử đều chẳng phải nhập Bát-niết-bàn sao? Cũng vậy, Bích-chi-phật như Thẩm Đế, Cao Xung, Viễn Văn, Ni-sa, Ưu-ni-bát-sa, Già-la, Ưu-bát-già-la,³⁷ các Bích-chi-phật nơi đây đều chẳng phải đã diệt độ sao? Thánh vương đầu tiên của đại quốc tên là Thiện Duyệt Ma-ha-đề-bà thuộc hiền kiếp, cũng như Chuyển luân Thánh vương hiện tại, há chẳng phải đều nhập Bát-niết-bàn sao?”

Bảy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Tất cả hành vô thường.
Có sinh tất có chết.
Không sinh thì không diệt;
Diệt này tối đệ nhất.*^{38 *39}

Thế Tôn bảo A-nan:

“Nay ngươi mang xá lợi của Xá-lợi-phất lại phải không?”

³⁷ Danh sách các Bích-chi-phật, xem phẩm 38 kinh 7 dưới. Pāli, cf. M 116 Isigili (R.iii. 68): Ariṭṭho; Upariṭṭho; Tagarasikhī; Yasassī; Sudassano; Piyadassī; Gandhāro; Piṇḍolo; Upāsabho; Nīto; Tatho, Sutavā; Bhāvitatto.

³⁸ Pāli, D 16 Mahāparinibbānasuttaṃ (R.ii. 157): *aniccā vata saṅkhārā, uppāḍavaya-dhammino; uppajjitvā nirujjhanti, tesam vūpasamo sukho.*

³⁹ Bản Hán, hết quyển 18.

A-nan thưa:

“Thật vậy, Thế Tôn!”

Bảy giờ, A-nan trao xá-lợi đến tay Thế Tôn. Thế Tôn tay cầm xá-lợi rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Đây là xá-lợi của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, bậc trí tuệ, thông minh, tài cao trí lớn, ngần này loại trí: trí không thể cùng, trí không bờ đáy, có trí nhanh nhạy, có trí nhẹ nhàng, có trí sắc bén, có trí thật sâu, có trí thâm sát.⁴⁰ Đó là người ít muốn, biết đủ, thích nơi nhàn tĩnh, ý chí đồng mãnh, việc làm không loạn, tâm không khiếp nhược, thường nhẫn nhục, trừ bỏ pháp ác, thể tánh nhu hòa, không thích tranh tụng, thường tu tinh tấn, hành tam-muội, tập trí tuệ, niệm giải thoát, tu hành thân tri kiến giải thoát.

“Tỳ-kheo nên biết, giống như đại thọ mà không có cành. Nay trong Tăng Tỳ-kheo, Như Lai là đại thọ. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã diệt độ, Ta giống như cây không cành. Nếu Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đi đến địa phương nào, địa phương đó gặp được đại hạnh, nói rằng: ‘Xá-lợi-phất nghỉ lại ở địa phương này.’ Sở dĩ như vậy là vì, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thường hay luận đàm cùng với các dị học ngoại đạo, không ai mà không bị hàng phục.”

Đại Mục-kiền-liên sau khi nghe Xá-lợi-phất diệt độ, liền dùng thần túc đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên, rồi Đại Mục-kiền-liên bạch Thế Tôn:

“Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, nay đã diệt độ. Nay con cũng

⁴⁰ Các loại trí của Xá-lợi-phất, cf. Pāli, S 8.7 Pavāraṇāsuttaṃ (R.i. 191): *paṇḍīto* (bác huệ), *mahāpaṇṇo* (đại huệ), *puṭhupaṇṇo* (quảng huệ), *hāsaṇṇo* (tật huệ), *javanapaṇṇo* (tiếp huệ), *tikkhapaṇṇo* (lợi huệ), *nibbedhikapaṇṇo* (quyết trạch huệ).

muôn từ giả Thế Tôn để diệt độ.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng không trả lời. Như vậy, Tôn giả lại bạch Thế Tôn lần thứ ba:

“Con muốn diệt độ.”

Bấy giờ, Thế Tôn cũng lại im lặng không trả lời. Mục-liên thấy Thế Tôn im lặng không trả lời, liền lễ sát chân Thế Tôn rồi lui đi, về đến tinh xá thâu cát y bát, ra khỏi thành La-duyet, tự về nơi [641c01] sinh quán. Khi ấy, có số đông Tỳ-kheo theo sau Tôn giả Mục-liên đến thôn Ma-sầu. Khi trú tại đây, Mục-liên mang trọng bệnh.

Bấy giờ, Mục-liên tự thân trải tòa giữa đất trống mà ngồi, nhập sơ thiền. Từ sơ thiền khởi, nhập đệ nhị thiền. Từ đệ nhị thiền khởi, nhập đệ tam thiền. Từ đệ tam thiền khởi, nhập đệ tứ thiền. Từ tứ thiền khởi, nhập không xứ. Từ không xứ khởi, nhập thức xứ. Từ thức xứ khởi, nhập vô sở hữu xứ. Từ vô sở hữu xứ khởi, nhập phi tướng phi phi tướng xứ. Từ phi tướng phi phi tướng xứ khởi, nhập tam-muội hóa quang. Từ tam-muội hóa quang khởi, nhập tam-muội thủy quang. Từ tam-muội thủy quang khởi, nhập định diệt tận.

Từ định diệt tận khởi, nhập tam-muội thủy quang. Từ tam-muội thủy quang khởi, nhập tam-muội hóa quang. Từ tam-muội hóa quang khởi, nhập định hữu tướng vô tướng. Từ định hữu tướng vô tướng khởi, nhập vô sở hữu xứ. Từ vô sở hữu xứ khởi, nhập thức xứ, không xứ, tứ thiền, tam thiền, nhị thiền, sơ thiền.

Từ sơ thiền khởi, bay lên giữa hư không, ngồi nằm, kinh hành. Thân trên ra lửa, thân dưới ra nước; hoặc thân trên ra nước, thân dưới ra lửa, tạo ra mười tám cách biến hóa thân tức. Sau đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên xuống lại

chỗ cũ ngồi kiết già, chánh thân chánh ý, buộc niệm ở trước. Lại nhập sơ thiền. Từ sơ thiền khởi, nhập đệ nhị thiền. Từ đệ nhị thiền khởi, nhập đệ tam thiền. Từ đệ tam thiền khởi, nhập đệ tứ thiền. Từ tứ thiền khởi, nhập không xứ. Từ không xứ khởi, nhập thức xứ. Từ thức xứ khởi, nhập vô sở hữu xứ. Từ vô sở hữu xứ khởi, nhập phi tướng phi phi tướng xứ. Từ phi tướng phi phi tướng xứ khởi, nhập tam-muội hòa quang. Từ tam-muội hòa quang khởi, nhập tam-muội thủy quang. Từ tam-muội thủy quang khởi, nhập định diệt tận.

Từ định diệt tận khởi, nhập thủy quang, hòa quang, phi tướng phi phi tướng xứ, vô sở hữu xứ, thức xứ, không xứ, tứ thiền, tam thiền, nhị thiền, sơ thiền.

Lại từ sơ thiền khởi, nhập đệ nhị thiền. Từ đệ nhị thiền khởi, nhập đệ tam thiền. Từ đệ tam thiền khởi, nhập đệ tứ thiền. Từ tứ thiền khởi, và diệt độ ngay lúc đó.

Khi Đại Mục-liên diệt độ, lúc này mặt đất chấn động rất mạnh. Chư thiên cùng bảo nhau hiện xuống, hầu thăm Đại Mục-kiền-liên, mang [642a01] các thứ đến cúng dường Tôn đức, hoặc các loại hương hoa đến cúng dường. Chư thiên giữa hư không trôi kỹ nhạc, gảy đàn, ca múa để cúng dường lên Tôn giả Mục-kiền-liên.

Sau khi Tôn giả đại Mục-kiền-liên đã diệt độ rồi, lúc ấy khoảng một do tuần trong thôn Na-la-đà⁴¹ đầy kín chư thiên trong đó. Khi ấy, lại có nhiều Tỳ-kheo mang các thứ hương hoa rải lên thi thể Tôn giả Mục-kiền-liên.

⁴¹ Na-la-đà thôn 那羅陀村. Pāli: Nālaka, một ngôi làng bà-la-môn gần Vương xá, sinh quán của Xá-lợi-phất. Theo truyền thống Pāli, sinh quán Mục-kiền-liên tại Kolita, cũng ngôi làng gần Vương xá.

Tăng nhất A-hàm

Bấy giờ, Thế Tôn từ thành La-duyệt tuần tự khất thực, dẫn năm trăm Tỳ-kheo du hóa nhân gian, đi đến thôn Na-la-da cùng với năm trăm Tỳ-kheo. Khi Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên diệt độ chưa bao lâu, bấy giờ Thế Tôn ngồi im lặng nơi đất trống, quan sát các Tỳ-kheo. Sau khi im lặng quán sát các Tỳ-kheo xong, rồi Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta quán sát trong chúng này có sự mất mát quá lớn. Sở dĩ vậy là vì trong chúng này nay không có Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên. Nếu địa phương nào Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đến, địa phương đó không trở thành trống rỗng, mà nghe rằng, ‘Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên nay ở địa phương này.’ Sở dĩ như vậy là vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên có thể hàng phục ngoại đạo ở đây.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Những gì chư Phật đã làm thì thật là kỳ diệu, có hai đệ tử trí tuệ, thần túc này nhập Bát-niết-bàn; nhưng Như Lai không có sầu ưu. Ngay dù hằng sa Như Lai quá khứ, cũng có đệ tử trí tuệ, thần túc này, và ngay đến chư Phật xuất hiện ở tương lai, cũng sẽ có đệ tử trí tuệ, thần túc này.

“Tỳ-kheo nên biết, thế gian có hai thí nghiệp. Thế nào là hai? Tài thí, pháp thí. Tỳ-kheo, nên biết, nếu luận về tài thí, hãy tìm cầu từ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên. Nếu muốn cầu pháp, hãy tìm cầu từ nơi Ta. Sở dĩ như vậy là vì, nay Như Lai, Ta không có tài thí. Hôm nay, các người có thể cúng dường xá-lợi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên.”

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

“Chúng con cúng dường xá-lợi Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Nên gom góp các loại hương hoa, ở ngã tư đường dựng lên bốn tháp. Sở dĩ như vậy là vì nếu có dựng chùa và tháp,⁴² phải là bốn hạng người này mới đáng dựng tháp. Thế nào là bốn? Là Chuyển luân Thánh vương xứng đáng được dựng tháp, A-la-hán lậu tận xứng đáng được dựng tháp, Bích-chi-phật [642b01] xứng đáng được dựng tháp, và Như Lai xứng đáng được dựng tháp.”

Lúc này, A-nan bạch Thế Tôn:

“Vì nhân duyên gì Như Lai xứng đáng được dựng tháp? Lại vì nhân duyên gì Bích-chi-phật, A-la-hán lậu tận, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng được dựng tháp?”

Thế Tôn bảo:

“Nay các người, nên biết, Chuyển luân Thánh vương tự hành thập thiện, tu mười công đức; cũng lại khuyên dạy người hành thập thiện, công đức. Thế nào là mười? Tự mình không sát sinh, lại khuyên bảo người khác không sát sinh. Tự mình không trộm cắp, lại dạy người khác khiến không trộm cắp. Tự mình không dâm dật, lại dạy người khác khiến không dâm dật. Tự mình không nói dối, lại dạy người khác khiến không nói dối. Tự mình không ý ngữ, lại dạy người khác khiến không ý ngữ. Tự mình không ganh ghét, lại dạy người khác khiến không ganh ghét. Tự mình không tranh tụng, lại dạy người khác khiến không tranh tụng. Tự mình chánh ý, lại dạy người khác khiến ý không loạn. Tự mình chánh kiến, lại dạy người khác khiến hành chánh kiến.

⁴² Hán: Tự thiêu-bà 寺偷婆. Skt. *caitya-stūpa* (Pāli: *cetiya-thūpa*).

Tăng nhất A-hàm

“Tỳ-kheo, nên biết, Chuyển luân Thánh vương có mười công đức này, cho nên đáng cho dựng tháp.”

A-nan bạch Thế Tôn:

“Lại vì nhân duyên gì đệ tử Như Lai xứng đáng được dựng tháp?”

Thế Tôn bảo:

“A-nan nên biết, A-la-hán lậu tận, không còn tái sinh nữa, sạch như vàng trời, ba độc, năm sử vĩnh viễn không còn hiện khởi nữa. Vì nhân duyên này đệ tử Như Lai đáng được dựng tháp.”

A-nan bạch Phật:

“Vì nhân duyên gì Bích-chi-phật đáng được dựng tháp?”

Thế Tôn bảo:

“Các Bích-chi-phật không thầy mà tự ngộ, đoạn trừ các kết sử, không còn tái sinh nữa, cho nên đáng được dựng tháp.”

A-nan bạch Thế Tôn:

“Lại vì nhân duyên gì Như Lai đáng được dựng tháp?”

Thế Tôn bảo:

“A-nan, ở đây Như Lai có mười lực, bốn vô sở úy, hàng phục những ai chưa được hàng phục, độ những ai chưa được độ, khiến chúng đấng những ai chưa đấng đạo, khiến Bát-niết-bàn những ai chưa được Bát-niết-bàn; mọi người khi gặp, trong lòng cực kỳ hoan hỷ.

“Đó gọi là, này A-nan, Như Lai đáng được dựng tháp. Đó gọi là Như Lai đáng được dựng tháp.”

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10.

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [642c01] Bảy giờ, Tôn giả Bà-ca-lê⁴³ thân mắc bệnh nặng, đại tiểu tiện trên chỗ nằm, ý muốn cầm dao tự sát, nhưng không có sức để có thể tự ngồi dậy. Tôn giả Bà-ca-lê bảo thị giả:

“Ông hãy mang dao đến. Ta muốn tự sát. Sở dĩ như vậy là vì như trong hàng đệ tử của Phật Thích-ca Văn hôm nay, người có tín giải thoát không ai vượt hơn ta. Nhưng hôm nay ta tâm không giải thoát khỏi hữu lậu. Sở dĩ như vậy là vì như đệ tử của Như Lai khi gặp phải khổ não, cũng lại tìm dao tự sát. Nay ta với mạng sống này mà không thể từ bờ này đến bờ kia.”

Bảy giờ, đệ tử của Bà-ca-lê vì xuất gia chưa lâu, chưa biết đời này đời sau, không biết từ bờ này đến bờ bên kia, cũng lại không biết chết đây sinh kia, nên liền trao dao cho. Lúc Bà-ca-lê tay cầm dao rồi, với tín kiên cố, cầm dao tự đâm.

Bà-ca-lê vừa cầm dao tự đâm, suy nghĩ: ‘Trong hàng đệ tử của Phật Thích-ca Văn, ai đã làm những việc phi pháp, sẽ mắc lợi ác, chẳng được thiện lợi. Ở trong pháp Như Lai, đã không được thủ chứng mà lại mạng chung!’ Bảy giờ, Tôn giả Bà-ca-lê liền tư duy về năm thủ uẩn: Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc; đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ*, tướng, hành, thức; đây là sự tập khởi của thọ, tướng, hành, thức; đây là sự diệt tận của thọ*, tướng,

⁴³ Bà-ca-lê 婆迦梨. Pāli: Vakkali. Cf. S.22. 87 Vakkalisuttam (R.

iii. 119). Hán. Tạp (Việt) kinh 1279: Bạt-ca-lê 跋迦梨.

Tăng nhất A-hàm

hành, thức. Ông tư duy thuần thực năm thủ uẩn này. Các pháp có sinh đều là pháp tử. Biết vậy rồi, tâm liền được giải thoát khỏi hữu lậu. Bấy giờ, Tôn giả Bà-ca-lê nhập Niết-bàn trong vô dư Niết-bàn giới.

Thế Tôn bằng thiên nhĩ, nghe Tôn giả Bà-ca-lê đòi cầm đao tự sát. Thế Tôn bảo A-nan:

“Hãy tập hợp các Tỳ-kheo tại thành Xá-vệ lại một chỗ. Ta muốn dạy bảo.”

Tôn giả A-nan vâng lời Thế Tôn dạy, tập hợp các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ tập,⁴⁴ rồi trở về bạch lại Thế Tôn:

“Nay Tỳ-kheo đã vân tập về một chỗ.”

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn Tỳ-kheo Tăng vây quanh trước sau đến tinh xá Tỳ-kheo Bà-ca-lê kia. Trong lúc đó, tỳ ma Ba-tuần muốn biết được thần thức Tôn giả Bà-ca-lê đang ở tại chỗ nào: Tại loài người hay phi nhân, trời, rồng, quỷ thần, càn-đạp-hòa, a-tu-la, ca-lưu-la, ma-hu-lặc, dạ-xoa? Nay thần thức này cuối cùng đang ở đâu, sinh nơi nào mà [643a01] không thấy? Nó tìm kiếm khắp mọi nơi, bốn phía đông, tây, nam, bắc, trên dưới, đều không biết chỗ của thần thức. Lúc bấy giờ, thân thể ma Ba-tuần rất là mỏi mệt, mà vẫn chẳng biết ở đâu.

Khi Thế Tôn dẫn Tỳ-kheo Tăng vây quanh trước sau đến tinh xá kia, bấy giờ, Thế Tôn quan sát, thấy ma Ba-tuần muốn biết thần thức đang ở đâu. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁴⁴ Phổ tập giảng đường 普集講堂: Hội trường của các Tỳ-kheo trong mỗi tinh xá. Cũng gọi là căn hành đường, hay thị giả đường. Pāli: *upaṭṭhāna-sālā*.

“Các người nghe trong tinh xá này có tiếng lớn không?
Lại có ánh sáng quái dị nữa?”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Thật vậy, Thế Tôn, chúng con đã thấy.”

Thế Tôn bảo:

“Đó là tỳ ma Ba-tuần này, muốn được biết thần thức của
Bà-ca-lê đang ở đâu.”

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn cho biết thần thức Tỳ-kheo Bà-ca-lê
đang ở đâu?”

Thế Tôn bảo:

“Thần thức Tỳ-kheo Bà-ca-lê không còn trụ vào bất cứ
đâu. Thiện gia nam tử kia đã Bát-niết-bàn. Hãy ghi nhận
như vậy.”⁴⁵

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

“Tỳ-kheo Bà-ca-lê này, đã đắc bốn đế này khi nào?”

Thế Tôn bảo:

“Đã đắc bốn đế này trong ngày hôm nay.”

A-nan bạch Phật:

“Tỳ-kheo này vốn là người phạm, đã mang bệnh từ lâu.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, A-nan, như những lời người nói. Nhưng Tỳ-
kheo này chịu khổ rất lâu. Trong các đệ tử của Phật

⁴⁵ Pāli, *ibid.*, *appatitṭhitena ca viññāṇena vakkali kulaputto parinibbuto*, thức của Vakkali vô trụ mà nhập Niết-bàn.

Tăng nhất A-hàm

Thích-ca Văn có tín giải thoát thì người này là tối thắng, nhưng vì tâm chưa được giải thoát khỏi hữu lậu, nên suy nghĩ: ‘Nay ta muốn cầm dao tự đâm mình.’ Trong lúc Tỳ-kheo này sắp tự đâm mình, liền tư duy đến công đức Như Lai. Ngay bỏ tuổi thọ, tư duy năm thủ uẩn: “Đây là sắc tập; đây là sắc diệt tận. Khi Tỳ-kheo này tư duy như vậy, các pháp tập khởi đều được diệt tận, Tỳ-kheo này Bát-niết-bàn.”

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Pháp thuộc bốn chánh đoạn,
Bốn ám, pháp già suy,
A-di, pháp bản mặt,
Xá-lợi, Bà-ca-lê.*

27. PHẨM ĐĂNG THỦ BỐN ĐẾ

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các Tỳ-kheo, pháp mà Ta thường nói, đó là bốn đế; bằng vô số phương tiện mà quán sát pháp này, phân biệt ý nghĩa, quảng diễn cho mọi người. Những gì là bốn? Đây là pháp khổ [643b01] đế. Ta dùng vô số phương tiện mà quán sát pháp này, phân biệt ý nghĩa, quảng diễn cho mọi người. Bằng vô số phương tiện diễn nói tập, tận, đạo đế mà quán sát pháp này, phân biệt ý nghĩa, quảng diễn cho mọi người.

“Tỳ-kheo các người, hãy thân cận Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, và thừa sự cúng dường. Sở dĩ như vậy là vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất kia dùng vô số phương tiện mà diễn thuyết bốn đế, quảng diễn cho mọi người. Khi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất phân biệt ý nghĩa, quảng diễn cho mọi người, cho các chúng sanh và chúng bốn bộ, khi ấy có nhiều chúng sanh không thể kể đã sạch hết mọi trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh.

“Tỳ-kheo các người, hãy thân cận Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, và thừa sự cúng dường. Sở dĩ như vậy là vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là cha mẹ sinh ra chúng sanh. Đã được sanh, rồi người dưỡng cho lớn khôn là Tỳ-kheo

¹ Tham chiếu Pāli, M141 Saccavibhaṅgasuttaṃ (R. iii. 247). Hán, *Trung* 7 kinh 31(T1n26, tr. 467a28).

Mục-kiền-liên. Sở dĩ như vậy là vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã vì mọi người nói pháp yếu, thành tựu bốn đế; Tỳ-kheo Mục-kiền-liên đã vì mọi người nói pháp yếu, thành tựu đệ nhất nghĩa, và thành tựu hành vô lậu. Vì vậy các người hãy thân cận Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên.”

Thế Tôn, sau khi nói những lời này, trở về tịnh thất. Sau khi Thế Tôn đi chưa lâu, Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

“Ở đây, có ai đắc pháp bốn đế, người đó nhanh chóng được thiện lợi. Những gì là bốn? Đây là khổ đế, mà ý nghĩa được quảng diễn bằng nhiều phương tiện.

“Thế nào là khổ đế? Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, buồn lo thương xót khổ, oán gặp nhau khổ, ân ái chia lìa khổ, cầu mà không đạt được là khổ. Nói tóm, năm thủ uẩn là khổ. Đó gọi là khổ đế.

“Thế nào là khổ tập đế? Đó là ái kết.

“Thế nào là tận đế? Tận đế là ái dục kết diệt tận không còn dư tàn. Đó gọi là tận đế.

“Thế nào là đạo đế? Đó là tám đạo phẩm Hiền Thánh: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh tinh tấn, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là đạo đế. Chúng sanh này vì có được thiện lợi nên mới được nghe pháp bốn đế này.”

Trong lúc Tôn giả Xá-lợi-phất đang nói pháp này, thì vô lượng chúng sanh không thể kể hết, khi nghe pháp này, sạch hết mọi trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh.

“Chúng ta cũng vì được thiện lợi, nên Thế Tôn nói pháp cho chúng ta, đặt chúng ta vào chỗ phúc địa. Cho nên chúng bốn bộ hãy tìm cầu phương tiện hành bốn đế này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các [643c01] Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, số đông các Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ. Khi ấy, số đông các Tỳ-kheo này suy nghĩ: ‘Chúng ta đi khát thực, trời còn sớm quá. Chúng ta hãy đi đến thôn dị học ngoại đạo để cùng luận nghị.’ Rồi các Tỳ-kheo liền đi đến trong thôn ngoại đạo; đến nơi, sau khi cùng nhau hỏi thăm rồi, các vị ngồi qua một bên.

Bấy giờ, các dị học hỏi đạo nhân rằng:

“Sa-môn Cù-đàm nói pháp này cho đệ tử: ‘Tỳ-kheo các người, tất cả phải học pháp này, tất cả phải hiểu rõ. Đã hiểu rõ rồi, nên cùng nhau phụng hành.’ Chúng tôi cũng vậy, nói pháp này cho đệ tử: ‘Các người tất cả phải học pháp này, tất cả phải hiểu rõ. Đã hiểu rõ rồi, nên cùng nhau phụng hành.’ Sa-môn Cù-đàm cùng chúng tôi có những gì sai khác, có gì hơn kém nào? Nghĩa là Sa-môn nói pháp, ta cũng nói pháp. Sa-môn dạy bảo ta cũng dạy bảo!”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những lời này, không nói đúng, cũng không nói sai, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Rồi các Tỳ-kheo tự bảo nhau rằng: ‘Chúng ta hãy đem nghĩa này đến bạch Thế Tôn.’

² Tham chiếu Pāli, M 11 Cūḷa-Sīhanādasuttaṃ (R. i. 63). Hán, Trung 26 kinh 103 (T1n26, tr. 590b5).

Các Tỳ-kheo sau khi vào thành Xá-vệ khát thực, ăn xong thu cát y bát, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai trái, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch hết lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu ngoại đạo kia hỏi vậy, các ngươi nên đem lời này đáp họ: ‘Có một cứu cánh, hay có nhiều cứu cánh?’³ Hoặc phạm-chí kia mà nói một cách bình đẳng,⁴ họ phải nói: ‘Một cứu cánh, chứ không phải nhiều cứu cánh.’

“Cứu cánh ấy⁵ là cứu cánh liên hệ dục, hay là cứu cánh không dục?⁶ Cứu cánh kia, phải nói⁷ là cứu cánh vô dục.

“Lại hỏi, cứu cánh ấy, là cứu cánh liên hệ sân hay là cứu cánh không sân? Phải nói cứu cánh là cứu cánh không sân; chứ không phải cứu cánh liên hệ sân.

“Thế nào, cứu cánh ấy liên hệ si, hay cứu cánh không si? Phải nói, cứu cánh ấy là cứu cánh không si.

“Thế nào, cứu cánh ấy là gì, là cứu cánh liên hệ ái, hay cứu cánh không ái?⁸ Cứu cánh ấy, phải nói là cứu cánh không ái.

“Thế nào, cứu cánh ấy [644a01] là cứu cánh có chấp thủ

³ Pāli, *ibid.*, *ekā niṭṭhā, udāhu puthu niṭṭhā’ti*?

⁴ Bình đẳng thuyết; được hiểu là “trả lời chân chánh, hay chánh xác.” Pāli: *sammā byākaramānā*.

⁵ Hán: bỉ cứu cánh 彼究竟, được hiểu là “cứu cánh là một ấy.”

⁶ Pāli: *sā niṭṭhā sarāgassa udāhu vītarāgassā’ti*? Đó là cứu cánh cho người có tham, hay cho người ly tham?

⁷ Pāli: *sammā byākaramānā*, trả lời chân chánh.

⁸ Pāli: *sā niṭṭhā satanḥassa udāhu vītananḥassā’ti*, đó là cứu cánh cho người có khát ái, hay cho người không còn khát ái?

hay cứu cánh không có chấp thủ?⁹ Cứu cánh ấy là cứu cánh không chấp thủ.

“Thế nào, cứu cánh ấy là cho người trí hay là người chẳng phải trí? Đó là cứu cánh của người trí.

“Cứu cánh ấy là cứu cánh của người phần nộ, hay cứu cánh của người không phần nộ?¹⁰ Cứu cánh ấy, phải nói là cứu cánh của người không phần nộ.

“Này Tỳ-kheo, có hai loại kiến này. Hai loại kiến ấy là gì? Kiến chấp hữu và kiến chấp vô.¹¹ Những sa-môn, bà-la-môn nào do không biết gốc ngọn của hai kiến này nên có tâm dục, có tâm sân nhuế, có tâm ngu si, có tâm ái, có tâm chấp thủ¹². Họ là những kẻ vô tri. Họ có tâm phần nộ,¹³ không tương ưng với hành.¹⁴ Người kia không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, sầu ưu, khổ não, chua, cay, muôn mối khổ không thoát được.

“Những sa-môn, bà-la-môn nào biết điều đó như thật, họ

⁹ Thọ 受, đây nên hiểu là chấp thủ. Pāli: *sā niṭṭhā sa-upādānassa udāhu anupādānassā'ti?* Đó là cứu cánh cho người có chấp thủ, hay cho người không còn chấp thủ?

¹⁰ Hán: Nộ giả sở cứu cánh 怒者所究竟; nên hiểu là không bắt mãn với hoàn cảnh. Pāli: *sā niṭṭhā anuruddhappaṭiviruddhassa udāhu ananuruddha-appaṭiviruddhassā'ti?* Đó là cứu cánh cho người thuận tùng (lạc quan) hay người vi nghịch (bi quan), hay không thuận tùng, không vi nghịch?

¹¹ Hữu kiến, vô kiến 有見無見. Pāli: *bhavadiṭṭhi vibhavadiṭṭhi*.

¹² Thọ 受, đây nên hiểu là chấp thủ. Pāli: *upādāna*.

¹³ Xem cht. 8 trên; cuối cùng trong các trả lời về cứu cánh đoạn trên. Pāli: *te anuruddhappaṭiviruddhā*, họ là những người có lạc quan, có bi quan.

¹⁴ Bất dữ hành tương ưng 不與行相應. Pāli: *te papañcācāmā*, họ là những người ưa hý luận.

không có tâm sân nhuế, ngu si, thường tương ưng với hành, nên thoát khỏi được sanh, già, bệnh, chết. Nay nói về nguồn gốc của khổ như vậy.

“Tỳ-kheo, có diệu pháp này, đó gọi là pháp bình đẳng. Những ai không hành pháp bình đẳng thì đọa vào năm kiến.

“Nay sẽ nói về bốn thủ.¹⁵ Bốn thủ ấy? Dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ. Đó gọi là bốn thủ. Nếu có sa-môn, bà-la-môn nào biết hết tên của dục thủ; tuy họ biết tên của dục thủ, nhưng lại không phải người tương ưng.¹⁶ Họ biết phân biệt hết tên của các thủ, nhưng chỉ phân biệt được tên của dục thủ trước, mà không phân biệt được tên của kiến thủ, giới thủ, ngã thủ. Sở dĩ như vậy là vì những sa-môn, bà-la-môn kia không có khả năng phân biệt được tên của ba thủ này.¹⁷

“Cho nên, hoặc có sa-môn, phân biệt được hết các thủ, nhưng họ chỉ phân biệt được dục thủ và kiến thủ, chứ không phân biệt được giới thủ và ngã thủ. Sở dĩ như vậy là vì những sa-môn, bà-la-môn kia không thể phân biệt được hai thủ này.

“Hoặc khiến sa-môn, bà-la-môn có thể phân biệt hết các

¹⁵ Tứ thọ 四受. Pāli: *cattārimāṇi pādānāni: kāmupādānaṃ, ditṭhupādānaṃ, sīlabbatupādānaṃ, attavādu-pādāna*, có bốn thủ này: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ..

¹⁶ Pāli: “Một số sa-môn bà-la-môn tự tuyên bố (*paṭijānamānā*) là chủ trương biến tri tất cả dục thủ (*kāmupādānapariññāvādā*) nhưng họ không chỉ thị ra được (*paññapenti*) sự biến tri tất cả thủ một cách chân chánh.”

¹⁷ Cf. *Trung 26*, *ibid*. “Họ thì thiết (=chủ trương) đoạn dục thọ (=dục thủ), nhưng không thì thiết đoạn ba thọ kia. Vì họ không biết ba trường hợp này một cách như chơn.”

thủ, nhưng lại cũng không đầy đủ. Họ có thể phân biệt được dục thủ, kiến thủ và giới thủ còn không phân biệt được ngã thủ. Sở dĩ như vậy là vì những sa-môn, bà-la-môn kia không thể phân biệt được ngã thủ.

“Cho nên, có những sa-môn, bà-la-môn tuy phân biệt hết các thủ, nhưng lại không đầy đủ. Đây gọi là bốn thủ. Chúng có những nghĩa gì? Làm sao phân biệt? Bốn thủ là do ái sinh. Như [644b01] vậy, Tỳ-kheo có diệu pháp này cần được phân biệt. Nếu ai không hành các thủ này, ở đây không được gọi là bình đẳng. Sở dĩ như vậy là vì nghĩa của các pháp khó tỏ, khó bày. Nghĩa phi pháp như vậy không phải là những lời dạy của Tam-da-tam-phật.¹⁸

“Tỳ-kheo, nên biết, Như Lai hay phân biệt hết tất cả các thủ. Vì hay phân biệt tất cả các thủ nên cùng tương ưng, và hay phân biệt dục thủ, kiến thủ, ngã thủ, giới thủ. Cho nên khi Như Lai phân biệt tất cả các thủ, thì cùng tương ưng với pháp không chống trái nhau.

“Bốn thủ này do gì sinh? Bốn thủ này do ái mà sinh, do ái mà lớn, và thành tựu thủ này. Đối với ai mà các thủ không khởi, vì các thủ không khởi, nên người ấy không có sự sợ hãi. Do không có sự sợ hãi nên Bát-niết-bàn, biết rõ như thật rằng: ‘Sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’

“Như vậy, Tỳ-kheo, có diệu pháp này, như thật mà biết, thành tựu đầy đủ các pháp, căn bản của pháp hành. Sở dĩ như vậy là vì pháp kia thật là vi diệu, được chư Phật tuyên thuyết, cho nên đối với các hành không có sự thiếu sót.

¹⁸ Tam-da-tam-phật 三耶三佛, Pāli: *sammāsambuddha* (Skt. *samyak-sambuddha*), Phật Chánh đẳng Chánh giác.

“Tỳ-kheo, ở trong đây¹⁹ có đệ nhất Sa-môn, đệ nhị Sa-môn, đệ tam Sa-môn, đệ tứ Sa-môn, không có Sa-môn nào nữa vượt khỏi trên đây, thù thắng hơn đây.²⁰ Hãy rống tiếng rống sư tử như vậy”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3²¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc²² đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi Gia chủ:

“Thế nào, Gia chủ, nhà ông thường hay bố thí phải không?”

Gia chủ bạch Phật:

“Nhà con nghèo²³ mà thường hành bố thí. Nhưng đồ ăn thô dở, không đồng như thường.”

¹⁹ Ư thị 於是, ở đây, chỉ ở trong Phật pháp.

²⁰ Cf. *Trung* 26: Thử hữu (...) thử ngoại cảnh vô Sa-môn 此有 ...

此外更無沙門, chỉ trong đây (trong Phật pháp), ngoài đây ra (ngoài Phật pháp) không có Sa-môn (...). Pāli: *idheva samaṇo, suñña parappa-vādā samaṇebhi aññehī'ti*, chính nơi đây mới có Sa-môn (đệ nhất... đệ tứ). Các giáo thuyết khác trống không, không có Sa-môn.

²¹ Tham chiếu Pāli, A. IX. 20 Velāma (R. iv. 392). Hán, *Trung* 39 kinh 125 (T1n26, tr. 677a8).

²² A-na-bân-đề 阿那邠邸.

²³ Bấy giờ, gia sản Cấp Cô Độc bị khánh kiệt. Cf. Sớ giải Pháp cú, DhA. iii. 11.

Thế Tôn bảo:

“Nếu khi bố thí, dù ngon hay dở, dù nhiều hay ít, mà không dụng tâm ý, lại không phát nguyện, và không có tín tâm; do hành báo này mà sinh nơi nào nơi ấy không có được thức ăn ngon, không có được ý ham cầu lạc, cũng không có được ý ham cầu mặc y phục đẹp, cũng không có được ham cầu nghề (nghiep) nông tốt đẹp, tâm cũng không có được ham cầu trong ngũ dục. Giả sử, có được tột tở, kẻ chạy tin, chúng cũng không chịu vâng lời. Sở dĩ như vậy là vì do trong lúc bố thí không dụng tâm, nên thọ nhận [644c01] báo này.

“Này Gia chủ, nếu khi bố thí, dù ngon hay dở, dù nhiều hay ít, hãy chí thành dụng tâm, chớ có thêm bớt, xây dựng cầu đồ đời sau, mà sinh nơi nào, nơi ấy có đồ ăn thức uống tự nhiên, bảy loại tài sản đầy đủ, tâm hằng có được hoan lạc trong ngũ dục. Giả sử có tột tở, kẻ chạy tin, chúng hằng vâng lời. Sở dĩ như vậy là vì trong lúc bố thí mà phát tâm hoan hỉ.

“Gia chủ nên biết, thời quá khứ xa xưa có bà-la-môn tên Tỳ-la-ma²⁴ nhiều của báu, trân châu, hổ phách, xa cừ, mã não, thủy tinh, lưu li, lòng ham thích bố thí. Khi bố thí, ông đem tám vạn bốn nghìn bát bạc đựng đầy vàng vụn, lại đem tám vạn bốn nghìn bát vàng đựng đầy bạc vụn, để bố thí như vậy.

“Lại đem tám vạn bốn nghìn cái bình rửa bằng vàng bạc ra bố thí. Lại đem tám vạn bốn nghìn con bò đều dùng vàng bạc bịt sừng, để bố thí như vậy. Lại đem tám vạn bốn nghìn ngọc nữ bố thí với y phục được mặc. Lại đem tám vạn bốn nghìn ngọc cụ đều được phủ lên bằng trầm

²⁴ Tỳ-la-ma 毘羅摩, Pāli: Velāma.

đệm có thêu thùa văn vẽ mà bồ thí. Lại đem tám vạn bốn ngàn áo xiêm mà bồ thí. Lại đem tám vạn bốn ngàn voi lớn,²⁵ thấy đều được trang sức bằng các thứ vàng bạc, mà bồ thí. Lại đem tám vạn bốn ngàn con ngựa, thấy đều được đóng yên cương bằng vàng bạc, mà bồ thí. Lại đem tám vạn bốn ngàn cỗ xe mà bồ thí. Ông bồ thí lớn như vậy.

“Lại bồ thí tám vạn bốn ngàn phòng xá. Ông lại bồ thí ở trong bốn cổng thành; những ai cần thức ăn thì cho thức ăn; cần áo thì cho áo; cần chăn, màn, ẩm thực, giường chõng, đồ trải nằm, thuốc trị bệnh các thứ. Thấy đều cung cấp hết.

“Gia chủ nên biết, tuy Tỳ-la-ma này làm việc bồ thí như vậy, nhưng không bằng dựng một phòng xá đem bồ thí chiêu-đề Tăng.²⁶ Phước này không thể kể hết.

“Giả sử người ấy bồ thí như vậy, cùng lập phòng xá để bồ thí chiêu-đề Tăng, cũng không bằng tự thân thọ ba quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Phước này không thể kể hết.

“Giả sử người ấy bồ thí như vậy, cùng tạo phòng xá, lại thọ tam tự quy, dù có phước này, vẫn không bằng thọ trì năm giới.

“Giả sử người ấy bồ thí, cùng tạo phòng xá, thọ tam tự quy, và thọ trì năm giới, dù có phước này, nhưng vẫn không bằng chỉ trong khoảnh khắc khảy móng tay mà có từ tâm đối với chúng sanh. Phước này, công đức không thể kể hết.

²⁵ Hán: Long tượng 龍象.

²⁶ Chiêu-đề Tăng 招提僧; Tăng du hành bốn phương, không trú xứ nhất định. Pāli: *catuddisā-saṅgha*.

“Giả sử người ấy bỏ thí như vậy, tạo phòng xá, thọ tam tự quy, [645a01] vâng giữ năm giới, cùng khoảnh khắc khảy móng tay mà có từ tâm đối với chúng sanh, dù có phước này, vẫn không bằng trong chốc lát mà khởi tướng thế gian không khả lạc. Phước này, công đức không thể lường được.

“Song, những công đức người kia đã làm, Ta đều chứng nghiệm rõ ràng. Tạo dựng Tăng phòng, Ta cũng biết phước này. Thọ ba tự quy, Ta cũng biết phước này. Thọ trì năm giới, Ta cũng biết phước này. Trong khoảnh khắc bằng khảy móng tay mà có từ tâm đối với chúng sanh, Ta cũng biết phước này. Trong chốc lát mà khởi tướng thế gian không khả lạc, Ta cũng biết phước này.”

“Bấy giờ, bà-la-môn kia đã tạo đại thí như vậy, há phải là ai khác ư? Chớ tưởng như vậy. Sở dĩ như vậy là vì, người chủ thí bấy giờ chính là thân Ta vậy.

“Gia chủ nên biết, quá khứ lâu xa Ta đã tạo ra công đức, tín tâm không dứt, không khởi tướng đắm trước. Cho nên, này Gia chủ, nếu khi muốn bỏ thí dù nhiều hay ít, dù ngon hay dở, nên hoan hỷ bỏ thí, chớ có khởi tướng đắm trước. Hãy tự tay bỏ thí, chớ sai người khác. Phát nguyện cầu báo, sau cầu thọ phước. Gia chủ nên biết, được phước vô cùng.

“Này Gia chủ, hãy học điều này như vậy.”

Gia chủ sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà,

Tăng nhất A-hàm

nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Khi mặt trời vừa lên, mọi người cùng nhau làm ruộng, trăm chim hót vang, trẻ thơ la khóc. Tỳ-kheo nên biết, nay Ta lấy đây làm thí dụ, hãy hiểu nghĩa của nó. Nghĩa này phải hiểu làm sao? Khi mặt trời mới mọc, đây dụ Như Lai ra đời. Người dân khắp nơi cùng làm ruộng, đây dụ cho đàn-việt thí chủ tùy thời cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Trăm chim hót vang, đây dụ cho pháp sư cao đức, có thể vì chúng bốn bộ mà thuyết pháp vi diệu. Trẻ thơ khóc la, đây dụ cho tệ ma Ba -tuần.

“Cho nên, các Tỳ-kheo, như mặt trời mới mọc, Như Lai ra đời trừ bỏ bóng tối, không nơi nào là không chiếu sáng.

“Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc đến chỗ Như Lai, đánh lễ sát chân, rồi [645b01] ngồi qua một bên. Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc bạch Thế Tôn:

“Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu bao nhiêu pháp để hành đàn ba-la-mật, đầy đủ sáu ba-la-mật, nhanh chóng thành Đạo²⁷ Vô thượng Chánh chơn?”

²⁷ Đạo, dịch từ *bodhi* (bồ-đề).

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

“Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành bốn pháp căn bản, đầy đủ sáu ba-la-mật, sẽ nhanh chóng thành Vô thượng Chánh chơn Đẳng chánh giác. Sao gọi là bốn? Ở đây Bồ-tát huệ thí từ Phật, Bích-chi-phật xuống cho đến người phạm thấy đều bình đẳng không lựa chọn người, thường nghĩ vậy: ‘Tất cả do ăn mà tồn tại, không ăn thì tiêu vong.’ Đó gọi là Bồ-tát thành tựu pháp thứ nhất này, đầy đủ sáu độ.

“Lại nữa, Bồ-tát khi bố thí đầu, mắt, tủy não, nước, của cải, vợ con, vui vẻ bố thí không sinh tưởng đắm trước. Như người đáng chết, đến khi chết thì sống lại, vui mừng hơn hờ không tự kèm chế được. Bây giờ, Bồ-tát phát tâm vui thích cũng lại như vậy; bố thí thệ nguyện không sinh tưởng đắm trước.

“Lại nữa, Di-lặc, Bồ-tát lúc bố thí khắp đến tất cả, không tự vì mình, mà vì để thành đạo Vô thượng Chánh chơn. Đó gọi là thành tựu ba pháp này đầy đủ sáu độ.

“Lại nữa, Di-lặc, Bồ-tát Ma-ha-tát lúc bố thí tự tư duy: ‘Trong các loài chúng sanh, Bồ-tát là đứng đầu trên hết, đầy đủ sáu độ, thông suốt gốc của các pháp. Vì sao vậy? Vì các căn tịch tĩnh, tư duy cấm giới, không khởi sân nhuế, tu hành tâm từ, đồng mãn tinh tấn, tăng trưởng pháp thiện, trừ pháp bất thiện, thường hằng nhất tâm, ý không tán loạn, đầy đủ pháp môn biện tài, hoàn toàn không vượt thứ lớp, khiến cho các thí này đầy đủ sáu độ, thành tựu dần ba-la-mật. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát nào hành bốn pháp này, nhanh chóng thành tựu Vô thượng Chánh chơn Đẳng chánh giác. Cho nên, nay Di-lặc, Bồ-tát Ma-ha-tát lúc muốn bố thí, nên phát thệ nguyện đầy đủ các hạnh này.

“Này Di-lặc, hãy học điều này như vậy.”

Di-lặc, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6²⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nhu Lai ra đời có bốn vô sở úy.²⁹ Nhu Lai được bốn vô sở úy này, nên không bị đánh trước bất cứ điều gì trên thế gian, ở trong đại chúng rống tiếng rống sư tử, chuyển Phạm luân³⁰.

“Sao gọi là bốn? [645c01] Nay Ta đã thành tựu pháp này, cho dù ở trong đại chúng hoặc sa-môn, bà-la-môn, Ma hoặc Ma thiên cho đến loài bò bay, loài cựa quậy, nói rằng Ta không thành tựu pháp này, không có trường hợp này. Ở trong đó Ta đắc vô sở úy. Đó là vô sở úy thứ nhất.³¹

“Nhu hôm nay, Ta các lậu đã diệt tận, không còn tái sinh nữa. Nếu có sa-môn, bà-la-môn, chúng sanh nào, ở trong đại chúng nói rằng Ta các lậu chưa diệt tận, không có trường hợp này. Đó gọi là vô sở úy thứ hai.³²

²⁸ Tham chiếu Pāli, A IV 8 Vesārajjasutta (R. ii. 9).

²⁹ Bốn vô sở úy 四無所畏. Pāli: *cattārimāṇi tathāgatassa vesārajjāṇi*, bốn điều tự tin của Nhu Lai. Cf. *Câu-xá* 27 (T29n1558, tr. 140c17).

³⁰ Phạm luân 梵輪. Pāli: *brahmacakka*.

³¹ Cf. *Câu-xá*, dẫn trên: Chánh đẳng giác vô úy 正等覺無畏, Skt. *sarva-dharmābhisambodhi-vaiśāradya*, tự tin, không do dự, khi tuyên bố tự thân chứng biết tất cả các pháp.

³² Cf. *Câu-xá*, ibid., lậu vĩnh tận vô úy 漏永盡無畏, Skt.

“Nay Ta đã lìa pháp si ám, mà muốn khiến trở lại pháp si ám,³³ hoàn toàn không có việc này. Nếu lại có sa-môn, bà-la-môn, Ma hoặc Ma thiên, chúng sinh nào, ở trong đại chúng nói Ta đã trở lại pháp si ám, việc này không đúng. Đó gọi là vô sở úy thứ ba của Như Lai.³⁴

“Pháp xuất yếu của các bậc Hiền Thánh để sạch hết bờ khổ mà muốn nói đó không là xuất yếu, hoàn toàn không có việc này. Nếu có sa-môn, bà-la-môn, Ma hoặc Ma thiên, chúng sinh nào, ở trong đại chúng nói, Như Lai chưa tận cùng biên tế khổ, không có trường hợp này. Đó gọi là vô sở úy thứ tư của Như Lai.³⁵

“Như vậy, này Tỳ-kheo, với bốn vô sở úy, Như Lai ở trong đại chúng có thể rống tiếng rống sư tử, chuyển bánh Phạm luân. Cho nên, này Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn vô sở úy.

“Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ

sarvāsraṇa-kṣaya-jñāna-vaiśāradya, tự tin, khi tuyên bố tự thân biết rõ tất cả các lậu đã diệt tận.

³³ Pāli: *antarāyikā dhammā vuttā*, những pháp được nói là chương ngại. Bản Hán có thể đọc Skt. *andharakāra-dharmā* (Pāli: *andhakāra-dhammā*): Pháp u ám, thay vì Skt. *anatarāyika-dharmā* (Pāli: *antarāyika-dhammā*): Pháp chương ngại.

³⁴ *Câu-xá*, ibid., thuyết chương pháp vô úy 說障法無畏. Skt. *anatarāyikadharmānyathātva-niścita-vyākaraṇa-vaiśāradya*, tự tin khi tuyên bố xác nhận quyết định không thay đổi những gì là pháp chương ngại đạo.

³⁵ *Câu-xá*, ibid., thuyết xuất đạo vô úy 說出道無畏. Skt.

sarvasampad-adhigamāya nairyāṇikapratipat-tathāva-vaiśāradya, tự tin khi tuyên bố không thể đổi khác con đường hành trì dẫn đến chứng đắc.

Tăng nhất A-hàm

phụng hành.

KINH SỐ 7³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay có bốn hạng người thông minh, dũng mãnh, thông suốt xưa nay, thành tựu pháp tùy pháp.³⁷ Sao gọi là bốn? Tỳ-kheo đa văn thông suốt xưa nay, ở trong đại chúng thật là đệ nhất. Tỳ-kheo-ni đa văn, thông suốt xưa nay, ở trong đại chúng thật là tối đệ nhất*.³⁸ Ưu-bà-tắc đa văn, thông suốt xưa nay, ở trong đại chúng thật là đệ nhất*. Ưu-bà-di đa văn, thông suốt xưa nay, ở trong đại chúng thật là đệ nhất*.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn hạng người ở trong đại chúng thật là đệ nhất.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Dũng mãnh, không sợ hãi,³⁹
Đa văn, hay thuyết pháp,⁴⁰
Trong chúng là sư tử
Hay trừ pháp khiếp nhược.*

*Tỳ-kheo, thành tựu giới;
Tỳ-kheo-ni đa văn;
[646a01]Ưu-bà-tắc có tín;*

³⁶ Tham chiếu Pāli, A IV 7 Sobhanasutta (R. ii. 8).

³⁷ Pháp pháp thành tựu.

³⁸ Pāli: *Saṅgham sobhenti*, những người ấy làm sáng chói Tăng.

³⁹ Vô sở úy 無所畏; Pāli: *Visārada*, tự tin, không do dự.

⁴⁰ Thuyết pháp 說法. Pāli: *Dhammadhara*, trì pháp.

Ưu-bà-di cũng vậy;

Trong chúng là đệ nhất.*

Hoặc hay hòa thuận chúng.

Muốn biết được nghĩa này,

Như lúc trời mới mọc.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học thông suốt việc xưa nay, thành tựu pháp tùy pháp.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại chim cánh vàng⁴¹. Những gì là bốn? Có chim cánh vàng sinh bằng trứng, có chim cánh vàng sinh bằng thai, có chim cánh vàng sinh do ẩm, có chim cánh vàng sinh do biến hóa. Đó là bốn loại chim cánh vàng.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, có bốn loài rồng. Những gì là bốn? Có rồng sinh bằng trứng, có rồng sinh bằng thai, có rồng sinh do ẩm thấp, có rồng sinh do biến hóa. Này Tỳ-kheo! Đó gọi là bốn loài rồng.

“Tỳ-kheo nên biết, khi chim cánh vàng sinh bằng trứng kia muốn ăn rồng, nó phải lên trên cây thiết xoa⁴² tự lao

⁴¹ Kim sí điều 金翅鳥. Pāli: *Garuḷa* (Skt. *garuḍa*). Xem Trường 19, kinh Thế ký, phẩm Long điều.

⁴² Thiết xoa thọ 鐵叉樹. Trường ibid., Cú-la thiêm-ma-la. Pāli:

mình xuống biển. Nhưng nước biển kia ngang dọc hai mươi tám vạn dặm, dưới có bốn loại cung rồng. Có rồng loại trứng, có rồng loại thai, có rồng loại ẩm thấp, có rồng loại biến hóa. Khi ấy loài chim cánh vàng loại trứng dùng cánh lớn quạt nước rẽ hai bên, bắt loại rồng trứng ăn, nếu gặp phải loài rồng bằng thai, thân chim cánh vàng sẽ bị chết ngay. Bấy giờ, chim cánh vàng quạt nước bắt rồng, nước còn chưa hoàn lại, nó đã trở lên trên cây thiết xoa.

“Tỳ-kheo nên biết, khi chim cánh vàng sinh bằng thai muốn ăn rồng, nó phải lên trên cây thiết xoa, tự lao mình xuống biển. Nhưng nước biển kia ngang dọc hai mươi tám vạn dặm. Nó quạt nước, xuống đến gặp loài rồng thai, nếu gặp loài rồng trứng cũng có thể bắt chúng, ngâm đem ra khỏi nước biển. Nếu gặp loài rồng sinh ẩm thấp, thân chim chết ngay.

“Tỳ-kheo nên biết, khi chim cánh vàng sinh do ẩm thấp muốn ăn rồng, nó lên trên cây thiết xoa, tự lao mình xuống biển. Nếu nó gặp loài rồng sinh bằng trứng, rồng sinh bằng thai, rồng sinh do ẩm thấp, đều có thể bắt chúng. Nếu gặp phải rồng hóa sinh, thân chim chết ngay.

“Này Tỳ-kheo, khi chim cánh vàng do hóa sinh muốn ăn rồng, nó lên trên cây thiết xoa, tự lao mình xuống biển. Nhưng nước biển kia ngang dọc hai mươi tám vạn dặm. Nó quạt nước xuống, đến gặp phải rồng trứng, rồng thai, [646b01] rồng ẩm thấp, rồng hóa sinh, đều có thể bắt chúng. Khi nước biển chưa hoàn lại, đã trở lên trên cây thiết xoa.

“Tỳ-kheo nên biết, khi Long vương đang thừa sự Phật,

chim cánh vàng không thể ăn thịt được. Vì sao vậy? Như Lai thường hành bốn vô lượng tâm*, vì vậy cho nên chim không thể ăn rồng. Sao gọi là bốn vô lượng tâm? Là Như Lai thường hành tâm từ, thường hành tâm bi, thường hành tâm hỷ, thường hành tâm xả*. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là Như Lai thường có bốn vô lượng tâm này; có sức lực mạnh, đồng mãnh lớn, không thể ngăn và hoại được. Vì vậy, nên chim cánh vàng không thể ăn rồng. Cho nên các Tỳ-kheo phải hành tâm từ vô lượng.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu lúc thiện tri thức bố thí, có bốn sự công đức. Sao gọi là bốn? Biết thời mà bố thí chứ không phải không biết thời. Tự tay huệ thí không sai người khác. Bố thí thường trong sạch, chẳng phải không trong sạch. Bố thí thật vi diệu, không có vẩn đục. Thiện tri thức khi bố thí có bốn công đức này.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, thiện nam tử, thiện nữ nhân lúc bố thí nên đủ bốn công đức này. Do đủ công đức này, được phước nghiệp lớn, được sự tịch diệt của cam lồ. Nhưng phước đức này không thể đo lường, nên nói sẽ có ngàn phước nghiệp như vậy mà hư không không thể dung chứa hết.

“Giống như nước biển không thể đong để nói là một hộc, nửa hộc, một lè,⁴³ nửa lè. Nhưng phước nghiệp này không thể diễn giải đầy đủ. Như vậy, thiện nam tử, thiện nữ nhân đã tạo ra những công đức không thể kể, được phước nghiệp lớn, được cam lồ tịch diệt, nên nói sẽ có ngàn ấy phước đức như vậy. Cho nên, này Tỳ-kheo, thiện nam tử, thiện nữ nhân nên đủ bốn công đức này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay có bốn hạng người đáng kính, đáng quý, là ruộng phước thể gian. Sao gọi là bốn? Là tùy tín hành⁴⁴, [646c01] tùy pháp pháp,⁴⁵ thân chứng,⁴⁶ kiến đạo⁴⁷.

⁴³ Mười lè là một thưng.

⁴⁴ Nguyên Hán: Trì tín 持信. Tùy tín hành 隨信行, thấp nhất trong bảy bậc Thánh của Thanh văn. Cf. *Tập dị* 16 (T26n1536, tr. 435b15): Thất bổ-đặc-già-la 七補特伽羅. Pāli: *saddhānusārī*, cf. M. 70 Kūṭāgirisutta (M. i. 479)

⁴⁵ Nguyên Hán: Phụng pháp 奉法; tùy pháp hành 隨法行, hàng thứ hai từ thấp trong 7 bậc Thánh Thanh văn; cf. *Tập dị*, ibid. Pāli: *dharmānusārī*, cf. Kūṭāgiri, ibid.

⁴⁶ Thân chứng 身證; hàng thứ năm từ dưới, nhảy hàng ba và tư. Trong liệt kê này, Hán dịch nhảy sót hàng thứ ba: Tín thắng giải

“Sao gọi là người tùy tín hành? Hoặc có một người lãnh thọ sự giáo giới của người khác, có tín tâm chí thiết, ý không nghi nan; có tín tâm nơi Như Lai Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên Nhân sư, hiệu là Phật Thế Tôn, cũng có tín nơi lời dạy của Như Lai, cũng có tín nơi lời dạy của đồng phạm hạnh⁴⁸; hằng có tín nơi lời người khác, không tùy theo trí của mình. Đó gọi là người trì tín.

“Sao gọi là người tùy pháp hành? Ở đây, có người phân biệt ở nơi pháp, không tin người khác; quán sát pháp rằng, ‘Có chăng? Không chăng? Thật chăng? Hư chăng?’ Rồi người ấy nghĩ thầm: ‘Đây là lời Như Lai, đây là lời đồng phạm hạnh*.’ Vì biết đây là pháp ngữ của Như Lai, người ấy liền phụng trì. Nếu là những lời của ngoại đạo, người ấy xa lìa. Đó gọi là người tùy pháp hành*.

“Sao gọi là người thân chứng? Ở đây, có người tự thân tác chứng, cũng không tin người khác, cũng không tin lời Như Lai, và những ngôn giáo của các Tôn túc đã dạy lại cũng chẳng tin, chỉ theo tính mình mà chứng nhập.⁴⁹ Đó gọi là người thân chứng.

“Sao gọi là người kiến đáo? Ở đây, có người đoạn ba kết,

(Pāli: *saddhāvimutto*). cf. *Tập dị*, ibid. Pāli, ibid. *kāyasakkhi*.

⁴⁷ Kiến đáo 見到; hay kiến chí 見至, hàng thứ tư, Hán dịch thứ tự nghịch đảo. Cf. *Tập dị*, ibid. Pāli, ibid., *diṭṭhippatto*

⁴⁸ Phạm chí ngữ 梵志語, ở đây nên hiểu là lời của các đồng phạm hạnh (Pāli: *sabrahmacārī*), tức những bạn đồng tu.

⁴⁹ Cf. *Tập dị*, ibid., “Đã tự thân tác chứng nơi tám giải thoát, nhưng chưa được huệ giải thoát, đó gọi là Thân chứng.” Tức vị A-na-hàm khi chứng đắc diệt tận định, được gọi là vị Thân chứng.

thành pháp bất thối chuyển Tu-đà-hoàn. Người ấy có kiến giải này: ‘Có bố thí, có người nhận, có báo thiện ác, có đời này, có đời sau, có cha, có mẹ, có A-la-hán v.v.’ Người ấy vâng lời dạy, tin vào tự thân tác chứng mà tự chứng nhập.⁵⁰

Đó gọi là, này Tỳ-kheo, có bốn hạng người này. Hãy niệm trừ ba hạng người đầu. Hãy niệm tu pháp thân chứng.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁵¹

⁵⁰ Cf. *Tập dị*, ibid: “Hạng tùy pháp hành, khi chứng đắc đạo loại trí, xả địa vị tùy pháp hành, trở thành kiến chí.”

⁵¹ Bản Hán, hết quyển 19.

28. PHẨM THANH VĂN

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại Ca-lan-đà, trong vườn Trúc, thành La-duyet, [647a01] cùng chúng năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, bốn Đại Thanh văn, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả A-na-luật, Tôn giả Tân-đầu-lô, cùng họp một chỗ, nói như vậy: “Chúng ta cùng xem trong thành La-duyet này ai là người không tạo công đức cúng dường Phật, Pháp, Thánh chúng? Do bởi không có tín, chúng ta hãy khuyến khích họ tin pháp của Như Lai.”

Bấy giờ, có gia chủ tên Bạt-đề, nhiều của báu không thể kể hết, vàng bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, chân châu, hổ phách, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, kẻ hầu người hạ đều đầy đủ; nhưng lại xan tham không chịu bố thí. Đối với Phật, Pháp, chúng Tăng ông không có mảy may điều thiện, không có chí tín; phước cũ đã hết, lại không tạo phước mới. Ông thường ôm lòng tà kiến, cho rằng không có thí, không có phước, cũng không người nhận, cũng không có báo của thiện ác đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, và người đắc A-la-hán, lại cũng không có người thù chúng.

Nhà gia chủ kia có bảy lớp cửa. Cửa nào cũng có người giữ không cho ăn xin đến. Lại cũng dùng lưới sắt phủ giữa sân, vì sợ có chim bay vào trong sân.

Gia chủ có người chị gái¹ tên là Nan-đà, cũng lại keo lẩn

¹ Đề bản: Tỷ 姊. TNM: 妹, muội.

không chịu huệ thí, không trồng cội rễ công đức; phước cũ đã hưởng hết, mà phước mới không được tạo thêm. Cũng ôm lòng tà kiến, rằng không có thí, không có phước, cũng không người nhận, cũng không có báo của thiện ác đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, và người đấng A-la-hán, lại cũng không có người thủ chứng.

Cửa nhà Nan-đà cũng có bảy lớp, cũng có người giữ cửa, không cho những người ăn xin đến; cũng lại dùng lưới sắt phủ lên không cho chim bay vào trong nhà.

“Hôm nay, chúng ta hãy làm cho mẹ Nan-đà² chí tín Phật, Pháp, chúng Tăng.”

Sáng sớm hôm đó, gia chủ Bạt-đề ăn bánh. Tôn giả A-na-luật, bảy giờ đã đến giờ, khoác y, cầm bát, rồi từ dưới đất trong nhà gia chủ vọt lên, đưa bát cho gia chủ. Ông gia chủ rất buồn trong lòng, trao cho A-na-luật một ít bánh. Khi A-na-luật được bánh rồi, trở về chỗ mình. Bảy giờ, gia chủ liền nổi thịnh nộ, nói với người giữ cửa rằng:

“Ta đã có lệnh, không được cho người vào trong cửa. Tại sao lại cho người vào?”

Người giữ cửa thưa:

“Cửa nẻo kiên cố, không biết đạo sĩ này từ đâu vào?”

Gia chủ khi ấy im lặng không nói. [647b01] Khi gia chủ đã ăn bánh xong, tiếp ăn cá thịt. Tôn giả Đại Ca-diếp khoác y, cầm bát, đến nhà gia chủ, từ dưới đất vọt lên, đưa bát cho gia chủ. Gia chủ lòng rất sầu ưu, trao cho Ngài một tí cá thịt. Ca-diếp được thịt, liền biến mất, trở về chỗ mình. Lúc này, gia chủ lại càng giận, bảo người giữ cửa rằng:

² Nan-đà Mẫu 難陀母.

“Trước ta đã ra lệnh, không cho người vào trong nhà. Tại sao lại cho hai sa-môn vào nhà khất thực?”

Người giữ cửa thưa:

“Chúng tôi chẳng thấy sa-môn này lại từ ngõ nào mà vào?”

Gia chủ bảo:

“Sa-môn đầu trọc này giỏi làm trò huyền thuật, mê hoặc người đời. Không có chánh hạnh gì!”

Bấy giờ, vợ gia chủ ngồi cách đó không xa. Người vợ gia chủ này là em gái gia chủ Chấṭ-ḍa,³ cưới từ Ma-sư-san⁴ về. Lúc đó, người vợ bảo Gia chủ:

“Hãy giữ miệng mình, chớ nói những lời này, rằng ‘Sa-môn học huyền thuật.’ Sở dĩ như vậy là vì các sa-môn này có oai thần lớn. Họ mà đến nhà gia chủ là có nhiều lợi ích. Gia chủ có biết Tỳ-kheo trước là ai không?”

Gia chủ đáp:

“Tôi không biết.”

Người vợ nói:

“Gia chủ có nghe con vua Hộc Tịnh, nước Ca-tỳ-la-vệ, tên A-na-luật, lúc đang sinh mặt đất chấn động sáu cách. Cách chung quanh nhà trong vòng một do tuần, mỗ quý tự nhiên xuất hiện không?”

³ Chấṭ-ḍa Gia chủ 質多長者. Pāli: Citta-gahapati, người ở Macchikāsaṇḍa.

⁴ Ma-sư-san 摩師山; phiên âm. Đề bản hiều nhầm san 山 là tên núi, thay vì từ phiên âm, nên chép “Ma-sư san trung”: Trong núi Ma-sư. Pāli: Macchikāsaṇḍa, một thị trấn ở Kāśi.

Tăng nhất A-hàm

Gia chủ đáp:

“Tôi có nghe A-na-luật, song chưa gặp ông ấy.”

Người vợ bảo Gia chủ:

“Vị con nhà hào tộc này lìa bỏ gia cư, đã xuất gia học đạo, tu hành phạm hạnh, đắc đạo A-la-hán, là thiên nhãn đệ nhất không có ai vượt qua. Chính Như Lai cũng nói: ‘Thiên nhãn đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, chính là Tỳ-kheo A-na-luật.’ Tiếp đến, Ông có biết vị Tỳ-kheo thứ hai vào đây khất thực không?”

Gia chủ đáp:

“Tôi không biết.”

Người vợ gia chủ bảo:

“Gia chủ có nghe Đại Bà-la-môn tên Ca-tỳ-la⁵ trong thành La-duyet này, nhiều của báu không thể kể hết, có chim trăm chín mươi chín con bò cày ruộng không?”

Gia chủ đáp:

“Chính tôi đã thấy bà-la-môn này.”

Người vợ Gia chủ bảo:

“Gia chủ, ông có nghe con của bà-la-môn kia tên là Tỷ-ba-la-da-đàn-na,⁶ thân màu vàng, vợ tên là Bà-đà,⁷ là người đặc biệt nhất trong phái nữ. Dù có đem vàng từ ma đến trước cô, thì cũng giống như đen so với trắng

⁵ Ca-tỳ-la 迦毘羅. Pāli: Kapila, tên người Bà-la-môn, thân phụ ngài Đại Ca-diếp.

⁶ Tỷ-ba-la-da-đàn-na 比波羅耶檀那. Pāli: Pippālī, tên của Đại Ca-diếp.

⁷ Bà-đà 婆陀. Pāli: Bhaddhā Kāpilāni.

không?”

Gia chủ đáp:

“Tôi có [647c01] nghe có con bà-la-môn này, tên là Tỷ-ba-la-da-đàn-na, nhưng lại chưa gặp.”

Người vợ Gia chủ nói:

“Chính là vị Tỷ-kheo vừa đến sau đó. Bản thân ông đã bỏ báu ngọc nữ này, xuất gia học đạo, nay đắc A-la-hán, thường hành đầu đà. Người có đầy đủ các pháp hạnh đầu đà, không ai vượt hơn Tôn giả Ca-diếp. Thế Tôn cũng nói: ‘Tỷ-kheo hạnh đầu đà đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta chính là Đại Ca-diếp.’ Hôm nay gia chủ được rất nhiều thiện lợi, mới khiến các vị Hiền Thánh đến nơi này khát thực. Tôi đã quán sát ý nghĩa này, nên bảo ông khéo giữ miệng mình, chớ hủy báng bậc Hiền Thánh cho rằng: ‘Làm trò huyền hóa.’ Các vị đệ tử đức Thích-ca này đều có thần đức.”

Trong lúc đang nói lời này, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên khoác y, cầm bát, bay qua hư không đến nhà gia chủ, làm vỡ lồng lưới sắt, rồi ngồi kiết già ở giữa hư không. Gia chủ Bạt-đề lúc này thấy Mục-kiền-liên ngồi ở giữa hư không, liền sợ hãi mà nói:

“Ngài là trời chăng?”

Mục-liên đáp:

“Ta chẳng phải trời.”

Gia chủ hỏi:

“Ngài là càn-thát-bà chăng?”

Mục-liên đáp:

“Ta chẳng phải càn-thát-bà.”

Tăng nhất A-hàm

Gia chủ hỏi:

“Ngươi là quỷ chăng?”

Mục-liên đáp:

“Ta chẳng phải quỷ.”

Gia chủ hỏi:

“Ngươi là quỷ la-sát ăn thịt người chăng?”

Mục-liên đáp:

“Ta cũng chẳng phải là quỷ la-sát ăn thịt người.”

Bấy giờ, gia chủ Bạt-đề liền nói kệ này:

*Là trời, càn-thát-bà,
La-sát, quỷ thần chăng?
Lại nói chẳng phải trời,
La-sát, hay quỷ thần;
Chẳng giống càn-thát-bà.
Chỗ đang sống là đâu?
Hiện ông tên là gì?
Nay tôi muốn được biết.*

Bấy giờ, Mục-liên lại dùng kệ đáp:

*Chẳng trời, càn-thát-bà,
Chẳng loài quỷ la-sát.
Ba đời được giải thoát;
Nay ta là thân người.
Thầy ta Thích-ca Vãn,
Có thể hàng phục ma;
Thành tựu đạo vô thượng.
Ta tên Đại Mục-liên.*

Gia chủ Bạt-đề nói với Mục-liên rằng:

“Tỳ-kheo có dạy bảo điều gì không?”

Mục-liên đáp:

“Nay tôi muốn nói pháp cho ông nghe. Hãy khéo suy niệm kỹ.”

Khi ấy [648a01] gia chủ lại nghĩ: “Các đạo sĩ này lúc nào cũng dính đến sự ăn uống. Nay mà muốn luận bàn, chính là muốn luận bàn về ăn uống. Nếu đòi ăn nơi ta, ta sẽ nói ‘không’.” Nhưng lại nghĩ thêm: “Ít nhiều gì nay ta cũng nghe thử người này nói cái gì.”

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên biết những ý nghĩ trong tâm gia chủ, liền nói kệ này:

*Như Lai nói hai thí:
Pháp thí và tài thí.
Nay sẽ nói pháp thí
Chuyên tâm nhất ý nghe.*

Khi gia chủ nghe, sẽ nói về pháp thí, tâm liền hoan hỷ, nói với Mục-liên rằng:

“Mong Ngài diễn nói. Tôi nghe sẽ hiểu.”

Mục-liên đáp:

“Gia chủ nên biết, Như Lai nói về năm sự đại thí, suốt đời hãy niệm mà tu hành.”

Gia chủ lại nghĩ: “Vừa rồi Mục-liên muốn nói về hành pháp thí, nay lại nói có năm sự đại thí.”

Mục-liên biết những ý nghĩ trong tâm của gia chủ, lại bảo gia chủ rằng:

“Như Lai nói có hai đại thí, là pháp thí, và tài thí. Nay tôi sẽ nói về pháp thí, không nói tài thí.”

Gia chủ nói:

“Cái gì là năm sự đại thí?”

Mục-liên đáp:

“Một là không được sát sinh, đây gọi là đại thí, gia chủ nên tu hành suốt đời. Hai là không trộm cắp, gọi là đại thí, nên tu hành suốt đời. Không dâm (tà)⁸, không nói dối, không uống rượu, nên tu hành suốt đời.

“Này Gia chủ, đó gọi là có năm đại thí này nên niệm mà tu hành.”

Gia chủ Bạt-đề nghe những lời này xong, lòng rất hoan hỷ mà nghĩ thầm: “Những điều Phật Thích-ca Văn nói rất là vi diệu. Nay những điều diễn nói, chẳng cần đến bảo vật. Như hôm nay, ta không kham sát sinh. Điều này có thể phụng hành được. Hơn nữa, trong nhà ta của báu thật nhiều, quyết không trộm cắp, và đây cũng là việc làm của ta. Lại, trong nhà ta có đàn bà rất đẹp, quyết không dâm vợ người, đây cũng là việc làm của ta. Vả lại, ta không phải là người thích nói dối, huống chi tự mình nói dối, đây cũng là việc làm của ta. Như hôm nay, ý ta không nghĩ đến rượu, huống chi tự mình uống, đây cũng là việc làm của ta.” Rồi thì, gia chủ thưa Mục-liên rằng:

“Năm thí này, tôi có thể làm theo.”

Khi ấy, trong lòng gia chủ suy nghĩ: “Nay ta có thể mời Mục-liên này dùng cơm.” Gia chủ ngược đầu lên thưa Mục-liên rằng:

“Mời Ngài khuất thân hạ cố xuống đây ngồi!”

Mục-liên theo lời, ngồi xuống.

⁸ Chữ trong ngoặc được thêm vào cho phù hợp với diễn ý ở dưới.

Gia chủ Bạt-đề tự thân dọn các thứ đồ ăn thức uống cho Mục-liên. Mục-liên ăn xong, dùng nước rửa. Gia chủ nghĩ: “Ta có thể đem một tấm gạ dâng lên Mục-liên.” Sau đó, ông vào trong kho lựa lấy tấm trắng; muốn lấy loại xấu, nhưng lại gặp loại tốt. Tìm rồi lại bỏ, mà lựa lại tấm khác, lại vẫn tốt như vậy, bỏ đó rồi lại lấy đó.

Mục-liên biết những ý nghĩ trong tâm Gia chủ, liền nói kệ này:

*Thí cùng tâm tranh đấu,
Phước này Thánh Hiền bỏ.
Khi thí thời chẳng tranh.
Đúng thời tùy tâm thí.*

Bấy giờ, gia chủ liền nghĩ: “Nay Mục-liên biết những ý nghĩ trong tâm ta.” Liền đem đệm trắng dâng lên Mục-liên. Mục-liên liền chú nguyện:

*Quán sát thí đệ nhất;
Biết có bậc Hiền Thánh,
Là tối thượng trong thí.
Ruộng tốt sinh hạt chắc.*

Khi Mục-liên chú nguyện xong, nhận đệm trắng ấy, khiến gia chủ được phước vô cùng. Lúc ấy, gia chủ liền ngồi qua một bên. Mục-liên lần lượt vì ông nói pháp với các đề tài vi diệu. Các đề tài ấy luận về bố thí, luận về tri giới, luận về sinh thiên, dục là tướng bất tịnh, giải thoát là an vui. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn đã nói, là khổ, tập, tận, đạo; Mục-liên bấy giờ cũng vì ông nói hết. Từ trên chỗ ngồi ông được mắt pháp thanh tịnh. Như áo trắng tinh dễ nhuộm màu. Ở đây, gia chủ Bạt-đề cũng lại như vậy, từ trên chỗ ngồi được mắt pháp thanh tịnh. Ông đã đắc pháp, thấy pháp, không còn hồ nghi nữa. Ông thọ trì năm giới, tự quay về Phật, Pháp, và Thánh chúng.

Tăng nhất A-hàm

Mục-liên sau khi thấy gia chủ được mắt pháp thanh tịnh, liền nói kệ này:

*Kinh mà Như Lai thuyết,
Nguồn gốc tất đầy đủ.
Mắt tịnh, không tì vết,
Không nghi, không do dự.*

Khi ấy, gia chủ thưa Mục-liên:

“Từ nay về sau, Ngài cùng chúng bốn bộ thường nhận lời thỉnh cầu cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men, trị bệnh không chút luyến tiếc của con.”

Mục-liên sau khi nói pháp cho gia chủ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Còn các Đại Thanh văn, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả A-na-luật nói với Tôn giả Tân-đầu-lô rằng:

“Chúng tôi đã độ [648c01] gia chủ Bạt-đề. Nay thầy có thể đến hàng phục lão bà Nan-đà kia.”

Tân-đầu-lô đáp:

“Việc này thật hay.”

Bấy giờ, lão bà Nan-đà đang tự mình làm bánh sữa. Đã đến giờ, Tôn giả Tân-đầu-lô khoác y, cầm bát, vào thành La-duyet khát thực, tuần tự đến nhà lão bà Nan-đà. Ngài từ trong lòng đất hiện ra, tay cầm bát đưa đến lão bà Nan-đà xin ăn. Khi lão mẫu thấy Tân-đầu-lô, trong lòng nổi giận, nói những lời hung dữ:

“Tỳ-kheo nên biết, dù mắt ông có lòi ra, tôi cũng không bao giờ cho ông ăn!”

Tân-đầu-lô liền nhập định, khiến hai mắt lòi ra. Khi đó lão bà Nan-đà lại càng nổi giận hơn, lại nói dữ:

“Dù sa-môn có treo ngược giữa hư không, ta quyết cũng

không cho ông ăn!”

Tôn giả Tân-đầu-lô lại dùng định lực, treo ngược giữa hư không. Khi đó lão bà Nan-đà lại càng nổi giận hơn lên, nói dữ:

“Dù toàn thân sa-môn có bốc khói, ta quyết cũng không cho ông ăn!”

Tôn giả Tân-đầu-lô, lại dùng định lực, khiến toàn thân bốc khói. Lão bà thấy vậy lại càng thêm phần nộ hơn, nói:

“Dù toàn thân sa-môn có bốc cháy, ta quyết cũng không cho ông ăn!”

Tân-đầu-lô liền dùng tam-muội, khiến toàn thân thể bốc cháy. Lão bà thấy vậy lại nói:

“Dù toàn thân sa-môn có ra nước, ta quyết cũng không cho ông ăn!”

Tân-đầu-lô lại dùng định lực, khiến toàn thân đều ra nước. Lão bà thấy vậy, lại nói:

“Dù sa-môn chết ở trước ta, ta quyết cũng không cho ông ăn!”

Tôn giả Tân-đầu-lô liền nhập diệt tận định không còn hơi thở ra vào, chết trước mặt lão mẫu. Khi đó lão bà vì không thấy hơi thở ra vào nữa nên đâm ra sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng, rồi nghĩ thầm: “Sa-môn con dòng họ Thích này được nhiều người biết đến, được Quốc vương kính trọng. Nếu họ nghe biết ông chết tại nhà ta, chắc ta sẽ gặp quan sự, sợ rằng không thoát khỏi.” Bà liền nói:

“Sa-môn sống trở lại đi! Ta sẽ cho sa-môn ăn.”

Tân-đầu-lô tức thì ra khỏi tam-muội. Lúc đó, lão bà Nan-

đà nghĩ thầm: “Cái bánh này lớn quá. Hãy làm lại cái nhỏ để cho ông.” Lão bà lấy một ít bột gạo làm bánh, bánh vẫn lớn hơn. Lão bà thấy vậy, lại nghĩ: “Bánh này lớn quá! Phải làm nhỏ lại.” Nhưng bánh vẫn lớn. “Thôi, [649a01] lấy cái làm trước tiên đem cho.” Bà liền lấy cái làm trước tiên, nhưng những cái bánh đó đều lại dính vào nhau. Lão bà lúc này nói với Tân-đầu-lô rằng:

“Ông cần ăn thì tự lấy, có sao lại quấy nhiễu nhau vậy?”

Tân-đầu-lô đáp:

“Đại tỷ nên biết, tôi không cần ăn. Chỉ cần muốn nói với lão bà thôi!”

Lão bà Nan-đa nói:

“Tỳ-kheo, dạy bảo điều gì?”

Tân-đầu-lô nói:

“Lão bà nên biết, nay đem bánh này đến chỗ Thế Tôn. Nếu Thế Tôn có dạy bảo điều chi, thì chúng ta sẽ cùng làm theo.”

Lão bà đáp:

“Việc này thật là thú vị!”

Lúc này, lão bà tự mình mang bánh này theo sau Tôn giả Tân-đầu-lô đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, Tôn giả đánh lễ sát chân Phật rồi đứng sang một bên. Bấy giờ, Tân-đầu-lô bạch Thế Tôn:

“Lão bà Nan-đa này, là chị của gia chủ Nan-đề, tham lam ăn một mình không chịu thí người. Cúi xin Thế Tôn vì bà mà nói pháp để phát khởi chí tín, tâm được khai mở.”

Thế Tôn bảo lão bà Nan-đa:

“Nay bà đem bánh cúng cho Như Lai và Tăng Tỳ-kheo.”

Lão bà Nan-đà liền đem bánh dâng lên Như Lai cùng Tăng Tỳ-kheo khác. Song, bánh vẫn còn dư. Lão bà Nan-đà bạch Thế Tôn:

“Số bánh vẫn còn dư.”

Thế Tôn bảo:

“Cúng lần nữa cho Phật, và Tỳ-kheo Tăng.”

Lão bà Nan-đà vâng theo lời dạy của Phật, đem bánh này cúng lần nữa cho Phật cùng Tỳ-kheo Tăng. Cuối cùng, bánh đó vẫn còn. Phật bảo lão bà Nan-đà:

“Nay, lão bà nên đem bánh này cúng cho chúng Tỳ-kheo-ni, chúng ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

Nhưng số bánh đó vẫn còn. Thế Tôn bảo:

“Hãy đem số bánh này bố thí cho những người nghèo khổ.”

Song số bánh đó vẫn còn. Thế Tôn bảo:

“Hãy đem số bánh này bỏ nơi đất sạch, hay đặt vào trong nước cực sạch. Sở dĩ như vậy là vì Ta chưa bao giờ thấy sa-môn, bà-la-môn, trời cùng con người nào có thể tiêu được bánh này, trừ Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác.”

Bà thưa:

“Thưa vâng, Thế Tôn.”

Lão bà Nan-đà đem bánh này thả vào trong nước sạch, tức thì lửa bùng lên. Lão bà Nan-đà thấy vậy, lòng đầy sợ hãi. Bà đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn thứ tự nói pháp cho bà nghe. Ngài nói về bố thí, về trì giới, về sinh thiên, dục là tướng bất

tịnh, là hữu lậu, là ô uế, xuất gia là giải thoát. Bấy giờ, Thế Tôn biết lão bà Nan-đà tâm ý đã khai [649b01] mở. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường nói, là khổ, tập, tận, đạo; bấy giờ, Thế Tôn vì lão bà Nan-đà nói hết. Lão bà ngay trên chỗ ngồi được mắt pháp thanh tịnh. Giống như tấm thảm trắng dễ được nhuộm màu, ở đây lại cũng như vậy. Lão bà bấy giờ đã sạch hết trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Bà đã đắc pháp, thành tựu pháp, không còn hồ nghi, đã vượt qua do dự, được vô sở úy, mà thừa sự Tam bảo, thọ trì năm giới.

Bấy giờ, Thế Tôn vì bà nói pháp lại, khiến bà phát lòng hoan hỷ. Nan-đà khi ấy bạch Thế Tôn:

“Từ nay về sau, chúng bốn bộ hãy đến nhà con nhận cúng dường. Từ nay về sau con sẽ luôn luôn bố thí, tu các công đức, phụng thờ Hiền Thánh.”

Sau đó, bà từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ sát chân Phật, rồi lui đi.

Gia chủ Bạt-đề và lão mẫu Nan-đà có người em tên Ưu-bà-ca-ni, lúc còn thơ ấu chơi thân với vua A-xà-thế, cả hai rất quý mến nhau. Bấy giờ, gia chủ Ưu-bà-ca-ni đang làm ruộng, nghe anh Bạt-đề và chị Nan-đà đã được Như Lai giáo hóa. Nghe vậy, ông vui mừng hơn hờ không cùng, trong cả bảy ngày không ngủ nghỉ và ăn uống được. Sau khi công việc ruộng đồng đã làm xong, ông trở về thành La-duyet. Giữa đường, ông nghĩ thầm: “Nay, trước tiên ta nên đến chỗ Thế Tôn, sau đó mới về nhà.” Gia chủ đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Gia chủ bạch Thế Tôn:

“Anh Bạt-đề cùng chị Nan-đà con đã được Như Lai giáo hóa rồi sao?”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Gia chủ. Nay Bạt-đề và Nan-đà đã thấy bốn đế, tu các pháp thiện.”

Gia chủ Ưu-bà-ca-ni bạch Thế Tôn:

“Gia đình chúng con rất được đại lợi.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Gia chủ, như những lời ông nói, cha mẹ ông nay rất được đại lợi, đã gieo phước đời sau.”

Rồi Thế Tôn nói pháp vi diệu cho gia chủ. Gia chủ nghe xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, rồi lui ra. Ông đi về đến chỗ vua A-xà-thế, ngồi một bên.

Vua hỏi Gia chủ:

“Anh và chị ông đã được Như Lai giáo hóa rồi chăng?”

Tâu:

“Thật vậy, Đại vương.”

Vua nghe lời này vui mừng hơn hờ không tự chế được, liền gióng chuông trống ra lệnh trong thành: “Từ nay trở về sau, những nhà thờ Phật khỏi phải bị nộp thuế. Những người phụng sự Phật [649c01] đến thì được nghinh đón, đi thì được đưa tiễn. Sở dĩ như vậy là vì họ là anh em đạo pháp của ta.”

Bấy giờ, vua A-xà-thế cho xuất các thứ đồ ăn thức uống đem cho gia chủ. Gia chủ liền nghĩ thầm: “Ta chưa bao giờ nghe Thế Tôn dạy phạm pháp ưu-bà-tắc là nên ăn những thứ đồ ăn nào? Nên uống những thứ nước nào? Nay, trước ta nên đến chỗ Thế Tôn, hỏi nghĩa này, sau đó mới ăn.” Gia chủ bèn bảo một người thân cận:

“Người đi đến chỗ Thế Tôn. Đến rồi đánh lễ sát chân, đem những lời của ta bạch lên Thế Tôn: Gia chủ Ưu-bà-ni-ca bạch Thế Tôn, phạm pháp của Hiền giả trì bao nhiêu giới? Lại phạm bao nhiêu giới chẳng phải là ưu-bà-tắc? Nên ăn thức ăn nào, uống nước uống nào?”

Người kia vâng lời gia chủ, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Rồi người kia đem tên gia chủ bạch Thế Tôn:

“Phạm pháp ưu-bà-tắc, nên giữ bao nhiêu giới? Phạm bao nhiêu giới chẳng phải là ưu-bà-tắc? Lại nên ăn thức ăn nào? Uống nước uống nào?”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông nên biết, ăn có hai loại, đáng thân cận, và không đáng thân cận. Thế nào là hai? Nếu thân cận thức ăn mà pháp bất thiện khởi lên làm pháp thiện tổn giảm, thức ăn này không thể thân cận. Nếu lúc được thức ăn mà pháp thiện tăng ích, pháp bất thiện tổn giảm, thức ăn này đáng thân cận.

“Nước cũng có hai loại. Nếu lúc được nước uống mà pháp bất thiện khởi làm pháp thiện tổn giảm, đây chẳng thể thân cận. Nếu lúc được nước uống mà pháp bất thiện bị tổn giảm, pháp thiện có tăng ích, đây có thể thân cận.

“Phạm pháp ưu-bà-tắc, giới cấm có năm. Trong đó có thể giữ một giới, hai giới, ba giới, bốn giới cho đến năm giới; thấy đều phải giữ. Nên hỏi lại ba lần, người có thể giữ thì khiến cho họ giữ. Nếu ưu-bà-tắc nào phạm vào một giới rồi, thân hoại mạng chung sẽ sinh vào địa ngục. Nếu ưu-bà-tắc nào vâng giữ chỉ một giới, sẽ được sinh về thiện xứ, trên trời, hưởng chi là giữ hai, ba, bốn, năm giới.”

Người kia sau khi nhận lãnh những lời dạy từ Phật rồi,

đánh lễ sát chân Phật và lui đi. Người kia đi chưa xa, bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Từ nay về sau, cho phép trao năm giới và ba tự quy cho ưu-bà-tắc. Nếu Tỳ-kheo nào khi muốn trao giới cho thanh tín nam nữ, dạy họ để trống cánh tay, chấp tay, bảo xưng tên họ, nguyện quy y Phật, Pháp, chúng Tăng ba lần. Sau khi bảo xưng tên họ quy y Phật, Pháp, [650a01] chúng Tăng rồi, lại tự xưng: ‘Nay con đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng. Như Phật Thích-ca Văn lần đầu tiên đã cho năm trăm khách buôn thọ ba tự quy, con nguyện suốt đời không giết, không trộm, không dâm (tà)*, không dối, không uống rượu.’ Nếu ai giữ một giới thì còn lại bốn giới; nếu giữ hai giới thì còn lại ba giới; nếu giữ ba giới thì còn lại hai giới; nếu giữ bốn giới thì còn lại một giới; nếu giữ năm giới, đó là người giữ đầy đủ.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Mặt trời, mặt trăng, bị bốn sự che khuất¹⁰ khiến không phóng ra được ánh sáng. Thế nào là bốn? Một là mây, hai

⁹ Tham chiếu Pāli, A IV 50 Upakkilesasutta (R. ii. 53).

¹⁰ Pāli: *cattārome candīmasūriyānaṃ upakkilesā*, bốn sự che mờ (upakkilesa: Sự làm hoen ố, ô nhiễm, tùy phiền não) của mặt trời, mặt trăng.

là bụi gió, ba là khói, bốn là a-tu-la,¹¹ khiến mặt trời, mặt trăng bị che khuất, không phóng ánh sáng được. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là mặt trời, mặt trăng bị bốn sự che khuất này, khiến không phóng ánh sáng lớn được.

“Ở đây cũng vậy, Tỳ-kheo có bốn kết sử¹² che kín tâm người không khai mở được. Thế nào là bốn? Một là dục kết, che lấp tâm người không khai mở được, hai là sân nhuế, ba là ngu si, bốn là lợi dưỡng, che khuất tâm người không khai mở được.¹³

“Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn kết này che khuất tâm người không khai mở được, hãy tìm cầu phương tiện tiêu diệt liền bốn kết này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm theo.

KINH SỐ 3¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở cạnh miếu A-la-tỳ¹⁵. Bấy giờ, trời rất là lạnh, cây cối xác xơ, trơ trụi. Khi ấy, con trai của Thủ gia chủ, người A-la-bà,¹⁶ ra khỏi thị trấn ấy, đi bách

¹¹ Pāli: Rāhu asurinda.

¹² Pāli: *cattāro upakkilesā*, bốn tùy phiền não (= sự làm hoen ố).

¹³ Pāli, *ibid.*, bốn ô nhiễm: Uống rượu (*suram pivanti*), tập hành dâm dục (*methunam dhammam paṭisevanti*), thọ dụng vàng bạc (*jātarūparajataṃ sādīyanti*), sống bằng tà mạng (*micchājīvena jīvanti*).

¹⁴ Tham chiếu Pāli, A III 24 Hatthakasutta (R.i. 137).

¹⁵ A-la-tỳ từ 阿羅毘祠. Pāli: Ālavī, thị trấn cách Xá-vệ 30 do-tuần, tại đó có miếu thờ Aggāḷva.

¹⁶ Thủ A-la-bà Trưởng giả 手阿羅婆長者. Pāli: Hatthaka

bộ bên ngoài, dần dần đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, ông đánh lễ sát chân Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên. Con gia chủ kia bạch Thế Tôn:

“Trong đêm hôm qua không rõ Thế Tôn ngủ có được ngon không?”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Đồng tử, Ta ngủ thật ngon.”

Con Gia chủ bạch Phật:

“Hôm nay trời lạnh quá, muôn vật xác xơ, trơ trụi. Song, Thế Tôn lại dùng đệm cỏ để ngồi, mặc y áo rất là mỏng manh. Sao Thế Tôn nói là: ‘Ta ngủ thật ngon được?’”

Thế Tôn bảo:

“Đồng tử lắng nghe! Nay Ta hỏi lại, ngươi cứ theo đó mà trả lời. Giống như nhà gia chủ được che kín chắc chắn, phòng ốc không có [650b01] gió bụi. Trong nhà đó có giường được trải thảm, nệm, đệm lông, mọi thứ đầy đủ. Có bốn ngọc nữ nhan sắc xinh đẹp, mặt như hoa đào hiếm có trên đời, nhìn không biết chán. Đèn đốt sáng trưng. Vậy gia chủ kia lạc¹⁷ có ngủ ngon được không?”

Con Gia chủ thưa:

“Thật vậy, Thế Tôn! Có giường tốt thì sẽ ngủ ngon được.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào con trai của Gia chủ? Nếu khi người kia đang ngủ ngon, mà có ý dục nổi lên, duyên bởi ý dục này, có

Ālavaka.

¹⁷ Đê bản: Khiếp 怯. Có thể là khoái 快, bị chép nhầm.

Tăng nhất A-hàm

ngủ được không?”

Con Gia chủ thưa:

“Thật vậy, Thế Tôn! Nếu người kia ý dục nổi lên sẽ không ngủ được.”

Thế Tôn bảo:

“Nhu ý dục người kia đang mạnh, trong khi Như Lai diệt tận không còn dư tàn, gốc rễ không sinh trở lại, không trôi lên lại nữa. Thế nào, con trai của Gia chủ, nếu người mà tâm sân nhuế, ngu si khởi lên, há ngủ ngon được sao?”

Đồng tử thưa:

“Không ngủ ngon được. Sở dĩ như vậy là vì do tâm có ba độc.”

Thế Tôn bảo:

“Như Lai nay không còn các tâm này, diệt tận không còn dư tàn, cũng không còn gốc rễ. Đồng tử nên biết, nay Ta sẽ nói về bốn loại chỗ ngồi. Những gì là bốn? Có chỗ ngồi thấp, có chỗ ngồi chư thiên, có chỗ ngồi Phạm thiên, có chỗ ngồi Phật.

“Đồng tử nên biết, chỗ ngồi thấp là tòa của Chuyển luân Thánh vương. Chỗ ngồi chư thiên là tòa của Thích Đề-hoàn Nhân. Chỗ ngồi Phạm thiên là chỗ ngồi của Phạm thiên vương. Chỗ ngồi Phật là chỗ ngồi bốn đế.

“Chỗ ngồi thấp là chỗ ngồi hương Tu-đà-hoàn. Chỗ ngồi Thiên là chỗ ngồi đắc Tu-đà-hoàn. Chỗ ngồi Phạm thiên là chỗ ngồi hương Tư-đà-hàm. Chỗ ngồi Phật là chỗ ngồi bốn niệm xứ.

“Chỗ ngồi thấp là chỗ ngồi đắc Tư-đà-hàm. Chỗ ngồi

Thiên là chỗ ngồi hướng A-na-hàm. Chỗ ngồi Phạm là chỗ ngồi đắc A-na-hàm. Chỗ ngồi Phật là chỗ ngồi bốn vô lượng tâm.

“Chỗ ngồi thấp là chỗ ngồi dục giới. Chỗ ngồi Thiên là chỗ ngồi sắc giới. Chỗ ngồi Phạm là chỗ ngồi vô sắc giới. Chỗ ngồi Phật là chỗ ngồi bốn thần túc.

“Cho nên, Đồng tử, nên biết, Như Lai do ngồi chỗ ngồi bốn thần túc nên được ngủ ngon. Ở đó, không khởi dâm, nộ, si. Đã không khởi tâm ba độc này, bèn ở trong vô dư Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn, biết như thật rằng: ‘Sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Cho nên, này con trai của Gia chủ, khi Ta quán sát ý nghĩa này xong, nên nói Như Lai được ngủ ngon.”

[650c02] Bấy giờ, con gia chủ liền nói kệ này:

*Gặp nhau đã lâu ngày,
Bà-la-môn Bát-niết-bàn.¹⁸
Nhờ nương sức Như Lai,
Mắt sáng¹⁹ mà diệt độ.²⁰
Tòa thấp và tòa Thiên
Tòa Phạm, cùng tòa Phật;
Như Lai phân biệt rõ,
Cho nên được ngủ ngon.
Tự quy Nhân Trung Tôn
Cũng quy Nhân Trung Thượng
Nay con chưa thể biết*

¹⁸ Pāli: *Sabbadā ve sukhaṃ seti, brāhmaṇo parinibbuto*, đáng Bà-la-môn đã hoàn toàn tịch diệt, ngủ an lạc trong mọi thời.

¹⁹ Đề bản: Minh miên 明眠. Có thể: Minh nhãn 明眼, chép nhầm.

²⁰ Cf. Pāli: *upasanto sukhaṃ seti*, tịch tĩnh, ngủ an lạc.

Là nương những Thiên nào?

Con trai của gia chủ đọc những lời này xong, Thế Tôn bằng lòng ấn khả. Bấy giờ, con Gia chủ nghĩ thầm: “Thế Tôn đã bằng lòng ấn khả. Ta rất là vui mừng khôn xiết.” Bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi lui đi.

Đồng tử kia sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyet, cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn từ tịnh thất ra, đi xuống núi Linh thú cùng với bà-la-môn Lộc Đầu,²¹ lần hồi du hành đến bãi tha ma đáng sợ.²²

Khi ấy, Thế Tôn cầm đầu lâu một người chết trao cho bà-la-môn và nói:

“Ông bà-la-môn, ông giỏi xem tinh tú, lại kiêm cả y dược, có thể trị mọi thứ bệnh, hiểu rõ tất cả các định hướng tái sinh, và cũng còn có thể biết nhân duyên người chết. Nay Ta hỏi ông, đây là đầu lâu của người nào? Là nam hay là nữ? Do bệnh gì mà qua đời?”

Bà-la-môn liền cầm lấy đầu lâu, xoay qua xoay lại quan

²¹ Lộc Đầu phạm chí; có thể đồng nhất Pāli Migasira, Trưởng lão A-la-hán, nguyên người bà-la-môn, sau xuất gia ngoại đạo (*pabbājika*), cuối cùng theo Phật. Ông có biệt tài gõ vào đầu lâu mà biết người chết sinh về đâu.

²² Có lẽ Pāli, Sītavana (Hàn lâm), thường được mô tả là *bhayabherava-sītavana*, khu rừng lạnh đầy sợ hãi kinh khiếp.

sát, lại dùng tay gõ vào nó, và bạch Thế Tôn:

“Đây là đầu lâu của người nam, chẳng phải người nữ.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, bà-la-môn, như lời ông đã nói. Đây là người nam, chẳng phải người nữ.”

Thế Tôn hỏi:

“Do đâu qua đời?”

Bà-la-môn lại dùng tay gõ vào nó. Bạch Thế Tôn:

“Đây do nhiều bệnh tập hợp. Trăm đốt xương đau buốt quá mà chết.”

Thế Tôn bảo:

“Phải trị bằng phương thuốc nào?”

Bà-la-môn Lộc Đầu bạch Phật:

“Phải dùng quả ha-lê-lặc²³ hòa chung với mật, sau đó cho uống, bệnh này sẽ lành.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, như những lời ông nói, nếu người này được thuốc này, đã không qua đời. Nay người này lúc mạng chung, sinh về nơi nào?”

Bà-la-môn nghe rồi, lại cầm đầu lâu gõ, và [651a01] bạch Thế Tôn:

“Người này mạng chung sinh về ba đường dữ, chẳng sinh về nơi lành.”

²³ Ha-lê-lặc 呵梨勒; Pāli: *harīṭaka*, *harīṭakī* (Skt. đồng), kha từ 柯子.

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Bà-la-môn, như những lời ông nói, sinh vào ba đường dữ, không sinh về nơi lành.”

Bảy giờ, Thế Tôn lại cầm một đầu lâu nữa, trao cho bà-la-môn. Hỏi bà-la-môn:

“Đây là người nào? Là nam hay nữ?”

Lúc này bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

“Đầu lâu này là thân người nữ.”

Thế Tôn bảo:

“Do bệnh tật gì mà mạng chung?”

Lúc này, bà-la-môn Lộc Đầu lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

“Người nữ này mạng chung khi còn mang thai.”

Thế Tôn bảo:

“Người nữ này do đâu mà mạng chung?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Người nữ này do sinh con chưa đầy tháng nên qua đời.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay! Bà-la-môn, như những lời ông đã nói. Và lại, người nữ mang thai kia nên trị bằng phương thuốc gì?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Như người bệnh này, phải cần tô, đề hồ để uống thì khỏi.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, thật vậy, như những gì ông đã nói. Nay người nữ này sau khi mạng chung sinh về nơi nào?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Người nữ này sau khi mạng chung sinh vào trong súc sanh.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, bà-la-môn, như những gì ông đã nói.”

Rồi Thế Tôn lại cầm một đầu lâu nữa trao cho bà-la-môn, và hỏi bà-la-môn:

“Là nam hay nữ?”

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

“Đầu lâu này là thân người nam.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay. Lành thay, như những gì ông đã nói. Do tật bệnh gì mà mạng chung?”

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

“Người này mạng chung do vì ăn uống ngộ độc, bị thổ tả mà mạng chung.”

Thế Tôn bảo:

“Bệnh này dùng trị bằng phương thuốc gì?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Nhịn ăn trong vòng ba ngày, trừ khỏi được liền.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, như những gì ông đã nói. Người

Tăng nhất A-hàm

này sau khi mạng chung sinh về nơi nào?”

Lúc này, bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

“Người này mạng chung sinh vào trong nga quý. Sở dĩ như vậy là vì ý chỉ tưởng đến nước.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, như những gì ông đã nói.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại cầm một đầu lâu nữa, trao cho bà-la-môn, hỏi Bà-la-môn:

“Là nam hay là nữ?”

Bà-la-môn lúc này dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

“Đầu lâu này là [651b01] thân của người nữ.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, như những gì ông đã nói. Người này mạng chung do bệnh tật gì?”

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

“Lúc đang sinh thì mạng chung.”

Thế Tôn bảo:

“Tại sao lúc đang sinh thì mạng chung?”

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

“Thân người nữ này khí lực hư, cạn kiệt, lại đói quá nên mạng chung.”

Thế Tôn bảo:

“Người này mạng chung sinh về nơi nào?”

Lúc này, bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

“Người này mạng chung sinh vào loài người.”

Thế Tôn bảo:

“Phàm người chết đói mà muốn sinh nơi lành, việc này không đúng. Phải sinh vào ba đường dữ mới hợp lý.”

Lúc này, bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

“Người nữ này trì giới hoàn hảo mà mạng chung.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, như những gì ông đã nói. Thân người nữ kia trì giới hoàn hảo đến khi mạng chung. Sở dĩ như vậy là vì phàm có người nam người nữ nào mà trì cấm giới hoàn toàn thì lúc mạng chung sẽ về hai đường, hoặc lên trời hay là loài người.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại cầm đầu lâu nữa trao cho bà-la-môn, hỏi:

“Nam hay là nữ?”

Lúc này, bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

“Đầu lâu này là thân nam tử.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, như những gì ông đã nói. Người này do bệnh tật gì khiến phải mạng chung?”

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

“Người này không bệnh, bị người hại khiến mạng chung.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, như những lời ông đã nói, bị người hại khiến mạng chung.”

Thế Tôn bảo:

“Người này mạng chung sẽ sinh nơi nào?”

Lúc này, Bà-la-môn dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

“Người này mạng chung sinh lên trời, thiện xứ.”

Thế Tôn bảo:

“Như những lời ông đã nói, lời bàn trước, bàn sau mâu thuẫn nhau.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Căn bản do duyên gì mà mâu thuẫn nhau?”

Thế Tôn bảo:

“Những người nam, nữ mà bị người hại khiến mạng chung, đều sinh hết về ba đường dữ. Sao ông nói là sinh về xứ thiện, lên trời?”

Bà-la-môn lại dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

“Vì người này vâng giữ năm giới kiêm hành thập thiện, nên đến khi mạng chung sinh lên trời, xứ thiện .”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, như [651c01] những lời ông đã nói. Người giữ giới, không xúc phạm, sẽ sinh lên trời, xứ thiện.”

Thế Tôn lại bảo:

“Người này đã trì mấy giới mà mạng chung?”

Bấy giờ, bà-la-môn một lòng chuyên chú không nghĩ gì khác, dùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

“Trì một giới chẳng? Chẳng phải. Hai, ba, bốn, năm giới chẳng? Chẳng phải. Người này trì pháp bát quan trai mà mạng chung.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, như những lời ông đã nói. Trì bát quan trai mà mạng chung.”

Bấy giờ, trong cảnh giới phương Đông, tại phía nam núi Phổ hương, phương Đông, có Tỳ-kheo Ưu-đà-diên nhập Niết-bàn trong vô dư Niết-bàn giới. Khi ấy, trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, Thế Tôn đến lấy đầu lâu kia, đem về trao cho Bà-la-môn, và hỏi Bà-la-môn:

“Là nam hay nữ?”

Lúc này, Bà-la-môn lại cùng tay gõ, và bạch Thế Tôn:

“Tôi xem đầu lâu này, nguồn gốc của nó chẳng phải nam cũng chẳng phải nữ. Sở dĩ như vậy là vì tôi quán đầu lâu này cũng chẳng thấy sinh, cũng chẳng thấy đoạn, cũng chẳng thấy xoay vần qua lại. Sở dĩ như vậy là vì quan sát tám phương, trên dưới đều không âm vọng. Nay tôi chưa rõ đầu lâu của người này là ai?”²⁴

Thế Tôn bảo:

“Thôi, thôi, Bà-la-môn, rốt lại, Ông không biết là đầu lâu của ai. Ông nên biết, đầu lâu này không đầu không cuối, cũng không sinh tử, cũng không đi về đâu trong tám phương, trên dưới. Đây chính là đầu lâu của A-la-hán, Tỳ-kheo Ưu-đà-diên đã nhập Niết-bàn trong vô dư Niết-bàn giới, trong cảnh giới phương Đông, tại phía nam núi Phổ hương.”

Sau khi bà-la-môn nghe những lời này xong, khen chưa từng có, liền bạch Thế Tôn:

“Nay tôi quan sát loài trùng kiến này từ nơi nào đến, đều

²⁴ Xem Tha A, ii. 52, chuyện Mgasira.

Tăng nhất A-hàm

biết tất cả. Nghe tiếng vọng của chim thú mà có thể phân biệt rõ ràng: Đây là con đực, đây là con cái. Nhưng tôi quan sát vị A-la-hán này, hoàn toàn không thấy gì, không thấy chỗ đến, cũng không thấy chỗ đi. Chánh pháp Như Lai thật là kỳ diệu. Sở dĩ như vậy là vì gốc của các pháp phát xuất từ cửa miệng của Như Lai, còn A-la-hán phát xuất từ gốc của kinh pháp.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Bà-la-môn, như những gì ông đã nói. Gốc của các pháp phát xuất từ miệng Như Lai. Ngay đến chư thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, quyết không biết được chỗ đến của A-la-hán.”

Bấy giờ, bà-la-môn đánh lễ sát chân, và bạch Thế Tôn:

“Tôi có thể biết hết nơi thú hưởng của chín mươi sáu loại đạo. [652a01] Thầy đều biết tất cả. Nhưng chỗ thú hưởng của pháp Như Lai, không thể phân biệt được. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con được vào đạo.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, Bà-la-môn, hãy tu phạm hạnh, cũng sẽ không có người nào biết được chỗ thú hưởng của ông.”

Khi ấy, bà-la-môn được xuất gia học đạo, ở chỗ vắng vẻ tư duy thuật đạo, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc mặc ba pháp y, cho đến như thực biết rằng: ‘Sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Lúc đó, bà-la-môn thành A-la-hán.

Bấy giờ, Tôn giả Lộc Đầu bạch Thế Tôn:

“Nay con đã biết pháp tu hành của A-la-hán.”

Thế Tôn bảo:

“Ông biết thế nào về hành của A-la-hán?”

Lộc Đầu bạch Phật:

“Nay có bốn giới. Những gì là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới. Như Lai, đó gọi là có bốn giới này. Khi một người mạng chung, đất trở về đất, nước trở về nước, lửa trở về lửa, gió trở về gió.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Tỳ-kheo, nay có bao nhiêu giới?”

Lộc Đầu bạch Phật:

“Sự thực có bốn giới. Nhưng nghĩa có tám giới.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào là bốn giới, mà nghĩa có tám giới?”

Lộc Đầu bạch Phật:

“Nay có bốn giới. Những gì là bốn giới? Đất, nước, lửa, gió. Đó gọi là bốn giới. Thế nào là nghĩa có tám giới? Đất có hai loại, đất trong và đất ngoài. Sao gọi đại chủng đất bên trong ? Đó là tóc, lông, móng, răng, thân thể, da bọc ngoài, gân cốt, tủy não, ruột, bao tử, gan, mật, tỳ thận. Đó gọi là đại chủng đất trong. Thế nào là đại chủng đất bên ngoài? Đó là những gì cứng chắc. Đó gọi là đại chủng đất bên ngoài. Đây gọi là hai đại chủng đất.

“Sao gọi đại chủng nước? Đại chủng nước có hai, đại chủng nước bên trong, đại chủng nước bên ngoài. Đại chủng nước bên trong là đờm dãi, nước mắt, nước tiểu, máu, tủy. Đó gọi là đại chủng nước bên trong. Còn các vật mềm ướt bên ngoài. Đó gọi là đại chủng nước bên ngoài. Đây gọi là hai đại chủng nước.

“Sao gọi đại chủng lửa? Đại chủng lửa có hai, đại chủng

lửa bên trong, đại chủng lửa bên ngoài. Sao gọi là lửa bên trong? Là sự tiêu hóa tất cả những vật được ăn, không còn dư sót. Đó gọi là lửa bên trong. Sao gọi là lửa bên ngoài? Những vật giữ hơi nóng, vật ở bên ngoài. Đó gọi là loại lửa bên ngoài.

“Tại sao gọi là đại chủng gió? Đại chủng gió có hai: Gió trong và gió ngoài. Gió trong là gì? Đó là gió trong môi, [652b01] gió mắt, gió đầu, gió thở ra, gió thở vào, gió trong tất cả các khớp tay, chân. Đó gọi là gió trong. Sao gọi là gió ngoài? Đó là vật khiến lay động nhẹ, nhanh chóng. Đó gọi là gió ngoài. Bạch Thế Tôn, đó gọi là có hai loại. Sự thật có bốn, mà số có tám.

“Như vậy, Thế Tôn, con quán sát nghĩa này, rằng con người khi mạng chung, bốn đại chủng ấy trở về gốc của chúng.”

Thế Tôn bảo:

“Pháp vô thường cũng không cùng chung với pháp thường. Sở dĩ như vậy là vì đại chủng đất có hai, hoặc trong hoặc ngoài. Bấy giờ, đất trong là pháp vô thường, là pháp biến dịch, còn đại chủng đất ngoài thường trụ không biến đổi.²⁵ Đó gọi là đất có hai loại không tương ưng với thường và vô thường. Còn ba đại kia cũng lại như vậy, giữa thường và vô thường không tương ưng nhau.

“Cho nên, này Lộc Đầu, tuy có tám loại, kỳ thật chỉ có bốn. Lộc Đầu, hãy học điều này như vậy.”

Lộc Đầu, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²⁵ Câu này nên tồn nghi trong Hán dịch.

KINH SỐ 5²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nay có bốn đại nghĩa được quảng diễn.²⁷ Những gì là bốn? Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới. Đó gọi là bốn.²⁸

“Tỳ-kheo nên biết, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Đông²⁹ đến, tụng kinh trì pháp, phụng hành cấm giới. Vị ấy nói rằng: ‘Tôi có thể tụng kinh trì pháp, vâng giữ cấm giới, học rộng nghe nhiều.’ Giả sử, Tỳ-kheo kia có nói những gì, cũng không nên thừa nhận khi chưa đủ để dốc lòng tin tưởng.³⁰ Hãy cùng Tỳ-kheo kia thảo luận, chiếu theo pháp mà cùng thảo bàn. Thế nào là y chiếu theo pháp cùng thảo bàn? Y chiếu theo pháp mà luận, đó là bốn đại luận được quảng diễn này. Tức là Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới. Nên cùng với Tỳ-kheo kia phân biệt pháp được nói bởi Khế kinh, được hiển hiện trong Luật. Giả sử khi tìm trong Khế kinh được nói, trong Luật được

²⁶ Tham chiếu Pāli, A IV 180 Mahāpadesasutta (R.ii. 167).

²⁷ Cf. Pāli: *cattārome mahāpadese*, bốn đại xứ (địa phương, khu vực). Hán dịch là *desanā* (Skt. *deśanā*): giáo thuyết, pháp thuyết.

²⁸ Bốn đại nghĩa: Kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới. Hán dịch có sự nhầm lẫn. Theo nội dung đoạn sau, đây là bốn y cứ để thâm sát trong bốn trường hợp khi nào điều được nói là do chính Phật nói.

²⁹ Pāli: *desa* (Skt. *deśa*), trong truyền bản Pāli được hiểu theo nghĩa bóng: 1. Pháp nghe từ chính Thế Tôn nói, 2. Nghe từ một Thượng tọa Trưởng lão trong Tăng nói, 3. Nghe từ nhiều Tỳ-kheo trưởng lão nói, 4. Nghe từ một Tỳ-kheo nào đó. Trong truyền bản Hán dịch này, được hiểu là phương hướng, tức bốn phương đông, tây, nam, bắc.

³⁰ Pāli, *ibid.*, “Không hoan hỷ cũng không mại ly (*neva abhinanditabbam nappaṭikkositabbam*).

hiển hiện, trong pháp được phân biệt; nếu những điều được hiển hiện ấy tương ưng với Khế kinh, tương ưng với Luật và Pháp, khi ấy bèn thọ trì. Nếu không tương ưng với Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, thì nên trả lời người kia như vậy: ‘Này bạn, nên biết đây chẳng phải là những lời dạy của Như Lai. Mà những lời bạn nói, chẳng phải gốc của chánh kinh. Sở dĩ như vậy là vì nay tôi thấy nó không tương ưng với Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm.’ Vì không tương ưng nên phải hỏi về sự hành trì giới. Nếu không tương ưng với giới hạnh, [652c01] nên nói với người kia: ‘Đây chẳng phải là tạng của Như Lai!’ Hãy lập tức đuổi đi. Đây gọi là gốc của đại nghĩa được quảng diễn thứ nhất.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Nam đến nói rằng: ‘Tôi có thể tụng Kinh, trì pháp, phụng hành giới cấm, học rộng, nghe nhiều.’ Giả sử Tỳ-kheo ấy có nói những gì, cũng không nên thừa nhận khi chưa đủ để dốc lòng tin tưởng. Nên cùng với Tỳ-kheo kia luận nghĩa. Giả sử những điều Tỳ-kheo kia nói mà không tương ưng với nghĩa, thì nên đuổi đi. Nếu tương ưng với nghĩa, thì nên bảo người kia rằng: ‘Đây là nghĩa được nói, nhưng không phải gốc chánh kinh.’ Khi ấy, nên chọn lấy nghĩa đó, chứ đừng nhận gốc chánh kinh. Sở dĩ như vậy là vì nghĩa là căn nguyên để hiểu kinh. Đây gọi là gốc của đại nghĩa được diễn thứ hai.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Tây đến (nói rằng: ‘Tôi) tụng Kinh, trì pháp, phụng hành giới cấm, học rộng, nghe nhiều.’ Nên nói với Tỳ-kheo kia về Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm. Nhưng Tỳ-kheo kia chỉ hiểu vị,³¹ chứ không hiểu nghĩa, nên bảo Tỳ-kheo kia rằng:

³¹ Vị 味. Đây chỉ âm vận. Pāli: *vyañjana*.

‘Chúng tôi không rõ những lời này có phải là những lời được thuyết bởi Như Lai hay không’ Giả sử khi thuyết Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm chỉ hiểu vị, chứ không hiểu nghĩa. Tuy nghe những gì Tỳ-kheo kia nói, nhưng cũng chưa đủ để khen tốt, cũng chưa đủ để nói là dở. Lại phải đem giới hạnh để hỏi. Nếu cùng tương ưng, thì nên ghi nhận. Sở dĩ như vậy là vì giới hạnh cùng tương ưng với vị, nhưng nghĩa thì không thể rõ. Đây gọi là nghĩa diễn giải thứ ba.

‘Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào từ phương Bắc đến, tụng kinh, trì pháp, phụng hành cấm giới, (nói rằng:) ‘Các Hiền giả có nghi vấn, hãy đến hỏi nghĩa, tôi sẽ nói cho.’ Nếu Tỳ-kheo kia có nói gì cũng chưa đủ để chấp nhận ngay, chưa đủ để phúng tụng. Nhưng nên hướng về Tỳ-kheo kia hỏi về Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới. Nếu cùng tương ưng, thì nên hỏi nghĩa. Nếu lại tương ưng cùng nghĩa, thì nên khen ngợi Tỳ-kheo kia rằng: ‘Lành thay, lành thay, Hiền giả, đây chính là nghĩa Như Lai đã nói, không nhầm lẫn, tất cả đều cùng tương ưng với Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Giới.’

‘Hãy theo pháp mà cúng dường, tiếp đãi Tỳ-kheo kia. Sở dĩ như vậy là vì Như Lai cung kính pháp, nên ai cung kính pháp, tức là cung kính Ta. Ai quán thấy pháp, người ấy quán thấy Ta. Ai có pháp, người ấy có Ta. Đã có pháp thì có Tỳ-kheo Tăng. Có pháp thì [653a01] có chúng bốn bộ. Có pháp thì có bốn chủng tánh ở đời. Sở dĩ như vậy là vì do có pháp ở đời, nên trong Hiền kiếp có Đại Oai Vương³² ra đời, từ đó về sau liền có bốn chủng tánh ở đời.

³² Đại Oai vương 大威王; TNM: Đại Thịnh vương 大盛王. Có lẽ tương đương Pāli Mahāsammato được nói đến trong Aggaññasutta, D. iii. 80. Xem *Trường*, kinh 5 (Tiểu duyên);

“Nếu pháp có ở đời, liền có bốn chủng tánh ở đời: sát-lợi, bà-la-môn, công nhân, dòng cư sĩ. Nếu pháp có ở đời thì, liền có ngôi vị Chuyển luân Thánh vương không dứt. Nếu pháp có ở đời, liền có Tứ thiên vương, Đâu-suất thiên, Diễm thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên xuất hiện ở đời. Nếu pháp có ở đời, liền có Dục giới thiên, Sắc giới thiên, Vô sắc giới thiên hiện ở đời. Nếu pháp có ở đời, liền có quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích-chi-phật, Phật thừa hiện ở đời. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy khéo cung kính pháp. Hãy tùy thời cúng dường cung cấp mọi thứ cần dùng cho Tỳ-kheo kia. Nên nói với Tỳ-kheo kia rằng: ‘Lành thay! lành thay! Như những gì thầy đã nói. Những lời nói hôm nay thật là những lời nói của Như Lai.’”

“Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn đại nghĩa quảng diễn này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy trì tâm nắm giữ ý thực hành bốn sự này, chớ để mất sót. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, vào buổi sáng sớm, tập họp bốn binh chủng, cỡi xe gắn lông chim báu* đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi đại vương:

“Đại vương từ đâu đến mà trên người dính đầy bụi bặm

vậy? Có duyên sự gì mà tập hợp bốn binh chủng?”

Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

“Nay, nước nhà này có giặc lớn nổi lên. Nửa đêm qua, con đem binh bắt được, nên thân thể mệt mỏi, muốn trở về cung. Nhưng giữa đường lại nghĩ thầm: ‘Trước tiên ta nên đến chỗ Như Lai, rồi sau đó mới về cung.’ Vì sự việc này mà ngủ nghỉ không yên. Nay nhờ có công lao dẹp giặc, lòng vui mừng hơn hờ không tự chế được, cho nên đến đánh lễ hầu thăm Như Lai. Nếu ngay đêm qua, con không hưng binh ngay thì không bắt được giặc.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Đại vương, như những gì vua nói. Vua nên biết rằng, có bốn căn duyên sự việc, [653b01] trước khổ sau vui. Những gì là bốn? Sáng thức dậy sớm; trước khổ sau vui. Hoặc dùng dầu, tô, trước khổ sau vui. Hoặc lúc dùng thuốc, trước khổ mà sau vui. Gia nghiệp, cưới gã, trước khổ sau vui. Đại vương, đó gọi là có bốn căn duyên sự việc này, trước khổ sau vui.”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

“Những gì Thế Tôn nói thật là hợp lý, có bốn căn duyên sự trước khổ sau vui này. Sở dĩ như vậy là vì như ngày hôm nay, con quán sát bốn việc này như nhìn hạt châu trên tay, đều có nghĩa trước khổ sau vui.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì vua Ba-tư-nặc nói pháp vi diệu, khiến phát lòng hoan hỷ. Sau khi nghe pháp rồi, vua bạch Thế Tôn:

“Việc nước đa đoan, con muốn trở về cung.”

Thế Tôn bảo:

“Nên biết đúng lúc.”

Vua Ba-tư-nặc từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui đi. Vua đi chưa lâu Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay có bốn căn duyên sự này, trước khổ sau vui. Thế nào là bốn? Tu tập phạm hạnh, trước khổ sau vui. Tập tụng văn kinh, trước khổ sau vui. Tọa thiền niệm định, trước khổ sau vui. Đếm hơi thở ra vào, trước khổ sau vui. Tỳ-kheo, đó gọi là hành bốn sự này trước khổ sau vui.

“Nếu có Tỳ-kheo nào hành pháp trước khổ sau vui này, quyết sẽ được ứng quả báo vui Sa-môn sau này. Thế nào là bốn? Tỳ-kheo siêng thực hành pháp này, ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tâm có tứ, có hỷ do viễn ly sanh, tâm nhập sơ thiền.³³ Đó gọi là đạt được lạc trú³⁴ thứ nhất của Sa-môn.

“Lại nữa, không tâm không tứ,* nội tâm định tĩnh, chuyên tinh nhất ý; không tứ, có hỷ lạc do định sinh, nhập nhị thiền. Đó gọi là lạc trú thứ hai của Sa-môn.

“Lại nữa, ly hỷ, an trú xả, hằng tự giác tri, thân có tri giác lạc, điều mà các Hiền thánh nói là xả, niệm, an trú lạc nhập tam thiền. Đó gọi là được lạc trú thứ ba của Sa-môn.

“Lại nữa, lạc khổ diệt, ưu và hỷ từ trước đã trừ, không lạc không khổ, xả, niệm thanh tịnh, tâm nhập tứ thiền. Đó gọi là có bốn lạc trú của Sa-môn này.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào thực hành trước khổ này, sau được bốn báo vui của Sa-môn, đoạn ba lưới kết, thành Tu-đà-hoàn, được pháp thối chuyển, nhất định

³³ Về bốn thiền, đoạn dịch Việt đã hiệu đính nhiều chỗ sai sót trong bản Hán, xem cmt. 41-52, phẩm 12, kinh số 2.

³⁴ Bốn thiền được gọi là bốn hiện pháp lạc trú.

hướng đến diệt độ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, ba kết này đã đoạn; dâm, giận, si [653c01] mỏng đi, thành Tư-đà-hàm, trở lại đời này một lần, tất hết biên tế khổ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào dứt năm hạ phần kết, thành A-na-hàm, nhập Bát-niết-bàn ở nơi kia, không trở lại thế gian này.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo mà hữu lậu đã diệt tận, thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân tác chứng, tự an trú, tự biết như thật rằng, ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Đó là Tỳ-kheo kia tu pháp trước khổ này, sau được lạc bốn quả Sa-môn.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu sự trước khổ sau vui này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xa-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Những gì là bốn? Có hạng sa-môn tợ hoa hoàng lam,³⁵ có hạng sa-môn tợ

³⁵ Hoàng lam hoa 黃藍花. Pāli: (*samaṇa*)*macala* (?). Từ điển PTS không thấy từ này. Macala cũng là tên một tụ lạc tại Magadha. Cf. A IV 88, bản dịch Hoa văn (Nam truyền) đọc là *samaṇam-acalam*, “bất động Sa-môn.” Sớ giải: đây chỉ vị Tu-đà-

Tăng nhất A-hàm

hoa phân-đà-lợi,³⁶ có hạng sa-môn tợ nhu nhuyển,³⁷ có hạng sa-môn nhu nhuyển trong nhu nhuyển.³⁸

“Thế nào gọi sa-môn kia như hoa hoàng lam? Ở đây có một hạng người diệt trừ ba kết sử, thành Tu-đà-hoàn, được pháp không thối chuyển, quyết định đến Niết-bàn,³⁹ nhưng chậm nhất là phải trải qua bảy lần chết, bảy lần tái sinh. Hoặc thành bậc gia gia,⁴⁰ nhất chủng,⁴¹ giống như hoa hoàng lam sáng ngất, chiều lớn. Tỳ-kheo này cũng lại như vậy, ba kết diệt tận, thành Tu-đà-hoàn, được pháp không thối chuyển, ắt đến Niết-bàn, chậm nhất cho đến qua bảy lần chết, bảy lần tái sinh. Nếu tìm cầu phương tiện, có ý đồng mãnh, hoặc thành gia gia, hoặc thành nhất chủng, rồi vào đạo tích. Đó gọi là Sa-môn như hoa hoàng lam.

“Thế nào gọi sa-môn kia là như hoa phân-đà-lợi? Ở đây có một hạng người ba kết đã diệt; dâm, nộ, si mỏng, thành Tu-đà-hàm, trở lại đời này, dứt hết bờ khổ. Nếu người hơi chậm, trở lại đời này lần nữa, rồi dứt hết bờ khổ. Nếu đồng mãnh, thì ngay trong đời này dứt hết bờ khổ. Giống như hoa phân-đà-lợi sớm bóc, chiều ủa tàn.

hoàn an trụ vững trong Thánh giáo (*sāsane laddhappatiṭṭhattā*).

³⁶ Phân-đà-lợi 分陀利. Pāli: *pundarīka*, sen trắng.

³⁷ Tợ nhu nhuyển sa-môn 似柔軟沙門. Pāli: *samaṇapaduma*, Sa-môn sen hồng.

³⁸ Pāli: *samaṇesu samaṇasukhumālo*, sa-môn nhu hòa trong các sa-môn.

³⁹ Pāli: *niyato sambodhiparāyaṇo*, quyết định hướng đến Chánh giác.

⁴⁰ Gia gia 家家; (Skt. *kulamkula*), hạng Tu-đà-hoàn quả hướng đến Tu-đà-hàm, tái sinh Dục giới tối đa ba lần, rồi nhập Niết-bàn.

⁴¹ Nhất chủng 一種 (Skt. *ekabījika*), hoặc nhất gián (Skt. *ekavīcika*), hạng Bất-hoàn hướng, còn một lần tái sinh Dục giới.

Đó gọi là sa-môn như hoa phân-đà-lợi.

“Thế nào là sa-môn kia nhu nhuuyến? Hoặc có một hạng người đoạn năm hạ phần kết, thành A-na-hàm, rồi nơi trên kia mà nhập Bát-niết-bàn, không trở lại đời này. Đó gọi là sa-môn nhu nhuuyến.

“Thế nào là sa-môn kia nhu nhuuyến trong nhu nhuuyến? Hoặc có [654a01] một hạng người diệt tận hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân tác chứng, tự du hí, biết như thật rằng: ‘Sinh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Đó gọi là sa-môn nhu nhuuyến trong nhu nhuuyến.

“Đây gọi là Tỳ-kheo có bốn hạng người này xuất hiện ở đời. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện làm Sa-môn nhu nhuuyến trong nhu nhuuyến.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm theo.

Kệ tóm tắt:

*Tu-đà, Tu-ma-quân
Tân-đầu-lô, uê, thủ,
Lộc Đầu, nghĩa diễn rộng,
Sau vui, kinh nhu nhuuyến.*⁴²

⁴² Bản Hán, hết quyển 20.

29. PHẨM KHỔ LẠC

KINH SỐ 1

Nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn? Hoặc có người trước khổ, sau vui; hoặc có người trước vui sau khổ; hoặc có người trước khổ sau khổ; hoặc có người trước vui, sau vui.

“Thế nào là người trước khổ sau vui? Hoặc có một người sinh nhà ti tiện, hoặc dòng sát sinh¹, hoặc giới thợ thuyền, hoặc sinh nhà tà đạo, cùng các giới bần khổ khác, áo cơm không đủ. Tuy họ sinh vào những nhà đó, nhưng người kia lại không có tà kiến, thấy rằng: ‘Có bố thí, có người nhận, có đời này, có đời sau, có sa-môn, bà-la-môn, có cha, có mẹ, đời có A-la-hán, người lãnh thọ giáo pháp, cũng có quả báo thiện ác.’ Nếu thấy có nhà nào rất giàu, thì họ biết đó nhờ báo đức bố thí, báo không phóng dật ngày xưa. Hoặc họ lại thấy nhà không áo cơm, biết những người này không tạo đức bố thí thường gặp bần tiện. Nay ta lại gặp bần tiện, không có áo cơm, đều do ngày xưa không tạo phước, mê hoặc người đời, hành pháp phóng dật. Duyên báo ác hạnh này, nay gặp nghèo hèn áo cơm không đủ. Khi thấy sa-môn, bà-la-môn tu pháp thiện, người ấy liền hướng về sám hối, sửa đổi

¹ Nguyên Hán: Sát nhân chủng 殺人種, nên hiểu là sát sinh; đây chỉ lớp tiện dân chiên-đà-la (Pāli, Skt. *candāla*), phần lớn làm nghề giết chó, được xem là hung dữ. Các nghề nghiệp hạ tiện, xem kinh số 5, phẩm 26.

những việc làm xưa. Nếu có của dư, đem chia cho người. Người này sau khi qua đời sinh về xứ thiện, lên trời. Nếu sinh cõi người thì lắm tiền nhiều của báu, không thiếu hụt. Hạng người này gọi là trước khổ sau vui.

“Hạng người nào trước vui sau khổ? Ở đây, hoặc có một người sinh vào nhà hào tộc, hoặc dòng sát-lợi, hoặc dòng gia chủ, hoặc nhà dòng họ lớn; hoặc sinh vào các nhà giàu sang, áo cơm đầy đủ. Nhưng người đó thường ô mê lòng tà kiến tương ưng cùng biên kiến. Họ thấy như vậy: ‘Không có bố thí, không có người nhận, cũng không có báo đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, đời không có [655b01] A-la-hán, cũng không có người tác chứng, lại cũng không có báo thiện ác.’ Người đó có những tà kiến như vậy. Khi thấy nhà giàu sang, họ nghĩ: ‘Người này lâu nay vẫn có của báu này; người nam đã lâu vẫn là người nam, người nữ đã lâu vẫn là người nữ, súc sanh đã lâu vẫn là súc sanh.’ Người ấy không thích bố thí, không giữ giới luật. Khi thấy sa-môn, bà-la-môn vâng giữ giới, người này nổi sân nhuế nghĩ: ‘Người ấy hư nguy, nơi nào sẽ có phước báo ứng?’ Người này sau khi qua đời sinh vào trong địa ngục. Nếu được làm người thì sinh vào nhà bần cùng, không có áo cơm, thân thể lở lóe, cơm áo thiếu thốn. Hạng người này gọi là trước vui sau khổ.

“Hạng người nào trước khổ sau khổ? Ở đây, có người sinh vào gia đình bần tiện, hoặc dòng sát sinh*, hoặc giới thợ thuyền; hoặc sinh vào những gia đình hạ liệt, không có áo cơm. Nhưng người này thân ô mê tà kiến, cùng tương ưng với biên kiến, nên họ thấy như vậy: ‘Không bố thí, không có người nhận, cũng không có báo thiện ác đời này đời sau, cũng không có cha mẹ, đời không A-la-hán.’ Người ấy không thích bố thí, không vâng giữ giới. Khi thấy sa-môn, bà-la-môn, người ấy liền nổi sân nhuế đối

với các bậc Hiền Thánh. Người này thấy người nghèo thì cho rằng đã vậy từ lâu; thấy người giàu thì cho rằng đã vậy từ lâu; thấy cha, xưa đã là cha; thấy mẹ, xưa đã là mẹ. Người này sau khi qua đời sinh vào trong địa ngục. Nếu sinh cõi người thì rất là nghèo hèn, áo cơm không đủ. Hạng người này gọi là trước khổ sau khổ.

“Thế nào là hạng người trước vui sau vui? Ở đây, hoặc có một người sinh vào nhà giàu sang, hoặc dòng sát-lợi, hoặc dòng bà-la-môn, hoặc sinh vào dòng quốc vương, hoặc sinh dòng gia chủ, cùng sinh vào gia đình lắm tiền nhiều của. Nơi sinh ra không bị thiếu hụt. Người này sinh vào những nhà như vậy, nhưng người này lại có chánh kiến không có tà kiến. Họ có cái thấy này: ‘Có bố thí, có người nhận, có đời này đời sau, đời có sa-môn, bà-la-môn, cũng có báo thiện ác, có cha có mẹ, đời có A-la-hán.’ Người này khi thấy gia đình giàu sang lắm tiền nhiều của, liền nghĩ thầm: ‘Người này có được là nhờ ngày xưa bố thí.’ Hoặc lại thấy nhà nghèo hèn thì nghĩ: ‘Người này trước kia do không bố thí. Nay ta nên tùy thời bố thí, [655c01] chớ để sau này sinh nhà nghèo hèn.’ Vì vậy nên người này thường thích bố thí cho người. Người này nếu thấy Sa-môn đạo sĩ thì tùy thời thăm hỏi sức khỏe, cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh; thấy đều bố thí hết. Nếu sau khi mạng chung tất sinh xứ thiện lên trời. Nếu cõi người tất sinh vào nhà giàu sang, lắm tiền nhiều của. Hạng người này gọi là trước vui sau vui.”

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Con thấy chúng sanh đời này trước khổ sau vui; hoặc ở đời này có chúng sanh trước vui sau khổ; hoặc ở đời này có chúng sanh trước khổ sau khổ; hoặc có chúng sanh trước vui sau vui.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

“Có nhân duyên này, khiến loài chúng sanh trước khổ sau vui; lại cũng có chúng sanh này trước vui sau khổ; lại cũng có chúng sanh này trước khổ sau khổ; lại cũng có chúng sanh này trước vui sau vui.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lại vì nhân duyên gì trước vui sau khổ? Lại vì nhân duyên gì trước khổ sau vui? Lại vì nhân duyên gì trước khổ sau khổ? Lại vì nhân duyên gì trước vui sau vui?”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo nên biết, nếu người sống trăm tuổi. Giả sử đứng mười lần mười như vậy, người ấy sống thọ hết đông, hạ, xuân, thu. Nay Tỳ-kheo, người ấy trong một trăm năm tạo các công đức, rồi một trăm năm tạo các ác nghiệp, tạo các tà kiến. Một thời gian sau, người ấy mùa đông được vui, mùa hạ chịu khổ. Nếu trăm năm công đức đầy đủ chưa từng bị thiếu; rồi ở trong vòng trăm năm nữa, người ấy tạo các tà kiến, tạo hành vi bất thiện; nó trước chịu tội kia, sau thọ phước nọ.

“Nếu lúc nhỏ làm phước, lúc lớn gây tội, thì đời sau lúc nhỏ hưởng phước, lúc lớn chịu tội.

“Nếu lúc nhỏ tạo tội, lớn lên cũng tạo tội, thì người ấy trong đời sau trước khổ sau cũng khổ.

“Nếu lại lúc nhỏ tạo các công đức, bỏ thí phân-đàn,² (lớn

² Phân-đàn bố thí 分檀布施; có lẽ phiên âm, Pāli: *piṇḍa-dāyaka*, người bố thí vật thực. Đoạn tiếp, TNM: Bố thí phần đoạn, cùng ý nghĩa.

lên cũng tạo các công đức cũng bỏ thí phân-đàn)³, thì đời sau người ấy trước vui sau cũng vui.

“Này chư Tỳ-kheo, đó gọi là vì nhân duyên này trước khổ mà sau vui, cũng do nhân duyên này trước vui mà sau khổ, cũng do nhân duyên này trước khổ sau cũng khổ, cũng do nhân duyên này trước vui sau cũng vui.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Quả vậy,⁴ bạch Thế Tôn, nếu có chúng sanh nào muốn trước vui mà [656a1] sau cũng vui thì nên hành bố thí để cầu trước vui sau cũng vui.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Tỳ-kheo, như những lời ông nói. Nếu có chúng sanh nào muốn thành tựu Niết-bàn, và đạo A-la-hán cho đến Phật quả thì ở trong đó phải hành bố thí, tạo công đức.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Những gì là bốn?

³ Trong ngoặc, câu này để bản bỏ sót. Đây y theo TNM thêm vào.

⁴ Để bản: Duy nguyện 唯願. TNM: duy nhiên 唯然.

Hoặc có người thân vui tâm không vui; hoặc có người tâm vui thân không vui; hoặc có người tâm cũng không vui, thân cũng không vui; hoặc có người thân cũng vui tâm cũng vui.

“Những người nào thân vui tâm không vui? Ở đây, người phạm phu tạo phước, đối với bốn sự cúng dường như y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh, không gì thiếu thốn; nhưng không thoát các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng lại không thoát khỏi trong ác thú. Đây gọi là người thân vui tâm không vui.

“Những người nào tâm vui thân không vui? Chỉ những vị A-la-hán không tạo công đức. Ở đây, trong bốn sự cúng dường, tự mình không thể tự lo xong, không bao giờ có được. Chỉ thoát khỏi các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Giống như Tỳ-kheo La-hán Duy Dụ.⁵ Đó gọi là người này tâm vui thân không vui.

“Những người nào thân cũng không vui, tâm cũng không vui? Là người phạm phu không tạo công đức, không thể có được bốn sự cúng dường như y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh, lại không thoát khỏi các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đó gọi là người này thân cũng không vui, tâm cũng không vui.

“Những người nào thân cũng vui, tâm cũng vui? Chỉ cho các A-la-hán tạo công đức, bốn sự cúng dường không gì thiếu thốn như y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, thuốc men trị bệnh. Lại thoát khỏi các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đó chính là Tỳ-kheo Thi-ba-la⁶.

⁵ La-hán Duy Dụ 羅漢唯喻; chưa rõ; các bản khác chép: 維渝.

⁶ Thi-ba-la 尸波羅. Đồng nhất với Pāli, Sīvalī, được Phật tuyên

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian có bốn hạng người này. Cho nên Tỳ-kheo nên cầu phương tiện, như Tỳ-kheo Thi-ba-la.

“Các Tỳ-kheo hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

[656b01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về bốn phước của Phạm thiên.⁷ Sao gọi là bốn? Thiện nam tử, thiện nữ nhân nơi chưa dựng tháp⁸, ở nơi đó mà xây tháp. Đó gọi là phước thứ nhất của Phạm thiên. Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân tu sửa chùa cũ. Đó gọi là phước thứ hai của Phạm thiên. Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân tạo sự hòa hợp Thánh chúng. Đó gọi là phước thứ ba của Phạm thiên. Lại nữa, khi Như Lai⁹ sắp chuyển Pháp luân, chư thiên, người đời khuyến thỉnh chuyển Pháp luân. Đó gọi là phước thứ tư của

bồ là đệ nhất lợi đắc cúng dường (*aggam lābhīnam*), cf. A.i. 24. Xem kinh số 5 phẩm 4.

⁷ Từ phạm chi phước 四梵之福; đoạn dưới có khi nói: Phạm thiên chi phước 梵天之福, có khi nói thọ phạm chi phước 受梵之福. Có thể tương đương Pāli, *brahmadeyya*, tặng vật của Phạm thiên, được hiểu là tặng vật cao thượng nhất.

⁸ Nguyên Hán dịch: Thâu-bà 偷婆, Skt. *stūpa* (Pāli: *thūpa*).

⁹ Nguyên trong bản, đa-tát-a-kiệt.

Phạm thiên. Đó gọi là bốn phước của Phạm thiên.”

Lúc bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Phước của Phạm thiên rốt ráo là nhiều hay ít?”

Thế Tôn bảo:

“Lắng nghe, lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, nay Ta sẽ nói.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng.”

Thế Tôn bảo:

“Cõi Diêm-phù-đề¹⁰ từ Đông Tây, bảy ngàn do tuần, Nam Bắc hai vạn một ngàn do tuần, địa hình giống như chiếc xe. Ở trong đó, công đức có được của chúng sanh cũng bằng công đức của một vị Chuyển luân Thánh vương.

“Lại có cõi tên Cù-da-ni rộng ngang ba mươi hai vạn dặm, địa hình như nửa mặt trăng. Các Tỳ-kheo nên biết, công đức của nhân dân trong cõi Diêm-phù-đề và một Chuyển luân Thánh vương so với người ở đó thì chỉ bằng phước của một người thôi.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, Phất-vu-đãi rộng ngang ba mươi sáu vạn dặm, địa hình vuông vức. Nếu tính phước của hai cõi Diêm-phù-đề và Cù-da-ni thì không bằng phước của một người cõi Phất-vu-đãi này.

“Tỳ-kheo nên biết, Uất-đơn-viết, rộng ngang bốn mươi vạn dặm, địa hình giống như mặt trăng tròn. Nếu tính phước của nhân dân trong ba cõi trên thì cũng không

¹⁰ Nguyên Hán dịch: Diêm-phù-lý-địa 閼浮里地, phiên âm Skt. Jambudvīpa (Jambudīpa).

bằng phước của một người ở cõi Uất-đơn-viết.

“Tỳ-kheo nên biết, nếu tính phước của nhân dân bốn thiên hạ, không bằng đức của Tứ thiên vương. Nếu tính phước nhân dân bốn thiên hạ cùng cõi Tứ thiên vương thì cũng không bằng phước của cõi Tam thập tam thiên. Nếu tính phước của bốn thiên hạ, Tứ thiên vương, cùng Tam thập tam thiên, cũng không bằng phước của một vị Thích Đề-hoàn Nhân. Nếu tính phước của bốn thiên hạ, Tứ thiên vương, Tam thập tam cùng Thích Đề-hoàn Nhân, cũng không bằng phước một Diêm thiên. Nếu tính phước bốn thiên hạ, Tứ thiên vương, Tam thập tam, Thích Đề-hoàn Nhân cùng Diêm thiên thì cũng không bằng phước trời Đâu-suất. Nếu tính phước bốn thiên hạ ... cho đến phước trời Đâu-suất thì cũng không bằng phước trời Hóa tự tại. [656c01] Nếu tính phước bốn thiên hạ, cho đến trời Hóa tự tại cũng chẳng bằng phước trời Tha hóa tự tại. Nếu tính phước từ bốn thiên hạ cho đến cõi trời Tha hóa tự tại cũng chẳng bằng phước đức của Phạm thiên vương.

“Tỳ-kheo nên biết, phước của Phạm thiên như vậy. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào cầu phước đó, theo đây mà suy lường. Cho nên, này Tỳ-kheo, muốn cầu phước Phạm thiên, nên tìm cầu phương tiện để thành tựu công đức này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh có bốn loại thức ăn nuôi lớn chúng sanh.¹¹ Những gì là bốn? Đó là đoàn thực, hoặc lớn hay nhỏ; xúc thực¹², niệm thực và thức thực. Đây là bốn loại thức ăn.

“Sao gọi là đoàn thực? Đoàn thực là như những thức ăn của người hiện nay, vật để đưa vào miệng có thể ăn. Đó gọi là đoàn thực.

“Sao gọi là xúc thực*? Xúc thực là chỉ cho y phục, lọng dù, hương hoa, sưởi lửa, dầu thơm hay sự tụ hội với phụ nữ, và những thứ khác được xúc chạm¹³ bởi thân thể. Đó gọi là xúc thực.

“Sao gọi là niệm thực? Tất cả những niệm tưởng, những gì được niệm tưởng, được tư duy trong ý, những gì được nói bởi miệng, hoặc được xúc bởi thân, cùng những pháp được ghi nhớ. Đó gọi là niệm thực.

“Sao gọi là thức thực? Những gì được niệm tưởng bởi thức, được nhận biết bởi ý, từ Phạm thiên làm đầu cho đến trời Phi tướng phi phi tướng, dùng thức làm thức ăn. Đó gọi là thức thực.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn loại thức ăn này. Chúng sanh do bốn loại thức ăn này mà lưu chuyển trong sanh

¹¹ Xem *Trường 8*, kinh 9 Chúng tập (T1n1, tr. 50c2): Bốn loại thức ăn 四種食: Đoàn thực 搏食, xúc thực 觸食, niệm thực 念食, thức thực 識食. *Tập dị 8* (tr. 400b2): Đoạn thực hoặc thô hoặc tế 段食或麁或細; xúc thực 觸食; ý tư thực 意思食; thức thực 識食. Pāli, D 33 Saṅgīti (R. iii. 228): *cattāro āhārā—kabalīkāro āhāro oḷāriko vā sukhumo vā, phasso dutiyo, manosañcetanā tatiyā, viññāṇaṃ catuttham*.

¹² Nguyên Hán dịch: Cánh lạc thực 更樂食. Được hiểu là những thứ tạo ra sự thoải mái cho xúc giác.

¹³ Nguyên Hán dịch: Cánh lạc 更樂.

từ, từ đời này sang đời khác. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy xả ly bốn loại thức ăn này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại biện tài.¹⁴ Những gì là bốn? Đó là nghĩa biện, pháp biện, từ biện và ứng biện.

“Sao gọi là nghĩa biện? Nghĩa biện là những điều nói ra của người này hay người kia, hoặc những điều nói ra từ trời, rồng, quý thần, [657a01] đều có thể phân biệt ý nghĩa của chúng. Đó gọi là nghĩa biện.

“Sao gọi là pháp biện? Mười hai bộ kinh mà Như Lai nói ra bao gồm: Khế kinh, Kỳ dạ, Phúng tụng, Nhân duyên, Thọ ký, Thí dụ, Bồn sanh, Bồn sự, Tự thuyết, Phương đẳng, Hiệp tập, Vị tăng hữu, cùng các pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, các pháp ấy thật không

¹⁴ Tứ biện 四辯. Xem trên, kinh 9 phẩm 26: bốn biện tài. Cf.

Câu-xá 27 (T29n1558, tr. 142a22): Bốn vô ngại giải (Skt.

catasrah pratisamvidah), 1. pháp vô ngại giải 法無礙解

(*dharma-pratisamvid*); 2. nghĩa vô ngại giải 義無礙解 (*artha-p.*);

3. từ vô ngại giải 詞無礙解 (*nirukti-p.*); 4. biện vô ngại giải 辯無

礙解 (*pratibhāna-p.*).

thể biến hoại, được tổng trì. Đó gọi là pháp biến.

“Sao gọi là từ biện?¹⁵ Như ở trước chúng sanh, lời nói dài hay ngắn,¹⁶ lời nói nam hay nữ,¹⁷ lời Phật, lời bà-la-môn, thiên long, quỷ thần; những lời được nói bởi a-tu-la, a-lu-la, chân-đà-la nói cho họ;¹⁸ tùy theo căn nguyên của họ mà vì họ thuyết pháp. Đó gọi là từ biện.

“Sao gọi là ứng biện? Trong lúc thuyết pháp không có khiếm khuyết, không có sợ hãi, hay khiến cho chúng bốn bộ hòa vui. Đó gọi là ứng biện.

“Nay Ta sẽ bảo các người, phải như ông Ma-ha Câu-hy-la.¹⁹ Vì sao vậy? Vì Câu-hy-la có đủ bốn biện tài này, hay vì chúng bốn bộ mà rộng phân biệt giảng nói. Như hôm nay, Ta thấy trong các chúng, được bốn biện tài không có ai hơn được Câu-hy-la, như Như Lai có được bốn biện tài này. Nay các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bốn biện tài này.

¹⁵ Từ biện: Từ nguyên luận hay ngữ pháp luận. Cf. Pāli, Vin. ii. 139: Có hai Tỳ-kheo, Yamelu và Tekula, cho rằng nhiều Tỳ-kheo thuộc giai cấp thấp, đọc sai lời Phật về mặt ngữ pháp (*te sakāya niruttiyā buddha-vacanam dūsenti*), họ không phân biệt đọc âm dài, âm ngắn, giống đực, giống cái, nên muốn chuẩn hóa lời Phật theo đúng ngữ pháp cho các Tỳ-kheo. Nhưng Phật không cho phép.

¹⁶ Hán: Trường đoản chi ngữ 長短之語; các từ ngữ có âm dài, âm ngắn.

¹⁷ Nam ngữ, nữ ngữ 男語女語, danh từ giống đực, giống cái.

¹⁸ Chỉ ngữ pháp khác nhau giữa các chủng loại, các địa phương, và giai cấp.

¹⁹ Ma-ha-câu-hy-la 摩訶拘絺羅. Pāli: Mahā-Koṭṭhika, được Phật khen là đệ nhất vô ngại giải (*paṭisambhidāpattānam*, A.i. 24). Xem trên, kinh 3 phẩm 4.

“Các Tỷ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỷ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

“Có bốn sự trọn không thể nghĩ bàn. Những gì là bốn? Chúng sanh không thể nghĩ bàn, thế giới không thể nghĩ bàn, quốc độ của loài rồng không thể nghĩ bàn, và cảnh giới Phật không thể nghĩ bàn.”²⁰ Vì sao vậy? Vì không do nơi này đưa đến tận diệt Niết-bàn.

“Vì sao chúng sanh không thể nghĩ bàn? Các chúng sanh này từ đâu đến? Đi về đâu? Lại từ đâu sinh khởi? Chết ở đây sẽ sinh về đâu? Chúng sanh không thể nghĩ bàn là như vậy.

“Vì sao thế giới không thể nghĩ bàn? Những người có tà kiến hoặc cho rằng thế giới đoạn diệt, thế giới chẳng đoạn diệt; thế giới hữu biên, thế giới vô biên; mạng tức là thân, mạng chẳng phải là thân; thế giới này do Phạm thiên tạo ra, hay các đại qui thần tạo ra?”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

²⁰ Cf. A IV 77 Acinteyyasutta (R. ii. 80), bốn điều bất khả tư nghị (*acinteyyāni*): 1. cảnh giới Phật của chư Phật (*buddhānaṃ buddhavisayo*), 2. cảnh giới thiên của những người tu thiên (*jhāyissa jhānavisayo*), 3. di thực của nghiệp (*kammavipāko*), 4. tư duy về thế giới (*lokacintā*).

[657b01]Phạm Thiên tạo nhân dân?

Qui thần tạo thế gian?

Hay thế gian tạo ra quỳ?

Lời này ai sẽ định?

Bị dục sân trói buộc,

Cả ba đều đồng đẳng.

Tâm không được tự tại,

Thế tục có tai biến.

“Này Tỳ-kheo, thế gian không thể nghĩ bàn là như vậy.

“Vì sao cảnh giới rồng không thể nghĩ bàn? Mưa này là từ miệng rồng phun ra hay sao? Vì sao vậy? Vì những hạt nước mưa chẳng phải từ miệng rồng phun ra vậy. Vậy thì từ mắt, tai, mũi của rồng mà ra chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì hạt nước mưa không phải là từ mắt, tai, mũi của rồng phun ra mà chỉ là những gì được niệm tưởng trong ý rồng. Nếu niệm ác, cũng mưa; hay niệm thiện, cũng mưa. Do bản hành mà tạo mưa này. Sở dĩ như vậy, nay trong bụng núi Tu-di lại có trời tên là Đại Lực, biết được những ý nghĩ của tâm chúng sanh, cũng có thể tạo mưa. Nhưng mưa không ra từ miệng trời kia, hay ra từ mắt, tai, mũi mà đều do trời kia có thần lực nên có thể làm mưa. Cũng vậy, Tỳ-kheo, cảnh giới rồng không thể nghĩ bàn.

“Vì sao cảnh giới Phật quốc không thể nghĩ bàn? Thân Như Lai là do cha mẹ tạo ra chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì thân Như Lai hấp thụ các khí trời²¹, thanh tịnh không cấu uế. Là do người tạo ra chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy?

²¹ 受諸天氣, ý niệm này không hề có trong tư tưởng Ấn độ, mà có thể do người Hán diễn dịch.

Vì vượt qua hành động con người. Thân Như Lai là thân Trời²² chẳng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì thân Như Lai không thể tạo tác, chẳng phải chỗ chư thiên với tới. Thọ mạng Như Lai là ngắn chẳng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì Như Lai có bốn thân tức. Như Lai là trường thọ chẳng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì Như Lai xoay vần cùng khắp thế gian, cùng tương ưng với các phương tiện thiện xảo, nên thân của Như Lai không thể suy lường, không thể nói cao nói thấp, âm thanh cũng không thể định chuẩn Phạm âm Như Lai. Trí tuệ biện tài của Như Lai không thể nghĩ bàn, chẳng phải là chỗ nhân dân sánh bằng. Cảnh giới của Phật không thể nghĩ bàn như vậy.

“Như vậy, Tỳ-kheo, có bốn trường hợp này không thể nghĩ bàn, chẳng phải là chỗ người thường nghĩ bàn. Nhưng bốn sự này không có gốc rễ thiện, cũng chẳng do đây mà được tu phạm hạnh, không đưa đến được chốn an chi,²³ [657c01] cho đến không đạt đến chỗ Niết-bàn. Chỉ khiến người tâm cuồng mê, ý thác loạn, khởi các nghi kết. Vì sao vậy?

“Các Tỳ-kheo nên biết, thuở quá khứ lâu xa, trong thành Xá-vệ này có một người bình thường suy nghĩ như vậy: ‘Nay ta phải tư duy về thế giới.’ Rồi người kia ra khỏi thành Xá-vệ, ở cạnh một hồ sen, ngồi kiết già tư duy về thế giới: ‘Thế giới này thành thế nào? Hoại thế nào? Ai tạo thế giới này? Chúng sanh này từ đâu đến? Từ đâu

²² Đề bản: Đại thân 大身.

²³ Hưu tức xứ 休息處; cũng dịch là tô tức xứ 蘇息處, sự phục hồi hơi thở bình thường; chỉ trạng thái an ổn của A-la-hán. Pāli: *assānīya-dhamma*.

xuất hiện? Sinh lúc nào?’ Khi người kia đang trầm tư, ngay lúc đó nó thấy trong ao nước có bốn binh chủng ra vào, nó nghĩ thầm: ‘Nay ta tâm cuồng mê, ý thác loạn, điều mà thế gian không có, nay ta thấy có.’ Người kia bèn trở vào thành Xá-vệ, đi trong một ngõ đường nói rằng: ‘Các hiền giả nên biết, điều mà thế giới không có nay tôi thấy có.’

“Bấy giờ, số đông người hỏi người kia: ‘Điều mà thế giới không có nay ông thấy nó, là thế nào?’ Người kia trả lời mọi người: ‘Vừa qua, để tư duy rằng thế giới sinh từ đâu, tôi ra khỏi thành Xá-vệ, ở bên ao sen, trầm tư rằng thế giới từ đâu đến? Ai tạo ra thế giới này? Các loài chúng sanh này từ đâu đến? Do ai đã sanh ra? Khi mệnh chung, sẽ sanh về chỗ nào? Lúc tôi đang suy nghĩ, ngay lúc đó tôi thấy trong ao nước có bốn binh chủng ra vào. Điều mà thế giới không có nay tôi thấy có.’

“Khi ấy, mọi người bảo người kia: ‘Như ông thì thật cuồng ngu. Trong ao nước làm sao có thể có bốn binh chủng. Những người cuồng mê trong thế gian, ông là tối thượng.’

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, Ta đã từng quán sát nghĩa này rồi cho nên bảo các người vậy. Vì sao vậy? Vì đây chẳng là công đức của gốc thiện, không khiến tu phạm hạnh được, cũng lại không dẫn đến được Niết-bàn xứ. Nhưng suy gẫm điều này, thời khiến con người tâm cuồng, ý thác loạn. Song, các Tỳ-kheo nên biết, người kia thật đã thấy bốn binh chủng. Vì sao vậy? Vì xưa kia chư thiên và A-tu-la đánh nhau. Lúc đang đánh nhau, chư thiên đắc thắng, A-tu-la thua trận. Khi ấy, A-tu-la cảm thấy lo sợ, nên hóa thân cực nhỏ chui vào lỗ ngó sen, mắt Phật mới thấy được, ngoài ra chẳng có ai khác thấy đến.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tư duy bốn đế. Vì sao vậy? Vì [658a01] bốn đế này có nghĩa, có lý, khiến tu phạm hạnh được, hành pháp Sa-môn, đến được Niết-bàn. Vì vậy, các Tỳ-kheo, hãy xả ly các pháp của thế gian này, nên tìm cầu phương tiện tư duy bốn đế.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn báo các Tỳ-kheo:

“Có bốn thứ thần túc.²⁴ Sao gọi là bốn? Đó là tự tại tam-muội hành tận thần túc, tâm tam-muội hành tận thần túc, tinh tấn tam-muội hành tận thần túc, và giới tam-muội hành tận thần túc.

“Sao gọi là tự tại tam-muội hành tận thần túc²⁵? Nghĩa là những ai có tam-muội mà tự tại đối với những gì ý muốn, tâm ưa thích, khiến thân thể nhẹ nhàng, có thể ẩn thân cực nhỏ. Đó gọi là thần túc thứ nhất.

²⁴ Bốn thần túc 四神足. Cf. *Trường 8* k. 9: Chúng tập (T1n1, tr. 50c17): Tư duy dục định diệt hành thành tựu 思惟欲定滅行成就; tinh tấn định 精進定; ý định 意定; tư duy định 思惟定. *Pháp uẩn* 4 (T26n1537, tr. 471c13).

²⁵ Tự tại tam-muội hành tận thần túc 自在三昧行盡神足. *Pháp uẩn*, ibid: Dục tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc 欲三摩地勝行成就神足. Pāli, D 33 Saṅgīti (R. iii. 221): *chandasamādhīpadhāna-*

“Sao gọi là tâm tam-muội hành tận thần túc²⁶? Nghĩa là tâm biết pháp phổ biến khắp mười phương, vách đá đều vượt qua không gì trở ngại. Đó gọi là tâm tam-muội hành tận thần túc.

“Sao gọi là tinh tấn tam-muội hành tận thần túc²⁷? Nghĩa là tam-muội này không có lười mỏi, cũng không sợ hãi, có ý dũng mãnh. Đó gọi là tinh tấn tam-muội hành tận thần túc.

“Sao gọi là giới tam-muội hành tận thần túc²⁸? Những ai có tam-muội này biết những ý nghĩ trong tâm chúng sanh, lúc sanh lúc diệt, thấy đều biết cả; có tâm dục hay không có tâm dục, có tâm sân nhuế hay không có tâm sân nhuế, có tâm ngu si hay không có tâm ngu si, có tâm ganh ghét hay không có tâm ganh ghét, có tâm loạn hay không tâm loạn, có tâm hẹp hòi hay không có tâm hẹp hòi, có tâm rộng lớn hay không có tâm rộng lớn, có tâm hạn lượng hay không tâm hạn lượng, có tâm định hay không

²⁶ Tâm tam-muội hành tận thần túc 心三昧行盡神足. *Pháp uẩn*, ibid: Tâm tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc 心三摩地勝行成就神足 Pāli, ibid.,

cittasamādhīpadhānasāṅkhārasamannāgataṃ iddhipādaṃ bhāveti..

²⁷ Tinh tấn tam-muội hành tận thần túc 精進三昧行盡神足.

Pháp uẩn,: Cần tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc 勤三摩地勝行成就神足. Pāli, ibid., 3.

vīriyasamādhīpadhānasāṅkhārasamannāgataṃ iddhipādaṃ bhāveti.

²⁸ Giới tam-muội hành tận thần túc 戒三昧行盡神足. *Pháp uẩn*, ibid.: Quán tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc 觀三摩地勝行成就神足. Pāli, ibid., *vīmaṃsāsamādhīpadhāna-sāṅkhārasamannāgataṃ iddhipādaṃ bhāveti.*

tâm định, có tâm giải thoát hay không tâm giải thoát, tất cả đều biết rõ. Đó gọi là giới tam-muội hành tận thần túc.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, có bốn loại thần túc, nếu muốn biết những ý nghĩ trong tâm của tất cả chúng sanh, hãy tu hành bốn thần túc này.

“Các Tỳ-kheo hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn pháp sinh khởi ái.²⁹ Khi Tỳ-kheo sinh khởi ái, nó liền khởi. Sao gọi là bốn? Tỳ-kheo do duyên y phục [658b01] nên có ái sinh khởi; do khát thực nên có ái sinh khởi; do chỗ nằm ngồi nên có ái sinh khởi; do thuốc men nên có ái sinh khởi. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn pháp này sinh khởi ái, có chỗ nhiễm đắm.

“Nếu trong đây Tỳ-kheo đắm trước y phục, Ta không nói người này. Vì sao vậy? Vì khi chưa được y, người ấy liền khởi sân nhuế, khởi tưởng niệm đắm trước.

“Ở đó Tỳ-kheo đắm trước thức ăn, Ta cũng không nói người này. Vì sao vậy? Vì khi chưa khát thực được, người ấy liền khởi sân nhuế, khởi tưởng niệm đắm trước.

²⁹ Bốn pháp ái khởi 四起愛之法. Cf. Pāli, A IV Taṇhuppādasutta (R. ii. 10).

“Ở đó Tỳ-kheo đắm trước chỗ nằm ngồi, Ta cũng không nói người này. Vì sao vậy? Vì khi chưa được giường chiếu, người ấy liền khởi sân nhuế, khởi tưởng niệm đắm trước.

“Ở đó Tỳ-kheo đắm trước thuốc men, Ta cũng không nói người này. Vì sao vậy? Vì khi chưa được thuốc men, người ấy liền khởi sân nhuế, khởi tưởng niệm đắm trước.

“Tỳ-kheo nên biết, nay Ta sẽ nói hai việc về y phục: Đáng thân cận, và không nên thân cận.

“Sao gọi là đáng thân cận? Sao gọi là không nên thân cận? Nếu khi được y phục, vì quá ái trước y phục nên khởi pháp bất thiện; đây không nên thân cận. Nếu khi được y phục mà khởi thiện pháp, tâm không ái trước; đây nên thân cận. Nếu khi khát thực mà khởi pháp bất thiện; đây không nên thân cận. Nếu lúc khát thực khởi pháp thiện; đây nên thân cận. Nếu được giường nằm, chỗ ngồi, mà khởi pháp bất thiện; đây không nên thân cận. Nếu được giường nằm, chỗ ngồi, mà khởi pháp thiện; đây cũng nên thân cận. Đối với thuốc men cũng như vậy. Cho nên, nay các Tỳ-kheo, nên thân cận pháp thiện, trừ bỏ pháp ác.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy, để cho muốn khiến đàn-việt thí chủ kia được công đức, hưởng phước vô cùng, được cam lồ tịch diệt.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Y phục để bỏ thí,
Thức ăn, chỗ nằm ngồi,
Trong đó chớ khởi ái,
Chẳng sanh các thế giới.*

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay có bốn con sông lớn, nước từ ao A-nậu-đạt chảy ra.³⁰ Những gì là bốn? Đó là Hằng-già,³¹ Tân-đầu³², Bà-xoa³³ và Tư-đà³⁴. Nước Hằng-già kia phát nguyên từ cửa khẩu Ngưu đầu,³⁵ chảy về hướng Đông. Sông Tân-đầu [658c01] phát nguyên từ cửa khẩu Sư tử,³⁶ chảy về hướng Nam. Sông Tư-đà phát nguyên từ cửa Tượng khẩu,³⁷ chảy về hướng Tây. Sông Bà-xoa phát nguyên từ cửa Mã khẩu,³⁸ chảy về hướng Bắc. Bấy giờ, nước của bốn con sông lớn sau khi chảy quanh ao A-nậu-đạt, rồi sông Hằng-già chảy vào biển Đông, sông Tân-đầu chảy vào biển Nam, sông Bà-xoa chảy vào biển Tây, sông Tư-đà chảy vào biển Bắc. Sau khi bốn con sông lớn này chảy vào biển rồi, không còn tên gọi trước nữa mà chỉ gọi chung là biển.

“Ở đây cũng vậy, có bốn chủng tánh. Bốn chủng tánh ấy là gì? Đó là sát-lợi, bà-la-môn, gia chủ và cư sĩ. Y chỉ Như Lai, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo,

³⁰ Xem *Trường 18*, kinh Thế ký, phẩm Diêm-phù-đề.

³¹ Hằng già 恒伽. Skt. Gaṅgā.

³² Tân-đầu 新頭. Skt. Shintu (Pāli: Shindu).

³³ Bà-xoa 婆叉. Skt. Vakṣu.

³⁴ Tư-đà 私陀. Skt. Sitā.

³⁵ Ngưu đầu khẩu 牛頭口. Pāli: Usabhamukha.

³⁶ Sư tử khẩu 師子口. Pāli: Sīhamukha.

³⁷ Tượng khẩu 象口. Pāli: Hatthimukha.

³⁸ Mã khẩu 馬口. Pāli: Asamukha.

bấy giờ không còn dòng họ cũ nữa mà chỉ gọi là Sa-môn đệ tử Thích-ca. Vì sao vậy? Vì chúng Như Lai cũng như biển lớn, bốn đế cũng như bốn sông lớn, diệt trừ kết sử khiến vào thành Niết-bàn vô úy. Cho nên, này các Tỳ-kheo, những ai trong bốn chủng tộc, cạo bỏ râu tóc, với lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, họ sẽ diệt tên họ trước kia, tự gọi là đệ tử Thích-ca. Vì sao vậy? Vì nay Ta chính là con của họ Thích-ca, từ dòng họ Thích xuất gia, học đạo.

“Các Tỳ-kheo nên biết, muốn nói về ý nghĩa của con đẻ, phải gọi là Sa-môn con nhà họ Thích. Vì sao vậy? Vì sinh đều từ Ta sinh ra, từ pháp mà khởi, từ pháp mà thành.³⁹ Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện để được làm con nhà họ Thích.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn loại tâm. Những gì là bốn? Đó là từ, bi, hỷ, xả. Vì sao được gọi là Phạm trụ?⁴⁰

“Các Tỳ-kheo nên biết, có Phạm, Đại Phạm tên là Thiên,⁴¹ không ai ngang bằng, không có ai trên hơn,

³⁹ Nghĩa là được hóa sanh từ pháp.

⁴⁰ Nguyên Hán: Phạm đường 梵堂. Thường nói là Phạm trú. Pāli: Brahmavihāra.

⁴¹ Thiên 千, một nghìn; Pāli: Sahampati (Skt. Sahāmpati), Chúa

Tăng nhất A-hàm

thống lãnh ngàn quốc giới, cung điện nơi đây gọi là Phạm trụ.

“Tỳ-kheo, thế lực mà bốn Phạm trụ này có được, là có thể quan sát hàng nghìn quốc giới này, cho nên được gọi là Phạm trụ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào muốn vượt qua các trời Dục giới mà lên địa vị vô dục, chúng bốn bộ kia nên tìm cầu phương tiện thành tựu bốn Phạm trụ này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁴²

của thế giới Saha (Skt. Sahā-loka: Thế giới Ta-bà hay Sa-bà); cũng thường gọi là Thế giới chủ. Từ Skt. *saha*, trong Hán dịch thường hiểu là *kham nhẫn* 堪忍 (< *sahati*); ở đây, Hán dịch hiểu Sahā (Skt.) là *sahasra* (Pāli: *sahasa*): số một nghìn.

⁴² Bản Hán, hết quyển 21.

30. PHẨM TU-ĐÀ

KINH SỐ 1

[659a06] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại núi Ba-sa,¹ nước Ma-kiệt cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Thế Tôn ra ngoài tịnh thất kinh hành. Lúc đó, sa-di Tu-đà² kinh hành theo sau Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn quay lại hỏi sa-di:

“Nay Ta muốn hỏi nghĩa người. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ!”

Sa-di Tu-đà đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Có sắc thường và sắc vô thường, chúng là một nghĩa hay là nhiều nghĩa?”

Sa-di Tu-đà bạch Phật:

“Có sắc thường và sắc vô thường, nghĩa này nhiều, chẳng phải một nghĩa. Sở dĩ như vậy là vì sắc thường ở trong và sắc vô thường ở ngoài, vì vậy cho nên nghĩa chúng có nhiều, chẳng phải là một.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, Tu-đà, như những lời người đã khéo nói nghĩa này. Sắc thường, sắc vô thường, nghĩa

¹ Ba-sa sơn 波沙山, chưa rõ ở đâu.

² Tu-đà 須陀. Skt. Sodayin; xem cht. 5 dưới.

này nhiều, không phải một nghĩa. Thế nào, Tu-đà, nghĩa hữu lậu, nghĩa vô lậu, là một nghĩa hay nhiều nghĩa?”

Sa-di Tu-đà thưa:

“Nghĩa hữu lậu, nghĩa vô lậu, là nhiều, không phải một nghĩa. Sở dĩ như vậy là vì nghĩa hữu lậu là kết sử sinh tử, nghĩa vô lậu là pháp Niết-bàn. Vì vậy cho nên nghĩa có nhiều, không phải một nghĩa.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, Tu-đà, như những gì người đã nói. Hữu lậu là sinh tử, vô lậu là Niết-bàn.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Pháp tụ, pháp tán, là một nghĩa hay là nhiều nghĩa?”

Sa-di Tu-đà bạch Phật rằng:

“Sắc của pháp tụ, sắc của pháp tán, [659b01] nghĩa này là nhiều, không phải một nghĩa. Sở dĩ như vậy là vì sắc của pháp tụ là thân tứ đại; sắc của pháp tán là khổ tận đế. Vì vậy nên nói nghĩa có nhiều, không phải một nghĩa.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, Tu-đà, như những gì người đã nói. Sắc của pháp tụ, sắc của pháp tán có nhiều nghĩa, không phải một nghĩa.

“Thế nào, Tu-đà, nghĩa thủ³, nghĩa uẩn là một nghĩa hay có nhiều nghĩa?”

Sa-di Tu-đà bạch Phật rằng:

“Nghĩa của thủ cùng uẩn có nhiều, không phải một nghĩa.

³ Thọ, tức thủ hay chấp thủ. Pāli, *upādāna*.

Sở dĩ như vậy là vì thủ thì vô hình không thể thấy; uẩn thì có sắc có thể thấy. Vì vậy cho nên có nhiều nghĩa, không phải một nghĩa.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Lành thay, lành thay, Tu-đà, như những gì người đã nói. Nghĩa của thủ, của uẩn; có nhiều nghĩa, chẳng phải một.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Có tự, không có tự,⁴ có nhiều nghĩa không phải một nghĩa.

Sa-di bạch Phật:

“Hữu tự, vô tự có nhiều nghĩa, chẳng phải một nghĩa. Sở dĩ như vậy là vì có tự là kết sinh tử, không có tự là Niết-bàn. Cho nên nói có nhiều nghĩa, chẳng phải một nghĩa.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Lành thay, lành thay, Tu-đà, như những gì người đã nói. Có tự là sinh tử, không có tự là Niết-bàn.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Thế nào, Tu-đà, vì sao nói có tự là sinh tử, không có tự là Niết-bàn?”

Sa-di bạch Phật:

“Có tự thì có sinh có tử, có tận cùng, có khởi thủy. Không có tự thì không sinh không tử, không tận cùng, không khởi thủy.”

Thế Tôn bảo rằng:

⁴ Hữu tự, vô tự 有字無字; chưa rõ. Có lẽ Skt. *sa-akṣaya* (Pāli: *sa-akkhaya*): “Hữu tận”, nhưng Hán đọc là *sa-akṣara*: Hữu tự.

“Lành thay, lành thay, Tu-đà, như những gì người đã nói. Có tự là pháp sinh tử; không có tự là pháp Niết-bàn.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Sa-di tiếp:

“Người khéo nói những lời này. Nay Ta cho phép người làm đại Tỳ-kheo⁵.”

Bấy giờ, Thế Tôn trở về giảng đường Phô tập bảo các Tỳ-kheo:

“Đất nước Ma-kiệt rất được thiện lợi, nên khiến sa-di Tu-đà đến đất nước này. Ai đem y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh cúng dường cũng sẽ được thiện lợi. Cha mẹ sinh ra ông cũng được thiện lợi, vì đã sinh ra Tỳ-kheo Tu-đà này. Nếu Tỳ-kheo Tu-đà sinh vào gia đình nào, gia đình đó được đại hạnh này. Nay Ta bảo các Tỳ-kheo, hãy học như Tỳ-kheo Tu-đà. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Tu-đà này rất là thông minh, thuyết pháp thông suốt, cũng không khiếm nhược. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học như Tỳ-kheo Tu-đà. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

⁵ Cf. *Câu-xá*, 14 (T29n1558, tr. 74c1): Tô-đà-di 蘇陀夷, đặc giới cụ túc do khéo trả lời. *Câu-xá luận ký* 14 (T41n1821, tr. 222b25), và *Câu-xá luận số* 14 (T41n1822, tr. 643c23) đều nói, sa-di Tô-đà-di mới 7 tuổi đặc giới cụ túc, do khéo trả lời. Phật hỏi Tô-đà-di: “Nhà người ở đâu?” Tô-đà-di đáp: “Ba cõi không nhà.” Skt. Sodāyin (*Kośa-bhāṣya*). Không tìm thấy đồng nhất trong văn hệ Pāli.

Một thời, đức Phật trú tại Ca-lan-đà, trong Trúc viên, thành La-duyet, [659c01] cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp cho vô số chúng vây quanh trước sau. Khi ấy, có một trưởng lão Tỳ-kheo ở trong chúng này duỗi chân về phía Thế Tôn mà ngủ. Sa-di Tu-ma-na bấy giờ mới lên tám, ngồi kiết già, chú niệm trước mắt, cách Thế Tôn không xa. Bấy giờ, Thế Tôn đưa mắt nhìn trưởng lão Tỳ-kheo đang duỗi chân mà ngủ; lại nhìn sa-di ngồi thẳng tư duy. Thế Tôn sau khi thấy vậy, liền nói kệ này:

*Được gọi là Trưởng lão
Chưa hẳn do râu tóc.
Tuổi tác dù đã lớn,
Không khỏi làm việc ngu.⁶*

*Ai có pháp kiến đế,
Không gây hại sinh linh,
Xả các hành ô uế,
Đó gọi là Trưởng lão.⁷*

*Nay Ta gọi Trưởng lão,
Không vì xuất gia trước.
Ai có nghiệp gốc thiện,
Phân biệt nơi chánh hành;
Dù tuổi trẻ ấu niên,*

⁶ Cf. Dhp. 260: *na tena thero hoti yen'assa palitam siro, paripakko vayo tassa moghajjñño'ti vuccati/* không phải do đầu bạc mà được gọi là trưởng lão; chỉ do suy lão chín rục, đó được gọi là già ngu.

⁷ Cf. Dhp. 261: *yamhi saccam ca dhammo ca, ahimsā saññamo damo, sa ve vantamalo dhīro thero iti pavuccati/* ai có chân lý, có pháp, bất hại, tự chế, tự điều phục, rù sách câu bản, có trí tuệ, người ấy được gọi là trưởng lão.

Tăng nhất A-hàm

*Các căn không thùng, sứt,
Đó mới gọi trường lão,
Phân biệt hành chánh pháp.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy trường lão duỗi chân mà ngủ không?”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn, chúng con đều thấy.”

Thế Tôn bảo:

“Trường lão Tỳ-kheo này trong vòng năm trăm năm thường làm thân rồng. Nay mà mạng chung cũng sẽ sinh vào trong loài rồng. Sở dĩ như vậy là vì không có lòng cung kính đối với Phật, Pháp và Thánh chúng, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh vào loài rồng. Các người có thấy sa-di Tu-ma-na tuổi vừa lên tám, ngồi thẳng tư duy, cách Ta không xa không?”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Sa-di này, ngay sau đây bảy ngày sẽ đạt được bốn thần túc, cùng đắc pháp bốn đế, được tự tại trong bốn thiên, khéo tu bốn chánh đoạn. Sở dĩ như vậy là vì sa-di Tu-ma-na này có lòng cung kính đối với Phật, Pháp và Thánh chúng. Vì vậy cho nên, các Tỳ-kheo hãy luôn luôn siêng năng cung kính Phật, Pháp và Thánh chúng. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

[660a01] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ, cùng với một nghìn hai trăm năm mươi đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, có gia chủ tên Cấp Cô Độc⁸ lắm tiền nhiều của, vàng bạc, trân bảo, xa-cừ, mã nã, trân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu ly, voi ngựa, trâu dê, nô tì, tôi tớ không thể kể hết. Lúc ấy, trong thành Mãn phú⁹ có gia chủ tên Mãn Tài¹⁰ cũng lắm tiền nhiều của, xa cừ, mã nã, trân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu ly, voi ngựa, trâu dê, nô tì, tôi tớ không thể đếm hết. Thuở nhỏ, ông là bạn cũ tốt của Cấp Cô Độc, yêu kính nhau, chưa từng quên nhau. Gia chủ Cấp Cô Độc thường xuyên có mấy nghìn vạn hàng hóa trân quý để mua bán trong thành Mãn phú kia, nhờ gia chủ Mãn Tài quản lý, kinh doanh. Gia chủ Mãn Tài cũng có mấy nghìn vạn hàng hóa trân quý để mua bán tại trong thành Xá-vệ, nhờ gia chủ Cấp Cô Độc quản lý, kinh doanh.

Bấy giờ, Cấp Cô Độc có người con gái tên là Tu-ma-đề,¹¹ nhan sắc xinh đẹp như màu hoa đào, hiếm có trên đời.

⁸ A-na-bân-đề.

⁹ Mãn phú 滿富, xem cht. dưới.

¹⁰ Mãn Tài 滿財. No 130: gia chủ Mô-thi-la 謨尸羅, thành Phước tăng 福增. No 129 nói ông này là quốc vương của Nan quốc 難國王, tên là Phân-phá-đàn 分陂檀. Cf. Dvy. 402, tên thành phố này là Puṇḍavardhana (Mãn phú), mà No 130 đọc là Puṇyavardhana (Phước tăng).

¹¹ Tu-ma-đề 修摩提. No 130: Thiện Vô Độc 善無毒. No 129: Tam-ma-kiệt 三摩竭. Dvy. 402, cô này tên là Sumāgadhā. Pāli: Cūḷa-Subhaddhā.

Tăng nhất A-hàm

Gia chủ Mãn Tài có một ít việc đến thành Xá-vệ, đến nhà gia chủ Cấp Cô Độc. Đến nơi, ông ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn. Khi ấy, cô gái Tu-ma-đề từ trong phòng riêng ra. Trước tiên, cô quỳ lạy cha mẹ, sau quỳ lạy gia chủ Mãn Tài, rồi về phòng riêng lại.

Gia chủ Mãn Tài sau khi thấy con gái Tu-ma-đề nhan sắc xinh đẹp, như màu hoa đào hiếm có trên đời, bèn hỏi Gia chủ Cấp Cô Độc:

“Đây là con gái nhà ai?”

Cấp Cô Độc đáp:

“Cô gái vừa rồi là con đẻ của tôi.”

Gia chủ Mãn Tài nói:

“Tôi có đứa con trai nhỏ chưa có hôn ước. Cô có thể làm dâu nhà tôi được không?”

Gia chủ Cấp Cô Độc liền đáp:

“Việc này không nên.”

Gia chủ Mãn Tài nói:

“Vì lẽ gì mà việc này không nên? Vì giòng họ hay vì của cải?”

Gia chủ Cấp Cô Độc đáp:

“Giòng họ, của cải, đều tương xứng. Nhưng việc ông thờ phụng thần linh không giống với tôi. Con gái tôi thờ Phật, đệ tử Thích-ca. Còn các ông thờ dị học ngoại đạo. Vì vậy cho nên không theo ý ông được.”

Gia chủ Mãn Tài nói:

“Việc thờ phụng của chúng tôi, chúng tôi sẽ tế tự riêng. Việc thờ ai của con gái ngài, cô ấy sẽ tự cúng dường

riêng.”

Gia chủ Cấp Cô Độc đáp:

“Con gái tôi nếu phải gả cho nhà ông, tài bảo [660b01] bỏ ra không thể kể xiết. Gia chủ cũng phải bỏ ra tài bảo không thể kể hết.”

Gia chủ Mãn Tài nói:

“Nay ông đòi bao nhiêu tài bảo?”

Gia chủ Cấp Cô Độc đáp:

“Nay tôi cần sáu vạn lượng vàng.”

Gia chủ Mãn Tài liền trao ngay cho sáu vạn lượng vàng. Gia chủ Cấp Cô Độc lại nghĩ thầm: “Ta đã tìm cách từ khước trước, nhưng vẫn không thể ngăn cản được.” Ông nói với gia chủ kia rằng:

“Nếu tôi gả con gái, tôi phải đi hỏi Phật. Nếu Thế Tôn có dạy bảo điều gì, tôi sẽ làm theo.”

Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc lấy cơ có công việc cần đi một lát. Ông ra khỏi cửa, đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn:¹²

“Con gái Tu-ma-đề của con được Gia chủ Mãn Tài trong thành Mãn phú cầu hôn. Con có nên gả hay không nên gả?”

Thế Tôn bảo:

“Nếu con gái Tu-ma-đề về nước kia, sẽ mang lại nhiều lợi ích, độ thoát nhân dân không thể kể hết.”

¹² Truyền thuyết Pāli. Sớ giải Dhp. iii. 465, nói ông là phú hộ Ugga ở thị trấn Ugganagara. Sớ giải A. IV 24 Kālakārasutta, sớ giải nói, ông này là Kālaka ở Sāketa.

Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc nghĩ thầm: “Thế Tôn đã dùng trí phương tiện bảo nên gả sang nước kia.” Rồi ông đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, và cáo lui. Về đến nhà, ông sai bày biện các loại đồ ăn thức uống ngon ngọt thết đãi gia chủ Mãn Tài.

Gia chủ Mãn Tài nói:

“Tôi đâu cần sự ăn uống này. Nhưng ông có gả con gái cho con tôi?”

Gia chủ Cấp Cô Độc nói:

“Đã muốn vậy, tôi thuận theo ý ông. Mười lăm ngày sau bảo con trai ông đến đây.”

Nói những lời như vậy xong, cáo lui từ giả.

Bấy giờ, gia chủ Mãn Tài sửa soạn đầy đủ những vật cần thiết, đi xe lông chim báu đến trong khoảng tám mươi do tuần¹³. Gia chủ Cấp Cô Độc lại trang điểm cho con gái mình, tắm gội xông hương, đánh xe lông chim báu đưa con gái đi đón con trai gia chủ Mãn Tài. Giữa đường họ gặp nhau. Khi gia chủ Mãn Tài nhận được cô gái, ông liền đưa về trong thành Mãn phú.

Bấy giờ, nhân dân trong thành Mãn phú có ra hạn chế: “Trong thành này, nếu có người nữ nào đem gả cho người nước khác thì sẽ chịu hình phạt nặng. Nếu lại đến nước khác hỏi vợ đem vào nước thì cũng chịu hình phạt nặng.” Trong nước ấy có sáu nghìn bà-la-môn. Người trong nước đều tuân theo hạn chế này. Có điều lệ: “Nếu ai phạm luật thì phải đãi cơm cho sáu nghìn bà-la-môn.”

Bấy giờ, gia chủ Mãn Tài tự biết mình đã phạm luật, nên

¹³ Do-diên.

đãi cơm cho sáu nghìn bà-la-môn. Song, món ăn của các bà-la-môn đều dùng thịt heo, canh thịt heo và [660c01] rượu được chưng lại. Y phục của các bà-la-môn thì hoặc bằng gĩa trắng, hoặc bằng lông thú. Nhưng theo pháp của các bà-la-môn, khi vào nước thì phải lấy y vắt lên vai phải, để lộ nửa thân.

Bấy giờ, gia chủ bạch:

“Đã đến giờ, cơm nước đã đủ.”

Khi ấy, sáu nghìn bà-la-môn đều vắt xiêm y một bên, để lộ nửa thân, vào nhà gia chủ. Gia chủ thấy các bà-la-môn đến, ông bò trên đầu gối đến rước đón, và làm lễ cung kính. Bà-la-môn lớn nhất đưa tay khen tốt, ôm cổ gia chủ, rồi đến chỗ ngồi. Các bà-la-môn khác tùy theo thứ lớp mà ngồi.

Sau khi sáu nghìn bà-la-môn đã định chỗ ngồi xong, gia chủ bảo cô Tu-ma-đề rằng:

“Con hãy sửa soạn ra làm lễ thầy chúng ta.”

Cô Tu-ma-đề thưa:

“Thôi, thôi, Đại gia! Con không thể làm lễ những vị khóa thân được.”

Gia chủ nói:

“Đây không phải là những vị khóa thân, không biết xấu hổ. Nhưng những y phục mặc này là pháp phục của họ.”

Cô Tu-ma-đề thưa:

“Đây là những người không biết hổ thẹn, tất cả đều để lộ thân hình ra bên ngoài. Có dùng pháp phục gì đâu. Xin Gia chủ nghe con. Thế Tôn cũng nói có hai nhân duyên của việc mà người đời quý là có tâm, có quý. Nếu không

Tăng nhất A-hàm

có hai việc này, năm hạng người thân như cha, mẹ, anh, em, giòng họ, thấy đều không phân biệt người trên, kẻ dưới. Nếu như vậy cũng đồng như các loài gà, chó, heo, dê, lừa, loa, đều không có tôn ti. Do có hai pháp này ở thế gian nên biết có tôn ti trật tự. Nhưng những người này bỏ hai pháp này, giống như cùng loại với gà, chó, heo, dê, lừa, loa. Thật tình con không thể làm lễ họ được.”

Chồng Tu-ma-đề bảo vợ:

“Nay cô hãy đứng lên làm lễ thầy chúng ta. Những vị này đều là Trời mà tôi phụng sự.”

Cô Tu-ma-đề đáp:

“Hãy thôi đi công tử. Tôi không thể làm lễ những người lỏa hình không biết hổ thẹn này. Nay tôi là người làm lễ lừa, chó sao!”

Người chồng lại nói:

“Thôi, thôi, quý nữ, chớ nói vậy. Hãy giữ miệng cô, chớ có xúc phạm. Họ cũng chẳng phải lừa, lại chẳng phải đối gạt, nhưng những thứ họ đang mặc chính là pháp y.”

Bấy giờ, cô Tu-ma-đề rơi lệ khóc lóc, nhan sắc biến đổi, và nói như vậy:

“Cha mẹ năm thân của tôi thà chịu hủy hoại thân hình, phân thân năm đoạn¹⁴ mà chết, nhất định không rơi vào tà kiến này.”

Lúc đó, sáu nghìn bà-la-môn, đồng lớn tiếng nói:

“Thôi, thôi, Gia chủ! [661a01] Có gì khiến con tiện tì này

¹⁴ Để bản: Ngũ khắc 五刻. TNM: Ngũ ngoan 五元. Hình phạt chặt 2 tay, 2 chân và chém đầu.

mắng chửi như vậy? Nếu có thỉnh mời, đúng giờ hãy bày biện đồ ăn thức uống ra đi!”

Gia chủ cùng chồng Tu-ma-đề bấy giờ bày biện thịt heo, canh thịt heo, rượu chưng lại, khiến sáu nghìn Bà-la-môn đều ăn đầy đủ. Các bà-la-môn ăn xong, bàn luận chút ít, rồi đứng lên ra về.

Khi ấy, gia chủ Mãn Tài ở trên lầu cao, phiên oán sầu hận, ngồi tư duy một mình: “Nay ta đem cô gái này về liền bị phá nhà, không khác nào làm nhục nhà cửa ta.”

Trong lúc đó, có bà-la-môn tên Tu-bạt, đã đạt ngũ thông và đắc tứ thiên. Gia chủ Mãn Tài tỏ ra quý trọng. Bà-la-môn Tu-bạt nghĩ thầm: “Ta cùng gia chủ xa nhau đã lâu ngày, nay hãy ghé thăm.” Bà-la-môn vào thành Mãn phú đến nhà gia chủ, hỏi người giữ cửa rằng:

“Gia chủ nay đang làm gì?”

Người giữ cửa đáp:

“Gia chủ ở trên lầu, đang rất sầu ưu. Rất không thể nói chuyện.”

Bà-la-môn bèn đi tắt lên trên lầu, gặp gia chủ. Bà-la-môn hỏi Gia chủ:

“Cớ gì mà ông sầu ưu đến như vậy? Không phải bị huyện quan, trộm cướp, tai biến nước lửa gây ra chăng? Cũng không phải trong nhà không hòa thuận chăng?”

Gia chủ đáp:

“Không có tai biến huyện quan, trộm cướp. Nhưng trong gia đình có chút chuyện nhỏ không như ý.”

Bà-la-môn hỏi:

“Mong được nghe câu chuyện ấy, và do bởi duyên cớ gì.”

Gia chủ đáp:

“Hôm qua, tôi cưới vợ cho con trai, lại phạm luật nước, thân tộc bị nhục. Có mời các thầy đến nhà, bảo vợ con trai ra làm lễ mà nó không vâng lời.”

Bà-la-môn Tu-bạt nói:

“Cưới hỏi gần xa, nhà cô này ở nước nào?”

Gia chủ đáp:

“Cô này là con gái của gia chủ Cấp Cô Độc trong thành Xá-vệ.”

Khi bà-la-môn Tu-bạt nghe những lời này rồi, ngạc nhiên kinh dị, hai tay bịt tai nói rằng:

“Ồi chao! Gia chủ! Quá kỳ lạ! Chuyện hiếm có! Cô này vẫn còn sống, không tự sát, không gieo mình xuống lầu, thì thật là may lớn. Vì sao vậy? Vì Thầy mà cô này phụng thờ đều là người phạm hạnh. Hôm nay mà còn sống thì thật là chuyện lạ!”

Gia chủ nói:

“Tôi nghe những lời của ngài lại muốn phì cười. Vì sao vậy? Ngài là đệ học ngoại đạo, tại sao khen ngợi hạnh của Sa-môn dòng họ Thích? Thầy của cô này phụng thờ có oai đức gì? Có thần biến gì?”

Bà-la-môn đáp:

“Gia chủ! Muốn nghe thần đức của Thầy cô này chăng? Nay tôi sẽ kể sơ nguồn gốc này.”

Gia chủ nói:

“Mong được nghe [661b01] nói về điều đó.”

Bà-la-môn nói:

“Trước kia, khi sống tại bắc Tuyết sơn, tôi đi khát thực trong nhân gian. Được thức ăn rồi, tôi bay đến suối A-nậu-đạt. Lúc trời, rông, quỷ thần ở đó từ xa thấy tôi đến, đều cầm đao kiếm đến chỗ tôi cùng bảo tôi rằng: ‘Tiên sĩ Tu-bạt, chớ đến bên suối này, chớ làm bẩn suối này. Nếu không nghe lời ta, ta lấy ngay mạng sống của ông.’

“Tôi nghe những lời này, liền đi khỏi suối này không xa mà ăn. Gia chủ nên biết, Thầy cô này phụng thờ có người đệ tử nhỏ nhất tên là sa-di Quân-đầu.¹⁵ Sa-di này cũng đến bắc Tuyết sơn này khát thực, bay đến suối A-nậu-đạt, tay cầm y người chết ở nghĩa trang dính đầy máu nhơ. Khi ấy, đại thần A-nậu-đạt, trời, rông, quỷ thần, đều đứng dậy tiến lên cung kính nghinh đón thăm hỏi: Xin chào thầy của loài người. Ngài có thể ngồi đây. Sa-di Quân-đầu đến bên suối nước.

“Lại nữa, Gia chủ, chính giữa suối nước hiện có cái bàn vàng rông. Sa-di Quân-đầu lấy y người chết này ngâm vào trong nước, sau đó ngồi ăn. Ăn xong, rửa bát, rồi ngồi kiết già ở trên bàn vàng, chánh thân chánh ý, buộc niệm trước mặt, nhập vào sơ thiền. Từ sơ thiền xuất, nhập vào nhị thiền. Từ nhị thiền xuất, nhập vào tam thiền. Từ tam thiền xuất, nhập vào tứ thiền. Từ tứ thiền xuất, nhập vào không xứ. Từ không xứ xuất, nhập vào thức xứ. Từ thức xứ xuất, nhập vào vô sở hữu xứ. Từ vô sở hữu xứ xuất, nhập vào phi tướng phi phi tướng xứ. Từ phi tướng phi phi tướng xứ xuất, nhập vào diệt tận định. Từ diệt tận định xuất, nhập vào điểm quang tam-muội. Từ điểm quang tam-muội xuất, nhập vào thủy khí tam-muội. Từ thủy khí tam-muội xuất, nhập vào điểm quang tam-muội. Kế đó, lại nhập vào diệt tận định, lại nhập vào phi

¹⁵ Quân-đầu sa-di. Xem cht. 33 kinh 9 phẩm 26.

Tăng nhất A-hàm

tướng phi phi tướng xứ tam-muội, lại nhập vô sở hữu xứ tam-muội, lại nhập thức xứ tam-muội, lại nhập không xứ tam-muội, lại nhập tứ thiên, lại nhập tam thiên, lại nhập nhị thiên, lại nhập sơ thiên. Từ sơ thiên xuất mà giặt y người chết. Lúc ấy, trời, rồng, quý thần hoặc giúp vò đập y, hoặc lấy nước, hay lấy nước uống. Giặt y xong, đem phơi nơi chỗ trống. Sau khi thu xếp y xong, sa-di kia liền bay lên không trung, trở về chỗ ở.

“Gia chủ nên biết, lúc đó tôi chỉ từ xa [661c01] nhìn thấy chứ không được gần. Thầy của cô này phụng sự, mà đệ tử nhỏ nhất còn có thần lực này, huống chi là những vị đại đệ tử, làm sao ai có thể sánh bằng? Huống chi vị Thầy kia là Như Lai, Chí chơn, Chánh đẳng Chánh giác, ai có thể sánh kịp? Xét nghĩa này xong, nên tôi nói: Thật là kỳ lạ, cô này có thể không tự sát, không đứt mạng căn!”

Lúc đó, Gia chủ nói với Bà-la-môn rằng:

“Chúng tôi có thể gặp được Thầy của cô ta phụng thờ chăng?”

Bà-la-môn đáp:

“Có thể hỏi lại cô ấy.”

Gia chủ bèn hỏi cô Tu-ma-đề:

“Nay ta muốn được gặp Thầy mà con phụng thờ. Con có thể thỉnh về đây được không?”

Sau khi nghe xong, cô vui mừng hơn hờ, không tự chế được, liền nói:

“Xin chuẩn bị đồ ăn thức uống đầy đủ. Ngày mai, Như Lai sẽ đến đây cùng với Tăng Tỳ-kheo.”

Gia chủ bảo:

“Nay con tự mời, ta không biết cách.”

Bấy giờ, con gái gia chủ tẩm gội thân thể, tay bung lò hương lên trên lầu cao, chấp tay hướng về Như Lai mà bạch:

“Nguyện xin Thế Tôn, đấng Vô năng kiến đánh,¹⁶ mong quán sát rõ nơi này. Nhưng Thế Tôn không việc gì không biết, không việc gì không xét. Nay con đang ở chỗ nguy khốn này, cúi xin Thế Tôn quán sát rõ cho.”

Rồi cô tán thán bằng bài kệ này:

*Con mắt Phật quán sát,
Thấy khắp nơi thế gian.
Hàng phục quý, thần vương;
Hàng phục quý tử mẫu.
Như quý ăn người kia,
Lấy ngón tay làm chuỗi;
Sau lại muốn hại mẹ
Nhưng bị Phật hàng phục.*

*Lại nơi thành La-duyet,
Voi dữ muốn đến hại,
Thấy Phật, tự qui phục.
Chư thiên khen lành thay!*

*Lại đến nước Mã-đề,
Gặp long vương hung ác;
Thấy lực sĩ Mật-tích,
Long vương tự qui phục.*

*Biến hóa kể không hết,
Đều đưa vào đạo chánh.*

¹⁶ Vô năng kiến đánh còn gọi là Vô kiến đánh tướng, 1 trong 80 tùy hình hảo, vẻ đẹp của Phật.

Tăng nhất A-hàm

*Nay con lại gặp nguy
Cúi xin Phật đoái hoài.*

*Bấy giờ hương như mây,
Lơ lửng giữa hư không,
Xâm nhập khắp Kỳ-hoàn,
Hiện ở trước Như Lai.*

*Chư Thích giữa hư không
Vui mừng mà làm lễ.
[662a01] Lại thấy hương trước mặt,
Tu-ma-đề thỉnh cầu.*

*Mưa xuống nhiều loại hoa,
Không làm sao kể hết.
Tràn khắp rừng Kỳ-hoàn,
Như Lai cười phóng quang.*

Bấy giờ, A-nan thấy trong Kỳ-hoàn có mùi hương vi diệu, bèn đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. A-nan bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn, đây là loại hương gì mà lan khắp trong tinh xá Kỳ-hoàn?”

Thế Tôn bảo:

“Hương này là do sứ giả của Phật mang đến thỉnh cầu của cô Tu-ma-đề trong thành Mãn phú. Nay ngươi hãy gọi các Tỳ-kheo họp hết một chỗ mà bóc xá-la¹⁷ và ra lệnh này: ‘Các Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận, đắc thần túc hãy nhận thẻ. Sáng ngày mai hãy đến trong thành Mãn phú nhận lời thỉnh của Tu-ma-đề.’”

A-nan bạch Phật:

¹⁷ Phất thẻ nhận phân đi phó trai. Pāli: *Salākā*.

“Kính vâng Thế Tôn!”

A-nan nhận vâng lời Thế Tôn, họp các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ hội, nói:

“Các vị nào đắc đạo A-la-hán thì hãy lấy thẻ. Ngày mai đến nhận thỉnh cầu của Tu-ma-đề.”

Ngay lúc đó, một Thượng tọa trong chúng Tăng, tên là Quân-đầu-ba-hán¹⁸ đắc Tu-đà-hoàn, kết sử chưa diệt tận, không được thần túc. Thượng tọa này nghĩ thầm: ‘Nay trong đại chúng, ta là hàng Thượng tọa lớn, mà kết sử lại chưa dứt, chưa được thần túc. Ngày mai, ta không được đến trong thành Mãn phú thọ thực. Song, trong chúng của Như Lai, vị sa-di hạ tọa nhỏ nhất tên là Quân-đầu, người có thần túc, có đại oai lực, được đến đó thọ thỉnh. Nay ta cũng nên đến kia thọ thỉnh.’

Bấy giờ, Thượng tọa dùng tâm thanh tịnh, nơi địa vị hữu học mà nhận thẻ. Lúc đó, Thế Tôn, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy Quân-đầu-ba-hán đang tại địa vị hữu học mà nhận thẻ tức thì đạt được vô học, Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

“Trong đệ tử của Ta, người nhận thẻ đệ nhất chính là Tỳ-kheo Quân-đầu-ba-hán vậy.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo thần túc: Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ly-việt, Tu-bồ-đề, Ưu-tỳ Ca-diếp, Ma-ha Ca-thất¹⁹-na, Tôn giả La-hầu-la, Châu²⁰-lợi Bàn-đặc, cùng sa-di Quân-đầu, các vị dùng

¹⁸ Quân-đầu-ba-hán 君頭波漢, Pāli: Kuṇḍahāna. Xem kinh 3 phẩm 4, cht. 26-27.

¹⁹ Đệ bản: 匹 thất. Bản Tổng: 述 thuật.

²⁰ Đệ bản: 均 quân; Nguyên-Minh: 周 chu.

Tăng nhất A-hàm

thần túc đến trong thành kia trước.

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Lúc ấy, người giúp việc của Tăng tên là Càn-trà, sáng sớm hôm sau thân vác chõ lớn bay trên không trung đến [662b01] thành kia. Lúc đó, gia chủ này cùng dân chúng lên trên lầu cao muốn xem Thế Tôn, từ xa nhìn thấy người giúp việc của Tăng thân vác chõ đến. Gia chủ bèn nói với cô gái bằng bài kệ này:

*Người áo trắng, tóc,
Thân hiện như gió cuốn,
Mình trần, nhanh như gió.
Thầy con đó, phải chăng?*

Cô đáp lại bằng bài kệ:

*Chẳng phải đệ tử Phật.
Người giúp việc của Phật.
Đủ ngũ thông, ba đường.
Người này tên Càn-trà.*

Bấy giờ, người giúp việc là Càn-trà nhiều quanh thành ba vòng, rồi đến nhà gia chủ.

Cũng lúc đó sa-di Quân-đầu hóa làm năm trăm cây hoa có đủ màu sắc, thấy đều nở rộ, màu sắc rất đẹp, như hoa sen ưu-bát. Những loại hoa như vậy không thể kể hết, tất cả đều được mang đến thành kia. Khi gia chủ từ xa nhìn thấy sa-di đến, lại dùng kệ này để hỏi:

*Ngân ấy loại bông hoa,
Đều ở trong hư không;
Lại có người thần túc:
Có phải thầy con không?*

Bấy giờ, cô lại dùng kệ đáp:

*Trước, Tu-bạt có nói,
Vị Sa-di trên suối.
Đó chính là người này.
Thầy là Xá-lợi-phất.*

Sa-di Quân-đầu khi ấy nhiều quanh thành ba vòng rồi đến nhà Gia chủ. Cũng lúc đó, Tôn giả Bàn-đặc hóa làm năm trăm con bò; lông phủ toàn xanh, ngồi kiết già trên lưng bò, đến thành kia. Khi gia chủ từ xa nhìn thấy Tôn giả đến, lại dùng kệ này để hỏi cô:

*Các đàn bò lớn này,
Lông phủ toàn màu xanh.
Ngồi một mình trên lưng:
Đây là Thầy con chăng?*

Cô lại dùng kệ đáp:

*Hay hóa nghìn Tỳ-kheo
Tại trong vườn Kỳ-vực;
Tâm thần rất là sáng.
Đây gọi là Bàn-đặc.*

Tôn giả Châu-lợi Bàn-đặc khi ấy nhiều quanh thành kia ba vòng, rồi đến nhà gia chủ.

Cũng lúc đó, La-hầu-la lại hóa làm năm trăm khổng tước đủ các loại màu sắc, [662c01] ngồi kiết già ở trên, đến thành kia. Gia chủ trông thấy rồi, lại dùng kệ này để hỏi cô:

*Năm trăm khổng tước này
Màu sắc nó thật đẹp.
Như đại tướng quân kia,
Đây là Thầy con chăng?*

Thời cô dùng kệ này đáp:

Tặng nhất A-hàm

*Cấm giới Như Lai lập,
Tất cả đều không phạm;
Vị ấy nghiêm trì giới,
Là La-hầu-la, con Phật.*

La-hầu-la khi ấy nhiều quanh thành ba vòng, rồi đến nhà gia chủ.

Cũng lúc đó, Tôn giả Ca-thất-na hóa làm năm trăm chim cánh vàng cực kỳ dũng mãnh, ngồi kiết già ở trên, đến thành kia. Sau khi gia chủ từ xa trông thấy rồi, lại dùng kệ này để hỏi cô:

*Năm trăm chim cánh vàng,
Cực kỳ là dũng mãnh;
Ngồi trên, không sợ hãi:
Đây là Thầy con chăng?*

Thời cô dùng kệ đáp:

*Hay hành thờ ra vào
Tâm luân chuyển hành thiện
Sức tuệ thật dũng mãnh
Đó là Ca-thất-na.*

Tôn giả Ca-thất-na khi ấy nhiều quanh thành ba vòng, rồi đến nhà gia chủ.

Cũng lúc đó, Ưu-tỳ Ca-diếp hóa làm năm trăm con rồng, thầy đều có bảy đầu, ngồi kiết già ở trên, đến thành kia. Gia chủ từ xa trông thấy rồi, lại dùng kệ này hỏi cô:

*Nay rồng bảy đầu này,
Tướng mạo thật đáng sợ.
Người đến nhiều vô kể.
Đây là Thầy con chăng?*

Thời cô đáp:

*Thường có nghìn đệ tử,
Thần túc hóa Tỳ-sa.²¹
Ngài Ưu-tỳ Ca-diếp
Chính thật là người này.*

Ưu-tỳ Ca-diếp khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà Gia chủ.

Cũng lúc đó, Tôn giả Tu-bồ-đề hóa làm núi lưu ly, rồi vào trong ngôi kiết già, đến thành kia. Sau khi Gia chủ từ xa trông thấy rồi, dùng kệ này hỏi cô:

*Núi này thật là đẹp,
Làm toàn màu lưu ly.
[663a01] Hiện ngôi ở trong hang,
Đây là Thầy con chăng?*

Thời cô lại dùng kệ này đáp:

*Vốn do báo bố thí,
Nay được công đức này.
Đã thành ruộng phước tốt:
Tu-bồ-đề, tổ Không.*

Tu-bồ-đề khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà gia chủ.

Cũng lúc đó, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên lại hóa làm năm trăm con thiên nga, màu trắng tinh, đến thành kia. Sau khi gia chủ từ xa trông thấy rồi, dùng kệ này hỏi cô:

*Nay năm trăm thiên nga,
Màu sắc đều trắng tinh,
Đây khắp trong hư không:
Đây là Thầy con chăng?*

²¹ Tỳ-sa, vua Bình-sa (Tần-bà-sa-la; Pāli: Bimbisāra).

Tăng nhất A-hàm

Thời cô lại dùng kệ này đáp:

*Phân biệt nghĩa văn cú,
Những điều được Kinh thuyết;
Lại giảng tụ kết sử:
Đó là Ca-chiên-diên.*

Tôn giả đại Ca-chiên-diên khi ấy nhiều quanh thành ba vòng, rồi đến nhà gia chủ.

Cũng lúc đó, Ly-việt hóa làm năm trăm con hổ, ngồi ở trên mà đến thành kia. gia chủ thấy rồi, dùng kệ này hỏi cô:

*Nay, năm trăm hổ này
Toàn lông thật mượt đẹp
Có người ngồi ở trên:
Đây là thầy con chăng?*

Thời cô lại dùng kệ này đáp:

*Trước ở tại Kỳ-hoàn,
Sáu năm không di động;
Tối đệ nhất tọa thiền:
Đó gọi là Ly-việt.*

Tôn giả Ly-việt khi ấy nhiều quanh thành ba vòng, rồi đến nhà gia chủ.

Cũng lúc đó, Tôn giả A-na-luật hóa làm năm trăm sư tử rất là đồng mãnh, ngồi ở trên, đến thành kia. Sau khi gia chủ thấy rồi, dùng kệ này hỏi cô:

*Năm trăm sư tử này
Đồng mãnh thật đáng sợ,
Người ngồi ở trên đó:
Đây là Thầy con chăng?*

Thời cô lại dùng kệ đáp:

*Lúc sinh, động trời đất;
Từ đất hiện trên bảo;
Mắt trong sạch không như:
A-na-luật, em Phật.*

A-na-luật khi ấy nhiều quanh thành ba vòng, rồi đến nhà gia chủ.

Cũng lúc đó, Tôn giả [663b01] Đại Ca-diếp hóa làm năm trăm tuần mã, lông đuôi đều đỏ, được trang sức vàng bạc, ngồi ở trên, và làm cơn mưa hoa trời, đi đến thành kia. Gia chủ từ xa trông thấy rồi, dùng kệ này hỏi cô:

*Ngựa vàng, lông đuôi đỏ,
Số chúng có năm trăm,
Đó là vua Chuyển luân:
Đây là Thầy con chăng?*

Cô lại dùng kệ đáp:

*Hành đầu đà đệ nhất,
Hay thương kẻ bần cùng;
Như Lai nhường nửa tòa:
Đó là Đại Ca-diếp.*

Đại Ca-diếp khi ấy nhiều quanh thành ba vòng, rồi đến nhà gia chủ.

Cũng lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hóa làm năm trăm voi trắng, đều có sáu ngà, trang điểm vàng bạc, bảy chỗ bằng phẳng, ngồi ở trên mà đến, rồi phóng ánh sáng lớn đầy khắp thế giới, đến giữa hư không, tại thành kia, xướng kỹ nhạc vô số kể, mưa rơi các thứ tạp hoa, lại treo phướn lọng giữa hư không, thật là kỳ diệu. Sau khi gia chủ từ xa thấy rồi, dùng kệ hỏi cô:

*Voi trắng có sáu ngà,
Ngồi trên như Thiên vương;*

Tăng nhất A-hàm

*Nay nghe tiếng kỹ nhạc;
Chính Thích-ca Văn chăng?*

Thời cô dùng kệ đáp:

*Ở trên núi lớn kia,
Hàng phục rồng Nan-đa,
Vị thần túc đệ nhất,
Gọi là Đại Mục-liên.
Thầy con vẫn chưa lại.
Đây là chúng đệ tử.
Nay Thánh sư sẽ đến,
Ánh sáng chiếu mọi nơi.*

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên khi ấy nhiễu quanh thành ba vòng, đến nhà gia chủ.

Cũng lúc ấy, Thế Tôn biết đã đến giờ, khoác tăng-già-lê, bay trên hư không cách đất bảy nhẫn. Bên phải Như Lai là tôn giả A-nhã-câu-lân, bên trái Như Lai là tôn giả Xá-lợi-phất. Khi ấy, tôn giả A-nan nương vào oai thần Phật, tay cầm phát tử ở phía sau Như Lai. Một nghìn hai trăm đệ tử vây quanh trước sau, Như Lai ở giữa các đệ tử có thần túc như: A-nhã-câu-lân hóa làm Nguyệt Thiên tử. Xá-lợi-phất hóa làm Nhật Thiên tử. [663c01] Các Tỳ-kheo có thần túc khác, hoặc hóa làm Thích Đề-hoàn Nhân, hoặc hóa làm Phạm thiên, hoặc có vị hóa làm Đề-đầu-lợi-tra, Tỳ-lưu-lặc, Tỳ-lưu-bác-xoa, hoặc hóa làm hình Tỳ-sa-môn lãnh đạo các quỷ thần, hoặc hóa làm hình Chuyển luân Thánh vương, hoặc có vị nhập hỏa quang tam-muội, hoặc có vị nhập thủy tinh tam-muội, hoặc có vị phóng quang, hoặc có vị phun khói, tạo ra các thứ thần túc. Lúc này, bên phải Như Lai Phạm thiên vương, bên trái Như Lai Thích Đề-hoàn Nhân tay cầm phát tử, phía sau Như Lai lực sĩ Kim cang Mật Tích tay

cầm chày kim cương, phía trên Như Lai ở giữa hư không Tỳ-sa-môn Thiên vương tay cầm lọng bảy báu, vì sợ có bụi bặm bám thân Như Lai. Cùng lúc này, Bà-giá-tuần tay cầm đàn lưu ly tán thán công đức Như Lai. Các thiên thần tất cả đều ở giữa hư không xướng lên nghìn vạn thứ kỹ nhạc, mưa tuôn các thứ hoa trời rải lên Như Lai.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, gia chủ Cấp Cô Độc và nhân dân trong thành Xá-vệ, đều thấy Như Lai ở giữa hư không cách mặt đất bảy nhữn. Thấy vậy, tất cả vui mừng hơn hờ, không tự chế được. Lúc ấy, gia chủ Cấp Cô Độc liền nói kệ này:

*Như Lai thật thần diệu,
Thương dân như con đỏ.
Vui thay! Tu-ma-đề,
Sẽ nhận pháp Như Lai.*

Lúc bấy giờ, vua Ba-tư-nặc cùng gia chủ Cấp Cô Độc rải các thứ danh hương và các thứ hoa.

Thế Tôn dẫn theo các chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau, cùng các thiên, thần không thể kể, tựa như phượng hoàng, ở giữa hư không, đi đến thành kia.

Bấy giờ, Ban-giá-tuần²² dùng kệ tán thán Phật:

*Kết sinh đã diệt tận,
Ý niệm không tán loạn,
Không bụi nhơ ngăn ngại
Mà vào đất nước kia.

Tâm tịnh thật trong sạch,
Đoạn ác niệm tà ma,*

²² Ban-giá-tuần, Ngũ kế nhạc thần, một càn-thất-bà, thần âm nhạc của Đế Thích. Pāli: Pañcasikha.

Tăng nhất A-hàm

*Công đức như biển lớn,
Nay vào đất nước kia.*

*Tướng mạo thật đặc thù,
Các sử không tái khởi
Vì kia không tự xử,
Nay vào đất nước kia.*

*Đã vượt bốn giòng sâu,
Thoát khỏi sinh, già, chết;
Để đoạn gốc các hữu,
Nay vào đất nước kia.*

[664a01] Lúc ấy, gia chủ Mãn Tài nhìn thấy Thế Tôn từ xa đi lại, các căn Thế Tôn tịch tĩnh ít có, sạch như vàng ròng của trời; có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp biểu hiện ngoài thân; giống như núi Tu-di vượt trên các núi, cũng như khối vàng tỏa ánh sáng lớn. Khi ấy, gia chủ dùng kệ hỏi Tu-ma-đề:

*Đây là ánh mặt trời?
Vẻ này chưa từng thấy.
Nghìn vạn ỨC tia sáng,
Chưa dám nhìn thẳng lâu.*

Bấy giờ, cô Tu-ma-đề quỳ gối chấp tay hướng về Như Lai, dùng kệ này đáp gia chủ:

*Mặt trời, phi mặt trời,
Mà phóng nghìn thứ sáng,
Vì tất cả chúng sanh:
Đó chính là Thầy con.
Thầy đều ngợi Như Lai
Như trước đã có nói.
Nay sẽ được quả lớn
Lại siêng cúng dường hơn.*

Gia chủ Mãn Tài khi ấy quỳ gối phải sát đất, lại dùng kệ khen Như Lai:

*Tự qui đáng Mười Lược,
Thế sắc vàng viên quang;
Được Trời Người kính khen.
Nay con tự quy y.*

*Ngài là đáng Nhật Vương;
Như trăng sáng giữa sao,
Để độ người chưa độ.
Nay con tự quy y.*

*Ngài như tượng Thiên đế,
Như tâm từ phạm hạnh,
Tự thoát, thoát chúng sanh.
Nay con tự quy y.*

*Tối tôn giữa trời người,
Trên vua các quỷ thần,
Hàng phục các ngoại đạo,
Nay con tự quy y.*

Bấy giờ, cô Tu-ma-đề quỳ gối chấp tay, tán thán Thế Tôn:

*Tự hàng, hàng phục người;
Tự chánh, lại chánh người;
Tự độ, độ người dân;
Đã giải, lại giải người.
Tự tịnh, khiến người tịnh,
Tự soi, soi quần sinh.
Không ai không được độ;
Dẹp đấu loạn, không tranh.
An trụ cực tịnh khiết;
Tâm ý không lay động.
[664b01] Mười Lược thương xót đời:
Con kính lễ lần nữa.*

“Ngài có tâm từ, bi, hỉ, xả,* đầy đủ không, vô tướng, vô nguyện.²³ Ở trong cõi dục là tối tôn đệ nhất. Trên tất cả trời. Bảy thánh tài đầy đủ. Các hàng Trời, Người, đấng Tự nhiên,²⁴ hàng Phạm sanh,²⁵ cũng không ai bằng, cũng không thể giống tướng mạo. Nay con tự quy y.”

Khi ấy, sáu nghìn bà-la-môn thấy Thế Tôn tạo ra mọi thần biến như thế, mọi người tự bảo nhau: “Chúng ta nên rời nước này đến nước khác. Sa-môn Cù-đàm này đã hàng phục nhân dân trong nước này.” Sáu nghìn bà-la-môn lúc đó liền đi ra khỏi nước, không trở lại nước này nữa. Giống như sư tử vua loài thú ra khỏi sơn cốc, nhìn quanh bốn hướng, rồi rống lên ba tiếng mới đi tìm mồi. Các loài thú đều tìm đường bỏ chạy mà không biết chạy đi đâu, bay tìm chỗ núp kín. Hoặc ngay đến voi có thần lực nghe tiếng sư tử, chúng cũng tìm đường bỏ chạy không thể tự yên. Vì sao vậy? Vì Sư tử, vua loài thú thật có oai thần. Ở đây cũng vậy, sáu nghìn Bà-la-môn kia nghe tiếng Thế Tôn, thấy đều bỏ chạy, không tự yên được. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm có oai lực lớn.

Bảy giờ, Thế Tôn xả thần túc, đi bình thường, vào trong thành Mãn Phú. Khi chân Thế Tôn vừa đạp lên ngưỡng cửa, ngay đó trời đất chấn động mạnh. Các chư thiên, tôn thần rải hoa cúng dường. Nhân dân khi thấy dung nhan Thế Tôn các căn tịch tĩnh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp hiển hiện, họ liền nói kệ này:

Lưỡng túc tôn vi diệu;

²³ Đề bản: Không, vô tướng, nguyện; có nhảy sót.

²⁴ Tự nhiên 自然, Skt. *svayambhū*, từ khác chỉ Phạm thiên (Brahman), tự sinh. Skt.

²⁵ Phạm sanh 梵生, Skt. *Brahmaja*, được sinh bởi Brahman, chỉ hàng chư thiên thượng đẳng.

*Bà-la-môn không dám đương.
Vô có thờ Bà-la-môn,
Mất đáng Nhân trung tôn.*

Thế Tôn khi đến nhà gia chủ, tới chỗ ngồi mà ngồi. Bấy giờ, nhân dân nước kia thật là đông đảo. Nhà gia chủ lúc ấy có tám vạn bốn nghìn người dân, tất cả đều vân tập, để nhìn Thế Tôn cùng chúng Tăng, khiến nhà cửa của nhà gia chủ muốn sụp đổ. Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ: “Nhân dân ở đây ắt có gây thiệt hại. Ta nên dùng thần túc khiến cho nhân dân cả nước thấy thân Ta cùng Tăng Tỳ-kheo.”

Rồi Thế Tôn liền hóa nhà cửa gia chủ thành sắc lưu ly, trong ngoài thấy nhau, giống như xem châu trong bàn tay. Khi ấy, cô Tu-ma-đề đến trước Thế Tôn, đánh lễ sát chân, buồn vui lẫn lộn, liền nói [664c01] kệ này:

*Đáng Nhất thiết trí đủ,
Độ tận tất cả pháp,
Đã đoạn kết dục ái;
Nay con tự quy y.*

*Thà cho cha mẹ con
Hủy hoại đôi mắt con;
Chớ để con đến đây,
Trong ngũ nghịch, tà kiến.*

*Xưa tạo duyên ác nào,
Nên bị đến nơi này?
Như chim vào lưới bẫy.
Nguyện dứt kết nghi này.*

Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng kệ đáp cô rằng:

*Nay con chớ lo sầu,
Định tĩnh tự mở ý.
Cũng đừng khởi tương chấp.*

Nay Như Lai sẽ giảng.

*Con vốn không do tội
Mà khiến phải đến đây.
Vì quả báo thế nguyên
Muốn độ chúng sanh này.*

*Nay hãy nhớ gốc rễ,
Không đọa ba đường ác.
Hàng nghìn loài chúng sanh
Con sẽ được độ trước.*

*Ngày nay hãy trừ sạch,
Khiến mắt trí tỏ sáng;
Khiến cho loài Trời Người,
Thấy con như xem châu.*

Cô Tu-ma-đề nghe những lời này xong, vui mừng hơn hờ không kể xiết được.

Bấy giờ, gia chủ đem người hầu của mình theo cung cấp đồ ăn thức uống, những món ngon ngọt. Thấy Thế Tôn ăn xong, đã dùng nước rửa, ông bèn dọn chỗ ngồi nhỏ ngồi trước Như Lai, cùng các người tùy tùng và tám vạn bốn nghìn chúng đều lần lượt ngồi, hoặc có người tự xưng tên họ mà ngồi. Thế Tôn lần lượt nói các đề tài vi diệu cho gia chủ và tám vạn bốn nghìn nhân dân kia. Các đề tài luận về giới, luận về thí, luận về sinh thiên, dục là tướng bất tịnh, là hữu lậu ô uế, xuất gia là con đường xuất yếu.

Thế Tôn khi thấy gia chủ và cô Tu-ma-đề cùng tám vạn bốn nghìn nhân dân tâm ý khai mở, nên dùng các pháp khổ, tập, diệt, đạo mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết; Thế Tôn đều thuyết cả cho chúng sanh ở đây. Mọi người ngay trên chỗ ngồi mà sạch hết các trần cấu, được pháp

nhân thanh tịnh. Giống như vải cực trắng sạch dễ nhuộm màu. Ở đây cũng như vậy, gia chủ Mãn Tài, cô Tu-ma-đề và tám vạn bốn nghìn nhân dân sạch hết các trần [665a01] cấu, được pháp nhân thanh tịnh, không còn hồ nghi, được không sợ hãi, thấy đều tự quy y Tam bảo, thọ trì ngũ giới. Bây giờ, cô Tu-ma-đề ở trước Phật nói kệ này:

*Như Lai tai trong suốt,
Nghe con gặp khó này,
Giáng thân đến đây rồi,
Mọi người được pháp nhân.*

Thế Tôn nói pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, trở về trú xứ. Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Cô Tu-ma-đề vốn đã tạo nhân duyên gì mà sinh trong nhà phú quý? Lại tạo nhân duyên gì mà rơi vào nhà tà kiến này? Lại tạo công đức lành nào, nay được pháp nhân thanh tịnh? Lại tạo công đức nào khiến tám vạn bốn nghìn người đều được pháp nhân thanh tịnh?”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Quá khứ lâu xa trong Hiền kiếp này, có Phật Ca-diếp, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế tôn. Ngài ở tại nước Ba-la-nại, đi du hóa nơi này, cùng chúng hai vạn đại Tỳ-kheo.

Bây giờ, có vua tên Ai Mãn, có con gái tên Tu-ma-na. Cô này rất có tâm cung kính hướng về Như Lai Ca-diếp, vâng giữ giới cấm, thường thích bố thí, và cúng dường bốn việc. Thế nào là bốn? Một là bố thí, hai là ái kính, ba là lợi người, bốn là đồng lợi.²⁶

²⁶ Bốn nhiếp sự: Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.

Cô ở chỗ Như Lai Ca-diếp mà tụng Pháp cú. Ở trên lầu cao, lớn tiếng tụng tập, phát nguyện rộng lớn này: “Con hằng có pháp bốn nhiếp thọ²⁷ này; lại ở trước Như Lai mà tụng Pháp cú. Trong đó nếu có chút phước nào, cầu cho con sinh vào chỗ nào, không rơi vào ba đường dữ, cũng không rơi vào nhà nghèo; đời vị lai cũng sẽ lại gặp bậc tối tôn như vậy. Khiến cho con chẳng chuyển đổi thân nữ mà được pháp nhãn thanh tịnh.” Nhân dân trong thành sau khi nghe vương nữ thệ nguyện như vậy đều cùng tụ tập đến chỗ vương nữ, nói:

“Hôm nay, Vương nữ rất là chí tín, tạo các công đức, bốn sự²⁸ không thiếu: bố thí, kiêu ái, lợi người, đồng lợi. Lại phát thệ nguyện, mong đời sau gặp bậc như vậy, thuyết pháp cho nghe để được pháp nhãn thanh tịnh. Hôm nay, Vương nữ đã phát thệ nguyện, cùng với nhân dân cả nước chúng tôi đồng thời được độ.”

Bấy giờ, Vương nữ đáp:

“Tôi đem công đức này cùng thí đến các [665b01] người. Nếu gặp Như Lai thuyết pháp, sẽ cùng lúc được độ.

“Tỳ-kheo, các người há có nghi sao? Chớ quán sát vậy. Vua Ai Mãn lúc ấy, nay chính là gia chủ Tu-đạt. Vương nữ lúc ấy, nay chính là Tu-ma-đề. Nhân dân trong nước lúc ấy, nay chính là tám vạn bốn nghìn chúng. Do thệ nguyện kia, nay gặp thân Ta, nghe pháp đặc đạo; cùng nhân dân kia đều được pháp nhãn thanh tịnh. Hãy ghi nhớ phụng hành ý nghĩa này. Vì sao vậy? Vì bốn sự này

²⁷ Tứ thọ chi pháp 四受之法, được hiểu là bốn pháp nhiếp thọ, tức bốn nhiếp pháp hay nhiếp sự. Pāli: *cattāri saṃgahavatthūni*. Xem cht. 26 trên.

²⁸ Tứ sự 四事, cũng tức bốn nhiếp sự. Xem cht. trên.

là ruộng phước tốt nhất. Nếu có Tỳ-kheo nào thân cận bốn sự, liền được bốn đế. Nên cầu phương tiện thành tựu pháp bốn sự. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.²⁹

²⁹ Bản Hán, hết quyển 22.

31. PHẨM TĂNG THƯỢNG

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi thăm nhau rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Sống trong rừng, ở trong hang, thật là khổ thay! Sống một mình, đi đứng một mình, dụng tâm thật khó!”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Bà-la-môn, như những gì ông nói. Sống trong rừng, ở trong hang, thật là khổ thay! Sống một mình, đi đứng một mình, dụng tâm thật khó! Vì sao vậy? Ngày xưa, lúc Ta chưa thành Phật đạo, hành Bồ-tát hạnh, Ta thường nghĩ: ‘Sống trong rừng, ở trong hang, thật là khổ thay! Sống một mình, đi đứng một mình, dụng tâm thật khó!’”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Đối với các thiện gia nam tử với tín tâm kiên cố xuất gia học đạo, Sa-môn Cù-đàm là tối thượng thủ, đem lại nhiều lợi ích, [665c01] làm người dẫn đường cho đám bằng hữu ấy.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Bà-la-môn, như những gì ông nói. Có những

¹ Tham chiếu Pāli, M. 4 Bhayabherava (R.i. 16).

thiện gia nam tử, với tín tâm kiên cố, Ta là tối thượng thủ, đem lại nhiều lợi ích, làm người dẫn đường cho đám bằng hữu ấy. Nếu thấy Ta, họ đều khởi lên sự hồ thẹn, đến trong núi khe, sống trong động vắng vẻ.

“Bây giờ, Ta nghĩ thầm, các sa-môn, bà-la-môn có thân hành bất tịnh, mà gần gũi, sống chỗ vắng vẻ không người, do thân hành bất tịnh, thì ở đó chỉ luống nhọc công, chẳng phải hành chân thật, mà là pháp ác, bất thiện, sự kinh sợ. Nhưng nay, Ta với thân hành không phải bất tịnh, gần gũi, sống nơi vắng vẻ. Với những gì là thân hành bất tịnh, do gần gũi, sống nơi vắng vẻ, những điều ấy không có nơi Ta. Vì sao vậy? Nay, Ta thân hành thanh tịnh. Trong những vị A-la-hán,² do thân hành thanh tịnh, ưa ở nơi hang vắng, Ta là tối thượng thủ. Cũng vậy, Bà-la-môn, Ta tự quán thân, thấy sở hành thanh tịnh nên ưa ở nơi vắng vẻ, lại càng vui thích.

“Bây giờ, Ta nghĩ thầm, những sa-môn, bà-la-môn nào với ý hành không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh, mà gần gũi, sống nơi vắng vẻ không người; họ tuy có hạnh này nhưng vẫn không phải chân chánh; do đó, họ đều đầy đủ pháp ác bất thiện,³ điều này Ta không có. Vì sao vậy? Vì nay những việc làm của thân, miệng, ý, mạng Ta đều thanh tịnh.

“Có những sa-môn, bà-la-môn thân, miệng, ý, mạng đều thanh tịnh, ưa ở nơi vắng vẻ thanh tịnh, điều này thì Ta

² Pāli, *ibid.*, *ye hi vo ariyā parisuddhakāyakammantā*, những vị Thánh mà thân hành thanh tịnh.

³ Hán dịch đoạn này thiếu: “Sự kinh sợ” được nói ở đoạn trên.

Pāli, *ibid.*, : *te bhonto samaṇabrāhmaṇā akusalam bhayaḥheravaṃ avhāyanti*, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy làm nổi lên sự kinh sợ khiếp đảm, bất thiện.

có. Vì sao vậy? Vì nay những sở hành bởi thân, miệng, ý, mạng, của Ta thanh tịnh. Trong những A-la-hán do thân, miệng, ý, mạng thanh tịnh, nên ưa ở nơi thanh vắng, Ta là tối thượng thủ. Như vậy, Bà-la-môn, khi Ta có thân, miệng, ý, mạng thanh tịnh, khi ấy lại càng ưa thích sống nơi vắng vẻ.

“Bây giờ, Ta nghĩ thầm, sa-môn, bà-la-môn có nhiều điều phải sợ hãi kinh khiếp khi sống ở nơi nhàn vắng; đó là pháp ác bất thiện, sự sợ hãi kinh khiếp. Nhưng nay, Ta không có bất cứ sự sợ hãi nào khi sống nơi vắng vẻ không người. Trong các sa-môn, bà-la-môn có tâm sợ hãi kinh khiếp khi sống ở chỗ vắng vẻ, trong số đó không có Ta. Vì sao vậy? Vì nay Ta không có bất cứ sự sợ hãi nào ở nơi vắng vẻ mà tự an trú. Ta không ở trong số những người có tâm sợ hãi kinh khiếp khi sống ở nơi vắng vẻ. Vì sao vậy? Vì nay Ta đã lìa khổ hoạn, không đồng với họ. Như vậy, Bà-la-môn, Ta quán sát ý nghĩa này rồi, không có sợ hãi, lại càng thêm vui thích.

“Những sa-môn, bà-la-môn nào mà khen mình, chê người, tuy sống ở chỗ vắng vẻ vẫn có tướng bất tịnh.⁴ Nhưng Ta, này Bà-la-môn, Ta không chê bai người khác, [666a01] cũng không tự khen mình. Những ai tự khen mình lại chê bai người khác, Ta không phải người đó. Vì sao vậy? Vì nay Ta không có mạn. Trong các Hiền Thánh không có mạn, Ta là tối thượng thủ. Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại càng vui thích hơn⁵.

“Những sa-môn⁶ nào ham cầu lợi dưỡng, không hề biết

⁴ Hán lược bỏ, theo văn mạch trên: (...) cho đến, “sợ hãi kinh khiếp.”

⁵ Hán lược bỏ ý: Không sợ hãi khiếp đảm.

⁶ Hán dịch lược bỏ: Sa-môn, bà-la-môn.

đủ. Nhưng hôm nay, Ta không ham cầu lợi dưỡng. Vì sao vậy? Vì nay Ta không cầu có nhiều hơn người, và cũng tự biết đủ. Trong những người biết đủ, Ta là thượng thủ. Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại vui thích hơn.

“Những sa-môn, bà-la-môn nào ôm lòng biếng nhác, không chuyên cần tinh tấn, mà gần gũi nơi vắng, Ta không phải người đó. Vì sao vậy? Vì nay Ta có tâm đồng mãnh, nên trong đó không lười mệt. Trong các Hiền Thánh có tâm đồng mãnh, Ta là tối thượng thủ. Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại càng vui thích hơn.

“Bấy giờ, Ta lại nghĩ, những sa-môn, bà-la-môn nào hay nhiều quên lãng, mà sống ở nơi vắng vẻ; tuy có hạnh này vẫn có pháp ác bất thiện⁷. Nhưng nay Ta không có những điều quên lãng. Lại này Bà-la-môn, Ta không có trong số những người hay quên lãng. Trong các Hiền Thánh không hay quên lãng, Ta là tối thượng thủ. Nay Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại càng vui thích hơn.

“Bấy giờ, Ta lại nghĩ, những sa-môn, bà-la-môn nào mà ý loạn, không định; những người ấy liền có pháp ác bất thiện, cùng chung với hành ác. Nhưng nay Ta ý không hề loạn, thường như nhất tâm. Ta không có trong số những người có tâm ý loạn, bất định. Vì sao thế? Vì Ta thường nhất tâm. Trong các Hiền Thánh có tâm chuyên nhất, định tĩnh, Ta là tối thượng thủ. Nay Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại càng vui thích hơn khi sống ở nơi vắng vẻ.

“Bấy giờ, Ta lại nghĩ, những sa-môn, bà-la-môn nào mà ngu si, tầm tối cũng như bày dè, người ấy liền có pháp ác bất thiện. Ta không phải người đó. Nhưng nay Ta thường có trí tuệ, không có chỗ ngu si, sống ở nơi vắng. Những

⁷ Hán lược bỏ: Sợ hãi khiếp đảm.

hành như vậy, có ở nơi Ta. Nay Ta thành tựu trí tuệ. Trong các Hiền Thánh thành tựu trí tuệ, Ta là tối thượng thủ. Nay Ta quán sát ý nghĩa này rồi, lại càng vui thích hơn khi sống ở nơi vắng vẻ.

“Khi Ta sống ở nơi vắng vẻ, lúc đó, giả sử cây cối gãy đổ, chim thú chạy bay, bây giờ Ta nghĩ thầm: ‘Đây là khu rừng đáng kinh sợ.’ [666b01] Rồi lại nghĩ thầm: ‘Nếu có điều kinh sợ xảy đến, Ta sẽ tìm cầu phương tiện khiến nó không xảy đến nữa.’ Khi Ta đi kinh hành, nếu có sự kinh sợ xảy đến, lúc này, Ta cũng không ngồi, nằm; chỉ khi nào trừ được sự kinh sợ, sau đó mới ngồi, nằm. Khi Ta đứng, nếu sự kinh sợ xảy đến, lúc ấy Ta không kinh hành, cũng không ngồi xuống, chỉ khi nào trừ được sự kinh sợ, sau đó mới ngồi. Khi Ta ngồi, nếu sự kinh sợ xảy đến, lúc ấy Ta không kinh hành, chỉ khi nào trừ được sự kinh sợ, rồi sau mới ngồi. Khi Ta nằm, nếu sự kinh sợ xảy đến, lúc ấy, Ta không kinh hành, cũng không ngồi, chỉ khi nào trừ được sự kinh sợ, sau đó mới ngồi.

“Bà-la-môn nên biết, những sa-môn, bà-la-môn nào không hiểu đạo lý ban ngày với ban đêm, nay Ta nói người ấy rất ngu si.⁸ Nhưng Ta, này Bà-la-môn, hiểu đạo lý ở trong ban ngày và ban đêm, thêm có tâm dũng mãnh, cũng không hư vọng, ý không thác loạn, hằng chuyên nhất tâm, không tưởng tham dục, có tầm có tứ, có hỷ lạc do viễn ly sanh,⁹ nhập sơ thiền. Đó là, này Bà-la-môn,

⁸ Pāli, *ibid.*, những sa-môn, bà-la-môn tưởng ban ngày như là ban đêm (*rattimyeva samānam divāti sañjānanti*), ta nói họ sống trong si ám (*sammohavihārasmim*). Những người này, đề không kinh sợ, ngày mà tưởng tượng là đêm; đêm mà tưởng tượng là ngày.

⁹ Niệm trì hỷ lạc 念持喜樂. Văn chuẩn về bốn thiền, xem kinh 1, phẩm 12, và các cht. 43 t.t.

tâm thứ nhất Ta sống an lạc trong hiện pháp.¹⁰

“Trừ tầm và tứ, nội tâm tịch tĩnh, chuyên nhất ý, không tầm, không tứ, có hỷ lạc do định sinh, chứng nhập và an trú nhị thiền, nhập nhị thiền*. Đó là, này Bà-la-môn, Ta tâm thứ hai sống an lạc ngay trong hiện tại.¹¹

“Ta ly hỷ, an trú xả, hằng tự giác tri, thân có tri giác lạc, điều mà các Hiền thánh nói là xả, niệm, an trú lạc, nhập tam thiền*. Đó là, này Bà-la-môn, tâm thứ ba sống an lạc ngay trong hiện tại.¹²

“Lại nữa, khổ, lạc đã trừ, ưu và hỷ từ trước đã trừ, không lạc không khổ, xả, niệm thanh tịnh, nhập tứ thiền. Đó là, này Bà-la-môn, tâm tăng thượng thứ tư mà Ta tự giác tri, tâm ý an trú.

“Khi Ta đang sống ở nơi vắng vẻ, có bốn tâm tăng thượng này, Ta do tâm tam-muội này, thanh tịnh không tỳ vết, cũng không kết sử, được không sợ hãi, tự biết túc mạng một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, nghìn đời, kiếp thành hoại đều phân biệt hết. Ta từng sinh chỗ nọ, tên gì, họ gì, ăn thức ăn như thế, chịu khổ vui như thế, v.v... Từ đó Ta chết mà sinh nơi này, chết đây sinh kia, nhân duyên gốc ngọn đều rõ ràng hết.

“Bà-la-môn nên biết, vào đầu hôm Ta đắc được [666c01] minh thứ nhất, trừ vô minh, không u tối nữa, tâm ưa sống nơi vắng vẻ mà tự giác tri.

“Lại nữa, với tâm tam-muội không tỳ vết, không kết sử,

¹⁰ Sơ thiền: Hiện pháp lạc trú thứ nhất.

¹¹ Nhị thiền: Hiện pháp lạc trú thứ hai.

¹² Tam thiền: Hiện pháp lạc trú thứ ba.

Tăng nhất A-hàm

tâm ý tại định, được không sợ hãi mà biết chúng sanh người sinh, người chết. Ta lại dùng thiên nhãn quán chúng sanh người sinh, người chết, sắc lành sắc dữ, thiện xứ, đường dữ, hoặc tốt, hoặc xấu, tùy hạnh thiện ác đều phân biệt hết. Có các chúng sanh thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, phỉ báng Hiền Thánh, hằng ôm tà kiến, tương ưng với tà kiến, khi thân hoại mạng chúng sinh trong địa ngục. Có các chúng sanh thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành, không phỉ báng Hiền Thánh, hằng tu chánh kiến, tương ưng với chánh kiến, khi thân hoại mạng chúng sinh đường lành lên trời. Ta lại dùng thiên nhãn thanh tịnh không tỳ vết quán chúng sanh người sinh, người chết, sắc lành, sắc dữ, đường lành, đường ác, hoặc tốt hay xấu, các hạnh căn bản Ta đều biết rõ.

“Bà-la-môn nên biết, vào lúc giữa đêm, Ta được minh thứ hai, không còn tăm tối, tự giác tri, vui sống ở nơi vắng vẻ.

“Ta, lại với tam-muội thanh tịnh không tỳ vết, cũng không kết sử, tâm ý được định, được không sợ hãi, được tâm diệt tận lậu, cũng biết như thật không hư dối, rằng: ‘Đây là khổ.’ Ngay khi ấy, Ta được tâm này, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu; sau khi giải thoát, liền được trí giải thoát, biết như thật rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sinh đời sau nữa,’ như thật mà biết.

“Đó là, này Bà-la-môn, Ta cuối đêm được minh thứ ba, không u tối nữa.

“Thế nào, này Bà-la-môn, có tâm này chẳng, Như Lai có tâm dục, tâm sân hận, tâm ngu si chưa dứt, khi sống ở nơi vắng vẻ? Này Bà-la-môn, chớ xem như thế. Vì sao thế? Vì ngày nay Như Lai vĩnh viễn diệt trừ các lậu, hằng ưa

sống nơi thanh vắng, không sống giữa người đời. Hôm nay, khi Ta quán sát hai ý nghĩa này, thích sống nơi vắng vẻ. Thế nào là hai? Tự mình sống ở nơi vắng vẻ, và độ hết chúng sanh không thể tính kể.”¹³

Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lậu bạch Phật:

“Ngài đã vì thương xót chúng sanh, độ cho tất cả.”

Rồi bà-la-môn lại bạch Phật:

“Thôi, thôi, Thế Tôn! Những điều được nói đã quá nhiều. Ví như người gù được thẳng, người mê được đường, người mù được mắt, trong tối thấy sáng. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm dùng vô số phương tiện, vì con mà thuyết pháp. [667a01] Nay con xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Từ nay về sau con thọ trì ngũ giới, không sát sanh nữa, làm ưu-bà-tắc.”

Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lậu nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở vườn Cù-sư, ở Câu-thâm, nơi bốn đức Phật đời quá khứ đã ở.

Bấy giờ, vua Ưu-điền¹⁴ cùng phu nhân Xá-di¹⁵ và năm

¹³ Pāli, *ibid.*: Sống tại núi rừng thanh vắng (*araññavāṇapathāni*), vì hai mục đích (*dve atthavase*): Tự mình sống an lạc ngay trong hiện tại, hiện pháp lạc trú (*attano diṭṭhadhammasukhavihāraṃ*), và vì thương tưởng chúng sanh trong tương lai (*pacchimaṇca janataṃ anukampamāno*).

¹⁴ Ưu-điền 優填; Pāli: Udena, quốc vương nước Kosambī (Hán dịch Câu-thâm).

Tăng nhất A-hàm

trăm cô gái muốn đến vườn dạo chơi ngắm cảnh. Ngay khi ấy, trong thành Xá-vệ có một Tỳ-kheo nghĩ: ‘Ta xa Thế Tôn đã lâu, muốn đến lễ bái thăm hỏi.’

Đến giờ, Tỳ-kheo khoác y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực; ăn xong thu xếp y bát, tọa cụ. Ông lại dùng thần túc bay lên hư không, đến nước Câu-thâm.¹⁵ Tỳ-kheo ấy xả thần túc, đi vào rừng, đến một chỗ vắng, ngồi kiết già tĩnh tọa, chánh thân, chánh ý, buộc niệm ở trước. Khi ấy, phu nhân Xá-di dẫn năm trăm cô gái đến rừng này. Phu nhân Xá-di từ xa trông thấy Tỳ-kheo dùng thần túc đến ngồi dưới gốc cây, liền đến trước Tỳ-kheo cúi lạy rồi chấp tay đứng trước, năm trăm cô gái đều cúi lạy và chấp tay đứng vây quanh.

Lúc ấy, vua Ưu-điền từ xa trông thấy năm trăm cô gái chấp tay đứng vây quanh Tỳ-kheo này, liền nghĩ: “Trong đây chắc có bầy nai, hoặc có các loài thú, chắc chắn không nghi.” Vua liền cỡi ngựa chạy mau đến đám phụ nữ. Phu nhân Xá-di xa thấy vua đến liền nghĩ: “Vua Ưu-điền cực kỳ hung ác, có thể hại Tỳ-kheo này.” Phu nhân bèn đưa tay mặt lên đầu vua:

“Đại vương nên biết, đây là Tỳ-kheo, chớ có kinh sợ.”

Vua liền xuống ngựa, bỏ cung, đến chỗ Tỳ-kheo, bảo Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo, thuyết pháp cho ta nghe!”

Tỳ-kheo ấy đưa mắt trông vua, im lặng không nói.

Vua lại bảo Tỳ-kheo:

¹⁵ Xá-di phu nhân 舍彌夫人. Pāli: Sāmāvatī.

¹⁶ Đề bản: Câu-thâm viên 拘深園, chép nhầm. Nên sửa lại là Câu-thâm quốc.

“Mau thuyết pháp cho ta!”

Tỳ-kheo lại đưa mắt nhìn vua, im lặng không nói.

Vua lại nghĩ: “Nay ta hãy hỏi những sự việc ở trong thiên. Nếu thuyết cho ta, ta sẽ cúng dường, trọn đời thí cho y phục, [667b01] thức ăn uống, giường chõng, thuốc thang trị bệnh. Nếu chẳng thuyết cho ta, ta sẽ giết.” Vua lại bảo Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo, thuyết pháp cho ta!”

Tỳ-kheo kia vẫn im lặng không đáp.

Bấy giờ, thọ thần biết tâm vua, liền hóa ra một bầy nai ở đằng xa, muốn làm loạn tai mắt của vua khiến khởi nghĩ chuyện khác. Khi ấy, vua thấy nai liền nghĩ: “Ta hãy bỏ sa-môn này. Sa-môn rớt cuộc đi đâu cho khỏi.”

Vua liền cỡi ngựa đi bắn bầy nai. Phu nhân bèn thưa:

“Nay Tỳ-kheo đến đâu?”

Tỳ-kheo nói:

“Tôi muốn đến trú xứ của bốn Phật, đến gặp Thế Tôn.”

Phu nhân bạch:

“Tỳ-kheo, nay đã đúng lúc. Ngài mau đi đến đó, đừng ở đây nữa, sẽ bị vua hại thì tội vua rất nặng.”

Tỳ-kheo ấy liền đứng lên xếp y bát bay lên hư không đi về phương xa. Phu nhân thấy Tỳ-kheo bay cao trên hư không, bèn gọi vua nói:

“Kính mong Đại vương, xem Tỳ-kheo này có đại thần túc. Ngay ở hư không vọt lên, ẩn mất tự tại. Nay Tỳ-kheo ấy còn có sức này, hưởng Phật Thích-ca Văn mà có thể bị kịp sao?”

Tăng nhất A-hàm

Tỳ-kheo ấy đến vườn Cù-sư, xả thân tức, bằng pháp bình thường đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Thế Tôn hỏi Tỳ-kheo:

“Thế nào, Tỳ-kheo, nhập hạ ở thành Xá-vệ có nhọc nhằn chăng? Tùy thời khát thực có mệt mỏi không?”

Tỳ-kheo đáp:

“Con ở thành Xá-vệ không có gì mệt mỏi.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hôm nay có sao đến đây?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con cốt đến hầu thăm sức khỏe Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ngươi thấy Ta và trụ xứ của bốn đức Phật thời quá khứ đây chăng? Nay ngươi thoát khỏi tay vua, rất là đại kỳ! Sao ngươi không thuyết pháp cho vua? Lại nữa, vua Ưu-điền nói: ‘Nay Tỳ-kheo hãy thuyết pháp cho ta. Nay có sao ông không thuyết pháp cho ta?’ Nếu Tỳ-kheo thuyết pháp cho vua, vua Ưu-điền sẽ rất hoan hỷ. Đã hoan hỷ, vua sẽ suốt đời cúng dường y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Vì vua muốn hỏi những sự việc ở trong thiên nên con không đáp nghĩa này.”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo! Tỳ-kheo sao không nói cho vua nghe những sự việc [667c0] ở trong thiên?”

Tỳ-kheo đáp:

“Vua Ưu-diễn dùng thiền này làm gốc; ôm lòng hung bạo, không có tâm từ, sát hại chúng sanh vô kể, tương ưng với dục, ba độc lừng lẫy, chìm trong vực sâu, không thấy Chánh pháp, tập hoặc vô tri, nhóm đủ các ác, hành động kiêu mạn, ý thể lực vua, tham đắm tài bảo, khinh mạn người đời, mù không có mắt. Người này dùng thiền làm gì? Phạm pháp thiền định là pháp vi diệu trong các pháp, khó thể giác tri, không có hình tướng, chẳng phải đem tâm lường được. Đây chẳng phải chỗ người thường đến được, chỉ người trí mới biết. Vì những cố này nên con không thuyết pháp cho vua.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

“Nếu y cũ rách cần phải giặt mới sạch. Dục tâm cực thịnh cần nên quán tưởng bất tịnh, sau đó bèn trừ được. Nếu sân giận thịnh thì dùng tâm từ trừ đi. U ám ngu si thì dùng pháp mười hai duyên sau đó trừ hết. Nay Tỳ-kheo, có sao không thuyết pháp cho vua Ưu-diễn? Nếu thuyết pháp, vua sẽ hết sức hoan hỷ. Ngay dù lửa cực mạnh vẫn có thể diệt được, huống nữa là người?”

Tỳ-kheo kia im lặng chẳng nói. Bấy giờ, Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nhu Lai xử thế rất đặc biệt. Dù trời, rồng, quỷ thần, càn-thát-bà, ai hỏi nghĩa Như Lai, Ta sẽ thuyết cho họ. Giả sử quốc vương đại thần, nhân dân hỏi nghĩa Như Lai, Ta cũng sẽ thuyết cho họ. Nếu dòng sát-lợi, bốn chủng tánh, đến hỏi nghĩa, Ta cũng sẽ thuyết pháp cho. Vì sao thế? Vì hôm nay, Như Lai được bốn vô sở úy, thuyết pháp không có khiếm nhục; cũng được bốn thiền, trong đó tự tại, kiểm đắc bốn thần túc chẳng thể tính kể, hành bốn vô lượng tâm. Thế nên, Như Lai thuyết pháp không có khiếm nhục. A-la-hán, Bích-chi-phật không có thể kịp được. Thế nên, Như Lai thuyết pháp không khó. Nay,

các Tỳ-kheo, các người hãy tìm phương tiện hành bốn vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này. Vì sao Thế? Nếu Tỳ-kheo vì chúng sanh, thiện tri thức được gặp, và tất cả cha mẹ, tri thức, thân thuộc đều nhân lấy bốn sự dạy khiến họ biết pháp. Thế nào là bốn? Nên cung kính Phật là bậc Như Lai, Chí chơn Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên Nhân sư, Phật Thế tôn, độ người vô lượng.

“Hãy nên cầu pháp, tu hành [668a01] pháp chính chân, trừ bỏ hành uế ác. Đây là điều mà bậc trí giả tu hành.

“Hãy tìm cầu phương tiện cúng dường chúng Tăng. Chúng của Như Lai thường hòa hợp nhau không có tranh tụng, pháp tùy pháp thành tựu, giới thành tựu, tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu. Đó là bốn đôi, tám bậc, mười hai hiền sĩ. Đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng tôn đáng quý, là ruộng phước vô thượng của Thế gian.

“Lại nên khuyến trợ khiến hành pháp luật Hiền Thánh, không nhiễm ô, tịch tĩnh vô vi.

“Nếu có Tỳ-kheo nào muốn hành đạo, nên hành đủ pháp bốn sự¹⁷ này. Vì sao thế? Vì pháp cúng dường Tam bảo, tối tôn, tối thượng không ai sánh kịp. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁷ Bốn sự nói trên, tức bốn bất hoại tín, bất động tín, hay bốn chứng tịnh. Pāli: *avecca-pasāda*.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn hành tích của sự.¹⁸ Thế nào là bốn? Có hành tích lạc mà sở hành ngu hoặc;¹⁹ đây là hành tích thứ nhất. Có hành tích lạc mà sở hành nhanh chóng; có hành tích khổ mà sở hành ngu hoặc; có hành tích khổ mà sở hành nhanh chóng.

“Thế nào gọi là lạc hành tích, sở hành ngu hoặc? Hoặc có một người tham dục, sân giận, ngu si lừng lẫy, sở hành rất khổ không tương ưng với gốc của hạnh. Người ấy năm căn ngu tối không được lanh lợi. Thế nào là năm? Đó là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Nếu đem ý ngu để cầu tam-muội dứt hữu lậu, đấy gọi là lạc hành tích, độn căn đắc đạo.

“Thế nào gọi là hành tích lạc, sở hành nhanh chóng? Hoặc có một người không dục, không sân, hằng tự giảm bớt tham dục không ân cần; sân hận, ngu si rất giảm thiểu. Năm căn lanh lợi, không buông lung. Thế nào là năm?

¹⁸ Bốn sự hành tích 四事行跡; bốn thông hành 四通行, xem *Pháp uẩn* 3 (T26n1537, tr. 465a23): Khô trì thông hành 苦遲通行, khổ tốc thông hành 苦速通行, lạc trì thông hành 樂遲通行, lạc tốc thông hành 樂速通行. Pāli, D 33 Saṅgīti (R.iii. 229): *Catasso paṭipadā–dukkhā paṭipadā dandhābhiññā, dukkhā paṭipadā khippābhiññā, sukhā paṭipadā dandhābhiññā, sukhā paṭipadā khippābhiññā*, bốn sự hành trì: Hành trì khổ chứng trí chậm; hành trì khổ, chứng trí nhanh; hành trì lạc, chứng trí chậm; hành trì lạc, chứng trí nhanh.

¹⁹ Ngu hoặc, ở đây được hiểu là chậm lụt.

Tăng nhất A-hàm

Nghĩa là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn; đó là năm căn. Có được năm căn, thành tựu tam-muội, diệt tận hữu lậu thành vô lậu. Đó gọi là bằng lợi căn mà hành nơi đạo tích.

“Thế nào gọi là hành tích khổ, sở hành ngu hoặc? Hoặc có một người lòng dâm quá nhiều; sân giận, ngu si lừng lẫy. Người ấy sống lạc với pháp này mà dứt sạch hữu [668b01] lậu, thành tựu vô lậu. Đó gọi là khổ hành tích độn căn.

“Thế nào gọi là hành tích lạc, sở hành nhanh chóng? Hoặc có một người ít dục, ít dâm, không sân hận, cũng không khởi tưởng hành ba việc này. Lúc ấy, năm căn này không thiếu sót. Thế nào là năm? Nghĩa là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn; đó là năm. Người ấy bằng pháp này mà được tam-muội, dứt hữu lậu thành vô lậu. Đó gọi là khổ hành lợi căn.

“Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn hành tích này. Hãy tìm cầu phương tiện bỏ ba hành tích trước, vâng hành một hành sau. Vì có sao? Vì với khổ hành tích, khó đắc tam-muội. Khi đã đắc, liền thành đạo, tồn tại lâu ở đời. Vì sao thế? Chẳng thể đem lạc cầu lạc, do khổ mà sau mới thành đạo. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường dùng phương tiện thành tựu hành tích này. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở thành La-duyệt, trong khu Ca-lan-đà, Trúc viên, cùng với đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bảy giờ, bốn bà-la-môn cùng đấcc ngũ thông, tu hành pháp lành, ở chung một chỗ, bàn luận với nhau rằng: “Lúc thần chết đến, chẳng tránh người mạnh khỏe. Mỗi người hãy ẩn nấp khiến thần chết không biết chỗ đến.”

Sau đó, một bà-la-môn bay lên không trung, muốn được khỏi chết; nhưng tránh chẳng khỏi, mà chết ở không trung. Vị bà-la-môn thứ hai lặn xuống đáy biển lớn, muốn được khỏi chết, nhưng chết ở đó. Bà-la-môn thứ ba muốn khỏi chết, chui vào lòng núi Tu-di và chết trong đó. Bà-la-môn thứ tư chui xuống đất, đến biên tế kim cang, muốn được thoát chết, lại chết ở đó.

Bảy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhãn xem thấy bốn bà-la-môn, mỗi người đều tránh chết mà thấy đều chết. Thế Tôn liền nói kệ:

*Không phải hư không, biển,
Không phải vào hang đá,
Không có địa phương nào,
Thoát khỏi không bị chết.²⁰*

Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở đây, này Tỳ-kheo, có bốn vị bà-la-môn, tụ tập một nơi, muốn được khỏi chết. Mỗi người quay tìm chỗ chạy mà không [668c01] khỏi chết. Một người ở hư không, một người vào biển lớn, một người vào lòng núi, một người xuống đất, đồng chết hết. Thế nên, các Tỳ-kheo, muốn được khỏi chết, nên tư duy bốn pháp bốn.²¹ Thế nào là bốn?

²⁰ Dhp. 128: *na antalikkhe na samuddamajjhe, na pabbatānaṃ vivaraṃ pavissa, na vijjatī so jagatippadeso, yatthaṭṭhitam nappasaheyya maccu.*

²¹ Tứ pháp bốn 四法本, tức bốn pháp ẩn.

“Tất cả hành vô thường; đó là pháp bốn thứ nhất, hãy niệm tưởng tu hành. Tất cả hành là khổ, đó là pháp bốn thứ hai, hãy nên tư duy. Tất cả pháp vô ngã; đây là pháp bốn thứ ba, hãy nên tư duy. Niết-bàn là diệt tận²²; đây là pháp bốn thứ tư, hãy nên cùng tư duy. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy cùng tư duy bốn pháp này. Vì sao thế? Vì sẽ thoát sanh, già, bệnh, chết, sầu lo não khổ. Đây là nguồn của khổ. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bảy giờ, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trời Tam thập tam có bốn vườn cảnh để ngắm. Chư thiên ở đó vui chơi hưởng vui ngũ dục. Bốn vườn gì? Vườn cảnh Nan-đà-bàn-na,²³ vườn cảnh Thô sáp,²⁴ vườn cảnh Trú dạ,²⁵ vườn cảnh Tạp chủng.²⁶

²² Tức Niết-bàn tịch tĩnh. Ba pháp ấn theo Hữu bộ: Vô thường, vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh; xem *Tỳ-bà-sa* 9 (T27 tr. 45a21).

²³ Nan-đà-bàn-na 難檀槃那. Skt. (Pāli đồng): Nandana-vana. Xem *Trường* 20, kinh 30, phẩm Đào-lợi.

²⁴ Thô sáp 羅澀. Skt. Pāruṣya. (Pāli: Phārusa, Phārusaka). Xem *Trường* 20, dẫn trên.

²⁵ Trú dạ 晝夜. Theo giải thích đoạn sau, rõ ràng Hán dịch từ này sai. Skt. Caitrarati (Pāli: Cittalatā-vana; Cf. J.i. 204). Xem *Trường* 20, dẫn trên: Họa lạc viên 畫樂園.

²⁶ Tạp chủng 雜種. Skt. Mīśraka (Pāli: Missaka). Xem *Trường*

“Trong bốn vườn có bốn ao tắm, ao tắm rất mát, ao tắm hương thơm, ao tắm nhẹ nhàng, ao tắm trong suốt. Thế nào là bốn? Ao tắm Nan-đà,²⁷ ao tắm Nan-đà đánh, ao tắm Tô-ma;²⁸ ao tắm Hoan duyệt.²⁹ Tỳ-kheo nên biết, trong bốn vườn có bốn ao tắm này khiến người thân thể thơm sạch, không có bụi bặm.

“Vì sao gọi là vườn Nan-đà-bàn-na? Nếu trời Tam thập tam vào vườn Nan-đà-bàn-na, tâm tánh sẽ vui vẻ không dừng được; ở đó vui chơi, nên gọi là vườn Nan-đà-bàn-na.

“Vì sao gọi là vườn Thô sáp? Nếu trời Tam thập tam vào trong vườn này, thân thể sẽ hết sức thô. Ví như mùa đông lầy hương bôi lên thân, thân hết sức thô, chẳng như lúc thường. Vì thế nên gọi là vườn Thô sáp.

“Sao gọi là vườn Trú dạ? Khi trời Tam thập tam vào trong vườn này, nhan sắc chư thiên sẽ khác nhau, tạo bao nhiêu hình thể, ví như phụ nữ mặc các loại áo xiêm, chẳng giống lúc thường. Đây cũng như thế. Nếu trời Tam thập tam vào trong vườn sẽ trở thành các hình sắc không giống lúc thường. Vì thế nên gọi là vườn Trú dạ.

“Vì sao gọi là vườn Tạt chủng? Bấy giờ, các vị trời tôn quý nhất, và trời bậc trung cùng trời bậc thấp, khi vào trong vườn này đều trở thành giống nhau. Nếu là trời thấp nhất thì không được vào ba vườn kia. Ví như vườn của Chuyển luân Thánh vương vào, các vua khác không được vào vườn tắm rửa. Còn nhân dân chỉ có thể đứng xa

20, dẫn trên.

²⁷ Nan-đà dục trì 難陀浴池. Pāli: Nandā-pokkharanī, cf. J. 204.

205.

²⁸ Tô-ma 蘇摩.

²⁹ Hoan duyệt 歡悅.

Tặng nhất A-hàm

nhìn. Đây cũng như thế, nếu chỗ Trời thần cao nhất vào tắm rửa, các Trời nhỏ khác không được vào. Thế nên, gọi là vườn Tạt chúng.³⁰

“Vì sao gọi là ao tắm Nan-đà? Nếu trời Tam thập tam vào trong vườn này, lòng sẽ rất vui vẻ. Thế nên gọi là ao tắm Nan-đà.

“Vì sao gọi là ao tắm Nan-đà đánh? Nếu trời Tam thập tam vào trong vườn này, từng cặp hai người nắm tay chà trên đỉnh đầu mà tắm. Ngay trong Thiên nữ cũng làm như thế. Do đó gọi là ao tắm Nan-đà đánh.

“Vì sao gọi là ao tắm Tô-ma? Nếu trời Tam thập tam vào trong ao tắm này, bấy giờ, nhan mạo chư thiên đều giống như người, không có đa dạng. Thế nên gọi ao tắm Tô-ma.

“Vì sao gọi là ao tắm Hoan duyệt? Nếu trời Tam thập tam vào trong ao này sẽ đều không có lòng kiêu mạn cao thấp, tâm dâm giảm bớt, bấy giờ đồng nhất tâm mà tắm. Thế nên gọi là ao tắm Hoan duyệt.

“Đó là, này Tỳ-kheo, có nhân duyên này, có tên này.

“Nay trong Chánh pháp của Như Lai cũng lại như thế. Có tên bốn vườn. Thế nào là bốn? Vườn Từ, vườn Bi, vườn Hỷ, vườn Xả*. Đó là, Tỳ-kheo, trong chánh pháp Như Lai có bốn vườn này.

“Tại sao gọi là vườn Từ? Tỳ-kheo nên biết, do vườn Từ này mà sinh lên trời Phạm thiên; từ cõi trời Phạm thiên đó chết đi, sinh trong nhà hào quý, nhiều tiền lắm của, hằng có vui ngũ dục, an trú chưa từng rời mắt. Thế nên

³⁰ Văn Hán dịch đoạn này mâu thuẫn nhau. Nên hiểu, chỉ vườn Tạt chúng, chư thiên bình đẳng vào được hết. Ba vườn kia, tùy theo bậc lớn nhỏ.

gọi là vườn Từ.

“Vì sao gọi là vườn Bi? Tỳ-kheo nên biết, nếu hay thân cận tâm bi giải thoát thì sinh cõi trời Phạm quang âm³¹. Nếu sinh trở lại trong [669b01] loài người thì sinh nhà tôn quý, không có sân giận, cũng nhiều tiền lăm của. Vì thế nên gọi là vườn Bi.

“Vì sao gọi là vườn Hỷ? Nếu người hay thân cận vườn Hỷ thì sinh lên trời Quang âm³². Nếu sinh trở lại trong loài người thì sinh nhà quốc vương, lòng thường hoan hỷ. Vì thế nên gọi là vườn Hỷ.

“Vì sao gọi là vườn Xả*? Nếu người thân cận vườn xả thì sẽ sinh về trời Vô tướng, thọ bốn vạn tám nghìn kiếp. Nếu lại sinh trong loài người thì sinh nhà ở chốn trung ương, cũng không sân hận, hằng xả³³ tất cả hành phi pháp. Vì thế nên gọi là vườn Xả.

“Tỳ-kheo nên biết, trong Chánh pháp Như Lai có bốn vườn này khiến các Thanh văn được dạo chơi trong ấy. Trong bốn vườn này của Như Lai có bốn hồ tắm để hàng Thanh văn của Ta tắm rửa, dạo chơi trong ấy, dứt hết hữu lậu thành tựu vô lậu, không còn trần cấu. Những gì là bốn? Hồ có tắm, có tứ; hồ tắm không tắm, không tứ; hồ tắm xả* niệm;³⁴ hồ tắm không khổ, không lạc.³⁵

³¹ 梵光音天, đồng nhất với Phạm chúng thiên (Pāli:

brhamakāyika).

³² Chư thiên trong nhị thiên thiên.

³³ Hán: Hộ, nghĩa không rõ bằng xả.

³⁴ Hán kể ngược; đây là thiên thứ tư, xả niệm thanh tịnh địa. Xem cht. tiếp theo

³⁵ Hán kể ngược thứ tự: Đây là thiên thứ ba, ly hỷ diệu lạc địa. Xem cht. ngay trên.

Thế nào là hồ tẩm có tầm có tứ? Tỳ-kheo đắc sơ thiền, ở trong các pháp hằng có tầm tứ, tư duy pháp trừ bỏ kết sử triền cái, vĩnh viễn không còn dư tàn. Thế nên gọi có tầm có tứ.

Thế nào là hồ tẩm không tầm không tứ? Tỳ-kheo đắc nhị thiền, diệt có tầm có tứ, lấy thiền làm thức ăn. Vì thế gọi là không tầm không tứ.

Thế nào gọi là hồ tẩm xả* niệm? Tỳ-kheo đắc tam thiền³⁶, diệt có tầm có tứ; không tầm, không tứ, hằng xả* niệm tam thiền. Vì thế gọi là hồ tẩm xả niệm.

Thế nào gọi là hồ tẩm không khổ không lạc? Tỳ-kheo đắc tứ thiền³⁷, cũng không niệm lạc, cũng chẳng niệm khổ; cũng không niệm pháp quá khứ, vị lai, chỉ dụng tâm ở trong pháp hiện tại, thế nên gọi là hồ tẩm không khổ không lạc.

“Do vậy, này các Tỳ-kheo, trong Chánh pháp của Như Lai có bốn hồ tẩm này, để hàng Thanh Văn của Ta ở trong ấy tẩm rửa, diệt hai mươi một kết, qua biển sinh tử, vào thành Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, nếu muốn qua biển sinh tử này, hãy tìm cầu phương tiện diệt hai mươi một kết, vào thành Niết-bàn. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy [669c01] học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

³⁶ Xem cht. 30 trên.

³⁷ Xem cht. 31 trên.

KINH SỐ 6³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ví như bốn con rắn độc lớn hết sức hung bạo được bỏ chung trong một cái hộp. Nếu có người từ bốn phương đến, muốn sống, không muốn chết, muốn tìm vui không tìm khổ, chẳng ngu chẳng tối, tâm ý không rối loạn, không bị trói buộc. Khi ấy, nếu vua hay đại thần của vua gọi người này bảo: ‘Nay có bốn con rắn độc lớn, hết sức hung bạo. Ông nên tùy thời nuôi nấng, tắm rửa chúng cho sạch; tùy thời cho ăn uống, đừng để thiếu thốn. Nay là lúc thích hợp, hãy đi mà làm đi!’

“Người kia trong lòng sợ hãi không dám tới thẳng trước, bèn bỏ chạy mà không biết chạy đường nào. Người kia lại được bảo rằng: ‘Nay ta sai năm người cầm đao kiếm theo sau ông. Nếu họ bắt được sẽ dứt mạng ông. Không được chậm trễ.’

“Người kia sợ bốn con rắn độc lớn, lại sợ năm người cầm đao kiếm, bèn phóng chạy tứ tung, không cần biết chạy đi đâu. Người kia lại được bảo rằng: ‘Nay ta lại sai sáu oan gia theo sau ông. Ai bắt được ông sẽ dứt mạng ông. Muốn làm gì hãy làm cho kịp thời!’

“Người kia sợ bốn con rắn độc lớn, lại sợ năm người cầm đao kiếm, lại sợ sáu oan gia, liền phóng chạy khắp nơi. Người kia khi thấy cái xóm hoang, muốn vào trong đó mà núp; nó gặp một căn nhà trống, gặp tường vách đổ, không có gì chắc chắn; nó thấy một cái ghe trống, hoàn

³⁸ Tham chiếu Pāli, S 55 197 Āsīvisopama (R.iv. 172).

toàn không có gì. Khi ấy có người thân hữu với nó, muốn giúp đỡ nó cho khỏi nạn, liền bảo: ‘Xóm vắng này có nhiều giặc cướp, muốn làm gì thì cứ tùy ý.’

“Người kia đã sợ bốn rắn độc lớn, lại sợ năm người cầm đao kiếm, lại sợ oan gia, lại sợ cái xóm vắng, liền phóng chạy khắp nơi. Người ấy nhắm phía trước, thấy có con sông lớn, vừa sâu vừa rộng, cũng không có người và cầu đồ để có thể qua được bờ kia, mà chỗ người ấy đứng lại nhiều giặc cướp hung ác. Lúc đó, người ấy nghĩ: ‘Sông này rất sâu rộng, nhiều giặc cướp, làm sao qua được bờ kia? Nay ta nên gom góp cây cối, cỏ rác làm bè, nung vào bè này mà [670a01] từ bờ bên đây qua đến bờ bên kia.’ Người ấy liền gom cây cỏ làm bè, rồi qua được bờ kia, chỉ không di động.

“Các Tỳ-kheo nên biết, nay Ta lấy ví dụ, nên khéo suy nghĩ. Nói nghĩa này là có nghĩa gì?

“Bốn rắn độc là bốn đại. Những gì là bốn đại? Đó là đất, nước, gió, lửa. Đó là bốn đại.

“Năm người cầm kiếm tức năm thủ uẩn. Những gì là năm? Đó là sắc uẩn, thọ* uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

“Sáu oan gia là ái dục.

“Xóm vắng là sáu xứ bên trong.³⁹ Thế nào là sáu? Đó là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Nếu người có trí tuệ, khi quán mắt, thấy thấy đều trống không, hoàn toàn không có gì, hư dối, vắng lặng, không bền chắc. Khi quán tai, mũi, miệng, thân, ý, thấy đều trống không, đều rỗng lặng, cũng không bền chắc.

“Nước là bốn bọc lưu. Thế nào là bốn? Dục bọc lưu, hữu

³⁹ Nội lục nhập 內六入, tức sáu nội xứ.

bộc lưu, vô minh bộc lưu, kiến bộc lưu.

“Bè lớn là tám đạo phẩm của Hiền Thánh. Thế nào là tám? Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh tinh tấn, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh niệm, chánh định. Đó là tám đạo phẩm Hiền Thánh.

“Muốn vượt qua nước là sức tinh tấn với phương tiện khéo léo. Bờ này là thân kiến.⁴⁰ Bờ kia là diệt thân kiến. Bờ này là quốc giới của vua A-xà-thế. Bờ kia là quốc giới của vua Tỳ-sa. Bờ này là quốc giới của Ba-tuần. Bờ kia là quốc giới của Như Lai.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Lúc ấy trong thành Xá-vệ, có một ưu-bà-tắc vừa mạng chung và tái sinh trong nhà đại gia chủ tại thành Xá-vệ. Vị phu nhân lớn nhất mang thai. Thế Tôn dùng thiên nhãn thanh tịnh không tỳ vết để xem; thấy ưu-bà-tắc này sinh trong nhà gia chủ giàu nhất thành Xá-vệ. Ngay ngày đó lại có bà-la-môn thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục. Thế Tôn cũng dùng thiên nhãn xem thấy. Cũng ngay ngày đó, trưởng giả Cấp Cô Độc mạng chung, sinh lên trời, thiện xứ. Thế Tôn cũng dùng thiên nhãn xem thấy. Ngay ngày hôm đó, cũng có một Tỳ-kheo [670b01]

⁴⁰ Nguyên Hán: Thân tà 身邪, tức hữu thân kiến.

Tăng nhất A-hàm

chúng nhập Niết-bàn, Thế Tôn cũng bằng thiên nhãn mà nhìn thấy.

Bảy giờ, Thế Tôn thấy bốn việc này rồi, liền nói kệ này:

*Nếu người thọ bào thai,
Hành ác vào địa ngục;
Người lành sinh lên trời.
Vô lậu nhập Niết-bàn.*

*Nay người hiền thọ thai.
Bà-la-môn vào địa ngục.
Tu-đạt sinh lên trời.
Tỳ-kheo thì diệt độ.*

Bảy giờ, Thế Tôn rời tỉnh thất, đến giảng đường Phổ tập mà ngồi. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay có bốn việc mà nếu người tu hành theo thì khi thân hoại mạng chung sẽ được sinh trong loài người. Thế nào là bốn? Người mà thân, miệng, ý và mạng thanh tịnh không tỳ vết, lúc mạng chung sẽ được sinh trong loài người.

“Này Tỳ-kheo, lại có bốn pháp mà ai tập hành, người đó sẽ vào trong địa ngục. Thế nào là bốn? Thân, miệng, ý, và mạng không thanh tịnh. Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn pháp này mà ai thân cận thì khi thân hoại mạng chung sẽ sinh vào trong địa ngục.

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, lại có bốn pháp mà nếu ai tu tập hành theo thì sẽ sinh thiện xứ, lên trời. Thế nào là bốn? Bô thí, nhân ái, lợi người, đồng lợi.⁴¹ Đó là, này Tỳ-kheo,

⁴¹ Bốn nhiếp sự: Bô thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Các từ Hán dịch về bốn nhiếp sự trong đây thường tùy tiện không được nhất trí.

ai hành pháp này, khi thân hoại mạng chung sẽ sinh lên trời, thiện xứ.

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, lại có bốn pháp nếu ai tập hành theo, khi thân hoại mạng chung, diệt tận hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, như thật biết rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Thế nào là bốn? Thiên có tầm có tứ; thiên không tầm, không tứ; xả* niệm; thiên khổ lạc diệt.⁴² Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn pháp này, nếu ai tu tập thực hành theo đó thì sẽ diệt tận hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, như thật biết rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’

“Thế nên, này các Tỳ-kheo, thiện gia nam tử trong bốn bộ chúng, muốn sinh trong loài người, hãy tìm cầu phương tiện hành thân, miệng, ý, mạng thanh tịnh. Nếu muốn được sinh lên cõi trời, cũng hãy tìm cầu phương tiện hành bốn ân huệ.⁴³ Nếu muốn được hết hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, cũng hãy tìm cầu phương tiện hành bốn thiện. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo [670c01] nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8⁴⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ngoài thành Tỳ-xá-ly, trong một khu rừng.

⁴² Xem cht. 30* 31, kinh số 5 phẩm 31.

⁴³ Bốn nhiếp sự.

⁴⁴ Tham chiếu Pāli, M 12 Mahāsthānādasutta (R. i. 68).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Xưa, lúc Ta chưa thành đạo, lúc ấy, Ta sống trong núi Đại úy.⁴⁵ Nếu ai có lòng dục hay không lòng dục mà vào trong núi này, toàn thân lông dựng ngược. Lại gặp lúc quá nóng nực, sóng nắng tung hoành, Ta cởi trần mà ngồi, ban đêm thì vào rừng sâu. Lúc trời quá lạnh, gió mưa dồn dập thì ban ngày Ta vào trong rừng, ban đêm ngủ ngoài trời. Bấy giờ, Ta hay tụng một bài kệ mà xưa chưa từng nghe, chưa từng thấy:

*Lạnh lẽo, đêm nghỉ
Trong núi Đại úy;
Thân thể cởi trần:
Ta đã thế nguyện.⁴⁶*

“Hoặc Ta đến gò mả để lấy áo người chết che mình. Bấy giờ, có người xóm Ân-tra⁴⁷ đến lượm nhánh cây đâm vào tai Ta hay thọc vào mũi Ta. Có người khạc nhổ, có người đi tiểu hoặc lấy đất bôi lên mình Ta. Nhưng Ta trọn không nghĩ gì về họ. Lúc ấy, Ta có tâm xả này.

“Bấy giờ, tại chỗ chuồng bò, nếu thấy phân bê, Ta liền lấy ăn. Nếu không có phân bê, Ta liền ăn phân bò. Khi ăn món này, Ta nghĩ: ‘Nay ăn để làm gì? Hãy nhịn trọn ngày.’ Lúc Ta nghĩ vậy, chư thiên đến chỗ Ta bảo: ‘Nay Ngài chớ nhịn ăn nữa. Nếu Ngài nhịn, tôi sẽ đem cam lồ, tinh khí giúp Ngài sống.’ Ta lại nghĩ: ‘Đã nhịn ăn sao lại

⁴⁵ Đại úy sơn. Pāli, ibid. tr. 79: *aññataram bhimsanakam vanasaṇḍam*, vào một khu rừng rậm hải hùng; không phải danh từ riêng.

⁴⁶ Pāli, ibid., *esanāpasuto muni*”ti., ẩn sỹ (mâu-ni) với ước nguyện nhiệt thành.

⁴⁷ Ân-tra thôn nham. Pāli, ibid. *gāmaṇḍala*, bọn mục đồng. Nhưng Hán đọc là *Aṇḍalagāma*, đảo âm vận.

đề chư thiên đem cam lồ cho Ta? Đó là sự dối trá.’ Rồi Ta lại nghĩ: ‘Nay Ta có thể ăn các thứ mè, gạo bỏ dư.’ Bây giờ, mỗi ngày Ta ăn một hạt mè, một hạt gạo, thân hình liệt nhược, xương cốt dính nhau. Trên đỉnh đầu mọc mụn nhọt, da thịt rơi rớt. Ví như trái bầu khô vỡ, không lành lặn, đầu Ta lúc ấy cũng thế, trên đỉnh mọc mụn, da thịt rơi rớt, do không ăn. Cũng như tinh tú hiện trong giếng sâu; lúc ấy, mắt Ta cũng thế, đều vì không ăn. Ví như xe cũ [671a01] hư nát, thân Ta cũng thế, tất cả đều hư hỏng không thể theo ý mình. Cũng như dấu chân lạc đà, hai xương cùng của Ta cũng thế. Nếu khi Ta lấy tay đè bụng, liền đụng xương sống. Nếu lúc đè xương sống, liền đụng da bụng. Thân thể ốm yếu đều vì không ăn. Bây giờ, Ta đã dùng một hạt mè, một hạt gạo làm thức ăn mà trọn vô ích, chẳng được pháp thượng tôn. Nếu muốn đại, tiểu tiện, Ta liền té xuống đất, không tự đứng lên được.

“Bây giờ, chư thiên trông thấy liền nói: ‘Sa-môn Cù-đàm đã diệt độ!’ Lại có chư thiên nói: ‘Sa-môn này chưa chết, nay ắt phải chết.’ Có chư thiên lại nói: ‘Sa-môn này không phải chết! Sa-môn này thực là A-la-hán. Pháp La-hán thường có khổ hạnh này.’

“Bây giờ, Ta còn thần thức, biết được chuyện bên ngoài. Ta lại nghĩ: ‘Nay lại nhập vào thiền không hơi thở.’ Và Ta liền nhập vào thiền không hơi thở, đếm hơi thở ra vào. Ta do đếm hơi thở ra vào, giác biết có hơi từ lỗ tai ra. Khi ấy, tiếng gió như tiếng sấm. Ta lại nghĩ: ‘Nay Ta ngậm miệng, bịt tai cho hơi thở không ra.’ Hơi thở vì không ra được, khi đó hơi thở theo chân và tay mà ra. Giả sử khi hơi không ra từ tai, mũi, miệng, bây giờ, bên trong như tiếng sấm rền. Ta cũng thế, khi ấy thần thức vẫn còn chuyển theo thân.

Ta lại nghĩ: ‘Ta hãy nhập lại thiền nín thở.’ Khi ấy, Ta

phong bế hết các lỗ thở. Ta vì phong bế các hơi thở ra vào, đầu trán liền đau nhức như có người lấy dùi mà dùi đầu. Ta cũng vậy, đầu đau rất khổ sở.

“Bấy giờ, Ta vẫn còn thần thức. Ta lại nghĩ: ‘Nay Ta nên ngồi [671b01] thiền, dứt hơi thở, không cho hơi thở ra vào.’ Khi ấy, Ta liền bít hơi thở ra vào. Các hơi thở dồn xuống bụng. Lúc hơi thở chuyển động hết sức nhỏ nhiệm, như đồ tể cầm dao giết bò, Ta cũng vậy, hết sức đau đớn. Cũng như một người yếu đuối bị hai người mạnh khỏe nắm lấy đem nướng trên lửa, đau đớn chịu không nổi. Ta cũng vậy, khổ đau này không thể trình bày đầy đủ.

“Bấy giờ, Ta vẫn có thần thức. Ngày ngày Ta ngồi thiền, thân thể không có màu sắc giống người. Có người trông thấy nói: ‘Sa-môn này có màu da quá đen.’ Có người thấy nói: ‘Sa-môn này có da như màu chàm.’⁴⁸

“Tỳ-kheo, nên biết, trong sáu năm tu hành khổ hạnh này mà chẳng được phép thượng tôn, bấy giờ, Ta nghĩ: ‘Nay Ta nên ăn mỗi ngày một trái cây.’ Ta liền ăn một trái. Khi Ta ăn ngày một trái, thân hình yếu đuối, không thể tự đi đứng, như một trăm hai mươi tuổi, đốt xương rời rạc, chẳng thể nâng đỡ. Tỳ-kheo nên biết, một quả khi ấy bằng một trái táo nhỏ bây giờ. Bấy giờ, Ta lại nghĩ: ‘Đây chẳng phải căn bản Ta thành đạo. Hẳn phải có con đường khác.’

“Ta lại nghĩ: ‘Ta nhớ lại ngày xưa ở dưới gốc cây của Phụ vương, không dâm, không dục,⁴⁹ trừ bỏ pháp ác bất

⁴⁸ Đề bản: 似終 似終, như người chết. TNM: Tợ lục, như màu xanh lục.

⁴⁹ Vô dâm vô dục, trạng thái ly dục của sơ thiên; Hán dịch điệp từ.

thiền, nhập sơ thiền. Không tâm không tứ, nhập nhị thiền.⁵⁰ Xả⁵¹ niệm thanh tịnh, không có các tướng, nhập tam thiền.⁵² Không khổ lạc, xả niệm thanh tịnh,⁵³ nhập tứ thiền. Có thể đây là đạo. Nay Ta nên tìm đạo này.’

“Trong sáu năm, Ta cầu đạo cần khổ mà không thành tựu, hoặc nằm trên gai góc, hoặc nằm trên ván đóng đinh sắc, hoặc treo thân thể cách xa mặt đất, hai chân ở trên, đầu chúc xuống, hoặc treo chân, ngồi chồm hổm, hoặc để râu tóc dài không hề cạo hót, hoặc ngày phơi lửa thiêu đốt, hoặc thời tiết đông lạnh ngồi trên băng, thân thể chìm trong nước, hoặc lặng lẽ không nói, hoặc có lúc một ngày ăn một bữa, hoặc hai ngày ăn một bữa, hoặc ba ngày một bữa, hoặc bốn ngày một bữa, cho đến bảy ngày một bữa, hoặc ăn rau trái, hoặc ăn lúa mè, hoặc ăn rễ cỏ, hoặc ăn trái cây, hoặc ăn hương hoa, hoặc ăn các thứ quả, củ. Có lúc ở trần, có lúc mặc y rách nát, hoặc khoác y bằng cỏ gấu, hay khoác y lông da, có lúc lấy tóc người che thân, có lúc để tóc dài, có lúc lấy tóc người khác đội thêm.

“Như thế Tỳ-kheo, khi xưa Ta khổ hành đến như vậy mà chẳng thu hoạch được căn bản của bốn pháp. Thế nào là bốn? Nghĩa là giới luật Hiền Thánh khó tỏ, khó biết; trí tuệ Hiền Thánh khó tỏ, khó biết; giải thoát Hiền Thánh, khó tỏ, khó biết; tam-muội Hiền Thánh⁵⁴ khó tỏ, khó biết. Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn pháp này. Xưa Ta khổ hạnh

⁵⁰ Hán dịch có thể khoa đại. Bấy giờ thái tử Tất-đạt-đa chỉ có thể chứng đắc sơ thiền thôi.

⁵¹ Để bản nháy sót.

⁵² Xem cht. 30 & 31 kinh 5 phẩm 31.

⁵³ Trong bản Hán: Ý niệm thanh tịnh. Bản Hán này lẫn lộn thiền thứ ba và thứ tư.

⁵⁴ Đoạn Hán này kể đảo ngược thứ tự: Giới, định, tuệ, giải thoát. Xem tiếp đoạn kế chánh văn.

chẳng được cốt yếu này.

“Bấy giờ, Ta lại nghĩ: ‘Nay Ta cần phải [671c01] tìm cầu được đạo vô thượng. Thế nào là đạo vô thượng? Đó là hướng về bốn pháp này: Giới luật Hiền Thánh, tam-muội Hiền Thánh, trí tuệ Hiền Thánh, giải thoát Hiền Thánh.’

“Rồi Ta lại nghĩ: ‘Chẳng thể đem thân ốm yếu này mà cầu đạo thượng tôn. Ta nên ăn chút ít để được khí tinh vi, nuôi nấng thân thể, khí lực mạnh mẽ. Sau đó mới tu hành đắc đạo.’

“Ngay khi Ta ăn chút ít, được khí tinh vi, năm Tỳ-kheo bỏ Ta mà đi, ‘Sa-môn Cù-đàm này tánh hạnh thác loạn, bỏ chân pháp theo nghiệp tà.’

“Lúc đó, Ta từ chỗ ngồi đứng dậy, kinh hành theo hướng đông. Ta lại nghĩ: ‘Chỗ thành đạo của hăng sa chư Phật đời quá khứ là ở đâu?’ Ngay khi ấy, phía trên Ta, có thiên thần đứng giữa hư không, nói với Ta rằng: ‘Hiền sỹ, nên biết, hăng sa chư Phật quá khứ ngồi dưới bóng mát cây đạo thọ mà thành Phật.’ Rồi Ta lại nghĩ: ‘Ngồi chỗ nào mà được thành Phật?’ Chư thiên lại bảo Ta: ‘Quá khứ hăng sa chư Phật ngồi trên đệm cỏ, rồi sau đó mới thành Phật.’

“Khi ấy, cách Ta không xa, có bà-la-môn Cát Tường cắt cỏ một bên. Ta liền đến đó hỏi: ‘Ông là ai? Tên gì? Có họ gì?’ Bà-la-môn đáp: ‘Tôi tên Cát Tường,⁵⁵ họ Phát tinh.’⁵⁶

“Ta bảo người ấy: ‘Lành thay, lành thay! Tên họ như thế

⁵⁵ Cát Tường 吉祥, tên người cắt cỏ theo Pāli: Sotthiya.

⁵⁶ Phát tinh 弗星, sao Phát, Skt. Puṣya(nakṣatra), sao Quỷ trong 28 tú; khoảng tháng 6 dương lịch. *Trường A-hàm*, phần kết: Phật thành đạo vào tháng Phát tinh.

rất hiếm có trên đời. Họ tên không đổi mới thành hiệu này. Cầu mong cho ông đời hiện tại tốt lành, không điều gì bất lợi, trừ sạch sanh, già, bệnh, chết. Ông họ Phát tinh, thật phù hợp với Ta. Nay Ta muốn xin ít cớ.’ Cát Tường hỏi: ‘Cù-đàm dùng cớ để làm gì?’ Ta đáp Cát Tường: ‘Ta muốn trải dưới cây Thọ vương để cầu bốn pháp. Thế nào là bốn? Đó là giới luật Hiền Thánh, tam-muội Hiền Thánh, trí tuệ Hiền Thánh, giải thoát Hiền Thánh.’

“Tỳ-kheo nên biết, bây giờ Cát Tường tự thân đem cớ trải dưới cây thọ vương. Rồi Ta ngồi lên, chính thân, chính ý, ngồi kiết già, buộc niệm ở trước. Bây giờ, tâm ý Ta cời bỏ tham dục, trừ các ác pháp, có tâm có tứ, nhập sơ thiền. Trừ diệt có tâm có tứ, tâm nhập nhị thiền, tam thiền; xả* niệm thanh tịnh, ưu hỷ trừ sạch, tâm nhập tứ thiền⁵⁷.

“Bấy giờ, Ta với tâm thanh tịnh, [672a01] trừ các kết sử, đắc vô sở úy, tự biết túc mạng biến đổi vô số. Ta liền tự nhớ việc vô số đời, hoặc một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, một trăm đời, nghìn đời, trăm nghìn, vạn đời; kiếp thành kiếp hoại, vô số kiếp thành, vô số kiếp hoại, vô số kiếp thành hoại. Ta từng chết đây, sinh kia; từ kia mạng chung đến sinh nơi này; nguồn gốc nhân duyên gốc ngọn. Ta nhớ việc vô số đời như thế.

“Ta lại bằng thiên nhãn thanh tịnh, không tỳ vết, quán chúng sanh, kẻ sinh, người chết, thiện xứ sắc lành, cõi ác sắc ác, hoặc đẹp hay xấu tùy hành nghiệp từ trước, Ta thấy đều biết rõ. Hoặc có chúng sanh do thân, miệng, ý hành ác, phỉ báng Hiền Thánh, tạo gốc nghiệp tà, tương ưng với tà kiến, thân hoại mạng chung, sinh trong địa

⁵⁷ Để bàn, nhảy sót tam thiền. Xem kinh 1, phẩm 12; kinh 5 phẩm 31.

ngục. Hoặc có chúng sanh do thân, miệng, ý hành thiện không phỉ báng Hiền Thánh, tương ưng với chánh kiến, thân hoại mạng chung sinh ở nhân gian. Đó là chúng sanh mà thân, miệng, ý không có tà nghiệp.

“Ta do tâm tam-muội thanh tịnh không tỳ vết, dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, như thật biết rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sinh đời sau nữa,’ liền thành vô thượng Chánh chơn.

“Này các Tỳ-kheo, hoặc có sa-môn, bà-la-môn rõ biết các nẻo⁵⁸, nhưng những nẻo đường này, vốn ngày xưa Ta chưa có đường nào chẳng đi, chỉ trừ chưa hề một lần sinh lên trời Tịnh cư vì ở đó không còn tái sinh trở lại cõi này. Hoặc với một số sa-môn, bà-la-môn, đó là chỗ đáng tái sinh nhưng Ta chẳng sinh, vì không thích hợp. Vì đã sinh lên trời Tịnh cư thì không còn trở lại thế gian này nữa.

“Các người đã đạt được giới luật Hiền Thánh, Ta cũng đạt được. Các người đạt được tam-muội Hiền Thánh, Ta cũng đạt được. Các người đạt được giải thoát Hiền Thánh, Ta cũng đạt được. Các người đạt được giải thoát tri kiến Hiền Thánh, Ta cũng đạt được. Ta đã cắt đứt gốc rễ bảo thai, sinh tử đã hết hẳn, không còn tái sinh.

“Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy cầu phương tiện thành tựu bốn pháp. Vì sao thế? Vì nếu Tỳ-kheo nào được bốn pháp này thì thành đạo không khó. Như ngày nay, Ta thành Đạo vô thượng Chánh chơn đều do bốn pháp này mà được thành quả. Như thế, các Tỳ-kheo, [672b01] hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ

⁵⁸ Chư thú, các nẻo đường tái sinh.

phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Quá khứ lâu xa, Trời Tam thập tam là Thích Đề-hoàn Nhân cùng các ngọc nữ đến vườn Nan-đàn-bà-na dạo chơi. Có một vị trời làm kệ:

*Không thấy vườn Nan-đàn,
Thì chẳng biết có vui.
Các chỗ chư thiên ở,
Không đâu hơn nơi này.*

Bấy giờ, có vị trời khác bảo vị trời ấy rằng:

“Ông không có trí, không biết phân biệt chánh lý. Vật ưu khổ mà ngược lại cho là vui. Vật không bền chắc mà nói là bền. Vật vô thường nói ngược là thường. Vật không lỗi chắc lại nói lỗi chắc. Vì sao thế? Ông há không nghe Như Lai nói kệ sao?

*Tất cả hành vô thường.
Có sanh tất có chết.
Chẳng sanh thì không chết;
Diệt này là vui nhất.*

“Đã có nghĩa này, lại có kệ này. Sao ông nói cõi này vui nhất? Nay ông nên biết, Như Lai cũng nói pháp bốn bậc lưu. Nếu chúng sanh chìm trong những dòng lũ này, trọn chẳng đắc đạo. Những gì là bốn? Nghĩa là dục bậc lưu, hữu bậc lưu, kiến bậc lưu, vô minh bậc lưu.

“Thế nào gọi là dục bậc lưu? Đó là năm dục. Những gì là

năm? Mắt thấy sắc khởi thức tưởng của mắt; tai nghe tiếng khởi thức tưởng của tai, mũi ngửi mùi khởi thức tưởng của mũi, lưỡi nếm vị khởi thức tưởng lưỡi, thân biết xúc chạm khởi thức tưởng thân. Đó gọi là dục bực lưu.

“Thế nào là hữu bực lưu? Đó là ba hữu. Thế nào là ba? Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Đó là hữu bực lưu.

“Thế nào gọi là kiến bực lưu? Chấp thế gian là thường, vô thường; thế gian là hữu biên, vô biên; có thân, có mạng; chẳng phải thân, chẳng phải mạng; Như Lai có chết, Như Lai không chết, hoặc Như Lai vừa chết Như Lai không chết, không phải Như Lai vừa chết cũng không phải Như Lai không chết. Đó gọi là kiến bực lưu.

“Thế nào là [672c01] vô minh bực lưu? Vô minh là không biết, không tin, không thấy; tâm ý tham dục, hằng mong cầu và có ngũ cái: tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo cử cái, nghi cái. Lại chẳng biết khô, chẳng biết tập, chẳng biết diệt, chẳng biết đạo. Đó gọi là vô minh bực lưu.

“Thiên tử nên biết, Như Lai nói bốn dòng lũ này. Nếu có ai chìm vào đây thì chẳng thể đắc đạo.

“Bây giờ, vị trời kia nghe lời này xong, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, từ trời Tam thập tam biến mất, đi đến chỗ Ta, cúi lạy rồi đứng một bên. Trời ấy bạch với Ta:

“Lành thay, Thế Tôn, khéo nói nghĩa này: Như Lai đã nói bốn dòng lũ. Nếu phàm phu chẳng nghe bốn dòng lũ này thì chẳng được bốn an lạc. Thế nào là bốn? Đó là lạc do an chi,⁵⁹ lạc chánh giác, lạc của Sa-môn, lạc Niết-bàn.

⁵⁹ Phục tức 伏息, hay tô tức 蘇息, sự điều phục hơi thở; chỉ trạng

Nếu phạm phu chẳng biết bốn dòng lũ này thì chẳng được bốn an lạc này.

Nói vậy xong, Ta lại bảo:

“Thật vậy, Thiên tử, như lời ông nói, nếu không biết được bốn dòng này thì không biết được bốn an lạc này.

“Rồi Ta tuần tự nói các đề tài cho vị trời kia, đề tài về thí, đề tài về giới, đề tài về sanh thiên, dục là tướng bất tịnh, là hữu lậu, là tai hoạn lớn, xuất yếu là an lạc.

“Bấy giờ, vị trời ấy đã phát tâm hoan hỷ, Ta liền diễn nói rộng về pháp bốn dòng lũ và nói về bốn an lạc. Khi ấy, vị trời kia chuyên tâm nhất ý tư duy pháp này, sạch các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Nay Ta cũng nói bốn pháp, bốn lạc này, để được pháp bốn đế. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên tu tướng vô thường, nên quảng bá* tướng vô thường. Đã tu tướng vô thường, quảng bá tướng vô thường thì đoạn ái dục giới, ái sắc giới, ái vô sắc giới, đoạn tận vô minh, đoạn tận kiêu mạn. Ví như đốt cháy cây cỏ, tất cả đều dập tắt hết. Đây cũng vậy, nếu tu tướng vô thường thì đoạn trừ hết tất cả kết sử. Vì sao thế?

Tăng nhất A-hàm

“Ngày xưa rất lâu, có một thiên tử đem năm trăm ngọc nữ, theo nhau kẻ trước người sau, đến dạo chơi trong vườn Nan-đàn-bàn-na, chơi đùa dần dần đến dưới gốc cây Ca-ni, [673a01] hưởng thú ngũ dục. Rồi thiên tử kia leo lên cây chơi, hái hoa, tâm ý rối loạn, rơi xuống cây mà chết. Ông sinh trong nhà gia chủ lớn trong thành Xá-vệ này. Bấy giờ, năm trăm ngọc nữ đầm ngực kêu gào không ngớt. Ta dùng thiên nhãn trông thấy thiên tử chết, tái sinh trong nhà đại gia chủ, trong thành Xá-vệ. Qua tám chín tháng sinh một bé trai xinh đẹp vô song, như màu hoa đào. Con gia chủ dần dần khôn lớn. Cha mẹ liền tìm vợ cho nó. Cưới vợ chưa bao lâu, nó lại chết, sanh trong biển lớn làm thân rồng. Bấy giờ, trong nhà gia chủ kia, cả nhà đều kêu khóc đau đớn rất thương tâm. Rồng ấy lại bị chim cánh vàng ăn thịt, chết sinh trong địa ngục, Lúc ấy, các long nữ lại thiết tha thương nhớ vô tả.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Trời kia lúc hái hoa,
Tâm ý loạn không an,
Như nước trôi thôn xóm,
Tắt chìm không vớt được.*

*Bấy giờ chúng ngọc nữ,
Vây quanh mà khóc lóc,
Mặt mày rất xinh đẹp,
Yêu hoa mà mạng chung.*

*Loài người cũng than khóc,
Mất khúc ruột của ta.
Vừa bụng lại mạng chung.
Bị vô thường tan hoại.*

*Long nữ theo sau tìm,
Các rồng đều tụ tập,*

*Bảy đầu thật dũng mãnh;
Bị chim cánh vàng hại.*

*Chư thiên cũng ưu sầu.
Loài người cũng như thế.
Long nữ cũng sầu ưu.
Địa ngục chịu đau khổ.*

*Điều pháp bốn đế này
Mà chẳng biết như thật.
Có sinh thì có chết,
Chẳng thoát biển sông dài.*

*Thế nên hãy khởi tướng,
Tu các pháp thanh tịnh;
Tất sẽ lìa khổ não;
Lại chẳng bị tái sinh.*

“Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy nên tu hành tướng vô thường, quảng bá tướng vô thường, sẽ đoạn dục ái, sắc ái, vô sắc ái, cũng đoạn kiêu mạn, đoạn tận vô minh không dư tàn. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11

[673b01] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đệ tử Tôn giả Mục-liên và đệ tử Tôn giả A-nan, hai người nói chuyện:

“Hai chúng ta đồng tụng kinh xem ai hay hơn!”

Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo nghe hai người thảo luận, bèn đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy, rồi ngồi qua một bên. Các Tỳ-kheo

Tăng nhất A-hàm

bạch Thế Tôn:

“Nay có hai người bàn luận: ‘Hai chúng ta cùng tụng kinh xem ai hay!’”

Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Người đi gọi hai Tỳ-kheo ấy đến đây.”

Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn!”

Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, đến hai người kia bảo họ:

“Thế Tôn cho gọi hai ông.”

Hai người nghe Tỳ-kheo nói, liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo hai người:

“Các người ngu si! Các người thực có nói: ‘Chúng ta cùng tụng kinh xem ai hay hơn’ không?”

Hai người đáp:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Các người có nghe Ta nói pháp này: ‘Hãy cạnh tranh với nhau chăng?’ Pháp như thế đâu khác bà-la-môn?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Con chẳng nghe Như Lai nói pháp này.”

Thế Tôn bảo:

“Ta do không thuyết pháp này cho Tỳ-kheo, vì vậy mà các người tranh hơn thua chăng? Nhưng pháp mà Ta thuyết hôm nay là muốn có người được hàng phục, có người được giáo hóa. Tỳ-kheo nào lúc thọ lãnh pháp, hãy nhớ suy nghĩ bốn duyên, xem có tương ưng với Khế kinh,

A-tỳ-đàm, Luật không? Nếu tương ưng, hãy nhớ vâng làm.”

Bây giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Tụng nhiều việc vô ích;
Pháp này chẳng phải hay,
Như đi đếm số bò,
Chẳng thiết yếu Sa-môn.⁶⁰*

*Nếu tụng tập chút ít,
Nhưng thực hành theo pháp;
Pháp này là trên hết,
Đáng gọi pháp Sa-môn.⁶¹*

*Tuy tụng đến nghìn chương,
Không nghĩa đâu ích gì?
Chẳng bằng tụng một câu
Nghe xong đắc đạo được.⁶²*

*Tuy tụng đến nghìn lời
Không nghĩa đâu ích gì?
Chẳng bằng tụng một nghĩa
Nghe xong đắc đạo được.⁶³*

*Dẫu tại bãi chiến trường,
Thắng nghìn nghìn quân địch;
Tự thắng mình tốt hơn:
Chiến thắng thật tối thượng.⁶⁴*

[673c01]“Thế nên, này các Tỳ-kheo, từ nay về sau chớ

⁶⁰ Cf. Dhp. 19.

⁶¹ Cf. Dhp. 20.

⁶² Cf. Dhp. 101.

⁶³ Cf. Dhp. 100.

⁶⁴ Cf. Dhp. 103.

Tăng nhất A-hàm

nên tranh tụng, chớ có tâm hơn thua. Vì sao thế? Hãy nghĩ hàng phục tất cả mọi người. Nếu Tỳ-kheo có tâm hơn thua, tâm tranh tụng nhau mà cùng cạnh tranh thì phải lấy pháp luật mà trị. Tỳ-kheo, vì thế hãy tự tu hành.”

Hai Tỳ-kheo nghe Phật nói xong, liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy Thế Tôn sám hối:

“Từ nay về sau, chúng con không làm vậy nữa. Cúi xin Thế Tôn nhận lời con hối lỗi.” Thế Tôn bảo:

“Trong đại pháp, các người đã chịu sửa lỗi, tự biết có tâm cạnh tranh. Ta nhận sự hối lỗi của các người. Các Tỳ-kheo, chớ nên thế nữa. Như thế, các Tỳ-kheo hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Tăng thượng, tọa, hành tịch,
Vô tình, vườn quán, hồ,
Vô lậu, vô tức, thiền,
Bốn lạc, không tranh tụng.⁶⁵*

⁶⁵ Bản Hán, hết quyển 23.

THIÊN NĂM PHÁP

32. PHẨM THIỆN TỰ

KINH SỐ 1

[673c02] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay, Ta sẽ nói về tỳ thiện, các người hãy suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Sao gọi pháp ấy là tỳ thiện? Đó là năm căn. Thế nào là năm căn? Đó là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có năm căn này.

“Nếu có Tỳ-kheo nào tu hành năm căn, liền thành Tu-đà-hoàn được pháp bất thối chuyển, ắt thành đạo chí thượng. Tu hành thêm nữa sẽ thành tựu Tu-đà-hàm, tái sinh đời này một lần rồi dứt sạch mé khổ kia. Tiến tới đạo này nữa, sẽ thành tựu A-na-hàm, không còn tái sinh đời này, liền nhập Bát-niết-bàn. Chuyển tiến tu hành, diệt tận hữu lậu, [674a01] thành tựu vô lậu tâm giải thoát, huệ giải thoát, tự thân tác chứng, mà tự an trú, như thật biết rằng: ‘Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’”

“Gọi là tỳ thiện, chính là năm căn. Vì sao vậy? Vì đây là tỳ lớn nhất, là vi diệu trong các tỳ. Nếu ai không hành

pháp này thì không thành tựu Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác. Nếu ai đạt được năm căn này liền có bốn quả, đạo ba thừa. Nói về tụ thiện, năm căn này là trên hết.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về tụ bất thiện, các ngươi hãy suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Sao gọi chúng là tụ bất thiện²? Đó là năm triền cái.³ Sao gọi là năm? Là tham dục, sân hận, thùy miên, trạo cử*, nghi. Đó gọi là năm triền cái. Ai muốn biết tụ bất thiện,

¹ Tương đương Pāli, A V 52 Akusalarāsisutta (R. iii. 64).

² Bất thiện tụ 不善聚. Pāli: *akusalarāsi*.

³ Ngũ cái 五蓋: Tham dục cái 貪欲蓋, sân nhuế cái 瞋恚蓋, thùy miên cái 睡眠蓋, điệu hý cái 調戲蓋, nghi cái 疑蓋. Pāli, *ibid.*, *pañca nīvaraṇā: kāmaccchandānīvaraṇaṃ, byāpādanīvaraṇaṃ, thinamiddhanīvaraṇaṃ, uddhaccakukkuccanīvaraṇaṃ, vicikicchānīvaraṇaṃ*.

thì đây gọi là năm triền cái. Vì sao vậy? Các Tỳ-kheo nên biết, vì nếu có năm triền cái, liền có phần súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Các pháp bất thiện đều do đây phát sanh. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện diệt trừ các triền cái là tham dục, sân hận, thùy miên, điệu hối, nghi. Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thừa sự, lạy Phật có năm công đức. Những gì là năm? Một là xinh đẹp, hai là tiếng hay, ba là lăm tiền nhiều của, bốn là sanh nhà gia chủ, năm là chết sanh lên trời, sanh thiện xứ. Vì sao vậy? Vì Như Lai không ai sánh bằng. Như Lai có tín, có giới, có văn, có tuệ, có sắc thiện thành tựu, cho nên thành tựu năm công đức.

“Lại nữa, vì nhân duyên gì lạy Phật mà được xinh đẹp? Chính do [674b01] vì thấy hình ảnh Phật mà phát tâm hoan hỷ, vì lý do này nên được xinh đẹp.

“Lại, vì nhân duyên gì được âm thanh hay? Nhờ thấy hình ảnh Như Lai, đã tự xưng hiệu niệm ba lần, ‘Nam mô Như Lai Chí chơn Đẳng chánh giác.’ Vì lý do này nên được âm thanh hay.

“Lại, vì nhân duyên gì mà được lăm tiền nhiều của? Do thấy Như Lai mà bố thí lớn, rải hoa, đốt đèn và thí những vật khác. Vì nhân duyên này được nhiều của báu.

“Lại, vì nhân duyên gì sanh nhà gia chủ? Khi thấy thân

Như Lai, tâm không đắm nhiễm, gởi phải quỳ sát đất, chấp tay chí tâm lạy Phật, do nhân duyên này sanh nhà gia chủ.

“Lại, vì nhân duyên gì thân hoại mạng chung sanh lên trời, sanh thiện xứ? Theo thường pháp của chư Phật Thế Tôn, những chúng sanh nào đem năm duyên sự lạy Như Lai liền sanh lên trời, thiện xứ.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm nhân duyên này, lạy Phật có năm công đức. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn lạy Phật, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu năm công đức này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Giống như căn nhà có hai cửa đối nhau, có người đứng ở trong, lại có người đứng ở trên quan sát bên dưới, người ra vào, đi lại đều biết thấy tất cả. Cũng như vậy, Ta bằng thiên nhãn nhìn các loại chúng sanh, sanh ra, chết đi, vào thiện xứ, cõi ác, sắc lành, sắc ác, hoặc tốt, hoặc xấu, tùy theo hành vi được gieo trồng; thấy đều biết tất cả.

“Lại, nếu có chúng sanh thân làm thiện, miệng nói thiện,

⁴ Tham chiếu Pāli, M 130 Devadūta (R. iii. 178). Hán, *Trung 12*, kinh 64 Thiên sứ.

ý nghĩ thiện, không phi báng Hiền Thánh, hành chánh kiến tương ưng với chánh kiến,⁵ khi chết sanh lên trời, sanh thiện xứ. Đó gọi là chúng sanh làm thiện.

“Lại, nếu có chúng sanh hành pháp thiện này, không làm hành vi ác, khi chết sanh lại trong loài người.

“Lại, nếu có chúng sanh mà thân, miệng, ý làm ác, tạo hành vi bất thiện, sau khi chết sanh trong ngạ quỷ.

“Hoặc lại có chúng sanh mà thân, miệng, ý làm ác, phi báng Hiền Thánh, tương ưng với tà kiến, sau khi chết sanh trong súc sanh.

“Hoặc lại có chúng sanh mà thân, miệng, ý làm ác, phi báng Hiền [674c01] thánh, sau khi chết sanh vào địa ngục. Khi ấy, ngục tốt dẫn tội nhân này đến trình Diêm-la vương và nói: ‘Đại vương nên biết, người này đời trước có thân, ý tạo ác, làm các ác hành, đã sanh vào địa ngục này. Đại vương nên xử, nên trị người này về tội gì?’

“Khi ấy Diêm-la vương liền lần lượt hỏi riêng tội kia của người ấy, bảo người ấy: ‘Thế nào, người nam, đời trước lúc ngươi mang thân người, há không thấy người khi sanh, được làm thân người, lúc ở thai rất là nguy khốn, đau đớn thật khó ở, rồi lớn lên phải nuôi dưỡng, bú mớm, tắm rửa thân thể hay sao?’

“Tội nhân đáp: ‘Thật có thấy, Đại vương.’

“Diêm-la vương nói: ‘Thế nào, người nam, ngươi không tự biết yếu hạnh của pháp sinh hay sao?’⁶ Vậy theo pháp

⁵ Nguyên Hán: Đẳng kiến.

⁶ Pāli, ibid., *ahampi khomhi jātiddhammo, jātīm anatīto*, ta chịu quy luật của sự sanh, không vượt qua được sự sanh. Ở đây, Hán dịch có thể nhảy sót. Diêm vương hỏi về thiên sứ thứ nhất.

thân, khẩu, ý mà tu các đường lành sao?’

“Tội nhân đáp: ‘Thật vậy, Đại vương, như Đại vương dạy. Tôi chỉ vì ngu si, không phân biệt được hành vi thiện.’”

“Diêm-la vương nói: ‘Như lời người nói, việc này không khác. Ta cũng biết những việc người không làm bởi thân, miệng, ý. Hôm nay sẽ xét người về tội được làm do phóng dật; chẳng phải cha mẹ làm, cũng chẳng phải là những việc làm của vua hay đại thần. Xưa người tự tạo tội, nay tự nhận báo.’”

Sau khi hỏi tội kia xong, Diêm-la vương ra lệnh trị tội.

“Đến lượt thiên sứ thứ hai hỏi⁷ người kia: ‘Trước đây, khi người làm người, há không thấy người già, thân thể rất yếu, đi lại khó khổ, áo quần dơ bẩn, tiền đùng run rẩy, hơi thở hào hển, không còn tâm trẻ khỏe?’

“Lúc ấy, tội nhân đáp: ‘Thưa vâng, Đại vương, tôi đã từng thấy.’”

“Diêm-la vương bảo: ‘Người đáng lẽ phải tự biết, nay ta cũng có pháp già nua⁸ này, vì chán ghét tuổi già nên phải tu hành vi thiện.’”

“Tội nhân đáp: ‘Thật vậy, Đại vương! Nhưng lúc ấy tôi thật không tin.’”

“Diêm-la vương bảo:

“Ta thật biết rõ những việc mà người không làm bởi thân,

⁷ Hán dịch có thể nhảy sót, hoặc nhầm lẫn túc từ với chủ từ. Cf. Pāli, *ibid*, và *Trung* 12 kinh 64: Diêm vương hỏi tội nhân, ‘Người có thấy thiên sứ thứ hai không?’

⁸ Hán: Hình lão chi pháp 形老之法. Pāli: *jāradhamma*, quy luật của tuổi già.

miệng, ý. Nay sẽ trị tội người để sau này không tái phạm. Những việc ác người đã làm, chẳng phải do cha mẹ làm, cũng chẳng phải do vua, đại thần, nhân dân tạo ra. Nay người tự tạo tội ấy, hãy tự nhận báo.'

"Diêm-la vương sau khi chỉ ra cho thấy thiên sứ thứ hai, lại đem thiên sứ thứ ba ra hỏi người kia: 'Trước đây, khi người làm thân người, há không thấy có người bệnh nằm trên phân, nước tiểu, không thể tự đứng dậy hay sao?'

"Tội nhân đáp: 'Thưa vâng, đại vương, tôi thật [675a01] có thấy.'

"Diêm-la vương hỏi: 'Thế nào, người nam, người há không tự biết, ta cũng sẽ có bệnh này, sẽ không thoát tai họa này sao?'

"Tội nhân đáp: 'Thật vậy, thưa Đại vương! Tôi thật sự không thấy.'

"Diêm-la vương nói: 'Ta cũng biết, người ngu si không hiểu. Nay ta sẽ trị tội người để sau không còn tái phạm. Tội đã làm này chẳng phải cha, chẳng phải mẹ làm, cũng chẳng phải là những việc tạo tác của quốc vương, đại thần.'

"Diêm-la vương sau khi chỉ ra cho thấy thiên sứ này rồi, lại hỏi người kia về thiên sứ thứ tư: 'Thế nào, người nam, người có thấy thân như cây khô, hơi thở dứt, lửa nóng không còn, tình tưởng không còn, năm thân vậy quanh khốc lóc không?'

"Tội nhân đáp, 'Thưa vâng, Đại vương, tôi đã thấy.'

"Diêm-la vương nói, 'Vì sao người không nghĩ rằng, ta cũng sẽ không thoát cái chết này?'

"Tội nhân đáp:

“Thật vậy, Đại vương, tôi thật không tỏ ngộ.”

“Diêm-la vương nói: ‘Ta cũng tin là ông không tỏ ngộ pháp này. Nay sẽ trị người, để sau này không tái phạm. Tội bất thiện này chẳng phải cha, chẳng phải mẹ tạo, cũng chẳng phải quốc vương, đại thần, nhân dân chỗ tạo ra. Xưa người tự tạo, nay tự chịu tội.’”

“Diêm-la vương nói với người kia về thiên sứ thứ năm: ‘Trước đây, khi làm người, người không thấy có kẻ trộm đào tường, phá nhà, lấy của báu người khác, hoặc dùng lửa đốt, hoặc ăn phước đường cái. Nếu bị vua bắt được thì bị chặt tay chân, hoặc bị giết, hoặc bị giam vào lao ngục, hoặc trói ngược mang đến chợ, hoặc sai vác cát đá, hoặc bị treo ngược, hoặc dùng tên bắn, hoặc rót nước đồng sôi lên người, hoặc dùng lửa nướng, hoặc lột da rồi bắt ăn, hoặc mổ bụng lấy cỏ nhét vào, hoặc bỏ vào nước sôi nấu, hoặc dùng đao chặt, bánh xe cán đầu, hoặc cho voi chà chết, hoặc treo cổ cho chết, hay không?’”

“Tội nhân đáp: ‘Tôi thật có thấy.’”

“Diêm-la vương nói: ‘Vì sao ông ăn trộm đồ người? Trong lòng đã biết có hình phạt ấy, sao còn phạm?’”

“Tội nhân đáp: ‘Thưa vâng, Đại vương, tôi thật ngu muội.’”

“Diêm vương nói: ‘Ta cũng tin lời ông, nay sẽ trị tội ông, để sau không tái phạm. Tội này chẳng phải do cha mẹ tạo, cũng chẳng phải vua quan, nhân dân chỗ tạo mà do tự tạo tội này rồi tự chịu báo.’”

“Sau khi hỏi tội xong, Diêm-la vương liền sai ngục tốt: ‘Mau đem giam người này vào ngục.’”

“Khi ấy, ngục tốt vâng [675b01] lệnh của vua, đem tội nhân này giam vào ngục. Bên trái địa ngục, lửa cháy dữ dội. Thành quách bằng sắt, đất cũng bằng sắt. Có bốn cửa

thành là nơi cực hôi thối, giống như phân tiểu nhìn thật nhớp nhơ. Núi dao, rừng kiếm, vây quanh bốn phía. Lại có lồng sắt chụp bên trên.”

Bây giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bốn vách bốn cửa thành,
Dài rộng thật là chắc.
Lồng sắt che phủ kín,
Không cơ hội thoát ra.*

*Khi ấy trên đất sắt
Lửa cháy thật dữ dội.
Tường vuông trăm do tuần,
Rỗng suốt chỉ một màu.
Chính giữa có bốn trụ;
Trông thật là đáng sợ.
Trên là rừng cây kiếm,
Nơi đậu quạ mỏ sắt.
Chỗ hôi thật khó ngửi;
Trông đến rụng lông tóc.
Đủ khí cụ ghê rợn.
Ngăn thành mười sáu lớp⁹.*

“Tỳ-kheo nên biết, lúc này ngục tốt dùng đủ mọi thứ khổ đau đánh đập người này. Tội nhân kia khi đặt chân vào ngục, máu thịt văng hết, chỉ còn bộ xương. Khi ấy, ngục tốt đem tội nhân này, dùng búa bện chặt thân nó, đau khổ không kể, muốn chết không được, chỉ đến khi hết tội nó mới thoát được. Những tội mà nó đã tạo ra ở nhân gian, chỉ khi phải trừ sạch, sau đó mới ra được.

“Lúc ấy, ngục tốt kia bắt tội nhân này leo lên, leo xuống

⁹ Mỗi ngục lớn có 16 ngục nhỏ chung quanh. Xem *Trường 19*, kinh Khởi thế, phẩm Địa ngục.

rừng đao kiếm. Khi tội nhân ở trên cây, nó bị quạ mổ sắt mổ ăn; hoặc mổ đầu lấy não ăn. Hoặc lấy tay chân, đập vào xương lấy tủy, mà tội vẫn chưa hết. Khi tội hết, nó mới được thoát ra.

“Lúc ấy, ngục tốt đem tội nhân kia bắt ngồi ôm cột đồng nóng. Do đời trước ưa dâm dật nên đưa đến tội này. Nó bị tội theo đuổi, không thoát được.

“Lúc này, ngục tốt rút gân từ gót chân cho đến cổ, kéo về phía trước, hoặc cho xe chở tới, hoặc lui, không được tự do. Ở đây, chịu khổ không thể nào tính kể. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra.

“Lúc này, ngục tốt bắt tội nhân kia đặt lên núi lửa, xua đuổi chạy lên, chạy xuống, cho đến khi chín như hết, sau đó mới cho ra. [675c01] Lúc bấy giờ, do bởi nhân duyên này, tội nhân muốn chết cũng không chết được. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra.

“Khi ấy, ngục tốt lại bắt tội nhân, rút lưỡi ném ra sau lưng. Ở đây, chịu khổ không thể nào kể xiết, muốn chết không được.

“Lúc này, ngục tốt bắt tội nhân đặt lên núi đao; hoặc chặt chân, hoặc chặt đầu, hoặc chặt tay. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra.

“Lúc này, ngục tốt lại dùng lá sắt nóng lớn phủ lên thân tội nhân như cho mặc áo lúc còn sống. Lúc ấy khổ đau độc hại khó chịu, đều do nhân tham dục nên đưa đến tội này.

“Lúc này, ngục tốt lại bắt tội nhân làm tội năm thứ¹⁰, xua

¹⁰ Hán: 五種作役 ngũ chủng tác dịch. Pāli, *ibid*.

pañcavidhabandhanam, ngũ chủng phược, trói năm chỗ: đóng đinh 2 tay, 2 chân, và tim.

đuôi khiến nằm xuống, rồi lấy đinh sắt đóng vào tay nó, chân nó, lại dùng một cây đinh đóng vào tim. Ở đó, nó chịu khổ đau thật không thể nói. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra.

“Lúc này, ngục tốt lại bắt tội nhân chống ngược thân, đưa vào trong vạc. Khi ấy, phần dưới thân đều chín rực hết; hoặc trở lên phần trên cũng lại đều chín rực; cho đến bốn bên cũng chín rực hết, đau đớn khổ độc không thể tính hết, nổi cũng rực, không nổi cũng rực. Giống như nồi lớn mà nấu đậu nhỏ, có lớp ở trên hay ở dưới. Tội nhân này cũng lại như vậy, nổi cũng rực, không nổi cũng rực. Ở đó, chịu khổ không thể kể hết. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra.

“Tỳ-kheo nên biết, sau một thời gian dài trải qua nhiều năm trong địa ngục này, cửa đông mới mở. Khi ấy, tội nhân lại chạy đến cửa, cửa tự nhiên đóng. Lúc đó, những người kia đều ngã xuống đất. Ở đó, khổ sở không thể nói hết, chúng oán trách lẫn nhau: ‘Do các người mà ta không được ra cửa.’”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người ngu thường vui thích
Như ở trời Quang âm.
Người trí thường lo nghĩ,
Giống như tù trong ngục.*

“Sau khi trải qua trong đại địa ngục trăm ngàn vạn năm, cửa bắc lại mở. Lúc ấy, tội nhân lại chạy về cửa bắc. Cửa liền đóng lại. Chỉ khi nào tội hết, sau đó mới được thoát ra. Tội nhân kia trải qua hàng trăm vạn năm mới lại được thoát. Những tội đã tạo ra trong khi làm người, cốt phải trừ cho hết.

“Lúc này, ngục tốt lại bắt tội nhân, dùng búa sắt chém thân tội nhân, trải qua bao nhiêu [676a01] tội như vậy, khiến cho sửa đổi. Chỉ khi nào tội khổ hết hẳn, sau đó mới được ra.

“Tỳ-kheo nên biết, sau một thời gian, cửa phía đông lại mở một lần nữa. Lúc ấy, những chúng sanh kia chạy đến cửa đông thì cửa tự đóng lại, không ra được. Nếu ra được, bên ngoài có núi lớn mà nó phải chạy đến. Khi nó vào trong núi, bị hai núi ép lại, giống như ép dầu mè. Ở đó, chịu khổ không thể kể hết. Chỉ khi nào hết khổ, sau đó mới được ra.

“Bấy giờ, tội nhân chuyển dịch được tới trước, lại gặp địa ngục tro nóng,¹¹ ngang dọc hàng ngàn vạn do tuần. Ở đó, chịu khổ không thể kể hết, cốt phải hoàn tất nguồn tội kia, sau đó mới được ra.

“Kể đến, lại chuyển tới trước nữa, có địa ngục dao đâm.¹² Khi tội nhân vào trong địa ngục đao kiếm này, chợt có gió mạnh nổi lên phá nát gân cốt thân thể tội nhân. Ở đó, chịu khổ không thể kể hết. Cốt khiến cho hết tội, sau đó mới được ra.

“Lại nữa, có địa ngục tro nóng lớn.¹³ Khi tội nhân vào trong địa ngục tro nóng lớn này, thân thể tan rã, chịu khổ vô cùng. Cốt khiến cho hết tội, sau đó mới được ra.

“Khi tội nhân tuy thoát khỏi địa ngục tro rất nóng này, nhưng lại gặp địa ngục đao kiếm,¹⁴ ngang dọc hàng ngàn

¹¹ Nhiệt hôi địa ngục 熱灰地獄.

¹² Đao thích địa ngục 刀刺地獄.

¹³ Đại nhiệt hôi địa ngục 大熱灰地獄.

¹⁴ Đao kiếm địa ngục 刀劍地獄.

vạn dặm. Khi tội nhân vào trong địa ngục đao kiếm này, ở đó, chịu khổ không thể kể hết. Cốt khiến cho hết tội, sau đó mới được ra.

“Lại nữa, có địa ngục phân sôi¹⁵ trong đó có trùng nhỏ, ăn vào tận xương tủy người này. Tuy ra được địa ngục này, nhưng lại gặp ngay ngục tốt. Lúc này, ngục tốt hỏi tội nhân: ‘Các ông muốn đến đâu? Từ đâu lại?’ Tội nhân đáp: ‘Chúng tôi không biết từ chỗ nào lại. Cũng lại không biết phải đến chỗ nào. Nhưng hiện nay, chúng tôi đang đói khôn cùng, muốn được ăn.’ Ngục tốt đáp: ‘Chúng tôi sẽ cho ăn.’ Khi ấy, ngục tốt bắt tội nhân nằm ngửa, lấy viên sắt nóng lớn bắt tội nhân nuốt. Thiêu đốt, khiến tội nhân chịu khổ không thể kể hết. Lúc đó, viên sắt nóng từ miệng xuống qua dạ dày, ruột chín hết, chịu khổ khó lường. Cốt khiến cho hết tội, sau đó mới được ra.

“Song những tội nhân này không kham chịu những thống khổ này, nên trở lại các địa ngục phân nóng, địa ngục đao kiếm, địa ngục tro nóng lớn. Khi chúng trở lại những địa ngục như vậy, lúc bấy giờ những chúng sanh kia không kham chịu nổi khổ, bèn quay [676b01] đầu lại, đến trong địa ngục phân nóng. Lúc ấy, ngục tốt bảo những chúng sanh kia: ‘Các ông muốn đi đâu? Từ đâu đến?’ Tội nhân đáp: ‘Chúng tôi không thể biết từ đâu đến. Nay lại cũng không biết phải đi đâu.’ Ngục tốt hỏi: ‘Nay cần gì?’ Tội nhân đáp: ‘Chúng tôi rất khát, muốn cần uống nước.’ Khi ấy, ngục tốt bắt tội nhân nằm ngửa, rót đồng sôi vào miệng khiến cho chảy xuống. Ở đó, chịu tội không thể kể hết, cốt khiến cho hết tội, sau đó mới được ra.

“Bấy giờ, tội nhân kia không chịu nổi khổ này, nên trở về

¹⁵ Phát thi địa ngục 沸屎地獄.

địa ngục phân sôi, địa ngục rừng kiếm, địa ngục tro nóng rồi trở vào đại địa ngục.

“Tỳ-kheo nên biết, lúc ấy tội nhân thống khổ khó có thể kể hết. Nếu tội nhân kia mắt thấy sắc, tâm không ưa thích. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết mịn nhẵn, ý biết pháp, cũng đều phát sanh sân nhuế.¹⁶ Vì sao vậy? Vì xưa không tạo báo hạnh lành mà thường tạo nghiệp ác, nên đưa đến tội này.

“Lúc ấy, Diêm-la vương bảo tội nhân kia: ‘Các người không được thiện lợi. Xưa kia ở nhân gian, hưởng phước nhân gian, mà thân, miệng, ý hành không tương ưng, cũng không bố thí, nhân ái, lợi người, đặng lợi,¹⁷ vì vậy nên nay chịu nỗi khổ này. Hành vi ác này chẳng phải do cha mẹ tạo, cũng không phải quốc vương, đại thần tạo ra. Có các chúng sanh thân, miệng, ý thanh tịnh không có nhiễm ô giống như trời Quang âm. Có các chúng sanh tạo các hạnh ác, giống như trong địa ngục; thân, miệng, ý các ông bất tịnh nên đưa đến tội này.’

“Các Tỳ-kheo nên biết, Diêm-la vương liền nói: ‘Ngày nào tôi sẽ thoát nạn khổ này, được sanh trong loài người, được làm thân người, mong được xuất gia cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo.’

“Diêm-la vương còn nghĩ vậy, hưởng chi các người, nay được thân người, được làm sa-môn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, thường hãy niệm thực hành thân, miệng, ý hành đừng cho thiếu sót. Hãy trừ năm kết sử, tu hành năm căn.

¹⁶ Đoạn này mô tả địa ngục có tên là Sáu Xúc xứ, nhưng bản Hán không dịch rõ hết ý. Xem *Trung*, kinh 131 (Hàng ma); *Tạp* (Việt) kinh 212. Pāli: *Chaphassāyatana* (M. i. 337).

¹⁷ Bốn nhiếp sự.

Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật cùng đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị, ở trong vườn Lộc Mẫu, khu vườn phía đông,¹⁹ nước Xá-vệ.

Bây giờ, tháng bảy, [676c01] ngày mười lăm, Thế Tôn trải tòa ngồi giữa khoảng đất trống, các Tỳ-kheo trước sau vây quanh. Phật bảo A-nan:

“Nay, nơi đất trống, người mau đánh kiền chùy. Vì sao vậy? Vì ngày rằm tháng bảy là ngày thọ tuế.”

Lúc ấy, Tôn giả A-nan gồi phải quỳ sát đất, chấp tay, liền nói kệ này:

*Đáng Tịnh Nhãn vô thượng,
Thông suốt tất cả việc;
Trí huệ không đắm nhiễm:
Thọ tuế, nghĩa là gì?*

Bấy giờ, Thế Tôn liền dùng kệ đáp A-nan:

*Thọ tuế, ba nghiệp tịnh;
Việc làm thân, miệng, ý.
Hai Tỳ-kheo đối nhau,*

¹⁸ Tham chiếu Pāli, S 8.7 Pavāraṇā (R. i. 190). Hán, *Trung* 29, kinh 121 Thỉnh thỉnh.

¹⁹ Đông uyển Lộc Mẫu viên 東苑鹿母園. Pāli: Một tòa nhà do bà Visakhā dựng gọi là Migāramātupāsāda (Lộc Tử Mẫu giảng đường), ở Pubbārāma, khu vườn phía đông thành Xá-vệ.

Tăng nhất A-hàm

*Tự trình chỗ sai trái.
Lại tự xưng tên chữ”
‘Hôm nay Chúng thọ tuệ,
Tôi cũng ý tịnh, thọ.
Cúi xin chỉ lỗi tôi.’*

Bấy giờ, A-nan lại dùng kệ hỏi nghĩa này:

*Hằng sa Phật quá khứ,
Bích-chi và Thanh văn;
Đây là pháp chư Phật,
Hay chỉ Thích-ca Văn?*

Bấy giờ, Phật lại dùng kệ đáp A-nan:

*Hằng sa Phật quá khứ,
Đệ tử tâm thanh tịnh.
Đều là pháp chư Phật
Chẳng riêng Thích-ca Văn.*

*Bích-chi không pháp này;
Không tuổi, không đệ tử;
Một mình không bạn bè;
Không nói pháp cho người.*

*Phật Thế Tôn vị lai,
Hằng sa không thể tính,
Lại cũng thọ tuổi này;
Như pháp Cô-đàm nay.*

Sau khi nghe những lời này rồi, Tôn giả A-nan vui mừng hớn hở, không tự dùng được, liền lên giảng đường, tay cầm kiền chùy nói:

“Hôm nay, tôi đánh trống đưa tin của Như Lai, các chúng đệ tử Như Lai đều phải tập họp hết.”

Tôn giả lại nói kệ này:

*Hàng phục sức ma oán;
Trừ sạch kết không còn;
Đất trống, đánh kiền chùy:
Tỳ-kheo nghe hãy họp.*

*Những người muốn nghe pháp,
Vượt qua biển sanh tử,
Nghe âm vi diệu này,
Hãy tập họp về đây.*

[677a01] Sau khi đánh kiền chùy xong, Tôn giả A-nan đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một phía, bạch Thế Tôn:

“Đã đến giờ, cúi xin Thế Tôn chỉ dạy những gì?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

“Người hãy ngồi theo thứ lớp. Như Lai tự biết thời.”

Thế Tôn ngồi xuống đệm cỏ, bảo các Tỳ-kheo:

“Tất cả các người hãy ngồi hết xuống đệm cỏ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Các Tỳ-kheo đều ngồi xuống đệm cỏ. Bấy giờ, Thế Tôn im lặng quán sát các Tỳ-kheo, rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Ta nay muốn thọ tuệ. Đối với mọi người, Ta không có lỗi gì chăng? Thân, miệng, ý cũng không có phạm chăng?”

Như Lai nói những lời này xong, các Tỳ-kheo im lặng không đáp. Bấy giờ, Ngài hỏi các Tỳ-kheo lại lần thứ ba:

“Hôm nay, Ta muốn thọ tuệ. Song đối với mọi người, Ta không có lỗi gì chăng?”

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ

gối, chấp tay bạch Thế Tôn:

“Các chúng Tỳ-kheo quán sát, Như Lai không có lỗi nơi thân, miệng, ý. Vì sao vậy? Thế Tôn đã độ cho người chưa được độ, đã giải thoát cho người chưa giải thoát, khiến Bát Niết-bàn cho người chưa Bát Niết-bàn, đã cứu giúp cho người chưa được cứu giúp, làm con mắt cho người mù, vì người bệnh làm đại y vương, là đáng Độc tôn trong ba cõi, không ai sánh bằng, là đáng Tối tôn thượng, khiến phát đạo tâm cho người chưa phát đạo tâm. Mọi người chưa tỉnh, Thế Tôn khiến lay tỉnh; người chưa nghe, khiến cho nghe; vì người mê mà tạo đường tắt, luôn đưa về Chánh pháp. Vì những duyên sự này, Như Lai không có lỗi đối với mọi người, cũng không có lỗi nơi thân miệng ý.”

Rồi Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn tiếp:

“Nay con hướng về Như Lai, tự phát lồ. Không biết đối với Như Lai cùng Tăng Tỳ-kheo, con có lỗi gì không?”

Thế Tôn bảo:

“Này Xá-lợi-phất, nay những việc làm thân, miệng, ý của người hoàn toàn đúng hạnh. Vì sao vậy? Người có trí huệ không ai sánh kịp, trí huệ biết các chủng loại, trí huệ vô lượng, trí vô biên, trí không gì bằng, trí bén nhạy, trí nhanh nhẹn, trí sâu xa, trí bình đẳng, ít muốn, biết đủ, thích nơi vắng, có nhiều phương tiện,²⁰ niệm không tán loạn, đạt tam-muội tổng trì, đầy đủ căn nguyên, thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến huệ, dũng mãnh, hay nhẫn, lời nói không ác, không làm điều phi pháp, tâm tánh điều hòa thứ lớp, không làm sơ suất. Giống như thái

²⁰ Nhiều phương tiện, đây hiểu là nhiều tinh tấn.

tử lớn của Chuyển luân Thánh vương, sẽ nổi [677b01] ngôi vua, chuyển vận bánh xe pháp. Xá-lợi-phất cũng vậy, chuyển vận bánh xe pháp vô thượng, mà chư thiên, loài người, rồng, quỷ, ma và thiên ma đều không thể chuyển. Nay lời người nói ra thường như nghĩa pháp, chưa từng trái lý.”

Khi ấy, Xá-lợi-phất bạch với Phật:

“Năm trăm Tỳ-kheo này đều đáng thọ tuế. Năm trăm người này đối với Như Lai đều không có lỗi gì chăng?”

Thế Tôn nói:

“Cũng không có gì phải trách, các hành vi bởi thân, miệng, ý của năm trăm Tỳ-kheo này. Vì sao vậy? Nay Xá-lợi-phất, đại chúng trong đây rất là thanh tịnh, không có tỳ vết. Nay người thấp nhất trong chúng này, cũng đắc đạo Tu-đà-hoàn, nhất định tiến đến pháp bất thối chuyển. Vì vậy Ta không thể chê trách họ.”

Khi ấy, Đa-kỳ-xa²¹ rời khỏi chỗ ngồi đến trước Thế Tôn đánh lễ sát chân rồi bạch Thế Tôn: “Con có điều muốn nói.”

Thế Tôn bảo: “Muốn nói gì thì hãy nói đi.”

Đa-kỳ-xa liền ca ngợi Phật và chúng Tăng ngay trước mặt đức Phật bằng bài kệ sau:

*Vào ngày rằm thanh tịnh,
Họp năm trăm Tỳ-kheo,
Đã giải thoát các kết,
Không ái, không tái sanh.*

²¹ Đa-kỳ-xa 多耆奢. Pāli: Vaṇṇisa. Trên kia, kinh 3 phẩm 4, âm là Bằng-kỳ-xá 鵬耆舍.

*Vua Chuyển luân Đại Thánh
Được quần thần vây quanh,
Đi khắp các thế giới,
Trên trời và thế gian.

Đại tướng tôn quý nhất,
Đạo sư dẫn dắt người.
Đệ tử vui đi theo,
Đủ ba đạt sáu thông,

Là con Phật chơn chánh,
Không có chút bụi dơ,
Cắt bỏ sạch ái dục;
Nay con xin quy y.*

Khi ấy, đức Thế Tôn ẩn khả những lời của Đa-kỳ-xa. Đa-kỳ-xa thấy Như Lai ẩn khả lời mình nói, nên vui mừng phấn chấn, đứng dậy lễ Phật, rồi trở lại chỗ ngồi.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Đệ tử nói kệ đứng đầu trong hàng Thanh văn chính là Tỳ-kheo Đa-kỳ-xa. Nói lời không có gì đáng nghi ngờ chính là Tỳ-kheo Đa-kỳ-xa.”²²

Lúc ấy, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại khu Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyet, cùng chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, trên trời Tam thập Tam [677c01] có một thiên tử từ thân hình xuất hiện năm điềm báo hiệu sắp chết.

²² Xem kinh 3 phẩm 4 trên.

Những gì là năm? Một là vòng hoa trên đầu bị héo. Hai là y phục bụi bẩn. Ba là nách đỏ mồ hôi. Bốn là không vui chỗ ngồi của mình. Năm là ngọc nữ phản bội. Thiên tử ấy buồn rầu khổ não, đầm ngực than thở. Nghe vị thiên tử buồn rầu khổ não, đầm ngực than thở, Thích Đề-hoàn Nhân liền sai một thiên tử đến chỗ ấy xem, âm thanh gì mà từ đó vang đến đây.

Thiên tử ấy trả lời: “Thiên vương²³ nên biết, hôm nay có một thiên tử sắp mạng chung, có năm điềm báo hiệu sắp chết. Một là vòng hoa trên đầu bị héo. Hai là y phục bụi bẩn. Ba là nách đỏ mồ hôi. Bốn là không vui chỗ ngồi của mình. Năm là ngọc nữ phản bội.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ vị thiên sắp lâm chung, nói với vị ấy rằng:

“Vì sao hôm nay ông buồn rầu khổ não đến như vậy?”

Thiên tử đáp: “Thưa Tôn giả Nhân-đề²⁴, làm sao không buồn rầu khổ não được khi tôi sắp chết rồi. Có năm điềm báo hiệu sắp chết. Một là vòng hoa trên đầu bị héo. Hai là y phục bụi bẩn. Ba là nách đỏ mồ hôi. Bốn là không vui chỗ ngồi của mình. Năm là ngọc nữ phản bội. Nay cung điện bảy báu này sẽ mất hết. Năm trăm ngọc nữ cũng sẽ tan tác như sao. Món cam lộ mà tôi ăn không còn mùi vị.”

Thích Đề-hoàn Nhân nói với thiên tử ấy:

“Ông há không nghe Như Lai nói kệ sao?

*Các hành là vô thường.
Có sinh ắt có chết.*

²³ Đế bản: 天子 thiên tử; TNM: 天王 thiên vương.

²⁴ 因提 *nhân-đề*, Phạn văn hỗn chủng: *inde*, hô cách (< Pāli *Inda*. Skt. *Indra*), thiên đế.

Tăng nhất A-hàm

*Không sinh thì không chết.
Diệt này là vui nhất.*

“Vì sao nay ông buồn lo đến như vậy? Tất cả hành là vật vô thường, muốn cho có thường thì điều này không thể.”

Thiên tử đáp:

“Thế nào, Thiên đế, tôi không sầu ưu sao được? Nay tôi mang thân trời thanh tịnh không vết nhơ, ánh sáng như mặt trời mặt trăng chiếu khắp mọi nơi, mà bỏ thân này rồi, sẽ sanh vào bụng heo trong thành La-duyet, sống thường ăn phân, chết thì bị dao mổ xẻ.”

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân bảo thiên tử kia:

“Nay ông nên tự quy y Phật, Pháp, chúng Tăng. Có thể khi ấy không đọa vào ba đường dữ.”

Thiên tử đáp:

“Há quy y Tam bảo mà không đọa vào ba đường dữ sao?”

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

“Thật vậy, Thiên tử. Ai quy y Tam tôn, không bao giờ rơi vào ba đường dữ.”

Như Lai cũng nói kệ này:

*[678a01] Những ai quy y Phật,
Không đọa ba đường dữ.
Lậu tận, nơi trời người,
Rồi sẽ đến Niết-bàn.*

Thiên tử kia hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

“Nay Như Lai đang ở đâu?”

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

“Như Lai hiện đang ở tại Ca-lan-đà, trong Trúc viên,

thành La-duyet, nước Ma-kiệt-đà cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.”

Thiên tử nói:

“Nay tôi không còn đủ sức đến đó hầu thăm Như Lai nữa.”

Thích Đề-hoàn Nhân bảo:

“Thiên tử nên biết, hãy quỳ gối phải sát đất, chấp tay hướng về phương dưới mà nói rằng: ‘Cúi xin Thế Tôn xem xét đến cho. Nay con sắp cùng đường. Xin thương xót cho. Nay con tự quy y Tam tôn, Như Lai, Vô sở trước.’”

Bấy giờ, Thiên tử kia theo lời Thích Đề-hoàn Nhân, quỳ xuống, hướng xuống phương dưới, tự xưng tên họ, tự quy y Phật, Pháp, Tăng, nguyện suốt đời làm người Phật tử chơn chánh, chẳng màng thiên tử. Cho đến ba lần nói những lời này. Như vậy rồi, không còn dọa vào thai heo, mà sẽ sanh vào nhà Gia chủ.

Thiên tử kia sau khi thấy nhân duyên này rồi, quay về Thích Đề-hoàn Nhân mà nói kệ này:

*Duyên lành chẳng phải dữ,
Vi pháp chẳng vì của.
Dẫn dắt theo đường chánh
Điều này Thế Tôn khen.*

*Nhờ Ngài không dọa ác,
Thai heo, nhân thật khó.
Sẽ sanh nhà gia chủ,
Nhờ đó sẽ gặp Phật.*

Khi ấy, Thiên tử tùy theo tuổi thọ ngắn dài, sau đó sinh vào nhà Gia chủ trong thành La-duyet. Lúc đó, vợ gia

Tăng nhất A-hàm

chủ tự biết mình có thai, gần đủ mười tháng, sanh ra một nam nhi, xinh đẹp vô song, hiếm có trên đời. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân khi đã biết cậu bé vừa lên mười tuổi, nhiều lần đến bảo:

“Ngươi hãy nhớ lại nhân duyên đã làm trước kia, tự nói rằng: ‘Tôi sẽ nhờ đó thấy Phật.’ Nay thật đã đúng lúc. Nên gặp Thế Tôn. Nếu không đến, sau tất sẽ hối hận.”

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến giờ khoác y mang bát vào thành La-duyet khát thực, dần dần đến nhà gia chủ kia, đứng yên lặng ngoài cửa.

Khi con gia chủ thấy Xá-lợi-phất khoác y mang bát dung mạo khác thường, liền đến trước Xá-lợi-phất thưa rằng:

“Ngài là ai? [678b01] Đệ tử của ai? Đang hành pháp gì?”

Xá-lợi-phất nói:

“Thầy ta xuất thân dòng họ Thích, ở trong đó mà xuất gia học đạo. Thầy được gọi là Như Lai Chí chơn, Đẳng chánh giác. Ta thường theo vị ấy thọ pháp.”

Khi ấy, cậu bé liền hướng về Xá-lợi-phất mà nói kệ này:

*Tôn giả nay đứng im,
Ôm bát, tướng mạo nghiêm;
Nay muốn xin những gì?
Cùng đứng với ai đó?*

Xá-lợi-phất dùng kệ đáp lại:

*Nay ta không xin của;
Cũng chẳng xin cơm áo.
Vì cậu nên đến đây.
Xét kỹ, nghe ta nói!
Nhớ lời xưa cậu nói,*

*Lúc phát thệ trên trời:
'Cõi người sẽ gặp Phật.'
Nên đến báo cùng cậu.*

*Khó gặp Phật ra đời.
Nghe thuyết pháp cũng vậy.
Thân người khó thể được
Giống như hoa ưu đàm.*

*Cậu hãy đi theo tôi,
Cùng đến hầu Như Lai.
Phật sẽ nói cho cậu
Đường chính đến thiện xứ.*

Sau khi nghe Xá-lợi-phất nói, cậu liền đi đến chỗ cha mẹ, lạy sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, con gia chủ thưa cha mẹ rằng:

“Cúi xin cha mẹ cho phép con đến chỗ Thế Tôn thưa sự, đánh lễ, thăm hỏi sức khỏe.”

Cha mẹ đáp:

“Nay là lúc thích hợp.”

Khi ấy, con gia chủ sắm sửa hương hoa cùng một tấm gạ trắng tốt, rồi theo Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên.

Lúc ấy, Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn:

“Đây là con gia chủ đang sống trong thành La-duyet này, không biết đến Tam bảo. Cúi xin Thế Tôn khéo vì cậu mà thuyết pháp khiến được độ thoát.”

Khi ấy, con gia chủ thấy Thế Tôn uy dung đoan chánh, các căn tịch tịnh, có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp hiển hiện ngoài thân, cũng như núi Tu di vương; mặt như mặt trời, mặt trăng, nhìn mãi không chán, liền đến trước

lễ sát chân, rồi đứng qua một bên.

Rồi con gia chủ rải hương hoa lên thân Như Lai, lại đem tám đĩa trắng mới dâng cho Như Lai, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một phía.

Bấy giờ, Thế Tôn tuân tự thuyết pháp cho cậu. Ngài nói các đề tài về bố thí, tri giới, sanh thiên, dục là bất tịnh, là hữu lậu, là tai họa lớn, xuất gia là thiết yếu. Khi Thế Tôn biết [678c01] cậu bé đã tâm mở ý thông, như pháp thường mà chư Phật Thế Tôn nói, là khổ, tập, diệt, đạo; bấy giờ, Thế Tôn cũng vì con gia chủ kia mà nói hết. Lúc đó, ngay trên chỗ ngồi, con gia chủ dứt sạch trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh, không còn trần cấu.

Bấy giờ, con gia chủ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép con được xuất gia làm sa-môn.”

Thế Tôn bảo:

“Phàm người làm đạo, chưa từ biệt cha mẹ thì không được làm Sa-môn.”

Lúc ấy, con gia chủ bạch Thế Tôn:

“Con sẽ xin cha mẹ cho phép.”

Thế Tôn bảo:

“Nay là lúc thích hợp.”

Bấy giờ, con gia chủ từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân lui đi. Trở về đến nhà, cậu thưa với cha mẹ rằng:

“Cúi xin cho phép con được làm Sa-môn!”

Cha mẹ đáp:

“Hiện tại chúng ta chỉ có một mình con. Trong nhà sinh

nghiệp lại nhiều tiền của. Hành pháp sa-môn thật là không dễ!”

Con Gia chủ thưa:

“Nhu Lai xuất thế ức kiếp mới có, thật không dễ gặp. Thật lâu mới xuất hiện. Như hoa ưu-đàm-bát, thật lâu mới có; cũng vậy, Nhu Lai ức kiếp mới xuất hiện.”

Lúc này, cha mẹ của con gia chủ cùng than thở nhau nói rằng:

“Nay đã đúng lúc, con cứ tùy nghi.”

Lúc ấy, con gia chủ lạy sát chân, rồi từ biệt ra đi. Đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, con gia chủ kia bạch Thế Tôn:

“Cha mẹ con đã cho phép. Cúi xin Thế Tôn cho phép con hành đạo.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

“Ông hãy độ con gia chủ này cho làm sa-môn.”

Xá-lợi-phất đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Xá-lợi-phất vâng theo lời Phật dạy, độ cho cậu bé làm sa-di, hằng ngày dạy dỗ. Sa-di kia ở tại nơi vắng vẻ, tự khắc phục, tu tập, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, tu phạm hạnh vô thượng, là vì muốn được lìa khổ. Lúc ấy, sa-di thành A-la-hán. Rồi đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

“Nay con đã thấy Phật, nghe pháp, không có nghi ngờ gì nữa.”

Thế Tôn bảo:

Tăng nhất A-hàm

“Nay ông như thế nào là thấy Phật, nghe Pháp, không có nghi ngờ gì nữa?”

Sa-di bạch Phật:

“Sắc là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ là vô ngã. Vô ngã tức là không. Không là chẳng phải có, chẳng phải không có, cũng không có ngã. Như vậy là điều được [679a01] người trí giác tri. Thọ*, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ là vô ngã. Vô ngã tức là không. Không là chẳng phải có, chẳng phải không có, cũng không có ngã. Như vậy là điều được người trí giác tri. Năm thủ uẩn này là vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng phải có, nhiều điều khổ não, không thể chữa trị, thường ở chỗ hôi hám, không thể giữ lâu, tất quán không có ngã. Hôm nay, con quan sát Pháp này, liền thấy Như Lai.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay Sa-di! Ta tức thì cho phép ông làm Sa-môn đó.”

Sa-di kia, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Tôn giả Na-la-đà²⁶ ở trong vườn trúc của một gia chủ,²⁷ nước Ba-la-lê.²⁸ Bảy giờ, đệ nhất phu nhân²⁹

²⁵ Tham chiếu Pāli, A V 50 Nāradasutta (R.iii. 57)

²⁶ Na-la-đà 那羅陀.

²⁷ Trưởng giả Trúc Lâm 長者竹林. Xem cht. dưới.

vua Văn-trà³⁰ qua đời. Bà rất được vua yêu kính, luôn luôn nhớ tưởng trong lòng. Lúc đó, có một người đến chỗ vua tâu rằng:

“Đại vương nên biết, nay Đệ nhất phu nhân đã qua đời.”

Lúc vua nghe phu nhân vô thường, trong lòng sầu ưu, bảo người vừa đến rằng:

“Người mau chóng khiêng tử thi phu nhân tẩm trong dầu mè cho ta thấy.”

Lúc đó, người kia vâng lệnh vua, liền đem xác phu nhân tẩm trong dầu mè.

Sau khi nghe phu nhân mất, vua trong lòng sầu não cực kỳ, không ăn uống, không trị theo vương pháp, không xử lý việc triều đình. Khi ấy, tâu hữu có một người tên Thiện Niệm,³¹ thường cầm kiếm hầu đại vương. Ông tâu đại vương:

“Đại vương nên biết, trong nước này có sa-môn tên là Na-la-đà đã đắc A-la-hán, có thần túc lớn, hiểu rộng, biết nhiều, không việc gì không rành rẽ, biện tài dũng tuệ, nói chuyện thường hàm tiếu. Xin vua hãy đi đến đó nghe vị ấy thuyết pháp. Nếu vua nghe pháp, sẽ không còn ưu sầu khổ não nữa.”

Vua đáp:

“Lành thay, lành thay, khanh khéo nói những lời này.

²⁸ Ba-la-lê quốc 波羅梨國. Pāli, trú tại Pāṭaliputta, trong già-lam Kukkuṭārāma.

²⁹ Pāli: Vương phi Bhaddā.

³⁰ Văn-trà vương 文茶王. Pāli, Muṇḍa.

³¹ Thiện Niệm 善念. Pāli: Piyaka, quan Thủ khổ (Kosāraṅkha).

Tăng nhất A-hàm

Thiện Niệm, nay khanh đến đó báo trước sa-môn kia. Vì sao vậy? Vì phạm Chuyển luân Thánh vương muốn đến chỗ nào thì phải sai người đi trước. Nếu không sai người báo trước mà đến, điều này không thể.”

Thiện Niệm đáp:

“Tuân lệnh đại vương.”

Rồi ông tuân lệnh của vua, đi vào trong vườn trúc gia chủ, đến chỗ Na-la-đà. Đến nơi, ông đánh lễ sát chân ngài, rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, Thiện Niệm bạch Tôn giả Na-la-đà:

“Ngài biết cho, Phu nhân đại vương đã qua đời. Nhân khô não này, vua không ăn, không uống, cũng lại không trị vương pháp, không xử quốc sự. Nay vua muốn đến hầu thăm [79b01] Tôn nhan. Cúi xin Ngài khéo vì vua mà thuyết pháp, khiến vua không còn sầu khổ.”

Na-la-đà nói:

“Muốn đến thì nay là lúc thích hợp.”

Thiện Niệm nghe dạy rồi, liền đánh lễ sát chân mà lui đi. Về đến chỗ vua, ông tâu rằng:

“Tôi đã báo cho sa-môn rồi, xin Vua biết cho.”

Vua liền sai Thiện Niệm:

“Hãy nhanh chuẩn bị xe gắn lông chim báu*. Nay ta muốn tương kiến cùng Sa-môn.”

Thiện Niệm liền chuẩn bị xe gắn lông chim báu*. Rồi đến trước tâu vua:

“Xe đã chuẩn bị xong, Vua biết cho, đã đúng giờ.”

Bấy giờ, vua lên xe gắn lông chim báu* ra khỏi thành,

đến chỗ Na-la-đà, đi bộ vào trong vườn trúc gia chủ. Theo phép Nhân vương, vua phải cỡi năm thứ nghi trượng bỏ sang một bên, rồi đến chỗ Na-la-đà, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên.

Lúc ấy, Na-la-đà nói với vua:

“Đại vương nên biết, đừng vì pháp mộng huyễn khởi sầu ưu, đừng vì pháp bọt nổi cùng vốc tuyệt mà khởi sầu ưu, lại cũng không thể vì tướng pháp như hoa mà khởi sầu ưu. Vì sao vậy? Nay có năm việc thật không thể được, đó là những điều Như Lai đã nói. Những gì là năm? Phàm vật phải tận, muốn cho không tận, điều này không thể được. Phàm vật phải diệt, muốn cho không diệt, điều này không thể được. Phàm pháp phải già, muốn cho không già, điều này không thể được. Lại nữa, phàm pháp phải bệnh, muốn cho không bệnh, điều này không thể được. Lại nữa, phàm pháp phải chết, muốn cho không chết, điều này không thể được. Nay Đại vương, đó gọi là có năm việc thật không thể được này, đó là những điều Như Lai đã nói.”

Bấy giờ, Na-la-đà liền nói kệ này:

*Không phải do sầu lo,
Mà được phước lành này.
Nếu trong lòng sầu ưu,
Bị ngoại cảnh chi phối.*

*Nếu như người có trí
Quyết không tư duy vậy,
Nên ngoại địch phải sầu,
Vì không chi phối được.*

*Đủ oai nghi lễ tiết;
Ham thí không tâm tiếc;*

*Nên cầu phương tiện này,
Khiến được lợi lớn kia.*

*Giả sử không thể được,
Ta và những người ấy
Không sâu cũng không hoạn:
Hành báo biết thế nào?*

“Đại vương nên biết, vật phải bị mất, nó sẽ mất. Khi nó đã mất, khiến cho sâu [679c01] ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: ‘Người yêu của ta ngày nay đã mất.’ Đó gọi là cái gì phải bị mất, thì nó mất, ở đó mà khởi sâu ưu khổ não, đau đớn không thể tả. Nay Đại vương, đó gọi là gai sâu thứ nhất đâm dính tâm ý. Người phạm phu có pháp này, không biết xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết từ đâu đến.

“Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh có học, đối với vật phải bị mất, khi nó mất, vị ấy không khởi sâu ưu khổ não, mà sẽ học điều này: ‘Nay cái mà ta bị mất, chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sâu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sâu ưu, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rức phiền muộn. Do gốc duyên này, đưa đến mạng chung.’ Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

“Lại nữa Đại vương, vật phải bị diệt, nó sẽ diệt. Khi nó đã diệt, liền khiến sâu ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: ‘Vật ta yêu hôm nay đã diệt.’ Đó gọi là vật phải bị diệt, thì nó diệt, ở đó mà khởi sâu ưu khổ não, đau đớn không thể tả. Nay Đại vương, đó gọi là gai sâu thứ hai đâm dính tâm ý thứ hai. Người phạm phu có pháp này, không biết xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết từ đâu đến.

“Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh có học, đối với vật phải bị diệt, khi nó diệt, vị ấy không khởi sầu ưu khổ não, mà sẽ học điều này: ‘Nay cái mà ta bị diệt, chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu lo, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rức phiền muộn. Do gốc duyên này, liền đưa đến mạng chung.’ Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

“Lại nữa Đại vương, vật phải bị già, nó sẽ già. Khi nó đã già, liền khiến sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: ‘Vật ta yêu hôm nay đã già.’ Đó gọi là phải bị già, thì nó già, ở đó, khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả. Nay Đại vương! Đó gọi là gai sầu thứ ba đâm dính tâm ý. Người phạm phu có pháp này, không biết chỗ đến, xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết.

“Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh có học, đối với vật phải bị già, nó liền già, lúc đó, người kia không khởi sầu ưu khổ não thường học những điều này: ‘Nay cái mà ta [680a01] bị già chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu lo, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rức phiền muộn. Do gốc duyên này, liền đưa đến mạng chung.’ Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

“Lại nữa Đại vương, vật phải bị bệnh, nó sẽ bệnh. Khi nó đã bệnh, liền khiến sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả. ‘Vật ta yêu hôm nay đã bệnh.’ Đó gọi là vật phải bị bệnh thì nó bệnh, ở đó, khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không

thể tả. Nay đại vương! Đó gọi là gai sâu thứ tư đâm dính tâm ý. Người phạm phu có pháp này, không biết chỗ đến, xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết.

“Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh có học, đối với vật phải bị bệnh, nó liền bệnh, lúc đó, người kia không khởi sầu ưu khổ não thường học những điều này: ‘Nay cái mà ta bị bệnh chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu lo, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rức phiền muộn. Do gốc duyên này, liền đưa đến mạng chung.’ Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

“Lại nữa Đại vương, vật phải bị chết, nó sẽ chết. Khi nó đã chết, liền khiến sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả, rằng: ‘Vật ta yêu hôm nay đã chết.’ Đó gọi là vật phải bị chết, nó liền chết, ở đó, khởi sầu ưu khổ não, đau đớn không thể tả. Nay Đại vương! Đó gọi là gai sâu thứ năm đâm dính tâm ý. Người phạm phu có pháp này, không biết chỗ đến, xuất xứ của sinh, già, bệnh, chết.

“Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh có học, đối với vật phải bị chết, nó liền chết, lúc đó, người kia không khởi sầu ưu khổ não thường học những điều này: ‘Nay cái mà ta bị chết chẳng phải một mình thôi, người khác cũng bị pháp này. Nếu ở đó, ta khởi sầu ưu thì điều này không thích hợp. Hoặc sẽ làm cho thân tộc khởi sầu lo, oan gia thì vui mừng; ăn không tiêu hóa tức sẽ thành bệnh, thân thể bức rức phiền muộn. Do gốc duyên này, liền đưa đến mạng chung.’ Bấy giờ, vị ấy trừ bỏ gai nhọn ưu lo, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không còn pháp tai nạn khổ não nữa.

Lúc ấy, đại vương bạch Tôn giả Na-la-đà:

“Đó gọi là pháp gì và nên phụng hành thế nào?”

Na-la-đà nói:

“Kinh này gọi là trừ mọi hoạn ưu sầu, nên ghi nhớ phụng hành.”

Thời Đại vương nói:

“Đúng như [680b01] lời Ngài nói, trừ bỏ sầu ưu. Vì sao vậy? Vì sau khi nghe pháp này rồi, những gì là sầu khổ nơi tôi, hôm nay đã được trừ hẳn. Nếu Tôn giả có điều gì chỉ dạy, mong hãy thường vào cung, tôi sẽ cung cấp cho, khiến cho đất nước nhân dân hưởng mãi phước không cùng. Cúi xin Tôn giả diễn rộng pháp này còn mãi mãi ở Thế gian, cho chúng bốn bộ được an ổn lâu dài. Nay, con xin quy y Tôn giả Na-la-đà.”

Na-la-đà nói:

“Đại vương, chớ quy y tôi, hãy quy y nơi Phật.”

Khi ấy vua hỏi:

“Nay Phật ở nơi nào?”

Na-la-đà nói:

“Đại vương nên biết, vua nước Ca-tỳ-la-vệ, xuất xứ từ họ Thích, thuộc dòng Chuyển luân Thánh vương; Vua này có con tên là Tất-đạt, xuất gia học đạo, nay tự thành Phật hiệu Thích-ca Văn. Hãy tự quy y với vị ấy.”

Đại vương lại hỏi:

“Nay Phật ở phương nào?”

Na-la-đà nói:

“Như Lai đã nhập Niết-bàn.”

Đại vương nói:

“Nhu Lai diệt độ sao nhanh chóng vậy! Nếu Ngài còn tại thế, dù trải qua hàng ngàn vạn do tuần, tôi cũng sẽ đến hầu thăm.”

Rồi vua rời chỗ ngồi đứng dậy, quì gối chấp tay thưa rằng:

“Con tự quy y Như Lai, Pháp, Tăng Tỳ-kheo, trọn đời cho phép con làm ưu-bà-tắc, không sát sanh. Vì việc nước đa đoan, giờ con muốn trở về cung.”

Na-la-đà nói:

“Nay đã đúng lúc”

Vua liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, nhiễu quanh ba vòng, rồi ra đi.

Vua Văn-trà, sau khi nghe những gì Na-la-đà dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người bệnh tật mà thành tựu năm pháp thì không lúc nào lành bệnh được, thường nằm liệt giường chiếu. Những gì là năm? Hoặc khi người bệnh không chọn đồ ăn thức uống, không tùy thời ăn, không thân cận y dược, nhiều ưu, ưa sân, không khởi lòng từ đối với người nuôi bệnh. Tỳ-kheo, đó gọi là người bệnh tật thành tựu năm

³² Tham chiếu Pāli, A V 123 Upaṭṭhākasutta (R iii. 143).

pháp này, không lúc nào lành bệnh được.

“Nếu lại có bệnh nhân nào thành tựu năm pháp thì sẽ được bệnh mau lành. Những gì là năm? Hoặc khi bệnh nhân chọn lựa thức ăn, tùy thời ăn, thân cận y dược, trong lòng không sầu ưu, hằng khởi tâm từ đối với người nuôi bệnh. Tỳ-kheo, đó gọi là bệnh nhân thành tựu năm pháp này liền được lành bệnh.

“Như vậy, Tỳ-kheo, năm pháp trước hãy niệm lìa bỏ. Năm pháp sau nên cùng phụng hành.

[680c01]“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9³³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu người nào nuôi bệnh thành tựu năm pháp thì bệnh nhân không được chóng khỏi, thường nằm liệt giường. Những gì là năm? Lúc đó, người nuôi bệnh không phân biệt thuốc hay, biếng nhác không tâm dững mãnh, thường ưa sân hận cũng ham ngủ nghỉ, chỉ tham ăn nên nuôi bệnh nhân không đúng pháp cung dưỡng, không cùng người bệnh chuyện trò trao đổi. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là người nuôi bệnh nào thành tựu năm pháp này thì bệnh nhân không được chóng khỏi.

“Lại này Tỳ-kheo! Nếu người nuôi bệnh nào thành tựu

³³ Tham chiếu Pāli, A V 124 Dutiya-upaṭṭhākasutta (R iii. 144).

Tăng nhất A-hàm

năm pháp thì bệnh liền mau lành, không nằm liệt giường. Sao gọi là năm? Lúc đó, người nuôi bệnh phân biệt thuốc hay; cũng không biếng nhác, thức trước ngủ sau; thường thích nói chuyện, ít ngủ nghỉ; dùng pháp cung dưỡng, không ham ăn uống; chịu khó vì bệnh nhân mà nói pháp. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là người nuôi bệnh thành tựu năm pháp này thì bệnh nhân được chóng khỏi.

“Cho nên, các Tỳ-kheo, lúc nuôi bệnh nhân phải bỏ năm pháp trước, thành tựu năm pháp sau.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú trong rừng Di-hầu³⁵ tại Tỳ-xá-ly cùng năm trăm Tỳ-kheo. Bấy giờ, Đại tướng Sư Tử³⁶ đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, Phật bảo Sư Tử:

“Thế nào, trong nhà ông thường có bồ thí không?”

Sư Tử bạch Phật:

“Con thường ở ngoài bốn cửa thành và trong thành phố, tùy thời mà bố thí không cho thiếu sót. Ai cần ăn, cung cấp thức ăn. Y phục, hương hoa, xe ngựa, tọa cụ, tùy theo

³⁴ Tham chiếu Pāli, A V 34 Sīhasenāpatisutta (R.iii. 38).

³⁵ Di hầu lâm 彌猴林. Các nơi khác thường nói là Di hầu trì.

Xem *Trung*, kinh 18 (Sư tử).

³⁶ Sư Tử Đại tướng 師子大將. Pāli: Sīhasenapati. Xem *Trung*, kinh 18 (Sư Tử); A. VIII. 12. Sīha.

chỗ cần dùng của họ, con đều khiến cung cấp cho họ.”

Phật bảo Sur Từ:

“Lành thay, lành thay, ông có thể bỏ thí mà không ôm lòng tưởng tiếc. Đàn-việt thí chủ³⁷ tùy thời bố thí có năm công đức. Những gì là năm? Lúc đó, đàn việt thí chủ được tiếng đồn vang khắp, mọi người khen ngợi rằng: ‘Tại thôn làng kia có đàn-việt thí chủ thường ưa tiếp đón sa-môn, bà-la-môn, tùy theo nhu cầu mà cung cấp, không hề thiếu sót. Nay Sur Từ, đó gọi là công đức thứ nhất mà đàn-việt thí chủ thu được.

“Lại nữa, này Sur [681a01] Từ, khi đàn-việt thí chủ đến trong chúng sa-môn, sát-lợi, bà-la-môn, gia chủ, lòng không phải hổ thẹn, cũng không có điều sợ hãi. Giống như sư tử, vua loài thú, ở giữa bầy nai, không hề sợ nạn. Nay Sur Từ, đó gọi là công đức thứ hai mà đàn-việt thí chủ thu được.

“Lại nữa, này Sur Từ, đàn-việt thí chủ được mọi người kính ngưỡng, người thấy vui mừng như con thấy cha, ngắm nhìn không chán. Nay Sur Từ, đó gọi là phước đức thứ ba mà đàn-việt thí chủ thu được.

“Lại nữa, này Sur Từ, đàn-việt thí chủ sau khi mạng chung sẽ sinh hai nơi: Hoặc sinh lên trời, hoặc sinh trong loài người. Ở trời được trời kính trọng; ở người được người tôn quý. Nay Sur Từ, đó gọi là phước đức thứ tư mà đàn-việt thí chủ thu được.

“Lại nữa, này Sur Từ, đàn-việt thí chủ, trí huệ xa vời vượt lên mọi người, hiện thân hết lậu, không tái sinh đời sau.

³⁷施主檀越 thí chủ đàn-việt, Pāli *dāyako dānapati*: Thí chủ là người cho (tự tay mình cho). Xem kinh 6 phẩm 52.

Tăng nhất A-hàm

Này Sur Tử, đó gọi là phước đức thứ năm mà đàn-việt thí chủ thu được.

“Phàm người bố thí có năm đức, thường đi theo bên mình.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Tâm ưa thích bố thí,
Thành công đức đầy đủ;
Trong chúng không nghi nan,³⁸
Cũng không hề sợ hãi.*

*Người trí hãy bố thí,
Tâm đầu không hối tiếc.
Tại trời Tam thập Tam,
Ngọc nữ sẽ vây quanh.*

“Vì vậy, Sur Tử nên biết, đàn-việt thí chủ sinh hai chỗ lành, hiện thân hết lậu, đến chỗ vô vi.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Thí là lương đời sau,
Đưa đến chỗ rốt ráo.
Thiện thần thường theo hộ;
Cũng khiến cho hoan hỷ.*

“Vì sao vậy? Sur Tử nên biết, vì khi bố thí thường hiện lòng hoan hỷ, thân tâm kiên cố, nên các công đức lành đều đầy đủ, được tam-muội, ý cũng không tán loạn, biết như thật. Thế nào là biết như thật? Đây là khổ, tập, khổ diệt, khổ xuất ly, thấy đều biết như thật. Cho nên, này Sur Tử, hãy tìm cầu phương tiện tùy thời bố thí. Nếu muốn

³⁸ Nên hiểu “không có gì xấu hổ”, xem đoạn trên. Pāli: *amāṇkubhūta*.

đắc đạo Thanh Văn, Bích-chi-phật thì thấy đều như ý. Nay Sư Tử, hãy học điều này như vậy.”

Sư Tử, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [681b01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Khi đàn-việt thí chủ huệ thí, được năm sự công đức.⁴⁰ Những gì là năm? Một là thí mạng,⁴¹ hai là thí sắc, ba là thí an lạc, bốn là thí sức, năm là thí biện tài⁴². Đó gọi là năm.

“Lại nữa, đàn-việt thí chủ lúc thí mạng là muốn được trường thọ, lúc thí sắc là muốn được xinh đẹp, lúc thí an lạc là muốn được không bệnh, lúc thí sức là muốn không ai hơn, lúc thí biện tài là muốn được biện tài vô thượng chơn chánh.

“Các Tỳ-kheo, nên biết, đó gọi là khi đàn-việt thí chủ bố thí, có năm sự công đức này.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Thí mạng, sắc, và an,
Sức, biện tài, năm thứ;*

³⁹ Tham chiếu Pāli, A V 37 Bhojanasutta (R.iii. 41).

⁴⁰ Tham chiếu Pāli, ibid., khi thí (*dāyaka*) cho bữa ăn, là mang đến cho người nhận (*paṭiggahaka*) năm điều.

⁴¹ Thí mạng 施命. Pāli: *āyum deti*, ban cho tuổi thọ.

⁴² Thí biện tài. Pāli: *paṭibhānam deti*, ban cho sự sáng suốt.

*Đủ năm công đức này,
Sau hưởng phước vô cùng.*

*Người trí nên bố thí,
Trừ bỏ lòng tham dục;
Thân này có danh dự,
Sinh trời cũng lại vậy.*

“Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn được năm công đức này, hãy làm năm việc này.”

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 12⁴³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí đúng thời⁴⁴ có năm sự. Những gì là năm? Một là thí cho khách xa đến. Hai là thí cho người đi xa. Ba là thí cho người bệnh. Bốn là thí cho lúc thiếu. Năm là thí lúc mới thu hoạch cây trái, ngũ cốc trước tiên, cúng dường cho người trì giới tinh tấn, sau đó tự dùng. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là thí đúng thời có năm sự này.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người trí thí đúng thời
Tín tâm không dứt mất.*

⁴³ Tham chiếu Pāli, A V 36 Kāladānasutta (R. iii. 41).

⁴⁴ Ứng thời thí 應時施. Pāli: Kāladāna.

*Ở đây chóng hưởng vui;
Sanh thiên đủ các đức.
Tùy thời niệm bố thí,
Thọ phước như tiếng vang.
Vĩnh viễn không thiếu thôn,
Nơi sinh thường giàu sang.*

*Thí là đủ các hành,
Đạt đến vị vô thượng.
Thí nhiều không khởi tướng,
Hoan hỷ càng tăng trưởng.*

*Trong tâm sanh niệm này,
Ý loạn tuyệt không còn.
Cảm nhận thân an lạc,
Tâm liền được giải thoát.*

*Cho nên người có trí,
Không kể nam hay nữ,
Hãy hành năm thí này;
Không mất phương tiện nghi.*

“Cho nên, các Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo, thiện nam, thiện nữ nào, muốn hành năm sự này thì, nên thí tùy thời.”

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Tăng nhất A-hàm

Kệ tóm tắt:

*Thiện, bất thiện, lễ Phật,
Thiên sứ, tuế, ngũ đoan,
Văn-trà, thân, nuôi bệnh,
Năm thí, tùy thời thí.⁴⁵*

⁴⁵ Bản Hán, hết quyển 24.

33. PHẨM NĂM VUA

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bây giờ, vua năm nước lớn, đứng đầu là Ba-tư-nặc, nhóm họp ở trong lạc viên, bàn luận với nhau những điều sau đây.

Năm vua gồm những ai? Vua Ba-tư-nặc,² vua Tỳ-sa,³ vua Ưu-điền,⁴ vua Ác Sanh⁵, và vua Ưu-đà-diên.⁶

Khi ấy, năm vua nhóm họp lại một chỗ bàn luận những điều này:

“Chư Hiền nên biết, Như Lai nói về năm dục⁷ này. Những gì là năm? Sắc được thấy bởi mắt khả ái, khả niệm, được người đời mong muốn. Tiếng được nghe bởi

¹ S 3. 2.2. Pañcarājasutta (R. i. 79).

² Ba-tư-nặc, Pāli: Pasenadi 波斯匿, vua nước Kosala (Câu-tát-la).

³ Tỳ-sa 毘沙, chưa rõ; có lẽ là Bình-sa (Pāli: Bimbisāra). Xem kinh 3, phẩm 6.

⁴ Ưu-điền 優填. Pāli: Udena, vua nước Kosambī, Kiều-thường-di.

⁵ Ác Sanh 惡生; có lẽ Pāli Caṇḍappajjota (nhưng Hán dịch đọc là Caṇḍappajāta), vua nước Ujjenī (Ưu-thiên). Nhưng xem kinh 5, phẩm 36, cht. 10, 17.

⁶ Ưu-đà-diên và Ưu-điền thường là phiên âm từ cùng một từ (Skt. Udayana; Pāli: Udena). Ở đây không rõ hai nhân vật khác nhau là ai. Tham chiếu kinh *Ngũ vương* (T14 No 523), trong đó nói vua lớn nhất là Phổ An 普安; bốn vua nhỏ không nêu tên.

⁷ Ngũ dục 五欲, nói đủ là ngũ dục công đức, năm tố chất của dục. Pāli: *Pañca-kāmaḡa*.

tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, mịn lắng được xúc chạm bởi thân. Như Lai nói về năm dục này. Trong năm dục này, cái nào tối diệu? Sắc được thấy bởi mắt chẳng? Tiếng được nghe bởi tai là tối diệu chẳng? Hương được ngửi bởi mũi là tối diệu chẳng? Vị được nếm bởi lưỡi là tối diệu chẳng? Mịn lắng được xúc chạm bởi thân là tối diệu chẳng? Năm sự này, cái nào là tối diệu? Trong đó, hoặc có quốc vương nói sắc là tối diệu. Hoặc có vị bàn thanh là tối diệu. Hoặc có vị bàn hương là tối diệu. Hoặc có vị bàn vị là tối diệu. Hoặc có vị bàn mịn trơn là tối diệu.

“Lúc [682a01] ấy, nói sắc tối diệu là thuyết của vua Ưu-đà-diên. Nói thanh tối diệu là luận của vua Ưu-điền. Nói hương tối diệu là luận của vua Ác Sanh. Nói vị tối diệu là luận của vua Ba-tư-nặc. Nói mịn trơn tối diệu là luận của vua Tỳ-sa. Bấy giờ, năm vua nói nhau:

“Chúng ta cùng bàn luận về năm dục này, nhưng lại không biết cái nào là tối diệu.”

Vua Ba-tư-nặc bèn nói với bốn vị vua kia:

“Phật đang ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Chúng ta cùng đến hết chỗ Thế Tôn hỏi nghĩa này. Nếu Thế Tôn có điều chi dạy bảo, chúng ta sẽ cùng phụng hành.”

Các vua, sau khi nghe vua Ba-tư-nặc nói vậy, liền cùng dẫn nhau đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc đem những điều cùng bàn về năm dục đầy đủ bạch lên Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo năm vị vua:

“Những gì các vua bàn, đúng tùy theo trường hợp. Vì sao vậy? Vì tùy vào tánh hạnh mỗi người. Người đắm nhiễm

sắc, nhìn sắc không biết chán. Với người này sắc là tối thượng, không gì vượt qua. Bây giờ, người đó không đắm nhiễm thanh, hương, vị, mịn trơn. Trong năm dục, sắc là tối diệu.

“Nếu người có tánh hạnh đắm nhiễm âm thanh, khi nghe thanh, lòng rất hoan hỷ, mà không chán. Với người này, thanh là tối diệu tối thượng. Trong năm dục, thanh là tối diệu.

“Nếu người có tánh hạnh đắm nhiễm hương, khi ngửi hương, lòng rất hoan hỷ, mà không chán. Với người này, hương là tối diệu, tối thượng. Trong năm dục, hương là tối diệu.

“Nếu người có tánh hạnh nhiễm đắm vị ngon, khi biết vị rồi, lòng rất hoan hỷ, mà không chán. Với người này, vị là tối diệu tối thượng. Trong năm dục, vị là tối diệu.

“Nếu người có tánh hạnh nhiễm đắm mịn trơn, khi được mịn trơn rồi lòng rất là hoan hỷ, mà không chán. Với người này, mịn trơn là tối diệu, tối thượng. Trong năm dục, mịn trơn là tối diệu.

“Nếu tâm người kia đắm nhiễm sắc, khi ấy người đó sẽ không đắm nhiễm pháp thanh, hương, vị, và mịn trơn.

“Nếu người kia có tánh hạnh đắm nhiễm thanh, người đó không còn đắm nhiễm pháp sắc, hương, vị, và mịn trơn.

“Nếu người kia có tánh hạnh đắm nhiễm hương, người đó không còn đắm nhiễm pháp sắc, thanh, vị, và mịn trơn.

“Nếu người kia có tánh hạnh đắm nhiễm vị, người đó không còn đắm nhiễm pháp sắc, thanh, hương, và mịn trơn.

[682b01] “Nếu người kia có tánh hạnh đắm nhiễm mịn

tron, người đó không còn đắm nhiễm pháp sắc, thanh, hương, vị.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Khi ý dục bùng cháy,
Cái được muốn phải được.
Được rồi càng hoan hỷ
Sở nguyện không có nghi.
Kia đã được dục này,
Ý tham dục không dứt,
Do đây mà hoan hỷ,
Duyên đó cho tối diệu.*

*Hoặc khi muốn nghe tiếng,
Cái được muốn phải được.
Nghe xong càng hoan hỷ
Sở nguyện không có nghi.
Kia đã được tiếng này,
Tham đó ý không dứt,
Do đây mà hoan hỷ;
Duyên đó cho tối diệu.*

*Hoặc khi lại ngửi hương
Cái được muốn phải được.
Ngửi xong càng hoan hỷ,
Sở nguyện không có nghi.
Kia đã được hương này,
Tham đó ý không dứt.
Do đây mà hoan hỷ
Duyên đó cho tối diệu.*

*Hoặc khi lại được vị
Cái được muốn phải được.
Được rồi thêm hoan hỷ
Sở dục không có nghi.*

*Kia đã được vị này,
Tham đồ ý không dứt.
Do đây mà hoan hỷ,
Duyên đồ cho tối diệu.*

*Nếu khi được mướt láng
Cái được muốn phải được.
Được rồi thêm hoan hỷ,
Sở dục không nghi nan.
Kia đã được mịn trơn,
Tham đồ ý không dứt.
Do đây mà hoan hỷ
Duyên đồ cho tối diệu.*

“Cho nên, này Đại vương, nếu nói sắc là diệu, hãy bình đẳng mà luận. Vì sao vậy? Vì nơi sắc có vị ngọt. Nếu sắc không có vị ngọt, chúng sanh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có vị nên trong năm dục, sắc là tối diệu. Nhưng sắc cũng có tai hại. Nếu sắc không có tai hại, chúng sanh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sanh nhàm chán nó. Nhưng sắc có xuất yếu. Nếu sắc không có xuất yếu, ở đây chúng sanh không ra khỏi biển sanh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sanh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. [682c01] Trong năm dục, sắc là tối diệu.

“Lại nữa, này Đại vương, nếu nói thanh là diệu, hãy bình đẳng mà luận. Vì sao vậy? Vì nơi thanh có vị ngọt. Nếu thanh không có vị ngọt, chúng sanh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có vị nên trong năm dục, thanh là tối diệu. Nhưng thanh cũng có tai hại. Nếu thanh không có tai hại, chúng sanh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sanh nhàm chán nó. Nhưng thanh có xuất yếu. Nếu thanh không có xuất yếu, ở đây chúng sanh không ra khỏi biển sanh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sanh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, thanh

là tối diệu.

“Đại vương nên biết, nếu nói hương là diệu, hãy bình đẳng mà bàn. Vì sao vậy? Vì nơi hương có vị ngọt. Nếu hương không có vị ngọt, chúng sanh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có vị nên trong năm dục, hương là tối diệu. Nhưng hương cũng có tai hại. Nếu hương không có tai hại, chúng sanh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sanh nhàm chán nó. Nhưng hương có xuất yếu. Nếu hương không có xuất yếu, ở đây chúng sanh không ra khỏi biển sanh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sanh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, hương là tối diệu.

“Lại nữa, này Đại vương, nếu nói vị là diệu, hãy bình đẳng mà bàn. Vì sao vậy? Vì nơi vị có vị ngọt. Nếu vị không có vị ngọt, chúng sanh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có vị nên trong năm dục, vị là tối diệu. Nhưng vị cũng có tai hại. Nếu vị không có tai hại, chúng sanh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sanh nhàm chán nó. Nhưng vị có xuất yếu. Nếu vị không có xuất yếu, ở đây chúng sanh không ra khỏi biển sanh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sanh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, vị là tối diệu.

“Lại nữa, này Đại vương, nếu nói mịn trơn là diệu, hãy bình đẳng mà bàn. Vì sao vậy? Vì nơi mịn trơn có vị ngọt. Nếu mịn trơn không có vị ngọt, chúng sanh hẳn không nhiễm đắm. Do nó có mịn trơn nên trong năm dục, mịn trơn là tối diệu. Nhưng mịn trơn cũng có tai hại. Nếu mịn trơn không có tai hại, chúng sanh không nhàm chán. Vì nó có tai hại nên chúng sanh nhàm chán nó. [683a01] Nhưng mịn trơn có xuất yếu. Nếu mịn trơn không có xuất yếu, ở đây chúng sanh không ra khỏi biển sanh tử được. Vì nó có xuất yếu nên chúng sanh đến được trong thành

Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, mìn tron là tối diệu.”

Năm vua, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có gia chủ Nguyệt Quang lắm của nhiều tiền, đầy đủ voi ngựa, bảy báu, vàng bạc châu báu không thể tính kể; nhưng gia chủ Nguyệt Quang không có con cái. Vì không có con cái nên bấy giờ gia chủ Nguyệt Quang cầu đảo trời, thần, thỉnh cầu mặt trời, mặt trăng, thiên thần, địa thần, quý tử mẫu, Tứ thiên vương, hai mươi tám đại thần quý vương, Thích Đề-hoàn Nhân và Phạm thiên, thần núi, thần cây, thần ngũ đạo, cây cối, thảo dược; khắp cả mọi nơi, tất cả đều tham lễ, cầu mong ban cho một cậu con trai.

Rồi vợ gia chủ Nguyệt Quang trải qua trong vòng mấy ngày, liền mang thai, bèn nói với gia chủ:

“Tôi tự biết đã có mang.”

Nghe vậy, gia chủ vui mừng hơn hờ, không tự chế được, liền sắm cho phu nhân giường ghế tốt, ăn uống ngon ngọt, mặc quần áo đẹp.

Trải qua tám chín tháng, phu nhân sinh một cậu bé tướng mạo xinh đẹp, hiếm có trên đời, như màu hoa đào. Bấy giờ, hai tay bé cầm hạt ngọc ma-ni vô giá, ngay đó liền nói kệ này:

Nhà này lắm tài sản,

Tặng nhất A-hàm

*Báu vật cùng thức ăn;
Nay tôi muốn bỏ thí,
Để người nghèo không thiếu.*

*Nếu ở đây không vật,
Của báu và thức ăn;
Nay có ngọc vô giá
Thường dùng bỏ thí người.*

Lúc đó, cha mẹ cùng người trong nhà nghe lời nói này rồi, mọi người đều bỏ chạy. ‘Sao lại sanh loài quỷ mị này?’ Chỉ có cha mẹ vì thương xót con nên không bỏ chạy tán loạn. Người mẹ liền hướng về con nói bài kệ này:

*Là trời, càn-thát-bà?
Quỷ mị hay la-sát?
Là ai? Tên họ gì?
Nay ta muốn biết được!*

Lúc ấy, cậu bé dùng kệ đáp lại mẹ:

*[683a01] Chẳng trời, càn-thát-bà;
Chẳng quỷ mị, la-sát.
Nay con, cha mẹ sanh;
Là người, không nên nghi.*

Khi phu phân nghe những lời nói, vui mừng hơn hờ không tự chế được. Bà đem nhân duyên này nói lại hết cho gia chủ Nguyệt Quang. Nghe những lời này, gia chủ nghĩ thâm: ‘Đây là do duyên gì? Nay ta phải đem việc này nói cho Ni-kiền Tử.’ Ông bồng cậu bé này đến chỗ Ni-kiền Tử, đánh lễ rồi ngồi qua một bên. Rồi gia chủ Nguyệt Quang đem nhân duyên này nói đầy đủ cho Ni-kiền Tử. Ni-kiền Tử sau khi nghe những lời này, bảo gia chủ:

“Cậu bé này là người bạc phước, đối với thân không có

ích, hãy giết đi. Nếu không giết thì nhà cửa tiêu hao suy sụp, thầy đều chết hết.”

Gia chủ Nguyệt Quang khi ấy tự suy nghĩ: “Trước đây ta không có con cái, vì nhân duyên này thỉnh cầu trời đất, không nơi nào không đến; trải qua bao nhiêu năm tháng mới sanh được đứa con này. Nay ta không nỡ giết đứa bé này. Cần hỏi lại sa-môn, bà-la-môn khác để dứt nghi cho ta.”

Bấy giờ, Như Lai thành Phật chưa lâu. Mọi người xưng hiệu là Đại Sa-môn. Gia chủ Nguyệt Quang nghĩ thầm: “Ta nên đem nhân duyên này thuật với Đại Sa-môn ấy.”

Gia chủ rời chỗ ngồi đứng dậy, bồng đứa con này đến chỗ Thế Tôn. Giữa đường lại nghĩ thầm: “Nay có bà-la-môn trưởng lão, tuổi đã quá già, trí tuệ thông minh được mọi người kính trọng, ông còn không biết, không thấy; huống chi là Sa-môn Cồ-đàm này, tuổi trẻ, học đạo chưa lâu, há có thể biết việc này sao? Sẽ sợ rằng cũng không giải tỏa được cái nghi của mình. Nay đang giữa đường, ta nên trở về nhà.”

Khi ấy, có một thiên thần xưa là bạn quen biết cũ của gia chủ, biết được những ý nghĩ trong lòng gia chủ, ở giữa hư không nói rằng:

“Gia chủ nên biết, hãy tiến về trước một tí, ắt sẽ được lợi, được quả báo lớn, cũng sẽ đến chỗ cam lộ bất tử. Như Lai ra đời rất là khó gặp. Như Lai mưa cam lộ xuống, thật lâu mới có.

“Lại nữa, này Gia chủ, có bốn sự tuy rất nhỏ, không thể xem thường. Sao gọi là bốn? Quốc vương tuy nhỏ, không thể xem thường; đóm lửa tuy nhỏ, cũng không thể xem thường; rồng tuy nhỏ, cũng không thể xem thường; người

Tăng nhất A-hàm

học đạo tuy nhỏ, cũng không thể xem thường. Này Gia chủ, đó gọi là bốn sự không [683c01] thể xem thường.”

Rồi thiên thần nói kệ này:

*Quốc vương tuy còn nhỏ;
Sát hại do pháp này.
Đóm lửa tuy chưa bùng;
Sẽ đốt cỏ, cây, núi.
Rồng thần hiện tuy nhỏ,
Làm mưa khi đến thời.
Người học đạo tuy nhỏ,
Độ người vô số lượng.*

Bấy giờ, gia chủ Nguyệt Quang, tâm ý khai mở, vui mừng hơn hờ, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo gia chủ:

“Hiện cậu bé này rất có phước lớn. Cậu bé này nếu lớn lên, cậu ta sẽ dẫn năm trăm đồ chúng đến chỗ Ta, xuất gia học đạo, đắc A-la-hán. Trong hàng Thanh Văn của Ta, là người có phước đức lớn nhất không ai có thể sánh kịp.”

Lúc ấy, gia chủ nghe xong, vui mừng hơn hờ, không tự kèm chế được, bạch Thế Tôn:

“Đúng như lời Thế Tôn dạy, chẳng phải như Ni-kiền Tử.”

Rồi gia chủ Nguyệt Quang lại bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn hãy thương đưa bé này mà cùng chúng Tăng nhận lời thọ thỉnh.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh. Sau khi thấy Thế Tôn im lặng nhận lời mời, ông từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi lui đi. Về đến nhà, ông bày biện cỗ bàn các thứ

đồ ăn thức uống ngon ngọt, trái tọa cụ tốt. Sáng sớm đích thân đến bạch:

“Đã đến giờ, cúi xin Thế Tôn quang lâm.”

Thế Tôn biết đã đến giờ, dẫn các Tỳ-kheo trước sau vây quanh vào thành Xá-vệ, đến nhà gia chủ, tới chỗ ngồi. Gia chủ thấy Phật và các Tỳ-kheo đã ngồi ổn định rồi, bèn dọn đồ ăn thức uống, tự tay châm chước, hoan hỷ không loạn. Thấy đã ăn xong, dọn dẹp bình bát, dùng nước rửa, rồi ông dọn một chỗ ngồi nhỏ ngồi trước mặt Như Lai, muốn được nghe pháp vi diệu mà Phật thuyết.

Khi ấy, gia chủ Nguyệt Quang bạch Thế Tôn:

“Nay con xin đem tất cả nhà cửa, sản nghiệp, ruộng vườn cho đứa bé này, cúi xin Thế Tôn hãy đặt tên cho.”

Thế Tôn bảo:

“Lúc đứa bé này sinh, mọi người đều bỏ chạy tán loạn, gọi là quỷ Thi-bà-la⁸ nên nay đặt tên là Thi-bà-la⁹.”

Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự nói các đề tài vi diệu cho gia chủ và vợ gia chủ; đề tài về bố thí, về trì giới, về sanh thiên, dục là tướng bất tịnh, là hữu lậu, là tai họa lớn, xuất yếu là vi diệu.

[684a01] Thế Tôn thấy tâm ý của gia chủ và vợ gia chủ đã khai mở, không còn hồ nghi nữa. Như pháp thường mà chư Phật Thế Tôn thuyết, là khô, tập, tận, đạo; bấy giờ, Thế Tôn nói hết cho gia chủ, khiến cho phát tâm hoan hỷ. Ngay trên chỗ ngồi, vợ chồng gia chủ sạch trần

⁸ Thi-bà-la quỷ 尸婆羅鬼, chưa rõ quỷ gì.

⁹ Thi-bà-la 尸婆羅. Có lẽ đồng nhất với Sīvalī, Pāli. Nhưng truyện kể ở đây không giống các truyện kể Pāli.

Tăng nhất A-hàm

cầu, được mắt pháp trong sạch. Giống như vải trắng mới dễ nhuộm màu, vợ chồng gia chủ lúc này cũng như vậy, ở ngay trên chỗ ngồi, được mắt pháp trong sạch. Họ đã thấy pháp, được pháp, và phân biệt các pháp, đã hết do dự, không còn hồ nghi, được không còn sợ hãi, hiểu được pháp sâu xa của Như Lai, liền thọ năm giới.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Tế tự, lửa trên hết;
Các luận, kệ đứng đầu;¹⁰
Vua, tôn quý loài người;
Biển là nguồn các sông;
Trắng sáng nhất các sao;
Nguồn sáng mặt trời nhất;
Tám phương và trên dưới,
Muôn phẩm vật sản sinh;
Người muốn cầu phước kia,
Tam-Phật¹¹ là tối tôn.*

Khi Thế Tôn nói bài kệ này xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Khi ấy, gia chủ tìm năm trăm đồng từ sai hầu Thi-bà-la. Khi Thi-bà-la vừa tròn hai mươi tuổi, bèn đến chỗ cha mẹ thưa cha mẹ:

“Cúi xin song thân cho phép con xuất gia học đạo.”

Bấy giờ, song thân liền chấp thuận. Vì sao vậy? Vì trước đây Thế Tôn đã thọ ký cho rồi: ‘Cậu sẽ dẫn năm trăm thiếu niên đến chỗ Thế Tôn xin làm sa-môn.’

Thi-bà-la và năm trăm người, lạy sát chân cha mẹ rồi liền

¹⁰ Xem kinh số 4, phẩm 18.

¹¹ Tam-Phật 三佛, phiên âm từ Sambuddha, (Phật) Chánh giác.

lui đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Thi-bà-la bạch Thế Tôn:

“Cúi xin cho phép con được chấp nhận vào đạo.”

Thế Tôn, liền chấp thuận cho làm sa-môn. Chưa qua mấy ngày, liền thành A-la-hán, sáu thần thông trong suốt, tám giải thoát đầy đủ. Bảy giờ, năm trăm đồng tử đến trước bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép chúng con làm sa-môn.”

Thế Tôn im lặng hứa khả. Xuất gia chưa kinh qua bao nhiêu ngày họ đều thành A-la-hán.

Bảy giờ, Tôn giả Thi-bà-la trở về bang cũ nước Xá-vệ, được mọi người kính ngưỡng, và được cúng dường bốn thứ: y áo, thức ăn, tọa ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Lúc ấy, Thi-bà-la nghĩ thâm: ‘Nay ta ở tại bang cũ này rất là [84b01] ồn ào. Ta hãy du hóa ở trong nhân gian.’

Bảy giờ, đến giờ khát thực, Tôn giả Thi-bà-la khoác y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khát thực xong, trở về chỗ ở, thu xếp tọa cụ, khoác y mang bát, dẫn theo năm trăm Tỳ-kheo ra khỏi tinh xá Kỳ-hoàn du hóa trong nhân gian. Đến đâu, họ cũng đều được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, tọa cụ, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Lại có chư thiên báo các thôn làng:

“Nay có Tôn giả Thi-bà-la đắc A-la-hán, phước đức đệ nhất, dẫn năm trăm Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian, chư Hiền hãy đến cúng dường. Ai nay không làm sau hối hận vô ích.”

Lúc này, Tôn giả Thi-bà-la nghĩ thâm: ‘Nay thật chán đủ sự cúng dường này. Ta nên lánh chỗ nào cho người không biết chỗ ta.’ Rồi Tôn giả bèn đi vào núi sâu. Chư thiên lại báo với mọi người trong thôn làng:

“Hiện Tôn giả Thi-bà-la đang ở trong núi này. Hãy đến cúng dường. Nay ai không làm, sau hối hận vô ích.”

Dân làng sau khi nghe chư thiên nói vậy, liền gánh đồ ăn thức uống đến chỗ Tôn giả Thi-bà-la thưa:

“Cúi xin Tôn giả hãy vì chúng con mà ở đây.”

Lúc ấy, Thi-bà-la du hóa trong nhân gian đi dần dần đến chỗ Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyet cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo, cũng được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, tọa ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Tôn giả Thi-bà-la nghĩ thầm: “Nay ta nên tìm chỗ nào để hạ an cư, cho mọi người không biết chỗ ta.” Rồi lại nghĩ: “Nên đến phía tây núi Quảng Phô¹² ở phía đông núi Kỳ-xà,¹³ ở đó hạ an cư.” Tôn giả bèn dần dần năm trăm Tỳ-kheo đến ở trong núi kia mà thọ hạ an cư.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân biết được những ý nghĩ trong tâm Thi-bà-la, liền ở trong núi hóa hiện phù-đồ*, vườn cây ăn trái, đều đầy đủ; chung quanh có ao tắm, hóa ra năm trăm đài cao, lại hóa năm trăm giường nằm, lại hóa năm trăm giường ngồi, lại hóa năm trăm giường dây, và dùng cam lô trời mà ăn.

Tôn giả Thi-bà-la nghĩ thầm: “Nay ta đã hạ an cư xong. Lâu quá không gặp Như Lai, nay nên đến hầu cận Thế Tôn.” Tôn giả liền dần dần năm trăm Tỳ-kheo đến thành Xá-vệ. Lúc ấy, trời nóng bức, chúng Tỳ-kheo đều đổ mồ hôi, dơ bẩn thân thể. Tôn giả Thi-bà-la [684c01] nghĩ thầm: “Hôm nay, chúng Tỳ-kheo thân thể nóng nực, nếu được chút mây trên trời cùng tạo cơn mưa nhỏ thì thật là việc

¹² Quảng Phô sơn 廣普山. Pāli: Vepulla, một trong năm ngọn núi bao quanh Vương-xá.

¹³ Kỳ-xà 耆闍山, tức Kỳ-xà-quật. Pāli: Gijjhakūṭa.

tốt, và gặp được ao tắm nhỏ cùng được ít nước uống.” Vừa khởi lên ý nghĩ này, tức thì trên không trung xuất hiện một đám mây lớn tạo thành cơn mưa bụi. Cũng có ao tắm, có bốn phi nhân gánh nước uống ngon ngọt do Tỳ-sa-môn thiên vương sai khiến, đến thừa:

“Cúi xin Tôn giả nhận nước uống ngọt này và cho Tăng Tỳ-kheo.” Tôn giả nhận nước uống này, rồi cho Tăng Tỳ-kheo uống.

Thi-bà-la lại nghĩ: “Nay ta nên nghỉ đêm ở nơi đây.” Lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân biết những ý nghĩ trong tâm Thi-bà-la, liền hóa ra năm trăm phòng xá ở cạnh đường, đầy đủ giường nằm, tọa cụ. Chư thiên dâng lên đồ ăn thức uống. Thi-bà-la ăn xong, rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Bấy giờ, chú của Tôn giả Thi-bà-la đang ở trong thành Xá-vệ, lắm tiền nhiều của, không thiếu thứ gì, nhưng lại tham lam không chịu bố thí, không tin Phật pháp Tăng, không tạo công đức. Những thân tộc nói với người này:

“Gia chủ dùng của cải này làm gì mà không tạo tư lương cho đời sau?”

Gia chủ kia sau khi nghe những lời này rồi, trong một ngày, đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho bà-la-môn ngoại đạo chớ không hướng về Tam bảo.

Lúc đó, Tôn giả Thi-bà-la nghe chú mình đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho ngoại đạo mà không cúng dường cho Tam bảo. Tôn giả Thi-bà-la đến tinh xá Kỳ-hoàn, rồi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì Thi-bà-la nói pháp vi diệu. Tôn giả Thi-bà-la sau khi nghe pháp từ Như Lai, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu quanh bên hữu ba vòng rồi ra đi.

Tặng nhất A-hàm

Ngay ngày hôm ấy, Tôn giả Thi-bà-la khoác y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực, dần dần đến nhà người chủ. Đến nơi, Tôn giả đứng im lặng ở ngoài cửa. Gia chủ thấy Tôn giả Thi-bà-la ở ngoài cửa khát thực, liền nói:

“Hôm qua, sao ngươi không lại? Hôm qua, ta đem trăm ngàn lượng vàng bố thí. Giờ ta cho ngươi một tấm vải gạ.”

Thi-bà-la đáp:

“Tôi không dùng vải làm gì. Hôm nay đến đây là để khát thực.”

Gia chủ đáp:

“Hôm qua ta đã dùng trăm nghìn lượng vàng bố thí, nên không thể bố thí trở lại được.”

[685a01] Tôn giả Thi-bà-la muốn độ gia chủ, nên liền bay lên không trung, thân tuôn ra nước lửa, ngồi, nằm kinh hành tùy ý tạo. Khi gia chủ thấy biến hóa này, bèn tự nói:

“Hãy xuống trở lại mà ngồi đi! Nay ta sẽ bố thí cho.”

Tôn giả Thi-bà-la liền xả thân tức, về lại chỗ ngồi. Khi ấy, gia chủ kia đem đồ ăn thức uống tẻ dở, thật là thô xấu, cho Tôn giả Thi-bà-la dùng. Tôn giả Thi-bà-la vốn sinh trưởng trong gia đình hào phú, đồ ăn uống dư dả, nhưng vì gia chủ kia nên nhận thức ăn này mà ăn. Tôn giả Thi-bà-la ăn xong, trở về chỗ ở. Ngay đêm ấy, giữa hư không thiên thần đến nói tia chủ này:

*Thiện thí, thí thật lớn,
Là cho Thi-bà-la,
Vô dục, đã giải thoát,
Đoạn ái, không còn nghi.*

Giữa đêm và sáng sớm, hai lần nói kệ này:

*Thiện thí, thí thật lớn,
Là cho Thi-bà-la,
Vô dục, đã giải thoát,
Đoạn ái, không còn nghi.*

Khi gia chủ nghe chư thiên nói, bèn suy nghĩ: “Hôm qua, ta đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho ngoại đạo mà không có cảm ứng này. Hôm nay chỉ dùng thứ ăn tẻ dờ thí cho Tôn giả Thi-bà-la mà đưa đến cảm ứng này. Lúc nào trời sáng, ta sẽ đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho Tôn giả Thi-bà-la.”

Rồi gia chủ ngay ngày ấy, kiểm tính trong nhà có được giá trăm nghìn lạng vàng bố thí Thi-bà-la, bèn đem đến chỗ Tôn giả Thi-bà-la, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, ông đem trăm nghìn lạng vàng dâng lên Thi-bà-la và nói:

“Cúi xin Ngài nhận trăm nghìn lượng vàng này.”

Tôn giả Thi-bà-la nói:

“Chúc Gia chủ hưởng phước vô lượng, sống lâu tự nhiên. Nhưng Như Lai lại không cho phép Tỳ-kheo nhận trăm ngàn lượng vàng.”

Lúc ấy, gia chủ liền đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, gia chủ kia bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn cho Tỳ-kheo Thi-bà-la nhận trăm ngàn lượng vàng này, cho con được phước này.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ngươi đi đến chỗ Tỳ-kheo Thi-bà-la nói Ta cho gọi ông ấy.”

Tăng nhất A-hàm

Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.” Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, tức thì [685b01] đi đến chỗ Thi-bà-la đem những lời Như Lai mà báo.

Tôn giả Thi-bà-la nghe theo lời Tỳ-kheo kia, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thi-bà-la:

“Nay ngươi hãy nhận trăm ngàn lượng vàng của gia chủ này, để ông ta được phước này. Đây là nghiệp duyên kiếp trước, nên hưởng báo này.”

Tôn giả Thi-bà-la đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Lúc ấy, Tôn giả Thi-bà-la liền nói bài kệ đạt-sân¹⁴:

*Cúng y áo các thứ,
Muốn cầu phước đức kia;
Sanh làm trời hay người,
Vui hưởng năm lạc thú.*

*Từ trời đến cõi người,
Vượt khỏi nghi có không,
Chỗ Niết-bàn vô vi
Nơi chư Phật an lạc.*

*Người huệ thí dễ dàng,
Mong đây được phước đức.
Hãy phát tâm từ huệ,
Làm phước không mệt mỏi.*

¹⁴ Đạt-sân 達睺. Pāli: *dakkhinā* (Skt. *dakṣiṇā*), thí tụng, bài kệ chú nguyện thí chủ sau khi nhận cúng dường.

Khi ấy, Tôn giả Thi-bà-la bảo gia chủ:

“Hãy mang trăm ngàn lượng vàng này để trong phòng tôi.”

Gia chủ vâng theo lời dạy này, mang trăm ngàn lượng vàng để trong phòng Tôn giả Thi-bà-la rồi ra đi.

Thi-bà-la bảo các Tỳ-kheo:

“Các vị, có ai thiếu gì thì đến đây mà lấy; hoặc nếu cần y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm ngọa cụ, thuốc men trị bệnh đều đến lấy; đừng cầu ở nơi khác, hãy lần lượt báo cho nhau biết điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Thi-bà-la xưa kia đã tạo phước gì mà sanh nhà tía chủ, xinh đẹp vô song như màu hoa đào? Lại tạo phước gì mà hai tay cầm ngọc từ thai mẹ sanh ra? Lại tạo phước gì mà dẫn năm trăm người đến chỗ Như Lai xuất gia, học đạo, được gặp Như Lai ở đời? Lại tạo phước gì mà đến đâu cũng được đầy đủ y phục, đồ ăn thức uống tự nhiên không thiếu thốn, Tỳ-kheo khác không bì kịp?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Quá khứ lâu xa, chín mươi một kiếp, có Phật hiệu Tỳ-bà-thi¹⁵ Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hành túc*, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu*, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời, du hóa tại nước Bàn-đầu cùng với đại chúng gồm sáu mươi vạn tám nghìn người, được cúng dường bốn thứ: y phục, đồ ăn thức uống, tọa ngọa cụ, thuốc men trị bệnh.

¹⁵ Phật Tỳ-bà-thi, xem *Trường 1*, kinh Đại bản. Pāli, Vipasī, D. 14 Mahāpadāna.

“Lúc ấy, có [685c01] bà-la-môn tên Da-nhã-đạt¹⁶ sống ở nơi ấy, nhiều tiền lắm của, vàng bạc, trân báu, xa cừ, mã não, trân châu, hồ phách, không thể đếm hết.

“Bấy giờ, Da-nhã-đạt ra khỏi nước, đi đến chỗ Như Lai Tỳ-bà-thi. Đến nơi, chào hỏi xong, ngồi qua một bên. Như Lai Tỳ-bà-thi lần lượt vì ông nói pháp, khiến ông ta sanh tâm hoan hỷ. Bấy giờ, Da-nhã-đạt bạch Như Lai Tỳ-bà-thi: ‘Cúi xin Thế Tôn nhận lời thỉnh của con. Con muốn dâng cơm cúng Phật và Tăng Tỳ-kheo.’

“Khi ấy Như Lai im lặng nhận lời. Bà-la-môn Da-nhã-đạt thấy Thế Tôn im lặng nhận lời mời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi về nhà. Ông chuẩn bị sửa soạn các loại đồ ăn thức uống ngon ngọt.

“Bấy giờ, vào lúc nửa đêm, Da-nhã-đạt suy nghĩ: ‘Nay ta đã chuẩn bị đầy đủ các món đồ ăn thức uống, chỉ còn thiếu lạc¹⁷. Sáng sớm mai ta sẽ đến trong cửa thành, nơi đó có ai bán lạc sẽ mua hết.’ Sáng sớm, Da-nhã-đạt bày tọa cụ tốt, rồi lại đến trong cửa thành để tìm mua lạc. Vào lúc ấy, có một người chăn bò tên là Thi-bà-la muốn mang lạc đi tể tự.¹⁸ Bà-la-môn Da-nhã-đạt nói với người chăn bò: ‘Nếu ông bán lạc, tôi sẽ mua.’ Thi-bà-la nói: ‘Nay tôi muốn tể tự.’ Bà-la-môn nói: ‘Ông tể trời là để cầu điều gì? Hãy bán cho tôi, sẽ trả giá tiền cao hơn.’ Người chăn bò đáp: ‘Ông Bà-la-môn, nay ông dùng lạc để làm gì?’ Bà-la-môn đáp: ‘Nay tôi thỉnh Như Lai Tỳ-bà-thi và Tăng Tỳ-kheo. Nhưng đồ ăn thức uống đã chuẩn bị xong,

¹⁶ Da-nhã-đạt 耶若達; tên Pāli thường gặp: Yaññadatta (Skt. Yajñadatta), nhưng không tìm thấy đồng nhất ở đây.

¹⁷ Lạc 酪; Pāli: dadhi, sữa đông, sữa để chua.

¹⁸ Truyện kể gần với sơ giải Thera A. i. 144, nhân duyên Sīvalī, thời Phật Vipassī.

chỉ còn thiếu lạc.’ Thi-bà-la hỏi bà-la-môn: ‘Nhu Lai Tỳ-bà-thi tướng mạo thế nào?’ Bà-la-môn đáp: ‘Nhu Lai không ai sánh bằng, giới thanh tịnh đầy đủ, định và huệ không ai bì kịp. Trên trời dưới đất không ai sánh bằng.’ Khi bà-la-môn Da-nhã-đạt ca ngợi đức của Nhu Lai, Thi-bà-la nghe xong tâm trí khai mở. Khi ấy, Thi-bà-la bảo bà-la-môn: ‘Nay tôi đích thân đem lạc này đến cúng dường Nhu Lai, không cần tế trời làm gì nữa.’

“Bà-la-môn Da-nhã-đạt dẫn người chăn bò này về đến nhà, đi đến chỗ Phật, bạch rằng: ‘Đã đúng giờ, nay là lúc thích hợp, xin Thế Tôn hạ cố.’

“Nhu Lai biết đã đến giờ, khoác y mang bát, dẫn các Tỳ-kheo trước sau vây quanh đến nhà bà-la-môn Da-nhã-đạt, mọi người ngồi theo thứ lớp.

“Khi người chăn bò thấy [686a0] dung mạo Nhu Lai hiếm có trên đời, các căn tịch tịnh¹⁹, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân Ngài, mặt như mặt trời mặt trăng, giống như núi Tu-di hơn hẳn đỉnh các núi khác, ánh sáng chiếu khắp, không nơi tối tăm nào mà không thấu. Thấy vậy, vui mừng, ông đến trước chỗ Thế Tôn, nói rằng: ‘Nếu công đức của Nhu Lai đúng như Bà-la-môn đã nói, hãy cho bình lạc này đủ cung cấp cho chúng Tăng.’

“Rồi Thi-bà-la bạch Thế Tôn: ‘Cúi xin nhận lạc này.’

“Nhu Lai liền đưa bát nhận lạc, cũng lại cho các Tăng Tỳ-kheo nhận lạc đầy đủ. Khi ấy, người chăn bò bạch Thế Tôn: ‘Nay lạc vẫn còn dư.’ Nhu Lai bảo: ‘Ông đem lạc này cúng thêm cho Phật và các Tỳ-kheo.’ Người chăn

¹⁹ Nguyên hán: Đạm bạc 淡泊.

bò đáp: ‘Thưa vâng, Thế Tôn!’ Người chăn bò đi chia lạc trở lại, cuối cùng lạc vẫn còn dư. Người chăn bò lại bạch Phật: ‘Số lạc vẫn còn dư!’ Như Lai bảo người này: ‘Ông hãy đem lạc này cúng cho chúng Tỳ-kheo-ni, chúng ưu-bà-tắc, ưu-bà-tư khiến được no đủ.’ Số lạc vẫn còn dư. Bấy giờ, Phật bảo người chăn bò: ‘Ông đem lạc này cho chủ nhân đàn-việt.’ Đáp: ‘Thưa vâng.’ Rồi lại tìm cho các thí chủ đàn-việt. Số lạc còn dư, lại đem cho những người ăn xin nghèo thiếu, nhưng lạc vẫn còn dư. Lại bạch Phật: ‘Hiện lạc vẫn còn dư.’ Phật bảo: ‘Nay đem số lạc này đổ nơi đất sạch, hoặc đổ vào trong nước. Vì sao vậy? Ta không thấy có người hay trời nào có thể tiêu hóa lạc này, chỉ trừ Như Lai. Người chăn bò vâng lời dạy Phật, đem lạc này đổ vào trong nước, tức thì ngay trong nước xuất hiện ngọn lửa lớn cao vài mươi nhân. Người chăn bò sau khi thấy sự biến hóa quái lạ này, trở lại chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, chấp tay mà đứng. Lại tự thệ nguyện: ‘Nay đem lạc này cúng dường cho chúng bốn bộ. Nếu có được phước đức, do phước lành này, con sẽ không đọa vào nơi tám nạn, không sinh vào nhà nghèo thiếu. Sinh ra bất cứ nơi nào, sáu căn hoàn toàn đầy đủ, mặt mày xinh đẹp, thường được xuất gia. Mong đời tương lai cũng gặp được Thánh tôn như vậy.’

“Tỳ-kheo nên biết, ba mươi một kiếp về trước, lại có Phật tên Thi-khí²⁰ Như Lai xuất hiện ở đời. Lúc ấy, Như Lai Thi-khí giáo hóa ở thế giới Dã-mã, [686b01] cùng mười vạn đại Tỳ-kheo.

“Bấy giờ, khi đến giờ, Như Lai Thi-khí khoác y mang bát vào thành khất thực. Trong thành có một khách thương

²⁰ Phật Thức-cật 式詰. Xem *Trường I*, kinh Đại bản, Phật Thi-khí 尸棄. Pāli, Sikhi, cf. D. 14 Mahāpadāna.

lớn tên Thiện Tài. Từ xa thấy Như Lai Thi-khí có các căn tịch tịnh, dung mạo đoan chánh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân Ngài, mặt như mặt trời mặt trăng; thấy vậy ông phát tâm hoan hỷ, đến trước chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Lúc này, người buôn đem ngọc báu quý rải lên Như Lai, tâm sâu kín của ông được thể hiện qua lời thề: ‘Nguyện đem công đức này, nơi nào con sinh ra cũng lăm của nhiều tiền, không có gì thiếu thốn, trong tay lúc nào cũng có tiền của, cho đến trong bào thai mẹ cũng có.’

“Ở trong kiếp này lại có Như Lai Tỳ-xá-phù²¹ Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc²², Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu²³, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời. Bấy giờ, có gia chủ tên Thiện Giác lăm của nhiều tiền, lại thỉnh Như Lai Tỳ-xá-phù Chí chơn Đẳng chánh giác, và Tăng Tỳ-kheo. Gia chủ ấy thiếu người giúp việc, nên lúc này đích thân sắp soạn đồ ăn thức uống ngon ngọt thiết trai cho Như Lai ấy, rồi tự thề nguyện: ‘Tôi do công đức này, sanh ở nơi nào, thường được gặp Tam bảo, không thiếu thốn thứ gì, thường có nhiều người hầu và trong đời tương lai cũng gặp Phật như ngày nay vậy.’

“Nay trong Hiền kiếp này, lại có Phật tên Câu-lâu-tôn²⁴ Chí chơn, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc*, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu*,

²¹ Tỳ-xá-la-bà 毘舍羅婆. Xem *Trường 1*, kinh Đại bản, Tỳ-xá-bà 毘舍婆. Pāli, *ibid.*, Vessabhū.

²² Nguyên bản: Minh hạnh thành vi.

²³ Nguyên bản: Đạo pháp ngự.

²⁴ Câu-lũ-tôn 拘樓孫. Xem *Trường 1*, kinh Đại bản, Câu-lâu-tôn 拘樓孫. Pāli, *ibid.* Kakusandha.

Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời. Bảy giờ, có gia chủ tên Đa Tài lại thỉnh Như Lai Câu-lâu-tôn, trong vòng bảy ngày cúng dường cơm Phật và Tăng Tỳ-kheo, cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, ‘Nguyện sinh ra nơi nào thường lăm của nhiều tiền, không sinh vào nhà bần tiện; khiến chỗ sinh của con thường được bốn sự cúng dường; làm nơi chúng bốn bộ, quốc vương và Nhân dân trông thấy tôn kính; nơi trời rồng quý thần người hay chẳng phải người trông thấy tiếp đãi.’

“Các Tỳ-kheo nên biết, bà-la-môn Da-nhã-đạt bảy giờ há là người nào khác sao? Đừng nghĩ như vậy. Vì sao vậy? Vì nay tự thân chính là gia chủ Nguyệt Quang. Người chăn bò tên Thi-bà-la đem lạc cúng dường Phật lúc ấy, nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Người lái buôn Thiện Tài lúc ấy, há là người nào khác sao? Đừng nghĩ như vậy. Nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Gia chủ Thiện Giác lúc ấy, [686c01] há là người nào khác sao? Đừng nghĩ như vậy. Nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Gia chủ Đa Tài lúc ấy, há là người nào khác sao? Đừng nghĩ như vậy. Ngày nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la.

“Các Tỳ-kheo nên biết, Tỳ-kheo Thi-bà-la đã phát thệ nguyện này: ‘Mong nơi nào con sinh ra, con thường xinh đẹp vô song, lúc nào cũng sinh vào nhà giàu sang. Mong đời sau được gặp Thế Tôn. Ngài sẽ thuyết pháp cho con nghe, con liền được giải thoát, được xuất gia làm sa-môn.’ Do công đức này, ngày nay, Tỳ-kheo Thi-bà-la được sanh trong nhà giàu có, xinh đẹp vô song. Nay gặp Ta lập tức thành A-la-hán.

“Song Tỳ-kheo nên biết, lại nhờ công đức rải châu báu lên mình Như Lai nên nay ở trong bào thai tay cầm hai hạt châu mà ra khỏi thai mẹ, giá trị bằng cả Diêm-phù-đề.

Ngày vừa sinh ra, liền nói như vậy. Lại thỉnh Như Lai Câu-lâu-tôn để cầu có nhiều người sai khiến, nên nay dẫn năm trăm đồ chúng đến chỗ ta xuất gia học đạo, thành A-la-hán.

“Lại trong vòng bảy ngày cúng dường Như Lai Câu-lâu-tôn để được tứ sự cúng dường, nên ngày nay không thiếu y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh. Nhờ công đức này, các Tỳ-kheo không bị kịp. Thích Đề-hoàn Nhân đích thân đến cúng dường, cung cấp các thứ cần dùng. Lại nữa, chư thiên chuyển nhau báo xóm làng cho chúng bốn bộ biết có Thi-bà-la. Ý nghĩa của sự việc là vậy. Người phước đức đệ nhất trong đệ tử của Ta chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm hạng trượng phu dũng kiện,²⁶ có nhiệm vụ chiến đấu, xuất hiện ở đời. Những ai là năm? Ở đây, có người mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu, từ xa thấy gió bụi liền sinh lòng sợ hãi. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ nhất.

“Lại nữa, người chiến đấu thứ hai mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu; khi thấy gió bụi mà không sinh lòng sợ hãi, nhưng thấy ngọn cờ cao liền sinh lòng sợ hãi, không

²⁵ Pāli, A V 75 Paṭhama-Yodhājīvasutta (R. iii. 39).

²⁶ Pāli: *pañcime yodhājīvā*, có năm hạng chiến sĩ này.

thể tiến lên chiến đấu. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ hai.

“Lại nữa, người chiến sĩ thứ ba mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu, khi thấy gió bụi, hay thấy ngọn cờ cao không sinh lòng sợ hãi, nhưng thấy cung tên liền sinh lòng sợ hãi, không có khả năng chiến đấu. Đó gọi là hạng [687a01] chiến sĩ thứ ba.

“Lại nữa, người chiến sĩ thứ tư mặc áo giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu; nếu thấy gió bụi, thấy ngọn cờ cao, hay thấy cung tên không sinh lòng sợ hãi, nhưng vừa vào trận liền bị địch bắt, hoặc bị giết. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ tư.

“Lại nữa, người chiến sĩ thứ năm mặc áo giáp, cầm gậy đi vào trận chiến đấu; nếu thấy gió bụi, thấy ngọn cờ cao, thấy cung tên hoặc bị bắt, cho đến gần chết, không sinh lòng sợ hãi, có thể phá tan quân địch trong ngoài bờ cõi, mà lãnh đạo nhân dân. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ năm.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, thế gian có năm loại người này, thì nay trong chúng Tỳ-kheo cũng có năm hạng người này xuất hiện ở đời. Những ai là năm? Có Tỳ-kheo sống tại thôn xóm khác, nghe trong thôn này có người nữ xinh đẹp vô song, mặt như màu hoa đào. Nghe rồi, đến giờ, khoác y, cầm bát, vào thôn khát thực; thấy người nữ này nhan sắc vô song, liền sanh dục tưởng, cởi bỏ ba y, hoàn xả cấm giới mà làm cư sĩ. Giống như người chiến đấu kia, thấy chút gió bụi đã sinh lòng sợ hãi; Tỳ-kheo này tựa như vậy.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe có người nữ sống ở trong thôn xóm xinh đẹp không ai bằng. Đến giờ, khoác y, cầm bát, vào [687b01] thôn khát thực; khi thấy người nữ mà không khởi dục tưởng, nhưng cùng người nữ kia đùa giỡn, chuyện trò qua lại. Rồi nhân việc đùa giỡn này liền cởi pháp phục, trở lại làm bạch y. Như hạng người thứ

hai kia, tuy thấy bụi gió không sợ, nhưng thấy ngọn cờ cao liền sinh lòng sợ hãi. Tỳ-kheo này cũng lại như vậy.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn có người nữ, dung mạo xinh đẹp, ít có trên đời, như màu hoa đào. Đến giờ, khoác y mang bát vào thôn khát thực; khi thấy người nữ không khởi dục tưởng. Tuy dù cùng người đùa giỡn nhau, cũng không khởi tưởng dục ý; nhưng cùng người nữ kia nắm tay, hoặc vuốt ve nhau, trong đó liền khởi dục tưởng, cởi ba pháp y, trở lại làm bạch y, tập khởi nghiệp nhà. Như hạng người thứ ba kia khi vào trận, thấy gió bụi, thấy cờ cao không sinh lòng sợ hãi, nhưng thấy cung tên liền sinh lòng sợ hãi.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn làng có người nữ, mặt mày xinh đẹp ít có trên đời. Đến giờ, khoác y mang bát vào thôn khát thực; khi thấy người nữ không khởi dục tưởng, hay cùng nói chuyện cũng không khởi dục tưởng. Khi được người nữ kia vuốt ve liền khởi dục tưởng, nhưng không cởi pháp phục mà sống đời tại gia. Như hạng thứ tư kia vào quân trận bị địch bắt, hoặc mất mạng không trở ra được.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo nương vào thôn làng mà sống, họ nghe trong thôn có người nữ. Đến giờ, khoác y mang bát vào thôn khát thực, khi thấy người nữ không khởi dục tưởng, nếu cùng nói cười cũng không khởi dục tưởng, nếu lại được vuốt ve cũng không khởi dục tưởng. Lúc ấy, Tỳ-kheo quán ba mươi sáu vật trong thân này ô uế bất tịnh: ‘Ai đắm vào đây? Do đâu khởi dục? Dục này dừng lại chỗ nào? Là từ đâu chẳng? Ra từ thân thể chẳng?’ Quán các vật này rõ ràng không có gì cả. Từ đầu đến chân cũng lại như vậy. Những gì thuộc năm tạng không có tướng tượng, cũng không có chỗ đến. Vị ấy quán nguồn duyên không biết từ nơi nào lại. Vị ấy lại nghĩ: ‘Ta

quán dục này từ nhân duyên sanh.’ Tỳ-kheo quán sát điều này rồi, tâm được giải thoát dục lậu, tâm được giải thoát hữu lậu, tâm được giải thoát vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát, liền được trí giải thoát, như thật biết rằng: ‘Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Giống như người chiến đấu thứ năm kia sống tự tại không bị nạn địch quân. “Do vậy, nay Ta nói người này đã dứt bỏ ái dục, vào nơi vô úy, đạt đến thành Niết-bàn.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm hạng người này xuất hiện ở đời.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Dục, Ta biết gốc người,
Ý do tư tưởng sinh.
Ta chẳng sinh tư tưởng,
Còn người thì không có.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy quán sát tâm bất tịnh hạnh là ô uế, để trừ bỏ sắc dục.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm hạng chiến đấu xuất hiện ở đời. Sao gọi là năm?

²⁷ Pāli, A V 76 Dutiya-Yodhājīvasutta (R. iii. 93).

Có người mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận [687c01] chiến đấu, khi thấy gió bụi liền sinh lòng sợ hãi không dám vào trong trận lớn kia. Đó gọi là hạng người thứ nhất.

“Lại nữa hạng chiến đấu thứ hai mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, thấy gió bụi không sinh sợ hãi, nhưng nghe tiếng trống đánh liền sinh lòng sợ hãi. Đó gọi là hạng thứ hai.

“Lại nữa hạng thứ ba mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, khi thấy gió bụi không sinh lòng sợ hãi, hoặc nghe tiếng trống, tù và không sinh sợ hãi, nhưng khi thấy cờ cao liền sinh lòng sợ hãi không dám chiến đấu. Đó gọi là hạng thứ ba.

“Lại nữa hạng thứ tư mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, khi thấy gió bụi không sinh lòng sợ hãi, hoặc nghe tiếng trống, tù và cũng không sinh lòng sợ hãi, hay thấy cờ cao cũng không sinh lòng sợ hãi, nhưng lại bị địch bắt, hoặc bị giết. Đó gọi là hạng thứ tư.

“Lại nữa, hạng thứ năm có người mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, hoàn toàn có khả năng phá tan quân địch mở rộng bờ cõi. Đó gọi là hạng thứ năm xuất hiện ở đời.

“Tỳ-kheo nên biết, nay Tỳ-kheo cũng có năm hạng người xuất hiện ở thế gian. Sao gọi là năm?

“Hoặc có Tỳ-kheo sống trong thôn xóm nghe có người nữ xinh đẹp vô song, như màu hoa đào. Đến giờ, Tỳ-kheo kia khoác y mang bát vào thôn khát thực, không hộ trì các căn, không giữ gìn pháp thân, miệng, ý. Khi thấy người nữ, vị ấy khởi dục ý, hoàn xả cấm giới, sống theo pháp bạch y. Như người thứ nhất kia, nghe tiếng bụi nổi lên, không kham chiến đấu, sinh lòng sợ hãi. Do vậy cho

nên Ta nói đến người này.²⁸

“Lại nữa, Tỳ-kheo sống tại thôn làng, nghe trong thôn có người nữ xinh đẹp không ai bằng, mặt như màu hoa đào, liền xả giới sống theo pháp bạch y.²⁹ Như hạng chiến đấu thứ hai kia, chỉ nghe tiếng trống, tù và không kham chiến đấu. Đây cũng như vậy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo sống tại thôn làng, nghe có người nữ tại thôn làng kia. Sau khi nghe mà không khởi dục ý; khi thấy người nữ mà không khởi dục tưởng, nhưng chỉ vì cùng người nữ đùa giỡn; do đó liền xả cấm giới, sống theo pháp bạch y.³⁰ Như người thứ ba kia, từ xa thấy cờ rồi, liền sinh lòng sợ hãi không dám chiến đấu. Vì vậy cho nên nay Ta nói người này. Đó gọi là hạng chiến đấu thứ ba.

“Lại nữa, [688a01] Tỳ-kheo sống tại thôn làng. Tỳ-kheo kia nghe trong thôn có người nữ. Khi khoác y mang bát vào thôn khát thực, không giữ gìn thân, miệng, ý. Khi thấy người nữ xinh đẹp vô song, ở đó liền khởi dục ý, hoặc cùng người nữ cùng nhau lôi kéo, hoặc nắm tay nhau, bèn xả cấm giới, trở lại làm bạch y.³¹ Như hạng chiến đấu thứ tư kia, ở trong đại quân, bị địch bắt, bị giết.

²⁸ Tham chiếu Pāli: Tỳ-kheo khát thực, gặp người nữ quyến rũ, xả giới hoàn tục ngay.

²⁹ Hán dịch đoạn này không rõ nghĩa, thiếu mạch lạc so với đoạn trước. Tham chiếu Pāli: Tỳ-kheo bị người nữ quyến rũ, định về giữa Tăng xin xả giới; nhưng chưa kịp về đến nơi mà đã vội xả giới.

³⁰ Hán dịch không rõ theo đoạn mạch. Tham chiếu Pāli: Hạng thứ ba, bị nữ quyến rũ, cố gắng về được đến giữa Tăng; các Tỳ-kheo khuyên can nhưng vẫn không kham, rồi mới xả giới.

³¹ Pāli: Hạng thứ tư, bị quyến rũ, về giữa tăng, được khuyên dạy, nỗ lực tinh cần nên không xả giới.

Vì vậy nên nay Ta nói người này.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn làng có người nữ ít có trên đời. Tuy nghe vậy, mà không khởi dục tưởng. Tỳ-kheo kia đến giờ, khoác y mang bát vào thôn khát thực, giữ gìn thân, miệng, ý; tuy thấy người nữ, không khởi dục tưởng, không có tà niệm; nếu cùng người nữ nói chuyện qua lại cũng không khởi dục tưởng, cũng không tà niệm. Nếu bị người nữ lôi kéo, nắm tay, bấy giờ liền khởi dục tưởng, thân, miệng, ý liền trôi dạt. Khi dục ý đã trôi dạt rồi, trở về lại Tăng viện, đến chỗ Trưởng lão Tỳ-kheo. Dem nhân duyên này nói với Trưởng lão Tỳ-kheo:

“Chư Hiền, nên biết, nay dục ý của tôi nổi dậy khôn xiết. Cúi xin thuyết pháp khiến thoát khỏi bất tịnh ghê tởm của dục.”

Bấy giờ Trưởng lão Tỳ-kheo bảo:

“Nay Thầy nên quán dục này do đâu sinh? Lại do đâu diệt? Như Lai dạy: Phàm người khởi dục nên dùng quán bất tịnh để trừ, và tu hành pháp quán bất tịnh.”

“Rồi Tỳ-kheo Trưởng lão liền nói kệ này:

*Nếu biết điên đảo ấy
Khiến tâm thêm trôi dạt;
Hãy trừ tâm hừng hực,
Dục ý liền dừng nghỉ.*

“Chư Hiền nên biết, dục từ tưởng sinh. Khi khởi niệm tưởng, liền sinh dục ý. Hoặc có thể tự hại, lại hại người khác, gây ra bao nhiêu tai họa biến đổi, ở trong hiện tại chịu khổ hoạn kia; lại ở đời sau chịu khổ vô lường. Dục ý đã trừ, cũng không tự hại, không hại người khác. Ở báo hiện tại, không chịu khổ này. Cho nên, nay phải trừ tưởng niệm. Vì không có tưởng niệm nên liền không có

Tăng nhất A-hàm

tâm dục, Vì không có tâm dục nên liền không có loạn tướng.

“Bấy giờ, Tỳ-kheo kia vâng theo những lời dạy bảo như vậy, liền tư duy về tướng bất tịnh. Do tư duy về tướng bất tịnh nên bấy giờ tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, đến nơi [688b01] vô vi.³² Như người thứ năm mặc giáp cầm gậy vào trận chiến đấu, thấy địch thủ không sinh lòng sợ hãi. Nếu có người đến hại, tâm cũng không dờn đổi, có thể phá giặc ngoài, có thể qua địa giới của địch. Vì vậy, cho nên nay Ta nói người này có thể phá được bọn ma. Trừ các loạn tướng, đến chỗ vô vi. Đó gọi là người thứ năm xuất hiện ở đời.

“Tỳ-kheo nên biết, thế gian có năm hạng người này xuất hiện ở đời. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tu hành, dục là tướng bất tịnh.

“Các Tỳ-kheo hãy học điều như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Phàm người quét đất có năm trường hợp không được công đức. Những gì là năm? Ở đây, người quét đất không biết gió ngược, không biết gió xuôi, lại không dòn đồng,

³² Đây là hạng thứ tư trong bản Pāli tương đương. Hạng thứ năm, Tỳ-kheo vào thôn, thù hộ thân, thù hộ căn, chánh niệm, nên không bị nữ lung lạc quyến rũ.

lại không trừ phân, chỗ đất quét lại chẳng sạch sẽ. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là người quét đất có năm việc không thành công đức lớn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, người quét đất có năm việc thành tựu công đức. Sao gọi là năm? Ở đây, người quét đất biết lý gió ngược, gió xuôi, cũng biết dôn đồng, cũng có thể hốt bỏ không để cho dư sót lại, khiến cho đất thật sạch sẽ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có năm trường hợp này thành tựu công đức lớn. Cho nên, các Tỳ-kheo phải trừ năm việc trước, và tu năm pháp sau.

“Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Phàm người quét tháp³³ có năm trường hợp không được công đức. Sao gọi là năm? Ở đây, có người quét tháp không dùng nước rưới lên đất, không lượm bỏ gạch đá, không san bằng mặt đất, không chú ý khi quét đất, không trừ bỏ rác rưởi dơ bẩn. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là người quét tháp³⁴ không thành tựu năm công đức.

“Các Tỳ-kheo nên biết, người quét tháp* có năm trường hợp thành tựu công đức. Sao gọi là năm? Ở đây, người

³³ 偷婆 *thâu-bà*.

³⁴ Đề bản: *Địa* 地; có thể chép nhầm, nên sửa lại. Trên kia nói là quét *thâu-bà* tức tháp.

quét tháp dùng nước rưới lên đất, lượm bỏ gạch đá, san bằng mặt đất, giữ chú ý khi quét đất, hốt bỏ rác rưởi dơ bẩn. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có năm việc khiến người được công đức. Cho nên, [688c01] nay các Tỳ-kheo, muốn cầu công đức này hãy thực hành năm việc này.

“Các Tỳ-kheo, cần phải học điều như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người du hành trường kỳ có năm sự khó. Sao gọi là năm? Ở đây, người thường du hành không tụng giáo pháp; giáo pháp đã tụng thì bị quên mất; không được định ý; tam-muội đã được lại thoái thất; nghe pháp nhưng không thể hành trì. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là người du hành nhiều có năm việc khó này.

“Các Tỳ-kheo nên biết, người không du hành nhiều có năm công đức. Sao gọi là năm? Pháp chưa từng đắc sẽ đắc, pháp đã đắc rồi lại không quên mất, nghe nhiều mà ghi nhớ được, có thể đắc định ý, đã đắc tam-muội rồi không bị mất. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là người không du hành nhiều có năm công đức này. Cho nên, nay các Tỳ-kheo, không nên du hành nhiều.

“Các Tỳ-kheo, cần phải học điều như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo thường trú một chỗ, có năm điều phi pháp. Sao gọi là năm? Ở đây, Tỳ-kheo ở một chỗ, ý tham đắm phòng xá, e sợ người đoạt, hoặc ý tham đắm tài sản lại sợ người đoạt, hoặc tích tụ nhiều vật giống như bạch y, hoặc tham luyến người thân quen không muốn cho người khác đến nhà người thân quen, thường cùng bạch y qua lại với nhau.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là người ở một chỗ có năm việc phi pháp này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện đừng ở một chỗ.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người không ở mãi một chỗ, có năm công đức. Những gì là năm? Không tham đắm nhà cửa, không tham đắm đồ đạc, không tích chứa nhiều của cải, không dính mắc với người thân, không qua lại với bạch y.

“Đó gọi là Tỳ-kheo không ở một chỗ có năm công đức

này. Cho nên, [689a01] này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thực hành năm việc này. Các Tỳ-kheo, hãy học như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở bên bờ hồ Quang minh, nước Ma-kiệt.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng với năm trăm Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian. Khi ấy, Thế Tôn thấy một cây lớn bị lửa đốt. Thấy thế, Như Lai đến ngồi dưới một gốc cây. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào, Tỳ-kheo, thà đem thân nhảy vào lửa này, hay tốt hơn nên giao du với người nữ xinh đẹp?”

Lúc đó, các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Tốt hơn nên giao du với người nữ, chớ không ném thân vào lửa này. Bởi vì đám lửa này nóng độc không thể tả, sẽ lấy mạng sống của mình, chịu khổ vô cùng.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta bảo các người, chớ để không phải hạnh sa-môn mà nói là sa-môn; không phải người phạm hạnh mà nói là phạm hạnh; không nghe Chánh pháp mà nói là tôi nghe Chánh pháp; không có pháp thanh bạch. Người như vậy, thà nhảy vào lửa này, chớ không cùng người nữ giao du.

³⁵ Tham chiếu Pāli, A VII 68 Aggikkhandhopamasutta (R.iv. 128). Hán, *Trung I*, kinh 5 (Mộc tích dụ).

Vì sao vậy? Vì người ấy thà chịu thống khổ này, chứ không vì tội đó mà vào trong địa ngục chịu khổ vô cùng.

“Thế nào, Tỳ-kheo, tốt hơn nhận người cung kính lễ bái, hay tốt hơn cho người lấy kiếm bén chặt tay chân mình?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Tốt hơn nhận cung kính lễ bái, chứ không cho người dùng kiếm chặt tay chân mình. Vì sao vậy? Vì chặt tay chân mình, đau không thể tả.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta bảo các người, không phải hạnh sa-môn mà nói là sa-môn; không phải người phạm hạnh mà nói là phạm hạnh; không nghe Chánh pháp mà nói là tôi nghe Chánh pháp; không có pháp thanh bạch. Người như vậy, thà đưa thân chịu kiếm bén này, chứ không vì không có giới mà nhận người cung kính. Vì sao vậy? Vì nỗi đau này chỉ trong chốc lát, còn sự thống khổ địa ngục thì không thể tả xiết.

“Thế nào, Tỳ-kheo, tốt hơn nhận y phục của người, hay tốt hơn lấy lá sắt nóng dùng quấn vào thân?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Tốt hơn nhận lấy y phục của người, chứ không nhận nỗi khổ đau này. Vì sao vậy? Vì sự khổ độc này không thể tả xiết.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta nhắc lại các người, với người phá giới, thà lấy lá sắt nóng [689b01] quấn lên thân mình chứ không nhận y phục của người. Vì sao vậy? Vì nỗi đau này chỉ trong chốc lát, còn nỗi thống khổ địa ngục không thể tả xiết.

Tăng nhất A-hàm

“Thế nào, Tỳ-kheo, tốt hơn nhận thức ăn của thí chủ hay thà nuốt viên sắt nóng?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Tốt hơn nhận thức ăn của thí chủ, chứ không nuốt viên sắt nóng. Vì sao vậy? Vì sự đau đớn này không nơi nào chịu nổi.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta bảo các người, thà nuốt viên sắt nóng, chứ không nên không có giới mà nhận người cúng dường. Vì sao vậy? Vì nuốt viên sắt nóng, đau khổ chỉ trong chốc lát, không nên không có giới mà nhận tín thí của người.

“Thế nào, Tỳ-kheo, tốt hơn nhận giường nằm của người, hay thà nằm trên giường sắt nóng?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, chúng con thà nhận giường nằm của người, chứ không nằm trên giường sắt nóng. Vì sao vậy? Vì sự khổ độc này không thể tả xiết.”

Thế Tôn bảo:

“Người ngu si kia không có giới hạnh, chẳng phải sa-môn nói là sa-môn, chẳng có phạm hạnh nói tu phạm hạnh, thà nằm trên giường sắt nóng chứ không nên không giới mà nhận tín thí của người khác. Vì sao vậy? Vì nằm trên giường sắt nóng chỉ đau đớn trong chốc lát, không nên không giới mà nhận tín thí của người khác.

“Tỳ-kheo nên biết, hôm nay như Ta quan sát đích hướng đến của người không giới. Giả sử, người kia trong chốc lát thân thể khô héo tiêu tụy, hộc máu nóng ra khỏi miệng mà qua đời, chứ không cùng người nữ giao du, không nhận người có đức lễ kính, không nhận y phục, đồ ăn

thức uống, giường nằm, ngựa cưỡi, thuốc men trị bệnh của người. Vì người không giới kia không quán sát tội đời trước, đời sau, không nhìn lại thân mạng đang chịu thống khổ này. Người không có giới, ý sinh vào ba đường ác. Đó là ác hành đã tạo ra đưa đến.

“Hôm nay, Như Lai quán sát đích hướng đến của người thiện hành, ngay dù người ấy bị trúng độc, hay bị đao đá thương mà tự dứt mạng sống. Nhưng đó là do muốn xả thân này để hưởng phước trời, sẽ sanh vào thiện xứ. Đó là do quả báo nghiệp lành đời trước đưa đến.

“Cho nên, Tỳ-kheo, hãy niệm tu hành giới thân, định thân, huệ thân, giải thoát thân và giải thoát tri kiến thân. Muốn cho đời nay được quả báo kia, đặc đạo cam lồ, ngay dù có nhận y phục, đồ ăn thức uống, ngựa cưỡi, thuốc men trị bệnh cũng không lầm lỗi, lại làm cho đàn việt hưởng phước vô cùng.

“Các Tỳ-kheo, hãy [689c01] học như vậy.”

Khi nói pháp này, bấy giờ sáu mươi Tỳ-kheo dứt sạch lậu hoặc, ý tổ ngộ. Sáu mươi Tỳ-kheo khác xả bỏ pháp phục mà làm bạch y.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Năm vua và Nguyệt Quang,
Thì bà, hai hạng lính,
Hai quét, hai hành pháp,
Đi đừng có hai loại,
Sau cùng là cây khô.³⁶*

³⁶ Bản Hán, hết quyển 25.

34. PHẨM ĐĂNG KIẾN¹

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng năm trăm Tỳ-kheo ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá Vệ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ Xá-lợi-phất, thăm hỏi Ngài rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo giới thành tựu nên tu những pháp gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tỳ-kheo giới thành tựu nên tư duy về năm thủ uẩn là vô thường, là khổ, là não, là đáng sợ nhiều, cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã. Những gì là năm? Đó là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

“Khi Tỳ-kheo giới thành tựu tư duy năm uẩn này liền đắc quả Tu-đà-hoàn.”

Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn phải tư duy những pháp gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn cũng nên tư duy về năm thủ uẩn này: là khổ, là não, là đáng sợ nhiều, cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã. Các Hiền giả nên biết, nếu Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn tư duy về năm thủ uẩn liền thành quả Tu-đà-hàm.”

¹ Đăng kiến 等見, được hiểu là chánh kiến. Pāli: *Sammādiṭṭhi*.

Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo Tu-đà-hàm phải tư duy những pháp gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tỳ-kheo Tu-đà-hàm cũng nên tư duy về năm thủ uẩn này: là khổ, là não, là đáng sợ nhiều, cũng nên tư duy khổ, [690a01] không, vô ngã. Bấy giờ, Tỳ-kheo Tu-đà-hàm tư duy về năm thủ uẩn này liền chứng quả A-na-hàm.”

Các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo A-na-hàm phải tư duy những pháp gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tỳ-kheo A-na-hàm cũng nên tư duy về năm thủ uẩn này: là khổ, là não, là đáng sợ nhiều, cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã. Bấy giờ, Tỳ-kheo A-na-hàm tư duy về năm thủ uẩn này liền chứng quả A-la-hán.”

Các Tỳ-kheo hỏi:

“Tỳ-kheo A-la-hán nên tư duy những pháp gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Điều các Thầy hỏi đã vượt quá rồi. Tỳ-kheo A-la-hán, việc cần làm đã xong, không còn tạo nghiệp, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, không còn hướng đến năm đường trong biển sanh tử, lại không còn tái sinh, không còn tạo tác gì nữa. Cho nên, các Hiền giả, Tỳ-kheo tri giới, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm hãy tư duy về năm thủ uẩn này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Xá-lợi-phất dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Lộc Uyển, trú xứ Tiên nhân, tại Ba-la-nại.

Bấy giờ, Như Lai thành đạo chưa lâu, người đời gọi Ngài là Đại Sa-môn. Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc mới nối ngôi vua. Vua Ba-tư-nặc nghĩ thầm: “Nay ta mới nối ngôi vua, trước phải cưới con gái dòng họ Thích. Nếu họ gả cho ta mới vừa lòng ta. Nếu không nhận cho, ta sẽ dùng sức đến cưỡng bức.”

Rồi vua Ba-tư-nặc liền bảo một đại thần:

“Ông hãy đến vương cung họ Thích, thành Ca-tỳ-la-vệ, nhân danh ta báo với dòng họ Thích kia rằng: ‘Vua Ba-tư-nặc gởi lời thăm hỏi các ngài, sống nhẹ nhàng thuận lợi mãi mãi chẳng. Và nói rằng, ta muốn lấy con gái dòng họ Thích. Nếu thuận cho ta sẽ biết ơn mãi mãi. Còn nếu làm trái lại, ta sẽ dùng sức mạnh cưỡng bức.’”

Đại thần nhận lệnh của vua, đến nước Ca-tỳ-la. Lúc ấy, năm trăm người dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ đang tập họp tại một chỗ. Đại thần đến chỗ năm trăm người dòng họ Thích, xưng danh hiệu vua Ba-tư-nặc, gởi lời thăm hỏi mong cuộc sống nhẹ nhàng thuận lợi mãi mãi. Vua bảo rằng: ‘Ta muốn lấy con gái dòng họ Thích. Nếu thuận cho, ta sẽ biết ơn mãi mãi. Còn nếu làm trái lại, ta sẽ dùng sức mạnh cưỡng bức.’

Sau khi nghe những lời này, những người dòng họ Thích hết sức tức giận: “Chúng ta là dòng họ cao quý vì sao phải [690b01] kết thân gia với con của tỷ nữ?”

Trong số ấy, có người nói nên gả, có người nói không nên gả. Bấy giờ, trong số người tập họp kia, có người tên

Ma-ha-nam,² nói với mọi người rằng:

“Các Hiền giả, chớ có tức giận. Vì sao vậy? Vua Ba-tư-nặc là kẻ bạo ác. Nếu chống cự, vua Ba-tư-nặc đến tàn phá nước ta. Nay tôi đích thân đảm đương đến gặp vua Ba-tư-nặc nói về việc này.”

Bấy giờ, trong nhà Ma-ha-nam có tỳ nữ sanh một con gái dung nhan xinh đẹp hiếm có trên đời. Ma-ha-nam bảo tẩm gội cô này, cho mặc xiêm y đẹp đẽ, lên xe gấn lông chim báu* đưa đến cho vua Ba-tư-nặc và nói với vua:

“Đây là con gái tôi. Ngài có thể thành thân cùng nó.”

Khi vua Ba-tư-nặc được cô này, hết sức vui mừng, liền lập cô này làm đệ nhất phu nhân.³ Qua chưa được vài ngày, cô đã mang thai, lại trải qua tám, chín tháng sinh một nam nhi xinh đẹp vô song, đặc biệt trên đời. Vua Ba-tư-nặc tập họp các thầy tướng để đặt tên cho thái tử. Sau khi các thầy tướng nghe vua nói xong, liền tâu vua:

“Đại vương nên biết, khi cầu phu nhân, mọi người dòng họ Thích cùng nhau tranh luận, có người nói ‘nên cho’, hoặc có người nói ‘không nên cho’, khiến cho kia đây xa dòng⁴ (lưu-ly), nay nên đặt tên là Tỳ-lưu-ly.”⁵ Đặt tên

² Ma-ha-nam 摩訶男. Pāli: Mahānāma, con vua Amitodana (Cam Lộ Phạn vương), anh của Anuruddha (A-na-luật).

³ Phu nhơn Tát-la-đa Sát-lợi chủng 薩羅陀刹利種. T26: Vũ Nhật Cái 雨日蓋. Pāli: Vāsabhā-khattiyā. Xem kinh 3 phẩm 13.

⁴ 彼此流離 *bì thỉ lưu ly*.

⁵ Đề bản: Tỳ-lưu-lặc 毘流勒. TNM: Tỳ-lưu-ly 毘流離. Có thể đây là giải thích của người chép kinh, phỏng theo nghĩa Hán; vì *tì-lưu-ly* là từ phiên âm Skt.: Virūḍhaka (Pāli: Viḍḍabha). *Phiên Phạn ngữ* 4 (T54n2130, tr. 8c17): Tỳ-lâu-ly vương 毘樓離王,

Tăng nhất A-hàm

xong, các thầy tướng đều rời chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Vua Ba-tư-nặc yêu thương thái tử Lưu-ly, chưa từng rời khỏi mắt. Khi thái tử Lưu-ly lên tám tuổi, vua bảo:

“Nay con đã lớn, hãy đến Ca-tỳ-la-vệ để học nghệ thuật bắn tên.”

Rồi vua Ba-tư-nặc cung cấp những người hầu điều khiển voi lớn đến nhà dòng họ Thích, đến nhà Ma-ha-nam, nói với Ma-ha-nam:

“Vua Ba-tư-nặc bảo con đến đây học cách bắn tên. Cúi xin ông ngoại, mọi sự hãy dạy bảo cho.”

Ma-ha-nam bảo:

“Người muốn học nghệ thuật thì phải khéo luyện tập.”

Ma-ha-nam liền tập hợp năm trăm thiếu niên họ Thích lại cùng học thuật. Lúc ấy, thái tử Tỳ-lưu-ly cùng học xạ thuật với năm trăm đồng tử.

Bấy giờ, trong thành Ca-tỳ-la-vệ vừa xây một giảng đường. Trời, nhân dân, Ma, hoặc Ma thiên không được ở trong giảng đường này. Lúc ấy, những người họ Thích nói với nhau:

“Nay giảng đường này vừa được xây cất và trang trí xong, giống như thiên cung không khác tí nào. Trước hết, chúng ta nên thỉnh Như Lai và chúng Tăng cúng dường ở trong đó, để chúng ta được hưởng [690c01] phước vô cùng.”

Bấy giờ, dòng họ Thích ở trên giảng đường trải các loại tọa cụ, treo lụa là, phướn, lọng, rưới nước thơm lên mặt

đất, đốt các loại hương thơm, tích chứa nước sạch, đốt các đèn sáng.

Thái tử Lưu-ly dẫn năm trăm đồng tử đến chỗ giảng đường, liền leo lên tòa Sư tử. Khi những người họ Thích thấy vậy, bèn nổi giận, đến nắm tay lôi ra ngoài cửa. Mọi người đều mắng:

“Đây là con đũa tiện tỳ! Chư thiên và người đời chưa ai dám ngồi trong đó. Con đũa của tiện tỳ này lại dám vào trong đó ngồi.”

Rồi họ xô đẩy thái tử Lưu-ly ngã lăn ra đất. Thái tử Lưu-ly chống đất đứng dậy, thở dài, quay ra sau. Khi ấy, có con bà-la-môn tên Hảo Khổ. Thái tử Lưu-ly nói với con bà-la-môn Hảo Khổ:

“Dòng họ Thích này đã hủy nhục ta đến như vậy. Nếu sau này khi ta lên ngôi vua, ngươi hãy nhắc lại ta việc này.”

Lúc ấy, con bà-la-môn Hảo Khổ đáp:

“Như lời Thái tử dạy”.

Mỗi ngày ba lần, con bà-la-môn kia bạch với thái tử:

“Hãy nhớ nỗi nhục họ Thích. Rồi nói kệ này:

*Tất cả sẽ diệt tận.
Quả chín cũng sẽ rơi.
Tập hợp ắt sẽ tan.
Có sinh ắt có tử.*⁶

Sau khi sống hết tuổi thọ, bấy giờ vua Ba-tu-nặc băng hà,

⁶ Thường xuyên dẫn, xem *Hữu bộ tỳ nại da* 6 T23 tr. 654c13: 積聚皆銷散 崇高必墮落 合會終別離 有命咸歸死 tích tụ giai tiêu tán, sùng cao tất đoạ lạc, hội hiệp chung biệt ly, hữu mạng hàm quy tử.

liên lập thái tử Luru-ly làm vua.⁷ Lúc ấy, bà-la-môn Hảo Khô⁸ đến chỗ vua nói rằng:

“Vua nên nhớ, xưa bị họ Thích hủy nhục.”

Vua Luru-ly nói:

“Lành thay, lành thay! Khéo nhớ việc xưa.”

Lúc này, Vua Luru-ly nổi sân giận, bảo các quần thần:

“Nay, ai là vua của nhân dân?”

Quần thần tâu:

“Hiện nay, Đại vương thống lĩnh.”

Vua Luru-ly nói:

“Các người, hãy mau chuẩn bị tập hợp binh bốn bộ, ta muốn đi chinh phạt họ Thích.”

Quần thần đáp:

“Thưa vâng, Đại vương!”

Quần thần tuân lệnh vua tập hợp binh bốn bộ. Vua Luru-ly dẫn binh bốn bộ đi đến Ca-tỳ-la-vệ.⁹

Khi các Tỳ-kheo nghe tin vua Luru-ly đi chinh phạt họ Thích, họ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên, rồi đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Sau khi nghe những lời này xong, Thế Tôn liền đến đón vua Luru-ly ở dưới gốc một cây khô, [691a01] không có cảnh

⁷ *Hữu bộ tì-nại-da tạp sự* 8 T24 tr, 238c1: Cuối đời, Ba-tư-nặc bị đại thần Trường Hành âm mưu với thái tử Tỳ-lu-ly soán ngôi. Tài liệu Pāli, *Truyện Pháp cú*, phẩm Hoa, kệ số 4, DhA. i. 355.

⁸ Hảo khô. Đồng nhất với Pāli: Dīghakārāyaṇa.

⁹ Trong bản: Ca-tỳ-la-việt 迦毘羅越. Trên kia, Ca-tỳ-la-vệ.

lá, ở trong tư thế ngồi kiết già.

Vua Luru-ly từ xa thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, liền xuống xe, đến chỗ Thế Tôn đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, vua Luru-ly bạch Thế Tôn:

“Còn có cây tốt, cành lá sum suê như cây ni-câu-lưu chẳng hạn, sao ngồi dưới cây khô này?”

Thế Tôn bảo:

“Bóng mát của thân tộc hơn người ngoài.”

Lúc ấy, vua Luru-ly liền nghĩ thầm:

“Hôm nay, Thế Tôn vẫn còn vì thân tộc. Vậy hôm nay ta nên quay về bổn quốc, không nên đến chinh phạt Ca-tỳ-la-vệ.”

Vua Luru-ly liền cáo từ lui binh. Bà-la-môn Hảo Khổ lại tâu vua:

“Vua nên nhớ, xưa kia đã bị họ Thích làm nhục.”

Sau khi nghe những lời này rồi, vua Luru-ly lại nổi giận, bảo quần thần:

“Các khanh hãy mau chuẩn bị, tập hợp binh bốn bộ, ta muốn đi chinh phạt Ca-tỳ-la-vệ.”

Quần thần liền tập hợp binh bốn bộ, kéo ra khỏi thành Xá-vệ, đến Ca-tỳ-la-vệ chinh phạt họ Thích.

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, đến bạch Thế Tôn:

“Nay vua Luru-ly đang hưng binh đến chinh phạt họ Thích.”

Nghe những lời này, Thế Tôn liền dùng thân túc đến ngồi dưới gốc cây cạnh đường. Tỳ-lưu-ly từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, liền xuống xe đến chỗ Thế

Tăng nhất A-hàm

Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, vua Luru-ly bạch Thế Tôn:

“Còn có cây tốt, sao lại không ngồi ở đó, hôm nay, Thế Tôn có gì ngồi dưới cây khô này?”

Lúc ấy, Thế Tôn nói:

“Bóng mát của thân tộc hơn người ngoài.”

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bóng mát của thân tộc,
Họ Thích xuất hiện Phật;
Đều là cành nhánh Ta;
Nên ngồi dưới cây này.*

Lúc ấy, vua Luru-ly liền nghĩ thầm: “Hiện tại, Thế Tôn xuất thân từ họ Thích. Ta không nên đến chinh phạt. Phải nên quay về bốn quốc.” Rồi, vua Luru-ly liền trở về thành Xá-vệ.

Bà-la-môn Hảo Khổ lại tâu với vua:

“Vua nên nhớ, xưa kia đã bị họ Thích làm nhục!”

Vua Luru-ly nghe những lời này rồi, lại tập hợp binh bốn loại kéo ra khỏi thành Xá-vệ, đến Ca-tỳ-la-vệ. Đại Mục-kiền-liên khi nghe vua Luru-ly đi chinh phạt dòng họ Thích, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, [691b01] Mục-kiền-liên bạch Thế Tôn:

“Hôm nay, vua Luru-ly tập hợp binh bốn bộ đến tấn công họ Thích. Nay con có khả năng khiến cho vua Luru-ly cùng binh bốn bộ bị ném sang thế giới phương khác.”

Thế Tôn nói:

“Người há có thể đem duyên đời trước của họ Thích đặt sang thế giới khác hay sao?”

Mục-liên bạch Phật:

“Con thật sự không thể đem duyên đời trước đặt sang thế giới khác.”

Bảy giờ, Thế Tôn bảo Mục-liên:

“Ngươi hãy trở về chỗ ngồi.”

Mục-liên lại bạch Phật:

“Nay con có thể dời thành Ca-tỳ-la-vệ này đặt giữa hư không.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ngươi có thể dời duyên đời trước của họ Thích đặt giữa hư không hay không?”

Mục-liên đáp:

“Không, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Mục-liên:

“Vậy ngươi hãy trở về chỗ của mình.”

Lúc ấy, Mục-liên lại bạch Phật:

“Cúi xin cho phép dùng lồng sắt che bên trên thành Ca-tỳ-la-vệ.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Mục-liên, ngươi có thể dùng lồng sắt che đậy duyên đời trước không?”

Mục-liên bạch Phật:

“Không, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Mục-liên:

“Nay ngươi trở về chỗ của mình. Hôm nay duyên đời

Tăng nhất A-hàm

trước của họ Thích đã chín, nay phải chịu báo.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Muốn hư không thành đất,
Đất lại thành hư không.
Bị duyên trước trời buộc;
Duyên này không mục hư.*

Bấy giờ, vua Luru-ly đến Ca-tỳ-la-vệ. Những người dòng họ Thích nghe vua Luru-ly dẫn binh bốn bộ đến tấn công. Họ liền tập trung chúng bốn bộ trong vòng một do tuần đến đón vua Luru-ly.

Các Thích tử trong vòng một do tuần, từ xa bắn vua Luru-ly, hoặc bắn lỗ tai nhưng không tổn thương tai ông, hoặc bắn búi tóc nhưng không tổn thương đầu ông, hoặc bắn gãy cung, hoặc bắn đứt dây cung nhưng không hại người ông, hoặc bắn áo giáp nhưng không hại người ông, hoặc bắn giường ghế nhưng không hại người ông, hoặc bắn phá bánh xe nhưng không hại người ông, hoặc phá cờ xí nhưng không hại người ông. Sau khi thấy sự việc như vậy, vua Luru-ly liền sinh lòng sợ hãi, bảo quần thần:

“Các người xem những mũi tên này từ đâu đến?”

Quần thần tâu:

“Các Thích tử cách đây trong vòng một do tuần bắn tên đến!”

Vua Luru-ly nói:

“Nếu họ khởi tâm muốn hại ta thì mọi người đã nhận lấy cái chết hết rồi. Ngay tức khắc hãy quay về Xá-vệ!”

Lúc ấy, bà-la-môn Hảo Khô đến trước tâu vua:

“Đại vương chớ lo! Các Thích tử này đều giữ giới,

[691c01] còn trùng họ còn không hại huống là hại người. Nay nên tiến lên trước ắt tiêu diệt được họ Thích.”

Vua Luru-ly từ từ tiến lên về phía họ Thích kia. Những người họ Thích lui vào thành. Vua Luru-ly, ở ngoài thành bảo họ rằng:

“Các người hãy mau mở cửa thành! Nếu không, ta sẽ bắt các người giết hết.”

Bấy giờ, thành Ca-tỳ-la-vệ có đồng tử họ Thích mới mười lăm tuổi, tên Xa-ma, nghe vua Luru-ly đang ở bên ngoài cửa, liền mặc giáp, cầm gậy lên trên thành một mình chiến đấu với vua Luru-ly. Lúc ấy, đồng tử Xa-ma giết hại nhiều binh lính làm họ chạy tán loạn và nói:

“Đây là người nào? Là trời hay là quỷ thần? Từ xa trông giống như một cậu bé!”

Vua Luru-ly sinh lòng sợ hãi, liền vào trong hầm để tránh.

Khi các Thích tử nghe binh chúng của vua Luru-ly bị giết hại, các Thích tử liền gọi đồng tử Xa-ma bảo rằng:

“Người tuổi trẻ ấu thơ, sao cố ý làm nhục gia phong chúng ta? Há không biết các Thích tử tu hành pháp lành sao? Chúng ta, đến còn trùng còn không thể hại, huống lại là mạng người ư? Chúng ta có thể phá tan quân lính này, một người địch vạn người, song chúng ta lại nghĩ thẳm: ‘Sát hại chúng sanh vô số kẻ như vậy.’ Thế Tôn đã từng dạy: ‘Phàm người giết mạng người, chết sẽ vào địa ngục. Nếu sinh trong loài người, tuổi thọ rất ngắn.’ Người hãy mau đi đi, không ở đây nữa. Đồng tử Xa-ma liền bỏ nước ra đi, không vào Ca-tỳ-la-vệ nữa.

Lúc ấy, vua Luru-ly lại đến giữa cửa nói người kia:

“Hãy mau mở cửa thành, đừng để ta đợi lâu!”

Lúc ấy, các Thích tử tự nói với nhau:

“Nên cho mở cửa thành hay không nên?”

Bấy giờ, tặc ma Ba-tuần giả hình làm một Thích tử ở trong chúng họ Thích, nói các Thích tử:

“Các vị hãy mau mở cửa thành. Đừng để hôm nay chúng ta phải cùng chịu khổn.”

Lúc ấy, các Thích tử liền cho mở cửa thành. Bấy giờ, vua Luru-ly liền bảo quần thần:

“Hiện nhân dân dòng họ Thích này đông, đao kiếm không thể giết hết, hãy bắt hết chôn xuống đất, sau đó cho voi dữ dẫm chết.”

Quần thần vâng theo lệnh của vua, cho voi dẫm chết họ. Đồng thời, vua Luru-ly bảo quần thần:

“Các người hãy mau tuyển chọn năm trăm người nữ họ Thích, tay chân mặt mày xinh đẹp.”

Các đại thần vâng lệnh vua, tuyển chọn năm trăm người nữ xinh đẹp, dẫn đến chỗ vua.

Khi ấy [692a01] Ma-ha-nam Thích tử đến chỗ vua Luru-ly nói rằng:

“Hãy cho tôi một ước nguyện”

Vua Luru-ly nói:

“Ông muốn có ước nguyện gì?”

Ma-ha-nam nói:

“Tôi sẽ lặn xuống đáy nước, theo độ chậm nhanh của tôi, cho những người họ Thích đều được chạy trốn. Nếu tôi ra khỏi mặt nước, thì tùy ý giết họ.”

Vua Luru-ly nói:

“Việc ấy thật tốt!”

Thích Ma-ha-nam liền xuống đáy nước, lấy tóc đầu buộc vào rễ cây mà qua đời. Bấy giờ, các Thích tử trong thành Ca-tỳ-la-vệ, ra từ cửa đông, lại vào từ cửa nam; ra từ cửa tây, lại vào cửa bắc.

Vua Luru-ly bảo quần thần:

“Ông ngoại Ma-ha-nam, vì có gì ẩn ở dưới nước, đến giờ chưa ra khỏi?”

Bấy giờ, quần thần nghe theo lệnh vua, liền xuống dưới nước kéo Ma-ha-nam lên, nhưng ông đã chết. Khi vua Luru-ly thấy Ma-ha-nam đã chết, lúc này vua mới sanh tâm hối hận:

“Nay ông ngoại ta đã chết đều do thương thân tộc, ta đã không biết trước, nên để ông mất. Nếu biết trước, dứt khoát không đến công phật dòng họ Thích này.”

Lúc ấy, vua Luru-ly đã giết chín nghìn chín trăm chín mươi chín vạn người, máu chảy thành sông và thiêu rụi thành Ca-tỳ-la-vệ. Rồi ông đi đến vườn ni-câu-lưu.

Lúc ấy, vua Luru-ly bảo với năm trăm người nữ dòng họ Thích rằng:

“Các khanh yên tâm, chớ sầu lo. Ta là chồng các khanh, các khanh là vợ ta, cốt phải hợp nhau.”

Vua Luru-ly tiện đưa tay nắm một người nữ họ Thích muốn đùa chơi. Thời người nữ hỏi:

“Đại vương định làm gì?”

Thời vua đáp:

Tặng nhất A-hàm

“Muốn giao tình cùng khanh”

Cô đáp vua:

“Vì sao nay ta lại giao tình với loại nô tỳ sinh?”

Vua Luru-ly nổi cơn tức giận, ra lệnh cho quần thần:

“Mau bắt người nữ này, chặt tay chân nó ném vào hầm sâu.”

Các đại thần theo lệnh vua, chặt tay chân cô ném vào hầm sâu. Năm trăm người nữ đều máng nhà vua rằng:

“Ai đem thân này cùng giao thông với loại con đẻ của nô tỳ!”

Vua tức giận, bắt hết năm trăm người nữ, chặt tay chân họ ném vào hầm sâu. Vua Luru-ly sau khi hủy hoại Ca-tỳ-la-vệ xong, trở về thành Xá-vệ.

Bảy giờ, thái tử Kỳ-đà đang cùng các kỹ nữ vui đùa trong thâm cung. Nghe tiếng ca hát, vua Luru-ly liền hỏi:

“Đây là âm thanh gì [692b01] mà vang đến nơi đây?”

Quần thần đáp:

“Đó là tiếng đàn hát để tự vui chơi của vương tử Kỳ-đà ở trong thâm cung.”

Vua Luru-ly liền bảo người hầu:

“Khanh hãy quay voi này đến chỗ vương tử Kỳ-đà.”

Người giữ cửa từ xa thấy vua đến, tâu rằng:

“Xin vua thông thả một chút, vương tử Kỳ-đà hiện đang vui với năm thứ lạc ở trong cung, đừng có gây phiền phức.”

Vua Luru-ly liền rút kiếm giết người giữ cửa. Lúc ấy, vương tử Kỳ-đà nghe vua Luru-ly đang đứng ở ngoài cửa, không từ giả các kỹ nữ, liền ra ngoài để gặp vua:

“Vui thay, Đại vương đến! Đại vương hãy vào nghỉ ngơi một lát.”

Vua Luru-ly nói: “Há ngươi không biết ta với họ Thích đánh nhau sao?”

Kỳ-đà đáp:

“Có nghe!”

Vua Luru-ly nói:

“Nay vì sao ngươi không giúp ta mà cùng với kỹ nữ đùa giỡn?”

Vương tử Kỳ-đà đáp:

“Ta không thể giết hại mạng chúng sanh!”

Vua Luru-ly hết sức tức giận liền rút kiếm chém hại vương tử Kỳ-đà. Sau khi mạng chung, vương tử Kỳ-đà sanh lên cõi trời Tam thập tam, vui đùa cùng năm trăm thiên nữ.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhãn quan sát thấy vương tử Kỳ-đà mạng chung, đã sinh lên trời Tam thập tam, liền nói kệ này:

*Thọ phước trong trời người,
Đức vương tử Kỳ-đà.
Làm lành, sau hưởng báo;
Đều do hiện báo nên.*

*Đây lo, kia cũng lo,
Luru-ly lo hai nơi;
Làm ác sau nhận ác;
Đều do hiện báo nên.*

*Phải nương vào phước đức,
Trước làm sau cũng vậy.*

*Hoặc là làm một mình,
Hoặc làm người không biết.*

*Làm ác, có biết ác;
Trước làm, sau cũng vậy.
Hoặc là làm một mình,
Hoặc làm người không biết.*

*Hưởng phước trong trời người,
Hai nơi đều hưởng phước;
Làm lành sau hưởng báo,
Đều do hiện báo nên.¹⁰*

*Đây lo, kia cũng lo,
Làm ác buồn hai nơi;
Làm ác sau nhận báo,
Đều do hiện báo nên.¹¹*

[692c01] Lúc ấy, năm trăm thiếu nữ dòng họ Thích quay về kêu gào danh hiệu Như Lai và nói rằng:

“Như Lai sanh ra ở đây và cũng từ chốn này xuất gia học đạo, sau đó thành Phật, vậy mà hôm nay Phật hoàn toàn không thấy, không nghĩ biết chúng ta đang gặp khổ não này, chịu sự đau đớn này. Vì sao Thế Tôn lại không thấy, không nghĩ?”

Bấy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhĩ thông suốt, nghe những người nữ họ Thích oán trách hướng về Phật. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy đến hết đây, cùng đi quán sát Ca-tỳ-la-vệ và để thăm những người thân đang qua đời.”

¹⁰ Cf. Dhp. 18.

¹¹ Cf. Dhp. 15.

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến Ca-tỳ-la-vệ. Khi năm trăm người nữ họ Thích từ xa thấy Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến, đều sinh lòng hổ thẹn.

Thích Đề-hoàn Nhân và Tỳ-sa-môn Thiên vương ở sau Thế Tôn quạt hầu. Thế Tôn quay lại bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

“Các người nữ họ Thích đều sinh lòng hổ thẹn.”

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Thích Đề-hoàn Nhân liền dùng thiên y che lên thân thể năm trăm người nữ này.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-sa-môn Thiên vương:

“Những người nữ này đói khát đã lâu ngày, nên làm điều gì cho thích hợp.”

Tỳ-sa-môn Thiên vương bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Đồng thời, Tỳ-sa-môn Thiên vương bày thức ăn trời tự nhiên cho các thiếu nữ họ Thích đều được đầy đủ. Thế Tôn tuần tự nói pháp vi diệu cho các cô. Thế Tôn dạy:

“Các pháp đều phải ly tan. Có hội ngộ thì có biệt ly. Các cô nên biết, năm thủ uẩn này đều phải chịu các nỗi khổ đau này, rơi trong năm đường. Phạm nhận thân năm uẩn tất phải chịu hành báo này. Đã có hành báo, tất phải thọ thai. Đã thọ thai phần, lại phải chịu báo khổ vui. Nếu ai không có năm thủ uẩn, tất không thọ nhận hình hài nữa.

Tăng nhất A-hàm

Nếu không thọ nhận hình hài thì không có sinh. Vì không có sinh nên không có già. Vì không có già nên không có bệnh. Vì không có bệnh nên không có chết. Vì không có chết nên không có khổ não của hội ngộ, biệt ly. Cho nên, các cô phải nghĩ đến sự biến đổi thành bại của năm uẩn này. Vì sao vậy? Vì biết năm uẩn là biết năm dục. Biết năm dục là biết pháp ái, biết pháp ái là biết pháp đắm nhiễm. Biết các việc này rồi, không còn thọ thai. Vì không thọ thai, không còn sanh, già, bệnh, chết.”

Bấy giờ, Thế Tôn [693a01] lại tuần tự nói pháp này cho các người nữ họ Thích: Ngài luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sinh thiên; dục là tướng bất tịnh, xuất yếu là an lạc. Khi Thế Tôn thấy tâm ý các cô này đã được khai mở. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là khổ, tập, tận, đạo; bấy giờ, Thế Tôn cũng vì họ mà thuyết. Bấy giờ, những người nữ, các trần cấu hết sạch, được mắt pháp trong sạch, mọi người từ chỗ họ mà qua đời, đều sinh lên trời.

Rồi Thế Tôn đến cửa thành Đông, thấy trong thành lửa cháy dữ dội, liền nói kệ này:

*Tất cả hành vô thường.
Có sinh ắt có tử.
Không sinh thì không tử.
Sự ấy diệt, tối lạc.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy đến hết trong vườn Ni-câu-lưu, theo thứ lớp mà ngồi.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đây là vườn Ni-câu-lưu. Xưa kia ở nơi này Ta vì các Tỳ-kheo rộng nói pháp mầu, nhưng nay trống rỗng không

còn một ai. Ngày xưa, hàng nghìn vạn người đắc đạo, được mất pháp trong sạch ở đây. Từ nay về sau, Như Lai không còn trở lại chốn này.”

Thế Tôn vì các Tỳ-kheo thuyết pháp xong, mọi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi, về đến vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay vua Luru-ly và các binh chúng ở đời sẽ không còn bao lâu. Sau bảy ngày nữa họ sẽ bị tiêu diệt hết.”

Lúc ấy, vua Luru-ly nghe Thế Tôn báo hiệu, vua Luru-ly và binh chúng sau bảy ngày nữa sẽ bị tiêu diệt hết. Nghe vậy, vua lo sợ bảo quần thần:

“Nay Như Lai đã báo hiệu, sau bảy ngày nữa vua Luru-ly và binh chúng sẽ bị tiêu diệt hết. Các ngươi xem, ngoài biên giới có giặc cướp, tai biến nước lửa, đến xâm phạm nước chẳng? Bởi vì sao? Vì chư Phật Như Lai không có hai lời. Lời nói quyết không đổi khác.”

Bà-la-môn Hảo Khổ tâu với vua:

“Vua chớ có lo sợ. Nay bên ngoài không có nạn giặc cướp đáng sợ, cũng không tai biến nước lửa. Hôm nay, Đại vương hãy cứ vui chơi thỏa thích.”

Vua Luru-ly nói:

“Bà-la-môn nên biết, chư Phật Thế Tôn không bao giờ sai lời.”

Vua Luru-ly cho người đếm ngày, đến đầu ngày thứ bảy, Đại vương vui mừng hơn hờ không tự chế được, liền dẫn

Tăng nhất A-hàm

binh chúng và các thế nữ đến bờ sông A-chi-la¹² mà tự vui chơi và nghỉ đêm ở đó. Vào lúc nửa đêm, bất ngờ mây nổi dậy mưa gió dữ dội. Lúc ấy, vua Luru-ly và binh chúng cùng bị nước cuốn trôi, đều bị tiêu diệt, thân hoại mạng chung bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Cung điện thành nội lại bị lửa trời thiêu đốt. Bấy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhãn quan sát thấy vua Luru-ly và binh bốn bộ bị nước cuốn trôi, mạng chung tất cả đều vào địa ngục.

Thế Tôn liền nói kệ này:

*Làm việc tối cực ác,
Đều do thân, miệng làm.
Nay thân cũng chịu khổ,
Thọ mạng cũng ngăn ngại.
Nếu khi ở trong nhà,
Thì bị lửa thiêu đốt.
Đến lúc mạng qua đời,
Tất sinh vào địa ngục.*

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Sau khi chết, vua Luru-ly và binh lính sanh nơi nào?”

Thế Tôn bảo:

“Vua Luru-ly sanh vào địa ngục A-tỳ”

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Xưa kia các Thích tử đã tạo ra nhân duyên gì mà nay bị vua Luru-ly làm hại?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ngày xưa, trong thành La-duyệt này có một thôn đánh

¹² A-chi-la hà. Pāli, Aciravatī, sông chảy ngang qua Xá-vệ. Từ cung điện vua có thể nhìn thấy.

cá. Thời ấy, gặp lúc đói kém, người ăn rế cây, một thặng vàng đổi một thặng gạo. Trong thôn lúc đó có một hồ nước lớn, lại nhiều cá. Mọi người dân trong thành La-duyet đến nơi hồ bắt cá ăn. Vào lúc đó, trong hồ có hai giống cá, một gọi là câu tóa,¹³ hai gọi là lưỡng thiệt.¹⁴ Lúc ấy, hai giống cá nói với nhau: ‘Đối với những người này, trước đây chúng ta không có lỗi lầm. Ta là loài thủy tánh, không ở đất khô. Những người dân này đều đến ăn thịt chúng ta. Bao nhiêu phước đức chúng ta có đời trước, nay sẽ dùng để báo oán này.’

“Lúc ấy, trong thôn có một cậu bé mới tám tuổi, không bắt cá, lại cũng không hại chúng, nhưng cá kia ở trên bờ, tất cả đều bị chết, thấy vậy cậu bé rất là vui mừng.

“Tỳ-kheo nên biết, các người chớ nghĩ nhân dân trong thành La-duyet lúc bấy giờ há là người nào khác, mà nay chính là họ Thích. Cá câu tóa bấy giờ, nay là vua Lưu-ly. Cá lưỡng thiệt bấy giờ, thì nay là bà-la-môn Hảo Khổ. Còn cậu bé thấy cá nằm [693c01] trên bờ mà cười lúc ấy, nay chính là Ta. Bấy giờ, họ Thích ngồi bắt cá ăn. Vì nhân duyên này, nên trong vô số kiếp vào trong địa ngục, nay phải chịu báo này. Lúc ấy, Ta ngồi nhìn mà cười nên nay bị đau đầu giống như bị đá đè, hoặc như đầu đội núi Tu-di. Vì sao vậy? Vì Như Lai vốn không nhận hình hài nữa, đã xả bỏ các hành, vượt qua các ách nạn. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là vì nhân duyên này, nay chịu báo này. Các Tỳ-kheo, hãy giữ thân, miệng, ý hành, hãy niệm cung kính thừa sự người phạm hạnh.

“Các Tỳ-kheo cần phải học những điều này như vậy.”

¹³ Câu tóa 拘瓊, cá móc câu?

¹⁴ Lưỡng thiệt 兩舌, cá hai lưỡi?

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên biết, khi một con dân trời sắp mạng chung, có năm điềm báo ứng hiện ra trước. Năm điềm gì? Một là hoa trên mũ héo, hai là y phục dơ bẩn, ba là thân thể hôi hám, bốn là không thích chỗ ngồi của mình, năm là các thiện nữ tan tác.¹⁵ Đó gọi là năm điềm báo ứng con dân trời sắp mạng chung.”

“Lúc ấy, con dân trời hết sức sầu lo, đấm ngực kêu gào. Bấy giờ, các con dân trời khác lại đến chỗ con dân trời này, nói với vị ấy rằng: ‘Ngài tương lai có thể sinh vào thiện xứ. Đã sinh thiện xứ, tất được thiện lợi. Đã được thiện lợi hãy niệm an xử thiện nghiệp.’ Chư thiên đã giáo thọ vị ấy như vậy.”

Lúc ấy, có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Trời Tam thập tam được sanh thiện xứ là thế nào? Tất được thiện lợi là thế nào? An xử thiện nghiệp là thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Đối với chư thiên, cõi người là thiện xứ. Được thiện lợi, là sanh trong nhà chánh kiến, thân cận thiện tri thức, có

¹⁵ Thiên nữ tinh tán 天女星散; trên kia, kinh số 6, phẩm 32, nói là ngọc nữ vi phạm 玉女違叛.

tín căn trong pháp Như Lai. Đó gọi là tất được thiện lợi. Sao gọi là an xử thiện nghiệp? Có tín căn trong pháp Như Lai, cạo bỏ râu tóc, vì lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo. Khi học đạo, tánh giới đầy đủ, các căn không thiếu, đồ ăn thức uống biết đủ, thường niệm kinh hành, đạt được tam minh. Đó gọi là an xử thiện nghiệp.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người, nơi lành của trời.

Bạn lành là thiện lợi.

[694a01] Xuất gia là thiện nghiệp;

Diệt lậu, thành vô lậu.

“Tỳ-kheo nên biết, trời Tam thập tam say đắm ngũ dục. Họ coi nhân gian là thiện xứ. Ở trong pháp Như Lai được xuất gia là được thiện lợi mà được tam minh. Vì sao vậy? Phật Thế Tôn đều xuất hiện từ cõi người, chẳng phải từ cõi trời mà được. Cho nên, Tỳ-kheo ở đây mạng chung sẽ sinh lên trời.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

“Thế nào là Tỳ-kheo sẽ sanh theo hướng thiện¹⁶?”

Thế Tôn bảo:

“Niết-bàn chính là định hướng thiện của Tỳ-kheo. Nay Tỳ-kheo, người hãy tìm cầu phương tiện đạt đến Niết-bàn.”

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁶ 善趣 thiện thú, *sugati*.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Sa-môn xuất gia có năm pháp hủy nhục. Sao gọi là năm? Một là tóc trên đầu dài. Hai là móng tay dài. Ba là y áo dơ bẩn. Bốn là không biết thời nghỉ. Năm là bàn nói nhiều. Vì sao vậy? Bàn nói nhiều, Tỳ-kheo lại có năm việc. Sao gọi là năm? Một là người không tin lời. Hai không chịu nhận lời dạy. Ba là người không thích gặp. Bốn là nói dối. Năm là gây đấu loạn kia đây. Đó là năm việc xảy ra cho người nói chuyện nhiều. Đó gọi là người bàn nói nhiều có năm việc này. Tỳ-kheo, hãy trừ năm việc này, chớ có tà tướng.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá Vệ. Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la¹⁷ bảo các quần thần:

“Hãy chinh bị xe gắn lông chim báu*. Ta đến thành Xá-vệ thăm viếng Thế Tôn.”

¹⁷ Tần-bà-sa-la 頻毘娑羅. Pāli: Bimbisāra. Trên kia âm là Tỳ-sa; xem kinh 3 phẩm 6.

Quần thần tuân lệnh vua, chỉnh bị xe gắn lông chim báu, rồi đến trước tâu vua:

“Đã chuẩn bị xe xong, xin vua biết thời cho.”

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la lên xe gắn lông chim báu ra khỏi thành La-duyet, đi đến thành Xá-vệ, lần hồi đến tỉnh xá Kỳ-hoàn, rồi đi bộ vào tỉnh xá Kỳ-hoàn. Phạm theo phép, vua quán đánh¹⁸ có năm nghi trượng; vua đều cởi bỏ, để sang một bên, rồi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn lần lượt vì vua mà nói pháp vi diệu. Khi vua nghe pháp xong, bạch [694b01] Thế Tôn:

“Cúi xin Như Lai hãy hạ an cư tại thành La-duyet. Con sẽ cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của vua Tần-bà-sa-la. Khi vua thấy Thế Tôn im lặng nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, nhiễu quanh ba vòng, lui đi, trở về thành La-duyet, vào trong cung.

Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la ở nơi vắng vẻ, nghĩ thầm: “Ta có thể cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng suốt đời ta, y áo, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngựa cưỡi, thuốc men chữa bệnh. Nhưng cũng phải thương xót những người nghèo hèn kia.”

Rồi vua Tần-bà-sa-la bảo quần thần:

“Hôm qua, ta nghĩ thầm như vậy: ‘Ta có thể suốt đời cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng về y áo, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngựa cưỡi, thuốc men chữa bệnh.

¹⁸ Nguyên Hán: Thùy quán đầu vương 水灌頭王, vua Quán đánh (Pāli: *muddhābhisitta-rājā*).

Nhưng cũng phải thương xót những người nghèo hèn. Các khanh hãy đốc suất nhau, theo thứ tự cúng dường Như Lai và các Hiền thi sẽ mãi mãi hưởng phước vô cùng.”

Bấy giờ, vua nước Ma-kiệt cho xây một giảng đường lớn trước cung điện, rồi bày ra những đồ đựng thức ăn.

Bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi nước Xá-vệ, dẫn năm trăm Tỳ-kheo, lần hồi du hóa nhân gian, đến chỗ Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyet. Khi vua Tần-bà-sa-la nghe Thế Tôn đi đến trong vườn Trúc Ca-lan-đà, liền lên xe gắn lông chim báu đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, bạch Thế Tôn:

“Con ở nơi yên tĩnh nghĩ thầm như vậy: ‘Như hôm nay, ta có thể bày biện y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh.’ Nhưng con nghĩ đến những gia đình thấp kém, liền bảo quần thân: ‘Các vị mỗi người hãy bày biện đồ ăn uống để lần lượt cúng dường Phật.’ Thế nào, Thế Tôn, điều này là nên hay không nên?”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay! Đại vương làm lợi ích cho nhiều người, đã vì trời người mà tạo ruộng phước.”

Vua Tần-bà-sa-la bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn ngày mai vào cung thọ thực.”

Khi vua Tần-bà-sa-la thấy Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh rồi, liền đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi lui đi.

Sáng hôm sau, Thế Tôn khoác y, mang bát vào thành, đến trong cung vua, ngồi theo thứ lớp. Lúc ấy, vua cung cấp thức ăn trăm [694c01] vị, tự tay san sót, vui vẻ không tán loạn. Khi thấy Thế Tôn thọ thực đã xong, đã rửa bát,

vua Tần-bà-sa-la lấy một chiếc ghế thấp đến ngồi phía trước Phật.

Thế Tôn tuân tự vì vua nói pháp vi diệu, khiến vua sanh tâm hoan hỷ. Thế Tôn nói pháp vi diệu cho vua và quần thần, nói các đề tài về bố thí, về trì giới, về sanh thiên, dục là tướng bất tịnh, dâm là uế ác, xuất yếu là an lạc.

Khi Thế Tôn đã biết tâm ý các chúng sanh này đã khai mở, không còn hồ nghi nữa, như pháp mà chư Phật thường thuyết, là khổ, tập, tận, đạo; bấy giờ, Thế Tôn cũng vì họ mà nói hết. Hơn sáu mươi người từ trên chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ, Thế Tôn vì vua Tần-bà-sa-la cùng các nhân dân mà nói kệ tụng này:

*Tế tự¹⁹, lừa trên hết.
Các sách, kệ là nhất.
Vua, tôn quý loài người.
Các sông, biển là nguồn.
Trong sao, trăng sáng nhất.
Ánh sáng, mặt trời nhất.
Trên dưới và bốn phương,
Trong hết thầy vạn vật,
Trời và người thế gian,
Phật là trên tất cả.
Ai muốn cầu phước kia
Hãy nên cúng dường Phật.*

Sau khi nói bài kệ này xong, Phật rời chỗ ngồi đứng dậy ra về. Lúc ấy, nhân dân trong thành La-duyet tùy dòng họ sang hèn, theo nhà ít nhiều mà cúng dường cơm cho Phật và Tăng Tỳ-kheo.

¹⁹ Xem kinh 4 phẩm 18.

Tăng nhất A-hàm

Bảy giờ, Thế Tôn ở khu Ca-lan-đà, trong vườn Trúc; nhân dân trong nước không có ai là không cúng dường. Khi ấy, trong thành La-duyet, đến lượt các bà-la-môn cúng dường thức ăn. Các bà-la-môn bèn nhóm họp lại một chỗ, bàn luận rằng:

“Chúng ta mỗi người chi ra ba lượng tiền vàng để mua thức ăn cúng dường.”

Khi ấy trong thành La-duyet có một bà-la-môn tên Kê-đầu, rất là nghèo thiếu, chỉ tự đủ sống còn, không có tiền vàng để góp, liền bị các bà-la-môn đuổi ra khỏi chúng.”

Bà-la-môn Kê-đầu trở về nhà nói với vợ ông:

“Nàng nên biết, hôm nay, ta bị các bà-la-môn trục xuất, không cho ở trong chúng. Vì sao vậy? Vì ta không có tiền vàng.”

[695a01] Người vợ nói:

“Hãy trở vào trong thành năn nỉ người vay nợ, ắt sẽ được. Hẹn với chủ nợ rằng: ‘Sau bảy ngày sẽ trả lại, nếu không trả nợ thì chính tôi và vợ sẽ chịu làm tôi tớ.’”

Ông bà-la-môn nghe theo lời vợ, liền vào trong thành tìm cầu khắp mọi nơi, vẫn không thể được. Ông trở về nhà nói với vợ:

“Tôi tìm cầu mọi nơi rồi mà không thể được. Nên như thế nào?”

Người vợ nói:

“Phía đông thành La-duyet có đại gia chủ tên là Bất-xa-mật-đa-la, nhiều tiền lắm của, ta có thể đi đến đó mà cầu vay nợ. Xin cho vay ba lượng tiền vàng, sau bảy ngày sẽ trả lại, nếu không trả thì chính tôi và vợ sẽ chịu làm tôi tớ.”

Bà-la-môn theo lời vợ, đến nói với Bất-xa-mật-đa-la vay tiền vàng, không quá bảy ngày tự sẽ trả lại, nếu không trả thì chính ông và vợ sẽ chịu làm tôi tớ. Bất-xa-mật-đa-la liền trao cho tiền vàng.

Bà-la-môn Kê-đâu đem tiền vàng này về đến chỗ vợ, và bảo:

“Đã được tiền vàng. Phải làm gì cho thích hợp?”

Người vợ nói:

“Hãy đem số tiền này nộp cho chúng.”

Bà-la-môn kia liền đem tiền vàng đến nộp cho chúng. Các bà-la-môn nói với bà-la-môn này:

“Chúng tôi đã chuẩn bị xong, hãy đem tiền vàng này về chỗ cũ, không cần ông ở trong chúng này.”

Bà-la-môn kia liền trở về nhà, đem nhân duyên này nói lại cho vợ. Người vợ nói:

“Hai chúng ta cùng đến chỗ Thế Tôn, tự trình bày hết lòng thành.”

Bà-la-môn dẫn vợ mình đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi rồi ngồi qua một bên. Người vợ ông cũng đánh lễ sát chân cùng ngồi qua một bên. Rồi bà-la-môn đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo bà-la-môn:

“Ông hãy vì Như Lai và Tăng Tỳ-kheo mà bày đồ ăn thức uống đầy đủ.”

Bà-la-môn quay lại bàn kỹ càng với vợ ông. Thời người vợ nói:

“Chỉ làm theo lời Phật dạy, chớ có phân vân.”

Tăng nhất A-hàm

Bây giờ, bà-la-môn liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn và Tăng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của con.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của bà-la-môn.

Bây giờ, Thích Đề-hoàn Nhân đang chấp tay hầu sau Thế Tôn. Thế Tôn quay lại bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

“Ông hãy giúp bà-la-môn này bày biện thức ăn.”

Thích [695b01] Đề-hoàn Nhân bạch:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Lúc ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương đứng cách Như Lai không xa, dẫn theo các chúng quý thần không kể xiết, từ xa quạt Thế Tôn.

Thích Đề-hoàn Nhân nói với Tỳ-sa-môn Thiên vương:

“Ông cũng phải theo giúp bà-la-môn kia bày biện thức ăn này.”

Tỳ-sa-môn Thiên vương đáp:

“Tuân lệnh, thưa Thiên vương!”

Tỳ-sa-môn Thiên vương đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, nhiễu Phật ba vòng, rồi tự biến mất. Ông hóa làm một người, lãnh năm trăm quý thần, cùng lo bày biện thức ăn. Tỳ-sa-môn Thiên vương ra lệnh cho các quý thần: “Các người hãy gấp vào trong rừng chiên đàn để lấy chiên đàn. Ở trong nhà bếp có năm trăm quý thần làm thức ăn.”

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bảo thiên tử Tụ Tại²⁰:

“Hôm nay Tỳ-sa-môn Thiên vương đã dựng nhà bếp làm thức ăn cho Phật và Tăng Tỳ-kheo. Ông hãy hóa ra giảng đường cho Phật và Tăng Tỳ-kheo ở trong đó thọ thực.”

Thiên tử Tụ Tại đáp:

“Xin tuân lệnh!”

Rồi thiên tử Tụ Tại theo lời Thích Đề-hoàn Nhân, cách thành La-duyet không xa, hóa làm giảng đường bằng bảy báu. Bảy báu đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, mã não, trân châu, xa cừ. Lại hóa làm bốn cầu thang bằng vàng, bạc thủy tinh, lưu ly. Trên cầu thang vàng thì hóa ra cây bạc, trên cầu thang bạc thì hóa ra cây vàng, rễ vàng, thân bạc, cành bạc, lá bạc. Trên cây vàng thì hóa ra lá bạc, cành bạc. Trên cầu thang thủy tinh thì hóa ra cây lưu ly cũng được trang sức bằng đủ thứ không thể nói hết. Lại dùng đủ loại châu báu mà lót bên trong, dùng bảy báu che lên trên, bốn phía đều treo linh vàng, song các linh này đều phát ra tám loại âm thanh. Lại hóa ra giường, ghế tốt, trải nệm tốt, treo phướn, lọng thêu thùa, hiếm có trên đời. Lúc ấy, họ dùng chiên-đàn ngưu-đầu đốt lửa làm thức ăn, khiến mười hai do tuần cạnh thành La-duyet đều tràn ngập hương thơm ở trong đó. Lúc này, vua nước Ma-kiệt-đà bảo các quần thần:

“Ta lớn lên trong thâm cung từ nhỏ, chưa nghe mùi hương này. Vì có gì lại nghe mùi hương thơm này bên cạnh thành La-duyet?”

Quần thần tâu:

²⁰ Có lẽ nơi khác phiên âm là Tì-thù-yết-ma 毘首羯磨, vị thần kiến trúc của Thiên đế Thích; xem *Đại trí độ* 4 T25 tr. 88a5.

“Đó là ở trong nhà nấu ăn bà-la-môn Kê-đầu. Mà hương chiên-đàn trời là điềm lành ứng hiện.”

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la bảo các quần thần:

“Hãy mau chuẩn bị xe gắn lông chim báu. Ta muốn đi đến chỗ Thế Tôn để [695c01] hỏi thăm về việc này.”

Các quần thần tâu:

“Thưa vâng, Đại vương!”

Vua Tần-bà-sa-la liền đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, vua thấy trong bếp này có năm trăm người đang nấu thức ăn, bèn hỏi:

“Đây là những người nào đang nấu thức ăn vậy?”

Các quý thần mang hình người đáp:

“Bà-la-môn Kê-đầu thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường.”

Lúc ấy, nhà vua lại từ xa trông thấy giảng đường cao rộng liền hỏi người hầu:

“Đây là giảng đường do người nào tạo ra? Vì ai tạo ra? xưa nay chưa từng có!”

Quần thần đáp:

“Việc này chúng thần không rõ!”

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la nghĩ thầm: ‘Nay ta sẽ đi đến chỗ Thế Tôn để hỏi nghĩa này, vì Phật Thế Tôn không việc gì không biết, không việc gì không thấy.’ Lúc này, vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la bạch Thế Tôn:

“Trước đây không thấy giảng đường cao rộng này, hôm

nay lại thấy. Xưa nay không thấy nhà bếp sắt này, hôm nay lại thấy. Làm bằng vật gì, và do ai biến ra.?”

Thế Tôn bảo:

“Đại vương nên biết! Đó là Tỳ-sa-môn Thiên-vương dựng lên nhà bếp và thiên tử Tự Tại dựng lên giảng đường này.”

Lúc ấy, vua nước Ma-kiệt-đà ở trên chỗ ngồi, khóc thương lẫn lộn, không tự chế được. Thế Tôn bảo:

“Sao Đại vương lại thương khóc cho đến như vậy?”

Vua Tần-bà-sa-la bạch Phật:

“Con không dám thương khóc, chỉ nghĩ đến nhân dân đời sau không thấy bậc Thánh xuất hiện, người trong tương lai tham đắm của cải vật chất, không có oai đức, ngay đến tên của báu lạ này còn không nghe hưởng gì là thấy! Nay nhờ ơn Như Lai mà có sự biến hóa kỳ lạ xuất hiện ở đời cho nên con thương khóc.”

Thế Tôn bảo:

“Đời tương lai, quốc vương và nhân dân, thật sự sẽ không thấy sự biến hóa này!”

Bấy giờ, Thế Tôn liền vì quốc vương mà nói pháp, khiến phát tâm hoan hỷ. Sau khi nghe pháp xong, vua rời chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Lúc ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương bảo bà-la-môn Kê-đầu:

“Ông hãy xòe bàn tay phải.”

Bà-la-môn Kê-đầu liền xòe bàn tay phải ra. Tỳ-sa-môn Thiên vương trao cho một thỏi vàng và bảo:

“Cầm thỏi vàng này đặt lên đất.”

Tăng nhất A-hàm

Bà-la-môn liền để nó lên đất. Tức thì nó biến thành trăm ngàn lượng vàng. Tỳ-sa-môn Thiên vương bảo rằng:

“Ông hãy cầm thỏi vàng này vào trong thành mua các loại đồ ăn thức uống mang lại chốn này.”

Theo lời dạy Thiên vương, bà-la-môn liền mang vàng này [696a01] vào thành mua đủ loại đồ ăn thức uống mang về nhà bếp. Lúc ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương tắm gội bà-la-môn, cho mặc các loại y phục đẹp, tay cầm lư hương và dạy rằng: ‘Đã đến giờ, nay đã đúng giờ, xin Thế Tôn chiếu cố.’

Bấy giờ, bà-la-môn liền vâng theo lời dạy kia, tay bưng lư hương mà bạch:

“Đã đến giờ, cúi xin chiếu cố.”

Bấy giờ, Thế Tôn đã biết đến giờ, liền khoác y, mang bát, dẫn các Tỳ-kheo đến giảng đường, rồi ngồi theo thứ lớp. Chúng Tỳ-kheo-ni cũng theo thứ tự ngồi.

Lúc ấy, bà-la-môn Kê-đầu thấy đồ ăn thức uống rất nhiều nhưng chúng Tăng lại ít, đến trước bạch Thế Tôn:

“Hôm nay, đồ ăn thức uống rất nhiều mà chúng Tăng lại ít, không biết phải làm sao?”

Thế Tôn bảo:

“Nay bà-la-môn, ông hãy bưng lư hương này để lên trên đài cao, hướng về các phía Đông, Tây, Nam, Bắc mà khấn rằng:

“Những vị đệ tử của Phật Thích-ca Văn đã được sáu thần thông, A-la-hán lậu tận, xin vân tập hết đến giảng đường này.”

Bà-la-môn bạch:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Bảy giờ, bà-la-môn vâng theo lời Phật dạy, liền lên lầu thỉnh các vị A-la-hán lậu tận. Lúc đó, phương Đông có hai mươi một ngàn A-la-hán, từ phương Đông đến giảng đường này. Các phương Nam, Tây, Bắc mỗi phương cũng đều có hai mươi một ngàn vị A-la-hán đến giảng đường này. Lúc này, trên giảng đường có tám vạn bốn ngàn A-la-hán tập hợp ở một chỗ.

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la dẫn các quần thần đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân và lễ Tăng Tỳ-kheo. Sau khi bà-la-môn Kê-đầu thấy chúng Tăng rồi, vui mừng hơn hờ không tự chế được, dọn đồ ăn thức uống cúng dường Phật và Tăng Tỳ-kheo, tự tay san sát, hoan hỷ không tán loạn. Nhưng thức ăn vẫn còn dư.

Lúc ấy, bà-la-môn Kê-đầu lên trước bạch Phật:

“Hôm nay, con đã cúng dường Phật và Tăng Tỳ-kheo, nhưng thức ăn hiện vẫn còn dư!”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông có thể thỉnh Phật và Tăng Tỳ-kheo cúng dường bảy ngày.”

Bà-la-môn đáp:

“Thưa vâng, bạch Cù-đàm.”

Lúc ấy, bà-la-môn Kê-đầu liền quỳ trước Thế Tôn bạch:

“Nay con thỉnh Phật và Tăng Tỳ-kheo cúng dường trong bảy ngày. Con sẽ cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngựa cưỡi, thuốc men chữa bệnh.”

Bảy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Lúc ấy, [696b01]

trong đại chúng có Tỳ-kheo-ni tên là Xá-curu-lợi.²¹ Tỳ-kheo-ni bạch Thế Tôn:

“Nay trong tâm con nghĩ thâm: ‘Có vị đệ tử Phật Thích-ca Vãn, A-la-hán lậu tận nào chưa vân tập đến đây không?’ Con đã dùng thiên nhãn quan sát bốn phương nhưng không thấy ai không đến. Nay trong đại hội này toàn là A-la-hán tập hợp.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Xá-curu-lợi, như lời cô nói, đại hội này toàn là các vị Chân nhân đông, tây, nam, bắc không ai không vân tập.”

Vì nhân duyên này, bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy Tỳ-kheo-ni nào thiên nhãn thấy suốt trong hàng Tỳ-kheo-ni như Tỳ-kheo-ni này hay không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Không thấy, bạch Thế Tôn!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đệ tử có thiên nhãn bậc nhất trong hàng Thanh văn, chính là Tỳ-kheo-ni Xá-curu-lợi.”

Lúc này, bà-la-môn Kê-đầu trong bảy ngày cúng dường Thánh chúng y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngựa cưỡi, thuốc men trị bệnh. Lại dùng hương hoa rải lên Như Lai. Khi ấy hoa ấy ở giữa hư không kết thành một cái đài lưới châu²² bảy báu. Bà-la-môn khi thấy đài lưới châu,

²¹ Xá-curu-lợi 舍鳩利. Trên kia, kinh 1 phẩm 5, phiên âm: Xa-câu-lê. Pāli: Sakulā.

²² Giao lộ đài 交露臺.

hết sức vui mừng không tự chế được, đến trước bạch Phật:
“Cúi xin đức Thế Tôn cho phép con được theo đạo làm
sa-môn.”

Bây giờ, bà-la-môn Kê-đầu liền được hành đạo. Khi đã
được hành đạo, các căn tịch tĩnh, tự tu luyện chí mình,
trừ bỏ ngủ nghỉ. Nếu mắt thấy sắc cũng không khởi niệm
tướng, nhãn căn ông cũng không tưởng ác hay theo đuổi
các niệm, mà hộ trì nhãn căn. Hoặc tai nghe tiếng, mũi
ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết trơn láng, không khởi
tưởng trơn láng, ý biết pháp cũng vậy.

Rồi ông diệt trừ năm cái vốn che lấp tâm người, khiến
người không trí huệ. Cũng không ý sát hại, mà tịnh tâm
mình, không giết, không niệm giết, không dạy người giết,
tay không cầm dao gậy, khởi tâm nhân từ hướng về hết
thảy chúng sanh. Trừ bỏ việc không cho mà lấy, không
khởi tâm trộm cắp, giữ ý mình sạch, thường có tâm bố thí
đổi tất cả chúng sanh, khiến cho họ không trộm cắp. Tự
mình không dâm dật, cũng lại dạy người khiến không
dâm dật, thường tu phạm hạnh, trong sạch không có vết
dơ, ở trong phạm hạnh mà thanh tịnh tâm mình. Tự mình
không vọng ngữ, cũng không dạy người vọng ngữ,
thường nghĩ chí thành, không có dối trá lừa gạt người đời,
ở trong đó mà tịnh [696c01] tâm mình. Lại không có nói
hai lưỡi, không dạy người khiến nói hai lưỡi, nếu nghe lời
hỏi nơi này không truyền đến nơi kia, hoặc nghe lời nơi
kia không truyền đến nơi này, ở trong đó mà tịnh ý mình.

Ăn uống biết đủ, không tham đắm mùi vị, không đắm sắc
màu tươi tốt, không ham mập trắng, chỉ muốn giữ thân
hình khiến toàn tánh mạng, muốn trừ cảm thọ cũ, khiến
cảm thọ mới không sinh, tu hành đắc đạo, mãi an trú
trong đất vô vi. Giống như có người nam, hay nữ dùng

cao mỡ bôi lên mụn ghẻ, chỉ vì muốn trừ khỏi bệnh. Ở đây cũng như vậy, sở dĩ ăn uống biết đủ là muốn cho cảm thọ cũ được trừ, cảm thọ mới không sanh.

Vị ấy sau đó lại hành đạo²³ từ sáng sớm, không mất thời tiết, không mất hành ba mươi bảy đạo phẩm. Khi ngồi, hoặc đi, trừ bỏ thụ miên cái. Đầu đêm, hoặc ngồi hoặc nằm, trừ bỏ thụ miên cái. Nửa đêm, nằm nghiêng hông phải chắm đất, hai chân chồng lên nhau, buộc niệm nơi ánh sáng. Cuối đêm, vị ấy hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành mà tịnh ý mình.

Sau khi ăn uống biết đủ, kinh hành không mất thời gian, trừ bỏ dục, tưởng bất tịnh, không các ác hành, vào sơ thiên²⁴ có tầm có tứ, có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và trú sơ thiên. Xả tầm và tứ, nội tâm tĩnh chỉ, có hỷ lạc do định sanh, chứng và trú nhị thiên. Ly hỷ, an trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân tự cảm giác lạc, điều mà Thánh nói là xả, niệm, an trú lạc, chứng và trú tam thiên. Diệt khổ lạc, ưu hỷ từ trước đã trừ, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng và trú tứ thiên.²⁵

Với tâm tam-muội,²⁶ thanh tịnh không tỳ vết, cũng đạt được vô sở úy; lại đạt được tam-muội, vị ấy tự nhớ lại việc vô số đời. Vị ấy nhớ lại việc quá khứ hoặc một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, ngàn đời, vạn đời, hàng ngàn vạn đời, thành kiếp bại kiếp,

²³ Hành đạo 行道; đây nên hiểu là kinh hành. Xem kinh 6 phẩm 21 trên, và đoạn tiếp theo dưới.

²⁴ Lưu ý để bản chép nhiều đảo cú so với bình thường, dẫn đến ngắt từ nhầm lẫn, do đó lẫn lộn giữa các thiên.

²⁵ Định cú về bốn thiên, xem kinh 1 phẩm 12 các cht. 42 và tiếp.

²⁶ Tức với tâm đã định tĩnh như trên.

kiếp của thành bại: Ta từng sanh chỗ kia, họ ấy, tên ấy, ăn thức ăn như vậy, hưởng khổ vui như vậy, tuổi thọ dài ngắn, chết ở kia, sanh ở đây; chết ở đây, sanh ở kia, nhân duyên gốc ngọn tất cả đều biết.

Lại với tâm tam-muội thanh tịnh không tỳ vết, đạt được vô sở úy, vị ấy quán sự sống chết của các loại chúng sanh. Vị ấy lại dùng thiên nhãn quán sát các loại chúng sanh, người sinh, người chết, đường lành, đường dữ, sắc lành, sắc dữ, hoặc tốt, hoặc xấu tùy hành nghiệp đã gieo; tất cả đều biết. Hoặc có chúng sanh với thân miệng ý tạo ác, phỉ báng Hiền Thánh, tạo [697a01] gốc nghiệp tà, thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Hoặc lại có chúng sanh với thân miệng ý hành thiện, không phỉ báng Hiền Thánh, thân hoại mạng chung sinh vào cõi trời, đường lành.

Vị ấy lại dùng thiên nhãn thanh tịnh quán sát các loài chúng sanh hoặc đẹp, hoặc xấu, đường lành, đường dữ, sắc lành, sắc dữ; tất cả đều biết, được vô sở úy.

Lại vận dụng tâm lậu tận²⁷, sau đó quán sát khổ này, như thật biết rằng đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, và đây là khổ xuất yếu. Sau khi vị ấy quán sát như vậy rồi, tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Đã được giải thoát, liền được trí giải thoát, như thật biết rằng: ‘Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa,’ phải biết như thật. Lúc ấy, Bà-la-môn Kê-đầu thành A-la-hán.

Tôn giả Kê-đầu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²⁷ Nên hiểu “hướng tâm đến lậu tận”. Chưa thấy Thánh đế thì chưa thể lậu tận.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế gian có năm sự cực kỳ không thể đạt được.²⁸ Những gì là năm? Vật phải mất mà muốn cho không mất, đó là không thể được. Pháp diệt tận mà muốn cho không diệt tận, đó là không thể được. Pháp già mà muốn cho không già, đó là không thể được. Pháp bệnh mà muốn cho không bệnh, đó là không thể được. Pháp chết mà muốn cho không chết, đó là không thể được.

“Này các Tỳ-kheo, đó là năm sự cực kỳ không thể đạt được. Dù Như Lai xuất thế hay Như Lai không xuất thế, pháp giới vẫn thường trụ như vậy, mà những tiếng sanh, già, bệnh, chết, vẫn không có mục nát, không bị diệt mất. Cái gì sinh ra, cái gì chết đi, đều quay về gốc.

“Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có năm sự này khó được. Hãy tìm cầu phương tiện tu hành năm căn. Sao gọi là năm? Đó là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn. Đó gọi là, Tỳ-kheo, hành năm căn này, thành Tu-đà-hoàn, Gia gia, Nhất chủng,²⁹ lên nữa thành Tư-đà-hàm, chuyển lên nữa diệt năm kết sử thành A-na-hàm ở trên kia mà nhập Niết-bàn chứ không trở lại đời này nữa, chuyển lên nữa hữu lậu diệt tận thành vô lậu, tâm giải

²⁸ Tham chiếu Pāli. A V 48 Alabbhanīyaṭṭhānasutta (R. iii. 54): *Pañcimāni alabbhanīyāni tñhānāni*, năm sự kiện không thể đạt được. Xem kinh số 7 phẩm 32.

²⁹ Các quả vị Thánh thuộc Tu-đà-hoàn, xem kinh số 7 phẩm 28 trên.

thoát, huệ giải thoát, tự thân tác chứng, tự an trú, biết như thật rằng không còn thọ thai nữa. Hãy tìm cầu phương tiện trừ bỏ năm sự trước, sau đó tu năm căn.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các [697b01] Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm hạng người không thể chữa trị. Sao gọi là năm? Người dua nịnh không thể chữa trị. Người gian tà không thể chữa trị. Người ác khẩu không thể chữa trị. Người ganh ghét không thể chữa trị. Người không báo đáp không thể chữa trị. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có năm hạng người này không thể chữa trị.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người gian tà, ác khẩu,
Ganh ghét, không báo đáp:
Người này không thể chữa,
Bị người trí bỏ rơi.*

“Cho nên, các Tỳ-kheo, thường xuyên hãy học ý chánh, trừ bỏ ganh ghét, tu tập oai nghi, nói năng như pháp, phải biết báo đáp, biết ân nuôi dưỡng kia, ân nhỏ còn không quên huống gì ân lớn. Chớ ôm lòng tham lam bủn xỉn, cũng không tự khen mình, cũng không khinh chê người.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Xưa kia, Thích Đề-hoàn Nhân bảo các trời Tam thập tam rằng: ‘Khi các vị đánh nhau với a-tu-la, nếu a-tu-la thua, chư thiên thắng, các vị hãy bắt a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la³⁰ trói năm chỗ rồi dẫn đến đây.’ Trong lúc đó, a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lại bảo với các a-tu-la rằng: ‘Hôm nay, các khanh đánh nhau với chư thiên, nếu thắng, hãy bắt Thích Đề-hoàn Nhân trói lại đưa đến đây.’

“Tỳ-kheo nên biết, lúc ấy hai bên đánh nhau, chư thiên thắng, a-tu-la thua. Bấy giờ, trời Tam thập tam bắt trói vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đem đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, đặt ở ngoài trung môn. Khi xem xét mình bị trói năm chỗ, vua a-tu-la nghĩ thầm: ‘Pháp chư thiên là chánh³¹. Hành vi của a-tu-la là phi pháp. Nay ta không thích a-tu-la, mà sẽ ở tại cung chư thiên này.’ Khi ấy, do suy nghĩ rằng: ‘Pháp chư thiên là [697c01] chánh. Hành vi của a-tu-la là phi pháp. Ta muốn ở chốn này.’ Vừa nghĩ như vậy, tức thì vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền cảm thấy thân không còn bị trói, ngũ dục tự vui thích. Nhưng khi vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ như vậy,

³⁰ Tỳ-ma-chất-đa-la 毘摩質多羅. Pāli: Vepacitti (Skt. Vemacitra, *Mahāvīyutpatti* 172, 3393)

³¹ Đề bản: Chính 整. TNM: Chánh.

rằng: ‘Chư thiên là phi pháp. Pháp a-tu-la là chánh. Ta không cần trời Tam thập tam này. Ta muốn trở về cung a-tu-la.’ Tức thì, thân vua a-tu-la bị trói năm chỗ, ngũ dục vui thích tự nhiên biến mất.

“Tỳ-kheo nên biết, không có sự trói buộc nào chặt hơn đây. Nhưng so đây, sự trói buộc của Ma còn chặt hơn. Nếu khởi kết sử, là bị Ma trói buộc. Dao động, bị Ma trói buộc. Bất động, không bị Ma trói buộc. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện khiến tâm không bị trói buộc, nên vui thích nơi nhàn tĩnh. Vì sao vậy? Vì các kết sử này là cảnh giới của Ma. Nếu có Tỳ-kheo nào ở cảnh giới Ma thì quyết không thể thoát sanh, già, bệnh, chết, không thoát sầu ưu khổ não. Nay Ta nói về sự dứt khổ này. Nếu Tỳ-kheo tâm không dao động, không dính kết sử, liền thoát sanh, già, bệnh, chết, sầu lo, khổ não. Nay Ta nói về sự dứt khổ này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này: không có kết sử, vượt ra khỏi cõi Ma.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bảy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên, rồi bạch Thế Tôn:

“Phàm nói là tận thì những pháp gì gọi là tận?”

Thế Tôn bảo:

Tăng nhất A-hàm

“A-nan, sắc do nhân duyên vô vi mà có tên này. Vô dục, vô vi, gọi là pháp diệt tận. Pháp ấy bị diệt tận, được gọi là diệt tận. Thọ, tưởng, hành, thức, vô vi, vô tác, đều là pháp diệt tận, vô dục, vô nhiễm ô. Pháp ấy bị diệt tận nên gọi là diệt tận.

“A-nan nên biết, năm thủ uẩn vô dục, vô tác, là pháp diệt tận. Pháp ấy bị diệt tận nên gọi là diệt tận. Năm thủ uẩn này vĩnh viễn đã diệt tận, không sanh trở lại nữa nên gọi là diệt tận.”

Các Tỳ-kheo, sau khi A-nan nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

[698a01] Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Đức Thế Tôn:

“Thế nào, thưa Cù-đàm, có nhân duyên gì, có hành vi nào đời trước khiến cho loài người này có tận, có diệt, có giảm thiểu? Xưa là thành quách, hôm nay đã hoại vong. Xưa có người dân, hôm nay bãi hoang?”

Thế Tôn bảo:

“Bà-la-môn, nên biết, do những hành động của nhân dân này phi pháp nên khiến xưa có thành quách hôm nay bị ma diệt, xưa có người dân hôm nay bãi hoang, đều do dân sống xan tham trói buộc, quen hành ái dục đưa đến, khiến cho mưa gió không đúng thời, gieo trồng hạt mầm không phát triển. Lúc đó, nhân dân chết đầy đường.

“Bà-la-môn nên biết, do nhân duyên này nên đất nước bị hủy hoại, nhân dân không đông đúc.

“Lại nữa, Bà-la-môn, việc làm của con người là phi pháp gây nên sấm, sét, chớp giạt tự nhiên; trời giáng mưa đá phá hoại mùa màng. Bây giờ, người dân chết khó kể xiết.

“Lại nữa, Bà-la-môn, những việc làm của con người phi pháp, đấu tranh lẫn nhau, hoặc dùng nắm tay đâm nhau, hoặc gạch đá ném nhau, mọi người tự táng mạng mình.

“Lại nữa, Bà-la-môn, con người ấy đã đánh nhau nên chỗ ở mình không yên, quốc chủ không an ninh. Họ khởi binh chúng công phạt lẫn nhau, dẫn đến nhiều người chết khó tả, hoặc có người bị đao, hoặc có người bị tên bắn chết. Như vậy, này Bà-la-môn, do những nhân duyên này, khiến số người giảm bớt, không đông đúc lại được.

“Lại nữa, Bà-la-môn, vì những việc làm của con người là phi pháp, nên khiến thần kì không giúp cho được thuận tiện, hoặc gặp khốn ách tật bệnh nằm liệt giường, người trừ khỏi thì ít, người dịch chết thì nhiều. Này Bà-la-môn, đó gọi là vì nhân duyên này khiến dân giảm thiểu, không còn đông đảo nữa.

Bây giờ, Bà-la-môn Sanh Lộ bạch Thế Tôn:

“Những gì Cù-đàm nói thật là hay thay, khi nói về ý nghĩa giảm thiểu của con người xưa này. Đúng như lời Như Lai dạy, xưa có thành quách, hôm nay đã ma diệt, xưa có nhân dân, nay là bãi hoang. Vì sao vậy? Vì có phi pháp, liền sanh tham lam, ganh ghét. Vì tham lam, ganh ghét nên sanh nghiệp tà. Vì nghiệp tà nên trời mưa không đúng thời, ngũ cốc không chín, nhân dân không mạnh, cho nên khiến phi pháp lưu hành, trời giáng tai biến, bại hoại mầm sanh. Vì họ hành phi pháp, ham đắm

tham lam, ganh ghét. Bấy giờ, quốc chủ [698b01] không an ninh, họ dấy binh chúng công phạt lẫn nhau, người chết không thể kể, nên khiến đất nước hoang tàn, nhân dân ly tán.

“Những gì Thế Tôn nói hôm nay thật là hay thay! Do phi pháp nên đưa đến tai họa này. Giả sử bị người khác bắt, và bị giết chết. Đó là do phi pháp nên sanh tâm trộm cắp. Đã sanh trộm cắp, sau đó bị vua giết. Vì sanh tà nghiệp nên bị phi nhân chi phối. Vì nhân duyên này nên mạng chung, nhân dân giảm thiểu, nên khiến không có thành quách để cư trú.

“Thưa Cù-đàm, những gì Ngài nói hôm nay là quá nhiều. Giống như người gù được thẳng, người mù được đôi mắt, trong tối được sáng, người không có mắt làm cho có đôi mắt. Nay, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện để thuyết pháp. Nay con lại xin tự quy y Phật, Pháp, Tăng, xin cho phép làm Ưu-bà-tắc, suốt đời không dám sát sanh nữa. Nếu Sa-môn Cù-đàm gặp con cỡi voi, cỡi ngựa, mà thấy con bày vai hữu, cúi xin Thế Tôn nhận sự lễ bái của con; đó là do sự cung kính của con. Vì sao vậy? Vì con được các vị vua như Ba-tư-nặc, vua Tần-bà-sa-la, vua Ưu-điền, vua Ác Sanh, vua Ưu-đà-diên ban cho phước thọ phạm³². Con sợ mất cái đức này. Nếu lúc con đi bộ mà thấy Cù-đàm đến, con sẽ cỡi bỏ giày, cúi xin Thế Tôn nhận con lễ bái.”

Bấy giờ, Thế Tôn gật đầu chấp nhận. Bà-la-môn Sanh Lậu vui mừng hớn hở, không tự kèm chế được, đến trước bạch với Phật:

³² Thọ phạm chi phước 受梵之福; dịch nghĩa đen, từ gốc Pāli: *Brahmadeyya*: Tặng phẩm của Phạm thiên, chi ân tứ hay phong ấp mà vua chúa ban cho.

“Nay con lại xin tự quy y Sa-môn Cù-đàm, cúi xin Thế Tôn cho phép con làm ưu-bà-tắc.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền vì ông nói pháp, khiến phát tâm hoan hỷ. Bà-la-môn sau khi nghe pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Bà-la-môn Sanh Lậu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³³

³³ Bản Hán, hết quyển 26.

35. PHẨM TÀ TỤ

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có người ở trong tụ tà kiến, người ấy có hình dáng như thế nào? Mặt mũi như thế nào?”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Nhu Lai là vua các pháp, là chí tôn các pháp. Lành thay, Thế Tôn, hãy vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa này. Chúng con sau khi nghe xong sẽ phụng hành.”

Thế Tôn bảo:

“Các người hãy suy nghĩ kỹ. Ta sẽ vì các người phân biệt nghĩa này.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Người ở trong tụ tà cần được nhận biết bằng năm sự. Do thấy năm sự mà biết người này sống trong tụ tà. Sao gọi là năm? Nên cười mà không cười, lúc nên hoan hỷ mà không hoan hỷ, nên khởi lòng từ mà không khởi lòng từ, làm ác mà không hổ, nghe lời thiện của người mà không để ý. Nên biết người này ở trong nhóm tà. Nếu chúng sanh nào ở trong nhóm tà, người ấy cần được nhận biết bằng năm sự này để biết.

“Lại nữa, nếu chúng sanh nào ở trong nhóm chánh, người ấy có tướng mạo như thế nào? Có nhân duyên gì?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Nhu Lai là vua các pháp, là chỉ tôn các pháp. Cúi xin Thế Tôn hãy vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa này. Chúng con sau khi nghe xong sẽ phụng hành.”

Thế Tôn bảo:

“Các người hãy suy nghĩ cho kỹ. Ta sẽ vì các người phân biệt nghĩa này.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Người ở trong tỵ chánh cần được nhận biết bằng năm sự. Do thấy năm sự mà biết người này đang ở trong tỵ chánh. Sao gọi là năm? Nên cười thì cười, nên hoan hỷ thì hoan hỷ, nên khởi lòng từ thì khởi lòng từ, đáng hổ thì hổ, nghe lời thiện liền chú ý. Nên biết người này đã ở trong tỵ chánh. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy nên bỏ tỵ tà, ở trong tỵ chánh.

[699a01] “Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây

Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“N hư Lai xuất hiện ở đời tất sẽ vì năm việc. Sao gọi là năm? Một là sẽ chuyển Pháp luân; hai là sẽ độ cha mẹ; ba là dựng tín tâm cho người không tín tâm; bốn là người chưa phát tâm Bồ-tát khiến phát tâm Bồ-tát; năm, sẽ thọ ký cho Phật tương lai. Nếu Như Lai xuất hiện ở đời thì sẽ làm năm việc này. Cho nên, các Tỳ-kheo hãy khởi tâm từ đối với Như Lai.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm sự vật mà huệ thí không được phước kia. Sao gọi là năm? Một là lấy đao thí cho người; hai là lấy độc thí cho người; ba là đem bò hoang thí cho người; bốn là đem dâm nữ thí cho người; năm là tạo miếu thờ thần. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là có năm sự bố thí này không có phước.

“Các Tỳ-kheo nên biết, lại có năm sự vật mà huệ thí được phước lớn. Sao gọi là năm? Một là tạo lập công viên; hai là trồng cây rừng; ba là bắc cầu đò; bốn là tạo làm thuyền lớn; năm là tạo lập dựng nhà cửa, nơi ở cho quá khứ và tương lai. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là có năm sự vật khiến được phước đức kia.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Thí vườn rừng mát mẻ;
Và xây dựng cầu đò;
Thuyền giúp người vượt sông;
Còn xây phòng ốc tốt:
Người kia trong đêm ngày
Sẽ thường hưởng phước ấy.
Giới, định đã thành tựu,
Người này ắt sanh thiên.¹*

“Cho nên, các Tỳ-kheo hãy niệm tu hành năm sự huệ thí này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người nữ có năm sức mạnh xem thường [699b01] chồng. Những gì là năm? Một là sức mạnh của sắc đẹp, hai là sức mạnh của dòng họ, ba là sức mạnh của ruộng vườn, bốn là sức mạnh của con cái, năm là sức mạnh của tiết hạnh. Đó là năm sức mạnh của người nữ.

“Tỳ-kheo nên biết, người nữ dựa vào năm sức mạnh này mà xem thường chồng. Nếu chồng lại có một sức mạnh thì sẽ phủ lấp hết người nữ kia. Một sức mạnh ấy là gì?

¹ Như bài kệ trong kinh 11 phẩm 19, với một ít chi tiết bất đồng.

Đó là sức mạnh của giàu sang. Phàm là người giàu sang thì sức mạnh của sắc không sánh bằng; dòng họ, ruộng vườn, con cái, tiết hạnh cũng không bằng. Do một sức lực mà thắng ngàn ấy sức mạnh.

“Nay ác ma Ba-tuần cũng có năm sức mạnh. Những gì là năm? Đó là sức mạnh sắc, sức mạnh thanh, sức mạnh hương, sức mạnh vị, sức mạnh xúc². Phàm người ngu si đắm các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc nên không thể vượt qua cảnh giới ma Ba-tuần. Thánh đệ tử thành tựu một sức mạnh thì có thể thắng ngàn ấy sức mạnh. Một sức mạnh ấy là gì? Đó là sức mạnh không phóng dật. Nếu Hiền Thánh đệ tử thành tựu không phóng dật, không bị sắc, thanh, hương, vị, xúc câu thúc. Do không bị năm dục trói buộc nên có khả năng phân biệt pháp sanh, già, bệnh, chết, thắng được năm sức mạnh của ma, không rơi vào cảnh giới ma, vượt khỏi các nạn sợ hãi, đến chỗ vô vi.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Giới, đường đến cam lồ,
Phóng dật, dẫn lối chết.
Không tham thì không chết
Mất đường là tự mất.³*

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy niệm tưởng tu hành không phóng dật.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

² Nguyên Hán: Tế hoạt 細滑 mịn láng.

³ Bài kệ đã dẫn trên, xem kinh 2 phẩm 10, cht. 4.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người nữ có năm tướng dục. Những gì là năm? Một là sanh trong nhà hào quý, hai là được gả vào nhà giàu sang, ba là chồng của ta làm theo lời, bốn là có nhiều con cái, năm là độc quyền trong nhà do mình. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là người nữ có năm sự đáng tưởng muốn này.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo của Ta cũng có năm sự đáng tưởng muốn. Sao gọi là năm? Đó là cấm giới, đa văn, thành tựu tam-muội, trí huệ, trí huệ giải thoát. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là có [699c01] năm sự này là pháp đáng muốn.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Nguyện sanh dòng hào tộc;
Cũng gặp nhà giàu sang;
Có thể sai khiến chồng;
Chẳng phước không khắc được.
Khiến ta nhiều con cái;
Hương hoa tự trang sức;
Tuy có tướng niệm này,
Chẳng phước không khắc được.*

*Tín giới mà thành tựu;
Tam-muội không lay động,
Trí huệ cũng thành tựu;
Biếng nhác, không đạt được.
Muốn chứng đắc đạo quả.*

*Không dạo vực sanh tử;
Mong muốn đến Niết-bàn;
Biếng nhác, không đạt được.*

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện hành nơi pháp thiện, trừ bỏ pháp bất thiện, dần dần tiến về trước, không có thối ý nữa chừng.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm trường hợp không nên lễ người. Những gì là năm? Người ở trong tháp, không nên lễ. Người ở trong đại chúng, không nên lễ. Người ở giữa đường, không nên lễ. Người đang ốm đau nằm trên giường, không nên lễ. Người đang ăn, không nên lễ. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có năm trường hợp này không lễ người.

“Lại có năm trường hợp biết đúng thời nên lễ. Những gì là năm? Đó là không ở trong tháp, không ở trong đại chúng, không ở giữa đường, không đau bệnh, lại chẳng phải đang ăn uống, đây nên hướng về lễ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện đúng thời mà hành.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo ở tại Ca-lan-đa trong vườn Trúc, thành La-duyet. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ưu-đầu-bàn⁴:

“Ông hãy vào thành La-duyet xin cho Ta một ít nước nóng. Vì sao vậy? Vì như Ta hôm nay đau cột sống vì bệnh bởi gió⁵.”

Ưu-đầu-bàn bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Ưu-đầu-bàn vâng lời Phật dạy, đến giờ khát thực, khoác y, mang bát, vào thành La-duyet xin nước nóng. Tôn giả Ưu-đầu-bàn [700a01] nghĩ như vậy: ‘Thế Tôn có nhân duyên gì sai ta xin nước nóng? Như Lai đã dứt sạch các kết sử, tập hợp các điều lành, vậy mà Như Lai lại nói rằng: Nay Ta bị bệnh gió. Hơn nữa, Thế Tôn lại không cho biết danh tánh nên đến nhà ai.’

Rồi Tôn giả Ưu-đầu-bàn dùng thiên nhãn quán sát các người nam ở thành La-duyet, thấy tất cả đều đáng được độ. Lúc ấy, thấy trong thành La-duyet có gia chủ Tỳ-xá-

⁴ Ưu-đầu-bàn 優頭槃. Có thể đồng nhất với Pāli: Upavāṇa, có thời làm thị giả Phật. Truyện xin nước nóng được kể trong Thag A. (R.ii. 56)

⁵ Tích hoạn phong thống 脊患風痛. Pāli: *vātabādhiko*, bệnh bởi gió, được giải thích là: *vātakkhobhanimittam ābādhiko jāto*, bệnh phát sinh do triệu chứng rối loạn của gió. (Thag A. R. ii. 57). Có lẽ Skt. *vātavyādhī*, chứng bệnh do rối loạn hệ thần kinh. Trong y học cổ truyền Ấn độ, *vāta* hay gió chủ hệ thần kinh.

la⁶ trước đây không trồng căn lành, không có giới, không có tín, tà kiến đối với Phật, Pháp, Tăng, và biên kiến cùng tương ưng. Ông thấy như vậy: ‘Không có bố thí, không có cho, không có người nhận, lại cũng không có quả báo thiện ác; không có đời này, không đời sau, không có cha, không có mẹ; đời không có sa-môn, bà-la-môn thành tựu, ở đời này, đời sau, tự thân tác chứng, mà tự du hóa.’ Tuổi thọ rất ngắn; sau năm ngày nữa ông sẽ chết. Ông lại đang thờ Ngũ đạo đại thần⁷.

Ưu-đầu-bàn nghĩ thầm: ‘Chắc là Như Lai muốn độ gia chủ này. Vì sao vậy? Vì gia chủ này sau khi qua đời sẽ sanh vào trong địa ngục Đê khốc⁸.’ Lúc ấy, Ưu-đầu-bàn liền mỉm cười. Ngũ đạo đại thần từ xa nhìn thấy Tôn giả mỉm cười, liền ẩn hình mình, hóa ra hình người, đi đến chỗ Ưu-đầu-bàn để Ngài sai khiến. Tôn giả Ưu-đầu-bàn dẫn sứ giả này đến đứng ngoài cửa nhà gia chủ, đứng im lặng không nói gì cả.

Lúc ấy, gia chủ từ xa nhìn thấy có đạo nhân đứng ở ngoài cửa, lập tức nói kệ này:

*Nay người đứng im lặng,
Cạo đầu đắp cà sa*

⁶ Tỳ-xá-la 毘舍羅. Pāli, Vedeha. Thag A. R.ii., Upavāṇa đến xin nước nóng nơi nhà Devahita, trong thành Xá-vệ.

⁷ Ngũ đạo đại thần 五道大神. *Thái tử thụy ứng bản khởi* 1 T3 tr. 475: “Thái tử lên ngựa, dẫn theo Xa-nặc, đi tới khoảng vài mươi dặm bỗng gặp đại thần chủ quản ngũ đạo tên là Phần (hay Bí?) Chức 賁識 (Skt. Pingesa?) ở ngã rẽ của ba đạo: Thiên đạo, nhân đạo và ba ác đạo.” Tín ngưỡng thờ Ngũ đạo đại thần khá phổ biến ở Trung quốc, nhưng hiếm thấy trong các kinh điển Phật giáo.

⁸ Đê khốc địa ngục 啼哭地獄. *Trường* 19, kinh Thế ký: Địa ngục Khiếu hoán 叫喚. Pāli: Jālaroruva (Skt. Raurava).

*Vì muốn xin những gì?
Do nhân gì đến đây?*

Ưu-đầu-bàn liền nói kệ này đáp:

*Như Lai bậc Vô trước,
Hôm nay sanh bệnh phong.
Nếu ngài có nước nóng,
Như Lai muốn tắm rửa.⁹*

Khi ấy, gia chủ im lặng không đáp. Đại thần Ngũ đạo bảo với Tỳ-xá-la:

“Gia chủ nên đem nước sôi cúng dường, tất sẽ được phước vô lượng, sẽ được báo cam lộ.”

Gia chủ đáp:

“Ta tự có đại thần Ngũ đạo, cần gì đến sa-môn này? Ông thêm được việc gì?”

Lúc ấy, đại thần Ngũ đạo liền nói kệ này:

*Như Lai đang ở đời
Thiên đế cũng xuống hầu.
[700b01] Còn ai vượt lên trên?
Ai có thể ngang hàng?
Thần Ngũ đạo làm gì?
Không giúp được gì cả.
Nên cúng dường Thế Tôn,
Để được quả báo lớn.*

Lúc ấy, đại thần Ngũ đạo lại nói lần nữa với gia chủ:

“Ông hãy khéo tự thủ hộ các hành vi của thân, miệng, ý hành. Ông không biết oai lực của đại thần Ngũ đạo sao?”

⁹ Bài kệ Pāli tương đương, Thag A. R.ii. 57.

Tăng nhất A-hàm

Đại thần Ngũ đạo liền hóa ra hình quỷ thần lớn, tay phải cầm kiếm, nói với gia chủ:

“Nay ta chính là đại thần Ngũ đạo. Hãy nhanh chóng cho sa-môn này nước nóng. Chớ có chần chờ.”

Lúc ấy, gia chủ nghĩ thầm: ‘Thật là kỳ lạ! Đại thần Ngũ đạo còn cúng dường sa-môn này.’ Lập tức ông đem nước nóng thơm trao cho đạo nhân. Lại lấy một mía trao cho sa-môn.

Đại thần Ngũ đạo tự tay cầm nước nóng thơm này, cùng Ưu-đầu-bàn đến chỗ Thế Tôn rồi dâng nước nóng thơm này lên Như Lai. Bấy giờ, Như Lai dùng nước nóng thơm này tắm gội thân thể, bệnh phong lập tức thuyên giảm không còn tăng trưởng nữa.

Ông gia chủ, sau năm ngày qua đời, sanh lên cõi trời Tứ thiên vương. Khi Tôn giả Ưu-đầu-bàn nghe gia chủ qua đời, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Ưu-đầu-bàn bạch Như Lai:

“Gia chủ này chết sanh về chốn nào?”

Thế Tôn bảo:

“Gia chủ này chết sanh lên trời Tứ thiên vương.”

Ưu-đầu-bàn bạch Phật:

“Gia chủ này, mạng chung ở đó, sẽ sanh về đâu?”

Thế Tôn đáp:

“Ở đó mạng chung, sẽ sanh cõi trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, cho đến trời Tha hóa tự tại. Ở đó mạng chung, lại sanh vào cõi trời Tứ thiên vương. Gia chủ này thân trong sáu mươi kiếp, không đọa vào đường ác, cuối cùng được làm người, cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất

gia học đạo, thành Bích-chi-phật. Vì sao vậy? Vì nhờ đức cúng dường nước nóng thơm mà phước kia mới như vậy. Cho nên, Ưu-đầu-bàn, hãy thường niệm việc tắm chúng Tăng, nghe thuyết đạo giáo.

“Ưu-đầu-bàn, hãy học điều này như vậy.”

Tôn giả Ưu-đầu-bàn, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo không thích tu phạm hạnh, muốn xả giới cấm, trở về làm bạch y. Khi ấy, Tỳ-kheo kia đến chỗ Thế Tôn, đánh [700c01] lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

“Nay con không thích tu hành trong phạm hạnh này. Con muốn xả giới cấm, trở lại làm bạch y.”

Thế Tôn bảo:

“Nay người vì sao ông không thích tu phạm hạnh, muốn xả giới cấm, trở lại làm bạch y?”

Tỳ-kheo đáp:

“Nay tâm ý con hừng hực, trong thân bùng lửa. Nếu khi con thấy người nữ xinh đẹp vô song, bấy giờ con nghĩ thầm: ‘Mong sao người nữ này cùng ta giao hội nhau.’ Rồi con lại nghĩ: ‘Đây chẳng phải Chánh pháp. Nếu ta theo tâm này thì chẳng phải chánh lý.’ Bấy giờ, con lại

Tăng nhất A-hàm

nghĩ thâm: ‘Đây là mục đích xấu, chẳng phải là mục đích tốt.¹⁰ Đây là pháp ác chẳng phải là pháp thiện.’ Nay con muốn xả giới cấm, trở lại làm bạch y. Giới cấm của sa-môn thật sự không thể phạm. Ở trong thế tục, con có thể bố thí vật thực¹¹.’

Thế Tôn bảo:

“Phàm người nữ có năm điều bất thiện. Những gì là năm? Một là bất thiện bởi ô uế, hai là nói hai lưỡi, ba là ganh tị, bốn là hờn giận, năm là không biết báo đáp.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Buồn vui¹² vì của cải,
Ngoài thiện trong lòng ác;
Phá nẻo thiện của người;
Chim ưng bỏ¹³ đầm như.*

“Cho nên, Tỳ-kheo hãy từ bỏ tướng tịnh, tư duy quán bất tịnh.¹⁴ Sau khi tư duy quán bất tịnh, Tỳ-kheo sẽ đoạn tận dục ái, sắc ái và vô sắc ái; đoạn tận vô minh, kiêu mạn. Nay, Tỳ-kheo, dục của người từ đâu sanh? Từ tóc sanh? Nhưng tóc hiện như không sạch, đều do huyễn hóa, lừa gạt người đời. Móng, răng ... thuộc về thân thể đều là không sạch. Cái gì là chân, cái nào là thật? Từ đầu đến chân, thấy đều như vậy. Những vật hữu hình như gan, mật, năm tạng, không một vật đáng ham. Cái gì là chân?

¹⁰ Hán: Ác lợi thiện lợi 惡利善利.

¹¹ Nguyên Hán: Phân-dàn bố thí 分檀布施. (Pāli: *pinḍa-dāyaka*). Xem cht. 2, kinh 1 phẩm 29.

¹² Đề bản: 非喜 phi hi; TNM: 悲喜 bi hi.

¹³ Đề bản 鶴 汚池 ô trì; các bản khác: 于地 vu địa, “như chim ưng rời mặt đất.”

¹⁴ Bản Hán: Trừ tướng bất tịnh, quán tịnh.

Nay, Tỳ-kheo, dục của người từ đâu sanh? Nay người khéo tu phạm hạnh, Chánh pháp của Như Lai, tất sẽ hết khổ. Mạng người rất ngắn, không lâu ở đời. Tuy có rất thọ, không qua trăm tuổi.

“Tỳ-kheo nên biết, Như Lai xuất thế, rất là khó. Được gặp, nghe pháp cũng khó. Thọ nhận thân hình tứ đại cũng lại việc khó được. Các căn đầy đủ cũng lại khó được. Được sanh vào chốn trung ương, cũng lại khó gặp. Gặp gỡ thiện tri thức, cũng lại khó được. Nghe pháp cũng khó, phân biệt nghĩa lý cũng lại khó được. Thành tựu pháp tùy pháp, việc này cũng khó. Nay, Tỳ-kheo, người nếu [701a01] thân cận thiện tri thức, thì có thể phân biệt các pháp, cũng có thể giảng rộng nghĩa này cho người khác. Nếu đã nghe pháp thì có thể phân biệt. Đã phân biệt pháp rồi thì có thể giảng nói nghĩa của nó. Không có tướng dục, tướng sân nhuế, tướng ngu si; đã lìa ba độc nên thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Nay ta đã nói sơ nghĩa ấy.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nhận lãnh lời dạy từ Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn rồi lui ra.

Tỳ-kheo kia ở nơi vắng vẻ, tư duy về pháp này, sở dĩ mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, là muốn tu phạm hạnh vô thượng, cho đến, như thật biết rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa,’ biết như thật. Tỳ-kheo kia thành A-la-hán.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại Ca-lan-đà, trong vườn Trúc,

Tăng nhất A-hàm

thành La-duyet, cùng với đại chúng năm trăm Tỳ-kheo. Bấy giờ, A-nan và Đa-kỳ-xa,¹⁵ đứng giờ, khoác y, cầm bát, vào thành khát thực. Lúc ấy, Đa-kỳ-xa ở trong một ngõ hẻm, thấy một người nữ hết sức xinh đẹp hiem có, kỳ đặc ở đời. Thấy rồi, tâm ý tán loạn, không còn bình thường.¹⁶

Lúc ấy, Đa-kỳ-xa liền dùng kệ này nói cho A-nan:

*Bị lừa dục thiêu đốt,
Tâm ý thật cháy bùng.
Xin nói nghĩa diệt nó,
Để được nhiều lợi ích.*

A-nan liền nói kệ này đáp:

*Biết dục, pháp điên đảo;
Tâm ý thật cháy bùng.
Hãy trừ niệm hình tướng,
Ý dục liền tự dừng.*

Đa-kỳ-xa lại nói kệ đáp:

*Tâm là gốc của thân;
Mắt là nguồn thấy đẹp.
Nằm ngủ thấy đỡ nâng,
Thân như cỏ rồi úa.*

Tôn giả A-nan liền tiến đến, dùng tay phải xoa đầu Đa-kỳ-xa mà nói kệ này:

*Niệm Phật, không tham dục.
Nan-đà vượt dục kia
Thấy trời, hiện địa ngục.¹⁷*

¹⁵ Xem kinh 5 phẩm 32.

¹⁶ Cf. S. 8. 1 (R.i. 185). *Tạp* (Việt), kinh 1115.

¹⁷ Xem kinh 7 phẩm 18.

Ngăn ý, lia năm đường.

[701b01] Đa-kỳ-xa sau khi nghe Tôn giả A-nan nói, liền tự nói:

“Thôi, thôi, A-nan! Hãy cùng khát thực xong trở về chỗ Thế Tôn.”

Khi ấy, người nữ kia từ xa trông thấy Đa-kỳ-xa, cô liền cười. Đa-kỳ-xa khi từ xa thấy người nữ cười, liền phát sanh niệm tưởng này: ‘Cô nay, với hình thể được dựng đứng bởi xương, được quấn chặt bởi da, cũng như cái bình vẽ, bên trong đựng đồ bất tịnh, lừa dối người đời, khiến sinh loạn tưởng.’

Bây giờ, Tôn giả Đa-kỳ-xa quán sát người nữ kia từ đầu đến chân, trong thân thể này không cái gì đáng ham, ba mươi sáu vật thấy đều bất tịnh. Nay những vật này là từ đâu sinh? Rồi Tôn giả Đa-kỳ-xa lại nghĩ: ‘Nay ta quán sát thân khác, không bằng tự quán sát trong thân mình. Dục này từ đâu sanh? Từ đất sanh chăng? Từ nước, lửa, gió sanh chăng? Nếu từ đất sanh; đất cứng chắc, không thể bị hư hoại. Nếu từ nước sinh, nước rất mềm, không thể bắt giữ. Nếu từ lửa sanh; lửa¹⁸ cũng không thể bị nắm bắt. Nếu từ gió sanh; gió không có hình, không thể nắm bắt.’ Tôn giả lại nghĩ: ‘Tham dục này chỉ có từ tư tưởng sanh.’

Rồi Tôn giả nói kệ này:

Dục, ta biết gốc nguoi:

Ngươi từ tư tưởng sinh.

Nếu ta không tưởng nguoi,

¹⁸ Chú thích trong đề bản: “Đây có thể còn thiếu hai chữ, nhưng chưa rõ.”

Ngươi sẽ không hiện hữu.

Khi Tôn giả Đa-kỳ-xa nói bài kệ này, như tư duy về tướng bất tịnh, ngay tại chỗ, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu.

Lúc ấy, A-nan và Đa-kỳ-xa ra khỏi thành La-duyet, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Đa-kỳ-xa bạch Thế Tôn:

“Nay con đã được thiện lợi, vì có chỗ giác ngộ.”

Thế Tôn hỏi:

“Nay ngươi tự giác thể nào?”

Đa-kỳ-xa bạch Phật:

“Sắc không bền vững, cũng không chắc chắn, không thể trông thấy, huyền ngại, không thật; thọ¹⁹ không bền vững, cũng không lỗi chắc, cũng như đám bọt trên mặt nước, huyền ngại, không thật. Tưởng không bền vững, cũng không lỗi chắc, huyền ngại, không thật, cũng như quán năng. Hành không bền vững, cũng không lỗi chắc, giống như thân cây chuối, không có thật. Thức không bền vững, cũng không lỗi chắc, huyền ngại, không thật.”

Tôn giả lại bạch Phật thêm:

Năm thủ uẩn này không bền vững, cũng không lỗi chắc, huyền ngại không thật.”

Bấy giờ Tôn giả Đa-kỳ-xa liền nói kệ này:

*[701c01] Sắc như chùm bọt nổi;
Thọ như bong bóng nước;
Tưởng giống như quán năng;
Hành như thân cây chuối;*

¹⁹ Nguyên bản: Thống 痛.

*Thức là pháp huyễn hóa:
Đáng Tôi Thắng nói vậy.*

*Tư duy điều này xong,
Quán sát hết các hành,
Thấy trống không, vắng lặng;
Không có gì chân chánh,
Đều là do thân này:
Đức Thiện Thệ dạy vậy.²⁰*

*Cần phải diệt ba pháp.
Thấy sắc là bất tịnh,
Thân này là như vậy,
Huẩn nguy không chân thật,
Đó là pháp hư hại.
Năm uẩn không bền chắc,
Đã biết là không thật,
Trở về đạo tối thượng.*

“Nhu vậy, Thế Tôn, đó là những gì mà con đã tỏ ngộ.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, Đa-kỳ-xa! Ông khéo hay quán sát gốc năm thủ uẩn này. Nay người nên biết, phàm là hành giả thì phải quán sát gốc năm uẩn này đều không chắc thật. Vì sao vậy? Khi Ta đang quán sát năm thủ uẩn này ở dưới gốc cây Bồ-đề mà thành Vô Thượng Đăng Chánh Giác, cũng như những gì hôm nay người quán.”

Khi Thế Tôn nói bài pháp này, sáu mươi Tỳ-kheo ngay trên chỗ ngồi mà được lậu tận, tâm giải thoát.

Tôn giả Đa-kỳ-xa, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²⁰ Xem *Tạp 10* (Hán) kinh số 265. Pāli, S.22.95 (R.iii.142).

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tăng-ca-ma,²¹ con một gia chủ, đến chỗ Thế Tôn đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Rồi con gia chủ bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép con được hành đạo.”

Bấy giờ, con gia chủ liền được hành đạo, ở nơi vắng vẻ, nỗ lực tu hành thành tựu quả pháp. Sở dĩ thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, là như thật biết rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau.’ Bấy giờ, Tăng-ca-ma thành A-la-hán.

Khi Tôn giả ở nơi nhàn tĩnh, suy nghĩ như vậy: ‘Nhu Lai xuất hiện ở đời, rất là khó gặp. Đa-tát-a-kiệt thật lâu mới xuất hiện, cũng như hoa ưu-đàm thật lâu mới xuất hiện. Ở đây cũng vậy, Nhu Lai xuất hiện ở đời, thật lâu mới có. Tất cả hành diệt, cũng khó gặp. Xuất yếu cũng khó. Ái tận, vô dục, Niết-bàn, điều này mới là điều quan trọng²².’

Bấy giờ, mẹ vợ Tăng-ca-ma nghe con rêu mình làm đạo nhân, không còn đắm dục, bỏ phiền lụy gia đình, lại bỏ con gái bà như vắt bỏ đám nước dãi. Lúc ấy, người mẹ này đến chỗ con gái, nói với cô:

“Có thật chồng con hành đạo sao?”

[702a01] Con gái bà đáp:

²¹ Tăng-ca-ma 僧迦摩. Có thể đồng nhất với Saṅgāmaji, Udāna 8.

²² Đề bản: vi yếu 為要. TNM: 為妙 vi diệu.

“Con cũng không rõ là có hành đạo hay không.”

Người mẹ bảo:

“Nay con hãy tự trang điểm, mặc quần áo đẹp, ẵm con trai, con gái này, đi đến chỗ Tăng-ca-ma.”

Khi ấy Tôn giả Tăng-ca-ma đang ngồi kiết già dưới một gốc cây, vợ và mẹ vợ, hai người đến đứng im trước mặt.

Trong lúc đó, người mẹ và cô con gái quan sát Tăng-ca-ma từ đầu đến chân, rồi nói với Tăng-ca-ma:

“Vì sao hôm nay anh không nói chuyện với con gái tôi? Đây con cái này do anh sanh. Việc anh đang làm thật là phi lý, không ai chấp nhận.”

Tôn giả Tăng-ca-ma liền nói kệ này:

*Đây không gì tốt hơn;
Đây không gì đẹp hơn;
Đây không gì đúng hơn;
Thiện niệm không hơn đây.*

Khi ấy, mẹ vợ bảo Tăng-ca-ma:

“Nay con gái tôi có tội gì? Có điều gì phi pháp? Tại sao nay bỏ nó xuất gia học đạo?”

Lúc ấy, Tăng-ca-ma nói kệ này:

*Ô uế, bất tịnh hạnh;
Sân hận, thích vọng ngữ;
Tâm ganh tị, bất chánh;
Như Lai đã nói vậy.*

Lúc ấy, người mẹ nói với Tăng-ca-ma:

“Chẳng phải một mình con gái ta có chuyện này, mà hết thầy người nữ đều như vậy. Nhân dân trong thành Xá-vệ,

Tăng nhất A-hàm

ai thấy con gái ta thấy đều trở nên loạn tâm ý, muốn cùng giao hội, như khát muốn uống, nhìn không biết chán, thấy đều khởi tưởng đắm đuối. Vì sao nay anh lại bỏ nó học đạo, rồi lại còn chê bai? Nếu ngày hôm nay anh không cần con gái tôi thì thôi, nhưng những đứa con này do anh đã sinh ra nay trả lại anh. Hãy tự mà lo lấy.”

Lúc ấy, Tăng-ca-ma lại nói kệ này:

*Tôi không con trai, gái,
Ruộng vườn và của báu;
Cũng không có nô tỳ,
Quyền thuộc và tùy tùng.*

*Một mình, không bè bạn
Thích ở nơi vắng vẻ,
Thực hành pháp sa-môn,
Cầu Phật đạo chân chánh.*

*Ai có con trai, gái,
Là sở hành người ngu
Ta, thân thường vô ngã,
Há có con cái sao?*

Lúc ấy, người vợ, mẹ vợ, con cái nghe bài kệ ấy xong, mọi người đều nghĩ: ‘Nhu ta quán sát hôm nay, theo ý này thì chắc chắn không trở về nhà.’ Họ lại quán sát từ đầu đến chân, ta thán thở dài, rồi quỳ xuống trước Tôn giả mà nói: ‘Nếu thân miệng ý chúng tôi có gây điều gì phi pháp, xin tha thứ tất cả cho.’ Rồi họ nhiễu quanh ba vòng, và ra khỏi chỗ đó.

Lúc bảy giờ, Tôn giả A-nan, đến giờ, khoác y, cầm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Từ xa trông thấy người mẹ và cô con gái, bèn hỏi:

“Lúc này đã gặp Tăng-ca-ma chưa?”

Lão mẫu kia đáp:

“Tuy gặp, nhưng cũng như không gặp.”

A-nan hỏi:

“Có cùng nói chuyện không?”

Lão mẫu đáp:

“Tuy cùng nói chuyện, nhưng không vừa ý tôi.”

Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền nói kệ này:

*Muốn cho lửa sanh nước;
Lại khiến nước sanh lửa;
Pháp không, muốn thành có;
Vô dục, muốn cho dục.*

Sau khi khát thực xong, Tôn giả A-nan trở về vườn Cấp Cô Độc, rùng cây Kỳ-đà, đến chỗ Tăng-ca-ma, ngồi qua một bên, nói với Tăng-ca-ma:

“Ngài đã biết pháp như thật rồi phải không?”

Tăng-ca-ma đáp:

“Tôi đã hiểu biết pháp chân thật”

A-nan hỏi:

“Hiểu biết pháp chân thật như thế nào?”

Tăng-ca-ma đáp:

“Sắc là vô thường, nghĩa vô thường này tức là khổ. Khổ tức là vô ngã, vô ngã tức là không. Thọ, tưởng, hành, thức thấy đều vô thường. Nghĩa vô thường này tức khổ. Khổ tức vô ngã, vô ngã tức không. Năm thủ uẩn này là nghĩa vô thường. Nghĩa vô thường tức là khổ. Ta không phải của cái đó. Cái đó không phải của ta.”

Tăng nhất A-hàm

Rồi Tăng-ca-ma nói kệ này:

*Khổ khổ lại sanh nhau,
Vượt khổ cũng như vậy.
Đạo Hiền Thánh tám phẩm,
Dẫn đến nơi diệt khổ.
Không tái sanh nơi này;²³
Qua lại các cõi trời,
Dứt sạch nguồn gốc khổ.²⁴
Tịch tĩnh, không di động;
Tôi thấy đạo tịch Không,²⁵
Như điều Phật đã dạy;
Nay đắc A-la-hán,
Không còn thọ bào thai.*

[702c01] Khi ấy Tôn giả A-nan khen ngợi:

“Lành thay, pháp như thật đã được khéo léo quyết trạch.”

Rồi A-nan liền nói kệ này:

*Khéo giữ lối phạm hạnh;
Cũng hay khéo tu đạo;
Đoạn trừ các kết sử;
Là chân đệ tử Phật.*

A-nan nói kệ này xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Lúc ấy, A-nan đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nói về muốn chân chánh luận về các A-la-hán, phải nói

²³ Không tái sinh Dục giới.

²⁴ A-na-hàm nhập Niết-bàn trên Tịnh cư thiên.

²⁵ Không tịch 空跡; con đường dẫn đến Không (Pāli: *suññatā*) tức Niết-bàn. Cf. M. 121 Mahāsuññatasutta (R. iii. 111).

chính Tỳ-kheo Tăng-ca-ma. Hay hàng phục ma, quyến thuộc ma, cũng là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo Tăng-ca-ma đã bảy lần hàng phục ma,²⁶ nay mới thành đạo. Từ nay về sau cho phép được ra vào đạo bảy lần, quá hạn này thì là phi pháp.”

Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong hàng đệ tử Thanh văn của ta, Tỳ-kheo đứng đầu trong việc hàng phục ma, nay mới thành đạo chính là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.²⁷

²⁶ Chỉ bảy lần thọ giới cụ túc.

²⁷ Bản Hán, hết quyển 27.

36. PHẨM THỈNH PHÁP

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tùy thời nghe pháp có năm công đức, tùy thời vắng lãnh không mất thứ lớp. Sao gọi là năm? Điều chưa từng nghe, nay được nghe; điều đã được nghe, tụng đọc lại; kiên giải không tà lệch; không có hồ nghi; hiểu nghĩa sâu xa.² Tùy thời nghe pháp có năm công đức, cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tùy thời nghe Pháp.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì [703a01] Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Làm nhà tắm có năm công đức. Năm công đức gì? Một là trừ gió, hai là khỏi bệnh, ba là trừ bụi nhơ, bốn là thân thể nhẹ nhàng, năm là được mập trắng. Này Tỳ-kheo, đó gọi là làm nhà tắm có năm công đức. Cho nên, các Tỳ-kheo, nếu có chúng bốn bộ muốn có năm công đức này,

¹ Pāli, A V 202 Dhammassavanasutta (R.iii. 247).

² Pāli: *cittam pasīdati*, tâm minh tịnh.

muốn cầu năm công đức này, hãy tìm cầu phương tiện tạo lập nhà tắm.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí người tắm xia răng⁴ có năm công đức. Sao gọi là năm? Một là trừ gió, hai là trừ nước dãi, ba là sanh tạng được tiêu, bốn là trong miệng không hôi, năm là mắt được trong sạch. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là thí người tắm xia răng có năm công đức. Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu năm công đức thì hãy nghĩ đến việc dùng tắm xia răng bố thí.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây

³ Pāli, A V 208 Dantakaṭṭhasutta (R. iii. 250).

⁴ Dương chi 楊枝, nhánh thông, dùng để xia răng. Pāli: *dantakaṭṭha*.

Tăng nhất A-hàm

Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các vị có thấy người mổ bò, do nghiệp tài lợi này, sau đó được cưỡi xe, ngựa, voi lớn không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa không, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, Tỳ-kheo, Ta cũng không thấy, không nghe người mổ bò, sát hại bò, rồi được cưỡi xe, ngựa, voi lớn. Vì sao vậy? Ta không thấy người mổ bò được cỡi xe, ngựa, voi lớn, vì hẳn không có lý này.

“Thế nào, Tỳ-kheo, các người có thấy người mổ dê, giết heo, săn bắt nai, sau đó được cỡi xe, ngựa, voi lớn không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa không, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, các Tỳ-kheo, Ta cũng không thấy, không nghe người nào mổ bò, hại chúng sanh rồi mà được cỡi xe, ngựa, voi lớn. Hoàn toàn không lý này. Tỳ-kheo, các người nếu thấy người giết [703b01] bò nào cỡi xe, ngựa, voi lớn thì đó là đức đời trước chứ không phải phước đời này, đều là do hành vi được làm đời trước mang lại. Nếu các người thấy người giết dê được cỡi xe, ngựa, voi lớn thì nên biết người này đã gieo phước trong đời trước. Sở dĩ như vậy là vì do tâm giết hại chưa trừ được. Tại sao vậy? Người gần gũi kẻ ác, ưa thích sát sanh, gieo trồng tội địa ngục, nếu trở lại nhân gian thì tuổi thọ rất ngắn.

Người ưa thích trộm cắp, gieo trồng tội địa ngục cũng như người mổ bò kia. Mua rẻ bán đắt, lừa dối người đời, không cầu Chánh pháp, cũng giống như người mổ bò kia do tâm sát sanh nên đưa đến tội lỗi này, không được cỡi xe, ngựa, voi lớn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy khởi lòng từ đối với hết thảy chúng sanh.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân, trong khoảng thời gian co duỗi cánh tay, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Thích Đề-hoàn Nhân bạch Thế Tôn:

“Nhu Lai cũng nói, phàm Như Lai xuất thế tất sẽ vì năm việc. Những gì là năm? Chuyên Pháp luân; độ cha mẹ; dựng tín tâm cho người không có tín; chưa phát tâm Bồ-tát khiến phát tâm Bồ-tát; thọ ký thành Phật trong khoảng thời gian đó. Như Lai xuất hiện tất sẽ vì năm nhân duyên này. Nay mẹ của Như Lai tại trời Tam thập tam muốn được nghe Pháp. Như Lai đang ở giữa chúng bốn bộ trong cõi Diêm-phù-ly⁵, vua và nhân dân đều tập hợp lại. Lành thay, Thế Tôn, mong Ngài đến trời Tam thập tam mà thuyết Pháp cho mẹ.”

Thế Tôn im lặng nhận lời.

⁵ Diêm-phù-ly 閼浮里: Diêm-phù-đề.

Tăng nhất A-hàm

Bấy giờ, Long vương Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà⁶ có ý nghĩ như vậy: ‘Các sa-môn trọc đầu này bay ở trên ta. Ta phải tìm cách không cho bay qua.’

Rồi Long vương nổi giận phun lửa gió lớn khiến suốt cả Diêm-phù-lý lửa bốc cháy.

A-nan bạch Phật:

“Trong Diêm-phù-đề này, vì sao có khói lửa này?”

Thế Tôn bảo:

“Đây là hai rồng chúa có ý nghĩ nghĩ rằng: ‘Các sa-môn trọc đầu thường bay trên ta, chúng ta [703c01] phải chế ngự, không để cho vượt qua hư không.’ Rồi chúng nổi giận phun khói lửa này. Do nhân duyên này, nên đưa đến biến cố đây.”

Lúc ấy, Tôn giả Ca-diếp từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Thế Tôn:

“Nay con muốn đi chiến đấu với chúng.”

Thế Tôn bảo:

“Hai rồng chúa này rất hung ác, khó có thể giáo hóa. Ông hãy về chỗ ngồi đi.”

Tôn giả A-na-luật từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Thế Tôn:

“Nay muốn đến phục rồng dữ kia.”

Thế Tôn bảo:

⁶ Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà 難陀優槃難陀, long vương, truyền thuyết phương Bắc (Divyādhana, Saddharmapuṇḍrīka) xem là hai anh em: Nanda và Upananda. Truyền thuyết Pāli là chỉ một: Nandopananda. Chuyện kể ở đây tương đương với chuyện kể trong Pāli, Thag A. R.iii. 177.

“Hai rồng chúa này rất hung ác, khó có thể giáo hóa. Ông hãy về chỗ ngồi đi.”

Các Tôn giả Ly-việt, Ca-chiên-diên, Tu-bồ-đề, Ưu-đà-di, Sa-kiệt⁷ đều từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Thế Tôn:

“Nay con muốn đến hàng phục rồng ác.”

Thế Tôn bảo:

“Hai rồng chúa này rất hung ác, khó có thể giáo hóa, ông hãy về chỗ ngồi đi.”

Lúc ấy, Tôn giả Đại-mục-kiên-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai phải, quỳ gối chấp tay bạch Phật:

“Con muốn đến đó để hàng phục rồng dữ.”

Thế Tôn đáp:

“Hai rồng chúa này rất hung ác, khó có thể hàng phục giáo hóa. Ông làm thế nào để giáo hóa rồng chúa kia?”

Mục-liên bạch Phật:

“Đến đó, trước tiên con hóa hình rất lớn làm rồng kia sợ khiếp, sau đó lại hóa hình rất là nhỏ, và cuối cùng thì dùng phép thường mà hàng phục nó.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, Mục-liên! Ông có khả năng để hàng phục rồng dữ. Nhưng nay Mục-liên phải giữ vững tâm ý chớ nổi loạn tưởng. Vì sao vậy? Vì rồng hung ác kia sẵn sàng quấy nhiễu ông.”

Mục-liên liền đánh lễ sát chân Phật, rồi trong khoảnh

⁷ Đề bản: 婆竭 Bà-kiệt; các bản TNM: 娑竭 Sa-kiệt; tên theo Pāli: Sagata.

khắc như co duỗi cánh tay, biến khỏi nơi ấy, đến trên núi Tu-di. Lúc ấy, rồng chúa Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà đang quần quanh núi Tu-di bảy vòng, nổi sân giận tột độ phun ra khói lửa lớn.

Mục-liên tự ẩn thân mình, hóa làm rồng chúa lớn có mười bốn đầu, quần quanh núi Tu-di mười bốn vòng, phun ra lửa khói lớn dữ dội, ở ngay trên hai rồng chúa.

Rồng chúa Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà thấy rồng chúa có mười bốn đầu, liền sinh lòng sợ hãi tự nói với nhau rằng:

“Hôm nay, chúng ta phải thử xem oai lực rồng chúa kia xem có thắng được ta không?”

Rồi rồng chúa Nan-đà Ưu-bàn-nan-đà quật đuôi vào biển cả, lấy nước rưới lên đến trời Tam thập tam, nhưng vẫn không chạm thân Mục-liên. Lúc này, Tôn giả Mục-liên [704a01] lại thò đuôi vào trong nước biển, nước trào lên đến trời Phạm-ca-di và lại rưới lên thân hai rồng chúa.”

Khi ấy, hai rồng chúa tự bảo với nhau:

“Chúng ta dùng hết sức lực lấy nước rưới đến trời Tam thập tam, nhưng rồng chúa lớn này lại vượt lên ta quá nhiều. Chúng ta chính có bảy đầu, nay rồng chúa này mười bốn đầu. Chúng ta quần quanh núi Tu-di bảy vòng, nay rồng chúa này quần quanh núi Tu-di mười bốn vòng. Nay, hai chúa rồng ta phải hợp sức cùng nhau chiến đấu.”

Rồi hai chúa rồng nổi cơn thịnh nộ, làm sấm chớp, sét đánh, phun lửa ngọn lớn. Lúc ấy, Tôn giả đại Mục-liên suy nghĩ: ‘Phàm rồng mà chiến đấu thì nổi lửa, sấm sét. Nếu ta cũng đấu bằng lửa và sấm sét, nhân dân trong Diêm-phù-ly, và trời Tam thập tam đều sẽ bị hại. Nay ta hóa hình rất nhỏ để đấu.’

Mục-liên liền hóa ra hình rất nhỏ, chun vào miệng rồng,

rồi từ trong lỗ mũi ra; hoặc vào từ mũi ra từ tai; hoặc vào trong tai, ra từ mắt; ra từ trong mắt rồi đi lại trên lông mi.

Bây giờ, hai rồng chúa lòng rất lo sợ, nghĩ thầm: ‘Rồng chúa lớn này có oai lực rất lớn mới có thể vào trong miệng rồi ra từ mũi; vào trong mũi, ra từ mắt. Hôm nay chúng ta thật sự thua. Loài rồng chúng ta hiện có bốn chủng loại: sinh trứng, sinh thai, sanh nơi ẩm thấp, hóa sanh; nhưng không ai vượt khỏi chúng ta. Nay rồng chúa này, có oai lực như vậy thì chúng ta không thể đánh lại. Tánh mạng chúng ta chết ngay trong chốc lát. Cả hai lòng sợ hãi, toàn thể lông đều dựng đứng.

Mục-liên khi thấy rồng chúa sợ hãi, liền hiện trở lại nguyên hình và đi trên mi mắt rồng chúa.

Lúc ấy hai rồng chúa trông thấy Đại Mục-liên, bèn nói với nhau:

“Đây là Sa-môn Mục-liên chứ chẳng phải rồng chúa. Ông này có oai lực thật là kỳ lạ mới có thể đấu với chúng ta.”

Rồi hai rồng chúa bạch Mục-liên:

“Vì sao Tôn giả lại quấy nhiễu chúng tôi đến như vậy? Muốn dạy bảo điều gì phải không?”

Mục-liên đáp:

“Hôm qua các người nghĩ như vậy: ‘Vì sao các sa-môn trọc đầu lại thường bay ở trên chúng ta, nay phải chế ngự họ.’”

Rồng chúa đáp:

“Thật vậy, Mục-liên!”

Mục-liên nói:

“Rồng chúa nên biết, núi Tu-di này là đường đi của chư

Tăng nhất A-hàm

thiên, chẳng phải nơi ở của người.”

Rồng chúa đáp:

“Cúi xin tha thứ, không [704b01] trách phạt chúng tôi. Từ đây về sau chúng tôi sẽ không dám xúc nhiễu, khởi loạn tướng ác. Cúi xin ngài cho phép làm đệ tử.”

Mục-liên đáp:

“Các ông chớ tự quy y thân ta. Các người hãy tự quy y nơi mà ta quy y.”

Rồng chúa bạch Mục-liên:

“Hôm nay chúng con xin tự quy y Như Lai.”

Mục-liên bảo:

“Các người không thể ở tại núi Tu-di này mà tự quy y Thế Tôn. Nay hãy cùng ta đến thành Xá-vệ mới được tự quy y.”

Bấy giờ, Mục-liên dẫn hai rồng chúa, trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, từ trên núi Tu-di đến thành Xá-vệ. Lúc ấy, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số chúng. Mục-liên bảo hai rồng chúa:

“Các người nên biết, nay Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số chúng. Các người không thể để nguyên hình mà đến chỗ Thế Tôn.”

Rồng chúa đáp:

“Thật vậy, Mục-liên!”

Rồng chúa bèn hoàn ẩn hình rồng, hóa làm hình người không cao, không thấp, tướng mạo xinh đẹp như màu hoa đào.

Lúc ấy, Mục-liên đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân,

ngồi qua một bên. Rông chúa đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Mục-liên bảo rông chúa:

“Đã đúng lúc, hãy tiến tới trước!”

Rông chúa nghe Mục-liên nói, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ xuống chấp tay, bạch Thế Tôn:

“Hai dòng họ chúng con một tên là Nan-đà, hai tên là Ưu-bàn-nan-đà xin quy y Như Lai, thọ trì năm giới. Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm ưu-bà-tắc. Nguyên suốt đời không còn sát sanh nữa.”

Thế Tôn liền búng ngón tay chấp nhận. Hai rông chúa liền trở về chỗ cũ ngồi, muốn được nghe pháp.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghĩ như vậy: ‘Vì nhân duyên gì khiến trong cõi Diêm-phù-đề này có khói lửa như vậy?’

Rồi vua Ba-tư-nặc đi xe gắn lông chim báu ra khỏi thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, nhân dân từ xa thấy vua đến, mọi người đều đứng dậy nghinh đón: “Kính chào Đại vương! Mời đến ngồi đây!”

Lúc ấy, hai rông chúa im lặng không đứng dậy. Vua Ba-tư-nặc đánh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên. Đại vương bạch Thế Tôn:

“Nay con có việc muốn hỏi, cúi xin Thế Tôn diễn giải từng việc cho.”

Thế Tôn bảo:

“Có điều gì, cứ hỏi. Nay là lúc thích hợp.”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Vì nhân duyên gì trong Diêm-phù-đề này có ánh khói lửa như vậy?”

Thế Tôn bảo:

“Do Rong chúa Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà gây ra. Nhưng nay Đại vương chớ có [704c01] kinh sợ. Từ nay không còn biến họa khỏi lửa nữa.”

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc nghĩ thầm: ‘Nay, ta là Đại vương của một nước, nhân dân tôn kính, danh tiếng vang khắp bốn phương. Còn hai người này từ đâu đến, thấy ta đến đây, cũng không đứng dậy nghinh đón? Nếu ở trong nước ta, ta sẽ bắt nhốt. Nếu ở nơi khác đến, sẽ bắt giết chúng nó.’

Rong chúa biết được những ý nghĩ trong tâm vua, liền nổi giận. Rong chúa nghĩ như vậy: ‘Chúng ta không có lỗi gì đối với vua này, mà ông trở lại muốn sát hại ta. Ta phải bắt quốc vương này và dân chúng nước Ca-di giết hết.’

Rong chúa liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn rồi ra đi. Rồi khỏi Kỳ-hoàn không xa, chúng liền biến mất.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc thấy hai người này đi chưa lâu, liền bạch Thế Tôn:

“Việc nước rất bận rộn, con xin trở về cung.”

Thế Tôn bảo:

“Nên biết đúng thời!”

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy lui đi, bảo quần thần:

“Hai người vừa rồi đi đường nào? Mau bắt chúng!”

Theo lệnh vua, các quần thần liền đuổi theo tìm kiếm, mà không biết ở đâu, liền trở về trong cung.

Lúc ấy, rồng chúa Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà đều nghĩ thầm như vậy: ‘Chúng ta không lỗi đối với vua kia mà vừa rồi muốn bắt giết chúng ta. Chúng ta sẽ hại nhân dân của ông ấy, khiến không còn ai sống sót.’ Nhưng rồng chúa lại nghĩ thầm: ‘Nhân dân trong nước có lỗi làm gì? Chỉ cần bắt nhân dân trong thành Xá-vệ hại hết.’ Lại nghĩ lại: ‘Người nước Xá-vệ có lỗi làm gì đối chúng ta? Cần bắt quan lại và quyền thuộc trong cung vua giết hết.’

Bấy giờ, Thế Tôn biết được những ý nghĩ trong tâm rồng chúa, liền bảo Mục-liên:

“Ông hãy đi cứu vua Ba-tư-nặc, đừng để vua bị rồng chúa Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà làm hại.”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Mục-liên vâng lời Phật dạy, đánh lễ sát chân Thế Tôn lui đi. Ở trên cung vua, Ngài ẩn thân ngồi kiết già. Lúc ấy, hai rồng chúa tạo ra sấm vang, sét đánh, mưa to, gió lớn bên trên cung vua, hoặc mưa gạch đá, hoặc mưa đao kiếm. Chúng chưa kịp rơi xuống đất liền biến thành hoa sen xanh ở giữa hư không. Rồng chúa lúc này lại càng nổi giận, mưa núi cao lớn ở trên cung điện. Mục-liên khi ấy lại biến chúng [705a01] thành các loại đồ ăn thức uống. Rồng chúa lại càng thêm tức giận bùng bùng, mưa các loại đao kiếm. Mục-liên lại biến thành áo quần rất đẹp. Rồng chúa lại càng thêm tức giận, lại mưa cát, sỏi, đá, trên cung vua Ba-tư-nặc, chưa rơi xuống đất đã hóa thành bảy báu. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc thấy trong cung điện mưa các thứ bảy báu, vui mừng hơn hờ không tự chế được, liền nghĩ: ‘Người có đức trong Diêm-phù-đề này không ai lại hơn ta, chỉ trừ Như Lai. Vì sao vậy? Vì trong nhà ta trồng, cứ trên một gốc lúa thu hoạch được một đấu

gạo, cơm dùng nước mía nấu, rất là thơm ngon. Nay ở trên cung điện lại có mưa bảy báu. Ta có thể được làm Chuyển luân thánh vương ư?’ Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc dẫn các cung nữ đi nhặt bảy báu. Hai rồng chúa lúc này, nói với nhau:

“Điều này có ý nghĩa gì? Chúng ta đến đây để hại vua Ba-tư-nặc, nhưng sao lại biến hóa đến như thế này? Có bao nhiêu thế lực, hôm nay đã đem ra tận dụng hết, mà vẫn không thể động đến phần mảy may nào vua Ba-tư-nặc!”

Ngay khi ấy, rồng chúa trông thấy Mục-liên ngồi kiết già trên cung điện, chánh thân chánh ý, thân không nghiêng ngã. Thấy vậy, chúng nghĩ thầm: ‘Đây chắc là do Mục-liên làm ra!’ Lúc ấy, hai rồng chúa vì thấy Mục-liên nên liền lui đi.

Khi Mục-liên thấy rồng chúa đã đi, liền xả thân tức, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc suy nghĩ: ‘Những loại đồ ăn thức uống này không nên dùng trước. Phải đem dâng Như Lai trước, sau đó tự mình dùng.’ Vua Ba-tư-nặc liền cho xe chở châu báu và các loại đồ ăn uống đến chỗ Thế Tôn, bạch:

“Hôm qua, trời mưa bảy báu và thức ăn uống này. Cúi xin thọ nhận.”

Lúc ấy, đại Mục-liên cách Như Lai không xa. Phật bảo vua:

“Nay Vua hãy đem bảy báu và đồ ăn uống cho đại Mục-liên. Vì sao vậy? Vì nhờ ân của Mục-liên mà Vua được sanh trở lại trên đất Thánh Hiền.”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Vì lý do gì mà nói con sanh trở lại?”

Thế Tôn bảo:

“Sáng hôm qua Vua có đến gặp Ta để nghe pháp phải không? Lúc ấy, có hai người cũng đến nghe pháp. Vua đã nghĩ như vậy: ‘Ta ở đất nước này là hào quý tối tôn, được mọi người kính trọng, nhưng hai [705b01] người này từ đâu đến, thấy ta không đứng dậy nghênh đón?’”

Lúc ấy, vua bạch Phật:

“Thật vậy, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Đó chẳng phải là người, mà chính là rồng chúa Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà. Biết được ý vua, chúng bảo nhau: ‘Chúng ta không có lỗi đối với ông vua người này, sao ông lại muốn hại chúng ta? Ta phải tiêu diệt đất nước này.’ Ta biết được những ý nghĩ trong tâm của rồng chúa, liền sai Mục-liên: ‘Phải cứu vua Ba-tư-nặc, không để cho rồng chúa làm hại.’ Mục-liên vâng lệnh Ta, ẩn hình bên trên cung điện và tạo ra sự biến hóa này. Rồng chúa lúc ấy, đã nổi giận mưa cát, sỏi, đá, ở trên cung điện; khi chưa rơi xuống đất, lập tức biến thành bảy báu, y phục, đồ ăn uống. Vì nhân duyên này, ngày hôm nay Đại vương được sanh trở lại.”

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc lo sợ đến toàn thân lông đều dựng đứng, liền quỳ gối đi đến trước Như Lai bạch:

“Nhờ ơn sâu dày của Thế Tôn mà con được cứu mạng sống!”

Lại lạy sát chân Mục-liên và nói:

“Nhờ ơn Tôn giả mà con được cứu sống.”

Tăng nhất A-hàm

Lúc ấy, quốc vương liền nói kệ này:

*Nguyện Thế Tôn sống mãi.
Mãi mãi hộ mạng con;
Độ thoát khổ, khốn cùng;
Nhờ Thế Tôn thoát nạn.*

Vua Ba-tư-nặc dùng hương hoa cõi trời rải lên mình Như Lai và nói: “Nay con đem bảy báu này dâng lên ba ngôi báu. Cúi xin nạp thọ. Nói xong, vua đánh lễ sát chân, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui đi.”

Lúc ấy, Thế Tôn nghĩ: ‘Chúng bốn bộ này, phần lớn lười biếng, không chịu nghe pháp, cũng không tìm cầu phương tiện để tự thân tác chứng, cũng không mong đạt những gì chưa đạt, đắc những gì chưa đắc. Nay Ta làm cho chúng bốn bộ này phải khát ngưỡng giáo pháp.’

Bấy giờ, Thế Tôn không bảo cho chúng bốn bộ, cũng không dẫn theo thị giả; trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay biến khỏi Kỳ-hoàn, lên đến trời Tam thập tam.

Thích Đề-hoàn Nhân trông thấy Thế Tôn đến, liền dẫn thiên chúng ra trước nghinh đón Thế Tôn, đánh lễ sát chân, thỉnh Phật ngồi, rồi thưa:

“Cung nghinh Thế Tôn! Xa cách lâu chúng con mới được thăm hầu.”

Lúc ấy, Thế Tôn nghĩ: ‘Nay Ta phải dùng thần túc thông ẩn thân để mọi người không biết ta ở đâu.’

Thế Tôn lại nghĩ: ‘Nay Ta ở trời Tam thập tam, nên hóa thân to lớn.’

Lúc ấy, tại giảng đường [705c01] Thiện pháp ở trên trời có phiến đá vàng vuông vức một do tuần. Thế Tôn ngồi

kiết già trên phiến đá, vừa tròn cả mặt đá.⁸

Bây giờ, thân mẫu của Như Lai là Ma-da dẫn các thiên nữ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên và bạch:

“Cách biệt lâu lắm mới được phụng hầu! Nay Thế Tôn đến đây thật là đại hạnh. Tôi hằng mong mỏi, nhớ tưởng gặp Phật, hôm nay Thế Tôn mới đến.”

Sau khi Thánh mẫu Ma-da đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Thích Đề-hoàn Nhân cũng đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Chư thiên trời Tam thập tam cũng đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Khi chúng chư thiên thấy Như Lai, thì ở đó thiên chúng tăng ích, A-tu-la tổn giảm.

Bây giờ, Thế Tôn lần lượt thuyết cho chúng chư thiên kia các đề tài vi diệu, là luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sanh thiên; dục là tướng bất tịnh, dâm là sự nhơ xấu, giải thoát là an lạc. Thế Tôn khi thấy tâm ý chúng chư thiên khai mở; như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là khổ, tập, tận, đạo, Ngài cũng khắp vì chư thiên mà nói hết. Mọi người ngay trên chỗ ngồi dứt sạch bụi nhơ, được mắt pháp trong sạch. Lại có mười tám ức thiên nữ thấy được dấu đạo; ba vạn sáu ngàn thiên chúng được mắt pháp trong sạch. Khi ấy, Mẹ Như Lai từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi trở vào trong cung.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

“Nay con phải dùng loại thức ăn gì cúng bữa ăn Như Lai? Là dùng thức ăn cõi người hay thức ăn tự nhiên của cõi trời?”

⁸ Kim thạch 金石. Truyền thuyết Pāli, Phật ngồi trên ngai Paṇḍukambala-silāsana của Đế Thích.

Thế Tôn bảo:

“Hãy dùng thức ăn cõi người mà dọn bữa cho Như Lai. Vì sao vậy? Vì thân Ta sanh ở nhân gian, lớn lên ở nhân gian, thành Phật ở nhân gian.”

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Thích Đề-hoàn Nhân lại bạch Phật:

“Theo thời tiết trên trời hay thời tiết nhân gian?”

Thế Tôn bảo:

“Theo thời tiết nhân gian.”

Đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân dùng thức ăn cõi người và lại y theo thời tiết cõi người, dọn bữa ăn cho Như Lai.

Bấy giờ, các trời Tam thập tam nói với nhau:

“Nay chúng ta mới thấy Như Lai ăn cơm suốt cả ngày.”

Lúc ấy, Thế Tôn bèn nghĩ: ‘Nay Ta phải nhập tam-muội như vậy, muốn cho chư thiên tiến thì tiến, muốn cho chư thiên lui thì lui. Rồi Thế Tôn liền nhập tam-muội này khiến chư thiên tiến lui tùy theo thời thích hợp.

Bấy giờ, bốn bộ chúng ở nhân gian, lâu lắm không thấy Như Lai, liền đến chỗ A-nan, bạch [706a01] A-nan:

“Nay Như Lai đang ở đâu? Chúng con mong mỏi muốn được gặp.”

A-nan đáp:

“Chúng tôi lại cũng không biết Như Lai đang ở đâu!”

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc, vua Ưu-điền, cùng đến chỗ A-nan, hỏi A-nan:

“Hôm nay Như Lai đang ở đâu?”

A-nan đáp:

“Đại vương, tôi cũng không biết Như Lai đang ở đâu.”

Hai vua vì nhớ, muốn gặp Như Lai, nên sinh ra bệnh khô. Bấy giờ quần thần chỗ vua Ưu-điền, tâu vua:

“Đại vương nay mắc bệnh gì?”

Vua bảo:

“Ta vì ưu sầu thành bệnh.”

Quần thần tâu vua:

“Đại vương ưu sầu chuyện gì mà thành bệnh vậy?”

Vua này đáp:

“Vì không thấy Như Lai. Nếu không gặp lại Như Lai, chắc ta chết mất.”

Lúc này, quần thần suy nghĩ:

“Phải tìm phương tiện gì để vua Ưu-điền không chết. Chúng ta nên làm hình tượng Như Lai.”

Bấy giờ, quần thần tâu vua:

“Chúng tôi muốn làm hình tượng Phật, để có thể cung kính, thừa sự, đánh lễ.”

Khi nghe những lời này xong, vua vui mừng hớn hở, không tự chế được, liền bảo quần thần:

“Lành thay, những lời của các khanh thật tuyệt diệu!”

Quần thần tâu vua:

“Nên dùng báu vật gì để làm hình tượng Như Lai?”

Lúc ấy, vua liền ra lệnh cho các tượng sư kỹ xảo trong đất nước, bảo họ rằng:

“Nay ta muốn làm hình tượng.”

Các tượng sư kỹ xảo khéo đáp:

“Thưa vâng, Đại vương!”

Vua Ưu-diên liền dùng gỗ chiên-đàn nguư-đầu làm hình tượng Như Lai, cao năm thước.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe vua Ưu-diên làm tượng Như Lai cao năm thước để cúng dường. Vua Ba-tư-nặc lại triệu mời các tượng sư khéo trong nước tới và bảo:

“Nay ta muốn tạo hình tượng Như Lai. Các khanh hãy làm cho xong ngay!”

Vua Ba-tư-nặc nghĩ như vậy: ‘Nên dùng báu vật gì để làm hình tượng Như Lai?’ Lát sau lại nghĩ: ‘Thân hình Như Lai có màu vàng như thiên kim. Nay nên dùng vàng để tạo hình tượng Như Lai.’ Vua Ba-tư-nặc liền dùng vàng ròng từ ma làm hình tượng Như Lai, cao năm thước. Bấy giờ, trong Diêm-phù-đề mới có hai hình tượng Như Lai.

Lúc ấy, chúng bốn bộ đến chỗ A-nan, bạch với A-nan:

“Chúng con mong mỏi, nhớ nghĩ đến Như Lai, muốn được trông thấy Ngài. Ngày hôm nay Như Lai đang ở đâu vậy?”

A-nan đáp:

“Chúng tôi cũng lại không biết Như Lai đang ở đâu. Nhưng nay chúng ta hãy đến chỗ A-na-luật để hỏi ý nghĩa này. [706b01] Vì sao vậy? Tôn giả A-na-luật có

thiên nhân bậc nhất, trong sạch không tỳ vết. Ngài dùng thiên nhãn thấy một ngàn cho đến ba ngàn đại thiên thể giới. Ngài có thể thấy biết hết.”

Chúng bốn bộ cùng A-nan đến chỗ A-na-luật, bạch A-na-luật:

“Hôm nay chúng bốn bộ đến gặp tôi hỏi tôi về việc ngày nay Như Lai đang ở đâu. Cúi xin Tôn giả, dùng thiên nhãn xem Như Lai đang ở đâu?”

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật đáp:

“Các vị hãy chờ một lát, nay tôi cũng muốn xem Như Lai đang ở đâu?”

Lúc ấy, A-na-luật ngồi ngay ngắn, giữ niệm trước mặt, dùng thiên nhãn tìm khắp Diêm-phù-đề mà không thấy Như Lai. Lại dùng thiên nhãn quan sát khắp Cù-da-ni, Phất-vu-đãi, Uất-đơn-việt, mà vẫn không thấy. Lại quan sát Tứ thiên vương, Tam thập tam thiên, Diêm thiên, Đâu-suất thiên, Tha hóa tự tại thiên, cho đến Phạm thiên mà vẫn không thấy. Lại quán sát một ngàn Diêm-phù-đề, một ngàn Cù-da-ni, một ngàn Uất-đơn-việt, một ngàn Phất-vu-đãi, một ngàn Tứ thiên vương, một ngàn Diêm thiên, một ngàn Đâu-suất thiên, một ngàn Tha hóa tự tại thiên, một ngàn Phạm thiên cũng không thấy Như Lai. Lại quán sát ba ngàn đại thiên quốc độ cũng không thấy. Liên từ chỗ ngồi đứng dậy nói với A-nan:

“Tôi đã quán sát khắp ba ngàn đại thiên quốc độ mà vẫn không thấy Thế Tôn.”

Lúc ấy, A-nan và bốn chúng đều ngồi lặng im. A-nan nghĩ: “Như Lai sẽ không nhập Niết-bàn chứ?”

Bấy giờ, trên trời Tam thập tam, chư thiên báo nhau:

Tăng nhất A-hàm

“Chúng ta đã được thiện lợi. Cúi nguyện bảy Phật thường hiện ở đời để trời và người được nhiều lợi ích.”

Có vị Thiên nói:

“Nói chi đến bảy Phật, chỉ cần sáu Phật, điều này cũng đã quá tốt lành.”

Hoặc có Thiên tử nói chỉ cần có năm, hoặc bốn Phật, hoặc nói ba, hoặc nói hai Phật xuất hiện ở đời thì cũng nhiều lợi ích.

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bảo chư thiên:

“Nói chi bảy Phật, cho đến hai Phật, chỉ duy Phật Thích ca ở đời lâu dài thì đã được nhiều lợi ích.”

Bấy giờ, ý Như Lai muốn chư thiên đến thì chư thiên liền đến, ý muốn chư thiên đi, thì chư thiên liền đi. Lúc ấy, chư thiên trời Tam thập tam nói với nhau:

“Vì sao Như Lai ăn suốt cả ngày vậy?”

Khi ấy, [706c01] Thích Đề-hoàn Nhân nói với chư thiên trời Tam thập tam:

“Hiện tại, Như Lai thọ thực theo thời tiết ở nhân gian, không theo thời tiết trên trời.”

Bấy giờ, Thế Tôn đã trải qua ba tháng ở trên trời. Thế Tôn nghĩ: ‘Chúng bốn bộ người Diêm-phù-đề không gặp Ta đã lâu, rất có lòng tưởng nhớ khát trông. Nay Ta nên xả thần túc cho các Thanh văn biết Như Lai đang ở trời Tam thập tam.’

Rồi Thế Tôn liền xả thần túc.

Lúc ấy, A-nan đến chỗ A-na-luật, bạch với A-na-luật:

“Hôm nay bốn bộ chúng khát trông muốn gặp Như Lai.

Nhưng Như Lai nay không diệt độ chăng?”

Lúc ấy, A-na-luật bảo A-nan:

“Hôm qua có vị Thiên đến chỗ tôi báo, Như Lai đang ở trong giảng đường Thiện pháp trên trời Tam thập tam. Nay thầy hãy đợi một chút. Tôi muốn quán sát hiện Như Lai đang ở đâu?”

Rồi Tôn giả A-na-luật liền ngồi kiết già, chánh thân chánh ý, tâm không lay động, dùng thiên nhãn quán sát trời Tam thập tam, thấy Thế Tôn đang ngồi trên phiến đá rộng một do tuần. A-na-luật liền xuất định, nói với A-nan:

“Như Lai hiện ở trời Tam thập tam, đang thuyết pháp cho Mẹ.”

Lúc ấy, A-nan và chúng bốn bộ vui mừng hơn hờ không tự chế được. A-nan hỏi chúng bốn bộ:

“Ai có thể đến trời Tam thập tam thăm hỏi Như Lai?”

A-na-luật đáp:

“Tôn giả Mục-liên có thần thông đệ nhất. Mong Tôn giả dùng thần lực đi thăm hỏi Phật.”

Chúng bốn bộ bạch Mục-liên:

“Hôm nay Như Lai ở trời Tam thập tam. Cúi xin Tôn giả đem danh tánh chúng bốn bộ thăm hỏi Như Lai và trình ý nghĩa này lên bạch Như Lai: ‘Thế Tôn đắc đạo trong Diêm-phù-đề, tại thế gian, xin oai thần khuất tất trở về lại thế gian.’”

Mục-liên đáp:

“Tốt lắm, các hiền giả.”

Lúc ấy, Mục-liên nhận lời dạy chúng bốn bộ, trong

khoảng khắc co duỗi cánh tay, đã bay lên trời Tam thập tam, đến chỗ Thế Tôn.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân và chư thiên trời Tam thập tam từ xa thấy Mục-liên đến, mọi người nghĩ như vậy: ‘Đúng là sứ giả Tăng hay sẽ là sứ giả các vua.’ Chư thiên đều đứng dậy nghinh đón và nói:

“Lành thay, Tôn giả!”

Từ xa Mục-liên thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số người, bèn nghĩ thầm: ‘Thế Tôn ở tại cõi trời, cũng vẫn bị quấy rầy.’ Mục-liên đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, [707a01] Mục-liên bạch Phật:

“Thế Tôn, chúng bốn bộ hỏi thăm Như Lai sống có được nhẹ nhàng, đi đứng mạnh khỏe không, và bạch việc này: ‘Như Lai sanh trưởng trong cõi Diêm-phù-đề, đắc đạo tại thế gian, cúi xin Thế Tôn trở về lại thế gian. Bốn chúng khát trông, muốn được gặp Thế Tôn.’”

Thế Tôn bảo:

“Mong cho chúng bốn bộ tiến tu đạo nghiệp không mệt mỏi. Thế nào, Mục-liên, chúng bốn bộ du hóa có cực nhọc không? Không có kiện tụng phải không? Ngoại đạo dị học không xúc nhiều chăng?”

Mục-liên đáp:

“Chúng bốn bộ hành đạo không có mệt mỏi.”

“Nhưng này Mục-liên, lúc nãy, ông nghĩ rằng: ‘Như Lai ở đây vẫn bị quấy rầy.’ Việc này không phải vậy. Vì sao vậy? Vì thời gian ta thuyết pháp không kéo dài lâu. Nếu ta nghĩ, muốn chư thiên đến, thì chư thiên liền đến. Ta muốn chư thiên không đến, chư thiên không đến. Mục-

liên, ông hãy trở về thế gian. Bảy ngày nữa Như Lai sẽ đến cạnh hồ nước lớn, nước Tăng-ca-thi.⁹

Lúc ấy, trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, Mục-liên đã trở vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, đến gặp bốn chúng nói với họ:

“Các hiền giả nên biết! Bảy ngày nữa Như Lai sẽ đến cạnh hồ nước lớn, nước Tăng-ca-thi Diêm-phù-đề.”

Sau khi chúng bốn bộ nghe những lời này xong, vui mừng hớn hở, không tự chế được. Vua Ba-tư-nặc, Ưu-diên, Ác sanh, Ưu-đà-diên, Tần-bà-sa-la¹⁰ nghe tin bảy ngày nữa Như Lai sẽ đến cạnh hồ nước lớn nước Tăng-ca-thi, vui mừng hớn hở, không tự chế được. Dân chúng Tỳ-xá-ly, dòng họ Thích Ca-tỳ-la-vệ¹¹, nhân dân Câu-di-la-việt, nghe Như Lai sẽ đến cõi Diêm-phù-đề. Nghe xong vui mừng hớn hở, không tự chế được.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc tập hợp bốn bộ binh đến cạnh hồ nước này để gặp Thế Tôn. Lúc ấy, năm vị vua đều tập hợp binh chúng đến chỗ Thế Tôn, muốn được hầu thăm Như Lai. Dân chúng dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ đều đến chỗ Thế Tôn, cùng chúng bốn bộ cũng đều đến chỗ Thế Tôn muốn được gặp Thế Tôn.

Bấy giờ là ngày đầu bảy ngày, Thích Đề-hoàn Nhân bảo thiên tử Tự tại:

“Hôm nay, từ đỉnh núi Tu-di đến hồ nước Tăng-ca-thi,

⁹ Tăng-ca-thi quốc 僧迦尸國. Pāli: Saṅkassa, một thị trấn cách Xá-vệ chừng 30 dặm. Thế Tôn thị hiện thân biến tại đây, dưới cây Gaṇḍamba.

¹⁰ Đề bản: Tần-tì-sa-la

¹¹ Đề bản: Ca-tỳ-la-việt.

Tăng nhất A-hàm

ông hãy làm ba con đường. Ta quan sát, Như Lai sẽ không dùng thần túc trở về Diêm-phù-đề.”

Thiên tử Tự tại đáp:

[707b01]“Việc này rất hay. Đúng lúc ấy, tôi sẽ làm xong ngay.”

Thiên tử Tự tại làm ba con đường bằng vàng, bạc và thủy tinh. Con đường vàng ở giữa, đường thủy tinh một bên, và đường bạc một bên. Hai bên, hóa ra cây vàng.

Trong thời gian bảy ngày ấy, các vị chư thiên thần diệu đều đến nghe pháp.

Bây giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho hàng nghìn vạn chúng trước sau vây quanh; thuyết về khổ của năm thủ uẩn.¹² Sao gọi là năm? đó là sắc, thọ*, tưởng, hành, thức.

“Sao gọi là sắc uẩn? Đó là thân do bốn đại, là sắc được tạo bởi bốn đại. Đó gọi là sắc uẩn.

“Sao gọi là thọ* uẩn? Đó là cảm thọ khô, cảm thọ lạnh, cảm thọ không khô không lạnh. Đó gọi là thọ uẩn.

“Sao gọi là tưởng uẩn? Đó là sự tụ hội của ba thời. Đó gọi là tưởng uẩn.

“Sao gọi là hành uẩn? Đó là thân hành, khẩu hành, ý hành. Đó gọi là hành uẩn.

“Sao gọi là thức uẩn? Đó là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý. Đó gọi là thức uẩn.

“Sao gọi là sắc? Sắc bao gồm lạnh cũng là sắc, nóng cũng là sắc, đói cũng là sắc, khát cũng là sắc.

¹² Truyền thuyết Pāli, Phật giảng Abhidhamma trên Tam thập tam thiên. Đoạn này Phật đang giảng nội dung của Abhidhamma.

“Sao gọi là thọ? Thọ là giác biết. Giác biết vật gì? Giác biết khổ, giác biết lạc, giác biết không khổ, không lạc. Đó gọi là giác biết.

“Sao gọi là tướng? Tướng cũng là biết. Đó là biết xanh, vàng, đỏ, trắng, biết khổ, biết lạc. Đó gọi là biết.

“Sao gọi là hành? Nó tác thành nên gọi nó là hành. Tác thành những gì? Hoặc thành hành vi ác, hoặc thành hành vi thiện. Cho nên gọi là hành.

“Sao gọi là thức? Thức là phân biệt nhận biết phải hay không phải, cũng nhận biết các vị. Đó gọi là thức.

“Các thiên tử nên biết, có năm thủ uẩn này, là biết có ba đường: ác đạo, thiên đạo và nhân đạo. Năm thủ uẩn này diệt, biết là có đạo Niết-bàn.”

Khi Phật nói pháp này cho các vị trời, có sáu vạn người trên trời được mắt pháp trong sạch.

Sau khi thuyết pháp xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến đỉnh núi Tu-di nói kệ này:

*Các người hãy siêng học
Nơi Phật, Pháp, Thánh chúng.
Diệt đường đến tử vong,
Như dùng móc dạy voi.
Những ai không biếng nhác
Ở trong Chánh pháp này;
Người ấy dứt sanh tử,
Không có nguồn gốc khổ.*

[707c01] Thế Tôn nói kệ này xong, bèn đi đến con đường giữa. Khi ấy Phạm thiên trên con đường bạc phía bên hữu Như Lai. Thích Đề-hoàn Nhân trên con đường thủy tinh bên trái. Chư thiên chúng ở giữa hư không rải hoa, đốt hương, xướng kỹ nhạc, giúp vui cho Như Lai.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc¹³ nghe Như Lai hôm nay sẽ đến cạnh hồ trong nước Tăng-ca-thì ở Diêm-phù-đề. Cô suy nghĩ như vậy: “Chúng bốn bộ, quốc vương, đại thần, nhân dân trong nước không ai là không đến. Nếu ta bằng thường pháp đến thì điều này chẳng thích hợp. Nay ta phải hiện thành hình dung Chuyển luân Thánh vương đến gặp Thế Tôn.”

Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc liền ẩn hình, hiện thành Chuyển luân Thánh vương đầy đủ bảy báu, như là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, điện binh báu, kho tàng báu.

Trong lúc đó, Tôn giả Tu-bồ-đề đang vá y tại một mé núi, trong núi Kỳ-xà-quật nơi thành La-duyet. Tu-bồ-đề nghe Thế Tôn hôm nay về đến châu Diêm-phù-đề, thâm nghĩ, “Chúng bốn bộ không ai là không đến gặp. Nay ta cũng nên đến thăm hỏi, lễ bái Như Lai.” Tôn giả Tu Bồ Đề liền ngưng việc vá y. Rời chỗ ngồi đứng dậy, chân phải vừa chạm đất, tức thì ngai lại nghĩ: ‘Thân hình Như Lai đó, cái gì là Thế Tôn, là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chăng? Người mà ta đến gặp lại là đất, nước, lửa, gió chăng? Hết thấy các pháp đều rỗng không vắng lặng, không tạo, không tác, như những gì Thế Tôn đã nói kệ:

*Nếu ai muốn lễ Phật
Và các bậc tối thắng,
Uân, xứ, giới¹⁴ các loại,
Đều phải quán vô thường.*

¹³ Ưu-bát-hoa-sắc 優鉢華色: Liên Hoa Sắc. Pāli: Pālī:

Uppalavaṇṇā, Tỳ-kheo-ni thần thông đệ nhất. Xem kinh 2 phẩm 5.

¹⁴ Âm, trì, nhập 陰持入: Uân, giới, xứ. Pāli: *khandha, dhātu, āyatana*.

*Phật quá khứ xa xưa,
Cho đến Phật tương lai,
Cùng chư Phật hiện tại,
Tất cả đều vô thường.*

*Nếu ai muốn lễ Phật
Quá khứ và tương lai,
Hoặc ở trong hiện tại,
Phải quán nơi pháp Không.*

*Nếu ai muốn lễ Phật,
Quá khứ và tương lai,
Hoặc ở trong hiện tại,
Nên xét nơi Vô ngã.*

“Trong đây không có ngã, không có mạng, không có con người, không có tạo tác, cũng không hình dung, có dạy, có truyền. Các pháp thấy đều không tịch. Cái gì là ngã? Cái ta là không [708a01] chủ. Nay ta quy mạng tụ chơn pháp.” Rồi Tôn giả Tu-bồ-đề liền ngồi vá y trở lại.

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc hóa thành Chuyển luân Thánh vương, bảy báu dẫn đường, đi đến chỗ Thế Tôn. Năm vua từ xa trông thấy Chuyển luân Thánh vương đến, vui mừng hơn hờ, không tự chế được, tự nói với nhau: “Thật là kỳ diệu hiếm có! Thế gian xuất hiện có hai trân bảo, là Như Lai và Chuyển luân Thánh vương.”

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn hàng vạn thiên chúng từ trên đỉnh núi Tu-di xuống đến cạnh hồ nước. Thế Tôn đưa chân dẫm lên đất, ngay khi ấy khiến ba ngàn Đại thiên thế giới này chấn động sáu cách. Chuyển luân Thánh vương hóa hiện, từ từ đi đến chỗ Thế Tôn. Vua các nước nhỏ và nhân dân tất cả đều tránh ra. Khi đã đến gần Thế Tôn, Chuyển luân Thánh vương hóa giả liền hiện nguyên hình là Tỳ-kheo-ni và đánh lễ sát chân. Năm vị vua thấy vậy,

đều than thở, bảo nhau: “Hôm nay chúng ta thật có sự mất mát. Chúng ta đáng ra được gặp Như Lai trước tiên, nhưng nay thì Tỳ-kheo-ni này đã gặp trước.”

Tỳ-kheo-ni đến gặp Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi bạch Phật rằng:

“Nay con đánh lễ đấng Tồi Thẳng! Hôm nay, con được hầu thăm trước tiên. Con là Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc, đệ tử của Như Lai.”

Khi ấy, Thế Tôn nói kệ này:

*Nghiệp lành nhờ lễ trước,
Hơn hết, không ai bằng.
Cửa giải thoát Không, Vô¹⁵
Đó là nghĩa lễ Phật.
Nếu ai muốn lễ Phật,
Tương lai và quá khứ,
Hãy quán pháp Không vô.¹⁶
Đó là nghĩa lễ Phật.*

Khi ấy, năm vua và nhân dân nhiều không thể đếm xuể, đến chỗ Thế Tôn. Mỗi vị đều tự xưng danh hiệu. Con là Ba-tư-nặc vua nước Ca-thi. Con là Ưu-diên vua nước Bạt-sai. Con là Ác Sanh vua của Nhân dân Ngũ đô.¹⁷ Con là Ưu-đà-diên vua nước Nam hải. Con là Tần-bà-sa-la vua nước Ma-kiệt-đà. Lúc ấy, nhân dân trong khoảng

¹⁵ Kệ lược bớt chữ trong bản Hán: Không, Vô tướng, Vô nguyên; ba giải thoát môn.

¹⁶ Không vô, hay không tịch. Pāli: *suññatā*.

¹⁷ Nhân dân Ngũ đô, hay Ngu đô, có lẽ tương đương Pāli: *Pañcālajanapada* (*Pañcālaratṭha*), được kể 1 trong 16 đại quốc thời Phật. Theo Pāli, vua bấy giờ là Dummukha.

mười một na-thuật,¹⁸ cùng chúng bốn bộ và những Gia chủ tối tôn cả thấy là một ngàn hai trăm năm mươi người đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, vua Ưu-điền ôm tượng bằng ngưu-đầu chiên-đàn trong tay và nói kệ với Như Lai:

*Con có việc muốn hỏi,
[708b01] Từ bi hộ hết thấy:
Người tạo hình tượng Phật
Được những phước đức gì?*

Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng kệ đáp:

*Đại vương, hãy lắng nghe,
Ta giảng nghĩa ít nhiều.
Người tạo hình tượng Phật,
Nay chỉ nói sơ lược.*

*Trước nhất, mắt không hư,
Sau có được thiên nhãn.
Phân biệt rõ trắng đen,
Đức tạo hình tượng Phật.*

*Hình vóc sẽ hoàn hảo
Ý chính, không mê lầm.
Thế lực hơn người thường.
Người tạo hình tượng Phật,*

*Hẳn không đọa đường ác;
Khi chết sanh lên trời,
Ở đó làm thiên vương:
Phước làm hình tượng Phật.*

¹⁸ Na-thuật 那術. Số đếm. Các phiên âm khác: na-do-tha, na-do-đà, tương đương một vạn, nghìn vạn, hay nghìn ức. Skt. nayuta.

*Phước khác không thể kể.
Phước kia khó nghĩ bàn.
Tiếng tốt vang bốn phương:
Phước tạo hình tượng Phật.*

“Lành thay, lành thay! Đại vương làm được nhiều lợi ích cho trời người mong nhờ.”

Lúc ấy, vua Ưu Điền vô cùng sung sướng.

Bấy giờ, Thế Tôn vì chúng bốn bộ và năm vua nói về diệu luận. Luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sanh thiên; dục là tướng bất tịnh, là hữu lậu, là tai họa lớn, giải thoát là vi diệu. Khi Thế Tôn đã thấy tâm ý chúng bốn bộ đã được khai mở; như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là khổ, tập, tận, đạo, Ngài cũng vì họ mà nói. Bấy giờ ngay trên chỗ ngồi hơn sáu vạn trời người dân, dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ, năm vua bạch Thế Tôn:

“Nơi này là phước tối diệu, là đất thiêng, nên Như Lai mới từ trời Đâu-suất xuống, thuyết pháp tại đây. Nay chúng con muốn kiến lập nơi này khiến vĩnh viễn không còn bị mục nát.”

Thế Tôn bảo:

“Này năm Vua, các ông hãy xây dựng thân tự ở nơi này, đời đời hưởng phước không bao giờ hư hoại.”

Các vua thưa:

“Phải xây dựng thân tự như thế nào?”

Bấy giờ, Thế Tôn duỗi bàn tay phải, từ trong đất xuất hiện chùa Ca-diếp Như Lai. Nhìn năm Vua mà bảo:

“Muốn tạo thân tự, hãy theo pháp này.”

Lúc ấy, năm vua liền khởi xây đại thần tự ở nơi này.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tùy tùng của các Như Lai hằng sa trong quá khứ nhiều ít cũng như hôm nay không khác. Ngay cả tùy tùng của hằng sa chư Phật trong tương lai nhiều [708c01] ít cũng như hôm nay không khác. Nay Kinh này đặt tên là ‘Du thiên Pháp bốn.’

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Chúng bốn bộ và năm vua, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.¹⁹

¹⁹ Bản Hán, hết quyển 28.

THIÊN SÁU PHÁP

37. PHẨM SÁU TRỌNG PHÁP

KINH SỐ 1

[708b11] Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy suy niệm sáu trọng pháp,¹ kính trọng, tôn trọng, và ghi nhớ mãi ở trong tâm không cho quên mất.²

“Những gì là sáu? Ở đây, Tỳ-kheo thân hành niệm từ,³ như soi gương thấy hình mình, đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

“Lại nữa, khẩu hành niệm từ, ý hành niệm từ, đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

“Lại nữa, được các thứ lợi lộc đúng pháp thì nên chia cho các phạm hạnh cùng hưởng, không tưởng tiếc rẻ; pháp

¹ Lục trọng pháp 六重法, thường nói là sáu pháp hòa kính, hay sáu pháp khả hỷ. Xem *Trung* 52, kinh 196 Châu-na (T1n26, tr. 755b21): Sáu pháp ủy lạo 六慰勞法. Pāli, M 104 Sāmagāmasutta (R. iii. 250): *Cha sārāṇīya-dhammā*.

² Pāli, ibid., *chayime dhammā sārāṇīyā piyakaraṇā garukaraṇā saṅghāya avivādāya sāmaggīyā ekībhāvāya samvattanti*, có sáu pháp khả niệm này, tác thành thân ái, tôn trọng, đưa đến đoàn kết, không tranh cãi, hòa hiệp, nhất trí.

³ Pāli, ibid., *mettaṃ kāyakammaṃ paccupaṭṭhitam hoti sabrahmacārisu āvi ceva raho ca*, biểu hiện thân nghiệp từ ái đối với đồng phạm hạnh, trước công chúng cũng như nơi kín đáo.

này đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

“Lại nữa, có các giới cấm không hủ, không bại, cực kỳ hoàn hảo, không sút, không thủng, được bậc trí quý trọng, lại muốn đem giới này được phân bố cho người khác cũng đồng một vị; pháp này đáng kính, đáng quý không để quên mất.

“Lại nữa, chánh kiến của Hiền thánh dẫn đến xuất yếu; có kiến giải như vậy, và muốn các vị phạm hạnh đồng tu cùng đồng pháp này, cũng đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu trọng pháp này, đáng kính, đáng quý, không để quên mất. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường xuyên tu tập các hành vi của thân, miệng, ý; nếu được các thứ lợi dưỡng, cũng nên nghĩ phân đều cho nhau, chớ khởi tương tham.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại ao A-nậu-đạt⁴ cùng đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị. Các vị ấy đều là La-hán, ba minh⁵, sáu thông, thần túc tự [709a01] tại, tâm không sợ hãi, chỉ trừ một Tỳ-kheo A-nan.

⁴ A-nậu-đạt tuyền 阿耨達泉. Xem *Trường 18*, kinh Thế ký (T1n1, tr. 116c6). Pāli: Anotatta.

⁵ Nguyên Hán: Tam đạt 三達, thường nói là tam minh. Pāli: *tevijjā*.

Bảy giờ, Thế Tôn ngồi trên hoa sen vàng mà cọng sen được làm bằng bảy báu. Năm trăm Tỳ-kheo đều ngồi trên hoa sen báu. Khi ấy, Long vương A-nậu-đạt⁶ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên.

Sau khi quan sát hết Thánh chúng rồi, Long vương bạch Thế Tôn:

“Nay con thấy trong chúng này, trống, thiếu, không đủ, vì không có Tôn giả Xá-lợi-phất. Cúi xin Thế Tôn sai một Tỳ-kheo mời Tôn giả Xá-lợi-phất đến.”

Lúc ấy, Xá-lợi-phất đang ngồi vá y cũ tại tinh xá Kỳ-hoàn. Bảy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Mục-liên:

“Thầy đến chỗ Xá-lợi-phất bảo Xá-lợi-phất rằng: ‘Long vương A-nậu-đạt muốn tương kiến.’”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, Tôn giả Mục-liên đã đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất tại tinh xá Kỳ-hoàn, và nói với Xá-lợi-phất, Như Lai dạy: ‘Long vương A-nậu-đạt muốn tương kiến.’

Xá-lợi-phất đáp:

“Thầy hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.”

Mục-liên đáp:

“Hết thầy Thánh chúng và Long vương A-nậu-đạt mong đợi tôn nhan, muốn được tương kiến, xin hãy đi ngay, đừng có chậm trễ.”

⁶ A-nậu-đạt Long vương 阿耨達龍王. Xem *Trường 18*, kinh Thế ký (T1n1, tr. 117a1).

Tăng nhất A-hàm

Xá-lợi-phất đáp:

“Thầy hãy đến đó trước. Tôi sẽ đến sau.”

Lúc ấy, Mục-liên lại nói lại:

“Thế nào, Xá-lợi-phất, trong thần túc, có thể hơn được tôi sao, mà nay lại bảo tôi đi trước? Nếu Thầy không đứng dậy ngay thì tôi sẽ nắm cánh tay kéo đến suối ấy.”

Lúc ấy, Xá-lợi-phất nghĩ thầm: ‘Mục-liên đang tìm cách đùa thử ta vậy!’

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cời dây đai kiết-chi⁷ đặt xuống đất, nói với Mục-liên:

“Nếu thần túc của Thầy là đệ nhất, thử cất giải y này lên khỏi mặt đất, sau đó hãy nắm cánh tay tôi dẫn đến ao A-nậu-đạt.”

Mục-liên nghĩ thầm:

“Xá-lợi-phất định đùa với ta nên muốn thử chăng? Nay ông ấy đã cời dây đai đặt trên đất bảo ta nếu cất lên được, sau đó nắm cánh tay dẫn đi.”

Mục-liên lại nghĩ: ‘Đây ắt có nguyên nhân, nếu không, chẳng việc gì phải khổ nhọc.’ Lập tức, Tôn giả duỗi tay lấy sợi đai nâng lên, nhưng không thể khiến dây đai nhúc nhích mảy may nào. Mục-liên dùng hết sức của mình, vẫn không di chuyển đai này, không thể làm lay động

⁷ 羯支帶 *kiết chi đới*. *Kiết-chi* 羯支, tức *tăng-kiết-chi* 僧羯支, Skt. *saṃkacṣikā* (Pāli: *saṃkacchika*), các phiên âm khác: *Tăng-khước-kì* 僧却崎, *tăng-kì-chi* 僧祈支 dịch là *phủ kiên y* 覆肩衣 hay *yếm nịch y* 掩腋衣; thường chỉ yếm che ngực của tỳ-kheo ni; nhưng cũng chỉ y trùm vai của tỳ-kheo. Xem *Tứ phần* 48 tr. 24c14, *Phiên dịch danh nghĩa tập* 7 T54 tr. 1171c5.

được. Rồi Xá-lợi-phất lấy đai ấy buộc chặt vào cành cây [709c01] diêm-phù. Tôn giả Mục-liên lại dùng hết thân lực của mình muốn nâng dây này, nhưng không thể làm nó lay động, rốt cuộc không thể làm di chuyển được. Đang lúc nâng đai này lên, đất Diêm-phù chấn động.

Xá-lợi-phất nghĩ thầm: ‘Tỳ-kheo Mục-liên có thể khiến Diêm-phù-đề này rung động, huống chi dây đai này. Nay ta nên đem đai này buộc chặt vào hai thiên hạ.’ Bấy giờ, Mục-liên cũng lại nâng nó. Buộc vào ba thiên hạ cho đến bốn thiên hạ cũng có thể nâng lên như nâng chiếc y mỏng.⁸

Bấy giờ, Xá-lợi-phất lại nghĩ thầm: ‘Tỳ-kheo Mục-liên có thể nâng bốn thiên hạ, cũng không đáng để nói. Nay ta phải đem đai này buộc chặt vào lưng núi Tu-di.’ Mục-liên lại làm lay động núi Tu-di này và cung Tứ thiên vương, cung trời Tam thập tam. Xá-lợi-phất lại buộc chặt đai ấy vào một ngàn thế giới. Mục-liên cũng làm cho lay động.

Xá-lợi-phất lại buộc chặt đai này vào hai ngàn thế giới, ba ngàn thế giới, cũng lại lay động. Khi ấy, trời đất chấn động mạnh, chỉ có chỗ Như Lai ở ao A-nậu-đạt là không lay động, giống như người lực sĩ đùa với lá cây, không có gì khó khăn.”

Bấy giờ, Long vương bạch Thế Tôn :

“Vì sao trời đất này nay chấn động dữ vậy?”

Thế Tôn nói hết duyên gốc này cho Long vương.

Long vương bạch Phật:

“Hai vị ấy, thần lực của ai là hơn hết?”

⁸ Có sự mâu thuẫn bất nhất trong đoạn Hán dịch này.

Thế Tôn bảo:

“Thần lực Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là hơn hết.”

Long vương bạch Phật:

“Trước đây Thế Tôn đã từng xác nhận, thần túc của Tỳ-kheo Mục-liên là bậc nhất, không ai vượt hơn được.”

Thế Tôn đáp:

“Long vương nên biết, có bốn thần túc. Sao gọi là bốn? Là tự tại tam-muội thần lực, tinh tấn tam-muội thần lực, tâm tam-muội thần lực, giới tam-muội thần lực.⁹ Nay Long vương, đó gọi là có bốn thần túc lực này. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni nào có bốn thần túc lực này, thường xuyên tu hành không hề buông bỏ, đó là thần lực bậc nhất.”

Long vương A-nậu-đạt bạch Phật:

“Tỳ-kheo Mục-liên không được bốn thần túc ấy sao?”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo Mục-liên cũng được bốn thần túc lực này và thường xuyên tu hành không hề buông bỏ. Tỳ-kheo Mục-liên muốn giữ thọ mạng đến một kiếp, cũng có thể làm được. Nhưng Tỳ-kheo Mục-liên không biết tên của tam-muội mà Xá-lợi-phất nhập.”

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất lại nghĩ thầm: “Ba ngàn đại thiên quốc độ, Mục-liên [709c01] đều có thể di chuyển, làm cho vô số côn trùng bị chết, không tính hết.¹⁰ Nhưng tự thân ta nghe chỗ ngồi của Như Lai không thể lay động được. Nay ta có thể dùng đai này buộc chặt vào chỗ ngồi

⁹ Chi tiết, xem kinh số 7 phẩm 29 trên.

¹⁰ Chi tiết có thể do dịch giả Hán thêm vào; nó trái với ý nghĩa căn bản về hành vi vô ý thức của A-la-hán.

của Như Lai.” Mục-liên lại dùng thần túc nâng dây đai ấy nhưng không thể làm lay động. Mục-liên nghĩ thâm như vậy: “Chẳng lẽ thần túc ta bị sút giảm rồi sao? Nay nâng đai này mà không thể làm nó lay động. Ta hãy đến chỗ Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này.”

Mục-liên sau khi buông đai này, liền dùng thần túc đi đến chỗ Thế Tôn. Từ xa, trông thấy Xá-lợi-phất đã ngồi ở trước Như Lai. Thấy vậy, Mục-liên lại nghĩ thâm: “Đệ tử của Thế Tôn, thần túc bậc nhất không ai vượt qua ta. Nhưng ta không bằng Xá-lợi-phất sao?”

Bấy giờ, Mục-liên bạch Phật:

“Không lẽ với thần túc, con đã có sự sút giảm chăng? Vì sao vậy? Vì con rời khỏi tinh xá Kỳ-hoàn trước Xá-lợi-phất, sau đó Xá-lợi-phất mới đi. Nay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã ngồi trước Như Lai.”

Phật bảo:

“Thần túc của người không hề giảm sút, nhưng người không thể hiểu được thần túc tam-muội mà Xá-lợi-phất đã nhập. Vì sao vậy? Vì trí huệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất vô lượng, tâm được tự tại. Người không được tùy tâm bằng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất đã được tự tại nơi tâm thần túc. Khi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất nghĩ đến pháp gì, tâm được tự tại đối với pháp ấy.” Đại Mục-liên ngay lúc đó im lặng.

Long vương A-nậu-đạt vui mừng hơn hờ, không tự chế được, vì nay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có rất nhiều thần lực không thể nghĩ bàn. Những tam-muội mà ngài nhập, Tỳ-kheo Mục-liên không thể biết tên được.

Bấy giờ, Thế Tôn vì Long vương A-nậu-đạt thuyết pháp vi diệu, khích lệ, làm Long vương hoan hỷ. Ngay tại đó

Tăng nhất A-hàm

Thế Tôn thuyết giới. Sáng sớm hôm sau, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo trở về vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với nhau: “Từ miệng Thế Tôn đã ký thuyết, người có thần thông bậc nhất trong các Thanh văn chính là Tỳ-kheo Mục-liên, nhưng ngày nay không bằng Xá-lợi-phất.”

Khi ấy, các Tỳ-kheo khởi tướng khinh mạn đối Mục-liên. Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ thầm: ‘Các Tỳ-kheo này khởi tướng khinh mạn đối với Mục-liên, sẽ chịu tội khó kể hết.’ Phật bảo Mục-liên:

“Hãy hiện thần lực của người khiến cho chúng này thấy, chớ để cho đại chúng khởi tướng biếng nhác.”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Mục-liên lễ sát chân Thế Tôn, rồi ngay ở trước Như Lai mà biến mất, đi qua [710a01] bảy hằng hà sa cõi Phật phương Đông. Ở đó, có Phật tên Kỳ Quang Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở cõi ấy. Mục-liên đến cõi ấy với y phục phàm thường, rồi ở đó đi quanh trên miệng bát. Nhân dân ở cõi ấy có hình thể rất lớn. Khi các Tỳ-kheo ở đó thấy Mục-liên, nói với nhau:

“Các thầy hãy nhìn xem, con sâu này giống y như samôn.”

Các Tỳ-kheo bắt xuống cho Phật ấy xem:

“Bạch Thế Tôn, nay có một con sâu giống y như samôn.”

Kỳ Quang Như Lai bảo các Tỳ-kheo:

“Cách đây bảy hằng hà sa quốc độ thế giới kia về phương Tây, có Phật hiệu là Thích-ca Văn Như Lai, Chí chơn,

Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời. Đây là đệ tử vị ấy, thần túc bậc nhất.”

Bấy giờ, đức Phật kia bảo Mục-liên:

“Các Tỳ-kheo này nảy ý tưởng khinh mạn. Ngươi hãy hiện thần túc cho đại chúng được thấy.”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Mục-liên vâng lời Phật dạy, lấy bình bát đựng năm trăm Tỳ-kheo kia đem lên trời Phạm thiên. Khi ấy, Mục-liên dùng chân trái dẫm lên núi Tu-di, chân phải đặt trời Phạm thiên, rồi nói kệ này:

*Thường hãy niệm tinh cần,
Tu hành trong pháp Phật.
Hàng phục Ma, oán địch,
Như dùng móc dạy voi.¹¹
Nếu ai nơi pháp này
Thực hành không phóng dật,
Sẽ dứt sạch gốc khổ
Không còn các bức não.¹²*

Bấy giờ, Mục-liên làm cho âm vang này tràn đầy khắp tinh xá Kỳ-hoàn. Các Tỳ-kheo khi nghe âm thanh này, đến bạch Thế Tôn:

“Mục-liên đang ở nơi nào mà nói bài kệ này?”

Thế Tôn đáp:

“Tỳ-kheo Mục-liên đang ở cách đây bảy hằng hà sa côi

¹¹ Pāli, ibid. *dhunātha maccuno senam, naḷāgāraṃva kuñjaro*, các người hãy quét sạch quân Ma, như voi dẹp nhà lá.

¹² Bài kệ, xem Pāli, S 6. 2.4 Aruṇavatī (R. i. 156).

Tăng nhất A-hàm

Phật về phương Đông, đứng năm trăm Tỳ-kheo trong bình bát, chân trái dẫm lên núi Tu-di, chân phải đặt lên trời Phạm thiên mà nói bài kệ này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo tán thán:

“Thật là việc chưa từng có, thật là kỳ diệu! Tỳ-kheo Mục-liên có thần túc lớn như vậy mà đối với Mục-liên chúng con khởi ý khinh mạn. Xin Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Mục-liên đem năm trăm Tỳ-kheo ấy trở về chôn này.”

Thế Tôn từ xa hiện đạo lực cho Mục-liên biết ý. Mục-liên bèn đem năm trăm Tỳ-kheo trở về vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà thành Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho hàng nghìn vạn chúng. [710a28] Đại Mục-liên đem năm trăm Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn. Đệ tử của Phật Thích-ca Văn ngược lên nhìn các Tỳ-kheo ấy. Lúc ấy, các Tỳ-kheo ở thế giới phương Đông đánh lễ sát chân Thế Tôn rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo ấy:

“Các vị từ đâu đến và là đệ tử của ai, đi đường mất bao lâu?”

Năm trăm Tỳ-kheo kia bạch Phật Thích-ca Văn:

“Thế giới chúng con hiện ở phương Đông. Phật hiệu là Kỳ Quang Như Lai. Chúng con là đệ tử của Phật ấy. Nhưng hôm nay chúng con lại cũng không biết là từ đâu đến và đã trải bao nhiêu ngày!”

Thế Tôn hỏi:

“Các ông có biết thế giới Phật không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa không, bạch Thế Tôn.”

“Hôm nay các vị có muốn về lại nơi ấy không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Chúng con muốn trở về lại nơi ấy.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo kia:

“Hôm nay, Ta sẽ vì các vị nói về pháp sáu giới, hãy suy niệm kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Vì sao pháp ấy được gọi là pháp sáu giới? Tỳ-kheo nên biết, con người là sáu giới,¹³ thụ bẩm tinh khí của cha mẹ mà sanh ra.

“Những gì là sáu? Đó là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.¹⁴ Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu giới này.

“Thân người thụ bẩm tinh khí này mà sanh sáu xứ¹⁵. Sao gọi là sáu xứ? Đó là xứ của mắt, xứ của tai, xứ của mũi, xứ của lưỡi, xứ của thân và xứ của ý. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu xứ này, nhờ cha mẹ mà có được. Ý nơi sáu xứ mà có sáu thức thân. Sao gọi là sáu? Ý nơi thức của mắt mà có thức thân của mắt. Ý nơi thức của tai, thức

¹³ Lục giới chi nhân 六界之人. Cf. Pāli, M. 140 Dhātuvibhaṅga (R.iii. 239): *chadhāturo ayaṃ, bhikkhu, puriso chaphassāyatano aṭṭhārasa-manopavicāro caturādhiṭṭhāno*, “Nay các Tỳ-kheo, con người này là sáu giới này; là sáu xúc xứ, mười sáu ý cận hành, bốn trú xứ.”

¹⁴ Pāli, *ibid.*, *chayimā dhātuyo—pathavīdhātu, āpodhātu, tejodhātu, vāyodhātu, ākāsadhātu, viññānadhātu*.

¹⁵ Lục nhập 六入, sáu xứ. Pāli: *cha āyatanāni*.

của mũi, thức của lưỡi, thức của thân, thức của ý mà có thức thân của ý.¹⁶ Đây Tỳ-kheo, đó gọi là sáu thức thân.

“Nếu có Tỳ-kheo nào hiểu sáu giới, sáu xứ, sáu thức này, có thể vượt qua sáu cõi trời mà thọ hình trở lại.¹⁷ Nếu ở nơi ấy mạng chung sẽ sanh vào chốn này, thông minh tài cao, ngay trên hiện thân dứt sạch kết sử, đạt đến Niết-bàn.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Mục-liên:

“Nay ngươi hãy đem các Tỳ-kheo này trở về cõi Phật ấy.”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Mục-liên lại lấy bình bát đựng năm trăm Tỳ-kheo ấy, nhiều Phật ba vòng rồi lui đi, trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay đã đến cõi Phật ấy. Mục-liên đặt các Tỳ-kheo này xuống xong, đánh lễ sát chân Phật ấy, rồi trở về thế giới Nhân này¹⁸. Các Tỳ-kheo cõi kia sau khi nghe sáu giới này đều dứt sạch cấu uế, được mắt pháp [710c01] trong sạch.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo,

“Trong các đệ tử của ta, Thanh văn có thần thông bậc nhất khó ai bì kịp, chính là Tỳ-kheo Đại Mục-kiền-liên.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁶ Lục thức thân 六識身, Pāli, *cha viññāṇkāyā*.

¹⁷ Vượt qua sáu Dục giới thiên, tái sinh Sắc giới.

¹⁸ Nhân giới 忍界, thế giới Kham nhẫn, tức thế giới Ta(Sa)-bà. Skt. Sahalokadhātu.

KINH SỐ 3

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Sư tử,¹⁹ nước Bạt-kỳ. Lúc ấy, các Tỳ-kheo đức cao có thần túc²⁰, như hiền giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Ly-việt, A-nan, v.v..., gồm năm trăm người đều có mặt.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Đại Mục-liên, Đại Ca-diếp, A-na-luật, đi đến chỗ Xá-lợi-phất. A-nan trông thấy ba đại Thanh văn đến chỗ Xá-lợi-phất, liền bảo Ly-việt:

“Ba đại Thanh văn đến chỗ Xá-lợi-phất. Hai chúng ta cũng nên đến chỗ Xá-lợi-phất. Vì sao vậy? Để nghe Xá-lợi-phất nói pháp vi diệu.”

Ly-việt đáp:

“Việc này đáng vậy.”

Lúc ấy, Ly-việt, A-nan đến chỗ Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất nói:

“Kính chào chư hiền! Mời ngồi xuống chỗ này.”

Xá-lợi-phất nói với A-nan:

“Nay tôi có điều muốn hỏi: Vườn Ngưu sư tử này thật là

¹⁹ Sư tử viên 師子園; đoạn dưới nói: Ngưu sư tử viên 牛師子園. Trong Pāli không có vườn nào tên Sư tử. Nội dung kinh tương đương M 32 Mahā-Gosiṅgasutta (R. i. 213), tại vườn Gosiṅgasālvanaḍāya: Ngưu giác sa-la lâm. Có lẽ Hán dịch đọc là Gosimha (Ngưu Sư tử) thay vì Gosiṅga (Ngưu giác, sừng bò). Khu rừng này ở tại Nāḍika, trong lãnh thổ của Vajji (Bạt-kỳ). Xem, Hán dịch tương đương, *Trung* 48, kinh 184: Ngưu giác sa-la lâm 牛角娑羅林.

²⁰ Thần túc cao đức 神足高德; Pāli, *ibid.*: *abhiññātehi abhiññātehi*, rất nổi tiếng, được mọi người biết đến.

khả ái lạc, hương trời tự nhiên bay khắp bốn phía. Ai có thể làm cho khu vườn này trở nên khả ái?²¹”

A-nan đáp:

“Nếu có Tỳ-kheo nào nghe nhiều, những điều đã nghe không quên, tổng trì nghĩa và vị²² của các pháp, tu hành phạm hạnh đầy đủ.²³ Các pháp như vậy thấy đều đầy đủ, không quên sót, vì chúng bốn bộ mà nói pháp không mất thứ lớp, cũng không sơ sót, không có loạn tướng. Tỳ-kheo như vậy làm cho khu vườn Nguru sư tử này trở nên khả ái lạc.”

Bây giờ, Xá-lợi-phất nói với Ly-việt:²⁴

“Hôm nay, A-nan đã nói rồi. Nay tôi lại muốn hỏi ý nghĩa nơi Thầy. Vườn Nguru sư tử mà trở thành khả ái lạc, Thầy hãy nói, có nghĩa như thế nào?”²⁵

Ly-việt đáp:

“Tỳ-kheo vui thích sống nơi nhàn tĩnh, tọa thiền tư duy, cùng tương ưng chỉ quán. Tỳ-kheo như vậy làm cho khu vườn Nguru sư tử trở thành khả ái.”

²¹ Pāli, ibid., *kathamrūpena bhikkhunā gosiṅgasālavanam sobheyyā*”ti? Tỳ-kheo như thế nào thì làm sáng chói khu rừng Gosiṅgasāla này? So sánh *Trung* 48, ibid. “Tỳ-kheo như thế nào thì làm *khởi* phát rừng Nguru giác sa-la này?”

²² Pāli: *sāttā sabyañjanā*: (pháp ấy) có nghĩa và có văn.

²³ Pāli: *kevalaparipuṇṇam parisuddham brahmacariyam abhivadanti*, (pháp ấy) hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh và tuyệt đối hoàn hảo.

²⁴ Ly-việt 離越, xem kinh 2 phẩm 4. Pāli: Revata (Khadiravaniyo), đệ nhất lâm trú (*āraññakānam*).

²⁵ Nội dung câu hỏi Xá-lợi-phất nêu cho các Tỳ-kheo như nhau: Ai làm sáng chói khu rừng này? Văn Hán dịch biến thiên, dễ gây hiểu nhầm.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói với A-na-luật²⁶:

“Nay Thầy hãy nói về ý nghĩa làm cho khả ái.”

A-na-luật đáp:

“Nếu Tỳ-kheo nào dùng thiên nhãn quan sát trông suốt các chúng sanh kẻ chết người sống, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường ác, hoặc tốt hoặc xấu; thấy đều biết tất cả. Hoặc có chúng sanh thân, [711a01] miệng, ý hành ác, phỉ báng Hiền thánh, thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục; hoặc lại có chúng sanh thân, miệng, ý hành thiện, không phỉ báng Hiền thánh. Giống như một người nhìn không trung, thấy không thiếu thứ gì.²⁷ Tỳ-kheo có thiên nhãn cũng lại như vậy, xem thấy thế giới không chút nghi ngờ. Tỳ-kheo làm cho khu vườn Nguu sư tử trở thành khả ái.”

Xá-lợi-phất lại nói với Ca-diếp:

“Nay tôi hỏi Thầy, các hiền giả đã nói ý nghĩa làm cho khả ái như vậy. Nay đến lượt Thầy nói việc ấy.”

Ca-diếp đáp:

“Nếu có Tỳ-kheo nào sống hành a-lan-nhã, lại khuyến khích người khác hành a-lan-nhã, tán thán đức nhân tĩnh, tự thân đắp y vá nhiều mảnh,²⁸ lại khuyến khích người khác hành đầu-đà, thân tự biết đủ, sống nơi nhân tĩnh, lại khuyến khích người khác tu hạnh ấy. Tự thân đầy đủ giới đức, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải

²⁶ A-na-luật 阿那律; thiên nhãn đệ nhất. Pāli: Anuruddha.

²⁷ Hán dịch lược bỏ đoạn giữa về thiên nhãn.

²⁸ Bỏ nạp chi y 補納之衣, đây hiểu là tri y phẩn tảo, một trong các hạnh đầu-đà. Pāli: *pamsukūliko*.

thoát, thành tựu giải thoát tri kiến,²⁹ lại dạy người khác khiến hành pháp này, tán thán pháp này, đã có thể khuyến hóa, lại dạy người khác khiến hành pháp này, giáo hóa không biết mệt mỏi. Tỳ-kheo như vậy làm cho vườn Nguu sư tử trở thành khả ái không gì bằng.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói Đại Mục-liên:

“Các Hiền thánh đã nói ý nghĩa làm cho khả ái. Nay đến lượt Thầy nói về ý nghĩa làm cho khả ái. Khu vườn Nguu sư tử này khoái lạc vô song, nay Thầy muốn nói thế nào điều đó?”

Mục-liên đáp:

“Ở đây, Tỳ-kheo nào có đại thần túc, được tự tại nơi thần túc, vị ấy có thể biến hóa vô số ngàn việc mà không có gì khó khăn trở ngại. Cũng có thể phân một thân thành vô số thân, hoặc hoàn lại thành một thân. Có thể đi xuyên qua vách đá. Vọt lên, chìm xuống, một cách tự tại. Cũng như thuyền lướt trên sông, giống như chim bay trên không, chẳng lưu dấu vết. Giống như lửa dữ thiêu đốt núi hoang. Cũng như mặt trời mặt trăng chiếu khắp mọi nơi. Cũng có thể đưa tay sờ mặt trời, mặt trăng. Cũng có thể hóa thân cao đến trời Phạm thiên. Tỳ-kheo như vậy khiến vườn Nguu sư tử khả ái³⁰ .

Bấy giờ, Mục-liên nói với Xá-lợi-phất:

“Chúng tôi đều đã nói rõ ý kiến của mình. Nay chúng tôi hỏi ý nghĩa nơi Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo như thế nào làm

²⁹ Nguyên Hán: Giải thoát kiến tuệ 解脫見慧, biết rằng ta đã giải thoát.

³⁰ Nguyên Hán dịch: Nghi ngưu sư tử viên trung 宜牛師子園中, “thích nghi trong vườn ngưu sư tử.” Câu văn dịch này bị gãy, dễ khiến hiểu lầm. So nội dung toàn Kinh mà chỉnh lại.

cho khu vườn Nguru sư tử này trở thành rất là khả ái?”³¹

Xá-lợi-phất nói:

“Nếu có Tỳ-kheo nào có khả năng hàng phục tâm, chứ tâm ấy không thể hàng phục Tỳ-kheo.³² Nếu Tỳ-kheo kia muốn đạt tam-muội tức thì Tỳ-kheo kia có thể được [711b01] tam-muội, tùy ý xa gần thành tựu tam-muội, tức có thể thành tựu việc ấy. Giống như nhà trưởng giả có y phục đẹp đựng đầy trong rương. Bấy giờ, gia chủ kia tùy ý muốn lấy những áo nào thì lấy tùy ý mà không có gì khó khăn. Ở đây cũng vậy, có thể tùy ý nhập vào tam muội. Tỳ-kheo có thể vận dụng tâm, chứ không phải Tỳ-kheo không thể vận dụng tâm,³³ tùy ý nhập định cũng không có gì khó khăn trở ngại. Như vậy, Tỳ-kheo có thể vận dụng tâm, chứ không phải Tỳ-kheo không thể vận

³¹ 何等比丘宜在其中 Dịch sát nguyên Hán, phải nói: “Vườn Nguru sư tử này cực kỳ khoái lạc, Tỳ-kheo như thế nào nên ở trong đó?” Như vậy có thể hoàn toàn sai với ý nghĩa nội dung toàn Kinh. Khu vườn này không phải là đệ nhất trong các khu vườn để được đánh giá quá cao như vậy. Từ 宜 *nghe*, nên hiểu là “làm sáng chói” theo Pāli: *kathamrūpena bhikkhunā gosīṅgasālavanam sobheyyā*”ti?

³² Đối chiếu Pāli: *no ca bhikkhu cittassa vasena vattati*: Tỳ-kheo không bị chế ngự bởi thế lực của tâm. Xem cht. 33 tiếp theo.

³³ 心能使比丘, 非比丘能使心 tâm năng sử Tỳ-kheo, phi Tỳ-kheo năng sử tâm. Lưu ý văn Hán dịch đảo từ. Xem A. iv. 35 (Vasasuttam): Tỳ-kheo thành tựu 7 pháp chế ngự được tâm chứ không phải bị tâm chế ngự: Thiện xảo định (*samādhikusalo*), thiện xảo nhập định (*samādhissa samāpattikusalo*), thiện xảo trụ định (*samādhissa thitikusalo*), thiện xảo xuất định (*samādhissa vuttānakusalo*), thiện xảo thiện xảo định (*samādhissa kalyāṇākusalo*), thiện xảo cảnh giới định (*samādhissa gocarakusalo*), thiện xảo dẫn phát định (*samādhissa abhinīhārakusalo*).

Tăng nhất A-hàm

dụng tâm. Tỳ-kheo như vậy sẽ khiến vườn Nguu sư tử khả ái.”

Rồi Xá-lợi-phất nói với các hiền giả:

“Chúng ta đã tùy theo biện tài của mình mà nói, và cũng tùy theo chỗ thích hợp mà khéo nói ý nghĩa này. Chúng ta hãy cùng đến hỏi Thế Tôn: ‘Tỳ-kheo như thế nào khiến vườn Nguu sư tử này khả ái?’ Nếu Thế Tôn có dạy điều gì thì chúng ta sẽ phụng hành.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Tôn giả Xá-lợi-phất!”

Lúc ấy, các đại Thanh văn cùng nhau đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, các ngài đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ các đại Thanh văn đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

“Lành thay, đúng như những gì A-nan nói. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo A-nan nghe pháp có thể ghi nhớ, tổng trì các pháp mà đầy đủ sự tu hành phạm hạnh. Với pháp như vậy, được khéo nghe, không quên sót, cũng không có tà kiến, vì chúng bốn bộ mà nói lại, lời lẽ không thác loạn, cũng không sơ suất.

“Những điều Tỳ-kheo Ly-việt nói lại cũng rất hay! Vì sao vậy? Ly-việt ưa thích nơi nhàn tĩnh, không ở giữa người đời, thường niệm tọa thiền, không có tranh cãi, cùng tương ưng chỉ quán, sống an tịch tịch mịch nhàn tĩnh.

“Tỳ-kheo A-na-luật nói cũng lại rất hay! Vì sao vậy? Tỳ-kheo A-na-luật thiên nhãn bậc nhất. Vị ấy dùng thiên nhãn quan sát ba ngàn thế giới. Giống như người sáng mắt xem hạt ngọc trong lòng bàn tay, Tỳ-kheo A-na-luật

cũng lại như vậy, dùng thiên nhãn quan sát khắp ba ngàn đại thiên thế giới này không chút đáng ngờ.

“Nay Tỳ-kheo Ca-diếp cũng lại rất hay! Vì sao vậy? Tỳ-kheo Ca-diếp tự thân sống hành a-lan-nhã, lại hay tán thán đời sống ở nơi nhàn tĩnh. Tự mình khát thực, lại có thể ca ngợi đức khát thực. Tự thân mặc y rách vá, lại hay tán thán về đức mặc y rách vá. Tự thân biết đủ, lại tán thán về đức biết đủ. Tự thân ở nơi hang núi, lại hay tán thán về đức ở hang núi. Tự thân thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, [711c01] thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến*, lại hay dạy người thành tựu năm pháp thân này. Tự thân có thể giáo hóa, lại hay khiến mọi người thực hành pháp ấy.

“Lành thay! Lành thay! Như những gì Mục-liên đã nói. Vì sao vậy? Tỳ-kheo Mục-liên có oai lực lớn, thần thông bậc nhất, tâm được tự tại, ý muốn kia làm gì đều có thể thành ngay. Hoặc hóa một thân phân làm vạn ức, hoặc hợp trở lại làm một. Đi xuyên qua vách đá mà không có trở ngại. Vọt lên, chìm xuống tự tại. Cũng như thuyền lướt trên nước, không chướng ngại. Như chim giữa hư không, không để lại dấu vết. Giống như mặt trời, mặt trăng, không chỗ nào không chiếu. Có thể hóa thân cho đến trời Phạm thiên.

“Lành thay! Như những gì Xá-lợi-phất nói. Vì sao vậy? Xá-lợi-phất có thể hàng phục tâm, không phải không hàng phục tâm. Xá-lợi-phất khi muốn nhập định thì có thể thành tựu không có khó ngại. Giống như gia chủ có y phục đẹp, tùy ý lấy mà không có khó ngại. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cũng lại như vậy, có thể hàng phục tâm, không phải không có thể hàng phục. Xá-lợi-phất tùy ý nhập tam-muội, tất cả đều hiện tiền.

“Lành thay! Lành thay! Các Tỳ-kheo, các Thầy đã nói

Tăng nhất A-hàm

những gì theo chỗ thích hợp của mình. Nhưng bây giờ hãy nghe những gì Ta nói.

“Tỳ-kheo làm sao khiến vườn Ngưu sư tử khả ái? Tỳ-kheo sống nương theo làng xóm, đến giờ, vị ấy đắp y mang bát, vào làng khát thực. Sau khi khát thực xong, vị ấy trở về chỗ ở, rửa mặt và tay, ngồi dưới một gốc cây, chánh thân, chánh ý, kiết già, buộc niệm trước mặt. Tỳ-kheo ấy nghĩ thầm: ‘Nay ta sẽ không dời bỏ chỗ ngồi này, cho đến khi diệt tận hữu lậu, thành vô lậu.’

“Bấy giờ, Tỳ-kheo kia sạch hữu lậu, tâm được giải thoát. Tỳ-kheo như vậy khiến vườn Ngưu sư tử khả ái. Vậy, này các Tỳ-kheo, hãy luôn siêng năng tinh tấn, chớ có biếng nhác.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay, Ta sẽ nói về sự chú nguyện³⁴ có sáu đức, các vị hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

³⁴ Theo nội dung, có thể hiểu đây chỉ sự chú nguyện khi nhận bố thí; tổng quát, chỉ chung sự bố thí. Pāli: *dakkhiṇā* (Skt. *dakṣiṇā*), dịch âm: 達嚩 𑖅𑖟𑖞𑖳𑖻. Xem cmt. 14 kinh 2 phẩm 33.

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Sáu đức ấy là gì? Ở đây, đàn việt thí chủ³⁵ thành tựu ba [712a01] pháp. Thế nào là đàn việt thí chủ thành tựu ba pháp? Ở đây, đàn việt thí chủ thành tựu tín căn, thành tựu giới đức, thành tựu đa văn. Đó gọi là đàn việt thí chủ thành tựu ba pháp này.

“Vật được thí cũng thành tựu ba pháp. Sao gọi là ba? Vật kia thành tựu sắc, thành tựu vị, thành tựu hương. Có ba pháp thành tựu này.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu sự này, được công đức lớn, danh đức vang xa, đạt được báo cam lồ. Cho nên, các Tỳ-kheo, nếu muốn thành tựu sáu sự này, hãy niệm bổ thí.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số người. Lúc ấy có một Tỳ-kheo ở trên chỗ ngồi, nghĩ thầm: “Mong Như Lai nói với ta điều gì đó.” Bấy giờ Như Lai biết những ý nghĩ trong tâm vị ấy, nên bảo các Tỳ-kheo:

³⁵ 施主檀越 đàn việt (*dānapati*) tức thí chủ, Hán vừa dịch vừa âm vừa nghĩa.

“Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ như vậy: ‘Ước mong Như Lai đích thân giáo huấn ta’; Tỳ-kheo ấy hãy đầy đủ giới thanh tịnh, không có tỳ vết, tu hành chỉ quán, thích ở nơi nhàn tĩnh.

“Nếu Tỳ-kheo nào có ý muốn cầu y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, hãy thành tựu giới đức, ở nơi nhàn tĩnh mà tự tu hành, cùng chỉ quán tương ưng.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại muốn cầu sự biết đủ, hãy niệm giới đức đầy đủ, ở nơi nhàn tĩnh mà tự tu hành, cùng tương ưng với chỉ quán.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại mong cầu sao cho chúng bốn bộ, quốc vương, nhân dân, các loài có hình hài trong thấy nhận biết mình, vị ấy hãy niệm tướng đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào ý muốn cầu bốn thiền, trong đó không tâm hối tiếc, không dòi dôi, hãy niệm thành tựu giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu bốn thần túc, hãy đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại có ý muốn cầu tám giải thoát môn mà không trở ngại, vị ấy cũng hãy niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại có ý muốn cầu thiên nhĩ nghe hết tiếng trời người, hãy niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại có ý muốn cầu biết những ý nghĩ trong tâm người khác, niệm các căn thiếu sót, vị ấy cũng hãy niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại có ý muốn cầu biết tâm ý chúng sanh là tâm hữu dục hay tâm vô dục, tâm có sân hận hay tâm không sân hận, [712b01] tâm có ngu si hay tâm không ngu si, như thật biết chúng. Tâm có ái hay tâm

không ái, tâm có thọ hay tâm không thọ, như thật biết chúng. Tâm có loạn hay tâm không loạn, tâm có ganh ghét hay tâm không ganh ghét, tâm có nhỏ mọn hay tâm không nhỏ mọn, tâm hạn lượng hay tâm không hạn lượng, tâm có cảm thọ hay tâm không cảm thọ, tâm có định hay tâm không định, tâm có giải thoát hay tâm không giải thoát, người nào muốn biết như thật như vậy cũng phải đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại có ý muốn được vô lượng thân túc, phân một thân thành vô số và hợp trở lại thành một, vọt lên và chìm xuống tự tại, có thể hóa thân cho đến Phạm thiên, vị ấy cũng phải niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại có ý muốn cầu tự mình nhớ lại những việc trong vô số đời trước, hoặc một đời, hai đời cho đến ngàn đời, trăm ngàn ức đời, trong một kiếp thành, kiếp bại, kiếp thành bại không thể đếm hết. ‘Ta đã từng chết đây, sanh kia, tên ấy, họ ấy, hoặc từ nơi kia chết sanh đến chốn này.’ Tự nhớ những việc vô số kiếp như vậy, hãy niệm đầy đủ giới đức mà không có niệm khác.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại có ý muốn được thiên nhãn trông thấy hết chúng sanh, đường lành đường dữ, sắc đẹp sắc xấu, hoặc tốt, hoặc xấu, như thật mà biết. Hoặc lại có chúng sanh thân, miệng, ý hành ác, phỉ báng Hiền thánh, thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục; hoặc lại có chúng sanh thân, miệng, ý hành thiện, không phỉ báng Hiền thánh, tâm ý chánh kiến, thân hoại mạng chung sinh lên trời thiện xứ; người có ý muốn như vậy, hãy niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu diệt tận hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí huệ giải thoát, biết như thật rằng: ‘Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau,’ hãy niệm đầy đủ giới

Tăng nhất A-hàm

đức, trong tự tư duy không có loạn tưởng, sống ở nơi nhàn tĩnh.³⁶

“Các Tỳ-kheo, hãy niệm đầy đủ giới đức, không có niệm khác, thành tựu đầy đủ oai nghi, sợ cả những lỗi nhỏ huống gì là lỗi lớn.

“Nếu có Tỳ-kheo nào có ý muốn được Như Lai nói đến, hãy niệm đầy đủ giới đức. Giới đức đã đầy đủ, hãy niệm văn đầy đủ. Văn đã đầy đủ thì, hãy niệm bố thí đầy đủ. Thí đã đầy đủ thì, hãy niệm đầy đủ trí huệ và giải thoát tri kiến, thấy đều đầy đủ.

“Nếu có Tỳ-kheo nào đầy đủ các thân giới, thân định, thân tuệ, thân giải thoát, thân giải thoát tri kiến, được trời rồng, quỷ thần trông thấy cúng dường, là chỗ đáng kính, đáng quý, được trời người cung phụng. Cho nên, này các Tỳ-kheo, ai niệm đầy đủ năm phân pháp thân, người ấy là ruộng phước thế gian, không gì hơn được.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³⁷

³⁶ Từ đây trở lên, sáu đoạn, tham chiếu Pāli, A VI 2 Duttiya-āhuneyyasutta (R. iii. 280): 1. *iddhividham*, thần túc; 2. *dibbāya, sotadhātuyā visuddhāya*, thiên nhĩ thanh tịnh; 3. *parasattānam parapuggalānam cetasā ceto paricca pajānāti*, tha tâm thông; 3 *pubbenivāsaṃ anussarati*, túc mạng thông; 5. *dibbena cakkhunā visuddhena*, thiên nhãn thanh tịnh; 6. *āsavānaṃ khayā*, diệt tận hữu lậu. Tỳ-kheo thành tựu 6 pháp này, trở thành người xứng đáng được cung kính, được tôn trọng, là phước điền vô thượng của thế gian (*āhuneyyo hoti ...pe... anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa*).

³⁷ Bản Hán, hết quyển 29.

KINH SỐ 6

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy, Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn rằng:

“Nay con đã kết hạ tại thành Xá-vệ. Ý con muốn đi du hóa trong nhân gian.”

Thế Tôn bảo:

“Nay là lúc thích hợp.”

Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi ra đi.

Xá-lợi-phất đi chưa lâu, có một Tỳ-kheo ôm ý phi báng, bạch Thế Tôn:

“Xá-lợi-phất gây gỗ với các Tỳ-kheo, rồi không sám hối. Nay bỏ đi du hành trong nhân gian.”³⁸

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ngươi hãy mau mang lời của Ta gọi Xá-lợi-phất.”

Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Phật bảo Mục-liên, A-nan:

“Các ngươi hãy đến các phòng tập hợp các Tỳ-kheo về chỗ Thế Tôn. Vì sao vậy? Bằng tam-muội đã chứng nhập,

³⁸ Chi tiết tương tự, xem *Trung 5*, kinh 24 (Sư tử hồng).

Xá-lợi-phất nay sẽ rống tiếng sư tử trước Như Lai.”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, đều tập hợp về chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy, đi đến chỗ Xá-lợi-phất, nói với Xá-lợi-phất:

“Như Lai muốn gặp Thầy!”

Bấy giờ, Xá-lợi-phất đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Vừa rồi, thầy vừa đi chưa lâu, có một Tỳ-kheo đến chỗ Ta, bạch Ta rằng: ‘Tỳ-kheo Xá-lợi-phất [713a01] gây gỗ với các Tỳ-kheo. Chưa sám hối mà bỏ đi du hành nhân gian.’ Điều đó có thật không?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Như Lai đã biết điều đó.”

Thế Tôn bảo:

“Ta đã biết rồi. Nhưng nay đại chúng đều có lòng hoài nghi. Nay, ở giữa đại chúng, ông hãy dùng biện tài của mình mà làm sáng tỏ việc này.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Từ khi ra khỏi thai mẹ đến tám mươi tuổi, con thường tự tư duy, là chưa từng sát sanh, cũng chưa nói dối. Ngay cả trong khi đùa vui cũng không nói dối. Con cũng chưa từng gây đấu loạn người này với người kia. Giả sử khi không chuyên ý, mới có thể làm việc này. Nhưng, bạch Thế Tôn, nay tâm ý con thanh tịnh, há cùng đấu tranh với các vị phạm hạnh sao?

“Cũng như đất này, nhận cả sạch lẫn dơ. Phân, nước tiểu, mọi thứ ô uế, thầy đều nhận hết. Máu mủ, đàm dãi, cũng không hề khước từ. Thế nhưng, đất này cũng không nói

đó là xấu, cũng không nói đó là tốt. Con cũng như vậy, bạch Thế Tôn, tâm không lay động, làm sao lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi xa? Người mà tâm không chuyên nhất, mới có thể có việc này. Nay tâm con đã chánh, làm sao lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi xa?

“Cũng như nước, có thể rửa sạch vật tốt, cũng có thể rửa sạch vật không tốt. Nhưng nước kia không nghĩ rằng: ‘Ta làm sạch vật này; bỏ qua vật này.’ Con cũng như vậy, không có tưởng khác, làm sao lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi xa?

“Giống như ngọn lửa dữ thiêu đốt núi rừng, không lựa chọn tốt xấu, không hề tưởng niệm gì. Con cũng như vậy, há lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi xa?

“Cũng như chổi quét, không có lựa tốt xấu, đều có thể quét sạch, không hề tưởng niệm gì.”³⁹

“Giống như bò không có hai sừng, hết sức hiền lành, không chút hung bạo, rất dễ điều khiển, dẫn đi đâu tùy ý, không có gì khó nhọc. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, tâm con như vậy, không khởi tưởng gây tổn hại gì, há lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi xa?

“Cũng như con gái dòng chiên-đà-la mặc áo rách nát, đi xin ăn giữa người đời, không có gì cấm kỵ”⁴⁰. Con cũng như vậy, bạch Thế Tôn, cũng không có tưởng niệm rằng: ‘Cứ gây gổ rồi bỏ đi xa.’

“Cũng như cái nồi đựng mỡ bị rò rỉ nhiều chỗ, người có mắt thấy đều thấy chỗ rỉ ra. Con cũng như vậy, bạch Thế

³⁹ Nội dung có thêm đoạn lặp lại như trên, nhưng Hán dịch lược bỏ.

⁴⁰ Nên hiểu: Không xâm phạm đến ai.

Tôn, từ trong chín lỗ rỉ ra chất bất tịnh, há cùng đồng phạm hạnh tranh cãi nhau?

“Giống như thiếu nữ xinh đẹp, lại lấy xác chết quần lên [713b01] cổ rồi sanh ghê tởm nó. Thế Tôn, con cũng như vậy, nhờm tởm thân này như thiếu nữ ấy không khác, há cùng đồng phạm hạnh tranh cãi nhau rồi bỏ đi xa? Việc này không hề có. Thế Tôn đã biết điều này. Tỳ-kheo kia cũng biết rõ điều đó. Nếu có việc này, xin Tỳ-kheo ấy nhận sự sám hối của con!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

“Nay ngươi nên tự hối lỗi. Vì sao vậy? Vì nếu không sám hối, đầu ông sẽ bị vỡ thành bảy mảnh.”

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia trong lòng sợ hãi, lông tóc đều dựng đứng, vội rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Như Lai, bạch Thế Tôn:

“Nay, con tự biết xúc phạm Xá-lợi-phất. Cúi xin Thế Tôn nhận sự sám hối của con.”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo, ngươi hãy tự hướng về Xá-lợi-phất mà sám hối. Nếu không đầu ngươi sẽ vỡ thành bảy mảnh.”

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia liền hướng đến Xá-lợi-phất đánh lễ sát chân, bạch Xá-lợi-phất:

“Cúi xin ngài nhận sự sám hối của con. Vì ngu muội, không phân biệt được sự thật.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

“Nay ông hãy nhận sự hối lỗi của Tỳ-kheo này, lại nên dùng tay xoa đầu. Vì sao vậy? Vì nếu ông không nhận sự sám hối của Tỳ-kheo này, đầu kia sẽ bị vỡ thành bảy mảnh.”

Xá-lợi-phất dùng tay xoa đầu, nói Tỳ-kheo:

“Cho phép Thầy sám hối! Như ngu, như si, trong Phật pháp này rất là rộng rãi, có thể tùy thời hối lỗi. Lành thay! Nay ta nhận sự sám hối của Thầy, sau này chớ tái phạm.” Xá-lợi-phất nói như vậy ba lần.

Rồi Xá-lợi-phất bảo Tỳ-kheo kia:

“Thầy chớ có tái phạm. Vì sao vậy? Vì có sáu pháp dẫn vào địa ngục, sáu pháp sanh thiên, sáu pháp dẫn đến Niết-bàn. Thế nào là sáu? (1) Muốn hại người khác. (2) ‘Ta đã khởi tâm hại’, rồi vui mừng hơn hờ không thể kể. (3) ‘Ta nên khiến người hại người khác’, ở trong đó mà khởi tâm hại. (4) Khi đã hại được người, ở trong đó khởi vui mừng. (5) ‘Ta sẽ được câu hỏi về sự không thom⁴¹ này’. (6) Sự việc ấy chưa xảy ra⁴², trong lòng ưu sầu. Đó gọi là có sáu pháp khiến người rơi vào đường dữ.

“Sao gọi là sáu pháp đưa người đến thiện xứ? Thân giới đầy đủ, khẩu giới đầy đủ, ý giới đầy đủ, mạng căn thanh tịnh, không tâm giết hại, không tâm ganh tị. Đó gọi là có sáu pháp này sanh vào thiện xứ.

“Sao gọi là tu sáu pháp dẫn đến Niết-bàn? Đó là sáu pháp tư niệm. Thế nào là sáu? Thân hành từ không hoen ố, miệng hành từ không hoen ố [713c01], ý hành từ không hoen ố. Nếu được đồ lợi dưỡng thì có thể phân chia đồng đều cho người khác mà không có tướng tiếc rẻ. Giữ gìn giới cấm không có lầm lỗi; thành tựu đầy đủ giới mà

⁴¹ Hán: bất hình chi vấn 不馨之問; chưa rõ ý. Có lẽ muốn nói “tiếng đồn không tốt”; ở đây muốn rao truyền tiếng xấu hại người. Xem *Tì-nại da 4*, T24 tr. 866c13: “Sa-môn Đâu-na nghe lời đồn đãi không tốt ấy 聞此不馨問 liền đến bạch Thế Tôn.”

⁴² Nghĩa là, chưa hại được người.

người trí quý trọng. Điều gì là tà kiến, chánh kiến, xuất yếu của Hiền thánh, dứt sạch gốc khổ; các kiến giải như vậy, thấy đều phân minh.⁴³ Đó gọi là sáu pháp được đến Niết-bàn. Nay Tỳ-kheo, thầy hãy tìm cầu phương tiện hành sáu pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy phải học điều này như vậy.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia lại rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Xá-lợi-phất: “Nay con lại tự sám hối. Vì như ngu, như si mà không phân biệt được sự thật. Cúi xin Xá-lợi-phất nhận sự hối lỗi của con. Sau này con sẽ không tái phạm.”

Xá-lợi-phất nói:

“Cho phép Thầy hối lỗi. Trong pháp Hiền thánh rất rộng rãi, hãy tự sửa đổi. Từ nay về sau, chớ có tái phạm lại.”

Tỳ-kheo kia, sau khi nghe những gì Xá-lợi-phất dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7⁴⁴

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói pháp Không tối thượng đệ nhất⁴⁵. Các người hãy lắng nghe và suy niệm kỹ!”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

⁴³ Sáu trọng pháp, hay khả hỷ, xem kinh số 1 phẩm 37 trên.

⁴⁴ Đối chiếu *Tạp 13*, (Hán) kinh 355, (Việt) kinh 299.

⁴⁵ 第一最空法.

Như vậy, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Sao gọi là pháp Không tối thượng đệ nhất? Nếu khi mắt khởi thì nó khởi, nhưng không thấy từ đâu đến. Khi mắt diệt thì nó diệt, nhưng không thấy nơi nó diệt, trừ pháp giả hiệu⁴⁶, pháp nhân duyên. Sao gọi là giả hiệu nhân duyên? Cái này có, thì (cái kia) có; cái này sinh, thì (cái kia) sinh. Tức là, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc⁴⁷, xúc duyên thọ⁴⁸, thọ duyên ái, ái duyên thủ⁴⁹, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên chết, chết duyên sầu ưu khổ não không thể đếm hết. Như vậy khổ uẩn được tác thành.

“Do nhân duyên này, (cái này) không thì không (kia), đây diệt thì (kia) diệt, vô minh diệt thì hành diệt; hành diệt thì thức diệt; thức diệt thì danh sắc diệt; danh sắc diệt thì sáu xứ diệt; sáu xứ diệt thì xúc* diệt; xúc diệt thì thọ* diệt; thọ diệt thì ái diệt; ái diệt thì thủ* diệt; thủ diệt thì hữu diệt; hữu diệt thì sanh diệt; sanh diệt thì chết diệt; chết diệt thì sầu ưu khổ não đều bị diệt sạch, ngoại trừ pháp giả hiệu. Pháp tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng lại như vậy. Khi khởi thì khởi, nhưng không biết nó từ đâu đến. Khi diệt thì diệt cũng không biết nơi nó diệt, [714a01] trừ

⁴⁶ (除)假號法因緣法 (trừ) giả hiệu pháp nhân duyên pháp; Cf.

Tap, dẫn trên: (除)俗數法 (trừ) tục số pháp. Có lẽ tương đương Pāli: *idappaccayatā paṭiccasamuppāda*, y duyên tánh duyên khởi, thủ nhân tánh duyên khởi, tương y tánh duyên khởi. Trong đó, từ 除 *trừ* có thể hiểu “ngoại trừ”, tức hàm ý “duy chỉ”.

⁴⁷ Nguyên Hán: Canh lạc 更樂.

⁴⁸ Nguyên Hán: Thống 痛.

⁴⁹ Nguyên Hán: Thọ 受.

Tăng nhất A-hàm

pháp giả hiệu kia. Pháp giả hiệu kia là, đây khởi thì (kia) khởi, đây diệt thì (kia) diệt.

“Sáu xứ này cũng không có người tạo tác, cũng vậy danh sắc. Pháp sáu xứ⁵⁰ là do cha mẹ mà có thai, cũng không có nhưng do nhân duyên mà có. Đây cũng là giả hiệu. Trước phải có đối đãi, sau đó mới có.⁵¹ Giống như dùi cây tìm lửa. Vì trước có đối đãi, sau đó lửa sanh*. Lửa không từ cây ra, cũng không ở ngoài cây. Nếu có người nào bỏ cây tìm lửa, cũng không thể được. Đều do nhân duyên hội hợp, sau đó có lửa. Sáu tình⁵² này khởi bệnh cũng lại như vậy, đều do duyên hợp ở trong đó khởi bệnh. Khi sáu xứ này khởi thì khởi, cũng không thấy nó đến. Khi diệt thì diệt, cũng không thấy nó diệt, trừ pháp giả hiệu kia. Nhân vì cha mẹ hội hợp mà có.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Trước phải thọ bào thai,
Dần dần như giọt sữa.
Rồi giống như khối thịt.
Sau mới tượng ra hình.*

*Trước tiên sanh đầu cổ;
Kế sanh tay, chân, ngón;
Và sanh các bộ phận:
Lông, tóc, móng, răng thành.*

*Nếu khi mẹ ăn uống,
Các thứ món ăn ngon,*

⁵⁰ Sau các từ này, 7 chữ trong đề bản: 六入亦無人造作, được xóa bỏ trong TNM.

⁵¹ Dịch sát theo Hán; nhưng cũng có thể hiểu: Do quan hệ với cái trước mà cái sau có.

⁵² 六情 lục tình, đây chỉ sáu căn.

*Tinh khí dùng nuôi mạng;
Nguồn gốc của thọ thai.*

*Hình hài thành đầy đủ,
Các căn không thiếu sót;
Nhờ mẹ được sanh ra
Thọ thai khổ như vậy.⁵³*

“Các Tỳ-kheo nên biết, nhân duyên hội hợp mới có thân này. Lại nữa, Tỳ-kheo, trong một thân người có ba trăm sáu mươi đốt xương, chín vạn chín ngàn lỗ chân lông, năm trăm mạch máu, năm trăm dây gân, tám vạn hộ trùng. Tỳ-kheo nên biết, thân sáu xứ có những tai biến như vậy. Tỳ-kheo hãy niệm tư duy về tai hoạn như vậy. Ai tạo ra bộ xương này? Ai hợp gân mạch này? Ai tạo ra tám vạn hộ trùng này?

“Khi Tỳ-kheo kia tư duy như vậy liền đắc hai quả A-na-hàm hoặc A-la-hán,”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này:

*Ba trăm sáu đốt xương,
Ở trong thân người này.
Điều mà Cổ Phật đã diễn,
Nay ta cũng nói lại.*

*[714b01] Gân gồm năm trăm dây;
Mạch cũng cùng như vậy.
Trùng có tám vạn loại.
Chín vạn chín ngàn lông.*

⁵³ Tham chiếu, *Tạp* 49 T2 tr. 357; dẫn bởi *Câu-xá* 9 tr. 47c19; cf. Pāli, S. i. 206: *pathamaṃ kalalaṃ hoti kalalā hoti abbudam/ abbudā jayate pesī pesī nibbattati ghano// ghanā pasākhā jāyanti kesā lomā nakhāni ca/ yaṃ cassa bhuñjati mātā, annaṃ pānaṃ ca bhojjanam/ tena so tattha yāpeti, mātukucchigato naro 'til*

*Hãy quán thân như vậy;
Tỳ-kheo cần tinh tấn,
Chóng đắc đạo La-hán,
Đi đến cõi Niết-bàn.*

*Pháp này đều Không tịch,
Nhưng người ngu tham đắm.
Người trí tâm vui vẻ
Nghe gốc pháp Không này.*

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là pháp Không tối thượng đệ nhất. Ta đã nói cho các người pháp được Như Lai thi hành⁵⁴. Nay Ta đã khởi lòng từ thương xót, điều cần làm Ta đã làm xong. Các người thường phải niệm tu hành pháp này. Ở chỗ nhàn tĩnh, tọa thiền tư duy, chớ có biếng nhác. Nay không tu hành, sau hối vô ích. Đó là lời giáo huấn của Ta.”⁵⁵

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8⁵⁶

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi

⁵⁴ Để bản: Thuyết hành 説行. TNM: Thi hành 施行.

⁵⁵ Văn chuẩn về giáo giới này, xem *Trung 21*, kinh 86 (tr. 565c19), và tán mạn. Văn chuẩn Pāli, xem M 8 Sallekha (R.i. 46), và tán mạn.

⁵⁶ Cf. A VI 52 Khattiyasutta (R. iii. 362).

Phật rồi, ngồi qua một bên. Bà-la-môn Sanh Lậu⁵⁷ bạch Thế Tôn:

“Thưa Cù-đàm, ngày nay tâm ý của người sát-lợi muốn cầu sự gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo gì? Theo đuổi mục đích gì?⁵⁸ Tâm ý của người bà-la-môn ý muốn cầu sự gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo gì*? Theo đuổi gì? Quốc vương ngày nay, ý muốn cầu gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo gì*? Theo đuổi mục đích gì? Đạo tặc ngày nay, ý muốn cầu gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo gì*? Theo đuổi mục đích gì? Người nữ ngày nay, ý muốn cầu gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo gì*? Theo đuổi mục đích gì?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Bà-la-môn:

“Sát-lợi thường thích tranh tụng, nhiều thứ kỹ thuật, ham thích tác vụ, việc làm phải đạt cứu cánh, không nghỉ giữa chừng.”⁵⁹

Bà-la-môn hỏi:

“Bà-la-môn, ý cầu gì?”

Thế Tôn bảo:

“Bà-la-môn, ý thích chú thuật, y tựa cư gia, ưa thích nơi chốn nhàn tĩnh, mục đích cư gia, ý hướng đến Phạm

⁵⁷ Xem cht. 14, kinh 2 phẩm 6. Tham chiếu Hán, *Trung* 37, kinh 149.

⁵⁸ Pāli: *kiṃ adhippāya, kiṃ upavicāra, kiṃ adhiṭṭhānā, kiṃ abhinivesā, kiṃ pariyoṣānā*, mong cầu cái gì? Tư niệm cái gì? Y tựa cái gì? Tham chấp cái gì? Theo đuổi cứu cánh gì?

⁵⁹ So sánh Pāli, dẫn trên: “Người sát-lợi mong cầu tài vật, tư niệm trí tuệ, y tựa sức mạnh, tham chấp lãnh thổ, cứu cánh là quyền lực.”

Tăng nhất A-hàm

thiên.”⁶⁰

Lại hỏi:

“Quốc vương, ý cầu những gì?”

Thế Tôn bảo:

“Bà-la-môn nên biết, ý muốn của vua là được quyền cai trị, ý đặt tại binh đao, tham đắm tài bảo.”⁶¹

“Đạo tặc, ý cầu gì?”⁶²

Thế Tôn bảo:

“Kẻ trộm, ý đạo tặc nhắm trộm lén, tâm đặt ở chỗ gian tà, muốn cho mọi [714c01] người không biết việc làm của mình.”

“Người nữ, ý cầu điều gì?”

Thế Tôn bảo:

“Người nữ, ý để nơi người nam, tham đắm tài bảo, tâm lụy nam nữ, tâm muốn tự do.”

Bấy giờ, bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Thật là kỳ diệu! Thật hy hữu! Ngài biết ngàn ấy sự kiện, như thật không hư. Ngày nay, ý Tỷ-kheo cầu điều gì?”

Thế Tôn bảo:

“Giới đức đầy đủ, tâm an trú đạo pháp, ý ở nơi bốn đế,

⁶⁰ Pāli, dẫn trên: “Bà-la-môn mong cầu tài vật, tư niệm trí tuệ, y tựa chú thuật, tham chấp tế tự, cứu cánh hướng đến thế giới Phạm thiên.”

⁶¹ Trong bản Pāli, sát-lợi và quốc vương được liệt vào một nhóm chung.

⁶² Trong bản Pāli, hỏi về giai cấp cư sĩ (*gahapatika*), thay vì đạo tặc.

ước muốn đến Niết-bàn. Đây là những điều mong cầu của Tỳ-kheo.”

Lúc ấy, Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

“Thật vậy, Thế Tôn, việc làm của Tỳ-kheo, ý không dòi dôi. Ý nghĩa thật như vậy, thừa Cù-đàm, Niết-bàn là cực kỳ an lạc. Những gì Như Lai đã thuyết là quá nhiều. Giống như kẻ mù được thấy, người điếc được nghe, người ở trong tối thấy sáng. Những điều Như Lai nói hôm nay, cũng như vậy, không đổi khác. Nay tôi việc nước quá nhiều, muốn trở về nơi ở.”

Thế Tôn bảo:

“Nên biết đúng lúc.”

Bà-la-môn Sanh Lậu rời từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi.

Bà-la-môn Sanh Lậu, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9⁶³

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Ở trong đây có Tỳ-kheo nào tu hành thế nào mà phạm hạnh không sút, không rò rỉ; thanh tịnh tu phạm hạnh?”

Thế Tôn bảo:

⁶³ Tham chiếu, A. VII. 47 Methunā (R. iv. 54).

Tăng nhất A-hàm

“Nếu có người nào giới luật đầy đủ, không có điều vi phạm, người đó được nói là thanh tịnh tu hành phạm hạnh.

“Lại nữa, Bà-la-môn, khi mắt thấy sắc, không khởi tướng đắm, không khởi niệm tướng phân biệt,⁶⁴ trừ tưởng ác, bỏ pháp bất thiện, được nhãn căn trọn vẹn; người này được nói là tu phạm hạnh thanh tịnh. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết mịn trơn, ý biết pháp, đều không có tướng của thức,⁶⁵ không khởi niệm của tướng,⁶⁶ tu phạm hạnh thanh tịnh, thành tựu ý căn.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Những người như thế nào là không tu phạm hạnh, không đầy đủ thanh tịnh hạnh⁶⁷?”

Thế Tôn đáp:

“Nếu có giao hội⁶⁸ với người, đó gọi phi phạm hạnh.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Những người như thế nào là rò rỉ,⁶⁹ không đầy đủ?”

Thế Tôn đáp:

“Nếu có người giao tiếp với người nữ, hoặc sờ nắm tay

⁶⁴ Thức niệm 識念. Về thủ hộ căn môn, văn chuẩn, theo Pāli (Cf. D 2 Sāmaññaphala, và tán mạn): *cakkhunṃ rūpaṃ disvā na nimittaggāhī hoti nānubyañjanaggāhī*, khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng (chi tiết).

⁶⁵ Thức tướng 識想, thức nắm bắt tổng tướng. Xem cht. 64 trên.

⁶⁶ Tưởng niệm 想念, như thức niệm, xem cht. 64 trên.

⁶⁷ Thanh tịnh hạnh 清淨行: Phạm hạnh; Pāli: *brahmacariya*.

⁶⁸ Nguyên Hán: 俱會 câu hội (Pāli: *dvayayaṃsamāpatti = methunā*); định nghĩa từ phi phạm hạnh (Pāli: *abrahmacariya*): Hành pháp dâm dục.

⁶⁹ Phạm hạnh bị sút mẻ, rò rỉ.

chân nhau,⁷⁰ [715a01] áp ủ trong lòng, nhớ mãi không quên; người đó, này Bà-la-môn, được nói là hành không trọn vẹn, bị rò rỉ, các sự dâm dật⁷¹ cùng tương ưng với dâm, nộ, si.

“Lại nữa, Bà-la-môn, hoặc người ấy đùa cợt,⁷² đối đáp với người nữ. Này Bà-la-môn, người đó được nói là người này hành không trọn vẹn, bị rò rỉ, có dâm, sân, si; phạm hạnh không đầy đủ để tu thanh tịnh hạnh.

“Lại nữa, Bà-la-môn, hoặc có người trở mắt nhìn⁷³ người nữ không di chuyển rời ở trong đó khởi tưởng dâm, nộ, si, sanh các loạn niệm; này Bà-la-môn, người này được nói là phạm hạnh không thanh tịnh, không tu phạm hạnh.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, hoặc có người từ xa nghe, hoặc nghe tiếng khóc, hoặc nghe tiếng cười,⁷⁴ bèn ở trong đó khởi các loạn tưởng dâm, nộ, si; này Bà-la-môn, người này được nói là không thanh tịnh tu phạm hạnh, cùng tương ưng với dâm, nộ, si, phạm hạnh không toàn đủ.

“Lại nữa, này Bà-la-môn, hoặc có người đã từng gặp người nữ,⁷⁵ sau đó sinh tưởng nhớ, hoặc con mắt người nữ, ở trong đó sinh tưởng; tại nơi khuất kín vắng vẻ, khởi dâm, nộ, si, cùng ác hạnh tương ưng; này Bà-la-môn, người này được nói là không tu Phạm hạnh.”

Bấy giờ, Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

⁷⁰ Pāli: Không hành dâm nhưng sờ nắm.

⁷¹ Lậu, chư dâm dật 漏諸姪洩. Pāli: (*brahmacariyassa*) *sabalaṃ*, *kammāsa*, (phạm hạnh) có tỳ vết, có hoen ố. Nhưng Hán dịch đọc là *āsavaṃ*, *kamāsaṃ*, có lậu, có khát vọng dâm dục.

⁷² Pāli, không xúc chạm thân thể nhưng đùa cợt.

⁷³ Pāli, không đùa cợt, nhưng nhìn.

⁷⁴ Pāli, không nhìn, nhưng nghe tiếng nữ, bị kích thích.

⁷⁵ Pāli, không thấy, không nghe tiếng, nhưng nhớ.

“Kỳ diệu thay, hy hữu thay! Sa-môn Cù-đàm này biết rõ phạm hạnh, cũng biết không phạm hạnh; biết rõ phạm hạnh rõ rí, cũng biết rõ phạm hạnh không rõ rí. Vì sao vậy? Vì nay tôi cũng có ý nghĩ này, khi thấy có người nào cùng người nữ chân tay đụng chạm nhau, khởi các loạn tưởng, khi ấy tôi nghĩ rằng người này hành bất tịnh hạnh, cùng dâm, nộ, si tương ưng. Cảm thọ bậc nhất, là người nữ. Khả dục bậc nhất, đó chính là mắt với mắt nhìn nhau, người nữ kia hoặc nói, hoặc cười, hoặc nắm chéo áo người nam; hoặc cùng nói chuyện vừa nắm chéo áo người nam.”⁷⁶ Khi ấy, tôi liền sanh ý nghĩ này: ‘Sáu điều này, người đều hành hạnh bất tịnh hết.’

“Hôm nay, Như Lai đã dạy rất nhiều. Giống như người mù được mắt, người mê thấy đường, người ngu được nghe đạo, người có mắt thấy sắc; Như Lai thuyết pháp lại cũng như vậy. Nay con xin tự quy y Phật, Pháp, Tăng. Từ nay trở về sau không sát sinh nữa. Cúi xin nhận con làm ưu-bà-tắc.

Bà-la-môn Sanh Lậu, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hạnh.

KINH SỐ 10⁷⁷

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại rừng bên ngoài thành Tỳ-xá-ly cùng với chúng năm trăm đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, Tôn giả

⁷⁶ Hán: Sáu trường hợp quan hệ nam nữ liên hệ dâm dục. Pāli, ibid., bảy trường hợp liên hệ hành dâm (*sattannam methunasamyogānam*).

⁷⁷ Tham chiếu Pāli, M 35 Cūḷa-Saccakasutta (R.i. 227). Hán, Tạp 5, kinh 110.

Mã Sư⁷⁸ đến [715b01] giờ khát thực, đắp y mang bát vào thành khát thực. Khi ấy, Ni-kiền Tử Tát-già⁷⁹ thấy Tôn giả Mã Sư đến, liền đến hỏi:

“Thầy ông nói những nghĩa gì? Có những giáo huấn gì? Giáo giới đệ tử bằng nghĩa thuyết gì?”

Tôn giả Mã Sư đáp:

“Này Bà-la-môn, sắc là vô thường. Cái gì vô thường, cái đó tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là: ‘Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia.’ Đó là điều mà người trí đã học. Thọ*, tưởng, hành, thức là vô thường. Năm thủ uẩn này là vô thường, tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là: ‘Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia.’ Ông muốn biết thì, ý nghĩa mà Thầy tôi giáo giới là như vậy, vì các đệ tử dạy nghĩa như vậy.”

Khi ấy, Ni-kiền Tử lấy hai tay che tai nói:

“Thôi, thôi! Mã Sư! Tôi không thích nghe những lời này. Nếu Sa-môn Cù-đàm có dạy điều này, thì tôi thật không muốn nghe. Vì sao vậy? Theo nghĩa của tôi thì sắc là thường. Nghĩa của Sa-môn thì vô thường. Ngày nào đó tôi sẽ gặp Sa-môn Cù-đàm để biện luận. Tôi sẽ trừ khử tâm điên đảo Sa-môn Cù-đàm.”

Bấy giờ, trong thành Tỳ-xá-ly có năm trăm đồng tử cùng tập hợp lại một chỗ để bàn luận. Lúc này, Ni-kiền Tử đến chỗ năm trăm đồng tử, nói với các đồng tử: “Các cậu với

⁷⁸ Mã Sư 馬師. *Tạp 5: A-thấp-ba-thệ*. Pāli: Assaji.

⁷⁹ Tát-già Ni-kiền Tử 薩遮尼健子. Pāli: Saccaka Niganthaputta.

tôi cùng đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì tôi muốn biện luận với Sa-môn Cù-đàm kia, để cho Sa-môn kia thấy được đường chính chân thật. Sa-môn nói sắc là vô thường. Theo nghĩa ta thì sắc là thường. Giống như lực sĩ tay nắm lấy lông của con dê lông dài, rồi dẫn đi đâu tùy ý, không có gì khó ngại. Nay ta cũng vậy, hôm nay ta sẽ cùng Sa-môn Cù-đàm kia biện luận, ta buông hay bắt tùy ý, không có gì nghi ngờ.

“Giống như con voi mạnh hung bạo có sáu ngà, ở trong núi sâu nỏ đùa không có gì trở ngại. Nay ta cũng vậy, ta sẽ cùng Sa-môn kia biện luận, không có gì nghi nan. Giống như hai tráng sĩ bắt một người yếu, nướng trên ngọn lửa, trở qua trở lại tùy ý, cũng không có gì khó khăn trở ngại. Nay ta cùng vị kia luận nghĩa cũng vậy, không có gì khó khăn trở ngại. Trong luận nghĩa của ta, voi còn có thể bị hại, huống gì là người. Ta cũng có thể khiến voi đi về Đông, Tây, Nam, Bắc há không bằng người sao? Nay những vật vô tình như các cột kèo trong giảng đường này, ta còn khiến cho [715c01] di chuyển, huống chi cùng người biện luận, mà có thể thắng ta sao? Ta sẽ khiến ông ấy trào máu miệng ra mà chết.”

Trong số đó, hoặc có đồng tử nói như vậy:

“Ni-kiền Tử nhất định không có khả năng luận nghị⁸⁰ với Sa-môn. Nhưng chỉ sợ Sa-môn Cù-đàm mới cùng luận nghị với Ni-kiền Tử thôi.”

Có người lại nói:

“Sa-môn Cù-đàm không luận nghị cùng với Ni-kiền Tử. Chỉ có Ni-kiền Tử mới có khả năng luận nghị với Sa-môn thôi.”

⁸⁰ Nên hiểu: Không thể phá luận nghị của.

Khi ấy, Ni-kiền Tử suy nghĩ như vậy:

“Giả sử những điều Sa-môn Cù-đàm nói như Tỳ-kheo Mã Sư, thế thì đủ cho ta đối đáp. Nếu có nghĩa gì khác, cứ nghe rồi sẽ biết.”

Bấy giờ Ni-kiền Tử dẫn năm trăm đồng tử trước sau vây quanh đi đến chỗ Thế Tôn, cùng thăm hỏi nhau, rồi ngồi qua một bên.

Ni-kiền Tử bạch Thế Tôn:

“Thế nào, Cù-đàm, Ngài có giáo giới gì? Dùng giáo giới gì để dạy cho các đệ tử?”

Phật bảo Ni-kiền Tử:

“Những điều Ta nói, sắc là vô thường. Cái gì vô thường, cái đó tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là: ‘Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia.’ Đó là điều mà người trí đã học. Thọ*, tưởng, hành, thức là vô thường. Năm thủ uẩn này là vô thường, tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là: ‘Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia.’ Giáo giới của Ta, ý nghĩa là như vậy.”

Ni-kiền Tử đáp:

“Tôi không ưa nghe ý nghĩa này. Vì sao vậy? Vì theo nghĩa tôi hiểu, sắc là thường.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông hãy chuyên tâm ý suy tư diệu lý, sau đó hãy nói!”

Ni-kiền Tử nói:

Tăng nhất A-hàm

“Nay tôi nói sắc là thường. Với năm trăm đồng tử này, ý nghĩa ấy cũng vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông nói sắc là thường. Với năm trăm đồng tử này, ý nghĩa ấy cũng vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông cứ nói điều biện luận của mình, sao lại dẫn theo năm trăm đồng tử kia?”

Ni-kiền Tử nói:

“Nay tôi nói sắc là thường. Sa-môn muốn biện luận thế nào?”

Thế Tôn đáp:

“Nay Ta nói sắc là vô thường, cũng là vô ngã. Giả tạm hợp lại mà có tên sắc này chứ không chân thật, không chắc, không bền, cũng như nắm tuyết, chúng là pháp diệt vong, là pháp biến dịch. Nay ông nói sắc là thường, vậy Ta hỏi lại ông, tùy ý mà trả lời Ta.

“Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương lại có được tự tại ở trong quốc độ của mình không? Lại nữa, [716a01] Đại vương kia, muốn thả ai thì thả, muốn trói ai thì trói, có được vậy không?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Thánh vương này có quyền lực tự tại đó, muốn giết ai thì giết; muốn trói ai thì trói.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương rồi sẽ già không? Đầu có bạc, mặt có nhăn, y phục có bẩn không?”

Khi ấy, Ni-kiền Tử im lặng không đáp. Thế Tôn hỏi lại ba lần, ông cũng ba lần im lặng không đáp lại.

Lúc ấy, lực sĩ Kim cang Mật Tích cầm chày kim cương ở giữa hư không, bảo rằng:

“Nếu ông không trả lời, ta sẽ đập đầu ông vỡ thành bảy mảnh ngay trước mặt Như Lai.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ni-kiền Tử:

“Ông hãy quan sát giữa hư không!”

Lúc ấy, Ni-kiền Tử ngược nhìn lên hư không, thấy lực sĩ Kim cang Mật Tích, lại nghe trên hư không có tiếng nói rằng: ‘Nếu ông không trả lời Như Lai, ta sẽ đập đầu ông vỡ thành bảy mảnh.’ Nghe xong, hoảng sợ, y lông rụng đứng, bạch với Thế Tôn:

“Cúi xin Cù-đàm hãy cứu vớt. Xin hỏi lại. Con sẽ đáp ngay.”

Lúc ấy, Thế Tôn hỏi:

“Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương sẽ lại già không? Cũng sẽ tóc bạc, răng rụng, da chùn, mặt nhăn hay không?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Tuy Sa-môn Cù-đàm nói vậy, nhưng theo tôi hiểu thì sắc là thường.”

Thế Tôn bảo:

“Ông hãy suy nghĩ cho kỹ, sau đó mới nói. Nghĩa trước và sau không tương ưng với nhau. Ta chỉ luận, Thánh vương sẽ già không? Đầu sẽ bạc, răng sẽ rụng, da chùn, mặt nhăn hay không?”

Ni-kiền Tử nói:

“Chuyển luân Thánh vương vẫn bị già.”

Thế Tôn nói:

“Chuyển luân Thánh vương có thể tự tại trong nước của mình, vì sao lại không thể trừ khử già, bệnh, chết; nói rằng: ‘Ta không cần cái già, bệnh, chết. Ta thường hằng.’? Già sử có như vậy, nhưng nghĩa này có hứa khả được chăng?”

Ni-kiền Tử im lặng không đáp, buồn rầu không vui, im lặng không nói. Khi này, thân thể Ni-kiền Tử toát mồ hôi hột, mồ hôi ra ướt cả áo, thấm chỗ ngồi, cho đến dưới đất.

Thế Tôn bảo:

“Ni-kiền Tử lúc ở giữa đại chúng, ông đã rống tiếng sư tử bảo: ‘Các đồng tử, hãy cùng tôi đến chỗ Cù-đàm đề tranh luận. Tôi sẽ hàng phục Cù-đàm như nắm lông của một con dê lông dài, kéo đi phía Đông hay phía Tây tùy ý. Cũng như voi đi lại tự do ở trong rừng sâu, không có gì phải [716b01] sợ hãi. Cũng như hai người lực lưỡng bắt một người yếu ớt nướng trên lửa, xoay qua xoay lại tùy ý.’ Ông còn nói rằng: ‘Luận nghị của tôi còn có thể giết con voi lớn. Khi tôi luận nghị với những thứ vô tình như cây cỏ, cột kèo các thứ, tôi cũng có thể khiến chúng phải cúi đầu khuất phục, làm cho chúng toát mồ hôi nách.’”

Bấy giờ, Thế Tôn vén ba y cho Ni-kiền Tử xem, rồi nói:

“Ông hãy xem, nách của Như Lai không có một giọt mồ hôi. Còn ông thì ngược lại, mình đầy mồ hôi, thậm chí rơi xuống đất.”

Lúc ấy, Ni-kiền Tử vẫn im lặng không đáp.

Bấy giờ, ở trong chúng đó có một đồng tử tên Đầu-ma⁸¹.
Đồng tử Đầu-ma bạch Thế Tôn:

“Nay con nhận thấy có điều có thể áp dụng, và con muốn nói.”

Thế Tôn đáp:

“Hãy nói tùy ý.”

Đồng tử Đầu-ma bạch Phật:

“Giống như cách thôn làng không xa, có ao tắm tốt. Trong ao tắm kia có một con cua.⁸² Nhân dân già trẻ, nam nữ, trong thôn đến ao tắm đó vớt con trùng này ra, rồi lấy gạch đá đập nát chân tay của nó. Trùng này dù muốn trở xuống nước, rốt cuộc không làm được việc này. Ni-kiền Tử này cũng như vậy, ban đầu rất mạnh bạo tranh luận với Như Lai, lòng ôm tặc đồ, ý ôm kiêu mạn. Như Lai đã diệt trừ sạch chúng vĩnh viễn không còn sót. Ni-kiền Tử này không bao giờ còn dám trở lại chỗ Như Lai để biện luận nữa.”

Khi ấy, Ni-kiền Tử nói với đồng tử Đầu-ma:

“Người ngu si không phân biệt chân hay nguy. Ta không nói chuyện với người, mà ta đang biện luận với Sa-môn Cù-đàm.”

Ni-kiền Tử bạch Phật:

“Tôi chỉ hỏi nghĩa lý. Xin Ngài nói lại.”

Thế Tôn đáp:

⁸¹ Đầu-ma 頭摩. Pāli: Dumumkha.

⁸² Trùng nhiều cước 虫饒腳: Con sâu có nhiều chân. Dịch giả không hiểu con gì nên mô tả như vậy. Pāli: *kakkaṭaka*.

Tăng nhất A-hàm

“Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương muốn khiến cho già bệnh chết không đến, có thể được vậy không? Thánh vương kia có được toại nguyện không?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Không thể toại nguyện như vậy được.”

“Muốn cho có sắc này, muốn cho không có sắc này, có được toại nguyện không?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Không được, thưa Cù-đàm.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Ni-kiền Tử, sắc là thường hay vô thường?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Sắc là vô thường.”

“Nếu vô thường, nó là pháp biến dịch. Ông có thấy ‘Cái này là ta; ta là của cái kia’ không?”

Đáp:

“Không, thưa Cù-đàm.”

“Thọ*, tướng, hành, thức, là thường hay là vô thường?”

Đáp:

“Vô thường.”

“Nếu vô thường, nó là pháp biến dịch, [716c01] ông có thấy nó có không?”

Đáp:

“Không.”

Thế Tôn hỏi:

“Năm thủ uẩn này là thường hay vô thường?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Là vô thường.”

Phật hỏi:

“Nếu là vô thường, nó là pháp biến dịch, ông có thấy nó có không?”

Đáp:

“Không.”

“Thế nào, Ni-kiền Tử, ông đã nói là thường, như vậy không phải là trái ngược với nghĩa lý này hay sao?”

Lúc ấy, Ni-kiền Tử bạch Thế Tôn:

“Nay con ngu si không phân biệt chân đế nên khởi ý muốn này, là cùng tranh luận với Cù-đàm rằng: ‘Sắc là thường.’ Giống như mãnh thú sư tử từ xa trông thấy người đến mà có tâm sợ hãi sao? Hoàn toàn không có việc này. Hôm nay Như Lai cũng như vậy, không có máy may nào. Nay con si mê chưa hiểu nghĩa sâu mới dám xúc phạm. Sa-môn Cù-đàm đã dạy quá nhiều. Giống kẻ mù được mắt, người điếc được nghe thính, người mê thấy đường, người không mất thấy sắc. Cũng như vậy, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện thuyết pháp cho con. Nay con xin tự quy y Phật, Pháp, Tăng, từ nay trở về sau trọn đời làm người ưu-bà-tắc, không sát sanh nữa. Cúi xin Phật và Tỳ-kheo Tăng nhận lời thỉnh của con, muốn cúng bữa ăn cho Phật và Tỳ-kheo Tăng.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi Ni-kiền Tử thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, đánh lễ sát chân rồi đi. Đến chỗ các đồng tử ở thành Tỳ-xá-ly, ông nói các đồng tử:

Tăng nhất A-hàm

“Các cậu có cúng tôi vật gì thì hãy mang đến ngay cho tôi để tôi bày biện, chớ để trễ thời. Nay tôi đã thành Phật và Tỳ-kheo Tăng, ngày mai tôi sẽ cúng bữa ăn.”

Lúc ấy, các đồng tử liền mang các thứ đồ ăn thức uống đến cho ông. Đêm ấy, Ni-kiền Tử chuẩn bị soạn các loại đồ ăn thức uống ngon lành, trải tọa cụ tốt, rồi đến bạch: “Đã đến giờ, cúi xin hạ cố.”

Đến giờ, Thế Tôn khoác y, cầm bát, dẫn chúng tăng vào thành Tỳ-xá-ly, đến nhà Ni-kiền Tử. Đến rồi, ngồi vào chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo cũng ngồi theo thứ lớp. Lúc này, Ni-kiền Tử thấy Phật và chúng tăng đã an tọa, tự tay dâng các thứ đồ ăn thức uống. Sau khi thấy Phật và Tỳ-kheo Tăng thọ trai xong, đã dùng nước rửa, ông dọn một chỗ ngồi nhỏ, ngồi trước Như Lai để nghe pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự thuyết giảng cho ông các đề tài vi diệu; các đề tài về bố thí, [717a01] về tri giới, về sanh thiên; dục là ô uế, dâm là hạnh bất tịnh, giải thoát là an lạc. Khi Thế Tôn thấy tâm ý của Ni-kiền Tử đã khai mở, như những gì mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết pháp, về khổ, tập, tận, đạo, Ngài cũng vì Ni-kiền Tử nói hết. Lúc ấy, Ni-kiền Tử liền ngay trên chỗ ngồi các trần cấu sạch hết, được mắt pháp trong sạch.

Lúc này, Thế Tôn liền nói kệ:

*Cúng tế, lừa hơn hết;
Thi thơ, tụng đứng đầu;
Vua, tôn quý loài người;
Biển là nguồn các sông;
Các sao, trăng sáng nhất;
Ánh sáng, mặt trời nhất.
Trên dưới và bốn phương,
Mọi vật sanh bởi đất,*

*Trời cùng với Nhân loại:
Phật là vô thượng tôn.
Ai muốn cầu đức kia,
Tam-phật* là tối thượng.⁸³*

Sau khi Thế Tôn nói bài kệ này xong, Ngài đứng dậy ra đi.

Lúc ấy, năm trăm đệ tử của Ni-kiền Tử nghe thầy mình nhận sự giáo hóa của Phật, mọi người bảo nhau: “Sao Đại sư của chúng ta lại tôn Cù-đàm làm Thầy?” Rồi các đệ tử ấy ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đứng chờ ở giữa đường. Trong lúc đó, Ni-kiền Tử đến chỗ Phật để nghe Pháp. Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp cho Ni-kiền Tử, khích lệ khiến hoan hỷ. Ni-kiền Tử sau khi nghe pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân liền lui đi.

Lúc ấy, các đệ tử của Ni-kiền Tử từ xa thấy thầy mình đến, mọi người bảo nhau: “Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đang đi đến. Chúng ta hãy lấy gạch đá giết chết ông ta.”

Khi nghe tin Ni-kiền Tử bị các đệ tử giết, các đồng tử liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Các đồng tử bạch Thế Tôn: “Ni-kiền Tử mà Như Lai đã giáo hóa nay đã bị các đệ tử giết. Nay đã qua đời, ông ấy sanh nơi nào?”

Thế Tôn nói:

“Ông ấy là một người có đức, đầy đủ bốn đức, đã dứt sạch ba kết sử, thành quả Tu-đà-hoàn, chắc chắn dứt sạch gốc khổ. Hôm nay, mạng chung sanh lên cõi trời Tam thập tam. Sau này khi gặp Phật Di-lặc, vị ấy sẽ dứt sạch gốc khổ. Đó là nghĩa của nó, hãy niệm tu hành.”

Các đồng tử bạch Phật rằng:

⁸³ Xem kinh số 4, phẩm 18, cht. 20, 22.

“Kỳ diệu thay, hy hữu thay! Ni-kiền Tử này đến chỗ Thế Tôn để tranh luận hơn thua rồi lại tự trối chết bởi lý luận của chính mình, đến nhận sự giáo hóa của Như Lai. Phàm đã gặp Như Lai thì hoàn toàn không uổng phí. Giống như có người vào biển tìm châu báu, nhất định có thu hoạch, không bao giờ trở về không. Ở đây cũng như vậy, nếu có chúng sanh nào mà đến chỗ Thế Tôn, chắc chắn sẽ được Pháp bảo, quyết không có trở về không.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì các thiếu niên nói Pháp vi diệu, khiến họ hoan hỷ.

Sau khi nghe Phật thuyết pháp, các đồng tử từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng, đánh lễ sát chân rồi ra về.

Các đồng tử, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁸⁴

⁸⁴ Bản Hán, hết quyển 30.

38. PHẨM LỰC ¹

KINH SỐ 1¹

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bây giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có sáu loại sức mạnh đời thường.² Những gì là sáu? Trẻ con dùng tiếng khóc làm sức mạnh, muốn nói điều gì cốt trước phải khóc. Người nữ dùng sân hận làm sức mạnh, nổi sân hận rồi sau đó mới nói. Sa-môn, bà-la-môn dùng nhẫn nhục làm sức mạnh, thường nghĩ tự hạ mình và hạ mình đối với người sau đó mới trình bày. Quốc vương dùng kiêu ngạo³ làm sức mạnh, dùng thế lực cường hào để nói chuyện. Song a-la-hán dùng sự tinh chuyên làm sức mạnh để nói chuyện. Chư Phật Thế Tôn thành tựu đại từ bi, dùng đại bi làm sức mạnh để làm lợi khắp chúng sanh.⁴

“Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu sức mạnh đời thường này. Cho nên, các Tỳ-kheo hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ

¹ Pāli, A. VIII. 27 Bala (R. iv. 223).

² A. ibid. Tám loại sức mạnh.

³ A. ibid. quyền năng tự tại là sức mạnh của vua chúa (*issariyabalā rājāno*).

⁴ Hai sức mạnh sau, Pāli thay bằng: Vũ khí là sức mạnh của đạo tặc (*āvuddhabalā corā*), chê bai là sức mạnh của kẻ ngu (*ujjhattibalā bālā*), thâm sát là sức mạnh của kẻ trí (*nijjhattibā paṇḍitā*), tư trạch là sức mạnh của đa văn (*paṭisaṅkhānabalā bahussutā*).

phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy tư duy về tướng vô thường, [717c] phát triển tướng vô thường, đoạn hết ái dục giới, ái sắc giới, ái vô sắc giới, cũng đoạn vô minh, kiêu mạn. Giống như lấy lửa đốt cây cỏ, cháy sạch hết không còn lưu dấu vết nào. Ở đây cũng như vậy, tu tướng vô thường, dứt sạch dục ái, sắc ái và vô sắc ái, vô minh, kiêu mạn, vĩnh viễn không còn tàn dư. Vì sao vậy? Khi Tỳ-kheo tu tướng vô thường thì không có tâm dục. Do không có tâm dục nên có thể phân biệt pháp, tư duy nghĩa của nó, không có sầu ưu khổ não. Do tư duy nghĩa pháp thì tu hành không còn ngu si, sai lầm. Nếu thấy có ai tranh cãi, vị ấy liền tự nghĩ: ‘Các hiền sĩ này không tu tướng vô thường, không phát triển tướng vô thường cho nên đưa đến tranh cãi này. Vị ấy do tranh cãi, không quán nghĩa của nó. Do không quán nghĩa của nó nên tâm mê lầm. Vị ấy đã chấp vào sai lầm này nên khi chết rơi vào trong ba đường dữ là ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu tướng vô thường và phát triển tướng vô thường, liền không còn tướng sân hận, ngu si, cũng có thể quán pháp và quán nghĩa của nó. Nếu sau khi chết sẽ sanh về ba đường lành trời, người, và dẫn đến Niết-bàn.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁵

Tôi* nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại bên bờ sông Ưu-ca-chi.⁶ Bấy giờ, Thế Tôn đến dưới một bóng cây, tự trải tọa cụ mà ngồi, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt.

Lúc ấy, có một bà-la-môn đi đến chỗ kia. Thấy dấu chân của Thế Tôn rất kỳ diệu, bà-la-môn này nghĩ thầm: ‘Đây là dấu chân của người nào, là trời, rồng, quỷ thần, càn-thát-bà,⁷ a-tu-la, người hay phi nhân hay là Phạm thiên Tổ phụ của ta?’ Lúc ấy, bà-la-môn liền theo dấu chân mà đi tới, từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt. Thấy vậy, ông bèn hỏi:

“Ông là vị trời chăng?”

Thế Tôn bảo:

“Ta chẳng phải là trời.”

“Là càn-thát-bà chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Ta cũng chẳng phải là càn-thát-bà*.”

“Là rồng chăng?”

Đáp:

“Ta chẳng phải là rồng.”

“Là dạ-xoa chăng?”

⁵ Pāli, A.IV 36 Doṇa (R. ii.38). Hán, *Tạp* (Việt) kinh 1077.

⁶ Ưu-ca-chi 憂迦支江水. Pāli: Ukattā, một thị trấn ở Kosala.

⁷ Đề bản: Càn-đạp-hòa 乾沓和

Tăng nhất A-hàm

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta chẳng phải là dạ-xoa.”

“Là Tổ phụ⁸ chẳng?”

“Ta chẳng phải là Tổ [718a] phụ.”

Lúc ấy, bà-la-môn hỏi Thế Tôn:

“VẬY Ngài là ai?”

Thế Tôn nói:

“Người có ái thì có thù⁹, có thù thì có tham ái¹⁰, nhân duyên hội hợp sau đó từng cái sanh ra nhau như vậy, như vậy, năm khổ thủ uẩn không bao giờ chấm dứt. Vì đã biết ái rồi, thì biết năm dục, cũng biết sáu trần ngoài và sáu xứ trong, tức biết gốc ngọn thủ uẩn này.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Thế gian có ngũ dục;
Ý là vua¹¹ thứ sáu.
Biết sáu pháp trong ngoài.
Nên niệm diệt gốc khổ.*

“Cho nên phải tìm phương tiện diệt trừ sáu sự trong ngoài. Bà-la-môn, hãy học điều như vậy.”

Bà-la-môn nghe Phật dạy như vậy, tư duy nghiền ngẫm, ôm ấp trong tâm không rời, liền từ trên chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

⁸ Chi Phạm thiên.

⁹ Nguyên Hán: Thọ 受

¹⁰ 有受則有愛, có lẽ nên hiểu là “có thủ thì có hữu.”

¹¹ Đê bản: 生 sanh. TNM: 王 vương. Cf. *Tứ phần* 32 (tr. 791c14): 帝 lục vương vi thượng 第六王為上.

Bà-la-môn, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Xưa, trong lúc Ta còn là Bồ-tát, chưa thành Phật đạo, có nghĩ như vậy: ‘Thế gian này rất là cần khổ, có sanh, có già, có bệnh, có chết, mà không đạt được cùng tận nguồn gốc của năm thủ uẩn này.’ Lúc ấy, Ta lại tự nghĩ: ‘Vì nhân duyên gì mà có sanh, già, bệnh, chết, lại vì nhân duyên gì đưa đến tai hoạn này?’ Trong khi đang tư duy, Ta lại sanh khởi ý nghĩ như vậy: ‘Có sanh thì có già, bệnh, chết.’

“Trong lúc đang tư duy, bấy giờ Ta lại tự nghĩ: ‘Vì nhân duyên gì có sanh?’ Ở đây, do hữu mà có sinh. Lại tự nghĩ như vậy: ‘Hữu do đâu mà có?’ Trong khi đang tư duy, lại tự nghĩ như vậy: ‘Hữu này do thủ* mà có hữu.’ Lại tự nghĩ: ‘Thủ này do đâu mà có?’ Bấy giờ, Ta dùng trí quán sát: ‘Do ái mà có thủ.’ Lại tư duy nữa: ‘Ái này do đâu mà sinh?’ Lại quán sát nữa: ‘Do thọ mà có ái.’ Lại tư duy nữa: ‘Thọ này do đâu mà sinh?’ Trong khi đang quán sát: ‘Do xúc mà có thọ này,’ lại tự nghĩ tiếp: ‘Xúc này do đâu mà có?’ Lúc Ta khởi suy niệm này: ‘Duyên sáu xứ mà có sự xúc này,’ thời Ta lại tư duy: ‘Sáu xứ này do đâu mà có?’ Lúc quán sát: ‘Do danh sắc mà có sáu xứ,’ thì Ta lại tự nghĩ: ‘Danh sắc do đâu mà có?’ Khi quán sát: ‘Do thức mà có danh sắc,’ thì Ta lại tự nghĩ: ‘Thức do [718b] đâu mà có?’ Khi quán sát: ‘Do hành sinh thức,’ thì Ta lại tự nghĩ: ‘Hành do đâu mà sinh?’ Khi quán sát, lại thấy: ‘Hành do vô minh mà sinh.’

Tăng nhất A-hàm

“Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên chết, chết duyên buồn rầu khổ não không thể nói hết. Đó gọi là sự tập khởi của khổ thủ uẩn như vậy.

“Bấy giờ, Ta lại tự nghĩ: ‘Do nhân duyên gì già, bệnh, chết diệt?’ Khi Ta quan sát, thấy rằng: ‘Sanh diệt thì già, bệnh, chết diệt.’ Ta lại tự nghĩ như vậy: ‘Do đâu mà không sinh?’ Quán sát gốc của sinh thì thấy: ‘Hữu diệt thì sanh diệt.’ Ta lại nghĩ: ‘Do đâu không có hữu?’ Lại tự nghĩ như vậy: ‘Không thủ thì không hữu.’ Ta lại nghĩ: ‘Do đâu mà thủ diệt?’ Khi Ta quan sát, thấy rằng: ‘Ái diệt thì thủ diệt.’ Lại tự nghĩ như vậy: ‘Do gì mà diệt ái?’ Ta lại quan sát thấy: ‘Thọ diệt thì ái diệt.’ Lại tư duy: ‘Do gì mà thọ diệt?’ Khi quan sát thấy: ‘Xúc diệt thì thọ diệt.’ Lại tư duy: ‘Do gì mà xúc diệt?’ Lúc quan sát thấy: ‘Sáu xứ diệt thì xúc diệt.’ Lại quán sát: ‘Sáu xứ này do gì mà diệt?’ Lúc đang quan sát, Ta thấy: ‘Danh sắc diệt thì sáu xứ diệt.’ Lại quán sát: ‘Do gì danh sắc diệt? Thức diệt thì danh sắc diệt.’ Lại quán: ‘Thức này do gì mà diệt?’ Hành diệt thì thức diệt.’ Lại quán: ‘Hành này do gì mà diệt?’ Si diệt thì hành diệt. Hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì già, bệnh, diệt; già bệnh diệt thì tử diệt. Đó gọi là năm thủ uẩn diệt.

“Bấy giờ, Ta lại tự nghĩ như vậy: ‘Thức này là đầu mối tối sơ đưa con người đến sanh, già, bệnh, chết này, nhưng lại không thể biết nguồn gốc của sinh, già, bệnh, chết này.

“Ví như có người ở trong rừng đi theo con đường nhỏ, đi

tới trước một chút thì gặp một con đường lớn cũ, là nơi ngày xưa mọi người đi trên đó. Lúc này, người ấy liền đi theo con đường đó, đi tới trước một chút nữa lại thấy thành quách xưa, vườn cảnh ao tắm thấy đều rất tốt tươi. Nhưng trong thành kia không có người ở. Người này thấy [718c] rồi, quay trở về bốn quốc, đến trước tâu vua:

“Hôm qua dạo chơi núi rừng, tôi gặp thành quách tốt, cây cối sum suê tươi tốt, nhưng trong thành ấy không có người dân. Đại vương hãy cho nhân dân đến cư trú ở thành kia.”

“Nghe người ấy nói xong, bấy giờ quốc vương liền cho nhân dân ở. Nhờ vậy thành quách này trở lại như xưa, nhân dân đông đúc, vui vẻ vô cùng.

“Các Tỳ-kheo, nên biết, khi xưa lúc Ta chưa thành Bồ-tát, học đạo ở trong núi, thấy nơi chốn du hành của chư Phật xa xưa, liền theo con đường này, liền biết được nguồn gốc sinh khởi của sanh, già, bệnh, chết. Có sinh thì có diệt, thấy đều phân biệt, biết sinh khổ, sinh tập, sinh diệt, và sinh đạo, thấy đều biết rõ ràng. Hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu xứ, danh sắc, thức, hành, vô minh cũng lại như vậy. Vô minh khởi thì hành khởi, những gì được hành tạo lại do thức. Nay Ta đã biết rõ thức, nên nay vì chúng bốn bộ mà nói về gốc này; tất cả đều phải biết chỗ phát sanh nguồn gốc này: Biết khổ, biết tập, biết diệt, biết đạo, hãy suy niệm cho rõ ràng. Đã biết sáu xứ thì biết sanh, già, bệnh, chết; sáu xứ diệt thì sanh, già, bệnh, chết diệt. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện diệt trừ sáu xứ.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết Pháp cho vô số, trăm ngàn vạn chúng. Khi ấy, A-na-luật ở trên chỗ ngồi kia. A-na-luật ở giữa đại chúng mà ngủ gục. Khi Phật thấy A-na-luật ngồi ngủ, liền nói kệ này:

*Nghe pháp ưa ngủ nghĩ;
Ý không có thác loạn.
Những pháp Hiền thánh nói
Là điều kẻ trí ưa.*

*Giống như hồ nước sâu,
Lặng trong không bọt dơ.
Người nghe Pháp như vậy,
Hưởng vui, tâm thanh tịnh.¹²*

*Cũng như tảng đá lớn,
Gió lay không thể động.
Như vậy, được khen chê,
Tâm không có dao động.¹³*

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-na-luật:

“Ông sợ pháp vua và sợ giặc cướp mà hành đạo sao?”

A-na-luật đáp:

“Thưa không, Thế Tôn!”

Phật hỏi A-na-luật [719a]:

¹² Dhp. 82.

¹³ Pháp cú Pāli, Dhp. 81.

“Vì sao ông xuất gia học đạo?”

A-na-luật bạch Phật:

“Vì ghê tởm già, bệnh, chết, buồn rầu, khổ não này. Vì bị khổ bức bách, muốn dứt bỏ, cho nên xuất gia học đạo.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông là thiện gia nam tử với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Hôm nay chính Thế Tôn đang thuyết pháp, vì sao ở trong đây ngủ gục?”

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật liền rời chỗ ngồi đứng dậy, vén áo bày vai phải, quỳ gối, chắp tay bạch Phật:

“Từ nay về sau, thân thể tan nát, con quyết cũng không ngồi trước Thế Tôn mà ngủ gục.”

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật suốt đêm đến sáng không ngủ, nhưng không thể trừ được mê ngủ, nhãn căn dần dần tổn thương.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-na-luật:

“Sự nỗ lực tinh tấn của người tương ưng với trạo cử. Nếu lại biếng nhác, thì nó tương ưng với kết. Hành trì của người hiện nay là nên ở giữa.”

A-na-luật bạch Phật:

“Ở trước Như Lai con đã thề, nay không thể làm ngược lại bốn nguyện.”

Sau đó, Thế Tôn bảo Kỳ-vực:

“Hãy chữa trị mắt cho A-na-luật.”

Kỳ-vực đáp:

“Nếu A-na-luật chịu ngủ nghỉ chút ít thì con mới chữa mắt được.”

Tăng nhất A-hàm

Thế Tôn bảo A-na-luật:

“Ngươi nên ngủ. Vì sao vậy? Tất cả pháp do ăn mà tồn tại, không ăn thì không tồn tại. Mắt lấy ngủ nghỉ làm thức ăn. Tai lấy âm thanh làm thức ăn. Mũi lấy mùi thơm làm thức ăn. Lưỡi lấy vị làm thức ăn. Thân lấy sự trơn láng làm thức ăn. Ý lấy pháp làm thức ăn. Nay Ta cũng nói, Niết-bàn cũng có thức ăn.”

A-na-luật bạch Phật:

“Niết-bàn lấy gì làm thức ăn?”

Phật bảo A-na-luật:

“Niết-bàn lấy sự không phóng dật làm thức ăn. Nương vào không phóng dật đến được vô vi.”

A-na-luật bạch Phật:

“Tuy nói mắt lấy ngủ nghỉ làm thức ăn, nhưng con không kham ngủ nghỉ.”

Bấy giờ, A-na-luật đang vá y phục cũ thì mắt từ từ bị hư hoại, nhưng được thiên nhân không có tỳ vết. Lúc ấy, A-na-luật dùng pháp thường để vá y phục, nhưng không thể xỏ chỉ qua lỗ kim. A-na-luật liền tự nghĩ: “Các vị đắc đạo A-la-hán trên thế gian hãy xỏ kim cho tôi.”

Lúc ấy, Thế Tôn, bằng thiên nhĩ thanh tịnh, nghe âm thanh này: “Các vị đắc đạo A-la-hán trên thế gian hãy xỏ kim cho tôi.” Thế Tôn liền đến chỗ A-na-luật, bảo rằng:

“Ông đưa kim [719b] lại đây Ta xỏ cho.”

A-na-luật bạch Phật:

“Vừa rồi con có kêu gọi những ai ở thế gian muốn cầu phước kia, thì hãy xỏ kim cho con.”

Thế Tôn đáp:

“Người cầu phước thế gian không có ai hơn Ta. Như Lai đối với sáu pháp không bao giờ nhàm chán. Những gì là sáu? Một là bố thí, hai là giáo giới, ba là nhẫn nhục, bốn là thuyết pháp thuyết nghĩa, năm là giúp đỡ chúng sanh, sáu là cầu Đạo Vô thượng Chánh chơn. Nay A-na-luật, đó gọi là Như Lai đối với sáu pháp này không bao giờ nhàm chán.”

A-na-luật bạch:

“Thân Như Lai là Pháp thân chân thật, còn muốn cầu pháp gì nữa? Như Lai đã vượt qua biển sanh tử, lại thoát ái trước, mà nay vẫn đứng đầu trong những người cầu phước!”

Thế Tôn bảo:

“Đúng vậy, A-na-luật! Như lời ông nói: ‘Như Lai cũng biết sáu pháp này mà không bao giờ nhàm chán. Nếu chúng sanh nào biết những việc làm nơi thân, miệng, ý là nguồn gốc của tội ác, sẽ không bao giờ rơi vào ba đường dữ. Do chúng sanh kia không biết nguồn gốc tội ác nên đọa vào trong ba đường dữ.’”

Rồi Thế Tôn nói kệ này:

*Lực mà thế gian có,
Tồn tại trong trời người;
Lực phước là hơn hết.
Do phước được thành Phật.*

“Cho nên, A-na-luật, hãy tìm cầu phương tiện được sáu pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6¹⁴

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Lúc ấy, một số các Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ khát thực, nghe thấy bên ngoài cửa cung vua Ba-tư-nặc có đám đông người dân giơ tay kêu gào, tỏ vẻ oán trách: ‘Trong nước có giặc cướp tên Ương-quật-ma¹⁵ hết sức hung bạo, giết hại người vô số, không từ bi đối với hết thảy chúng sanh. Nhân dân trong nước không ai là không kinh tởm lo sợ. Mỗi ngày, nó giết một người, lấy một ngón tay xâu thành chuỗi, cho nên gọi nó là: “Chuỗi Ngón Tay.”¹⁶ Cúi xin Đại vương hãy đi đánh bắt.’

Các Tỳ-kheo sau khi khát thực xong, trở về tinh xá Kỳ-hoàn, thân cất y bát, lấy tọa cụ vắt lên vai, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

[719c] “Chúng con một số đông vào thành Xá-vệ khát thực nghe thấy bên ngoài cung vua có nhiều người dân kêu than oán trách: ‘Nay trong nước có giặc cướp tên Ương-quật-ma là người hung bạo, không có tâm từ, giết hại hết thảy chúng sanh. Người chết, đất nước trống không, đều do kẻ ấy. Nó lại lấy ngón tay người xâu làm tràng hoa.’”

¹⁴ Pāli, M 86 *Angulimāla* (R. ii. 97). Hán, *Tạp* 38, kinh 1077.

¹⁵ Ương-quật-ma 鴞掘魔. Pāli: *Angulimāla*.

¹⁶ Hán: Chi man 指鬘; cũng là dịch nghĩa của từ *añguli-māla*.

Định nghĩa của Pāli: *so manusse vadhitvā vadhitvā añgulīnaṃ mālaṃ dhāreti*, nó giết nhiều người, rồi lấy ngón tay làm tràng hoa mà đeo.

Thế Tôn nghe các Tỳ-kheo kia nói xong, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, im lặng ra đi.

Thế Tôn ngay sau đó đi đến chỗ tên giặc kia. Những người kiếm củi, nhặt cỏ, người đi cày, người chăn bò, dê, thấy Thế Tôn đi vào con đường ấy, đều bạch với Phật:

“Sa-môn, chớ có đi theo con đường này. Vì sao vậy? Cạnh đường này có giặc cướp tên Ương-quật-ma đang ở đó. Người dân muốn đi vào đường này thì phải tập hợp mười người, hoặc hai mươi người, hoặc ba mươi, bốn mươi, năm mươi người, mà vẫn không qua được, bị Ương-quật-ma bắt giết hết. Nhưng Sa-môn Cù-đàm đi một mình không có bạn sẽ bị Ương-quật-ma quấy nhiễu, chuyện này phải cảnh giác.”

Thế Tôn tuy nghe những lời này, nhưng vẫn đi tới, không dừng lại.

Trong lúc đó, mẹ Ương-quật-ma đem thức ăn đến chỗ Ương-quật-ma. Lúc này, Ương-quật-ma tự nghĩ: ‘Chuỗi ngón tay của ta đã đủ số chưa?’ Nó bèn đếm, số ngón tay vẫn chưa đủ. Lại đếm trở lại, chỉ thiếu một ngón tay người. Ương-quật-ma nhìn quanh quất hai bên, tìm một người lạ để bắt giết, nhưng nhìn khắp bốn phía đều không thấy người. Nó liền tự nghĩ: ‘Thầy ta có dạy, nếu giết hại mẹ thì tất sẽ sanh thiên. Nay mẹ ta đã tự đến đây, ta hãy bắt giết, được đủ số ngón tay là được sanh lên trời.’

Rồi Ương-quật-ma dùng tay trái nắm đầu mẹ, tay phải rút kiếm nói với mẹ: ‘Mẹ ơi, hãy đứng lại một lát.’

Lúc ấy, Thế Tôn liền nghĩ: ‘Ương-quật-ma này đang tạo ngũ nghịch.’ Ngài lập tức phóng ánh sáng từ giữa chạng mày chiếu khắp núi rừng ấy. Lúc ấy, Ương-quật-ma thấy ánh sáng này, liền nói với mẹ: ‘Đây là ánh sáng gì mà chiếu khắp núi rừng này? Chẳng phải nhà vua tập hợp

Tăng nhất A-hàm

binh chúng đem công phật ta u?’

Lúc ấy, người mẹ bảo:

“Con ơi, nên biết, đây chẳng phải ánh sáng của mặt trời, mặt trăng hay lửa, cũng chẳng phải ánh sáng của Đế Thích, Phạm Thiên vương.”

Bấy giờ, người mẹ liền nói kệ này:

*Chẳng phải ánh sáng lửa.
Trời, trăng, hay Thích, Phạm.
[720a]Chim thú không kinh sợ,
Vẫn ca hát như thường.*

*Ánh sáng rất thanh tịnh,
Khiến người vui vô lượng.
Ắt là đáng Tối thắng,
Thập lực, đến chốn này.*

*Trong cõi trời và người,
Thiên nhân nhìn thế giới;
Vì muốn độ cho con
Thế Tôn đến nơi này.*

Bấy giờ, Ương-quật-ma nghe đến tiếng Phật, vui mừng hớn hở, không tự dừng được, liền nói:

“Thầy con cũng giáo giới, bảo con: ‘Nếu con có thể giết mẹ, hay Sa-môn Cù-đàm, thì có thể sanh lên trời Phạm thiên.’”

Lúc ấy, Ương-quật-ma bảo mẹ:

“Nay Mẹ đứng đây! Trước hết con bắt giết Sa-môn Cù-đàm, sau đó hãy ăn.”

Ương-quật-ma liền bỏ mẹ ra mà chạy đuổi theo Thế Tôn. Từ xa trông thấy Thế Tôn đi đến, giống như khối vàng, chiếu khắp mọi nơi. Nó cười mà nói rằng: ‘Nay Sa-môn

này nhất định ở trong tay ta, tất sẽ giết không nghi ngại. Nhân dân muốn đi vào đường này, họ đều tập hợp đông người, mà đi đường này. Vậy mà Sa-môn này đơn độc không bạn bè. Nay ta sẽ bắt giết ông ta.”

Rồi Ương-quật-ma liền rút kiếm ra, đi ngược về phía Thế Tôn. Trong lúc đó, Thế Tôn liền quay ngược đường lại, từ từ mà đi. Nhưng Ương-quật-ma chạy rượt theo cũng không thể nào kịp. Khi ấy, Ương-quật-ma bạch Thế Tôn:

“Sa-môn, dừng lại! dừng lại!”

Thế Tôn bảo:

“Ta đã tự dừng rồi. Tự người không dừng!”

Ương-quật-ma vừa chạy, vừa từ xa nói kệ này:

*Đi, mà lại nói dừng.
Lại bảo ta không dừng.
Nói nghĩa này cho tôi:
Ông dừng, tôi không dừng?*

Lúc ấy, Thế Tôn liền dùng kệ đáp:

*Thế Tôn nói đã dừng,
Vì không hại hết thấy.
Nay người có tâm giết,
Không lìa xa nguồn ác.
Ta dừng nơi tâm từ;
Thương giúp cả mọi người.
Người gieo nhân địa ngục,
Không lìa xa nguồn ác.*

Ương-quật-ma nghe bài kệ này, liền tự nghĩ: “Ta đã làm việc ác thật sao? Còn thầy bảo ta: ‘Đó là đại tể đàn, được quả báo lớn, [720b] nếu có thể bắt giết một ngàn người, lấy ngón tay xâu thành chuỗi, thì được quả như sở

nguyện mình. Người như vậy, sau khi chết vào chỗ lành, sanh lên trời. Nếu bắt giết mẹ ruột và Sa-môn Cù-đàm thì sẽ sanh lên Phạm thiên.” Lúc ấy, Phật liền dùng oai thần, khiến thần thức của nó chột sáng: “Các sách vở của bà-la-môn cũng có nói rằng Như Lai ra đời rất là khó gặp, thật lâu, ức kiếp mới xuất hiện một lần. Khi vị ấy ra đời, độ người chưa độ, giải thoát người chưa giải thoát. Vị ấy nói pháp diệt trừ sáu kiến chấp. Sao gọi là sáu? Người nói có ngã kiến, liền nói pháp diệt trừ ngã kiến; người nói không có ngã kiến thì cũng vì họ nói pháp diệt trừ không có ngã kiến; người nói vừa có ngã kiến, vừa không có ngã kiến thì, cũng vì họ nói pháp diệt trừ vừa có ngã vừa không có ngã. Lại tự quán sát, nói pháp đã được quán sát, tự nói pháp vô ngã, cũng chẳng phải pháp Ta nói, cũng chẳng phải pháp Ta chẳng nói. Nếu Như Lai xuất thế sẽ nói pháp diệt trừ sáu kiến chấp này. Lại nữa, khi ta chạy đi thì có thể đuổi kịp voi, ngựa, xe cộ và nhân dân, nhưng Sa-môn này đi không nhanh vội, song hôm nay ta không thể theo kịp người này. Đây chắc phải là Như Lai.”

Lúc ấy, Ương-quật-ma liền nói kệ này:

*Tôn giả đã vì tôi
Mà nói kệ vì diệu.
Người ác nay biết chân,
Đều nhờ oai thần Ngài.
Lập tức bỏ kiếm bén,
Ném vào trong hang sâu.
Nay lễ chân Sa-môn
Liền cầu làm Sa-môn.*

Rồi Ương-quật-ma liền đến trước bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm sa-môn.”

Thế Tôn bảo:

“Hãy đến đây, Tỳ-kheo!” Lập tức Ương-quật-ma liền thành sa-môn, mặc ba pháp y.

Bây giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Nay ông đã cạo đầu;
Trừ kết sử cũng vậy.
Diệt kết, đắc quả lớn;
Không còn sầu, khổ não.*

Ương-quật-ma sau khi nghe những lời này, dứt sạch bụi trần, được mắt pháp trong sạch.

Bây giờ, Thế Tôn dẫn Tỳ-kheo Ương-quật-ma trở về tinh xá Kỳ-hoàn, thành Xá-vệ. Trong lúc đó, vua Ba-tư-nặc tập hợp bốn bộ binh, định đánh dẹp Ương-quật-ma. Khi ấy, vua liền tự nghĩ: ‘Nay ta hãy đến chỗ Thế Tôn, đem nhân duyên này thưa đầy đủ lên Thế Tôn. Nếu Thế Tôn [720c] có dạy điều gì thì sẽ phụng hành.’

Bây giờ, vua Ba-tư-nặc liền tập hợp binh bốn bộ, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Thế Tôn hỏi vua:

“Đại vương, hôm nay sắp đi đâu, mà thân thể đầy bụi bậm đến như vậy?”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Nay trong nước con có giặc cướp tên Ương-quật-ma hết sức hung bạo, không có lòng từ đối với hết thầy chúng sanh. Đất nước hoang vắng, nhân dân lưu tán, đều do tên tặc này. Nay nó bắt người giết đi, lấy ngón tay xâu thành chuỗi. Đó là quý dữ, chẳng phải là người. Nay con muốn bắt người này mà giết đi.”

Thế Tôn bảo:

“Nếu Đại vương thấy Ương-quật-ma với lòng tin kiên cố

Tăng nhất A-hàm

đã xuất gia học đạo, thì sẽ làm sao?”

Vua bạch Phật rằng:

“Còn biết làm gì hơn, là cung kính, cúng dường, tùy thời lễ bái! Nhưng, bạch Thế Tôn, nó lại là người ác, không có một mảy may thiện, thường giết hại, thì có thể có tâm xuất gia học đạo này chăng? Hoàn toàn không thể có việc ấy!”

Lúc ấy, Ương-quật-ma đang ngồi kiết già cách Thế Tôn không xa, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt. Bấy giờ, Thế Tôn đưa tay phải chỉ và nói với vua:

“Đó là tên cướp Ương-quật-ma.”

Vua nghe những lời này, trong lòng kinh sợ, lông tóc đều dựng đứng.

Thế Tôn bảo vua:

“Chớ sinh lòng sợ hãi, hãy bước đến trước, thì tự vua sẽ tỏ ý mình.”

Vua nghe lời Phật dạy, liền đến trước Ương-quật-ma, nói với Ương-quật-ma:

“Ông họ gì?”

Ương-quật-ma đáp:

“Tôi họ Già-già,¹⁷ mẹ tên Mãn Túc.¹⁸”

Lúc ấy, vua đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua hỏi:

“Khéo vui trong chánh pháp này, chớ có lười biếng, tu phạm hạnh thanh tịnh để dứt gốc khổ. Tôi sẽ trọn đời

¹⁷ Già-già 伽伽. Pāli: Gagga, là tên cha. Họ là Bhaggava.

¹⁸ Mãn Túc 滿足. Pāli: Mantāṇī.

cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh.”

Ương-quật-ma im lặng không đáp. Vua liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân. Quay trở lại chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên.

Lúc ấy, vua lại bạch với Phật:

“Người chưa hàng khiến hàng, người chưa phục khiến phục. Thật là kỳ lạ, hiếm có! Cho đến có thể hàng phục người cực ác. Cầu mong Thế Tôn thọ mạng vô cùng, để nuôi dưỡng nhân dân. Nhờ ơn Thế Tôn mà thoát được nạn này. Việc nước bề bộn, con xin trở về thành.”

Thế Tôn bảo:

“Vua nên biết đúng lúc!”

Bấy giờ, quốc vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ [721a01] sát chân Phật, rồi lui đi.

Lúc bấy giờ, Ương-quật-ma hành a-lan-nhã, đắp y năm mảnh. Đến giờ, vị ấy ôm bát, đi đến từng nhà khát thực, một vòng rồi trở lại từ đầu; đắp y rách vá, thô xấu, tồi tàn, lại ngồi ở giữa trời trống, không che thân thể. Ương-quật-ma ở nơi vắng vẻ, tự tu hạnh này, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, tu vô thượng phạm hạnh, biết như thật rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Bấy giờ, Ương-quật-ma liền thành A-la-hán, sáu thông trong suốt không còn bụi dơ.

Sau khi đã thành A-la-hán, đến giờ khoác y, cầm bát, vào thành Xá-vệ khát thực. Lúc ấy, có một thiếu phụ đang sanh khó. Thấy vậy, vị ấy liền tự nghĩ: ‘Đau khổ thay,

chúng sanh chịu bức não¹⁹ vô hạn.’ Sau khi thọ thực xong, Ương-quật-ma cất y bát, lấy tọa cụ đặt lên vai, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ Ương-quật-ma bạch Thế Tôn:

“Vừa rồi, con khoác y, cầm bát vào thành Xá-vệ khát thực, gặp một người nữ thân thể mang thai nặng nề.²⁰ Lúc ấy, con liền tự nghĩ: ‘Chúng sanh chịu khổ đến như vậy sao?’”

Thế Tôn đáp:

“Ông hãy đến chỗ người phụ nữ ấy, nói như vậy: ‘Từ khi tôi sanh trong nhà Hiền thánh đến nay, chưa từng sát sanh. Bằng lời chí thành này cầu cho người mẹ và thai nhi không gì tai biến²¹!’”

Ương-quật-ma đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Ngay trong ngày ấy, Ương-quật-ma liền khoác y, cầm bát, vào thành Xá-vệ, đến chỗ người mẹ kia, nói với cô: “Từ khi tôi sanh trong nhà Hiền thánh đến nay, chưa từng sát sanh. Bằng lời chí thành này cầu cho người mẹ và thai nhi không gì tai biến.”

Lúc ấy, người mẹ mang thai liền sanh được.

¹⁹ Đề bản chép: Thọ thai 受胎. TNM: Thọ não. Sửa lại cho phù hợp với Pāli: *kilissanti vata bho sattā*.

²⁰ Nguyên Hán: Trọng nhâm 重妊. Tường thuật không phù hợp với trả lời của Phật. Có lẽ tương đương Pāli: *mūlhagabbham*, sanh khó, nhưng Hán dịch hiểu *mūlha* theo nghĩa đen là “nặng nề, chậm chạp.”

²¹ Pāli, định cú: *tena saccena sotthi te hotu*, “bằng sự thật này, mong cho cô được an lành.” Đây là một *paritta*, hộ chú, câu thần chú cứu hộ, phổ biến trong Pāli.

Một hôm, Ương-quật-ma vào thành khát thực, các nam, nữ lớn nhỏ, mọi người đều nói với nhau:

“Đó gọi là Ương-quật-ma, đã giết hại chúng sinh không thể kể, nay lại đi trong thành khát thực.”

Rồi thì, nhân dân trong thành, mọi người lấy gạch đá đá thương, hoặc dùng dao chém, khiến đầu mặt Ương-quật-ma bị thương, y phục bị rách hết, máu chảy nhớp thân thể. Sau khi ra khỏi thành Xá-vệ, Ương-quật-ma đi đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, từ xa Thế Tôn thấy Ương-quật-ma bị thương tích đầy đầu mặt, máu chảy ướn y, đang đi đến. Thấy vậy, Thế Tôn liền nói:

“Ngươi hãy nhẫn nhịn! Vì sao vậy? Tội này, đáng ra phải chịu báo mãi trong một kiếp lâu dài.”

[721b01] Lúc ấy, Ương-quật-ma liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ Ương-quật-ma ở trước Như Lai nói kệ này:

*Kiên cố nghe pháp cú;
Kiên cố hành Phật Pháp;
Kiên cố gần bạn lành;
Liền đến nơi diệt tận.*

*Con vốn là đại tặc,
Tên là Ương-quật-ma,
Bị cuốn trôi theo dòng,
Nhờ Thế Tôn cứu vớt.*

*Nay quán, tự trả nghiệp,
Cũng nên quán gốc pháp.
Nay đã đắc ba minh,
Thành tựu hạnh nghiệp Phật.*

Tăng nhất A-hàm

Con vốn tên Vô Hại,²²
Nhưng giết hại vô kể,²³
Nay tên Chân Đế Thật,²³
Không còn hại gì nữa.

Giả sử thân, miệng, ý,
Đều không tâm thức hại;
Đó là không sát hại;
Huống gì khởi tư tưởng.

Thợ cung hay nắn sừng (?),²⁴
Nhà thủy hay dẫn nước;
Người thợ chạm, dẻo gỗ;
Bậc trí tự điều thân.²⁵

Hoặc dùng roi gây phục;
Hoặc dùng lời lẽ khuất,
Trợn không dùng đao gây.
Nay con tự hàng phục.

Trước, người gây tội ác,
Sau đừng không tái phạm,
Chiếu sáng khắp thế gian;
Như mây tan, trăng hiện.

Trước, người gây tội ác,
Sau đừng không tái phạm,

²² Vô Hại 無害. Pāli: Ahimsaka, tên cha mẹ đặt. Anguimāla là tên do người đời đặt.

²³ Chân Đế Thật. Pāli: Sacca. Nhưng Pāli, (...) *ajjāham saccanāmomhi*, (...), [Tôi vốn tên Vô Hại, nhưng đã hại người rất nhiều], *nay chân thật* [là Vô Hại, vì không còn hại ai nữa].

²⁴ Hán: Giác 角. Cf. Dh. 80: *usukārā namayanti tejanam*, thợ làm tên nắn thẳng mũi tên.

²⁵ Dh. 80.

*Chiếu sáng khắp thế gian;
Mây tan, mặt trời hiện.*

*Tỳ-kheo già, trẻ khỏe,
Tu hành, hành Phật pháp,
Chiếu sáng khắp thế gian;
Như trăng kia, mây tan.²⁶*

*Tỳ-kheo già, trẻ khỏe,
Tu hành theo Phật Pháp,
Chiếu sáng khắp thế gian;
Mặt trời kia, mây tan.*

*Nay con chịu chút khó.
Ăn uống tự biết đủ.
Thoát hết tất cả khó.
Duyên cũ nay đã hết.*

*Không theo dấu tử thân,
Cũng không còn tái sanh;
Nay chỉ đợi thời tiết,
Hoan hỷ, không rối loạn.*

Bấy giờ, Như Lai hứa khả những gì Ương-quật-ma nói. Ương-quật-ma [721c] thấy Như Lai đã im lặng hứa khả, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân liền lui đi.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Ương-quật-ma vốn tạo công đức gì mà ngày nay thông minh, trí huệ, mặt mày xinh đẹp hiếm có trên đời? Lại tạo hành vi bất thiện gì mà trên thân hiện này, sát hại chúng sanh vô số kẻ? Lại tạo công đức gì mà nay gặp Như Lai, đắc quả A-la-hán?”

²⁶ Cf. Dhp. 382.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Vào thời quá khứ lâu xa trong Hiền kiếp này,²⁷ có Phật hiệu Ca-diếp Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời. Sau khi Như Lai Ca-diếp nhập diệt, có vua tên Đại Quả thống lĩnh trong nước, cai trị Diêm-phù-đề. Vua ấy có tám vạn bốn ngàn cung nhân nữ, nhưng không có con cái. Bây giờ, vua Đại Quả liền hướng về thần cây, thần núi, mặt trời, mặt trăng, tinh tú không nơi nào là không cầu xin con cái. Sau đó đệ nhất phu nhân của vua mang thai, trải qua tám, chín tháng, sanh được một con trai, tướng mạo xinh đẹp hiếm có trên đời. Lúc ấy, vị vua kia liền tự nghĩ: ‘Ta trước kia không có con cái, suốt một thời gian như vậy nay mới sanh hài nhi, cần phải đặt tên, để cho nó ở trong ngũ dục mà thụ hưởng.’

Vua bèn triệu tập quần thần, những người có thể xem tướng, bảo rằng:

“Nay ta đã sanh hài nhi này, các khanh hãy đặt tên cho.”

Những người này nghe vua dạy rồi, liền tâu vua:

“Nay Thái tử này rất kỳ diệu, xinh đẹp không ai bằng, mặt như màu hoa đào, ắt sẽ có thể lực lớn, nay nên đặt tên là Đại Lực.”

Sau khi thấy tướng đặt tên cho thái tử rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Bây giờ, quốc vương yêu thương thái tử này, chưa từng rời mắt.

Khi thái tử vừa lên tám tuổi, dẫn theo các người hầu cận đến chỗ phụ vương, hầu hạ thăm hỏi. Vua cha tự nghĩ: ‘Thái tử này, tự thật là kỳ lạ!’ Vua liền bảo thái tử:

²⁷ Truyện tiền thân của *Āṅgulimāla*, Pāli, *Jataka* 537; *Mahā-Sutasoma*.

“Thế nào, nay ta cưới vợ cho con?”

Thái tử tâu vua:

“Nay con còn nhỏ tuổi, cần gì cưới vợ?”

Lúc ấy, vua cha tạm đình chỉ không cưới vợ cho. Đến khi thái tử hai mươi tuổi, vua lại nói:

“Ta muốn cưới vợ cho con.”

Thái tử tâu vua:

“Con không cần cưới vợ.”

Lúc ấy, vua bảo quần thần, nhân dân:

“Ta trước kia không có con cái, qua [722a] thời gian rất lâu mới sinh được một đứa con. Nay nó không chịu lấy vợ, thanh tịnh không một tí vết.”

Bấy giờ, vua đổi tên cho thái tử là Thanh Tịnh.

Khi thái tử Thanh Tịnh đã gần ba mươi tuổi, vua lại bảo quần thần:

“Hiện nay tuổi ta đã suy yếu, không con nào khác; hiện chỉ có thái tử Thanh Tịnh. Nay vương vị cao phải truyền cho thái tử. Nhưng thái tử không thích sống trong năm dục, làm sao xử lý việc nước?”

Quần thần đáp:

“Phải tìm cách làm cho thái tử ưa thích năm dục.”

Lúc ấy, vua liền cho đánh chuông, kích trống, thông báo với nhân dân trong nước:

“Ai có thể làm cho thái tử Thanh Tịnh ưa thích năm dục, ta sẽ thưởng cho ngàn vàng và các vật báu.”

Bấy giờ, có người nữ tên Dâm Chung, hiểu rõ sáu mươi

Tặng nhất A-hàm

bốn biển. Người nữ kia nghe vua có sắc lệnh: ‘Ai có thể làm cho thái tử Thanh Tịnh ưa thích năm dục thì ta sẽ thưởng cho ngàn vàng và các vật báu.’ Cô liền đến chỗ vua cha và tâu:

“Hãy cho tôi ngàn vàng và các vật báu, tôi có thể khiến cho thái tử của vua quen với năm dục.”

Vua cha bảo:

“Nếu làm được việc ấy, ta sẽ ban cho gấp đôi; không phụ lời hứa.”

Dâm nữ tâu vua:

“Thái tử ngủ ở đâu vậy?”

Vua bảo:

“Ở tòa nhà phía Đông, không có nữ nhon. Chỉ có một người nam làm thị vệ ở đó.”

Người nữ tâu:

“Cúi xin Đại vương ra lệnh trong cung cho tôi tùy ý ra vào, không được ngăn cản.”

Ngay đêm đó, vào canh hai, dâm nữ ở cạnh cửa phòng thái tử giả bộ cất tiếng khóc. Thái tử nghe tiếng khóc người nữ, liền hỏi người hầu:

“Đây là người nào đến đây mà khóc?”

Người hầu đáp:

“Đó là người nữ, đang khóc ở cạnh cửa.”

Thái tử nói:

“Khanh mau đến chỗ đó, hỏi vì sao khóc?”

Người hầu kia liền đến chỗ đó hỏi vì sao khóc. Dâm nữ

đáp:

“Bị chồng bỏ, cho nên khóc!”

Người hầu trở vào tâu thái tử:

“Người nữ này bị chồng bỏ, lại sợ trộm cướp, cho nên khóc!”

Thái tử bảo:

“Dẫn người nữ này để trong chuồng voi.”

Đến đó, cô lại vẫn khóc. Thái tử bảo dẫn vào chuồng ngựa, cô lại khóc.

Thái tử lại bảo quân hầu:

“Dẫn đến đây!”

Cô liền được dẫn vào nhà. Ở đây cô lại vẫn khóc.

Thái tử đích thân tự hỏi:

“Vì sao lại khóc?”

Dâm nữ đáp:

“Thưa thái tử, người nữ một mình yếu đuối, rất là sợ hãi, cho nên khóc.”

Thái tử bảo:

“Lên trên giường ta thì không còn sợ nữa.”

[722b] Lúc ấy, người nữ im lặng không đáp, cũng không còn khóc. Rồi thì, người nữ liền cởi y phục, tới trước nắm tay thái tử đặt lên ngực mình. Cảm giác kinh sợ chỉ trong chốc lát, nhưng rồi dần dần khởi dục tưởng. Khi dục tâm đã khởi thì thân thể đến với nhau.

Sáng sớm hôm sau, thái tử Thanh Tịnh đến chỗ vua cha. Lúc ấy, vua cha từ xa trông thấy nhan sắc thái tử khác

Tăng nhất A-hàm

với ngài thường, liền nói:

“Những điều mà con muốn, đã kết quả rồi sao?”

Thái tử đáp:

“Đúng như Đại vương nói.”

Lúc này, vua cha vui mừng hơn hớ, không xiết kể, bèn nói:

“Con muốn cầu mong gì, ta sẽ ban cho?”

Thái tử nói:

“Những gì cha đã muốn ban, đừng có hối tiếc lại, thì con sẽ xin theo ước nguyện của mình!”

Thời vua bảo:

“Như những gì con đã nói, cha quyết không hối tiếc. Con muốn cầu ước nguyện gì?”

Thái tử tâu vua:

“Ngày nay, Phụ vương thống lãnh toàn cõi Diêm-phù-đề, tự do với mọi thứ. Vậy xin hãy đem hết tất cả những cô gái chưa chồng trong cõi Diêm-phù-đề, rước về nhà ta, sau đó cho lấy chồng.”

Lúc ấy, vua bảo:

“Ta sẽ làm theo lời con.”

Vua liền ra lệnh cho nhân dân trong nước:

“Ai có con gái chưa gả chồng, trước đưa đến cho thái tử Thanh Tịnh, rồi sau đó mới gả chồng.”

Bấy giờ, trong thành kia có một người nữ tên Tu-man, đến lượt phải đến chỗ vua. Lúc ấy, con gái gia chủ Tu-man, để thân thể trần truồng, đi chân không giữa đám đông người, cũng không hề hổ thẹn. Mọi người thấy vậy,

nói với nhau:

“Đây là con gái gia chủ, tiếng đồn khắp nơi, vì sao lại trần truồng đi giữa chốn đông người như con lừa không khác?”

Người nữ nói với mọi người:

“Tôi chẳng phải là con lừa. Những người các ngươi mới là con lừa. Các người có thấy người nữ nào gặp người nữ mà lại mắc cỡ? Mọi người trong thành đều là người nữ, chỉ có thái tử Thanh tịnh là người nam thôi. Nếu tôi đến cửa thái tử Thanh Tịnh thì tôi mới mặc quần áo.”

Lúc này, nhân dân trong thành cùng bàn nhau:

“Những điều cô này nói thật đúng ý chúng ta. Chúng ta đúng là nữ, chẳng phải nam. Chỉ có thái tử Thanh Tịnh là nam. Hôm nay chúng ta phải thực hiện pháp người nam.”

Rồi nhân dân trong thành sắm sửa vũ khí, mặc giáp, mang gậy, đến chỗ vua cha, tâu với vua cha:

“Chúng tôi có hai lời nguyện, xin vua chấp nhận.”

Vua hỏi:

“Hai lời nguyện gì?”

Nhân dân tâu vua:

“Vua muốn sống thì hãy giết thái tử Thanh Tịnh. Muốn thái tử sống thì chúng tôi sẽ giết vua. Chúng tôi không chịu phụng sự [722c] thái tử Thanh Tịnh, vì nhục cho phép thường của nước.”

Lúc ấy, vua cha liền nói kệ này:

Vì nhà, mất một người.

Vì thôn, mất một nhà.

Vì nước, mất một thôn.

Vì thân, mất thế gian.

Vua nói bài kệ này rồi, bảo nhân dân:

“Nay chính đã đúng lúc! Tùy ý các khanh.”

Bấy giờ, mọi người liền bắt trói hai tay thái tử Thanh Tịnh, dẫn ra bên ngoài thành, họ nói với nhau rằng:

“Chúng ta tất cả đều cùng dùng gạch đá đập chết. Cần gì một người giết!”

Khi thái tử Thanh Tịnh sắp chết, tự nói lên lời thề nguyện: “Những người dân này bắt ta giết uống. Nhưng vua cha đã tự cho ta nguyện này. Nay ta chịu chết cũng không dám từ. Mong đời tương lai, ta sẽ báo oán này, và lại mong gặp A-la-hán chân nhơn để sớm được giải thoát.”

Nhân dân bắt giết thái tử rồi, tự giải tán.

“Này các Tỳ-kheo, các người chớ nghĩ vua Đại Quả lúc ấy há người nào khác, mà nay chính là thầy của Ương-quật-ma. Dâm nữ lúc ấy nay chính là vợ của ông thầy ấy. Nhân dân lúc ấy nay là tám vạn người bị giết chết. Thái tử Thanh Tịnh lúc ấy nay chính là Tỳ-kheo Ương-quật-ma. Khi sắp chết, đã phát thệ nguyện này, nên nay báo oán hoàn trả không thoát được. Vì nhân duyên này, nên giết hại vô số. Sau đó, nguyện gặp Phật, nên nay được giải thoát, thành A-la-hán. Đó là ý nghĩa của việc này, hãy nhớ mà phụng hành.”

Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong các đệ tử ta, người có trí huệ, thông minh bậc nhất chính là Tỳ-kheo Ương-quật-ma.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ

phụng hành.²⁸

KINH SỐ 7²⁹

[723a06] Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyet cùng đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy núi Linh thú³⁰ này không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Các người nên biết, quá khứ lâu xa, núi này còn có tên khác. Các người có thấy núi Quảng phổ³¹ không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Các người nên biết, quá khứ lâu xa, núi này còn có tên khác, không giống với ngày nay. Các người có thấy núi Bạch thiện³² không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Quá khứ lâu xa, núi này còn có tên khác, không giống

²⁸ Bản Hán, hết quyền 31.

²⁹ Pāli, M.116, Isigili (R.iii.68).

³⁰ Linh thú sơn 靈鷲山, tức Kỳ-xà-quật 耆闍崛山. Pāli: Gijjhikūṭa.

³¹ Quảng phổ sơn 廣普山. Pāli: Vepulla (Vipulla), núi cao nhất trong năm núi bao quanh thành Vương xá.

³² Bạch thiện sơn 白善山. Pāli: Paṇḍava; ngọn đồi gần Vương xá.

với ngày nay. Các người có thấy núi Phụ trọng³³ không?’

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Các người có thấy núi Tiên nhân quật³⁴ không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Quá khứ lâu xa, núi này cũng có tên như vậy. Vì sao vậy? Núi Tiên nhân là nơi thường có các vị Bồ tát thần túc, đắc đạo A-la-hán và các vị tiên nhân cư trú. Các vị Bích-chi-phật cũng du hành trong núi ấy. Nay Ta nói danh hiệu của các vị Bích-chi-phật, các vị hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ. Có Bích-chi-phật tên A-lợi-tra, Bà-lợi-tra, có Bích-chi-phật tên Thâm Đế Trọng, có Bích-chi-phật hiệu Thiện Quán, có Bích-chi-phật hiệu Cứu Cánh, có Bích-chi-phật hiệu Thông Minh, có Bích-chi-phật hiệu Vô Cầu, có Bích-chi-phật hiệu Đế-xa, Niệm Quán, Vô Diệt, Vô Hình, Thắng, Tối Thắng, Cực Đại, Cực Lôi Điện, Quang Minh.³⁵ Nay các Tỳ-kheo! Khi Như Lai

³³ Phụ trọng sơn 負重山. Pāli: Vebhāra, một trong năm núi (đồi) chung quanh Vương xá.

³⁴ Tiên nhân quật 仙人掘山. (chữ 掘 nên sửa lại là 窟) Pāli: Isigili, một trong năm núi quanh Vương xá, được nói là đẹp nhất.

³⁵ Danh sách các Bích-chi-phật theo Pāli: Ariṭṭho (A-lị-trá 阿利吒); Upariṭṭho (Bà-lị-tra 婆利吒); Tagarasikhī (Hán đọc là Takkasikhī, Thâm Đế Trọng 審諦重?); Yasassī; Sudassano (Thiện Quán 善觀); Piyadassī; Gandhāro; Piṇḍolo; Upāsabho; Nīto (Hán đọc là Niṭṭha, Cứu Cánh 究竟?); Tatho (Hán?), Sutavā (Hán?); Bhāvitatto (Niệm Quán 念觀). Các vị khác được kể thêm trong phần kệ của Pāli: Hán: Đế-xa 帝奢, Pāli: Tissa. Thông Minh 聰明 (Pāli?). Vô Cầu 無垢 (Pāli?). Vô Diệt 無滅 (Pāli?).

không xuất thế, bây giờ trong núi này có năm trăm vị Bích-chi-phật này ở trong núi Tiên nhơn này. Khi Như Lai ở trên trời Đâu-suất muốn lai sinh, Thiên tử Tịnh cư tự đến đây thông báo và ra lệnh cho tất cả thế gian: ‘Hãy làm thanh tịnh cõi Phật để hai năm sau Như Lai sẽ xuất hiện ở đời.’

“Các vị Bích-chi-phật sau khi nghe vị thiên nhơn nói rồi, đều bay lên hư không mà [723b01] nói kệ này:

*Khi Phật chưa xuất thế,
Hiền thánh trú nơi đây.
Bích-chi-phật tự ngộ,
Thường sống trong núi này.*

*Núi này tên Tiên nhơn
Nơi ở Bích-chi-phật
Tiên nhơn và La-hán
Không lúc nào vắng mặt.*

“Lúc ấy, các vị Bích-chi-phật liền ở trên không trung thiêu thân nhập Bát-niết-bàn. Vì sao vậy? Vì đời không hai hiệu Phật, nên phải diệt độ vậy. Trong đoàn khách buôn không cần hai người lãnh đạo. Trong một nước không có hai vua. Một cõi Phật không hai tôn hiệu. Vì sao vậy? Vì trong quá khứ lâu xa, thành La-duyet có vua tên Hỷ Ích thường nghĩ đến thống khổ địa ngục, cũng nghĩ đến nỗi khổ nạ quý, súc sanh. Bây giờ, vua ấy liền tự nghĩ: ‘Ta thường nhớ nghĩ đến thống khổ nơi địa ngục, nạ quý, súc sanh; nay ta không nên đi vào ba đường dữ này. Nên xả bỏ hết ngôi vua, vợ con, tôi tớ, với lòng tin

Vô Hình 無形 (Pāli?). Thắng 勝 (Jeta). Tối Thắng 最勝 (Jayanta). Cực Đại 極大 (Pāli?). Cực Lôi Điện 極雷電. (Pāli?).
Quang Minh 光明 (Pāli?).

Tăng nhất A-hàm

kiên cố xuất gia học đạo.’

“Bấy giờ, đại vương Hỷ Ích chán ghét nỗi khổ này liền xả bỏ ngôi vua, cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất gia học đạo, ở tại nơi vắng vẻ tự khắc chế mình, quán năm thủ uẩn, quán rõ vô thường: đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, thấy đều vô thường. Khi đang quán năm thủ uẩn này, thấy rằng các pháp có thể tập khởi là pháp diệt tận. Sau khi quán sát pháp này, liền thành Bích-chi-phật.

“Lúc ấy, Bích-chi-phật Hỷ Ích đã thành đạo quả, liền nói kệ này:

*Ta nghĩ khổ địa ngục,
Súc sanh, trong năm đường;
Bỏ nó mà học đạo;
Một mình không sầu ưu.*

“Lúc ấy, Bích-chi-phật này ở trong núi Tiên nhơn kia. Tỳ-kheo, nên biết, do phương tiện này mà biết trong núi này thường có Bồ-tát thần túc, những bậc Chân nhân đắc đạo, người học đạo tiên đang cư trú trong đó. Cho nên gọi là núi Tiên nhân, không có tên nào khác. Khi Như Lai không xuất hiện ở đời, chư thiên thường đến núi này đánh lễ. Vì sao vậy? Trong núi này toàn là các bậc Chân nhân, không có lẫn lộn. Nếu khi Phật Di-lặc giáng thân xuống thế gian, tên [723c01] các núi đều đổi khác, chỉ có núi Tiên nhân vẫn không tên khác. Trong Hiền kiếp này, tên núi này cũng không khác. Tỳ-kheo, các người nên thân cận núi này, cung kính, thừa sự sẽ tăng ích các công đức.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ

phụng hành.

KINH SỐ 8³⁶

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người chuyên niệm mà tự tu tập. Thế nào là chuyên niệm? Ở đây, Tỳ-kheo, khi đi biết đi, cử động, tới dừng, co, duỗi, cúi, ngược, mặc pháp y, ngủ nghỉ, thức dậy, hoặc nói, hoặc im lặng, thấy đều biết thời. Nếu Tỳ-kheo tâm ý chuyên chánh, với Tỳ-kheo ấy dục lậu chưa sinh liền không sinh, đã sinh liền diệt, hữu lậu chưa sinh khiến không sanh, đã sanh liền diệt, vô minh lậu chưa sanh khiến không sanh, đã sanh liền diệt. Nếu chuyên niệm phân biệt sáu xứ, trọn không rơi vào đường dữ.

“Sao gọi sáu xứ là đường dữ? Mắt nhìn sắc này, hoặc đẹp hoặc xấu. Thấy đẹp thì thích, thấy xấu thì không thích. Tai nghe tiếng hoặc hay, hoặc dở. Nghe tiếng hay thì thích, nghe tiếng không hay thì không thích. Mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Giống như có sáu loại thú có tánh nết khác nhau, hành động cũng khác. Nếu có người bắt chó, cáo, vượn, cá chiên,³⁷ rắn, chim, tất cả đều cột lại, nhốt chung vào một nơi rồi thả đi. Bấy giờ, trong sáu loại vật, mỗi con sẽ thể hiện mỗi tính cách.

“Bấy giờ, trong ý con chó muốn chạy vào thôn; trong ý con cáo muốn chạy đến gò mả; trong ý con cá chiên muốn vào trong nước; trong ý con vượn muốn vào rừng núi; trong ý rắn độc muốn vào trong hang; trong ý chim

³⁶ Pāli, S. 35. 206 Chapāna (R. iv. 198)

³⁷ Hán: Chiên ngư 鱸魚. Pāli: *susumāra*, cá sấu.

Tăng nhất A-hàm

muôn bay lên hư không. Sáu loài, mỗi loài có tánh cách khác nhau.

“Nếu có người lại bắt sáu loại vật này nhốt vào một chỗ, không cho chúng tự do đi theo bốn hướng. Lúc này, sáu con vật ấy tuy đi lại nhưng không rời khỏi chỗ cũ trong đó. Sáu tình cũng lại như vậy, mỗi loại đều có chủ đích riêng, phạm sự bất đồng, lối nhìn cũng khác biệt, hoặc tốt hoặc xấu.

“Bấy giờ, Tỳ-kheo buộc sáu tình này mà đặt một chỗ. Cho nên, [724a01] các Tỳ-kheo, hãy nhớ nghĩ chuyên tinh, ý không tán loạn. Lúc ấy, tỳ ma Ba-tuần hoàn toàn không có cơ hội, các công đức lành thay đều được thành tựu.

“Như vậy, các Tỳ-kheo, nên niệm đầy đủ nhãn căn, sẽ được hai quả: Ở ngay trong hiện tại đắc quả A-na-hàm, hoặc đắc quả A-la-hán.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Lộc dã, nước Ba-la-nại, cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Hãy tư duy về tướng vô thường, phát triển tướng vô thường. Đã tư duy tướng vô thường, phát triển tướng vô thường, liền đoạn trừ được dục ái, sắc ái, vô sắc ái, đoạn sạch kiêu mạn, vô minh. Vì sao vậy? Ngày xưa, trong đời

quá khứ lâu xa, có Bích-chi-phật hiệu Thiện Mục,³⁸ tướng mạo đoan chánh, mặt như màu hoa đào, nhìn xem xét kỹ thì, miệng phát ra hương hoa sen, thân tỏa ra hương chiên đàn.

“Bấy giờ, Thiện Mục Bích-chi-phật, đến giờ đắp y mang bát vào thành Ba-la-nại khát thực, dần dần đến nhà đại gia chủ, đứng im lặng ở ngoài cửa. Lúc ấy, con gái của gia chủ từ xa thấy có đạo sĩ đứng ở ngoài cửa, vô cùng đoan chánh, tướng mạo đặc thù hiếm có trên đời, miệng phát ra hương hoa sen, thân tỏa ra hương chiên đàn, liền khởi dục tâm, đến chỗ Tỳ-kheo kia nói rằng: ‘Ông xinh đẹp, mặt như màu hoa đào, hiếm có trên đời. Nay tôi tuy là xử nữ, nhưng lại cũng xinh đẹp. Chúng ta hãy hòa hợp. Trong nhà tôi rất nhiều châu báu, vô số của cải; còn làm sa-môn thật là không phải dễ.’

“Lúc ấy, Bích-chi-phật hỏi: ‘Này cô em, cô mê chỗ nào?’ Con gái gia chủ đáp: ‘Tôi thật sự mê sắc của cặp mắt. Lại nữa trong miệng tỏa mùi hương hoa sen ưu-bát, thân lại tiết ra mùi hương chiên đàn.’

“Khi ấy Bích-chi-phật liền duỗi tay trái, dùng tay phải móc mắt đặt vào lòng bàn tay mà bảo: ‘Cái mà cô gọi con mắt đáng yêu đây! Cô em, bây giờ cô còn mê chỗ nào nữa? Giống như ung nhọt, chẳng có gì đáng ham cả, mà trong mắt này cũng rỉ bất tịnh. Cô em nên biết, con mắt như bọt nước nổi, cũng không bền chắc, huyễn ngụy không thật, mê hoặc người đời. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều [724b01] không bền chắc, giả dối không thật. Miệng là nơi khắc nhô đờm dãi, ra những vật bất tịnh, chứa toàn xương trắng. Thân là đồ chứa sự khổ, là pháp

³⁸ Thiện Mục 善目; Pāli: Sunetta, cf. DhA. ii 71 f.

hoại diệt, là nơi thường chứa chất hôi thối, là nơi các loại vi trùng quấy rối. Cũng như chiếc bình vẽ, bên trong đựng bất tịnh. Nay cô em, nay cô mê chỗ nào? Cho nên, nay cô em, hãy chuyên tâm tư duy, pháp này huyền diệu không thật. Nếu cô em tư duy về nhãn sắc vô thường, những ý tưởng nào đắm đuối dục liền tự tiêu diệt. Tai, mũi, miệng, thân, ý thấy đều vô thường. Sau khi tư duy điều này, những gì là dục ý tự sẽ tiêu trừ. Tư duy về sáu xứ sẽ không có tướng dục.'

"Lúc ấy, cô gia chủ liền hoảng sợ, đến trước lạy ngay sát chân vị Bích-chi-phật, bạch Bích-chi-phật: 'Từ nay trở đi con xin sửa lỗi tu thiện, không còn khởi tướng dục nữa. Cúi xin Ngài nhận sự hối lỗi.' Nói ba lần như vậy.

"Bích-chi-phật bảo: 'Thôi, thôi, cô em! Đó chẳng phải lỗi của cô, mà là tội từ đời trước của ta, nên mang hình này khiến người thấy đều khởi ý dục tình. Hãy quán sát kỹ mắt. Mắt này chẳng phải ta, ta chẳng phải của mắt, cũng chẳng phải ta tạo, cũng chẳng phải nó làm, từ trong không có mà sanh, đã có rồi tự hư hoại; cũng chẳng phải đời trước, đời này, đời sau; mà đều do nhân duyên hội hợp. Nhân duyên hội hợp là duyên cái này có cái này, đây khởi thì kia khởi, đây không thì kia không, đây diệt thì kia diệt. Mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý cũng lại như vậy, thấy đều trống không. Cho nên, cô em chớ đắm nhãn sắc. Do không đắm sắc mà đến nơi an ổn, không còn dục của tình. Nay cô em, hãy học điều này như vậy.'

"Bấy giờ, Bích-chi-phật vì người nữ kia nói bốn pháp phi thường, rồi bay lên hư không, hiện mười tám phép biến hóa, sau đó trở về chỗ cũ.

"Lúc ấy, người nữ kia quán sát mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý đều không có sở hữu, liền ở nơi vắng vẻ, tư duy pháp này. Người nữ kia lại tư duy về sáu tình không chủ, đạt

được bốn vô lượng tâm, thân hoại mạng chung sanh lên cõi Phạm thiên.

“Các Tỳ-kheo, nên biết, nếu tư duy về tướng vô thường, phát triển tướng vô thường, sẽ dứt sạch dục ái, sắc ái, vô sắc ái; kiêu mạn, vô minh, thấy đều trừ sạch.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10³⁹

Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.⁴⁰

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc bảo người đánh xe:

“Người chuẩn bị xe [724c01] lông chim báu*. Ta muốn đi ra ngoài xem xét.”

Người kia vâng lời vua dạy, chuẩn bị xe lông chim báu, rồi đến trước tàu vua:

“Đã chuẩn bị xong xe lông chim báu. Vua nên biết đúng thời.”

Vua Ba-tư-nặc dẫn theo người này⁴¹ ra khỏi thành Xá-vệ,

³⁹ Tham chiếu, Pāli, M. 89 Dhammacetiya (R. ii. 117). Hán: *Trung 59*, kinh 213.

⁴⁰ Đoạn tự thuyết này không phù hợp với báo cáo được nói trong đoạn sau của Kinh. Xem cht. 41.

⁴¹ Pāli: Dīgho Kārāyano (*Trung* kinh 213: Trường Tác 長作), tổng chỉ huy quân đội của Vua. Sở giải Pháp cú (DhA.iii. 355) cho biết, chính thời điểm này, ông này với Thái tử Viḍḍadabha âm mưu cướp ngôi.

Tăng nhất A-hàm

đến khu vườn kia,⁴² thấy cây cối không một tiếng động, cũng không bóng người, tịch nhiên trống vắng. Thấy vậy, vua liền nhớ lại Như Lai đã từng thuyết về gốc các pháp. Lúc ấy, người đánh xe đứng phía sau cầm quạt, quạt hầu vua. Vua nói:

“Cây cối, hoa quả vườn này không một tiếng động, cũng không một bóng người dân, tịch nhiên trống vắng. Nay ta muốn thỉnh Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác du hóa ở đây, nhưng không biết hiện nay Như Lai đang ở đâu. Ta muốn đến hầu thăm.”

Người hầu nói:

“Dòng họ Thích có thôn tên Lộc đường;⁴³ Như Lai đang giáo hóa ở đó.”

Vua Ba-tư-nặc bảo:

“Lộc đường ấy cách đây gần hay xa?”

Người hầu tâu:

“Chỗ ở Như Lai cách đây không xa, nếu tính dặm đường, chỉ khoảng ba do tuần.”

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc bảo:

“Hãy chuẩn bị xe lông chim báu. Ta muốn đi gặp Như Lai.”

Vâng lệnh vua, người ấy liền chuẩn bị xe, rồi đến trước tâu vua:

⁴² Pāli: Thị trấn Nagaraka. Sớ giải Pāli nói, đây là một thôn của người Thích-ca. *Trung* ibid.: Thị trấn tên là Ấp 邑名城.

⁴³ Lộc đường 鹿堂. Pāli: Bảy giờ Thế Tôn đang ở giữa những người họ Thích, tại thị trấn Medallumpa. *Trung* ibid.: Di-lũ-li 彌婁離.

“Đã chuẩn bị xe xong. Xin vua biết đúng thời.”

Vua liền lên xe đi đến thôn ấy.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đang kinh hành nơi đất trống. Khi ấy, vua xuống xe, đến chỗ các Tỳ-kheo; đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, vua bạch Tỳ-kheo:

“Nhu Lai hiện đang ở đâu? Con muốn gặp Ngài.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thế Tôn đang ở trong giảng đường này. Vua có thể vào gặp Ngài, chớ có ngại.”

Vua liền nhẹ nhàng bước vào, không gây ra một tiếng động. Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc quay lại nhìn người hầu. Người ấy liền tự nghĩ: “Nay hãy để vua vào gặp Thế Tôn một mình. Ta nên đứng đây.”

Bấy giờ, vua đi một mình đến chỗ Thế Tôn. Thế Tôn bằng thiên nhãn thấy vua đang đứng ngoài cửa, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mở cửa cho vua. Thấy Thế Tôn, vua liền đánh lễ sát chân, tự xưng tên họ: “Con là Vua Ba-tư-nặc.” Ba lần tự xưng danh hiệu.

Thế Tôn nói:

“Ông là Vua. Còn Ta là dòng họ Thích xuất gia học đạo.”

Vua bạch Phật:

“Cúi mong Thế Tôn kéo dài tuổi thọ đến vô cùng, để trời người được an lạc.”

Thế Tôn bảo:

“Chúc đại vương cũng sống lâu vô cùng, theo pháp [725a01] cai trị, chớ dùng phi pháp. Những ai cai trị đúng pháp đều sanh lên trời, sanh thiện xứ; sau khi chết danh tiếng còn mãi, người đời truyền rằng: ‘Xưa có vua

cai trị dân đúng pháp, chưa từng tà vạy.’ Nếu có người dân nào sống trong cảnh giới của vua này, khen ngợi công đức của vua, nhớ nghĩ không quên, thì thân vua ở trên trời, tăng sáu việc công đức. Những gì là sáu? Một được thọ tuổi trời, hai được sắc đẹp trời, ba được thú vui trời, bốn được thần túc trời, năm được oai đức trời, sáu được ánh sáng trời. Vì vậy, Đại vương, hãy theo pháp cai trị dân, chớ dùng phi pháp. Ngày nay, tự thân Ta có công đức này nên xứng đáng nhận người cung kính lễ bái.”

Vua bạch Phật:

“Công đức của Như Lai xứng đáng nhận người lễ bái.”

Thế Tôn bảo:

“Vì sao hôm nay Ông nói Như Lai xứng đáng nhận người lễ bái?”

Vua bạch Phật rằng:

“Như Lai có sáu công đức⁴⁴ xứng đáng được nhận người lễ bái. Những gì là sáu? Chánh pháp Như Lai rất là hòa nhã, được người trí tu hành. Đó gọi là công đức đầu tiên của Như Lai đáng thờ, đáng kính.

“Lại nữa, Thánh chúng của Như Lai rất hòa thuận, thành tựu pháp tùy pháp, thành tựu giới, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến. Thánh chúng gồm có bốn đôi, tám bậc. Đây là Thánh chúng của Như Lai đáng kính, đáng quý, là ruộng phước lớn của thế gian. Đó gọi là công đức thứ hai của Như Lai.

⁴⁴ *Trung* ibid.: Pháp tĩn 法 靖, sự loại suy về pháp. Pāli: *dhammanvaya*, tổng tướng của pháp, loại cú của pháp, mục đích thứ tự của pháp. Đây chỉ sự suy diễn dựa trên những chứng nghiệm thực tế.

“Lại nữa, Như Lai có chúng bốn bộ đều học tập, thực hành pháp cần được thực hành, không quấy nhiễu Như Lai thêm nữa. Đó gọi là công đức thứ ba của Như Lai.

“Lại nữa, Thế Tôn, con thấy dòng sát-lợi, bà-la-môn, cư sĩ, sa-môn, tài cao, hơn đời đều tập hợp lại bàn luận: ‘Chúng ta phải đem luận đề này đến hỏi Như Lai. Nếu Sa-môn Cù-đàm kia không đáp luận đề này thì ông ấy còn yếu kém. Nếu có thể đáp thì chúng ta sẽ khen hay.’ Lúc ấy, bốn dòng họ đến chỗ Thế Tôn mà hỏi luận này, hoặc lại có người im lặng. Bảy giờ, Thế Tôn vì họ mà thuyết pháp. Sau khi nghe pháp xong họ không hỏi thêm gì nữa, huông chi lại muốn tranh luận và đều thờ Như Lai làm Thầy. Đó gọi là công đức thứ tư của Như Lai.

“Lại nữa, có sáu mươi hai kiến giải ngoại đạo lừa dối người đời, không hiểu chánh pháp do đó đưa đến ngu si. Nhưng Như Lai có thể trừ các nghiệp tà kiến này, sửa cho họ Chánh kiến. Đó gọi là công đức thứ năm của Như Lai.

“Lại nữa, chúng sanh tạo ác bởi thân, miệng, ý. Nếu mạng chung mà nhớ nghĩ [725b01] công đức Như Lai thì được lìa ba đường dữ, được sinh lên trời. Cho dù là người cực ác, cũng được sinh lên trời. Đó gọi là công đức thứ sáu của Như Lai. Vì vậy nên chúng sanh nào thấy Như Lai cũng đều sanh tâm cung kính mà cúng dường Ngài.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay Đại vương, đã có thể ở trước Như Lai rống tiếng rống sư tử, diễn bày công đức của Như Lai! Cho nên, Đại vương, hãy thường khởi tâm hướng về Như Lai. Đại vương, hãy học điều này như vậy.”

Bảy giờ, Thế Tôn vì vua Ba-tư-nặc nói pháp vi diệu khiến sinh hoan hỷ. Đại vương sau khi nghe Phật thuyết pháp rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn

Tăng nhất A-hàm

rồi lui đi. Sau đó không lâu, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các người nên cúng dường pháp này, khéo tụng niệm. Vì sao vậy? Vì đây là những điều vua Ba-tư-nặc đã nói. Các người cũng nên vì chúng bốn bộ giảng rộng nghĩa ấy.”

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11

Tôi* nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong Ca-lan-đà Trúc viên, cùng đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị.

Lúc ấy, vua A-xà-thế bảo quần thần:

“Các khanh hãy nhanh chuẩn bị xe lông chim báu. Ta muốn đến gặp Thế Tôn.”

Quần thần vâng lệnh vua, chuẩn bị xe lông chim báu, rồi đến trước tâu vua:

“Đã chuẩn bị xe xong. Xin vua biết đúng thời.”

Vua lên xe lông chim báu, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua A-xà-thế bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn nhận lời thỉnh của con kiết hạ chín mươi ngày ở thành La-duyet.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của vua. Khi vua thấy Thế Tôn đã im lặng nhận lời thỉnh, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi lui đi.

Bấy giờ, vua A-xà-thế tùy thời cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh.

Lúc ấy, quỷ thần trong thành Tỳ-xá-ly rất lộng hành, làm cho người dân tử vong vô số kể, trong một ngày mà người chết có đến số trăm. Quỷ thần la-sát đầy dẫy trong ấy. Bệnh nhân mặt mũi vàng vọt, sau ba, bốn ngày thì chết. Nhân dân thành Tỳ-xá-ly hoảng sợ, tập hợp lại một chỗ cùng bàn bạc:

“Đại thành này rất thịnh vượng, đất tốt được mùa, người giàu vui vô hạn, giống như thiên cung, [725c01] chỗ ở Đế Thích. Nhưng nay bị quỷ thần này làm hại, sẽ tử vong hết, hoang vắng như núi rừng. Ai có thần đức để trừ tai họa này?”

Rồi mọi người dân tự bảo với nhau:

“Chúng ta nghe nói Sa-môn Cù-đàm đến chỗ nào thì nơi đó tà ma, ác quỷ không đến gần quấy nhiễu được. Nếu Như Lai đến đây, các quỷ thần này tự tâu tán. Nhưng hiện nay Thế Tôn đang ở trong thành La-duyet kia, đang được vua A-xà-thế cúng dường; e rằng Ngài sẽ không đến giáo hóa chốn này.”

Hoặc lại có người nói:

“Như Lai có từ bi lớn, thương tưởng chúng sanh, nhìn thấy tất cả khắp nơi; người chưa độ khiến cho được độ, như mẹ thương yêu con, không bỏ rơi bất cứ một chúng sanh nào. Nếu có người thỉnh, Như Lai đến liền. Vua A-xà-thế chắc không giữ lại được. Ai có thể chịu đi đến nước vua A-xà-thế mà bạch Thế Tôn rằng: ‘Nay trong thành chúng con đang gặp nguy khốn này. Cúi xin Thế Tôn thương xót chiếu cố’?”

Lúc ấy, có đại gia chủ tên Tội Đại đang họp trong chúng này. Mọi người nói với gia chủ:

“Chúng ta nghe nói, Sa-môn Cù-đàm đến nơi nào thì nơi

đó tà ma ác quỷ không thể làm hại. Nếu Như Lai đến chốn này, có thể trừ được tai họa này liền. Ngài hãy đến chỗ Thế Tôn bạch đầy đủ ý này, để cho thành quách này được tồn tại lâu dài.”

Gia chủ im lặng nhận lời mọi người, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi về nhà. Về đến nơi, ông sắp xếp hành trang đi đường, dẫn theo những người hầu, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, và ngồi qua một bên. Lúc ấy, gia chủ bạch Thế Tôn:

“Nhân dân trong thành Tỳ-xá-ly gặp tai hoạn này, nhân dân tử vong rất nhiều. Trong thành ấy, mỗi ngày có hàng trăm chiếc xe nối tiếp nhau chở xác chết có đến số trăm. Cúi xin Thế Tôn giữ lòng thương tình cứu vớt, khiến cho những người còn lại mau chọn chỗ an ổn để được vô sự. Chúng con lại nghe Thế Tôn đến chỗ nào, nơi đó thiên long quỷ thần không dám đến gần quấy nhiễu. Cúi xin Ngài chiếu cố đến trong thành kia độ cho dân chúng họ sống an ổn vô sự.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta đã nhận lời thỉnh của vua A-xà-thế thành La-duyet rồi. Chư Phật Thế Tôn không nói hai lời. Nếu vua A-xà-thế chấp nhận, Như Lai sẽ đến.”

Gia chủ Tối Đại bạch Phật:

“Việc này rất khó. Vua A-xà-thế chắc không bao giờ để cho Như Lai đi đến nước kia. [276a01] Vì sao vậy? Vì vua A-xà-thế đối với đất nước chúng con không có mấy may thiện cảm, lúc nào cũng tìm cách muốn hại nhân dân nước con. Nếu vua A-xà-thế thấy con, liền bắt giết con ngay huống chi là cho trình bày việc này. Nếu nghe nói nhân dân nước con bị quỷ thần làm hại thì ông ta sẽ vui mừng vô cùng.”

Thế Tôn bảo:

“Chớ có lo sợ. Ông hãy đi đến chỗ vua, mà tâu việc này rằng: ‘Nhu Lai đã báo trước về bản thân Vua rồi, điều đó hoàn toàn không hư dối, không hai lời. Phụ vương ngài không lỗi mà bị bắt giết. Đáng ra ngài sinh vào trong địa ngục A-tỳ trải qua một kiếp. Nhưng nay ngài đã lìa tội này rồi, đã sửa đổi tội lỗi kia; đã thành tựu tín căn trong pháp Như Lai. Nhờ gốc đức này mà diệt được tội đó, vĩnh viễn không còn sót. Đời thân này sau khi chết, sẽ sanh vào địa ngục Phách cầu.⁴⁵ Ở đó, mạng chung sẽ sanh lên Tứ thiên vương; ở đó mạng chung sẽ sanh lên Diêm thiên; ở trên Diêm thiên mạng chung sẽ sanh trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại, rồi trở lại kế đến trời Tứ thiên vương. Đại vương nên biết, trong hai mươi kiếp không đọa đường dữ, thường sanh trong loài người. Thân cuối cùng với lòng tin kiên cố cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thành Bích-chi-phật Trừ Ác.’

“Vua ấy nghe những lời này xong, sẽ vui mừng hơn hờ không tự dừng được, rồi cũng sẽ bảo ông những lời này: ‘Nay ông có ước nguyện gì, ta cũng sẽ không từ chối.’”

Gia chủ bạch Thế Tôn:

“Nay con sẽ nương vào oai thần Thế Tôn, đến chỗ vua kia.”

Rời từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, đến chỗ vua kia.

Bấy giờ, vua A-xà-thế cùng quần thần ở trên điện cao, đang có việc bàn luận. Lúc ấy, đại gia chủ đến trước vua.

⁴⁵ Phách cầu 拍毬. TNM: Phách cúc.

Tăng nhất A-hàm

Từ xa, vua nhìn thấy ông đến, bảo các quần thần:

“Nếu người kia đến chỗ này, các khanh muốn bắt làm gì?”

Có người nói:

“Chúng ta sẽ bắt chặt năm khúc.”

Lại có người nói:

“Chúng ta sẽ bêu đầu.”

Vua A-xà-thế nói:

“Các khanh hãy bắt giết ngay đi. Không cần gặp ta.”

Gia chủ khi nghe những lời này, rất lo sợ, lớn tiếng nói:

“Tôi là sứ giả của Phật.”

Vua nghe đến tiếng Phật, liền bước xuống ghế, gối hữu quỳ sát đất, hướng về chỗ Như Lai, hỏi gia chủ:

“Như Lai dạy điều gì?”

Gia chủ đáp:

“Như Lai đã thọ ký Thánh vương rồi, điều đó không có hư [726b01] dối, những gì đã nói ra hoàn toàn không hai lời. Vua bắt vua cha giết, duyên gốc tội này sẽ vào trong địa ngục A-tỳ trải qua một kiếp; nhưng sau đó vua đã kịp thời sửa lỗi đối với Như Lai. Nay sẽ sanh vào địa ngục Phách cầu; ở đó mạng chung sẽ sanh lên Tứ thiên vương, rồi lần lượt sanh đến Tha hóa tự tại thiên, rồi kế đến trở lại sinh về trong Tứ thiên vương. Trong hai mươi kiếp, không đoạ vào ba đường dữ, lưu chuyển trong trời người. Thân cuối cùng với lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo tên là Bích-chi-phật Trừ Ác.”

Vua nghe xong, vui mừng hớn hở không xiết kể, liền bảo với Gia chủ:

“Giờ ông có ước nguyện gì, ta sẽ ban cho.”

Gia chủ tâu:

“Sở nguyện của thần, xin vua chớ từ chối.”

Vua A-xà-thế nói:

“Ông cứ nói ước nguyện gì, ta sẽ không từ chối.”

Gia chủ tâu:

“Nhân dân thành Tỳ-xá-ly gặp tai nạn, bị quỷ thần làm hại, không thể kể hết. Nay, la-sát quỷ thần rất là bạo ngược. Cúi xin đại vương bằng lòng để Thế Tôn đến đất nước ấy, khiến cho quỷ thần ấy đều tẩu tán. Vì sao vậy? Chúng tôi từng nghe, nơi nào Như Lai đến thì trời, rồng, quỷ thần, không được tùy tiện. Xin đại vương bằng lòng để Thế Tôn đến nước ấy.”

Vua nghe những lời này xong, liền thở dài, bảo với gia chủ rằng:

“Nguyện này quá lớn, chẳng phải người thường đáp ứng được. Nếu ông xin ta thành quách, xóm làng, cửa báu, vợ con thì ta sẽ tùy không tiếc. Ta không ngờ ông lại xin thỉnh Thế Tôn. Nhưng ta trước đã lỡ hứa sẽ chấp nhận lời nguyện đó. Nay tùy ý ông.”

Khi ấy, gia chủ hết sức vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, từ giả lui đi. Đến chỗ Thế Tôn, bạch rằng:

“Vua A-xà-thế đã đồng ý để Thế Tôn đến nước kia.”

Thế Tôn bảo:

“Ông hãy về trước. Như Lai tự sẽ biết thời!”

Gia chủ đánh lễ sát chân, nhiễu Phật ba vòng, rồi lui đi.

Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo

Tăng nhất A-hàm

trước sau vây quanh rời khỏi Ca-lan-đà Trúc viên đến thành Tỳ-xá-ly. Lúc ấy, vua A-xà-thế ở trên lầu cao, với một người hầu cầm lọng che. Từ xa, trông thấy Thế Tôn bảy giờ hướng về nước kia, liền tự than thở với người hầu:

“Chúng ta đã bị gia chủ này lừa dối. Giờ ta sống mà làm gì, khi Như Lai đã đi khỏi nước này?”

Bảy giờ, vua A-xà-thế mang năm trăm cây lọng theo tiến Thế Tôn, vì sợ bụi bám thân Thế Tôn. Lại có năm trăm cây lọng báu ở thành La-duyet theo sau Thế Tôn. Thích Đề-hoàn Nhân biết những ý nghĩ trong tâm Thế Tôn, lại dùng năm trăm cây lọng báu che trên không trung, vì sợ bụi bám vào thân Như Lai. Các thần sông cũng mang năm trăm cây lọng báu che trên hư không. Lúc này nhân dân thành Tỳ-xá-ly nghe Thế Tôn đang vào thành, cũng mang năm trăm cây lọng báu đến trước đón Thế Tôn. Bảy giờ, có hai ngàn năm trăm cây lọng báu treo trên hư không.

Khi Thế Tôn thấy những cây lọng này, liền mỉm cười. Đây là pháp thường của chư Phật Thế Tôn, lúc Như Lai mỉm cười, trong miệng liền phát ra ánh sáng năm màu là xanh, vàng, trắng, đen, đỏ.⁴⁶ Thị giả A-nan thấy ánh sáng này, liền suy nghĩ: ‘Đây là nhân duyên gì? Nếu Thế Tôn cười, ắt có nhân duyên, không phải việc suông.’

A-nan bèn quỳ xuống, chấp tay bạch Thế Tôn:

“Như Lai hoàn toàn không cười vô cớ; mà cười ắt có duyên do.”

Thế Tôn bảo:

⁴⁶ Có thể dịch giả theo tập quán kể năm màu của Trung quốc. Các kinh chỉ kể bốn màu, trừ màu đen.

“Nay người có thấy hai ngàn năm trăm cây lọng báu này cúng dường Như Lai không?”

A-nan bạch:

“Thưa vâng, có thấy.”

Thế Tôn bảo:

“Nếu Như Lai không xuất gia học đạo thì sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, cai trị nhân dân trong hai ngàn năm trăm đời. Vì Như Lai xuất gia học đạo, nên không nhận những cây lọng báu này.

“A-nan, nên biết, trong quá khứ lâu xa, có vị vua tên Thiện Hóa Trị⁴⁷ ở nước Mật-hi-la cai trị đúng pháp, giáo hóa tiếp nạp có phương pháp; thống trị cả Diêm-phù-lý-địa⁴⁸ này, không ai là không quy thuận.

Bấy giờ, vua này có tám vạn bốn ngàn phu nhân thể nữ, đều thuộc dòng sát-lợi. Đệ nhất phu nhân tên Nhật Quang, không có con cái nối dõi. Lúc bấy giờ, vua này tự nghĩ: ‘Hiện ta thống trị Diêm-phù-lý-địa này, mà nay không có con cái.’ Vua liền hướng về các thần núi, thần cây, thần minh, trời đất, cầu có con cái. Trải qua trong vòng chưa được vài ngày, phu nhân mang thai. Lúc ấy, phu nhân Nhật Quang tâu vua:

“Đại vương, nên biết, nay thiếp biết đã có thai, nên cần tự giữ gìn.”

“Lại trải qua tám, chín tháng, sinh được một nam nhi, tướng mạo xinh đẹp, mặt như màu hoa đào. Phu nhân thấy vậy rất vui mừng, bồng đến vua xem. [727a01] Vua

⁴⁷ Đoạn dưới, nói là Thiện Hóa.

⁴⁸ Diêm-phù-lý-địa 閼浮里地, (Skt. Jambudvīpa); các chỗ khác âm Diên-phù-địa. Phiên âm không thống nhất trong bản Hán.

Tặng nhất A-hàm

thấy vui mừng hơn hờ không tự dừng được. Tám vạn bốn ngàn phu nhân thấy sinh thái tử, mọi người cũng đều vui mừng.

“Lúc ấy, vua triệu các quần thần, quốc sư, đạo sĩ, để xem tướng, lại đặt tên để đời truyền gọi. Người tướng đến trước, tâu vua: ‘Nay sinh Thái tử rất xinh đẹp, khác hẳn người đời, ai thấy mà không yêu mến. Nay đặt tên là Ái Niệm.’ Sau khi đặt tên thái tử xong, họ đều trở về nơi ở.

“Lúc ấy, quốc vương yêu mến thái tử chưa từng rời mắt. Vua xây cho thái tử giảng đường theo ba mùa, lại cho các thể nữ ở đây trong đó để vui đùa cùng thái tử.

“Bấy giờ, thái tử tự nghĩ: ‘Các thể nữ trong đây, có ai tồn tại mà không lìa thế gian, cũng không biến đổi chăng? Nhìn xem trong bọn họ tất cả đều vô thường, không có ai là thường còn ở thế gian; tất cả đều huyền nguy, không có chân thật. Nhưng lại làm cho mọi người đắm đuối, đam mê, không biết xa lìa. Nay ta cần gì những thứ ấy. Hãy bỏ mà học đạo.’

“Ngay trong ngày đó, thái tử Ái Niệm liền cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất gia học đạo. Và cũng trong đêm đó, thái tử đã dứt sạch các kết sử trói buộc, tư duy thấy các pháp tập khởi thấy đều bị tiêu diệt, thành Bích-chi-phật. Sau đó liền nói kệ này:

*Dục là pháp vô thường
Biến đổi, không định chắc.
Biết chúng là họa lớn;
Đi riêng, không theo chúng.*

“Sau khi nói kệ này xong, liền bay lên hư không, nhiều quanh thành Mật-hi-la kia ba vòng. Lúc ấy, quốc vương ở trên điện cao, đang vui đùa cùng các cung nữ, thấy Bích-chi-phật bay quanh thành ba vòng, hết sức vui mừng

không thể tự kiềm chế được, tự nghĩ: ‘Thái tử con ta đang bay trên hư không giống như chim vậy.’ Nhà vua còn không biết thái tử đã thành Bích-chi-phật nên bảo rằng: ‘Nay con hãy hạ xuống trên điện này cùng ta vui đùa với nhau.’

Bảy giờ, này A-nan, Bích-chi-phật kia, vì muốn độ cha mẹ, nên hạ xuống trên điện. Lúc ấy, vua nói: ‘Hôm nay sao Thái tử mặc y phục thể nữ này, lại cạo râu tóc, khác hẳn người thường?’ Bích-chi-phật nói: ‘Những gì con đang mặc là cao quý khác thường, chẳng phải là đồ mà người thường quen dùng.’ Vua lại hỏi: ‘Vì sao con không vào trong cung?’ Bích-chi-phật nói: ‘Từ đây về sau con không đuổi theo dục vọng nữa, cũng không ham muốn [727b] sống trong năm dục này.’ Vua nói: ‘Nếu không thích trong năm dục này thì, hãy ở trong vườn sau của ta.’

“Bảy giờ, vua thân hành đến trong vườn, tạo dựng phòng xá. Khi ấy, vì muốn độ cha mẹ nên Bích-chi-phật vào ở trong khu vườn đó, nhận sự cúng dường của vua. Một thời gian sau, vào Bát-niết-bàn trong Niết-bàn giới vô dư. Vua đưa xá-lợi đi hỏa thiêu, rồi xây tháp thờ. Vua cho xây tháp lớn tại một nơi kia. Một hôm rảnh rỗi, vua đến trong vườn ngắm cảnh, thấy ngôi tháp đã bị hư nát, liền suy nghĩ: ‘Đó là tháp thờ con ta. Nay nó đã bị hư nát, sụp đổ.’ Khi ấy, quốc vương vì lòng thương yêu chưa dứt, liền đem cây lọng của mình che lên trên tháp kia.’

“Này A-nan, chớ có nghĩ ai khác. Vua Thiện Hóa lúc bảy giờ chính là thân Ta. Lúc ấy vì con, nên đã đem một cây lọng che lên trên tháp. Nhờ nhân duyên phước đức này, mà lưu chuyển trong cõi trời người, hàng trăm ngàn lần làm Chuyển luân Thánh vương, hoặc làm Đế Thích, Phạm thiên. Lúc ấy, Ta không biết vị ấy là Bích-chi-phật. Nếu ta biết đó là Bích-chi-phật thì phước đức không thể

Tăng nhất A-hàm

tính hết được. Nếu Như Lai không thành Đạo Vô thượng Chánh chơn thì sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương hai ngàn năm trăm lần nữa để sửa dạy đời. Do đã thành đạo nên nay có hai ngàn năm trăm cây lọng tự nhiên ứng hiện.

“Này A-nan, vì lý do đó mà Như Lai mỉm cười. Thừa sự chư Phật có công đức không thể kể hết như vậy. Cho nên, A-nan, người hãy tìm cầu phương tiện cúng dường chư Phật Thế Tôn.

“A-nan, hãy học điều này như vậy.”

Rồi Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến thành Tỳ-xá-ly, đứng ở trong cổng thành nói kệ này:

Nay đã thành Như Lai

Chỉ tôn trên thế gian:

Bằng lời chân thật này,

Tỳ-xá-ly bình yên.

Đây là Pháp chân thật

Dẫn đến Niết-bàn giới;

Bằng lời chân thật này,

Tỳ-xá-ly yên bình.

Đây là Tăng chân thật,

Chúng Hiền thánh bậc nhất;

Bằng lời chân thật này,

Tỳ-xá-ly yên bình.

Loài hai chân an ổn;

Loài bốn chân cũng vậy;

Khách đi đường an lành;

Khách đến cũng như vậy.

[727c01]Ngày đêm được an ổn,

Không có ai quấy nhiễu.

Bằng lời chân thật này,

*Tỳ-xá-ly yên bình.*⁴⁹

Khi Như Lai nói bài kệ ấy xong, la-sát quý thân, mỗi loài tự tẩu tán, không còn ở yên chỗ đó nữa, không còn trở vào thành Tỳ-xá-ly được nữa. Những người mắc bệnh đều được khỏi bệnh.

“Bấy giờ, Thế Tôn di trú bên bờ ao Di hầu. Nhân dân trong nước thừa sự, cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Tùy theo khả năng giàu nghèo của họ, mỗi người mang cơm nước cúng dường Phật cùng Tăng Tỳ-kheo. Họ cũng thọ bát quan trai, không mất thời tiết.

Lúc ấy, nội thành Tỳ-xá-ly có sáu Tông sư đang du hóa ở đây. Sáu Tông sư đó là Bất-lan-ca-diếp, A-di-sù⁵⁰, Cù-da-lâu, Ba-hưu-ca-chiên, Tiên-ti-lô-trì, Ni-kiền Tử. Sáu Tông sư tập hợp một chỗ, bàn luận:

“Sa-môn Cù-đàm này trú tại thành Tỳ-xá-ly, được nhân dân cúng dường. Còn chúng ta không được nhân dân cúng dường. Chúng ta hãy đến tranh luận cùng ông ấy, xem ai đắc thắng, ai bị bại.”

Bất-lan-ca-diếp nói:

⁴⁹ Cf. Pāli, Ratanasutta (kinh Tam Bảo), được xem như hộ chú (*paritta*), đọc khi cầu an: *Yaṃ kiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā, saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ; na no samam atthi tathāgatena, idampi buddhe ratanaṃ paṇītaṃ; etena saccena suvatthi hotu...* “Dù trong đời này hay đời khác, hay trên thiên giới, không có tài bảo vi diệu nào sánh với Đức Như lai. Ở đây, Phật là tài bảo tối thắng vi diệu. Bằng sự thực này, ước nguyện tất cả đều được an lành...”

⁵⁰ 𑖀𑖦𑖫𑖞, đọc là *sùyy* cho phù hợp với nguyên âm Phạn (Pāli: *Ajitakesakambala*)

Tăng nhất A-hàm

“Các sa-môn, bà-la-môn chưa bị người chỉ trích, mà tìm cách đến cật vấn; đó chẳng phải pháp sa-môn, bà-la-môn. Nhưng Sa-môn Cù-đàm này chưa bị người chỉ trích, mà tìm cách đến nạn vấn, chúng ta làm sao có thể tranh luận với ông ta được?”

A-di-sù-y nói:

“Không có thí, không có (người) nhận, cũng không có người cho, cũng không có đời này, đời sau, không có loài hóa sanh, cũng không có báo thiện, ác.”

Cừu-da-lâu nói:

“Ở bên bờ này Hằng thủy giết vô số người, chất thịt thành núi, ở bên bờ kia Hằng thủy tạo các công đức. Duyên đây, đều chẳng có báo thiện ác.”⁵¹

Ba-hưu-ca-chiên nói:

“Giả sử ở bên trái Hằng thủy, dù có bố thí, giữ giới, tùy thời cung cấp không để ai thiếu, cũng lại không phước báo này.”

Tiên-tỉ-lô-trì nói:

“Không có lời nói, cũng không có báo lời nói. Chỉ im lặng là khoái lạc.”

Ni-kiền Tử nói:

“Có ngôn ngữ, cũng có báo ngôn ngữ. Sa-môn Cù-đàm là người, ta cũng là người. Cù-đàm có sở tri, ta cũng có sở tri. Sa-môn Cù-đàm có thần túc, ta cũng có thần túc. Nếu Sa-môn kia hiện một thần túc, ta sẽ hiện hai thần túc. Sa-môn hiện hai thần túc, ta sẽ hiện bốn thần túc. Ông ấy

⁵¹ Cf. Pāli, D. 2 Sāmaññaphala (R. i. 52), thuyết vô nghiệp (akiriya) của Pūraṇa Kassapa.

hiện bốn, ta sẽ hiện tám. Ông ấy hiện [728a01] tám, ta sẽ hiện mười sáu. Ông ấy hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba mươi hai. Luôn luôn tăng gấp bội, chứ không bao giờ chịu khuất phục; đủ sức để thi đấu. Nếu ông ấy không chịu tranh luận với chúng ta, tức là lỗi của ông ấy. Nhân dân nghe rồi sẽ không cùng đường ông ta nữa. Chúng ta sẽ được cùng đường.”

Vào lúc đó, có Tỳ-kheo ni nghe đồn sáu Tông sư ngoại đạo tập hợp lại một chỗ bàn với nhau: ‘Sa-môn Cù-đàm không chịu tranh luận với người. Chúng ta đủ để đắc thắng.’ Khi ấy, Tỳ-kheo ni Thâu-lô-ni⁵² liền bay lên hư không hướng về sáu Tông sư kia mà nói bài kệ này:

*Thầy ta không ai bằng,
Tối tôn, không ai hơn;
Ta đệ tử vị ấy,
Tên là Thâu-lô-ni.*

*Nếu người có khả năng
Hãy tranh luận với ta.
Ta sẽ đáp từng việc;
Như sư tử bắt nai.*

*Ngoài Tôn sư tôi ra,
Không ai là Như Lai.
Nay Tỳ-kheo ni ta
Đủ hàng phục ngoại đạo.*

Sau khi Tỳ-kheo ni nói bài kệ này xong, sáu Tông sư còn không thể ngược lên nhìn nhan sắc, huống chi cùng tranh luận.

⁵² Thâu-lô-ni 輸盧尼, nghi dư chữ ni. Tức Tỳ-kheo ni Thâu-na được nói trong kinh 2 phẩm 5 trên. Có thể đồng nhất Pāli: Soṇā.

Tăng nhất A-hàm

Lúc ấy, nhân dân thành Tỳ-xá-ly từ xa trong thấy Tỳ-kheo ni ở trên hư không tranh luận với sáu Tông sư, nhưng sáu Tông sư không thể đáp; mọi người đều reo vui mừng rỡ vô cùng:

“Hôm nay, sáu Tông sư đã chịu khuất phục cô ấy.”

Nhóm sáu Tông sư rất sầu ưu, rời khỏi thành Tỳ-xá-ly mà đi, không vào thành nữa.

Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo nghe chuyện Tỳ-kheo ni Thâu-lô tranh luận thắng sáu Tông sư. Các vị ấy đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo ni Thâu-lô có thần túc lớn, có oai thần lớn, trí huệ, đa văn, Ta thường lúc nào cũng nghĩ như vậy: Không có ai lại có thể tranh luận với sáu Tông sư. Chỉ có Như Lai và Tỳ-kheo ni này.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy Tỳ-kheo ni nào có thể hàng phục ngoại đạo như Tỳ-kheo ni này không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa không, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Này các Tỳ-kheo! Tỳ-kheo ni đứng đầu trong các Thanh văn của Ta, có thể hàng phục ngoại đạo, chính là Tỳ-kheo ni Thâu-lô.”⁵³

⁵³ Xem kinh 2, phẩm 5: Tỳ-kheo ni Thâu-na. Lưu ý phiên âm tên người không thống nhất của bản Hán này.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 12

[728b01] Tôi* nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có sáu xúc xứ.⁵⁴ Những gì là sáu? Là các xứ như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó là sáu xứ. Phạm phu khi mắt thấy sắc liền khởi tâm đắm nhiễm không thể lìa bỏ. Do thấy sắc, rồi khởi nhiễm đắm, nên lưu chuyển sanh tử không có lúc nào thoát. Sáu tình cũng lại như vậy, khởi tương nhiễm đắm, ý không thể lìa bỏ, do đó lưu chuyển không có lúc nào thoát.

“Nếu đệ tử Hiền thánh của Thế Tôn, mắt thấy sắc rồi không khởi đắm trước, không có tâm ô nhiễm, tức có thể phân biệt mắt này là pháp vô thường, khổ, không, pháp chẳng phải thân.⁵⁵ Sáu tình cũng lại như vậy, không khởi tâm ô nhiễm, phân biệt sáu tình này là vô thường, khổ, không, pháp chẳng phải thân, phải tư duy điều này thời liền được hai quả: hoặc ở trong hiện pháp đắc A-na-hàm, hoặc A-la-hán. Giống như có người rất đói, muốn xay giã lúa, sàng sảy cho sạch sẽ để nấu ăn, trừ cơn đói khát. Đệ tử của Hiền thánh cũng lại như vậy, đối với sáu tình này tư duy về sự nhiễm ô, bất tịnh liền thành tựu đạo tịch, nhập vô dư Niết-bàn giới. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu

⁵⁴ Nguyên Hán: Tế hoạt cánh lạc nhập 細滑更樂入. Pāli:

phassāyatana.

⁵⁵ Phi thân 非身, tức vô ngã,

Tăng nhất A-hàm

phương tiện diệt sáu tình này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁵⁶

⁵⁶ Bản Hán, hết quyển 32.

■ TẶNG NHẤT A HÀM

Chịu trách nhiệm xuất bản: Quang Thắng

Biên tập nội dung: Xuân Lưu

Sửa bản in: Trung Hiếu

Bìa: Hạnh Viên

In 1.000 bản, khổ 14x20.5cm

tại Xi nghiệp in Fahasa

774 Trường Chinh, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

Số đăng ký kế hoạch xuất bản:

639-2011/CXB/13-260/PĐ

Cục xuất bản ký ngày 20 tháng 06 năm 2011

In xong và nộp lưu chiểu tháng 07 năm 2011

